

CỔ THƠ'M



Tranh: Vi Vi Võ Hùng Kiệt

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
SỐ ĐẶC BIỆT - XUÂN ẤT TÝ - THÁNG 1, 2025

CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

SỐ ĐẶC BIỆT - XUÂN ẤT TỴ - THÁNG 1, 2025

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

myhanhdotrang@gmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

<https://cothommagazine.com/wp>

TÒA SOẠN

105 WINDY KNOLL DR

ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA

ĐT: (804) - 387 - 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. NGUYỄN VĂN BÁ.

ĐỖ BÌNH. ĐIỂM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. TRƯỜNG ĐÌNH.

NGÔ TĂNG GIAO. QUANG HÀ.

VŨ HỒI*. PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LỆ*.

NGUYỄN PHÚ LONG*. TUỆ NGA.

PHẠM THỊ NHUNG. Ỡ NGUYỄN.

TRẦN BÍCH SAN*.

NGUYỄN VĂN THÀNH23.

VŨ VĂN TÂM.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY.

TRẦN C. TRÍ. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

DIỂM CHÂU: California USA

TIỂU THU: Canada

VŨ VĂN TÂM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



SỐ ĐẶC BIỆT - XUÂN ẤT TỶ - THÁNG 1, 2025

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

- 10 – MỪNG XUÂN ẤT TỶ - NGUYỄN QUÝ ĐẠI
Germany
- 24 - CỎ THƠM TRONG VĂN HÓA VIỆT – ÁU
LAN DƯƠNG NGHIỆP BẢO
- 61 – MẮT QUA CA ĐAO TỤC NGŨ - NGUYỄN
GIỤ HÙNG
- 87 – HÒI TƯỞNG... TRƯỚC TẾT NĂM 1975 –
NGÔ THỊ QUÝ LINH
- 175 – CHÉN RƯỢU ĐẦU XUÂN – LS NGÔ
TĂNG GIAO
- 305 – CHÀNG KEO KIỆT VỚI LỄ GIÁNG
SINH- PHẠM VĂN TUẤN
- 321 – TIẾNG VIỆT TẠI HẢI NGOẠI SAU 50
NĂM .. – PHANNỮ LAN
- 331 – ĐỀ ĐÁNH DẤU 50 NĂM XA QUÊ
HƯƠNG, THỬ NHÌN LẠI VIỆT KIỀU TẠI HOA
KỲ TRƯỚC 1975 VÀ NHỮNG NGÀY THÁNG
ĐẦU TỊ NẠN - TRƯƠNG ANH THỤY

VĂN

- 6 - VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
- 8 - NHỮNG LỜI CHÚC MỪNG – *Sưu tầm từ
internet*
- 34 – MÙA XUÂN VỪA ĐẾN - TRẦN C. TRÍ
- 40 – ĐÊM GIAO THỪA CỦA NHỮNG NGƯỜI
LÍNH MẮT NƯỚC – PHẠM THÀNH CHÂU
- 50 – HƯƠNG VỊ TẾT - NGUYỄN THỊ NGỌC
DUNG
- 68 – NHỮNG ĐIỀU KHÔNG BÌNH THƯỜNG –
NGUYỄN MÂY THU France
- 73 – QUÁN BIÊN THUY – TRẦN HOÀI THỤY
- 104 – DÒNG TÓC BÊN ĐỜI – ĐỖ BÌNH Paris
- 112 – KỶ NIỆM KHÔNG MỜ PHAI – TIỂU THU
Canada

- 117 – QUE SERA SERA – Ý ANH
- 121 – HÒI XUÂN – THỦY LÂM SYNH
- 125 – CÁI MẠNG CHE MẶT – (Trích dịch từ
BY THE SABARMATI của ESTHER DAVID) -
LÊ TRẦN (LÊ MỸ NHAN)
- 129 – BÁO XUÂN - VŨU VĂN TÂM Germany
- 132 – MÙI TẾT – ĐOÀN QUỐC BẢO
- 137 – CHUYỆN CỔ TÍCH TRÊN BẾN BÌNH
ĐÔNG – NGUYỄN MINH NỮU
- 144 – TRAO NHAU MÙA XUÂN – TT- THÁI AN
- 152 – CÀ PHÊ CÒN NHỎ GIỌT – NGUYỄN
PHÚ LONG
- 162 – THOÁNG GIÁC MƠ QUA – TÂM CHI
- 166 – MÙA XUÂN NÀY NẮNG LÊN – MINH
THÚY THÀNH NỘI
- 182 – CỨ MỠI LẦN XUÂN – NHẤT PHƯƠNG
- 187– ĂN TẾT Ở MỸ – NGUYỄN THỊ THANH
DƯƠNG
- 200 – ẢNH MẮT MÙA XUÂN - NGUYỄN VĂN
SÂM
- 208– TUỔI HẠC CÒN XANH - DIỄM CHÂU
CÁT ĐƠN SA
- 220 – NHỮNG TẾT THA HƯƠNG - LINH BẢO
- 234 – CÂU CHUYỆN VỀ TUỔI TỶ– Ý NGUYỄN
- 239 – ĐÀ LẠT VÀ MÙA XUÂN – ĐẠI BÀNG
(TRẦN ĐẠI BẢN)
- 242 – NỤ HOA VÀNG MÙA XUÂN – CAO MỸ
NHÂN
- 245 – SÀI GÒN ĐÊM BA MƯƠI TẾT – HOÀNG
HÁI THUY
- 256 – NGÀY TẾT NHỚ ANH – HỒNG THỦY
- 260 – ĐI TÌM HƠI ẨM ĐỒNG HƯƠNG – TRÂM
CÀ MAU
- 272 – CÁNH THIỆP ĐẦU XUÂN - VÕ HỒNG
- 280 – NGÔN NGỮ THƠ LÀ CÁI QUÁI GÌ VẬY?
– LÊ HỮU

285/286 – 3 TẬP CHÍ TUỔI NGỌC, THIẾU NHI
VÀ TUỔI HOA – XUẤT BẢN ĐẦU NĂM 1975 –
Sưu tầm từ internet
288 – NGƯỜI ƯƠM MẦM XUÂN – PHƯƠNG
HOA
301 – TUYẾT ĐẦU MÙA GỢI NHỚ – NGỌC
HANH
313 – PHÒNG VẤN GS NGUYỄN NGỌC BÍCH
VỀ CUỐN SÁCH “TẾT” – BÁO ĐẠI CHÚNG
316 – NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN – TRẦN
QUỐC DŨNG

THƠ

23 – KHAI BÚT TÂN NIÊN ẤT TỶ / THƠ
ĐƯỜNG LUẬT ĐẸP 4 MÙA – PHƯƠNG HOA
29 – NGỌN NGUỒN LỤC BÁT / QUANG HÀ &
GITHÉA HOÀNG HY
33 – VẪN VỢ HOÀI TƯỜNG - HẠ THÁI TRẦN
QUỐC PHIỆT
39 – CHÚC TẾT – TRẦN C TRÍ
46 – 50 NĂM – TRƯỜNG ĐÌNH United
Kingdom
47 – VỀ THẮM – HOÀNG SONG LIÊM
48 – ĐÓN CHÀO XUÂN ẤT TỶ – PHAN KHÂM
49 – MÙA XUÂN NÚI QUẾ/ CHÀO XUÂN - LÝ
HIẾU / THƯƠNG TIẾC XUÂN – MINH GIANG
59 – TẾT CON RẪN / SÁCH BÁO CHỢ TẾT –
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
60 – VỀ QUÊ LỄ TẾT – ĐÔNG THANH
NGUYỄN QUANG CHẤT
67 – LỤC BÁT TÌNH XUÂN – PHAN KHÂM
72 – ĐÓN XUÂN – NGUYỄN MÂY THU France
83 – BÀI THƠ KHÔNG TÊN 17,18 – UYÊN
THAO
84 – 50 MÙA XUÂN VIỄN XỨ / CHIỀU CUỐI
NĂM - NGÔ VĂN GIAI
85 – THÙY TIÊN KIỆU NỮ / FÉE THÙY TIÊN -
NGUYỄN LÂN & DIỄM HOA
109/300 – XUÂN MƠ / ĐÓN MỪNG XUÂN
Tươi/ MÙA XUÂN HẢI ĐẢO – THÁI HƯNG
PGH

110/287 – MÙA XUÂN THẮM GIÀN HOA
THIÊN LÝ/ EM VIỆT NAM - TUỆ NGÀ
111 – THƠ CƯỜI, SOI BÓNG CHÂN NHƯ /
MAI HỒNG - VƯƠNG THANH
151 – BÊN EM CHIỀU MƠ – ĐỖ BÌNH Paris
165 – XUÂN CHIỀU LẠC PHỐ – TUỆ NGÀ /
XUÂN VIỄN XỨ – TÂM MINH NGÔ TĂNG
GIAO
171 – VẪN CÒN MÙA XUÂN / MONG ƯỚC
XUÂN ẤT TỶ – MINH THÚY THÀNH NÔI
172 – NGẬM NGÙI NƯỚC NON / NGƯỜI LÍNH
KHÔNG CÒN TUỔI - HOA VẪN
173/174 – TẠ ƠN BIỂN MẸ/SÀU RIÊNG –
TRẦN QUỐC BẢO Virginia
180 – 50 XUÂN MÁT NƯỚC / BÀI THƠ XUÂN
MỚI – ĐĂNG NGUYỄN
181 – BÔNG SỨ PHÒNG VẪN – QUYÊN DI /
PLUMERIA FOR THE STUDY – Translation:
THANH THANH
186 – MÙA XUÂN – NHẤT PHƯƠNG / THẮNG
CHẠP – CAO NGUYỄN
191 – ĐI CHỢ TẾT – NGUYỄN THỊ THANH
DƯƠNG
192 – MÙA XUÂN ẤY / NGÀY XUÂN THƠ ẤU
– NHƯ LIÊN
195/196 – ALLE PORTE DEL SOLE/ TRƯỚC
CẢNH CÔNG MẶT TRỜI – Phóng tác: MÙI
QUÝ BÔNG
197 – NHỮNG VẪN THƠ CỦA CAO MỸ NHÂN
204 – HOA ĐÀO NĂM NGOÀI – NGUYỄN PHÚ
LONG
205 – TRÊN BIỂN – NGUYỄN XUÂN THƯỜNG
216 – XUÂN VỀ, NHỚ QUÊ HƯƠNG / LỜI RU
CỦA MÙA XUÂN – TUỆ TRUNG
219 – QUÊ NHÀ – MINH ĐỨC HOÀI TRINH
232 – CHÚC XUÂN NĂM MỚI – PHAN TRINH
238 – GỬI HÒN THEO SÁCH – VI KHUÊ
254 – XUÂN VỀ NHỚ MẸ – Ỡ NGUYỄN
255 – XUÂN VỀ ĐẤT KHÁCH – THÙY LÂM
SYNH
270 – NGÀY XUÂN HOA LÁ – Y THI

271 – MAI, TUYẾT VÀ MÙA ĐÔNG – NGUYỄN
VÕ CÙNG / LỤC BÁT NGÀY XUÂN – BÙI
THANH TIÊN

278 – ANH VỀ ĐÂY – TRẦN KIÊM ĐOÀN /
HERE I HAVE COME BACK - Chuyển ngữ:
THANH THANH

284 – TẾT LY HƯƠNG – HOÀNG TRÙNG
DƯƠNG

312 – MÙI NĂM TRỞ VỀ – NGUYỄN ĐÌNH
TỪ LAM

NHẠC

9 – NHẠC XUÂN CHỌN LỘC

45 - TÌNH CÔ HƯƠNG – NGUYỄN VĂN ĐÔNG

101 - SÀI GÒN ƠI, NGÀY NÀO ANH SẼ VỀ -
LẠI QUỐC HÙNG

124 – LẠI MỘT THÁNG TƯ ĐEN - Thơ:

HOÀNG SONG LIÊM – Nhạc: ANH BẰNG

207/299 - MAI EM ĐI / CALI MÙA XUÂN HOA
ĐÀO NỞ - TRẦN CHÍ PHÚC

217 - XUÂN VẴN THA HƯƠNG – Lời: MINH
ĐỨC HOÀI TRINH ; Nhạc: VÕ TÁ HÂN

244 – ANH CHO EM MÙA XUÂN – Lời: KIM
TUẤN; Nhạc: NGUYỄN HIỀN

255 – NHỮNG MÙA XUÂN THA HƯƠNG –
THÙY LÂM SYNH

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

1/356 - BÌA TRƯỚC & SAU: Tranh: VI VI VÕ
HÙNG KIỆT

7 – THA HƯƠNG – Thơ & thư họa: VŨ HỒI

103 – ÔI VIỆT SỬ! - Thơ: VŨ HOÀNG
CHƯƠNG – Thư họa: VŨ HỒI

124 – LẠI MỘT THÁNG TƯ ĐEN - Thơ:
HOÀNG SONG LIÊM – Thư họa: VŨ HỒI

159 – ĐÊM GIAO THỪA Ở HỒ HOÀN KIẾM –
Ảnh: VŨ CÔNG HIỀN

193/194 – SUỐI TÓC MÙA XUÂN / XUÂN
HỒNG – Tranh: MÙI QUÝ BÔNG

199 – NHẤT CHI MAI – Tranh: KHÁNH
TRƯỜNG; thơ: Thiền sư MẮN GIÁC

215 – VẴN HOÀI BÊN NHAU – Tranh: CÁT
ĐƠN SA

232 – Thơ & Thư Pháp: QUANG HÀ

233 – SEN HỒNG NỞ HOA – Tranh: VŨ
QUỐC; Thơ: PHAN KHÂM

238/ 298 – HUYỀN SƯ RỒNG TIÊN / CHỢ TẾT
ĐẦU LÀNG – Tranh: THANH TRÍ



VÀI LỜI CHÂN TÌNH

**Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,**

Đặc san Cỏ Thơm Xuân Ất Tỵ được thực hiện từ đề nghị và khuyến khích của một số văn thi hữu trong mùa Lễ cuối năm 2024. Lý do chính là vì Tết năm nay vào cuối tháng 1 dương lịch mà tạp chí báo in Cỏ Thơm số 107 sẽ không phát hành cho đến đầu tháng 3!

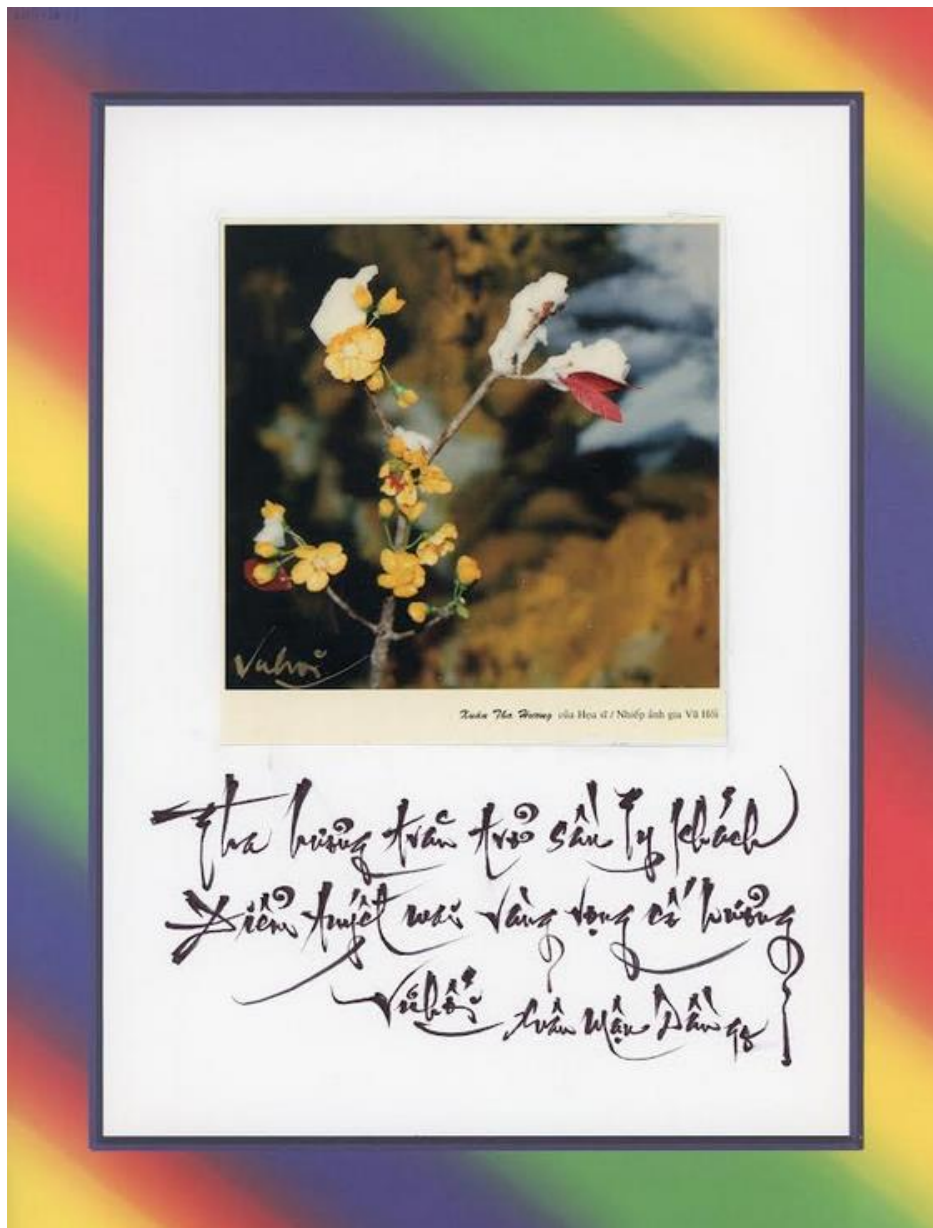
Đặc san này ngoài những bài về văn học nghệ thuật như thường lệ, cũng đặc biệt kỷ niệm 50 năm xa xứ kể từ biến cố đau thương 30 tháng 4, 1975. Mời quý vị xem nhiều bài viết nghiêng về nhớ quê hương, nhớ người thân yêu không còn trên thế gian khi Tết đến, nhớ đến Tết thật buồn năm Ất Mão 1975, nhớ những Tết cơ cực sau 1975 ở quê nhà, nhớ làn sóng người Việt rời quê hương bằng mọi giá đến tị nạn tại nhiều quốc gia trên thế giới, nhớ những vận động để vượt và nhận thêm thuyền nhân, nhớ kỷ niệm vui buồn những năm đầu tiên trên xứ người và nỗ lực để duy trì tiếng Việt/phổ biến văn hóa cho thế hệ trẻ sinh trưởng ở hải ngoại của Cộng Đồng người Việt khắp nơi...

Cảm ơn các tác giả đã cố gắng gửi bài trong thời gian kỷ lục! Cảm ơn tất cả quý văn thi hữu, độc giả và thân hữu luôn ưu ái ủng hộ việc làm vô vụ lợi của Cothom Foundation và giới thiệu Cỏ Thơm đến bạn bè. Hy vọng đặc san này là một món quà tinh thần quý vị gửi tặng thân hữu khắp nơi nhân dịp Tết sắp đến.

**THÂN CHÚC QUÝ VỊ MỘT NĂM MỚI 2025/ẤT TỴ NHIỀU MAY MẮN, AN VUI,
NHIỀU SỨC KHỎE VÀ CŨNG ƯỚC MONG HÒA BÌNH ĐẾN VỚI CÁC QUỐC GIA
ĐANG CÓ CHIẾN TRANH.**



PHAN ANH DŨNG - Rockville, Maryland USA – 13 tháng 1, 2025



Thơ, tranh, thư họa: **VŨ HỐI**

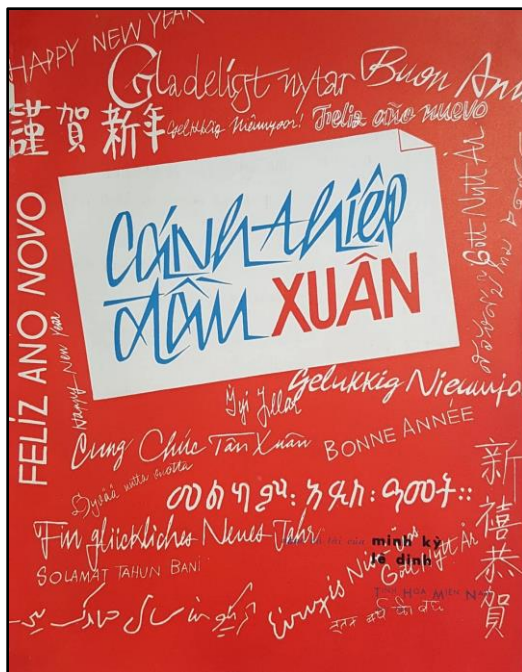
NHỮNG LỜI CHÚC MỪNG... (SƯU TẦM TỪ INTERNET)

- Kính chúc mọi người một năm mới tràn đầy niềm vui và hạnh phúc. Chúc bạn 4 chữ vàng để sống: Sống cho lẽ phải, sống cho chân thật, sống biết kiên nhẫn, sống bằng lương tâm.
- Mùa Xuân này có nhiều người hỏi thăm và muốn ghé đến nhà bạn. Họ tên là Hạnh phúc, May mắn và Thịnh Vượng. Hãy mở cửa đón chào họ nhé!
- Sang năm mới chúc mọi người có một bầu trời sức khỏe, một biển cả tình thương, một đại dương tình cảm, một điệp khúc tình yêu, một người yêu chung thủy, một tình bạn mênh mông, một gia đình thịnh vượng.



Chúc năm mới 2025:

- Vừa đủ HẠNH PHÚC để giữ tâm hồn bạn được ngọt ngào.
- Vừa đủ THỬ THÁCH để giữ bạn luôn kiên nhẫn.
- Vừa đủ HY VỌNG để cho bạn được hạnh phúc.
- Vừa đủ THẤT BẠI để bạn mãi khiêm nhường.
- Vừa đủ THÀNH CÔNG để giữ bạn mãi nhiệt tâm.
- Vừa đủ BẠN BÈ để bạn được an ủi.
- Vừa đủ VẬT CHẤT để đáp ứng các nhu cầu vật chất của bạn.
- Vừa đủ NHỊỆT TÌNH để bạn cho đời thêm hân hoan.
- Vừa đủ NIỀM TIN để xua tan những thất vọng.



MỜI NGHE MỘT SỐ NHẠC XUÂN (bấm vào tên bản nhạc):

- CÁNH THIỆP ĐẦU XUÂN (Minh Kỳ & Lê Dinh) – Hoàng Oanh**
- ANH CHO EM MÙA XUÂN (Nhạc: Nguyễn Hiền; lời: Kim Tuấn) – Hợp ca**
- NHỚ MỘT CHIỀU XUÂN (Nguyễn Văn Đông) – Anh Khoa**
- HOA XUÂN (Phạm Duy) – Hà Thanh**
- XUÂN MIỀN NAM (Văn Phụng) – Hợp Ca**
- MÙA XUÂN TRÊN ĐÌNH YÊN BÌNH (Tùng Công Phụng) - Tùng Công Phụng**
- XUÂN THA HƯƠNG (Phạm Đình Chương) – Tâm Hào**
- EM ĐÃ THẤY MÙA XUÂN CHƯA? (Quốc Dũng) - Lân Nhã**
- XUÂN VÀ TUỔI TRẺ (Nhạc: La Hối; lời: Thế Lữ) – Diễm Liên**
- TÌNH KHÚC MÙA XUÂN (Ngô Thụy Miên) – Nhật Trung**
- MÙA XUÂN SAO CHƯA VỀ HỜI EM? (Trường Sa) – Tuấn Ngọc**
- MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN (Tuấn Khanh) – Như Quỳnh & Thế Sơn**
- GIÓ MÙA XUÂN TỚI (Hoàng Trọng) – Hồ Lệ Thu & Bảo Hân**
- KHÚC NHẠC NGÀY XUÂN (Nhật Bằng) – Nhật Hà**
- NHỚ XUÂN XƯA (Nguyễn Túc) – Hoàng Cung Fa**
- XUÂN NÀY CON KHÔNG VỀ (Trịnh Lâm Ngân) – Thương Linh**

MỪNG XUÂN ẤT TỴ

** Nguyễn Quý Đại Germany **



Theo phong tục tập quán từ ngàn xưa hằng năm mỗi độ xuân về người Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới đều chuẩn bị đón Tết cổ truyền để con cháu biết cội nguồn dân tộc và cũng là dịp Cộng Đồng Người Việt Tị Nạn CS, Hội Đồng Hương, Hội Đoàn... sinh hoạt văn nghệ vui xuân giúp giới trẻ thuộc thế hệ thứ con cháu sinh ở hải ngoại hiểu biết thêm về lịch sử, phong tục, tập quán, văn hóa và cội nguồn dân tộc. Thế hệ chúng ta gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm, tâm tình, ôn lại những kỷ niệm tha hương vui buồn trên những chặng đường lịch sử đã trải qua gặp nhau hàn huyên tâm sự "ôn cố tri tân". Để bảo tồn Văn hóa, Văn học Việt Nam hải ngoại từ trước tháng chạp các Hội Đoàn kêu gọi đồng hương đóng góp bài cho Đặc san, Nguyệt San, Báo xuân 2025.

Năm 2025 là năm Ất Tỵ, mừng Một Tết là ngày 29/01, năm dương lịch 2025 có 365 ngày, nhưng âm lịch có tháng nhuận vào tháng 6 âm lịch là 383 ngày. Theo cách tính lịch Can - Chi (Thập can gồm Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Theo Thập Nhị Chi là 12 con giáp người Việt chọn các con vật gần gũi với con người đã thuần dưỡng: Tỵ, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, được chia làm 6 nhóm là 6 cặp (lục hợp)

Nhóm thứ 1: Tỵ - Sửu (Chuột - Trâu);

nhóm thứ 2: Dần - Mão (Hổ - Mèo)

Nhóm thứ 3: Thìn - Tỵ (Rồng - Rắn);

nhóm thứ 4: Ngọ - Mùi (Ngựa - Dê)

Nhóm thứ 5: Thân - Dậu (Khỉ - Gà);

nhóm thứ 6: Tuất - Hợi (Chó - Heo)

Năm Ất Tỵ chỉ xuất hiện một lần sau 60 năm (Lục thập Hoa Giáp). Năm 2025 Ất Tỵ (từ: 29/01/2025 đến 16/02/ 2026); cho đến 60 năm sau Ất Tỵ 2085 (từ: 26 /01/ 2085 đến 13 /02/ 2086).

Tết âm lịch thì Chùa in lịch có cả ngày âm, ngày dương, vì theo đạo Phật ăn chay vào những ngày âm lịch trong tháng như ngày rằm, mồng một...Trong dân gian còn một số người tin ngày tốt xấu để chọn ngày cưới hỏi, khai trương... Chúng tôi không luận bàn đến tử vi, ngày tốt

xấu mà sưu tầm tài liệu về ý nghĩa của năm mới theo con giáp góp vui với bạn đọc. Nói về con rắn thì ai cũng biết trong đời sống ngày xưa ở quê nhà. Những thành phố lớn như Âu châu rắn chỉ thấy trong sở thú mà thôi. Nhưng qua sách vở, phim ảnh, những câu chuyện lịch sử không thiếu hình ảnh con rắn.

Rắn và con người



Từ thời tiền sử loài rắn sinh ra gắn liền với đời sống con người. Theo sách Khải Huyền trong Kinh Thánh thì Adam và Eva là người Nam, Nữ đầu tiên thủy tổ loài người do Chúa trời tạo ra ở Vườn Địa Đàng và dạy rằng: *"Hết mọi cây trong vườn chúng con có quyền ăn, trừ cây biết lành biết dữ ở giữa vườn, nếu ăn vào chúng con sẽ chết."* là cây Đời Sống

(Tree of Life). Con rắn *"quỷ quyết hơn mọi con thú trên cánh đồng."* gian ngoan cám dỗ Eva rằng: *"Ăn trái đó không chết đâu, trái lại mắt bà sẽ mở ra và trở nên giống như Chúa."* Eva không cưỡng lại được sự cám dỗ đã hái rồi đưa cho Adam cùng ăn. Lập tức mắt họ mở ra và thấy mình trần truồng, và họ bị trục xuất khỏi Vườn Địa Đàng xuống thế gian. Thiên Chúa xót xa khi nhìn con cái mình đi vào

con đường tội lỗi và đau khổ, *"Thiên Chúa làm cho Adam và Eva những chiếc áo bằng da và mặc cho họ"* (St 3,21), và tìm mọi cách ngăn chặn tội ác để giúp con người khỏi khổ đau, câu chuyện Adam và Eva là nền tảng của học thuyết Thiên chúa giáo: *"Tội lỗi đến với thế giới qua con người và chết qua tội lỗi, và vì*

thế cái chết xảy đến với tất cả loài người bởi con người là tội lỗi." Chúa cũng trừng phạt con rắn *"phải đi bằng bụng, và phải ăn bụi trong suốt những ngày của cuộc đời rắn"*. Bởi vậy rắn được coi là tượng trưng cho tội ác và hiểm độc, thù dai, rắn cũng là biểu hiệu cho Satan. Hình tượng con rắn trong dân gian thường tượng trưng cho hạng người xấu, tiểu nhân,

giả dối cần phải tránh xa như: “*hang hùm ngọc rắn*“, hay hạng người như “*Sư hổ mang*“, “*khẩu Phật tâm xà*“ là lời như của Phật nhưng tâm là của quỷ, hay “*đánh rắn phải đập đầu*“ vì để sống nó sẽ trả thù.

Theo truyền thuyết, rắn là sinh vật được nhiều quốc gia trên thế giới sùng kính coi rắn như là thần linh dưới nhiều hình thức khác nhau, là một hình tượng tín ngưỡng vô cùng phức tạp. Nhiều huyền thoại hấp dẫn như rắn sống lâu năm sẽ biến thành nàng tiên đẹp kiều diễm... rắn cho ngọc quý. Một số bộ tộc Phi châu, Úc châu, Á châu... còn tục thờ cúng rắn, họ cho rằng rắn có khả năng thay da, sống trường sinh bất lão. Cổ tích Việt nam cũng nhắc đến sự trường sinh của rắn qua câu chuyện “*rắn già rắn lột da sống đời*“. (các nhà Sinh vật học nghiên cứu rắn có thể sống tới 50 năm), ở Việt Nam ngày nay nhiều nơi còn mê tín dị đoan thờ lạy rắn.



Người Ai Cập thời xa xưa cho rằng rắn là thần hộ mạng tượng trưng cho sự khôn ngoan, thiêng liêng cho nguồn năng

lượng và sự sáng tạo, sự tái sinh, bất tử, vĩnh cửu cho các vị vua chúa. Còn lại dấu tích hàng nghìn năm về

trước, trên các vương miện của các vua Ai Cập đều có chạm hình rắn bằng vàng hay bằng ngọc còn lưu giữ trong các viện bảo tàng.



Hình những con rắn trên tường đá

Trong chuyến du lịch Ai cập tôi chụp hình trên bức tường cao của đền thờ ở kim tự tháp bậc thang Djoser xây dựng từ năm 2650 trước công nguyên, còn những con Cobra, cũng như đền thờ thần Horus ở Edfu trên cổng có hình hai con rắn.



Chùa ở Campuchia có hình một con rắn chín đầu gọi là thần rắn Naga. Nhìn chung theo các tài liệu thì rắn làm ảnh hưởng đời sống văn hóa của nhân loại bằng nhiều hình thức

và sự biểu hiện khác nhau. Nó mang những ý nghĩa biểu tượng nhất định cho văn hóa, tín ngưỡng, tập tục, lối sống theo bản sắc của một dân tộc.

Đời sống rắn trong thiên nhiên

Theo tác phẩm “Tiere und Lebensräume”: hiện nay trên thế giới có hơn 2600 loại rắn. Trải qua quá trình thay đổi của thiên nhiên, một số loài rắn có những đặc tính riêng biệt, rắn có chiều dài ngắn, lớn nhỏ khác nhau nhưng có đặc điểm chung là có thể cuộn tròn. Số đốt xương sống và xương sườn của loài rắn có khoảng 160 tới hơn 400 đốt. Rắn là một loài động vật máu lạnh, bò sát, cùng lớp với thằn lằn, tắc kè nhưng rắn không có chân mà di chuyển bằng cách trườn bò. Loài rắn thuộc chi Caenophidia, số vảy bụng và hàng vảy lưng của nó tương ứng với số đốt xương sống. Một số rắn đặc biệt có khả năng lướt nhanh, hầu hết là thuộc chi Chrysopelea nhờ cấu trúc khớp xương lưng của rắn mềm mại và dẻo dai, di chuyển trên cây rắn có thể “bay” hơn 15 mét để sang cây khác, nhờ cách uốn mình trong không khí.

Rắn có những loại có nọc độc và không có nọc độc. Những con rắn độc sử dụng nước bọt, nọc độc tiết qua những chiếc răng, nọc độc từ miệng rắn có thể làm tê liệt và giết chết con mồi. Nọc độc là độc tố tác hại qua đường máu đến thần kinh.

Có đến 450 loài rắn độc trên thế giới, trong đó có 250 loài có nọc độc giết người. Toàn thân rắn được bao bọc lớp da có vảy cứng không tăng trưởng tương ứng theo sự trưởng thành của thân thể rắn, bởi vậy mỗi năm rắn phải lột da để lớn theo chu kỳ và loại bỏ ký sinh trùng. Phần nhỏ ở cuối đuôi rắn không thể thay đổi nên khi rắn lớn lên làm thắt chặt, thì rắn tự cắt đứt đường máu đưa tới khúc đuôi và từ từ nó sẽ rụng đi. Da rắn có vảy như cái chân để trườn bò khi di chuyển, thân dài và nhỏ của nó uốn thành hình chữ S. Khi bò các vảy trườn theo lồi ra và rắn dùng đầu nhọn của các chiếc vảy để trèo lên những đám cỏ hoặc mô đất gồ ghề.

Thông thường rắn ăn thịt những loài chuột, ếch, nhái, chim... nhưng rắn lục chỉ ăn sâu bọ, loài rắn hổ Kobra thường ăn đồng loại. Xương hàm dưới của rắn rất linh động, hai hàm của nó không gắn liền cố định mà được nối thẳng vào sọ, cho phép chúng mở rộng miệng để nuốt trọn con mồi dù cho con mồi có lớn hơn nhiều so với đường kính thân rắn, nhờ có hệ xương hàm nhiều khớp và dây chằng đàn hồi nên rắn có thể há miệng rất to. Rắn nuốt sống con mồi nén xương sống lại giống như chiếc đàn xếp để con mồi trôi xuống.

Mi mắt rắn trong suốt và thường xuyên đóng kín, được gọi là vảy mắt. Loài rắn không có vành ngoài tai, cho nên thính giác của chúng tương đối

kém. vì mắt của chúng sinh ra ở hai bên đầu, nên nhìn cũng bị hạn chế, thính giác và thị giác có khuyết điểm thì khứu giác của chúng trở thành cơ quan cảm giác quan trọng nhất. Khứu giác của loài rắn do khu cảm giác ở phần dưới miệng và khoang mũi hợp thành.

Khi bò, rắn dùng cái lưỡi có chẻ nhánh của mình thò ra thụt vào để kiểm mồi. Ngoài ra có một số loài rắn còn phát triển một số cơ quan cảm giác đặc biệt, chẳng hạn như có nhiều loài rắn có những lỗ nhỏ nằm giữa mắt và lỗ mũi, những lỗ nhỏ ấy rất nhạy cảm. Đó là cơ quan cảm nhiệt của rắn. Trong những lỗ nhỏ ấy có một lớp màng mỏng nối liền với thần kinh ở bộ óc rất nhạy với nhiệt độ phát ra từ các loài động vật có máu nóng. Dù rắn mù mắt hay chúng đang ở trong bóng tối nó cũng có thể phát hiện ra những con mồi ở cách xa khoảng nửa mét. Những cơ quan cảm giác nhạy cảm này đối với loài rắn là điều kiện quan trọng để sinh tồn. Ngoài tác dụng dùng để săn mồi và tránh kẻ thù, là phương tiện con đực tìm con cái giao phối. Rắn không thể điều chỉnh sinh lý như các loài động vật máu nóng như loài có vú và chim, dù nhiệt độ bên ngoài thay đổi rắn vẫn giữ nhiệt độ trong cơ thể. Những vùng khí hậu lạnh như Châu Âu loài rắn phải ngủ trong hang suốt mùa đông như con gấu, khí hậu miền nhiệt đới thích hợp cho các loài rắn sinh sống, ở Việt Nam có đầy đủ các

loại. Rắn có đủ các màu sắc, sinh sống ở hầu hết các môi trường trong thiên nhiên. Từ trên núi cao đến sông sâu biển rộng, từ sa mạc nóng cháy đến rừng rậm, trên cây hay dưới đất, dù không có chân nhưng bò rất nhanh mà không gây ra tiếng động. Rắn có thể di chuyển nhiều tư thế bò ngang, thẳng, nửa dưới đất nửa thẳng đứng... Phần lớn rắn đẻ trứng và rời bỏ trứng của chúng sau khi đẻ; tuy nhiên một số loài giữ trứng trong cơ thể đến khi trứng nở. Gần đây khoa học xác định được một số loài rắn đẻ con là một điều khác thường trong giới bò sát. Mỗi năm rắn hổ mang chỉ giao hợp một lần với thời gian từ 20-34 giờ, từ tháng 4 hay tháng 5 và đẻ trứng tháng 6 và tháng 7 mỗi con đẻ 6-7 trứng, riêng rắn chúa đẻ 20-30 trứng, thời gian nở con từ 50-57 ngày, rắn mới nở có thể cắn chết người.

Các loài rắn lớn trong họ Boidae là rắn gồm có: rắn cộc, rắn đất, rắn gấm, rắn gió v.v. loài rắn săn các động vật máu nóng bằng cách cắn, ngậm con mồi và dùng thân mình quấn con mồi cho đến chết rồi nuốt vào từ từ. Răng rắn cong vào trong nhưng nhờ cấu tạo của xương hàm mở rộng nên có thể nuốt được những con mồi lớn. Rắn có hai phân họ lớn: Boinae và Erycinae. Các loài rắn lớn (mãng xà) thuộc họ Pythonidae. Ban ngày ngủ ban đêm đi kiếm ăn, thích nơi ẩm áp để ngủ

qua mùa đông. Các mùa khác trần kiếm ăn và sinh sản. Trần là loài ưa môi trường nước, do đó di chuyển dưới nước rất nhanh, chậm chạp trên cạn. Là loài bò sát khổng lồ, nên thức ăn là những con thú to lớn như heo rừng, nai, hươu, báo, bò, trâu rừng loại nhỏ chúng cũng quần chết và nuốt chửng, loài trần mất lưới Đông Nam Á, được coi là họ trần lớn nhất thế giới bò sát, chiều dài 15m, thân to (đường kính) tới 85cm và nặng 447kg. Hiện nay ở Việt Nam trên Thất sơn, rừng U Minh người ta còn phát hiện nhiều loài trần lớn, thường bị thợ rừng săn bắt. Theo luật của tạo hóa có sinh có diệt, nên rắn cũng bị loại chồn cũng như những con rết lớn ăn thịt, rắn con mới sinh thì bị con chim bìm bịp ăn (phim tài liệu trên Tivi).

Truyền thuyết rắn báo oán

Một hôm cha của Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh cho học trò phát cỏ trong vườn để làm chỗ dạy học. Đến đêm, ông nằm mơ thấy một người đàn bà dẫn bày con đại tới xin thư thả ít hôm, vì bận con mọn nên chưa kịp dọn nhà. Đến khi học trò của ông phát cỏ, đập chết một bày rắn con, lúc đó ông mới hiểu ra ý nghĩa giấc mơ... Đêm đó lúc ông đọc sách thì có con rắn bò trên xà nhà nhỏ một giọt máu thấm vào chữ "tộc-họ" qua ba lớp giấy, ứng với việc gia tộc ông sẽ bị hại đến ba họ. Ngày sau

con rắn mẹ hóa ra bà Nguyễn Thị Lộ để làm hại ba đời nhà ông. Đến đời Nguyễn, trong Lịch triều hiến chương loại chí lại có thêm chi tiết: Con rắn thành tinh ngầm mang thù oán, mới đầu thai thành Thị Lộ.

Những năm Ty trong lịch sử, dân tộc Việt đã đoàn kết đứng lên đánh đuổi quân xâm lăng giành lại độc lập, mở mang bờ cõi về phương Nam, chiến tranh với Chiêm Thành, Xiêm La (Thailand)... trải qua rất nhiều biến cố oai hùng của quân dân Đại Việt, nhưng tôi trích dẫn ba năm Ty (1077;1305;1785) được nhắc đến trong thi ca:

Năm Đinh Ty (1077) Nhà Tống cử đạo quân hùng hậu tiến vào nước ta. Quân dân Đại Việt, dưới sự chỉ huy của tướng quân Lý Thường Kiệt lập phòng tuyến sông Cầu ngăn bước tiến của kẻ thù. Ngày 18/1/1077, trên sông Như Nguyệt có phòng tuyến của quân ta, tướng Lý Thường Kiệt sáng tác bốn câu thơ còn lưu truyền đến ngày nay:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

Ất Ty (1305): "Đại Việt mở cõi về Nam. Huyền Trân công chúa bà hoàng nước Chiêm". Thượng hoàng Trần Nhân Tông viếng thăm Chiêm Thành năm 1301 với mục đích giữ giao thương hòa bình với Chiêm

Thành, ngài đã hứa gả Huyền Trân công chúa cho quốc vương Chế Mân (Jaya Shihavarman III). Năm 1305, sứ bộ Champa đã đến kinh đô Đại Việt xin đính hôn. Sứ bộ đã dâng sinh lễ cưới là hai châu Ô, Lý. Vua Trần Anh Tông đã thực hiện lời hứa của Thượng hoàng, và công chúa Huyền Trân đã hy sinh tình riêng, vì dân tộc chấp nhận kết hôn cùng với vua Chế Mân và trở thành Hoàng hậu Paramesvari, nhờ có cuộc hôn phối này mà tình giao hảo giữa hai nước được tốt đẹp.

Năm 1307, vua Chế Mân qua đời, theo tục lệ của đất nước Chiêm Thành, hoàng hậu phải lên giàn hỏa thiêu để tuần tang theo chồng. Vua Trần Anh Tông biết được tin liền sai tướng Trần Khắc Chung vờ sang viếng để cứu công chúa trở về. Tháng 8 năm Mậu Thân (1308) sau khi về đến đất Thăng Long, Huyền Trân công chúa xuất gia tu hành. Tương truyền Huyền Trân công chúa đến làng Hồ Sơn, huyện Thiên Bản (nay thuộc tỉnh Nam Định) lập am tranh tu tập và viên tịch tại đây, niên hiệu Khải Định năm thứ 9 (1925): sắc phong

*Đẹp được Lao lấy đầu đầu,
Chiêm Thành tiến phụng về châu quốc gia.
Thiên hạ vầy nên một nhà,
Thông đường buôn bán gần xa đi về.*

Mở mang bờ cõi về phương Nam cho đến ngày nay người dân Việt không quên hai nàng Công Chúa của nhà Trần là: Huyền Trân Công Chúa và nhà Nguyễn là: công nữ Ngọc Vạn. (Năm 1620, được Chúa Nguyễn gả cho vua Chân Lạp Chey Chetta II, trở thành vương hậu của nước Chân Lạp).

Ất Ty (1785): "*Rạch Gầm, Xoài Mút ghi danh. Sáng gương Nguyễn Huệ, tan tành thuyền Xiêm*". Ca dao gợi nhắc lại sự kiện lịch sử vẻ vang, trận chiến Rạch Gầm - Xoài Mút tại Châu Thành, Tiền Giang (trước năm 1976 là tỉnh Mỹ Tho) trở thành di tích lịch sử còn mãi với thời gian, âm vang những trang sử hào hùng của dân tộc.

*Bàn gie đóm đậu sáng ngời,
Rạch Gầm - Xoài Mút muôn đời oai linh!*

Rắn trong thi ca

Mỗi lần xuân về chúng ta nhớ lại chiến thắng mùa xuân Kỷ Dậu 1789 vua Quang Trung đánh bại quân Thanh, bởi vì vua Lê Chiêu Thống - vị vua thứ 16 và cuối cùng của nhà Lê Trung Hưng (trị vì 1786-1789) - sang cầu viện nhà Thanh đem quân sang giúp với hy vọng trở lại ngôi vàng. Nghe tin báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22. 12. 1788) Bắc Bình vương Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà. Vì lý do vua Lê đã bỏ

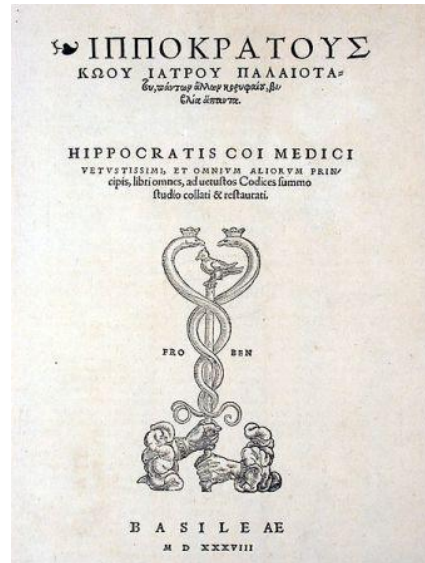
nước và rước giặc về, để có danh nghĩa chính thống, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung. Chỉ 6 ngày kể từ đêm 30 Tết âm lịch, quân Tây Sơn thần tốc đánh bại quân Thanh ở trận Ngọc Hồi Đổng Đa. Mồng 5 Tết quân Tây Sơn tiến vào Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị dẫn tàn quân bỏ chạy cùng Lê Chiêu Thống sang Tàu. Việc rước quân Thanh vào Đại Việt (1) của Lê Chiêu Thống bị lịch sử kết tội bán nước là “*cống rắn cắn gà nhà*”. CSVN ngày nay thần phục Trung Cộng như thế nào dân tộc Việt Nam đã nhìn thấy. Cố thi sĩ Nguyễn Chí Thiện viết về con rắn Cộng sản:

*Con rắn đỏ vô cùng hung hiểm
Nó sinh ra lớn lên nhờ súc siểm
Nhả nọc hận thù, phờ phảnh công phu
Khéo léo đầu cơ lòng ái quốc đui mù
Lạy lạy Tàu Nga không hề điểm nhục
Đủ hơi sức nó hiện hình phản phúc
Ngóc đầu, phì rít bắt nhân
Cắn cổ lê dân, quăng quật mộ phần
Phá đạo, phá đời uống khô sông núi.*

Thi hào Nguyễn Du diễn tả tâm trạng của nàng Kiều trong cuộc đời lưu lạc, phải đối đầu với bao cảnh đời ngang trái phủ phàng, nguy hiểm như loài hổ, rắn:

*Thân ta, ta phải lo âu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này
Vĩ chẳng chấp cánh cao bay
Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa
Phận bèo bao quản nước sa
Lênh đênh đầu nữ cũng là lênh đênh.*

Rắn với ngành Y khoa



Hippocrate (470-366 B.C.) là người sáng lập ra nền Y khoa hiện đại, được xem là thầy thuốc vĩ đại nhất. Ông cũng soạn thảo "Lời thề Đạo đức Y khoa" hay gọi là "Lời thề Hippocrates". Lời thề thiêng liêng này được các bác sĩ trang trọng đọc trước khi bắt đầu hành nghề Y. Hippocrates được xem là vị tổ của ngành Y học Tây phương. Ngoài ra còn có biểu tượng của ngành Y khi thì thấy hai con rắn hay một con rắn quấn quanh cây gậy, hay cái chén có con rắn. Theo thần thoại Hy Lạp về Hermes và Asklepios có nhiều giải thích khác nhau về rắn, tôi sưu tầm và tóm lược những điểm chính:

a/ **Chiếc gậy của Hermes:** theo truyền thuyết: Apollo trao đổi với Hermes, người anh em khác cha,

một chiếc đĩa bằng vàng. Hermes sử dụng nó để tách riêng hai con rắn, nhưng những con rắn cuộn lại theo chiều ngược... biểu tượng của thần Hermes tượng trưng bởi cây gậy có nhánh nguyệt quế hoặc cành ô liu.



Sau đó, các nhánh được quấn quanh cây gậy để tạo ra hình hai con rắn quấn lại với nhau, nó có hai cánh, tượng trưng cho vận tốc của Hermes

sứ giả của các vị thiên thần (những con rắn đại diện cho lửa và nước, đất và cảnh trời), đó là biểu tượng của hòa bình do các thiên sứ mang lại. Một giải thích khác nhấn mạnh đến sự cặp đôi của các con rắn và biểu tượng của khả năng sinh sản. Con rắn quấn quanh cây gậy, tượng trưng cho cây sự sống, có ý nghĩa là sự kiên nại bị chinh phục và khuất phục, nọc độc của nó biến thành thuốc điều trị.

Theo một số tài liệu khác thì phù hiệu "cây gậy và con rắn" được xuất hiện lần đầu tiên trên thế giới vào khoảng thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên, là hình cây gậy có hai con rắn quấn quanh, trên đầu gậy có một đôi cánh. Theo thuyết này thì kể rằng Hermes là con trai của thần Jupiter và nữ thần Maia, dùng cây gậy thần của mình để ném vào giữa hai con rắn

đang cắn nhau "một mắt một còn" sau đó chúng thôi cắn và cùng quấn quanh cây gậy thần đó.

b/ **Thần thoại về Asklepios:** ông ta nhìn thấy một con rắn tiến về phía mình, ông hướng cây gậy của mình về phía nó. Con rắn tự cuộn lại, Asklepios đập cây gậy xuống đất giết chết nó. Con rắn thứ hai đột nhiên xuất hiện ngậm loại dược thảo bỏ vào miệng con rắn đã chết và con rắn này được cứu sống, nhờ vậy ông phát hiện đặc tính của các loại thảo dược đó. Con rắn còn là một biểu tượng của cuộc sống và sinh lực bởi vì nó có đặc tính thay đổi da, có thể lột lại thời thanh xuân. Con rắn bò sát đất, có nghĩa là nó biết tất cả những bí mật và các đặc tính y dược của các loại thảo mộc, hoặc những bí ẩn sự chết. Asklepios chỉ dấu cho bệnh nhân những liệu pháp sử dụng các loại thảo mộc để trị lành bệnh, giúp vô số người thoát những cơn bệnh hiểm nghèo. Để tỏ lòng biết ơn người đã cứu nhân độ thế thời đế chế La mã các đền thờ được lập nên để vinh danh Asklepios và từ đó cây gậy Asklepios được gắn liền với ngành y.

Việc tôn thờ Asklepios sau đó lan rộng ra khắp nước Hy Lạp, đến Châu Á, và Ai Cập, đến cả thần dân trung thành với Alexandre Đại đế. Asklepios là người ngoại quốc đầu tiên được thừa nhận ở La mã. Di tích Asklepios được tìm thấy liên quan

đến ngành Y trong cuốn giáo khoa Y khoa của thầy thuốc nổi tiếng người Ả rập Avicenna vào năm 1544, có in hình Asklepios ở trang bìa. Rồi từ đó phù hiệu của Asklepios được sử dụng là biểu tượng của ngành Y ở nhiều nơi, từ Châu Âu (Hiệp hội Y khoa Hoàng gia Anh) sau đó phổ biến đến các quốc gia trên thế giới. Ở Ai cập cổ đại các mẫu rắn được dùng trong các kiểu viết chữ tượng hình. Trung quốc và cả Việt Nam xem rắn là một loại thuốc trị được nhiều chứng bệnh. Nhật cũng tìm thấy vết tích rắn vẽ trong các ngôi mộ cổ v..v.. Cây gậy là biểu tượng của bác sĩ khắp nơi trên thế giới cứu nhân độ thế. Nói chung sự liên quan giữa rắn với ngành Y là gần gũi hơn cả, tinh thần Asklepios trong thực hành Y khoa có thể đáp lại lòng mong mỏi của bệnh nhân, cây gậy tượng trưng cho cây sự sống, tính thận trọng trong ngành Y Dược là sự cống hiến cho nhân loại.

Cái chén của Hygeia

Hygiea nữ thần Sức khỏe (God of Health) cầm cái chén với con rắn cuốn quanh tay, trong vị thế giống như rắn sắp sửa thả lưỡi vào chén. Chữ "hygiene" bắt nguồn từ chữ Hygeia, dần dần biểu tượng chỉ có cái chén và con rắn trở nên quen thuộc và được mang tên là "Chén Hygeia". Nhiều người coi cái chén của Hygeia và con rắn như biểu

tượng sự sống tiêu biểu là chén thuốc nước và con rắn tượng trưng khả năng làm lành bệnh.



Chén Hygeia làm biểu tượng cho những nhà chế thuốc ở Italy từ năm 1222. Năm 1922 người Ý dùng nó trong dịp lễ mừng kỷ niệm 700 năm thành lập Đại học Padua, là trường đại học hàng đầu của Ý nổi bật lâu đời ở Châu Âu. Năm 1796 chén Hygeia chính thức sử dụng làm biểu tượng cho ngành Dược. Tại Đức từ năm 1951 Fritz Ruppercht Mathieu phát họa phù hiệu cho nhà thuốc Tây chữ A nghĩa là „Apotheke là nhà thuốc“ màu đỏ có hình cái chén và con rắn.

Rắn trong ngành Y học Tây phương

Nọc rắn khác biệt rõ rệt từ loài này sang loài kia, nhưng chúng đều có một điểm chung là mỗi loại đều là những hợp chất phức tạp, được tạo thành từ hàng nghìn protein và enzyme khác nhau. Phần lớn các loài rắn độc được chia làm 3 họ: Colubridae, Elapidae hoặc Viperidae, nọc độc phóng ra từ tuyến nước bọt chia làm 3 nhóm chính:

cytotoxins, neurotoxins và hemotoxins. Rắn cắn chết người mỗi năm, nhưng nọc độc chết người của nó tiềm tàng khả năng cứu chữa cho các bệnh của con người (dược liệu trị huyết áp phổ biến, dùng để chữa các khối máu nghẽn, nghiên cứu đến những chứng bệnh như động kinh có nhiều hoạt động điện não, chữa trị các cơn đau hoặc giúp người bị nghiện cai thuốc, bệnh Alzheimer, chữa thấp khớp, đau nhức, làm giảm đau cho bệnh ung thư...) nọc độc của loài rắn chứa một loại protein làm giảm đau mạnh tương đương như morphine. Rắn Mamba đen là một trong những loài rắn nguy hiểm nhất trên thế giới, sống ở Phi châu thuộc phía Nam sa mạc Sahara dài 2,5 m đến 4,5 m, bò nhanh 24 km/h. Mỗi lần cắn phun ra 400 mg nọc độc. Chỉ cần 15-20 mg đủ làm con người chết trong một thời gian rất ngắn. Các nhà nghiên cứu Pháp trình bày trên tạp chí Anh, "Natur/Thiên nhiên" thí nghiệm thành công nọc độc rắn Mamba đen (Schwazen Manba/Dendroaspis polylepis polylepis) làm giảm đau như Morphine không bị phản ứng, "*Khi tiến hành thí nghiệm trên loài chuột, nọc độc cho thấy khả năng giảm đau mạnh tương đương với morphine nhưng lại không gây ra nhiều tác dụng phụ*". Cách lấy nọc rắn dùng ngón tay cái và ngón trỏ bóp nhẹ vào mang tai rắn kích thích tuyến nọc độc nằm dưới da của mỗi bên mang tai, nọc rắn theo rãnh của

rãnh chảy ra dụng cụ lấy nọc, nọc là chất lỏng không màu trong suốt, qua tiến trình làm khô giữ được tác dụng như nọc rắn tươi là nguồn cung cấp thuốc quan trọng để bào chế thuốc... lấy nọc rắn vào mùa hè, mỗi tháng một lần một con lấy được trung bình 0,25 ml, nhưng còn tùy thuộc vào những loại rắn lớn thì nhiều hơn.

Rắn trong ngành Đông Y

Việt Nam có các trại nuôi rắn được phát triển, nổi tiếng như trại rắn Vĩnh Sơn (Phú Thọ), trại rắn Đồng tâm (Tiền Giang). Một số loài rắn thường dùng làm thuốc: Rắn hổ mang là chúa tể của loài rắn.



Rắn hổ mang còn có tên gọi là hổ lửa, hổ phì, tên khoa học là Naja Naja, thuộc họ rắn hổ (Elapidae). Rắn cạp nong (rắn mai gầm) (Bungarus fasciatus Schneider) Rắn cạp nia (rắn mai gầm bạc) (Bungarus candidus L. Rắn ráo (Ptyas mucosus), họ Rắn nước (Colubridae). Các loài rắn biển (đền đai xanh, đền đốm, đền khoang, thuộc chi Hydrophis, họ Rắn biển (Hydrophidae).
Nọc rắn: rất độc do có các enzym và protein độc. Thường dùng dưới dạng thuốc tiêm, thuốc mỡ chữa tê thấp,

giảm đau cho bệnh nhân ung thư, hạn chế phát triển khối u.

Tại Việt Nam người ta đồn và quảng cáo: sừng tê giác, ngà voi, tay và mật gấu, rượu rắn, hổ cốt ...đều là “*thần dược*” chữa được bá bệnh, cường dương bổ thận “*ông uống bà khen*”... Chúng ta phải cẩn thận đừng vội tin, quảng cáo làm tiền không trách nhiệm. “*khỏe đâu không thấy, chỉ thấy rước họa mà thôi*” tổn kém tiền bạc. Bởi vì các nhà khoa học Tây phương chưa chứng minh được kết quả các loại “*thần dược*” của người Việt Nam. Theo Tây y bệnh nhân chữa trị theo phương pháp khoa học. Bác sĩ định bệnh cho uống thuốc chữa hết bệnh, còn theo ngành Đông y dùng thuốc Bắc chỉ có tác dụng điều trị hỗ trợ. Người Tây phương họ không ăn uống như ở Việt Nam, nhưng người nào cũng khỏe mạnh tuổi thọ thường trên 80. Nếu bị đau nhức cơ thể, tứ chi nên tập thể dục, đi bộ, bơi lội sẽ khỏe, không có rượu nào chữa trị hết bệnh.

Mỗi lần xuân đến rồi đi, để lại trong lòng người những hoài niệm thương nhớ băng khuâng. Tuổi trẻ sống với tương lai, tuổi già như nắng chiều xế bóng hồi tưởng lại kỷ niệm một thời đã qua. Chúng ta sống đời lưu vong, với tuổi đời thêm chồng chất thì lòng thương nhớ cố hương và hướng về nguồn, nơi chôn nhau cắt rún càng nhiều hơn và cảm thấy bất lực trước sự niên viễn của thời gian. Nhìn lại

lịch sử Việt Nam trải qua một ngàn năm Bắc thuộc, gần một trăm năm nô lệ giặc Tây, hơn 20 năm chiến tranh máu lửa, nhưng dân tộc Việt Nam đoàn kết chống ngoại xâm giành độc lập và giữ gìn bờ cõi, không ai muốn rời bỏ quê hương. Biến cố lịch sử ngày 30.4.1975 chấm dứt chiến tranh, thống nhất đất nước nhưng hàng triệu người miền Nam tiếp tục bỏ nước vượt đại dương đầy sóng gió hãi hùng, bất chấp nguy hiểm đi tìm tự do. Làn sóng vượt biên sôi động nhất năm 1978, 1979 thuyền nhân Việt Nam đến các nước láng giềng tại Á Châu bị xua đuổi, chìm tàu, bị hải tặc Thái hãm hiếp đàn bà, trẻ em... làm chấn động lương tâm Thế giới. Cao Ủy Tị Nạn (United Nations High Commissioner for Refugees) kêu gọi các quốc gia tự do mở vòng tay nhân đạo đón nhận người Việt tị nạn “Boots-oder Kontigentflüchtlinge “.

Năm 2025 bước sang năm thứ 50 dân miền Nam Việt Nam bị cộng sản (CS) cai trị là một biến cố lịch sử đau thương, thế hệ chúng ta từng là nạn nhân khốn khổ bị tù đầy không thể nào quên, bọn CS từ miền Bắc vào đối xử với Quân Dân Miền Nam vô cùng tàn ác, họ mở ra nhiều trại tập trung cải tạo, là loại nhà tù khổ sai bất hốt chúng ta. Họ còn chủ trương đánh tự sản, tịch thu tài sản cướp nhà, đuổi nhiều gia đình bị ghép tội “tự sản” đi vùng kinh tế, đổi tiền để

bàn cùng hóa... Bởi vậy chúng ta không chịu được chế độ CS độc tài đảng trị, nên phải bỏ nước ra đi trong những hoàn cảnh khác nhau. Ra đi với đôi bàn tay trắng, vượt biển, đường bộ may mắn còn sống đến được bến bờ tự do, Những thập niên sau có thêm chương trình đoàn tụ gia đình, đi theo diện H.O. Người Việt hải ngoại đông nhất là ở Mỹ hơn 2.3 triệu người thành một Cộng Đồng Người Việt lớn nhất hải ngoại dù còn non trẻ so với các dân tộc khác nhưng hội nhập thành công tốt đẹp, phát triển về văn hoá, âm nhạc nghệ thuật... Thế hệ con cháu nói chung trên thế giới đều thành đạt rất rực rỡ trên mọi phương diện, tốt nghiệp từ các Đại học danh tiếng thế giới như: Khoa học, Y khoa, Kinh tế, Chính trị, Quân sự... Nhiều tướng, tá tài giỏi trong quân đội Hoa Kỳ. Cộng Đồng Người Việt khắp nơi trên thế giới luôn đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ và Nhân quyền cho người dân Việt Nam...

Chúng ta đã trải qua hơn hai mươi năm chiến tranh đau khổ bom đạn tàn phá quê hương! Cầu mong năm Ất Tỵ lò lửa chiến tranh ở Trung Đông; Ukraina và Nga sớm chấm dứt mang lại yêu thương và hòa bình, thế giới bớt thiên tai và dịch bệnh. Tết đến ở Âu châu là mùa

đông tuyết lạnh, không có mai vàng, hoa đào chào đón xuân sang, nhưng Cộng Đồng Người Việt đón xuân trong không khí gia đình cũng như xã hội tràn ngập niềm vui.

Chúng tôi kính chúc quý đồng hương năm mới, bình an, hạnh phúc, may mắn và khoẻ mạnh.



Nguyễn Quý Đại Germany

Tài liệu tham khảo

- Tiere und Lebensräume (Bertelsmann Lexikon Institut)
- National Geographic Deutschland
- Trang Wikipedia, hình nguồn trên Internet và của tác giả
- Tuần báo Stern số 42/2012

(1) Đại Việt (大越) là quốc hiệu của nước Việt Nam tồn tại từ năm 1054 đến năm 1804. Vua Gia Long đổi tên nước thành Việt Nam, quốc hiệu Đại Việt chấm dứt hoàn toàn



KHAI BÚT TÂN NIÊN ẤT TỴ

TÂN NIÊN kính chúc hết nhà nhà
KHAI BÚT Giao Thừa, bút nở hoa
VĂN HỌC Việt Nam luôn trải bước
CỎ THƠM đất Mỹ mãi vươn đà
GIÁP THÌN Rồng vút danh còn trụ
ẤT TỴ Rắn về tiếng rạng xa
Hạnh phúc đầu năm - ly mỹ tửu
Tặng nhau Trừ Tịch - chút tâm quà.

Phượng Hoa

Xuân Ất Tỵ 2025



THƠ ĐƯỜNG LUẬT ĐẸP 4 MÙA

ĐƯỜNG LUẬT thơ đề đẹp bấy nhiêu!
Thất Ngôn Bát Cú trải bao điều
HÈ sang phượng tỏa, hòa câu sớm
THU đến vàng pha, xướng vận chiều
ĐÔNG tuyết lạnh lùng, trao vé độc
XUÂN hồng ấm áp, gửi vãn yêu
Đổi nhau chan chất, sao mà... đã!
Bằng hữu xin mời hãy... xuất chiêu!

Phượng Hoa

April 16, 2024



Cỏ thơm trong văn hóa Việt

**** Âu Lan Dương Nghiệp Bào ****

Lời mở đầu: Thịnh thoảng Ban điều hành của Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm nhận được câu hỏi từ độc giả hay tác giả: “Xin cho biết lý do chọn 2 chữ CỎ THƠM cho tam cá nguyệt san lúc ban đầu”. Cựu Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung giải thích như sau: “Tôi nghĩ ô. Lưu Nguyễn Đạt, Chủ Nhiệm sáng lập tổ chức/tạp chí này, là người đặt tên Cỏ Thơm. Sau này có vài tác giả gửi bài tới và hỏi tại sao không dùng chữ Cỏ Thơm mà lại dùng Cỏ Thơm. Tôi nói rằng báo của thế hệ mới, dùng chữ Cỏ Thơm nghe nhũn nhặn, thơ mộng và tương tượng đến một đôi cỏ, đồng cỏ mênh mông, vườn cỏ xanh mướt, không dám sánh với “Cỏ Thơm lần giờ trước đèn, Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh” của cụ Nguyễn Du, nghe ngạo nghễ, to lớn quá! Cỏ có nhiều nghĩa: SÁNG, CAO, CỎ KHÔ, BẮN THẢO, SÁCH CỎ... Ngoài ra Cỏ Thơm cũng có nghĩa chữ Hán PHƯƠNG THẢO. Nhưng Cỏ Thơm nghe mộc mạc, thuần túy tiếng Việt, đáng hãnh diện hơn”. Ô Lưu Nguyễn Đạt cũng cho biết: “tôi đã chọn danh xưng ‘Cỏ Thơm’ cho tổ chức với xuất xứ và ý nghĩa như sau: 1/ ‘CỎ THƠM’ chiết tự từ cỏ thơm (稿滿) có nghĩa là sách thơm, ngụ ý sách hay, sách quý. 2/ ‘CỎ THƠM’ cũng tương kết với ‘Phương Thảo’, nói lên tư tưởng và ý chí tốt đẹp của người cầm ngọn bút thơm, sạch.” - PAD

Nhân dịp báo Cỏ Thơm ấn hành số Xuân Ất Tỵ tập trung vào đề tài 50 năm xa quê hương, người viết xin mạn phép bàn về tên báo tam cá nguyệt Cỏ Thơm, một tờ báo đã tồn tại trong thời gian gần 30 năm qua.

Trên hành tinh chúng ta, nước bao phủ 70 phần trăm diện tích. Trong số 30% còn lại, có một loài thảo mộc là cỏ, tràn trề sức sống, dệt nên một thảm thực vật bao phủ tới 20% đất đai trái đất. Hơn 12 ngàn loài cỏ khác nhau trải rộng trên tất cả các vùng trên thế giới, kể cả sa mạc, Bắc và Nam Cực. Rừng hay bị tàn phá, mùa màng có thể thất thoát, hoa thường mau phai héo, nhưng cỏ là thảo mộc trường tồn bất tử. Cỏ giúp sa mạc bớt hoang vắng, leo lên những sườn dốc không thể tiếp cận và vẫn sống trên đỉnh núi cao chót vót. Như vậy, chúng ta rất kính phục quý vị trường thượng đã đặt tên “Cỏ Thơm” cho tờ báo, như thể chúc

cho báo trường tồn và được nhiều độc giả trên khắp thế giới hâm mộ.

Cỏ là loại thảo mộc có thân mềm thay vì thân gỗ với vỏ bọc ngoài. Chúng mọc trên mọi lục địa, và riêng tại Bắc Mỹ có khoảng 1 ngàn loại cỏ khác nhau. Họ loài cỏ (tiếng Anh: grass) rất rộng, gồm cây thân nhỏ có lá hẹp lẫn cây với lá rộng hơn, thậm chí lúa gạo, lúa mì, ngô, mía và tre cũng thuộc họ cỏ.

Bài này được giới hạn vào loại cỏ có hương thơm, còn gọi phương thảo (tiếng Anh: aromatic herb). Phương thảo, từ Hán Việt cho cỏ thơm, gọi lên sự tinh tế hương đồng cỏ nội, làm liên tưởng đến những cánh đồng xanh mướt và yên bình toát ra mùi hương dễ chịu tỏa lan trong gió. Báo Cỏ Thơm giống như phương thảo, với những tiết mục văn nghệ đặc sắc và độc đáo, tiếng thơm bay khắp năm châu, cống hiến độc

giả bốn phương sự thư thái cho tâm hồn rất thích hợp với người Việt xa xứ.

Danh từ Phương Thảo bao gồm giá trị văn hóa sâu sắc và bền lâu: "Phương" thể hiện sự ngay thẳng, đứng đắn trong hành xử, "Thảo" gợi lên sự dịu dàng, nữ tính nhưng rất kiên cường. Hai yếu tố này thể hiện sự hòa hợp giữa các yếu tố mềm mại và phát triển bền vững trong văn hóa Việt Nam, rất phù hợp với tên báo Cỏ Thơm.

Sau đây là vài nét đặc trưng của cỏ thơm trong thi ca và công dụng trong ẩm thực và y dược cũng như vai trò một số cỏ quý hiếm ít được biết đến.

Hình tượng cỏ trong thi ca

Trong thi ca phương Đông, dù mong manh nhưng cỏ rất được các thi sĩ vô cùng ưu ái.

Thi sĩ đời Đường Thôi Hiệu tán dương ngọn cỏ trong bài Hoàng Hạc Lâu:

*Hán Dương sông tạnh cây bầy
Bãi xa Anh Vũ xanh dầy **cỏ non**
Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.*
(Tản Đà dịch)

Trong câu thơ, ngọn cỏ không những tượng trưng cho vẻ đẹp mùa xuân, còn đại diện cho thiên nhiên vĩnh hằng, đối lập với kiếp người hữu hạn.

Các thi sĩ Việt dùng ngọn cỏ phản ảnh tâm trạng đa tình, dễ rung cảm của người nghệ sĩ.

Hình ảnh cỏ non trong "Chinh phụ ngâm" (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm), khi là biểu tượng mùa xuân: "Ngồi đầu cầu nước trong như lọc/

*Đường bên cầu **cỏ mọc còn non***"; khi thể hiện tâm trạng người chinh phụ: "*Nước có chảy mà **phiền chẳng rửa/ Cỏ có thơm** dạ nhớ **chẳng khuây***". Bà Huyện Thanh Quan cũng có câu thơ tả cảnh gây cho chúng ta một niềm thanh thoát hòa đồng với thiên nhiên: "*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà/ **Cỏ cây chen lá, đá chen hoa***".

Cụ Nguyễn Du trong "Truyện Kiều" dùng cách tả tượng hình loài cỏ đến 20 lần. Nhớ cảnh thiên nhiên trong trẻ, nên thơ, tiết thanh minh, chắc ai cũng thuộc câu: "***Cỏ non** xanh rợn chân trời/ **Cành lê** trắng điểm một vài bông hoa*". Mặc dù câu thơ thoát thai từ câu thơ cổ: "***Phương thảo** liên thiên bích/ **Lê chi** số điểm hoa*" (Cỏ thơm xanh biếc liên trời/ Cành lê điểm tuyết một vài bông hoa), nhưng cụ Nguyễn Du đã gây nên một cảm nhận mùa xuân tươi đẹp, trong sáng. Câu thơ có hồn và sống động hơn và bức tranh có sự hài hòa đến tuyệt diệu.

Trong một đoạn khác, cụ Tiên Điền dùng ngọn cỏ với nghĩa ẩn dụ tả tâm trạng cô Kiều trong đoạn đời gian nan u uất, lúc cô Kiều ngồi trên xe đến lầu xanh lần thứ nhất:

*Một xe trong cõi hồng trần như bay...
Vi lô san sát hơi may
Một trời thu để riêng ai một người.*

Những ngọn Vi lô, còn gọi cỏ lau, bị gió heo may đánh rạp xuống san sát với nhau, tượng trưng cho số phận hẩm hiu tê tái của nàng Kiều.

Gần đây, nhiều thi sĩ dùng cỏ để thể hiện các cảm xúc tình yêu lứa đôi. Nguyễn

Bính năm 1945 sáng tác bài “Hoa cỏ may” gồm hai câu tuyệt tác:

*Hồn anh như hoa cỏ may
Một chiều cả gió bám đầy áo em.*

Cỏ thơm trong ẩm thực và y dược

Lá và hoa cỏ thơm tạo ra mùi hương nồng nàn do chứa tinh dầu nên biến những món ăn thông thường thành một trải nghiệm hấp dẫn. Hương vị loại thảo mộc này tăng thêm mùi vị cho món ăn, kích thích sự thèm muốn và làm dịu tâm trí người thưởng thức. Hơn nữa, nhiều loại cỏ thơm có lợi ích sức khỏe khác nhau, khiến chúng trở thành một phần không thể thiếu trong các phương pháp chữa bệnh truyền thống. Các loại thảo mộc trên rất giàu chất chống oxy hóa với tác dụng giảm viêm, bớt căng thẳng thần kinh, giúp chúng ta thư giãn và được giấc ngủ ngon.

Trong cả ngàn loại cỏ thơm, mời quý bạn xem đặc điểm hai loại thông dụng tại Việt Nam: cây sả và lá dứa.

Cây sả (tiếng Anh: Lemongrass) rất quen thuộc với hầu hết các gia đình Việt Nam, là một gia vị giúp cho món ăn thêm đậm đà hơn, nên có mặt trong nhiều món ăn dân dã như thịt bò xào sả ớt, chân giò heo giả cày, lươn nướng sả, ốc luộc, và các món hải sản. Người Việt miền Nam thường dùng sả để nấu nướng nhiều hơn miền Bắc. Ngoài những tác dụng trong ẩm thực, sả được dùng như một công cụ để xua đuổi rận rết, hoặc một loại nước gội đầu tăng độ mượt cho tóc. Đồng thời, sả có công dụng tuyệt vời dành cho sức khỏe: Tốt cho hệ tiêu hóa; ngăn ngừa ung thư, cải thiện hệ thần kinh, giảm huyết áp, nấu

nước xông giải cảm, kháng viêm và giảm đau. Tuy nhiên, sử dụng cây sả quá mức sẽ gây ra những phản ứng phụ ảnh hưởng lớn đến sức khỏe như dị ứng và gây nóng nhiệt trong người.

Cây lá dứa (tiếng Anh: Pandan) còn gọi lá nếp thơm, một loại cây thân thảo miền nhiệt đới, được trồng nhiều ở Đông Nam Á, đặc biệt tại Việt Nam dưới dạng nguyên liệu nấu ăn phổ biến và một vị thuốc cổ truyền thông dụng. Báo *Saveur*, một tờ báo chuyên về ẩm thực, cho lá dứa là “vanilla của Đông Nam Á”. Hương lá dứa kết hợp giữa hương cỏ thơm với chút hoa hồng, hạnh nhân và vani, hiện được đánh giá rất cao do khả năng gây được sự kích thích cho người dùng do mùi thơm dịu nhẹ. Chính vì những ưu điểm trên, hương lá dứa được sử dụng rộng rãi như một thành phần quan trọng trong ẩm thực châu Á. Tại Việt Nam, bánh da lợn, bánh bò nướng, bánh bông lan, bánh lọt nước cốt dừa không thể thiếu lá dứa. Nhiều gia đình bỏ vài cọng lá dứa vào nồi nấu cơm, cho cơm được thơm tho. Trong y dược cổ truyền, lá dứa hạ đường huyết đáng kể vì làm chậm lại sự hấp thụ đường sau bữa ăn.

Vài loại cỏ thơm quý giá và hiếm có

Tại Việt Nam, có hai loại cỏ thơm ít người biết đến, nhưng được giới sưu tầm săn đón: cỏ Thạch Xương Bò và cỏ Groach (tên do người bản địa Gia Lai, Tây Cao Nguyên đặt ra).

- **Thạch xương bò** (tiếng Anh “Sweet Flag”) có lá dài hình lưỡi kiếm, tỏa mùi thơm nhẹ như mùi quế. Trên thế giới, thạch xương bò có 20 loại. Việt Nam có 6 loại, phân bố tại các tỉnh phía Bắc, dãy

Hoàng Liên Sơn, sống tại suối nước chảy ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Trong văn hoá Á Đông, thạch xương bồ được tôn vinh như loại linh thảo dùng phòng bệnh, trừ tà, cùng với hoa lan, hoa cúc, thủy tiên thành "*thảo hoa tứ nhĩ*", toát ra mùi hương thoang thoang, thanh tao, mang đến cảm giác thanh khiết, thư thái cho người biết thưởng thức. Hương thơm tỏa từ thạch xương bồ giúp chúng ta giải tỏa nỗi ưu tư, bớt căng thẳng tâm trí để rồi hấp dẫn cả giới quý tộc lẫn sĩ phu và văn nhân. Dần dần, chúng trở thành vật trang trí trong thư phòng. Thú chơi thạch xương bồ xuất hiện ở nhiều quốc gia châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam. Dù mộc mạc và đất giá, thạch xương bồ vẫn thu hút nhiều người sưu tầm bởi ngoài tác dụng tô điểm không gian sống, nó đem tới nhiều giá trị tinh thần và văn hóa.



Cỏ thạch xương bồ (sweet flag)

Cụ Văn Bình Tôn Thất Lương (1887 - 1951) một vị lão nho uyên bác về văn hóa cổ điển Việt Nam, viết trong bài Hành Hương Giang như sau: "*Sông Hương phát nguyên từ hai nguồn tả, hữu trạch, nguyên từ miền thượng lưu tỉnh Thừa Thiên, quanh co gành bãi ruộng vườn, chảy qua kinh thành, đến cửa Thuận An rồi ra Đông Hải, hai bên bờ tả,*

hữu trạch có giống "thạch xương bồ", là một vị thuốc trường sanh, có mùi thơm, mọc hai bên bờ khe, nước khe lần lữa hóa ra thơm. Hương giang (sông Thơm) bởi đó mà có danh vậy."

Loại phương thảo này được trọng dụng từ Trung Quốc đến Ấn Độ cổ đại, qua Bắc Âu, Bắc Mỹ và Ai Cập hơn 2 ngàn năm nay, làm hương liệu, thực phẩm, thuốc thang trong y học dân gian và được tiếng như một chất kích thích tình dục từ lâu. Chúng cũng bổ ích trong việc xử lý các nguồn nước bị ô nhiễm nên có giá trị sinh thái và môi trường quan trọng. Nhiều nghiên cứu khoa học thực nghiệm gần đây chứng minh cỏ này có đặc tính kháng khuẩn, chống khối u, điều trị bệnh tim mạch, hệ tiêu hóa và thần kinh. Có triển vọng trong tương lai, nhân loại sẽ tìm được thuốc trị bệnh Alzheimer từ thạch xương bồ.

- Một loại cỏ thơm khác được người Gia Lai rất quý trọng trên cao nguyên Trung Việt: **cỏ Groach**, tên do người bản địa đặt ra. Muốn tìm loại cỏ này, chỉ cần lần theo hương thơm phảng phất trong gió núi đại ngàn, nhưng loại cỏ này rất hiếm, vài năm mới xuất hiện một lần vào mùa Xuân và sống chừng một tháng rồi lặn lẽ vùi mình vào đất.



Cỏ Groach

Người bản địa băm cỏ Groach với muối ớt: muối mặn, ớt cay, hòa với hương cỏ

thơm ngát, luyện thành một gia vị trộn cơm hấp dẫn.

Loài cỏ bí ẩn Groach không gây giống được, vì mang về vườn nhà trồng sẽ héo rũ rồi chết. Ngày trước, cỏ thơm dễ tìm ở nhiều vùng trên Tây Nguyên. Giờ ít dần, còn rất hiếm. Do quá trình di dân khai phá rừng cùng khí hậu biến đổi, loài cỏ quý này chắc rồi đến tuyệt chủng.

Hai loại cỏ khác liên quan đến kinh nghiệm cá nhân người viết:

- Một cụ Tổ của tác giả tọa lạc tại thị trấn Vân Đình, nay ngoại thành Hà Nội. Nắm một được loại cỏ thông dụng bao phủ nhưng trong đám cỏ bình thường tự nhiên lại mọc lên một loại cỏ đặc biệt khác, tỏa hương phảng phất mùi gỗ trầm. Người viết đã đến thăm mộ và còn giữ được tấm ảnh dưới đây nhưng không nhận dạng được cỏ tên gì dù có hỏi nhiều chuyên viên về cỏ.



Cỏ trên mộ cụ Tổ

- Trong vườn nhà ở Maryland, chúng tôi không trồng, nhưng tự nhiên mọc ra một loại cỏ ra hoa rất thơm. Mùi hương nhẹ nhàng, tươi mát, bình dị và thanh tao. Bắt đầu lác đác vài ngọn, dần dần lan tỏa chiếm toàn bộ một góc vườn. Hương hoa thoang thoảng nhưng tồn tại lâu dài trong không khí. Tuy nhiên, cây sống vào ba tháng mùa Xuân để rồi biến mất trong chín tháng. Đến Xuân năm sau, mới xuất hiện trở lại.



Cỏ thơm tại tệt xá ở Maryland

Để kết luận, thảo mộc thơm không những mang lại mùi hương dễ chịu và quyến rũ, chúng là một kho tàng về ẩm thực, y học và thẩm mỹ. Từ việc biến chế một món ăn đơn giản thành một trải nghiệm ẩm thực thú vị cho đến bảo trì sức khỏe, những loại cây đa năng trên được loài người trân quý trong khắp các nền văn minh nhân loại. Thấu hiểu được vẻ đẹp những kỳ hoa dị thảo này, chúng ta mới có thể hòa mình với thiên nhiên hầu cải thiện cuộc sống được hoàn mỹ hơn.



Âu Lan Dương Nghiệp Bảo

NGỌN NGUỒN LỤC BÁT

I.

Từ đi cách biệt phương trời
Bước chân lữ thứ phận người đa mang
Hai câu lục bát dùng dằng
Nửa lời khúc ruột nửa dần cuống tim
Bên trời nẻo gió đường chim
Sào Nam Việt Điếu mong tìm đến nhau
Chung tay bắc một nhịp cầu
Để dòng lục bát dài lâu nghĩa tình

Sáu tám như bóng với hình
Vần qua thanh lại tự tình ôm nhau
Em đi trước, anh theo sau
Lớp lang tuần tự như cau với trầu
Ru con mẹ hát từ lâu
Thanh âm còn mãi trong đầu lớn khôn
Chỉ mười bốn chữ xoay vòng
Dựng nền văn học linh hồn Việt Nam.
(GHH)

II.

À ơi...

*Ví dầu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi
Khó đi, mẹ dắt con đi
Con đi trường học, mẹ đi trường đời*



Học năm ba chữ con ơi
Để qua cầu ngói, cuộc đời lên hương
À ơi... mau théc (1) mẹ thương
Để mẹ đi chợ mua đường mía lau
Ru hời ru hời ca dao
Ấy thơ lục bát ban đầu mẹ cho
Tao nôi đưa đẩy giọng hò
Thả câu vần điệu vào mơ ngọt bùi
Chim non reo hát trên đồi
Cánh diều bay bổng mây trời nhẹ tênh
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh
Để câu lục bát thương mình khó đi

Trên sông vắng điệu mái nhì
Thuyền ai gác mái chèo khuya giữa vời
Tơ vàng sóng sánh buông lơ
Ánh trăng với ánh sao trời đầy khoang
Ngày xưa có những ông Hoàng
*Nửa đêm Trẫm nhớ,
Trẫm... chòang dậy, đi...*

Tìm người diễm mộng tình si
Kim Luông gái đẹp nhất nhì Huế đô
Trăm năm một cuộc hẹn hò
Bến trong bến đục ai dò được sao?

Bây giờ mặn mới hỏi đào

Chùm hoa năm ngoái nở chào đón ai
Đào rằng quân tử đơn sai
Nay lần mai lửa đã ngoài mấy xuân
Tình quân ơi, hỡi tình quân
Bày chi vạn dặm trường đình cách chia
Rô đồng nhớ cá lia thia
Từ khi nước lụt ngập đìa khỏ sông

Rau răm đưa tiễn cải nhờng
Quyết cam hết ngọt, bưởi bồng thắm
chua
Ngày buồn buốt ngọn gió lùa
Để câu lục bát nửa mùa chên vênh
Hoa trôi bèo giạt cuối ghềnh
Bóng trắng gãy nửa mảnh tình vỡ đôi
Chiều chiều cấp rỏ lên đời
Hái rau không hái, hái chồi tương tư
Xuống vườn ngắt nụ hoa mơ
Ủ trong gối mộng đêm chờ hương yêu

Một liều ba bả cũng liều
Cầm bằng như trẻ chơi diều đứt dây
Ra về cởi áo lại dây
Đêm khuya em đắp gió tây lạnh lòng
Lòng riêng đòi đoạ tình chung
Rằng không mang thiệp đi cùng chàng
ơ
Để dành cơn nguội cầm hơi
Lắm khi trái nắng trở trời, cậy ai
Chong đèn đợi ánh sao mai
Còn thơm kỷ niệm mà phai đá vàng
Nhớ xưa tát nước bên đàng
Tiếc anh *múc ánh trăng vàng đổ đi*
Thôi em chớ có bắc chì
Anh xin ở lại đèn nghì trúc mai
Mùa xuân chiếc bóng còn dài
Có đôi lục bát nổi bài trường thiên

Bắc Trung Nam cả ba miền
Hát hò lễ lạc chẳng riêng dịp nào
Gặp nhau trong tiếng mời chào
Hai câu sáu tám đi vào êm ru
Ơi O bán cốm hai lu
Có về An Thuận cho tui về cùng

Đi mô cho thiệp đi cùng
Đói no thiệp chịu lạnh lòng thiệp cam...
(GHH)

III.

Chấp tay vái cụ Tiên Điền
Cảo thơm lần giở trước đèn sáng trưng
Lầu lầu nghìn cú trăm chường
Một thiên lục bát Đoạ Trường Tân
Thanh
Lầu vàng thoát tới gác xanh
Niềm kia nổi nọ xé giằng Kiều nhi
Người ơi gập gờ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không
Bởi xưa tạc một chữ đồng
Giữa cơn luân lạc còn mong được nào?
Vàng trăng khuyết, đĩa dầu hao
Mặt tơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng
Lạ gì bí sắc tư phong
Trót sinh ra phận má hồng phải cam
Chàng Kim có đợi cầu Lam (2)
Người ơi hoa đã sắc tàn nhụy phai!
Mười lăm năm chặng đường dài
Đã qua qua hết đoạ đày truân chuyên
Cậy Vân chấp mối hương nguyên
Cung đàn nổi điệu giọng huyền ngân
nga
Khúc đầu đầm ấm dương hòa
Ai ngờ sum họp một nhà hôm nay
Bồi hồi tay lại cầm tay
Đốt lò hương cũ dạn dày so tơ
Am mây mượn chốn nương nhờ
Câu kinh sớm tối, đàn thơ giải sầu...

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
Lời thơ chẳng dám dài dòng

Vài câu lục bát tỏ lòng hậu sinh

IV.

Tú Xương, cụ ở Vị Xuyên
Có vần lục bát chạnh niềm nước non

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình cứ ngỡ tiếng ai gọi đờ
Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ
Kể về khóc trúc thương ngô một mình
Năm canh leo lét ngọn đèn
Mắt giương, trong bụng có thềm ngủ
đâu

Dạ Hoài ai biết đêm thâu
Lòng riêng riêng một mối sầu thế nhân
Chợ chiều nghiên bút phân vân
Thầy thông thầy ký bội phần thầy nho
Ông về đắp chiếu nằm co
Chẳng thềm mơ thứ sữa bò, sâm banh
Gửi về ông Thủ Khoa Phan (3)
Bài thơ ông viết chứa chan nỗi lòng

V.

Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một
người...
Những trang lục bát để đời
Nhà thơ Nguyễn Bính thốt lời *Tương tư*
Nhớ ai vào ngẩn ra ngỡ
Trầu xanh có nhớ cau tơ liên phòng?
Vì ai, ai bị hớp hồn
Sáng chiều trong dạ bồn chồn, vì ai?
Năm canh chưa đủ đêm dài
Để thao thức nhớ, để mài miệt trông
Mai rồi *Lỡ bước sang ngang*

Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây

Người đi sông nước với đầy
Có người đứng tựa bóng cây bên đình
Tương tư là giống hữu tình
Anh xin em gắng giữ gìn *Chân Quê*



VI.

Em theo lục bát bước về
Đôi tà áo lụa bộn bề ca dao
Lân la mạn nói với đào
Người xuân như mộng dạt dào suốt
hương
Em về lục bát thêm chương
Cho tròn điệu lý mười thương vẹn
mười
Chiếu hoa trái đợi em ngồi
Chuyện xưa nhắc lại để cười với nhau
Hẹn em bên bụi chè tàu
Ngồi trên ổ kiến mọc quào cả đêm
Em về lục bát vui thêm
Thăng hoa vần điệu ngọt mềm lời ca

Sáu về cho Tám đơm hoa
Đẹp tươi mai nở chan hòa nắng reo
Ngày xuân én nhận dặt diu
Sánh đôi lục bát nhiệm màu thi ca

Giòng đời lãng mạn sinh ra
Tương tư nhung nhớ chia xa tình sầu
Ý tình vồn vẹn hai câu
Nối nhau thành khúc thành khâu cho
đời...
Dù cho vật đổi sao dời
Hai câu lục bát sáng ngời trăng hoa...
(GHH)

Quang Hà

Nov 10, 2024

*Githéa Hoàng Hy (GHH) nối vận bởi
những câu chữ màu xanh ở cuối đoạn I,

II, & VI với (4 câu in màu lục cuối đoạn
2 là ca dao)

-*Những câu, chữ in nghiêng trong phân
đoạn II & VI là Ca Dao*

-*Những câu, chữ in nghiêng trong phân
đoạn III là trích thơ Truyện Kiều*

- *Những câu, chữ in nghiêng trong phân
đoạn IV là trích thơ Trần Tế Xương*

- *Những câu, chữ in nghiêng trong phân
đoạn V là trích thơ Nguyễn Bính*

(1) théc: ngử, phương ngữ Thừa Thiên,
Quảng Trị

(2) cầu Lam: cầu ở Lam Điền, Thiểm Tây,
Trung Hoa. Theo tích xưa là nơi trai gái hẹn
hò. “Xăm xăm đề nẻo Lam Kiều bước sang”

(3) tựa bài thơ Trần Tế Xương gửi cụ Phan
Bội Châu khi nghe tin ông thi đỗ thủ khoa.



Hoàng Hy, Trần Quốc Phiệt, Quang Hà - San Jose, 3/2022

Vấn Vợ Hoài Tương



*Tập lịch vui rồi sắp hết năm
lâm râm se se hót thì thầm
tung tăng bướm lượn trên bờ đậu
sóc vạch đường xưa bới dấu chân.*

*Cúc nở vàng sân hong nắng ấm
gió đông khơi hé nụ hoa đào
ôn bài cổ ngữ sầu Thôi Hộ
hé sử văn chương lách ngõ vào...*

*Nắng mới hây hây trời vẫn lạnh
lạnh tàn đông lạnh tuốt sang xuân
gió lùa gợi ý câu "...y cữ..." *
chiêu niệm tình thơ vọng cổ nhân.*

*Người xưa hay được "Kiều" di tích
Tiên Điền khiêm dặn chỉ: "...mua vui..."
"Ao thu lạnh lẽo..." thu hoang tịch
Yên Đỗ buông câu ngẩng... ngẩng trời...*

*Đánh thức "Mê Hồn. **." tình tuyệt diệu
dáng dấp liêu trai thắm đậm buồn
nghĩa đời huyền ảo... tan bèo bọt
thôi! dấu người dung cũng tiếc thương!*

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt - 2017

* "Khứ niên kim nhật thử môn trung..." - Thôi Hộ

** Tên tập thơ của Đinh Hùng: (Mê Hồn Ca)

MÙA XUÂN VỪA ĐẾN

**** Trần C. Trí ****



XUÂN THÁI HOÀ
tranh Cẩm Tâm

Ngát và Thơm ngồi trên cái xích đu nhỏ ở hàng ba trước nhà. Cũng khá lâu rồi hai chị em mới có dịp ngồi chơi thong thả với nhau như vậy. Thơm đưa mắt ngó vào gian chính phía trong nhà, thàng thốt kêu lên:

“Trời đất, tết nhứt tới nơi rồi mà nhà em chưa có gì ra Tết hết vậy? Em lo không nổi thì nói cho chị biết để chị phụ với chứ!”

Cô Thơm day lại nhìn em. Ngát có vẻ mệt mỏi lắm. Mà không mệt sao được, con nhỏ đang bầu bì tới tháng thứ chín

rồi, chưa biết đập bầu khi nào. Đàn bà có bầu mệt thì mệt đã đành, nhưng thần thái lúc nào cũng phải tươi tốt, cơ thể phải khoẻ mạnh đặng sanh con cho dễ dàng. Thơm nhịu mày hỏi em:

“Bộ em có chuyện gì không vui sao?”

Như được gỡ đúng chỗ ngứa, Ngát thờ ra đánh sượt một cái:

“Tết với nhứt gì chị! Gia đình này như cái nhà bỏ hoang!”

Cô Thơm giựt mình thon thót:

“Í cha, năm hết tết tới rồi mà em ăn nói gì kỳ cục vậy? Có kiêng có lành, em ơi!”

Rồi cô nhìn quanh quất, thắc mắc:

“Ờ, mà nhà im lặng thiệt. Cha con thằng Khôi đâu rồi?”

Ngát đáp lời, giọng vừa lầy, vừa chán ngán:

“Ai biết đâu! Bữa nay ảnh mới ngó tới thằng nhỏ được một chút, chắc dẫn nó đi bắt cá rồi hồng chùng. Lóng rày ảnh đi miết, chẳng ngó ngang gì tới vợ con hết. Mà em thì sắp sửa..”.

Giọng Ngát nghẹn lại, cô bỏ nửa chùng câu nói. Cô Thơm ái ngại nhìn em. Đây không phải là con nhỏ Ngát em cô, lúc nào cũng vô tư, vui vẻ, mặc dù đã chồng con bẽ bẽ. Ngày tư ngày tết, đối với Ngát, lẽ ra phải là lúc vui hơn ai hết, vì cô lấy chồng đúng mùa xuân, nhằm ngày mùng Bảy tết. Mỗi năm xuân về, lẽ ra Ngát phải vui mới đúng. Cô Thơm đặt tay lên vai em:

“Chuyện đâu còn có đó. Em nói lóng rày chồng em đi miết là nghĩa làm sao?”

“Thì đi đâu mất đất cả ngày chớ sao!” Ngát xằng giọng, như muốn trút hết bực bội vô người chị. Cô nói tiếp, kể lể những gì ám ức trong lòng lâu nay, “Ảnh kỳ lắm, hình như là đang có chuyện gì bí mật lắm vậy. Cứ sáng sớm tinh mơ là ảnh đã biến đi đâu mất, rồi tối mịt mới về. Ngày nào cũng như ngày nấy. Hồi giờ ảnh vẫn siêng năng với chuyện ruộng vườn, đâu có khi nào như vậy. Em có hỏi thì ảnh cứ nói quanh nói quất... Em nghi ảnh có mèò, chị ơi!”

Cô Thơm để hai tay lên ngực, tuồng như chưa thấm hết được bản tin động trời

mà Ngát vừa phát ra. Cô nghĩ ngay đến Huy, tưởng tượng nếu như tâm trạng của Ngát về Thịnh, chồng của Ngát, cũng là tâm trạng của cô về Huy thì... cô không biết phải tính làm sao. Vợ chồng cô mới lấy nhau tròn tròn một năm, hương lửa còn mặn nồng hết biết, cô Thơm chưa bao giờ nghĩ đến những chuyện như vậy trong cuộc sống hôn nhân. Cô nắm lấy tay Ngát, trấn an em gái:

“Em chưa rõ đầu đuôi ra sao, thôi thì cứ từ từ mà xem xét sự thể thế nào, khoan khoan kết luận cái đã. Ngó em mặt mày phờ phạc, chị thấy không được đâu. Em phải vui, phải lạc quan đừng mai một sanh con cho khoẻ mạnh”.

Nhắc tới chuyện sinh nở, cô Thơm triu mến lấy tay xoa xoa lên cái bụng tròn trĩnh của Ngát:

“Chà, cái bụng tròn quay này của em nhứt định là sẽ sanh con gái đã!”

Ngát vui lây theo chị:

“Dạ, tụi em cũng mong một đứa con gái cho nhà có đủ nếp đủ tẻ. Thằng Khôi có em gái chắc cũng khoái lắm!” Ngát mơ màng ngó lên những bông hoa nắng đang nhảy múa trên các chòm cây xanh của những ngày cuối năm, hào hứng nói tiếp, “Em mong cho năm cũ mau quá, năm mới tới, đặng đứa nhỏ sẽ ra chào đời trong năm Quý Mão”.

Cô Thơm hăng hái phụ họa:

“Được con gái nữa là nhứt đó em. Trai Nhâm gái Quý thì sang mà!”

Ngát cười tủm tỉm:

“Chị biết không, thằng Khôi anh nó là tuổi Dần, con nhỏ mà tuổi Mẹo thì hay

nhút. Dần, Mẹo, Mùi tam hạp, anh em nó sẽ thương yêu, đùm bọc nhau, há chị!”

Cô còn nói thêm:

“Chị nhớ không? Tết cũng là lúc tụi em kỷ niệm ngày lấy nhau. Tuy không đưa đòi theo mấy cô ngoài tỉnh, bày đặt tổ chức này nọ, tụi em vẫn nhớ tới ngày mồng Bảy tết hằng năm đó chị”. Rồi như sực nhớ ra, Ngát ôm lấy vai chị, “À, còn bà chị của em, khi nào thì mới chịu có em bé đây há?”

Cô Thơm thoáng đỏ mặt. Vợ chồng cô vẫn ngày ngày cầu trời thương phạt độ ban cho một mụn con. Cô đáp lời Ngát:

“Ờ, anh chị cũng mong lắm chứ, nhưng khi nào trời cho thì mình nhận, không biết chừng nào đây, em à”.

Hai chị em cùng yên lặng một thoáng. Mùa xuân sắp tới, mỗi người nghe lòng rộn ràng theo một kiểu. Tết này sẽ là cái Tết thứ nhì của cô Thơm và thầy Huy là vợ chồng với nhau, cô hãy còn ngây ngất với hương vị ngọt ngào, mới mẻ của cuộc sống lứa đôi. Còn Ngát thì chỉ mong mau mau qua năm mới dựng khai hoa nở nhụy, chỉ còn mấy ngày nữa là hết năm cũ. Cô hơi cau mặt lại một chút khi nhớ tới chuyện của Thịnh, nhưng sực nhớ lời chị dặn, cô lại mỉm một nụ cười nhẹ nhàng, tươi mát như mấy cái bông vạn thọ vàng óng đang nở rộ trong bồn hoa trước nhà.

o o o

Buổi chiều cuối năm trong xóm nhỏ, nắng đã bắt đầu dịu lại. Xa xa đã nghe lẹt đẹt những tiếng pháo lẻ tẻ. Thịnh

bước ra khỏi nhà người bạn, theo sau là thằng Khôi chạy lúp xúp và Tư Hiền, chủ nhà mà anh vừa ghé thăm. Thịnh quay lại nắm lấy tay con, dặn dò Tư Hiền:

“Chú Tư nhớ giùm những lời tôi dặn nghe. Mọi sự là trông mong hết vô chú đó!”

Tư Hiền cười cười:

“Được mà ông anh! Anh dặn đi dặn lại hoài tôi bắt đầu mệt rồi đa!”

Thịnh cười theo, nhắc con:

“Con khoan tay chào chú, mình về!”

Thằng Khôi ngoan ngoãn làm theo lời cha. Nó cất giọng thiết to và rõ ràng:

“Thưa chú, con về!”

Tư Hiền xoa đầu thằng nhỏ, gật gù. Thằng Khôi nhảy chân sáo, tung tăng đi bên cha. Từ trưa tới giờ, lúc còn ngồi trong nhà chú Tư Hiền, nó cứ thấy ba nó và chú thâm thì to nhỏ, nói chuyện gì ra tuồng bí mật lắm. Con nít ít để ý chuyện người lớn, huống chi là Tư Hiền còn cẩn thận kiếm chuyện giải trí cho thằng nhỏ khỏi tọc mạch, làm cho nó một cái kèn bằng lá dừa thiệt bự. Thằng Khôi khoái chí, cầm kèn thổi te te, chạy nhón nhờ sau sân nhà. Có lúc nó thắm mệt, ngó vô nhà thì thấy cha và chú Tư Hiền biến đâu mất. Một lát sau mới thấy hai người từ phòng trong bước ra chỗ gian nhà thờ, vừa đi vừa bàn cãi chuyện gì ngó hăng lắm. Thằng Khôi lại tiếp tục thổi kèn kêu te te, chạy loanh quanh đuối theo mấy con chuồn chuồn bay trong nắng.

Con đường quê cuối năm khá vắng vẻ. Vừa đi, Thịnh vừa hỏi con:

“Sắp Tết rồi, con thích không?”

Thằng Khôi cười híp mắt:

“Dạ thích! Ba nhớ cho con đốt pháo nhe ba?”

Thịnh vui theo niềm vui của con:

“Được, nhưng ba cũng phải canh cho con đốt cho khỏi phỏng tay. À, sắp có em, con có mừng không?”

Thằng nhỏ hơi ngơ ngác:

“Em bé có giành pháo với con không ba?”

Thịnh bật cười:

“Em còn nhỏ xíu, giành với con làm sao được!”

Tới đầu ngõ, hai cha con rẽ vô con đường đất dẫn tới căn nhà nhỏ của Thịnh và Ngát. Bước vô nhà, Thịnh thấy Ngát đang ngồi trên trường kỷ, nét mặt không vui. Anh cười giả lả:

“Cha con anh về rồi nè! Ở nhà hai mẹ con có buồn không?”

Ngát háy Thịnh một cái thiệt dài:

“Dữ hông, bữa nay mới có thì giờ ngó tới thằng con một chút đó! Hai cha con đi đâu mà lâu vậy?”

Thằng Khôi láu táu:

“Ba dắt con tới nhà chú Tư Hiền đó má. Chú cho con cái kèn này thổi to lắm!”

Ngát hỏi Thịnh:

“Mấy bữa nay em thấy anh giao du với chú Tư Hiền hơi nhiều đó nghen! Hôm trước, anh mới bước ra đi đâu đó là chú đã ghé lại hỏi anh đâu rồi. Em hỏi chú

cần gì không thì chú chỉ cười cười, không trả lời trả vốn gì hết”.

Thịnh làm thình, lảng vào nhà trong. Vừa bước đi, anh vừa giật mình, nhớ ra Tết đã cận kề mà trong nhà không có mùi lai gì của mùa xuân, chưa sắm sửa món gì để đưa đón ông bà hết. Vợ mang bầu sắp sanh tới nơi, mà mình thì... Thịnh chắc lưỡi một cái, giở nón ra mắc vô cái đinh trên vách.

o o o

Sáng mùng Sáu, không khí trong gian phòng khách nhỏ của vợ chồng Thịnh đúng là vui như... Tết! Gia đình hai bên đã tề tựu đông đủ: Bên Thơm và Ngát có ba má và thằng em Báu, còn bên nhà Thịnh cũng có hai ông bà và cô em gái tên Thẩm. Ngát vừa sanh em bé gái được hai bữa, mới ở bệnh xá trong xã về. Vợ chồng cô thiệt mát dạ, được có nếp có tẻ, con nhỏ lại cảm tình con mèo, được chữ Quý như ý muốn! Trong lúc Ngát nằm nghỉ ngơi trong buồng, kê bên em bé còn đỏ hỏn, bên ngoài, hai bên sui gia hỉ hả chúc Tết lẫn chúc mừng nhau đầu năm đầu tháng có thêm cháu mới. Cụng ly rượu với ông sui kêu cái “cốp!”, cha của Thịnh khề khà hỏi con trai:

“Sao? Bây định đặt tên cho con nhỏ là gì?”

Thịnh tươi cười thưa:

“Dạ, như vậy nè ba: tên của thằng Khôi có nghĩa là “khôi ngô”, chữ này đi đôi với hai chữ “tuấn tú”, nên tụi con sẽ đặt cho con nhỏ là “Tú”!”

Ba cô Ngát cười hể hả:

“Được! Được! Nghe hay lắm, hợp lắm đó con!”

Hai ông sui lại cụng ly côm cốp liên tiếp mấy cái nữa, trong lúc hai bà sui tíu tít kể lể với nhau những gì mình sẽ làm cho con cháu nhỏ mới ra đời. Báu và Thẩm thì thi nhau ném mấy món mứt Tết mà trong nhà vừa đem qua, vì gia đình Thịnh năm nay không sắm sửa gì hết. Tiếng pháo trong xóm bữa nay gần ngày hạ nêu rồi mà cũng còn nghe nổ giòn giã đó đây, như cùng góp chung vô niềm vui chan hoà của gia đình hai bên.

Vừa lúc đó, có tiếng lao lao ngoài ngõ. Ai nấy đều ngoái ra nhìn. Chú Tư Hiền và vợ đang khệ nệ khiêng vô một món gì khá lớn, có phủ một lớp vải đỏ điều nên không biết đó là cái gì. Mọi người đều trở mắt ra ngó, chưa hiểu ắt giáp gì hết. Thịnh lật đặt chạy ra, tiếp tay cho thím Tư Hiền nghỉ mệt, cùng chú Tư Hiền đem cái món bí mật vô nhà. Trong lúc thím Tư Hiền chào hỏi mọi người, hai người đàn ông đem thẳng món đồ vô phòng ngủ, chỗ Ngát đang nằm với em bé. Cả nhà đều đổ xô tới cánh cửa, chen nhau ngó vô phòng, sự hiếu kỳ đã tăng lên tột độ.

Ngát đang ngơ ngác, chưa hiểu gì hết thì Thịnh đã kéo tấm vải điều xuống, để lộ ra một cái nôi em bé làm bằng mây, bên trong có sẵn một tấm nệm nhỏ do thím Tư Hiền may thiệt khéo. Thịnh tiến

tới đứng kế bên cái nôi, trịnh trọng nói, giọng không che nổi xúc động:

“Tết năm nay thiệt là đáng nhớ, phải không em. Lâu nay anh nhờ vợ chồng chú thím Tư Hiền giúp làm cái nôi này để làm một món quà bất ngờ, trước là để cho con nhỏ Tú, sau là để kỷ niệm ngày cưới của vợ chồng mình”.

Bất giác, cả nhà đang thập thò nơi cánh cửa đều đồng loạt vỗ tay tán thưởng. Thịnh âu yếm ẵm con bé Tú lên, nhẹ nhàng đặt con vô cái nôi mới tinh, còn thơm thoang thoảng mùi mây tươi. Ngát rưng rưng nắm lấy tay chồng, vừa cảm động, vừa thấy mình có lỗi vì lâu nay đã nghi ngờ không đúng. Bé Tú cựa mình trong nôi, ọ ẹ mấy tiếng. Một loạt pháo từ xa bỗng đồng loạt vang lên, như nhắc nhở mọi người mùa xuân đã vô đến tận những ngõ ngách xa xôi nhất của xóm làng.



Trần C. Trí



CHÚC TẾT

*Ròng vẫy đuôi đi, Rắn ngẩng đầu,
Xuân này tươi đẹp đến xuân sau.
Giáp Thìn viên mãn như tâm nguyện,
Ất Ty vẹn toàn tựa ước ao.
Sung túc khang ninh tà mây hổ,
Cát tường phú quý sánh mai hoa.
Nhân thân gia tộc đoàn viên mãi,
Yêu thương đầm ấm khắp muôn nhà.*

Trần C Trí



Đêm Giao Thừa Của Những Người Lính Mất Nước

**** PHẠM THÀNH CHÂU ****
(Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi)

Năm 1981, tôi được gọi tên ra khỏi nhà tù Cộng Sản. Hơn sáu năm tù là tiêu chuẩn thấp nhất cho tù quân, cán, chính, đảng phái, tôn giáo Việt Nam Cộng Hòa.

Thông thường, tù được thả về vào những dịp lễ, tết. Tôi ở tù vùng núi rừng tây bắc Việt Nam, được thả về trước tết âm lịch. Đi xe lửa Hà Nội-Sài Gòn, về đến ga Bình Triệu thì đúng vào 29 tháng chạp âm lịch. Tôi đi bộ từ ga Bình Triệu về đường Võ Duy Nghi, Phú Nhuận (Sài Gòn). Khi đi tù, tôi có gửi thư về nhà cha mẹ vợ, ở đường Võ Duy Nghi, là nơi vợ tôi và hai đứa con tá túc, nhưng không thấy trả lời cũng chẳng được thăm nuôi trong mấy năm đi tù. Nhờ sức trai, tôi chịu đựng được chứ mấy ông lớn tuổi mà không có thăm nuôi, bệnh hoạn, đói lạnh, chết gần hết. Tôi từng thấy nhiều ông tù chết, được bó bằng cái chăn rách của ông ta, bỏ lên xe cải tiến, kéo đi trong sân, ra cổng. Hai cái chân khô đét, xanh lét thò ra khỏi xe, nhíp lên nhíp xuống theo bánh xe gập ghềnh, tưởng như người chết nằm rung chân khoái trá được vĩnh viễn ra khỏi nhà tù, lên gò nằm ngủ khỏe, khỏi phải “lao động là vinh quang”.

Khi tôi đến nhà bên vợ, mới bước lên thềm, tôi đã dội ngược. Nghe giọng Bắc Kỳ 75, tôi biết gia đình cán bộ đang ở trong đó. Như vậy, gia đình bên vợ tôi đã bị đánh tư sản, tài sản bị tịch thu, cả nhà bị đưa lên kinh tế mới. Chẳng biết vợ con tôi bây giờ ra sao? Tôi ôm gói đồ tù, gồm quần đùi, khăn lau mặt và bàn chải đánh răng. (Người tù, khi được thả về, tất cả áo quần, mũm mìn, lương thực thăm nuôi, thuốc men... đều để lại cho bạn tù, chỉ đem theo vật dụng đi đường) đi lang thang mà chẳng biết về đâu? Anh em ruột thịt chưa chắc đã dám cứu an các cấp đến hạch sách, hăm dọa thường xuyên, nên tôi chẳng hy vọng gì ở từ tâm của bà con, bạn bè. Có lẽ phải sau tết, tôi đến hàng xóm của gia đình bên vợ hỏi thăm tin tức thì họa may.

Tôi cứ đi lòng vòng trên đường Võ Duy Nghi, Hai Bà Trưng, Hiền Vương với cái bụng trống rỗng, nhìn ngơ ngáo mấy chậu bông tết người ta bày bán trước nhà thờ Tân Định, chứ không dám nhìn vào mấy tiệm bánh, hủ tiếu, phở. Đói bụng nên mũi rất thính. Mùi thơm của thức ăn từ các tiệm đó làm chảy nước miếng. Khoảng mười giờ tối, đi rã chân, tôi nằm đợi vào một hiên nhà người ta,

trên đường Hai Bà Trưng, bên kia đường là nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Hai bên lề đường Hai Bà Trưng, giăng đầy mùnng của dân kinh tế mới. Họ là dân Sài Gòn, sau năm 1975 bị đánh tư sản. Nhà nước Cộng Sản tịch thu tài sản, đẩy lên kinh tế mới với hai bàn tay trắng, nơi rừng núi hoang vu khai phá đất đai sinh sống, nhưng bệnh và đói, chết dần, họ bỏ về Sài Gòn, ngủ lề đường cùng với dân bụi đời, vô gia cư, cầu bơ cầu bắt.

Vừa thiu thiu ngủ, tôi bỗng bị đá vào người rồi có tiếng nạt:

“Ông này. Chỗ của tụi tôi, ai cho ông nằm đây?”

Tôi giật mình, lồm cồm ngồi lên, ôm gói đồ tù:

“Xin lỗi. Tôi tưởng không có ai”.

Qua ánh đèn đường, tôi thấy hai cậu trung niên, khoảng bốn mươi tuổi, tướng bặm trợn, đứng chống nạnh nhìn tôi. Khi tôi bước xuống thềm, đi được mấy bước thì bị gọi giật lại “Chú!” Tôi dừng lại, yên lặng quay nhìn

“Chú có phải đi tù về không?”

“Phải. Mà sao?”

“Chú cứ ngủ đây đi. Tụi này ngủ lề đường cũng được”

“Sao cũng được. Cám ơn!”

Làm phật lòng mấy tay này chỉ thêm phiền nên tôi phải vâng lời, quay lại, nằm xuống hiên, gối đầu lên bọc đồ tù, nhắm

mắt để đó chứ không ngủ tiếp được. Hai tay giang hồ này, lẽ ra, có thể nằm phần còn lại của hiên nhà nhưng lại giăng mùnng ngủ trên lề đường, gần nơi tôi nằm. Hai cậu nằm trong mùnng vừa chuyện trò vừa chửi thề rồi cười hắc hắc nghe thật ngang tàng. Tôi nằm nhìn thiên hạ qua lại. Xe gắn máy chạy vù vù, người đi bộ lê dép lẹp xẹp. Tôi không biết ngày mai đi đâu với cái túi trống trơn và cái bụng xẹp lép? Mấy năm tù đã làm cho đầu óc tôi mù mẫm, chẳng thềm lo nghĩ. Đến đâu hay đó. Trong tù, sáng nghe keng báo thức, dậy ra ngồi trước cửa nhà tù để cán bộ coi tù đếm tù, lãnh mấy củ khoai mì hay trái bắp, ăn xong chờ keng để sắp hàng ra cồng, lao động. Chiều về, lại mấy củ khoai, trái bắp gì đó, ăn xong, ngồi cho cán bộ đếm tù rồi vô nhà tù nằm chờ giấc ngủ. Cán bộ khóa cửa nhà tù, bỏ đi. Tù kiệt sức sau một ngày lao động, đói và mệt rã rời nên ngủ vùi, có thao thức mà nghĩ đến gia đình cũng vô ích. Trong tù, chẳng ai biết ngày giờ, chỉ khi nào được chén cơm trắng với chút mỡ heo hoặc miếng thịt trâu mới biết là ngày lễ lớn hoặc tết nhất. Nghỉ một ngày lao động, ăn chén cơm là biết một năm đã đi qua nhưng không bao giờ tự hỏi mình đã bao nhiêu tuổi rồi? Càng suy nghĩ càng mau chết vì mất ngủ. Nhiều ông lớn tuổi, bệnh hoạn, tối nhắm mắt để rồi sáng hôm sau không thềm mở mắt. Cứ thế mà vào cõi hư vô...

Đang suy nghĩ linh tinh thì có hai ông xuất hiện, dừng lại trước hiên, nơi tôi nằm. Thấy mỗi ông một gói đồ tù trên tay, tôi biết ngay là bạn “đồng tù” nhưng làm thinh. Một ông thấy tôi nằm lơ mắt nhìn, bèn hỏi:

“Anh ơi. Chỗ này còn trống, cho tụi tôi nằm đỡ. Được không?”

“Đây đâu phải nhà của tôi. Máy anh cứ tự nhiên”.

Hai ông bèn bước lên thềm, ngồi xuống, tựa lưng vào tường, duỗi chân, ẹo mình coi bộ mệt mỏi. Họ nói chuyện rì rì nhưng tôi nghe rõ và biết họ cũng từ ngoài Bắc về chung một chuyến xe lửa cuối năm với tôi. Họ đối đáp nhát gừng nhưng vẫn đậm đà tình thân. Họ kể về các trận đánh trong đó có bạn bè, người còn, người mất. Khi nhắc đến người bạn nào đã ngã gục ngoài chiến trường, họ tặc lưỡi, thì thào “Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”. Tôi cũng tốt nghiệp sĩ quan nhưng về bộ binh, nghe họ chuyện trò, tôi biết hai ông là lính dù, một ông là đại đội trưởng, ông kia là sĩ quan pháo binh tiểu đoàn dù. Hình như họ cùng tiểu đoàn nên chuyện trò rất thân mật. Trong câu chuyện, chẳng ai nhắc đến bóng hồng nào mà toàn chuyện lính tráng, đánh đấm. Tuổi trẻ miền Nam lớn lên, vừa xong trung học, buông bút là vào quân trường cầm súng chiến đấu chống xâm lược cộng sản miền Bắc.

Lúc đó đã về khuya, đường phố vắng tanh, hai cậu bụi đời đã im tiếng, hình

như đang nằm lắng nghe hai ông bạn tù của tôi trò chuyện. Bỗng cái mùng động dậy và hai cậu chui ra, đứng dưới thềm, trước hai ông bạn tù, người thẳng đơ, đưa tay lên chào theo kiểu nhà binh. Một cậu nói lớn: “Trung sĩ nhất Nguyễn Văn X. số quân...trình diện thẩm quyền, chờ lệnh!”

Một cậu ngậm ngùi: “Từ ngày mất nước, các cấp chỉ huy đi tù, tụi em tan hàng, bơ vơ, buồn muốn chết. Tụi em nhớ đơn vị, nhớ cấp chỉ huy, nhớ súng đạn, ba lô... nhớ đủ thứ. Tôi ngồi lên: “Mình nói chuyện có làm phiền chủ nhà không?”

“Ông thầy khỏi lo. Họ ngủ trên lầu. Hai ông bà chủ nhà có con là đảng viên làm lớn, được cấp nhà tịch thu của tư sản. Tụi em ngủ ở đây, giữ gìn sạch sẽ, khỏi sợ trộm cắp nên họ để yên”.

Hai cậu bụi đời thì thào với nhau rồi cậu trung sĩ đứng lên, trịnh trọng thưa:

“Thưa, mấy khi thầy trò được gặp lại nhau, tụi em có ý kiến như thế này. Tụi em đi kiếm rượu và mời nhấm để mấy ông thầy và tụi em lai rai đón giao thừa...”

Một ông cười khan: “Nghe văn chương của cậu là hiểu ý rồi đó. Tụi này vô sản, mấy cậu kiếm xì để là đủ rồi, khỏi mời miếc phiền phức, tốn kém”

“Không bao nhiêu đâu. Mấy tiệm phở sắp đóng cửa, họ bán xí oách rẻ đi. Mình không lấy họ cũng đỡ bỏ”

“Khuya rồi, ai mà còn bán rượu nữa?”

“Ông thầy khỏi lo. Tụi em là mấy con ma, chỗ nào không biết!”.

Buổi “tiệc đón giao thừa” gồm hai xị đế và thau xí oách (xương bò, xương gà) với một cái ly nhỏ để trên một tờ báo được trải ra. Người này “dzô” xong một ly thì rót cho người kế tiếp, cứ thế xoay vòng. Nhờ hơi men, những câu nói nhát gừng đã thành rôm rả. Chiến trường đã im tiếng súng, họ là kẻ chiến bại, là kẻ mất nước, bị đối phương khinh miệt, tù đầy, hành hạ để trả thù. Buổi “tiệc” cuối năm càng về khuya càng thân mật, thỉnh thoảng có tiếng cười.

Ngoài đường đã vắng bóng người. Đường phố như ngủ say dưới ánh đèn vàng vọt. Lúc đó đã vào khuya. Đột nhiên, trong đêm vắng, vài tiếng pháo nổ lẻ tẻ, vang đến từ chợ Tân Định. Rồi như cùng hẹn trước, tiếng pháo đồng loạt nổ vang khắp nơi. Giờ giao thừa! Mọi người đón mừng chúa Xuân bằng những tràng pháo và lễ vật trên bàn thờ, trước cửa nhà. Pháo nổ liên tục chen lẫn với tiếng pháo tống, pháo đại khiến bản năng người lính bị kích động. Mùi thuốc súng khiến thần kinh những người lính chúng tôi càng thêm căng thẳng. Hai cậu cựu binh như bị đồng nhập, tay nắm lại, cầm bạnh ra, mắt trừng trừng nhìn hai ông cựu sĩ quan.

Một cậu chòm tới, hét lên trong tiếng nổ hỗn loạn: “Thảm quyền! Thảm quyền ban lệnh đi. Chả lẽ nằm đây chịu chết sao?”.

Tôi quay nhìn. Hai ông cựu sĩ quan dù lác đầu, mắt nhìn trừng trừng vào khoảng không trước mặt. Rồi nước mắt họ ứa ra, trào xuống gò má xương xẩu, long lanh ánh chớp của pháo nổ.

Bỗng, một ông (sĩ quan dù) kêu lên, giọng đằm tình. “418, đây 314, xin tác xạ, hết”

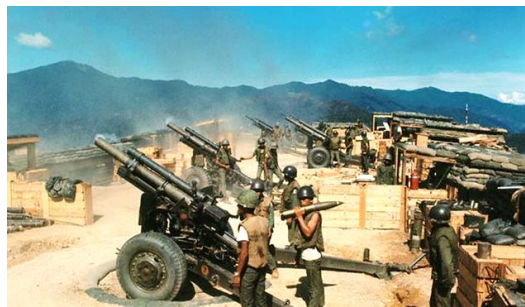
Ông ngồi bên cạnh (sĩ quan pháo binh), trả lời. “314, đây 418, xin tác xạ, hết”.

Thế rồi cuộc trao đổi truyền tin diễn ra giữa hai người trong vai trò một sĩ quan tác chiến và một pháo đội trưởng đơn vị nhảy dù:

“Lệ Hằng, phải 1.5, lên 2.3 một khối nổ chạm. Bắn khi sẵn sàng, hết”

“Hỏa tập cận phòng. Năm tràng, bắn hiệu quả, hết”

“Năm tràng, bắn hiệu quả, hết” ...



Giọng hai ông bạn tù của tôi vẫn mạch lạc, điều động nhịp nhàng pháo binh yểm trợ như trong một trận chiến sắp nổ ra. Tôi hình dung một đại đội dù đóng quân trên một ngọn đồi, địch quân theo dõi, bao vây và tìm cách tràn ngập. Các

toán tiền đồn gọi về báo động. Toàn đơn vị đã sẵn sàng chờ địch. Hai ông cựu sĩ quan dù như đang cùng hồi tưởng lại một một kỷ niệm chiến đấu nào đó đã xảy ra và hai cậu cựu binh cũng là những người đã từng tham dự những trận đánh đẫm máu...

Cuộc trao đổi truyền tin trong tiếng pháo giao thừa vẫn tiếp tục. Người chủ nhà trên lầu lại gắn thêm một dây pháo nữa, pháo nổ càng dữ dội, và như cao hứng, những căn nhà kế bên cũng đem pháo ra đốt tiếp. Tiếng nổ càng dồn dập, khói súng càng mịt mù.

Ông bạn tù lại cao giọng: "Các hỏa tập cũ đều kéo vào 50, sẵn sàng bắn, vị trí sắp bị tràn ngập, hết"

"Hỏa tập cũ kéo vào 50, bắn, hết" ...

Hỏa tập thường được kéo vào sát vị trí phòng thủ để chặn địch tràn ngập. Hai cậu cựu binh ngồi chết sững, thỉnh thoảng cựa quậy như không chịu đựng được các bắp thịt và thần kinh đang căng lên hết mức.

Vẫn giọng bình tĩnh: "418, đây 314, địch tràn ngập vị trí. Hỏa tập tối đa, nổ chụp ngay trên đầu tôi, hết"

"Xin 314 nhắc lại, hết"

"418, đây 314, địch tràn ngập vị trí, hỏa tập tối đa ngay trên đầu tôi, hết"

Giọng ông pháo binh khàn khàn, nghẹn ngào: "Bắn trên đầu bạn ư?"

"418, đây 314. Có bao nhiêu ông phang hết lên đầu tôi. Đó là lời cuối cùng"

"314, đây 418, xin xác nhận lại. Nghe tôi không? Xin 314 trả lời... Vâng, hỏa tập tối đa trên đầu bạn. Vĩnh biệt 314"...

(Sự thật. Đơn vị đã rời vị trí. Các đặc lệnh truyền tin vẫn tiếp tục trao đổi để đánh lừa kiểm soát của địch)

Tiếng pháo giao thừa đã dứt. Cả thành phố im lặng như đang mặc niệm tử sĩ. Vẳng lại từ xa vài tiếng nổ lẻ tẻ, rời rạc rồi lịm dần, tưởng chừng như chiến trường đã bị kéo trôi đi xa, chỉ còn lại cảnh bình địa hoang tàn.



PHẠM THÀNH CHÂU





Tình Cốt Hương

♩ = 70
Slow Rock

Nhạc và Lời : NGUYỄN VĂN ĐÔNG



Khi anh rời xa cố hương, tâm hồn anh vẫn
Khi anh rời xa cố hương, nghe lòng mang vết
Nơi muôn trùng xa nước non, chân tình anh sắt



vương theo từng cây số buồn. Nhớ cây bàng lặng bến
thương: "Quê người xa cội nguồn". Nhớ cầu hò se lúa
son, không ngại cầu đá mòn. Thấy mai đào khoe sắc



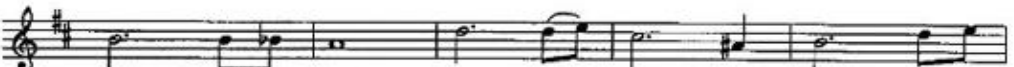
sông, mái chèo khuấy ánh trăng, chuyển đồ duyên ái ân chúng
đôi, cánh cò nghiêng thả...
xuân, cánh nhạn trong gió...



minh. ...trôi, bếp chiều hương cốm thơm vành môi.
...sương, nghe lòng vang khúc ca hoài hương./.



Xa cố hương miền thương bao dấu yêu. Tóc mẹ già sương



muối dắng nghiêng xiêu. Trông cánh chim về phương chân núi



xa. Nhớ quê nhà nằm mơ đôi cánh bay.

D.S. al Fine

Tâm Hào hát "TÌNH CỐ HƯƠNG" - Sáng tác: Nguyễn Văn Đông (1932-2018)
<https://www.youtube.com/watch?v=PTKJEUZ0wKk>

50 NĂM

*nửa tròn thế kỷ, rời xa mẹ
chân bước hoang gầy, kẻ tha phương
trên đóa mai vàng, mưa rơi khê
mỗi Tết lạng thâm, xót xa thương*

*nhìn lại buổi chiều, buồn ni nớ
bỏ mảnh trăng dài, mẹ và cha
góc đèn cô quạnh, bàn tay với
ai hiểu thuyền nhân, lệ đã già*

*50 năm hồi, đời viễn xứ
rửa hồi cành đào có nhớ ta
lá sầu đâu đắng còn đây chứ
Tết bạc mái đầu, sạm áo da*

*ngủi thương con nước phù sa mặn
lệ cũng mặn tràn những Mười Thương
mắt đỏ guộc gầy, trời xa vắng
trôi dòng biển nhớ một quê hương*

*đắm đắm chiêm bao, ai còn trẻ
cháy nuối tuổi đời giữa chiều hoang
sớm mai nhắm mắt, màu tịch lệ
bụi gió đơn côi, chiếc lá vàng*

*chữ S bên trời, con khép lại
giữ vào tim nhớ thuở xa xưa
ầu ơ tiếng hát ngày thơ dại
quạnh quẽ mẹ chờ, lệ khóc mưa*

*dáng xuân Ất Ty, xin làn phước
chia tiễn ông Thìn dưới áng mây
mong tuổi về khuya còn để bước
xuôi về cố quận, buổi sum vầy*

*mẹ ngồi, bóng nhớ trên đồi cát
cha cuối viên trời, hạt sương rơi
đi mô sợi tóc, con đã bạc
rớt nẻo tim về trong giấc mơ*

*đêm đông đưa vông, đèn khô khóc
mười tám nghìn ngày đã như mơ
cuối bãi ầu ơ, cơn gió khóc
buốt lạnh vào lòng một chữ thơ...*

Trường Đình

UK, sương mù già 2025



VỀ THĂM

Từ xứ lạ ta về
Thăm người xưa cảnh cũ
Dòng đời như cơn lũ
Cuốn mãi đời ta đi.
Hoàng Song Liêm

*Có những con đường
trên khắp nẻo quê hương
Vẫn đọng đầy kỷ niệm
Của một thoáng đời trai
Chí những toan đời non, lấp biển
Mùa từng mùa chinh chiến điều linh.
Có những con đường Sài Gòn
rợp bóng cây xanh
Của những chiều hẹn hò
Tay đan tay còn vương mùi áo trận
Vai kề vai còn thơm áo học trò...
Có những con đường Sài Gòn
rợp lá me bay
Của những chiều cuối tuần
Trên những hè phố cũ
Tay trong tay người yêu bé nhỏ
Đầu đường góc phố tìm nhau...
Và Sài Gòn có những đêm đầu
Đèn xanh, đèn đỏ*

*Bạn bè ta ở đây, ở đó
Tìm nhau trong cơn say
Chờ nhau trong quán nhạc
Bốn phương, tám hướng xum vầy...*

*Bấy nhiêu năm xa cách đã bao ngày
Từ xứ lạ, ta về đây chốn cũ
Nhìn cho rõ mặt mày
Bạn xưa còn mấy đũa?
Ôi, tóc trắng đã như mây
Mộng đời thôi đã lỡ
Gọi một cơn say
mong được cười nghiêng ngửa
Sao nước mắt người đầy,
Sao nước mắt ta chan?*



Hoàng Song Liêm



XUÂN ẤT TỶ 2025 * XUÂN ẤT TỶ 2025 * XUÂN ẤT TỶ 2025

Đón chào xuân Ất Tỵ
Ba mươi năm Cỏ Thơm
Đãi trăn dầy thi vị
Ngày càng tươi thắm hơn...

Phan Châm
tháng 12-2024

XUÂN ẤT TỶ 2025 * XUÂN ẤT TỶ 2025 * XUÂN ẤT TỶ 2025



Tranh: Vi Vi Võ Hùng Kiệt

Mùa Xuân Núi Quê

Bom cày chân Đá Tĩnh
Pháo đập đỉnh Dương Kiều
Bão lửa hú kinh dị
Lũng mù xác hỏa thiêu
Chiều buồn nghe tiếng quạ
Xuân đến trong tiêu điều
Cạn kiệt dòng sông chết
Cây tàn, bóng đổ xiêu.

Lý Hiểu

Chào Xuân

Trầm hương linh khí quỳ non sông
Thành kính tri ân trọn tấm lòng
Thạch Hãn triều dâng lời hạnh ngộ
Hiếu Giang nước đổ tiếng đàn trong
Ồ Lâu thuyền đợi đưa mai thắm
Vĩnh Định đò sang gởi thiếp hồng
Ác mộng lửa binh vào dĩ vãng
Chào xuân thiên nhạ vọng tinh không



Lý Hiểu

Thương Tiếc Xuân

Xuân ơi sao vội qua mau
Soi gương làn tóc điểm màu gió sương
Lạc loài cánh én viễn phương
Quê hương vơi vợi sầu vương chiều tà
Đêm thâu nhìn lại bóng ta
Chùng như xa lạ ngỡ là đáng ai
Dặm trường phiêu bạt xuân phai
Còn trong nỗi nhớ chia hai mộng đời
Con thuyền lạc bến chơi vơi
Xạc xào tiếng sóng chiều rơi tím buồn
Lối về nhòa nhạt mưa tuôn
Bao giờ tìm lại cội nguồn ngày thơ
Bến xưa thuyền có đợi chờ
Bóng người năm cũ chưa mờ trong tâm
Trải bao dâu bể thẳng trầm
Nhớ thời son sắt âm thầm tiếc Xuân.



Minh Giang

HƯƠNG VỊ TẾT

Truyện ngắn

** NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG **

Lễ Giáng Sinh vừa qua, Tết ta vừa tới. Bầu trời Virginia hôm nay xám đục màu tro như sắp có tuyết hay mưa. Cây cối hai bên đường gầy khô, trơ cành trụi lá, co ro, dựa dẫm vào nhau trong giấc đông miên, cho quên đi lạnh giá, tuyết băng. Chỉ loài vạn niên thanh, những cây thông của Nguyễn Công Trứ vẫn xanh lá, hiên ngang vượt thời gian, thời tiết, *đứng giữa trời mà reo!*

Nguyễn, Thúy, Quỳnh mặc cho trời gió rét căm căm, phơi phới rủ nhau đi chợ Tết Cộng Đồng để tìm lại hương vị quê xưa. Ba bà đi rất sớm vẫn phải đậu xe thật xa. Đã trang bị áo choàng bông, khăn quàng len, bao tay da, giày cao cổ, các bà vẫn run lập cập, miệng thở ra hơi nóng.

Làn sóng người đông đảo đổ dồn vào cửa chính trường Trung học rộng lớn T.C. Williams trên đường Leesburg Pike, Alexandria, Virginia. Không khí hội chợ nhộn nhịp, hào hứng trong hành lang. Những lời chào mừng của ban tổ chức, những bài hát Xuân Tết quê hương oang oang qua loa phóng thanh.

Đồng bào đủ lứa tuổi có mặt. Con cái khoảng tuổi Nguyễn đưa các bậc cha mẹ già tới. Cha mẹ trẻ cỡ con cái Nguyễn ôm đất những đứa bé nhỏ và dễ thương như búp-bê.

Nhiều cô cậu tí hon lần đầu được mặc quần áo gấm dài Việt Nam, trông đẹp như tiên đồng, ngọc nữ. Nhiều bà, nhiều cô mặc áo dài nhưng mượt mà hay gấm lụa óng ả, sặc sỡ. Máy hình, máy quay phim làm việc lia lịa. Người quen chào hỏi nhau tíu tít. Ba người bạn gái cảm thấy hồi xuân, hân hoan yêu đời lạ thường.

Phòng ăn nhà trường trở thành chợ Đồng Xuân, chợ Bến Thành, đầy ngập hàng quà, bánh mứt, thức ăn thật quyến rũ. Nguyễn luôn luôn giữ gìn thân hình thon thả, nằng không ăn nhiều đồ ngọt. Nhưng con cháu về nhà cha mẹ ăn như hăm chẳng khác gì chị em Nguyễn khi còn niên thiếu. Nàng lựa mua mứt sen, mứt dừa, mứt gừng, mứt quất, hồng khô, hạt dưa mỗi thứ một hộp. Nguyễn vẫn không bỏ được tạt cắn hạt dưa đến đỏ môi như các cô thôn nữ ngày xưa ăn trầu cắn chỉ.

Quỳnh nhìn cái bánh chưng cất làm đôi bày hàng, trầm trồ:

- A, bánh chưng gian hàng này xem ra nhiều nhân, nhiều thịt, rền nếp đấy.

Nguyễn cũng nghĩ thế, nhưng thấy bánh tết hấp dẫn hơn:

- Ô kìa, đòn bánh tết ba màu kia trông ngon nhỉ?

Nguyễn kể cho hai bạn nghe, hồi còn đi học, một lần vào dịp giáp Tết đi chơi Cần Thơ với gia đình được thưởng thức bánh tét nóng hổi vừa vớt ra khỏi nồi luộc. Những khoanh bánh tét ba màu đậu xanh, đậu đỏ, chuối tím thơm ngậy.

Để tìm lại hương vị đó, nên dù ở nhà đã có hai cặp bánh chưng đặt mua từ người bạn, Nguyễn vẫn mua thêm cặp bánh tét to như cái bắp đùi thằng cháu ngoại bụ bẫm. Thời buổi *computer*, Nguyễn vẫn kiên không mua một chiếc bánh tét lẻ loi, e vợ chồng nàng chia lìa, sợ cuộc đời cô đơn.

Hình như bánh mứt hí hửng, vui mừng được nàng mua bỏ vào giỏ, không phải chịu cảnh ế ẩm như số phận nhiều món hàng khác còn nằm lại xạp hàng lúc tan chợ chiều. Người đi đông, người mua ít, hàng bán chông chất, ngát ngư, không thiếu thứ gì và có phần tinh khiết hơn sản phẩm nhập cảng từ bên nhà.

Những gian hàng bún ốc, bún riêu, bánh tôm, bánh cuốn, cháo lòng... tấp nập kẻ ăn, người uống xì xà xì xụp. Kẻ đứng lên, người ngồi xuống thế chân liền. “Ba bà đi bán lợn xè” thềm lẩm, nhưng ngại ngần chẳng muốn ăn uống trong không khí nóng hầm, người người chen chúc, áo len, áo dạ ngót ngát. Có lẽ vài ngàn người vào chợ Tết lúc đó. Ba bà bàn nhau lát nữa ra tiệm ngoài phố ăn thoải mái hơn. Nghe nói các tiểu bang ẩm áp khác như California,

Florida... có chợ Tết ngoài trời, nhộn nhịp, tưng bừng! Nghĩ mà thèm!

Phòng thể thao trường trung học đó dành cho hàng hoa, sách báo, tranh ảnh, quần áo. Hoa thiệt, hoa giả rực rỡ đủ màu, cành đào, cành mai, chậu cúc, thủy tiên, núi non bộ nước chảy róc rách. Cây trái có cam, quýt, quất vàng ối, trĩu trĩu. Tuy ở đây không thể so sánh với chợ hoa Tết Hàng Lược, Hàng Khoai Hà Nội hay Đường Nguyễn Huệ Sài Gòn cũ, người ta cũng tìm thấy khung cảnh náo nức, thân thuộc quê xưa. Quỳnh chỉ chọn chực bông Huệ. Thúy mua bó lay-ơn đỏ bày bàn thờ. Vừa đi dự buổi chỉ dẫn cắt tỉa thủy tiên, Thúy và Quỳnh mua sách và củ hoa về thực hành nên đã có sẵn mấy cái chậu cho thủy tiên ở nhà. Hai bà đang hồi hộp và cầu mong hoa sẽ nở đẹp trong ngày Tết để lấy hên.

Nguyễn không định mua hoa, vì đã có chậu quất từ mấy năm trước, vẫn ra hoa, đậu trái đều đều. Vài cành đào, cành mai vàng cắt từ ngoài vườn, vài củ thủy tiên Hòa Lan trồng trong chậu đã hé nụ. Năm ngoái, Nguyễn cắt ngâm hoa mai, hoa đào quá chậm, thời tiết quá lạnh, nàng phải chong đèn nhiều đêm cho hoa nở vào đúng đêm ba mươi. Còn thủy tiên ươm quá sớm, đâm trời vòn vọt không kịp hãm. Nguyễn phải mua cành tre nhỏ, buộc nơ đỏ cho mấy cô tiên nước cao lênh khênh, không nghiêng ngã, lả lơi.

Chẳng như ngày xưa, ông thân sinh ra Nguyễn gọt ngâm thủy tiên vừa nở đúng hương khói giao thừa tỏa thơm nghi ngút, chuông trống nhà thờ, nhà chùa, đình, đền rộn ràng đồ hồi báo hiệu năm cũ hết, năm mới sang. Nguyễn vẫn giữ truyền thống, hoa tươi nở suốt tháng Giêng như thưở còn sống bên cha mẹ. Ngày xuân thiếu hoa như cuộc đời thiếu hạnh phúc. Ngày Tết thiếu đĩa trái cây như gia đình thiếu đàn con cháu chất.

Gian hàng bán lịch, sách, báo Xuân với hình bìa mỹ nhân, tổ nữ, danh lam thắng cảnh lộng lẫy đến hoa mắt người nhìn. Chẳng cần biết nội dung ra sao, Nguyễn chọn tờ báo có hình cảnh đào đỏ như xác pháo nghiêng nghiêng qua Tháp Rùa. Nàng ngạc nhiên hỏi hai bạn:

- Ô hay, người ta trồng đào bên Hồ Hoàn Kiếm hồi nào vậy?

Quỳnh ngắm bìa báo:

- Chắc rằng nhiếp ảnh gia ghép in thêm hay chụp cảnh Tháp Rùa với cảnh đào mang theo để ngang ống kính. Thời buổi này, *Computer* có thể thêm bớt biến đổi, chế tạo đủ hình ảnh như ý muốn.

Nguyễn mơ mộng:

- Tại sao người ta không trồng một vườn đào bên Hồ Gươm như rừng hoa anh đào Nhật Bản bên bờ sông Potomac, Washington, D.C. nhỉ?

Thúy vẫn chăm chú gặt gù nhìn cái bìa báo:

- Bây giờ người ta có thể trồng hoa đào xung quanh Hồ Hoàn Kiếm lắm chứ?

Thực vậy, mười mấy năm sống nơi chôn nhau cắt rốn đó, Nguyễn không thấy hoa đào nở quanh Hồ Gươm. Có chăng là những cành đào được đem đến quán bán hoa hay *Kermesse* tấp nập, đồng đảo thường được tổ chức vào dịp Tết và dựng lên bên hồ từ Nhà Thủy Tạ đến Hàng Khay, Hàng Trống. Đã lâu lắm rồi, nhưng Nguyễn vẫn còn nhớ người ta có thói quen gọi chợ phiên bằng tiếng Pháp *Kermesse* như vậy.

Chị em nàng ham nhất môn chơi ném vòng vào cổ những con vịt sống chạy lông nhông trong sân cỏ. Các cô cũng rất thích trò chơi len lỏi và lạc luôn trong các ngõ ngách “Làng Da Đỏ”, tưởng chừng không tìm thấy lối ra.

Trong hội chợ tưng bừng ấy, mấy cô bé còn thích thú nhìn trộm những cặp trai thanh, gái lịch kề vai sát cánh, xem họ có tình ý với nhau như thế nào, để rồi nháy mắt nhau cười khúc khích...

Như người đi trong mộng, Nguyễn mỉm cười nhìn thanh niên nam nữ trong chợ Tết hải ngoại đang ở tuổi đẹp nhất cuộc đời, đầu mày cuối mắt đuối bắt, đưa duyên thật ngộ nghĩnh, dễ thương.

Quỳnh, Nguyễn, Thúy tay xách nách mang định ra về, nhưng khi đi ngang qua rạp hát nhà trường thì ngừng lại vì tiếng trai trẻ hát ví von:

*Thân em như tấm lụa đào,
Phát phơ giữa chợ rơi vào tay
anh...*

Cả ba cùng xôn xao:

- Cái gì mà hay vậy kia?
- Tụi mình vào xem đi!
- Ừ, ghé một chút nhì.

Ba người bạn tò mò đi theo tiếng hát quyền rũ ấy và tới sân khấu được trang hoàng với mái đình làng, cây nêu, cành pháo. Trẻ con, người lớn ăn uống, mua sắm xong, đổ sang phòng này để xem các hội đoàn quanh vùng tình nguyện trình diễn văn nghệ dân tộc miễn phí cho đồng bào xem. Một nhóm sinh viên nam nữ đang diễn cảnh hội hè đình đám thôn quê.

Lâng lâng vui, Nguyễn liên tưởng tới ngày Tết ấu thơ, khi gia đình ở ngoại ô Hà Nội. Chị em Nguyễn ra đường làng khoe quần áo mới đẹp. Hai cô chị cùng mặc áo dài nhung hoa gạo màu hồng, quần sa-tanh trắng, hài cườm tím. Nguyễn lần đầu trong đời mặc áo dài lụa màu vàng, quần trắng lướt thướt. Đôi giày da đen bóng lộn. Tóc được mẹ cài nơ màu vàng. Chẳng gì thần tiên hơn những ngày Tết ấu thơ ấy.

Làng chỉ cách Hà Nội vài cây số, nhưng dân sinh trưởng ở đây ăn mặc khác hẳn người trong gia đình Nguyễn. Đàn ông con trai đội khăn xếp, mặc áo the thâm, quần vải trắng hồ bột cứng queo, kêu sột soạt mỗi bước đi. Đàn bà con gái mặc quần,

hay váy lĩnh đen, áo tứ thân, khăn mỏ quạ. Trẻ con để tóc trái đào, đi theo trâm trờ, nhìn ngắm mấy cô bé Hà Nội cũng đang ngẩn ngơ nhìn chúng. Thôn nữ ríu rít đi trẩy hội chùa làng bên với thúng xôi nếp trắng, xôi gấc đỏ, xôi hoa cau lấm tấm đậu vàng còn nóng hổi. Các cô gái quê nhí nhảnh, duyên dáng, môi trầu cắn chỉ, đỏ như son. Họ đi thi nấu xôi khéo đấy... Các cô mặc yếm đào, yếm thắm, khăn lưng phát phới, hoa lý, hoa sen, thiên thanh, hồ thủy rục rở đủ màu. Hình ảnh quê hương thanh bình, muôn đời vẫn đẹp trong lòng người.

Rời chợ Tết, ba người bạn ghé tiệm ăn vắng hoe, mỗi người làm một tô bún ốc nóng hổi thơm mùi hành, gừng. Họ chuyện trò cả giờ chẳng chán. Đã có mặt trên trái đất gần nửa thế kỷ như hai bạn, Quỳnh là góa phụ một con đã trưởng thành. Thúy chưa có chồng từ ngày nàng bị người yêu đầu tiên và cũng là cuối cùng lừa dối. Quỳnh, Thúy đều có việc làm tốt và tự lập. Mỗi người một căn nhà hai phòng trong cùng chung cư Khang Trang. Nguyễn ly dị một lần và đang sống hạnh phúc với người chồng thứ hai.

Rời tiệm ăn, ba người bạn đi vài bước tới tiệm thực phẩm Việt Nam. Gần như cả ba mua thịt bò bấp để kho bó với gừng, cá thu kho riêng, cải xanh muối dưa, su hào, củ cải, cà-rốt làm đồ chua. Nguyễn ngạc

nhìn thấy những cây mía cao, lá còn xanh tươi trong góc tiệm. Ngày xưa, để đem sêu Tết thông gia, mẹ Nguyễn thường chọn hai cặp mía mập, đốt dài thẳng nhất vườn, một cặp gà trống thiến to đẹp nhất chuồng, một đôi cá chép tươi và lớn nhất ao vừa lượi lên. Con bé Nguyễn reo vui, sung sướng khi được mẹ cho theo ngồi xe tay nhà với lễ vật đi sêu Tết...

Nguyễn hỏi hai bạn:

- Đồng bào hải ngoại vẫn còn giữ phong tục cúng giỗ tổ tiên bằng mía và cá tươi ngày ông Công, ông Táo lên châu trời hay sao?

Thúy khôi hài:

- Chắc rằng chỉ có các cụ đã được tiền già mới giữ phong tục ấy. Chứ tội mình rời cha mẹ ra là bỏ hết những lễ bộ này.

Quỳnh xuýt xoa thèm:

- Mía đó mà ép lấy nước uống thì

tuyệt vời! Hai bà còn nhớ nước mía Viễn Đông Sài Gòn không?

Nguyễn nuốt nước miếng:

- Hay là cái món mía cắt khoanh hấp nóng nhỉ!

Chỉ nói chuyện thôi người ta cũng cảm thấy những món thềm rỉ ứa trong vị giác và nhớ da diết miền đất hình chữ "S" gầy

còm, xa xôi ấy. Trước khi chia tay, Quỳnh hỏi bạn:

- Hai bồ định mặc áo gì đến buổi tiệc tân niên tuần sau của Cộng Đồng?

Thúy chặc lưỡi:

- Chắc tôi sẽ mặc khoe cái *long dress* nhưng màu huyết dụ vừa mới cắt may xong. Kiểu áo rộng thùng thình, giấu được cái mập, chứ mặc áo dài Việt Nam sẽ thành cây giò thủ biết đi!

Quỳnh nhìn xuống thân hình quá ký lô của mình:

- Tôi phải bớt ăn và chạy *Treadmill* nhiều hơn mới có thể ních người vào cái áo dài lụa màu rêu xậm thêu con rồng vàng vừa được bà chị từ Sài Gòn gửi sang tặng. Còn bồ Nguyễn cứ mong mãi tới Tết để mặc cái áo dài nhưng tím đính hoa kim tuyến trắng phải không? Thân hình bồ thật lý tưởng để mặc bất cứ loại y phục nào.



Nguyễn cười hớn hở:

- Ừ, cái áo nhưng tôi mới mặc đi ăn cưới cô cháu và cũng là cái áo nhưng đầu tiên trong đời đấy! Tôi sẽ mặc lại hoài hoài để trả thù từ bé chưa được mặc áo nhưng bao giờ. Các bạn nhớ chứ, hồi ở Hà Nội tội mình còn

nhỏ quá đâu được mẹ may cho áo nhưng. Vào Sài Gòn, quanh năm nóng chảy mỡ ra, chẳng bao giờ tơ

tường tới áo nhung làm gì. Hôm này, các bà, các cô Huế, Đà Lạt sẽ diện áo nhung nhiều lắm đấy!

Thúy đồng ý:

- Hồi xuân mà, ăn diện cho đời lên hương và lễ Tết phải khác ngày thường chứ nhỉ!

Sau khi đưa Thúy, Quỳnh về nhà và hẹn tối Thứ Bảy tới, vợ chồng Nguyễn sẽ đến đón hai bạn đi dự tiệc tân niên Cộng Đồng tại nhà hàng lớn gần đó, Nguyễn lái xe trong trời mưa phùn, gió bắc như thửa nào mùa đông Hà Nội. Với thói quen từ ngày rời quê hương, mỗi độ Tết về, nàng thường vặn băng nhạc Xuân cũ có từ trước năm 1975 để ngâm ngùi tưởng nhớ về Miền Nam xa xưa trong chiến tranh tan nát, khổ đau. Nguyễn lái xe qua trạm thu lộ phí lúc nào không hay, về gần đến nhà mới thấy đồng 25 xu vẫn nằm trong tay. Ở tuổi nào người ta cũng có thể sống trong mơ mộng, vượt không gian, thời gian.

Tết nhất, nhà cửa phải cho vui mắt, nên Nguyễn vẫn giữ cái khăn giải bàn hoa đỏ và những tấm thiệp chúc tụng từ Lễ Giáng Sinh, Tết Dương Lịch. Nếu có cái chiếu cạp điều như ngày xưa mẹ mua trải sập gụ của bà nội, Nguyễn sẽ treo như tranh Tết trên mảng tường lớn trống trơn trên cửa ra vào đằng trước nhà. Nàng nhủ thầm, ngày nào về Hà Nội nhất định phải ghé phố Ô Quan Chưởng mua cái chiếu đẹp như ý muốn.

Bàn thờ cúng tổ tiên mọi năm có ảnh hai cụ bà, và ông ngoại của các con Nguyễn. Năm nay thêm ảnh bà ngoại chúng nữa. Bà vừa về sum họp cùng ông sau 25 năm xa cách. Bộ bát nhang, cây nến, đỉnh đồng xinh nhỏ Nguyễn đem theo từ ngày rời quê cũ được đánh bóng lại. Hương trầm, nến đỏ cắm sẵn. Bình hoa đào đỏ, mai vàng tươi đẹp. Chậu thủy tiên thơm ngát. Đĩa ngũ quả có bưởi, cam, táo, chuối cau và không thiếu quả đu đủ nhỏ, vàng ửng niềm tin tưởng đầy đủ những điều tốt lành, thịnh vượng. Đĩa mứt thập cẩm bọc giấy bóng kính màu cánh sen. Nguyễn không tin linh hồn người ta thích ăn uống như mẹ nàng cúng Tết xa xưa, nhưng vẫn giữ vài tục lệ để tưởng nhớ bà mẹ hiền vừa khuất bóng.

Thuở ấy, bà thường sửa soạn làm các món mứt từ một hai tháng trước. Những miếng mứt quất, mứt dứa, mứt mận không ngào trộn quá nhiều đường, trong, dẻo, còn chua ròn rớt, làm chảy nước miếng chị em Nguyễn và được chiêu cổ nhiều nhất. Các cô thích phụ với mẹ để ăn vụng. Nhất là làm món bánh quế nước dứa, va-ni thơm lừng nhà. Thành thạo các cô đổ một cái thật dày, thật vàng, tự trả công cho mình.

Theo tục lệ, mẹ Nguyễn nấu cỗ cúng tổ tiên vào chiều ba mươi. Hằng ngày các cô con gái “lười huyền” không thích vào bếp, mẹ lo mọi việc với chị người làm. Nhưng

ngày Tết vui hơn, những món ăn đặc biệt hơn, anh chị em và các cháu về ăn cỗ đông hơn, các cô phải giúp mẹ làm cho nhanh mới được ăn chóng. Món xôi vò rời tơi, thêm mỡ gà cho khỏi khô. Món gỏi sứa ráo nước và thật giòn.

Món bóng mực của mẹ Nguyễn chẳng đâu ngon bằng. Mực nấu thật mềm, thái thật mỏng, sào thật giòn. Trên bát mực bày hai góc giò, một góc trứng tráng mỏng, thái nhỏ, một góc thịt gà trắng xé chỉ và ở giữa điểm lát trứng muối như nhụy hoa. Bóng ngâm rửa thật thơm, nấu vừa sôi tơi, còn giòn tan. Trên bát bóng bày hai miếng giò, hai miếng trứng tráng, hai miếng cà-rốt và hai miếng đậu Hòa Lan xanh ngắt. Đây là hai món đặc biệt khéo léo nhất của mẹ Nguyễn.

Giờ đây, Nguyễn nhìn ảnh cha mẹ trên bàn thờ và thầm cầu khẩn trong lòng. Chắc các cụ chẳng giận con gái không còn giữ tục lệ cúng lễ thức ăn dền dang nữa. Hai nén hương trầm, chậu thủy tiên, lọ mai vàng, vài cành đào đủ để thương nhớ cha mẹ vô vàn. Ông bà đã sum họp bên nhau và như đang phảng phất đâu đây trong nhà. Bà chị cả Nguyễn, người sau chót trong gia đình rời Sài Gòn đã đem tro hài cốt ông bà nội cùng thân phụ sang đất Mỹ, và đặt gần mộ thân mẫu họ để con cháu có thể thăm viếng một lúc, một nơi thường xuyên.

Sáng mùng một Tết, cũng như mọi năm, Viễn, chồng Nguyễn mở cửa ra lấy báo và trở vào thành người xông đất. Nguyễn còn ngủ kỹ trong chăn ấm quên thời gian, hiện tại. Viễn lùa bàn tay lạnh vào lưng vợ:

- Chúc mừng Năm Mới cứng của anh để thương mãi mãi!

Nguyễn rú lên:

- Anh chúc mừng kiểu gì lạ vậy! Làm em mất cả ngủ. Em không thèm chúc lại anh đâu!

Nói rồi Nguyễn cuộn tròn người như con mèo lười biếng, ngái ngủ. Viễn đưa ra “chiến thuật” khác:

- Này em ơi! Tuyệt xuống đây ngoài kia, đẹp lắm cơ!

Như bị điện giật, Nguyễn lật chăn qua khỏi mặt, tỉnh như sáo:

- Thật hả anh! Tuyệt nhiều không? Anh kéo màn cửa cho em nhìn tuyệt đi!

Viễn phá lên cười, vén rèm:

- Có thể anh mới đánh thức em dậy được chứ!

Bị mừng hụt, Nguyễn càu nhàu, kéo chăn trùm qua đầu, định nằm mơ mộng trở lại. Nhà thênh thang chỉ còn hai vợ chồng, tha hồ tự do âu yếm, chiều chuộng, săn sóc nhau. Sống trên đất Mỹ hơn hai chục năm từ nhỏ, các con nàng biến thành Mỹ 50 phần trăm rồi. Vừa ra trường có việc làm, các cô, các cậu đòi ra ở riêng liền. Cậu con trai lớn, cô con gái út đã có gia đình, cho vợ chồng Viễn, Nguyễn cháu nội, cháu

ngoại. Hai đứa đều khôn lanh, khéo khỉnh, nói như vẹt, ăn như vũ bão và lớn như thổi. Tháng hai ba lần, vợ chồng con cái chúng đưa nhau về chơi vui cửa vui nhà. Sau đó, Viễn và Nguyễn lại cu ki sống trong thong thả, hạnh phúc. Nguyễn không cảm thấy già khi trở thành bà nội, bà ngoại. Viễn vẫn làm việc cho một cơ quan Tiểu Bang. Nguyễn mới đi làm cho hãng chế tạo Computer từ khi các con nàng vào đại học. Nếu một người phải nghỉ việc, họ vẫn đủ ăn đủ tiêu. Và lại, Viễn và Nguyễn có thể *babysit* cháu nội, cháu ngoại tại nhà và ăn lương rộng rãi các con trả, chẳng lo thất nghiệp.

Năm nay, mùng một rơi vào ngày Thứ Tư, hai vợ chồng đều xin nghỉ ăn Tết. Viễn ngồi xuống mép giường, cạnh vợ làm lạnh:

- Anh nghĩ rằng em đang chờ được xoa bóp phải không?

Nguyễn làm bộ giận dỗi:

- Hôm nay mùng một Tết, chỉ nói chuyện vui, không đánh lừa nhau, không giận nhau, không quét nhà. Thế mà anh cứ quên hoài!

Viễn hoảng hốt:

- May quá xe rác chưa tới. Để anh chạy ra đường lấy thùng rác đem vô nhà.

Đến lượt Nguyễn cười rộ và nắm tay chồng giữ lại:

- Em kiêng một chút cho có vẻ Tết thôi, không kiêng đến độ giữ rác lại đâu. Hơn nữa rác dơ của năm cũ càng nên đổ đi. Tổng cộng ghình tân

mà! Bây giờ anh làm *massage* mừng tuổi em rồi em sắp bánh chưng đưa hành, giò thủ anh ăn sáng.

Viễn xoa hai bàn tay vào người chàng cho nóng mới lùa chúng vào lưng vợ. Nguyễn nằm sắp khoan khoái duỗi thẳng tứ chi cho chồng biểu diễn màn tắm quất đáng đồng tiền bát gạo. Nguyễn nghiệm món đồ từ hồi còn ở Sài Gòn. Một ngày Tết, nàng ăn phải miếng bánh chưng thiu và bị "Tào Tháo đuổi" ba ngày rã rời thân thể. Bà bếp xử dụng ngón xoa bóp, cạo gió cho cô chủ khiến nàng ghiền luôn. Viễn thay thế bà bếp làm việc đó từ lâu và trở thành quà mừng tuổi quý giá nàng mong muốn được hưởng suốt cuộc đời còn lại.

Trong khi hai vợ chồng Viễn đang ăn sáng, anh chị em, họ hàng, bà con từ các tiểu bang bắt đầu gọi về chúc Tết. Cả ngày, Nguyễn vừa sửa soạn bữa cơm tối mùng một Tết đón các con về, vừa cầm cái điện thoại không dây, luôn miệng chuyện trò, chúc tụng: vạn sự như ý, sức khỏe dồi dào, tràn đầy hạnh phúc, buôn bán phát tài, thăng quan tiến chức, không bị *layoff* mất việc...

Vì phải đi làm, buổi tối con cháu mới đến chúc Tết bố mẹ, ông bà và nhận tiền mừng tuổi còn thơm mùi giấy mới trong phong bao đỏ, đủ để đi coi phim Walt Disney và ăn tiệm McDonald. Cái siêu thị ở gần nhà Nguyễn, biết tục lệ lì xì của người Việt mình, nên họ có cả dịch vụ đổi tiền mới toanh nữa. Có lẽ bà con ta

làm việc đông tại đó, đã mách nước cho họ chẳng? Cách đây hai tuần, Nguyễn đổi cả trăm Mỹ kim. Trong mấy ngày Tết, đi đâu nàng cũng đem theo nắm phong bao đỏ với tiền một Mỹ kim để mừng tuổi các cháu nhỏ của bạn bè dù chúng chỉ có nửa giòng máu Việt.

Tuy không làm cỗ linh đình như ngày xưa ở nhà với ông bà ngoại của các con, Nguyễn có đủ hương vị Tết: cơm gạo thơm, nước mắm Phú Quốc, chả giò, chả quế, giò lụa, thịt gà, miến gà, tôm sào đậu Hòa Lan, thịt kho, dưa hành, những món ăn lạnh và dễ làm mà chồng con và các cháu Nguyễn ưa thích. Quả dưa hấu vỏ xanh già, tròn xoay bở ra ruột đỏ thắm, ngọt lịm. Nguyễn không tin dị đoan lắm, nhưng hân hoan hơn với điềm tốt đẹp ấy.

Sau khi con cháu ăn uống no nê, Nguyễn đem bộ bầu cua cá cọp ra xúc xắc, gạ gẫm mời rủ bọn trẻ vui chơi vang rộn nhà. Ngay từ khi các tiệm Việt Nam có bán, Nguyễn đã mua bộ bầu cua và chỉ cho các con trò hào hứng ấy để chúng có thể thủ tiếp bố mẹ sống lại kỷ niệm thuở thiếu thời.

Nguyễn nhớ những ngày Tết năm nào, anh chị em họp nhau chơi tam cúc say sưa. Tướng sĩ tượng

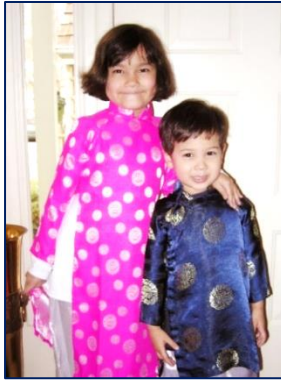
thâm bị tướng sĩ tượng hồng đề, tức tối thét lên như bị quyệt nợ. Xe pháo mã điều đề xe pháo mã đen khoái trí cười vánh lên như còi xe lửa. Tốt đồ đề tốt đen reo hò như quân Vua Quang Trung đại phá giặc Thanh trong trận Đống Đa ngày mồng năm Xuân Kỷ Dậu 1789. Chơi tam cúc còn có vụ tử tử trình làng, ngũ tử cướp cái làm bàn dân thiên hạ ngẩn tò te, sướng ơi là sướng!

Chơi bắt mới hồi hộp làm sao! Ngấp nghé nặn từng quân để rồi nhị tổng cữu, tiu nghỉu! Tam tổng bát té re! Nhất ông cụ bốc cữu sừng mê toi!

Chơi cá ngựa đá nhau phẳng phắc, đá tàn bạo ngay trước cửa chuông, đá dã man văng ra khỏi bàn, đá tiêu luôn xuống đất. Kẻ hả hê, người ám ức tức điên người!

Trò bầu cua cá cọp cũng sôi nổi lắm. Cả làng đặt cá, cọp. Nhà cái lật ra tôm, gà, vợ vét hết. “Khách chơi bạc” đặt cua, bầu. “Chủ sòng” xúc xắc chán chê mê mỗi, cũng ra bầu, cua bị thua sạch túi! “Năm mới, năm me” làm sao quên những cảnh hồn nhiên, tưng bưng “trong ba ngày Tết, chúng tôi ngủ một đánh... phi phệt” dí dỏm ấy!

Trước khi vợ chồng con cháu Nguyễn xúm quanh bàn bầu cua cá cọp để la hò như định ăn thua nhau thiệt sự từng đồng, tràng pháo dài



lạch tạch, đì đùng. Xác pháo đổ tơi tả đầy thềm, khói pháo mịt mờ nhân ảnh, hương pháo xông xao cõi lòng, Nguyện có cảm tưởng như đang ăn Tết quê nhà. ♥

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



TẾT CON RẮN

Đầu năm Tết đến xứ Cờ Hoa
Lạnh cóng mùa đông, khói thờ phà
Hia ủng kênh càng trơn trượt tuyết
Mũ khăn dày cộm phủ che da
Không chờ hàng xóm sang xông đất
Chẳng đợi anh em đến viếng nhà
Tết nhất đâu còn hương vị cũ
Rắn ơi, đừng ló ngó đầu ra

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

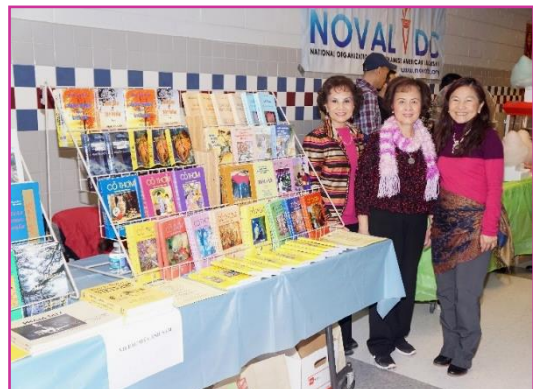
Ngày 2 Tết Tân Tỵ - 01/25/2001

SÁCH BẢO CHỢ TẾT

Mỗi năm chợ Tết cộng đồng ta
Gió lạnh mùa đông mưa tuyết sa
Bút ký lai rai mang tới ngắm
Truyện dài hấp dẫn trưng bày ra
Người mua nài nỉ đòi thêm một
Kẻ bán rao mời tặng những ba
Sách báo văn chương đại hạ giá
Thâu về, mua được một cành hoa.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

04/01/2018



NTN Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Diễm Trân

VỀ QUÊ LỄ TẾT

"Ai có về quê chơi với ta
Đầy riềng phong cảnh nước non nhà
Có về mới biết quê là thú
Muốn rút tình đi, rất khó ra"
Đông Xuyên Nguyễn Gia Trụ

Nhớ xưa còn ở Hà Thành,
Tết nào tôi cũng xuất hành về quê
Trước là chúc thọ thầy mẹ,
Sau thăm chú bác, bạn bè, anh em

Đường về Đông Ngạc chẳng quên,
Ngồi xe tôi ngắm những miền đã qua
Đây làng Yên Phụ bán hoa,
Tây Hồ cảnh đẹp, gió hòa dịu đưa

Nghi Tàm nghề chính trồng hoa,
Quảng Bá (1) hồ tắm, trẻ già tập bơi
Nhật Tân nhà thuốc (2) dây dài
Đường này rẽ Bưởi,
thẳng thời Phú Gia (3)

Cây nêu trồng ở trước nhà
Đì đùng tiếng pháo,
chuông chùa điểm vang
Đẹp thay đào đỏ cúc vàng
Du Xuân thôn nữ tìm chàng trai tơ

Làng Bạc theo đạo Gia Tô
Nhật Kiều (4) đồng áng chăm lo cấy cấy
Thấy ruộng tươi tốt vùng này
Lòng tôi cảm kích tràn đầy vui tươi!

Ngõ Đông Làng Vẽ đây rồi
Ngoài đình lễ Tết, bao người dâng hương
Nhà tôi ngõ Vẽ gần trường
Tôi liền đốt pháo Cát Tường mừng Xuân

Chúc mừng trường thọ song thân,
Các em mạnh khỏe thêm phần an Khang!
Chúng tôi làm lễ từ đường
Rời đi chúc Tết họ hàng gần xa

Nỗi mừng thầy mẹ hiện ra
Vi thấy con cháu một nhà họp đông
Chuyện trò vui vẻ đậm nồng
Cổ Tết hạ xuống ăn chung một bàn

Món sáy phong vị khác thường
Thơm, cay, bùi, ngọt,
chẳng nhường món chi
Thức ăn đồ nhắm thiếu gì
Đặc biệt nhất sáy bởi vì thơm ngon
Chả ngọt cũng có tiếng đồn,
Bánh khoai phồng trắng ngọt dòn lạ hơn

Di cư tôi ở Sài Gòn,
Dù xa vẫn nhớ món ngon quê nhà.
Mong sao thống nhất sơn hà,
Tết quê Đông Ngạc mới là sướng vui!



Đông Thanh Nguyễn Quang Chát
(Tân Sửu 1961)

Ghi chú:

- (1) Làng Quảng Bá cách Hà Nội chừng 5 cây số
- (2) Túc nhà thuốc súng
- (3) Phú Gia còn có tên gọi là làng Ga
- (4) Nhật Kiều cũng có tên là Nhật Tảo

THƯ GỬI BẠN

MẮT qua ca dao tục ngữ

** NGUYỄN GIỮ HÙNG **

Lời mở đầu: Tôi viết bức thư này gửi tới anh bạn vừa đi mổ mắt về và các bạn cùng đến thăm.

Thé này nhé, khi đi mổ mắt về, ta có nhiều điều vui và cũng lắm điều buồn. Vui vì ta *được nhìn thấy rõ* và ta cũng buồn vì *bị nhìn thấy rõ* những sự việc xảy ra quanh ta. Như tôi nhìn cô hàng xóm, trước khi mổ mắt thì thấy cô ấy "đềm đệp" theo cái nhìn "mờ mờ nhân ảnh" của mình, và sau khi mổ mắt thì nhận ra cô ta có những cái đẹp lên nhưng cũng có cái xấu đi theo cái "tinh tường" của đôi mắt ấy.

Trong cuộc sống hàng ngày, đôi khi không cần phải đi mổ mắt mà vẫn được "sáng mắt ra" vì những nghịch cảnh luôn luôn xảy ra cho chính mình hay cho những người chung quanh. Tóm lại, ôi thôi, có đủ thứ làm ta "sáng mắt sáng lòng".

Nay tôi chỉ xin nói chuyện với các anh về vài điều liên quan tới "**mắt**" qua ca dao tục ngữ, tiếng nói tinh tế và chân chất của người Việt Nam ta.

Này nhé, tôi đố các anh:

- *Con gì trên lông dưới lông, tối lòng làm một?*
- Đó là **con mắt**.
- Đúng!

Trước hết tôi xin nói về **TÊN CỦA MẮT**.

Vì mắt được ví von "*mắt là cửa sổ của tâm hồn*", và ta cũng có thể ví "*mắt là cửa chính của tâm hồn*" tức là muốn đi vào tâm hồn của ai thì ta phải đi qua cái cửa ấy. Mắt là "cửa tâm hồn", dù là cửa sổ hay cửa chính, nên mắt cũng có nhiều dáng kiểu và kích thước khác nhau như cửa nhà vậy và tên gọi của chúng cũng khác nhau theo đúng tinh thần "nhìn mắt đặt tên" (chứ không phải "nhìn mặt đặt tên").

Khi đặt tên cho mắt, người ta thường dùng theo **hình dáng** của vật thể hay của sinh vật nào đó mà gán ghép cho chúng: Mắt to và lộ ra ngoài thì gọi là *mắt lồi*, *mắt ốc nhồi* hay *mắt cá vàng*; mắt nhỏ và dài như lá tre hay lá rau răm thì gọi là *mắt lá răm*. Mắt tròn và đen nháy như mắt chim bồ câu thì gọi là *mắt bồ câu* ... Và cứ như thế ta có một số tên gọi của mắt như nào là (*ti hí*) *Mắt lươn*, *Mắt* (bé như) *hạt đậu*, *Mắt cú vọ*, *Mắt điều hâu*, *Mắt dơi* (mày chuột), (giương như) *Mắt éch*, *Mắt lợn luộc*, *Mắt rắn ráo*, *Mắt sắc* (như dao cau), *Mắt*

thánh (tai hiền), (lừ lừ) *Mắt voi*, (mày ngài) *Mắt phượng* ...

Thấy em nhỏ thó lại có hồng nhan,
chân mày loan *con mắt lộ*
Anh đi giáp lục tinh này, không ai ngộ
bằng em.

Ngoài hình dáng ra, mắt còn có
tên theo *màu sắc* như *mắt đen*, *mắt nâu*, *mắt xanh*, *mắt long lanh*, *mắt thủy tinh*, *mắt đỏ*, *mắt trắng* (môi thâm) ...

Cầu đây có gái bán hàng
Có đôi rùa đá có nàng bán cau
Mắt xanh tươi thắm môi trầu,
Miệng cười núng má cho cầu thêm xinh.

Người khôn con *mắt đen sì*,
Người dại con *mắt nửa chì nửa than*.

Hò ơ ... Phù sa nước đục khó dòm,
Nhớ anh em khóc... (ờ)
Hò ơ... nhớ anh em khóc *đỏ lòm con người*.

Mắt không phải chỉ được phân biệt bằng cái tên qua *hình dáng*, *màu sắc* không thôi mà mắt còn được áp đặt vào chúng bằng những cảm quan, nhận thức, sinh hoạt, triết lý ... tùy theo tình huống của những cái "nhìn mắt đặt tên" và "xấu đẹp tùy người đối diện" của mỗi người. Nghĩa là tên của mắt còn được đặt để vào đó một *linh hồn* vô cùng sống động.

Người khôn con *mắt dịu hiền*,
Người dại con *mắt láo liên* nhìn trời!

Một thương tóc bỏ đuôi gà,
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.

...
Chín thương em ngủ một mình,
Mười thương con *mắt hữu tình* cho ai.

Chém cha con *mắt đa đoan*,
Càng lắm nhân ngài càng mang tiếng thù.

Con *mắt tròng tròng*,
Thầy bưng cả đĩa.

Chồng em rõ sứt rõ sì,
Chân đi chữ bát, *mắt thi ngưỡng thiên*.

Hai nách cô thơm như ỏ chuột chù,
Mắt thi dán nhám, lại gù lưng tôm.

Chả tham nhà ngói anh đâu,
Tham vì con *mắt bò câu* liếc người.

Rạng ngày mai con *mắt lim dim*,
Chân đi thất thểu như chim tha mồi.

Những người con *mắt lá rằm*,
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.

Ông già ông chết đã lâu,
Con *mắt thao láo* hàm râu vẫn còn.

Cũng từ những cảm quan, nhận thức kể trên mà tên gọi của mắt cũng dựa vào những sự phê phán khen chê được diễn dịch qua *tướng số* hay kinh nghiệm. Tất nhiên chúng ta không thể hoàn toàn tin vào sự *khả tín* của những lời phê phán có tính cảm quan này:

Con lợn mắt trắng thì nuôi,
Những người *mắt trắng* đánh rồi đuổi
đi.

Máy mắt ăn xôi,
Máy môi ăn thịt,
Máy đít phải đòn.

Mắt ốc bươu làm cho ai sợ,
Miệng hỏa lò ăn vỡ nghiệp cơ.

Người khôn con *mắt đen sì*,
Người dại con *mắt nửa chì nửa than*.

Những người *ti hí mắt lơ*,
Trai thì trộm cướp, gái buồn chồng
người.

Rèm xưa ba bức màn mình,
Mắt cô thế ấy tu hành được đâu.

Người khôn con *mắt dịu hiền*,
Người dại con *mắt láo liên* nhìn trời!

Kéo dài chi kiếp sống thừa,
Cho *cay mắt* thấy, cho chua lòng sầu.

Mắt dùng để **NHÌN**, để *ngó*, để
trông, để *ngắm*, để *dòm*, để *liếc* ... Và
để diễn tả những tình cảm vui buồn,
tức giận, nghi ngờ, thất vọng hay là
những thông điệp của tình thương
yêu dùng thay cho lời nói. Nói tóm lại
mắt còn có đủ khả năng diễn tả đầy
đủ sự "hỷ nộ ái ố" của con người.

Anh thương em không biết để đâu,
Để trong túi áo lâu lâu lại *nhìn* (*dòm*).

Chiều chiều ra chợ Đông Ba,

Ngó về hàng Bột *trông* ra hàng Đường.
Nhìn mai, *ngắm* liễu, *xem* hường,
Cô nào đẹp nhất xin nhường cho tôi.

Ra đường con mắt *ngó nghiêng*,
Về nhà chui chốn buồng riêng về
mòng.

Tóc em như lông con chó xồm,
Xức dầu thì xức, ai thèm *dòm*, bớ em
Hai.

Em là con gái cửa dinh,
Qua dinh cụ lớn, cụ *rinh* cụ *nom*.
Cửa em chẳng để ai *dòm*,
Cáo già hết ngóm, mèo non cũng chừa.

Mẹ em tham thúng xôi rền,
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh
Hưng.
Em đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ *lườm* mẹ *nguyt* mẹ bưng ngay (xôi)
vào.
Bây giờ chồng thấp vợ cao,
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng.

Ngó lên chữ ừ,
Ngó xuống chữ ư.
Anh thương em thủng thẳng em ừ,
Anh đừng thương vợ, phụ mẫu từ
nghĩa em.

Bất bình cũng cứ dửng dưng,
Cũng đừng *liếc xéo*, cũng đừng cười
khinh.

Dao cau rọc lá trâu vàng,
Mắt anh anh *liếc*, mắt nàng nàng *đưa*.

Ô kìa con cái nhà ai,
Cái váy thì dài, áo ngắn ngang hông!

Thấy ai *duyong mắt ra trông*,
Nghề nghiệp chẳng có, chồng nông
kêu trời!

Ngoài những cái "*nhìn*" của *thế gian*, ta còn có cái "*nhìn của đạo Phật*". Mắt là một trong sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), nó là nguyên nhân của vui sướng hoặc khổ đau trong nhận thức u minh về xấu đẹp khi ta tiếp xúc với những hình ảnh bên ngoài. Muốn tránh khổ đau ta phải "quán chiếu" để thấy được cái "thực tánh" của mắt và nhìn, nghĩa là, nói theo một vị Thiền sư thì những người đạt đạo, họ vẫn thấy cái đẹp và cái xấu nhưng họ không bị khống chế, lôi cuốn bởi những cái xấu đẹp ấy vì họ thấy được trong cái đẹp có sự góp phần của cái xấu và trong cái xấu có sự góp phần của cái đẹp. Cái *nhìn* ấy được chuyển thành *lòng từ bi với tâm giải thoát*. Đó chính là cái *nhìn của trí tuệ bát nhã* trong đạo Phật vậy.

Nói đến mắt ta không thể không nhắc đến **KHÓC**: *Khóc oà, Khóc thét, Khóc gào, Khóc nức nở, Khóc thẳm, Khóc thút thít, Khóc vụng trộm, Khóc ti ti, Khóc tỉ tê, Khóc nỉ non, Khóc mùi, Khóc như ri, Khóc như mưa, Khóc như cha chết, Khóc đứng khóc ngòi ...* Khóc là để diễn tả một trạng thái tự nhiên của xúc cảm, có thể do vui và cũng có thể do buồn một cách cao độ, trừ khi khóc "vờ", hoặc để làm "vũ khí" tác động vào

lòng thương của người khác, hoặc để "vòi vĩnh":

Cha đòi con gái mười ba,
Đêm nằm với mẹ *khóc la* đòi chồng.
Mẹ giận mẹ phát ngang hông,
Đồ con "chết chừ" đòi chồng thâu đêm.

Chuối non giú ép chát ngằm,
Trai tơ đòi vợ, *khóc thẳm* thâu đêm.
Khóc rồi bị má đánh thêm,
Tiền đâu cưới vợ nửa đêm cho mày?

Anh ở làm sao cho vợ anh thôi,
Bây giờ *khóc đứng, than ngòi* với ai?

Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, *tiếng khóc nỉ non*.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Đề anh đi trẩy nước non Cao Bằng.

Đã khóc thì không thể thiếu **NƯỚC MẮT**: *Khóc hết nước mắt, Đổ mồ hôi sôi nước mắt, Khóc không ráo nước mắt, Mau nước mắt, Mồ hôi nước mắt, Nước mắt cá sấu, Nước mắt chảy xuôi, Nước mắt lưng tròng, Nước mắt nước mũi, Tuần chay nào cũng có nước mắt, Trai khôn lắm nước mắt, Cười ra nước mắt ...*
Ai ơi đừng *roi nước mắt ớt*,
Đừng *rót nước mắt gừng*
, Nhân duyên trời định nửa chừng mà thôi.
Tay chùi *nước mắt ướt nhem*,
Tại anh chậm bước nên em lấy chồng.

Thôi thôi đừng nhỏ *nước mắt hồng*,
Đừng pha tiếng ngọc mà cầm duyên
em.

Đừng vợ đừng chồng, đừng gì hết
thầy,
Anh có nơi rồi rún rẩy duyên em.

Năm bảy tháng trước còn bưng, còn
bợ,
Năm bảy tháng sau lỡ bợ, lỡ bưng.
Trực nhìn *nước mắt rưng rưng*,
Khai hoa nở nhụy, khổ quá chừng anh
oi!

Ở chị em ơi!
Cho tôi xin tí *nước mắt thừa*,
Tôi về tôi khóc tiễn đưa mẹ chồng.

Anh về em chẳng dám đưa,
Hai hàng *nước mắt như mưa tháng
mười*.

Tuy nhiên con mắt không phải là
lúc nào cũng làm tròn nhiệm vụ của
mình một cách hoàn hảo. Khi mắt
nhìn không rõ thì gọi là *mắt mờ, mắt
loà*; khi không nhìn thấy gì cả thì gọi
là *mắt đui* hay *mắt mù*. Và cứ như
thế ta còn có một loạt những **BỆNH
CỦA MẮT** như *mắt già, mắt cận,*
mắt viễn, mắt thông manh, mắt lòi,
mắt chột, mắt toét, mắt quáng gà,
mắt lộ ...

Hoan hô các cụ trồng cây,
Mười cây chết chín, một cây gặt gù!
Các cháu *có mắt như mù*,
Mười cây chết tiệt gặt gù ở đâu?
Trăm lạy ông trời chớ điếc, đừng *đui*,
Để hai con mắt coi người thế gian.

Đã có mắt thì xem đàng,
Có phải *cận thị* ngó quàng ngó xiên.

Thôi tôi biết vợ anh rồi,
Vợ anh *toét mắt* bán xôi chợ chùa.

Do mắt có thể có khuyết tật hay
bệnh nên mắt cần được chăm sóc và
bảo vệ vì "*thứ nhất đau mắt, thứ nhì
đắt rắng*".

Ngày nay, với nền văn minh tân
tiến, mắt còn được những nhà giải
phẫu thay hình đổi dạng theo ý
muốn. Mắt đôi khi còn được trang
điểm bằng những cặp lông mi dài, tô
thêm quàng mắt, vẽ lông mày hay
bằng những cặp kính gọng đắt tiền.

Phi phà thuốc điều kẹp tay,

Mắt đeo kiếng mát xem ai ra gì.

Rồi **MẮT** còn qua những câu *tục
ngữ* phổ biến trong dân gian như:

*Mắt tinh đời, Ăn phùng má trợn mắt,
Mắt la mày lét, Mắt hau háu như quạ
thấy gà con, Có mắt không người,
Con mắt to hơn cái bụng, Đổ đom
đóm mắt, Đổ mồ hôi sôi nước mắt,
Gái một con trông mòn con mắt, Giàu
hai con mắt khó hai bàn tay, Hai mắt
đổ dồn lại một, Mắt lá răm kiêu căng
có tiếng, Mắt lơ mày láo, Bé người to
mắt, Rậm râu sâu mắt, Che mắt thế
gian, Cấn răng chằng mắt, Chết
không nhắm mắt, Mắt hau háu như
quạ thấy gà con, Chớp mắt bỏ qua,
Chướng tai gai mắt, Coi người bằng
nửa con mắt, Mắt thấy tai nghe, Mắt*

tròn mắt det, Mắt trợn trừng, Mắt trước mắt sau, Mắt xanh mờ đỏ, Láy vẩy thừa che mắt thánh, Lựa được con dâu sâu con mắt, Lúa bông vang thì vàng con mắt, Mong đồ con mắt, Móc mắt moi mè, Múa rìu qua mắt thợ, Ngang tai trái mắt, Nghe tận tai nhìn tận mắt, Ngủ ngày quen mắt, Người trần mắt thịt, Nhắm mắt đưa chân, Nhắm mắt làm ngơ, Nhắm mắt xuôi tay, No bụng đói con mắt, Qua chẳng mở mắt qua, Thấy của tối mắt, Tai nghe không bằng mắt thấy, Trêu cò cò mở mắt, Trời cao có mắt, Tuần chay nào cũng có nước mắt, Thứ nhất đau mắt thứ nhì nhức răng, Tiếc rõ máu mắt, Tối mắt tối mũi, Trái tai gai mắt, Vừa mắt ta ra mắt người, Yêu gà gà mở mắt yêu chó chó liếm mắt ...

Tóm lại, cặp mắt là bộ phận vô cùng quý giá của con người. Thật là bất hạnh cho chúng ta biết bao nếu thiếu đi cặp mắt hay bị giảm đi một phần khả năng của nó. Có lẽ cũng chính vì cái quý giá, đa năng đa dụng của mắt nên mới có nhiều từ ngữ để nói về mắt và những gì liên quan tới mắt trong ca dao, tục ngữ mà trong giới hạn bài này tôi chỉ có thể liệt kê được một phần rất nhỏ trong cái muôn vàn từ ngữ hoặc tình huống liên quan đến mắt trong *kho tàng ngôn ngữ dân gian* phong phú của dân ta.

Và cũng qua đây, tôi xin được nói thêm, ta phải thấy vô cùng hãnh diện về sự giàu có và tinh tế của ngôn ngữ ta, đặc biệt được thể hiện trong văn chương bình dân truyền khẩu của ông cha để lại qua *tục ngữ ca dao*. Bổn phận của chúng ta phải gìn giữ và phát triển ngôn ngữ ấy, nhất là thể hệ con cháu sống nơi hải ngoại.

Kết luận:

Hãy gìn giữ ngôn ngữ nước ta như ta đang gìn giữ con mắt của chính mình vậy.



NGUYỄN GIỤ HÙNG

Mời nghe:

THƯƠNG CA TIẾNG VIỆT

<https://www.youtube.com/watch?v=0m-UM6KIMoM>

Nhạc: Đức Trí; Lời: Hà Quang Minh
Biểu diễn: Kyo York & Ju Uyên Nhi



Lục Bát Tình Xuân

Mùi Thơm

Vào đầu xuân em đến chơi
Thơm phức anh hít một hơi thật dài
Từ bên trong tới bên ngoài
Mùi thơm của nhánh bông lài trắng tinh...

Em từ lục bát bước ra
Mùa xuân có mấy loài hoa nở rồi
Thấy không em hoa mặt trời
Hương dương hay hướng vào môi em hồng?

Ngày Đầu Xuân

Em đến thăm ngày đầu xuân
Không còn ái ngại gian truân lúc này
Nửa ngọt ngào, nửa đắng cay
Hòa chung nhau lại vui vầy một đêm...

Em từ lục bát bước ra
Thắm tươi em cứ xuýt xoa vườn hồng
Đưa em đi hết một vòng
Bao nhiêu ý hợp tâm đồng ra thơ...

Em từ lục bát bước ra
Tình xuân đang tới ngắm tà áo xanh
Lỡ làng rồi phải không anh?
Kiếp này lỗi hẹn xin dành kiếp sau.



Phan Khâm

NHỮNG ĐIỀU KHÔNG BÌNH THƯỜNG

** Nguyễn Mây Thu France **

Hoàng Việt mở cửa phòng, ném cặp sách xuống bàn, đi thẳng xuống nhà bếp mở tủ lạnh lục lạo. Anh nốc cạn một ly sữa tươi rồi trở lên phòng khách. Quần áo còn để nguyên, ngồi phetch xuống chiếc ghế sofa thật rộng, anh thờ phào sung sướng. Hôm nay thứ bảy. Chiều thứ bảy nào cũng là một ngày thanh thoi êm ái đối với anh. Cả nhà đi vắng. Bật chòm người dậy, Hoàng Việt bước tới nhấn nút giàn chaine HiFi cũ kỹ của dựng Tư rồi trở về chiếc ghế lúc này, nửa nằm nửa ngồi, lim dim đôi mắt thường thức tiếng nhạc du dương trầm bổng trôi lên. *Come Back To Sorrento* của *Ernesto De Curtis* viết năm 1902. *Trở Về Mái Nhà Xưa* do Phạm Duy soạn lời Việt. Tiếng hát Vũ Khanh đệm theo đàn mandoline tuyệt vời quá. «*Thôi nhé đừng hoài âm xưa, giọt mưa đã gieo trên thêm nhà. Người ngồi im bóng, lắng nghe tháng ngày qua...*». Hoàng Việt nghe nhớ nhà chi lạ!

Nhớ lại buổi sáng trong lớp, mấy đứa bạn Tây mắt xanh, tóc vàng của anh lúc nào cũng ồn ào, hút thuốc ngộp đầy như khói un muỗi, ngồi nghe thầy giảng với cả hai chân gác lên bàn và tụi bạn bắt lỗi mấy ông thầy như điên. Xứ tự do mà, *cóc có ngán*. Sự khác biệt làm anh nhớ những đứa bạn của anh ở Việt Nam vô cùng, cũng nghịch ngợm nhưng biết kính sợ thầy cô. Đôi khi Hoàng Việt mang cảm giác cô đơn gì đâu, đâm ra tờ mờ nhút nhát, nhưng cũng phải thật cố gắng hòa mình đùa giỡn, hòa đồng với bạn bè, mà khó khăn làm sao, anh phải tập tành học cho kỳ được thứ ngôn ngữ

lào xào khó nghe, viết cho đúng văn phạm, sửa giọng nói cho chuẩn để đám bạn Tây phải nể nang khỏi chê cười khinh dễ. Dù sao đi nữa anh là người Việt Nam thuần túy, chân ướt chân ráo đến Pháp không bao lâu, nói đủ cho tụi bạn tinh nghịch hiểu được là đáng khen thưởng rồi.

Tuổi còn trẻ, đã qua hết bậc trung học, dựng Tư, chòm dì Lan, em của mẹ, mua cho chiếc xe đạp để anh tiện đến trường vào đại học. Đi xe hai bánh phải đội nón bảo vệ để cho tên Jean ác ôn, cứ gõ cốc cốc lên nón của anh khi dựng xe vào lớp, làm cho anh nổi nóng:

- Để tao yên. Mày chơi gì thì chơi nhưng đừng gõ lên đầu tao.

Jean, bạn cùng lớp của Hoàng Việt tro đôi mắt xanh ngơ ngẩn nhìn, không ngờ bạn mình phản ứng mạnh đến vậy. Đối với Jean và mấy đứa bạn cùng trang lứa, đùa giỡn như vậy cũng thường thôi, có gì tai hại đâu. Hoàng Việt thấy tội nghiệp bạn nên giải thích:

- Tại mày không biết truyền thống của người Việt Nam tao. Cái đầu của tao để thờ ông bà, đừng gõ lên đầu tao như thế.

Jean xin lỗi, tìm hiểu, thường giúp đỡ bạn những khó khăn trong ngôn ngữ, bài vở... và sau này họ trở thành đôi bạn vô cùng thân thiết. Nhờ có dựng Tư giúp cho nơi ăn chốn ở. Buổi ban đầu, tất cả mọi thứ đều trở nên mới lạ đối với anh, chập chững như một đứa trẻ mới

tập đi, nhưng vốn tính ham học hỏi, anh tự nguyện cố gắng khi nghĩ tới những người bạn của mình kém may mắn hơn còn ở lại Việt Nam. Anh định bụng rồi đây khi vững vàng hơn một chút, anh còn phải vừa học vừa đi làm kiếm thêm chút đỉnh tiền để gửi về quê nhà giúp mẹ và em.

Bà Lan giữ chiếc áo manteau màu xám tro in lấm tấm những hạt mưa tuyết, máng lên móc áo gần cửa ngay hành lang vào nhà, tháo đôi giày ướt nặng trĩu ra, hai tay bà xoa vào nhau rồi trở ra phòng khách ngồi gần bên lò sưởi. Đôi bờ môi lạnh sắt se và trên đôi má xanh xao vì gió rét hiu hắt thổi bên ngoài đã dần dần được thấm hồng trở lại. Trong căn phòng nhỏ ấm áp, bà lẩm bẩm một mình: «Xứ gì mà lạnh cắt da!». Làm như quanh năm suốt tháng không thấy ánh mặt trời. Có lẽ cũng không phải mặt trời. Là ngọn đèn khổng lồ mờ ảo hiện sau một đám sương mù bao la. Mùa đông nơi đây thê lương quá! Phải chi *thanh bình* như những năm xưa khi đất nước bà *Sài Gòn vẫn là Sài Gòn* thì bà đâu có nhọc lòng đến vậy. Bà ưa nhắc tới hai chữ *thanh bình* với tâm tư đầy luyến tiếc. Chợt nhớ ra điều gì, bà đi xuống nhà bếp mở tủ lạnh tìm kiếm. Hôm qua đi ngủ sớm, bà đã không nhớ lấy miếng thịt để ra ngoài cho «tan đá». Bây giờ thịt đông cứng như khúc củi lấy gì nấu cho buổi ăn chiều. Đời sống vẫn minh tân tiến, người ta giống như những cái máy biết đi. Ngày nào làm việc đó, giờ nào làm việc ấy. Lúc nào cũng phải toan tính xếp đặt trước, mỗi khắc mỗi giờ đều có mỗi công việc riêng. Lỡ quên một chút thì thật là phiền phức. Giờ này trời lạnh,

gió bên ngoài rít lên từng cơn, những hàng cây như muốn bật tung gốc rễ. Sự xung đột giữa cái ấm áp bên trong và cơn lạnh lẽo bên ngoài làm cho bà chùn chân ngại bước không muốn nghĩ tới việc đi xuống phố mua thêm thức ăn. Bà lại tự trách mình *có mới nói cũ*. Sống yên vui nơi xứ lạ quê người sao không nhớ gì tới những người thân nơi quê nhà đang bữa đói bữa no.

Ngôi nhà do một người tốt bụng cho hai ông bà mượn với giá rẽ đầy đủ tiện nghi, bỗng dưng im lặng như tờ. Bà lên phòng tìm kiếm, cả Hoàng Việt và Bích Trâm, con gái bà cùng đi vắng, chiều thứ bảy, không có lớp học bọn chúng lại ra ngoài họp bạn với nhau. Bà lẩm thầm suy nghĩ, tuổi trẻ hấp thụ đời sống mới thật mau lẹ, không như bà và ông Tư, đến ở Pháp đã hơn ba năm nhưng vẫn còn giữ lẽ xưa thói cũ, phương cách sống của hai ông bà không thay đổi gì mấy so với khi còn ở quê nhà, cứ nhớ *canh chua, cá kho tộ, đĩa rau luộc ăn với thịt sườn ram mặn...* Đôi khi ông bà cũng muốn dùng bánh mì thay cơm nhưng lại có cảm giác như còn thiếu một chút gì, bơ thì bà chỉ ném vào một ít, uống sữa bà có cảm tưởng đầy hơi khó chịu, phô mai thì khỏi nói, bà chun mũi không dám nhìn tới... Chợt nghe điện thoại reo, bên kia đầu dây tiếng của Bích Trâm, con gái bà:

- Thưa mẹ con đây ạ! Con đến nhà Ngọc Thanh cùng học bài, có thể con về trễ, mẹ dùng cơm trước đừng đợi con.

- Đừng về trễ quá con nhé.

- Vâng mẹ ạ!

Gác máy điện thoại, hơi lo lắng cho Bích Trâm khi con về trễ nhưng bà Lan không

thể quá khe khắt với con, dù sao nó cũng cần có bạn và sự giao tiếp trong đời sống thường ngày. Hãy để cho Bích Trâm tận hưởng tuổi trẻ của mình bởi vì nó đang ở xứ văn minh tự do. Vả lại Ngọc Thanh là một cô gái hiền lành, sinh trưởng tại Pháp trong một gia đình tử tế có học thức, con của kỹ sư Thông, ông qua Pháp từ trước bảy năm. Nhưng có lẽ khi được dịp thuận tiện bà sẽ giải thích cho con gái những cạm bẫy ở đời, bà hiểu tính con và tin tưởng Bích Trâm là một cô gái khôn ngoan, thông minh, hiếu học. Bà hy vọng nó sẽ thành công. Bước vào nhà bếp, bà Lan lặng lẽ sửa soạn bữa cơm chiều cho cả nhà. Chỉ có bốn thành viên trong gia đình, ông Tư, bà Lan, Hoàng Việt và Bích Trâm, nhưng được sum họp nói cười cùng nhau bằng tiếng Việt vào một buổi chiều nơi xứ lạ quê người, bà thấy thật vô cùng ấm áp, hạnh phúc. Bà nhìn ra cửa sổ, ngoài kia mưa tuyết vẫn còn rơi.

Sau nhiều năm trôi qua, hôm nay Hoàng Việt mới có dịp đến thăm dì Lan. Bích Trâm hiện là một bác sĩ, thấy mẹ có vẻ già yếu nên dọn nhà về ở với mẹ và hai con, chồng của Bích Trâm không ai khác hơn là Jean, kỹ sư điện toán, người bạn thuở ban đầu cùng lớp với anh, đã lớn tuổi Jean trở nên điềm đạm bớt tinh nghịch, rất thương yêu chăm lo cho vợ con, nhất là hai cô con gái, Jeanne và Marie. Khi đã ổn định đời sống, dựng Tư mua lại và sửa sang, nói rộng thêm ra, căn nhà của người chủ đã cho mượn trước kia. Hoàng Việt nhìn chung quanh dò xét, ngoại trừ chiếc tủ thờ đặt sát vách ở giữa phòng khách để ảnh của Dượng Tư, sau một cơn bệnh nặng đã

qua đời. Tất cả những trang trí trong nhà vẫn không thay đổi, lọ hoa đặt trên chiếc tủ thấp ở gần cửa sổ, tranh ảnh treo trên tường, đặc biệt có bức tranh màu giấy đã ngả vàng với nét vẽ vụng về, nguệch ngoạc của «Cô bé Trâm» ở lớp tiểu học, nơi góc phải phía trên có ghi lá cờ vàng nhỏ xíu do Dượng Tư chỉ dẫn, được cô giáo khen tặng. Nhớ lại năm ấy 1977, Hoàng Việt vượt biên thành công, nhờ được Dượng Tư và dì Lan đã đùm bọc chở che, giúp cho anh có nơi nương tựa, có phương tiện tiến thân trên đường đời. Anh thật vô cùng biết ơn. Đến nay anh đã năm mươi tuổi, có nghề nghiệp vững chắc, đời sống sung túc, vợ là một y tá người Pháp, con gái anh Lydie được mười tuổi. Thịnh thoảng anh gửi tiền về giúp gia đình. Mẹ anh chỉ muốn ở lại quê nhà lo phần mộ cho ba anh, một người lính Việt Nam Cộng Hòa đã chết trong tù cải tạo, người em trai vì không nỡ để mẹ ở lại cô độc một mình, cũng không muốn theo anh qua Pháp.

Năm mươi năm, một nửa thế kỷ, một nửa đời người. Nếu ngày xưa anh không liều lĩnh mạo hiểm, thừa chết thiếu sống để vượt biên, gia đình anh sẽ khổn đốn đến chừng nào. Như một đoạn phim ngắn, Hoàng Việt nhớ lại thời tuổi trẻ của mình trong căn nhà nhiều kỷ niệm của dì Lan. Thời đó, có người nói: «*Cái cột đèn mà biết đi, nó cũng đi*». Thời đó, anh vừa tròn hai mươi tuổi, đi học, đi làm, cũng như gia đình Dượng Tư, dì Lan, Bích Trâm và biết bao nhiêu gia đình người Việt Nam khác sống xa quê hương. Giao tiếp với người bản xứ khác tiếng nói màu da, cách ăn mặc, phương cách sống. Có những điều anh

gọi là không bình thường nhưng lâu dần anh thấu hiểu đó là động cơ thúc đẩy để gia đình anh hội nhập vào văn minh, văn hóa của xứ người mới để thành công. Đến nay, ai nấy đều xem đó là những điều rất bình thường. Di Lan không biết từ lúc nào đã thường thức được những món ăn ngon của Pháp, Ý, Tây Ban Nha... và di thường nấu sẵn để vào ngăn «đông đá» phòng khi con cháu đến nhà, di Lan chỉ việc lấy ra cho vào lò vi sóng hâm nóng lại mà thôi. Bích Trâm rất duyên dáng trong những chiếc áo đầm dài, váy ngắn, bộ «com-lê» gọn gàng với những chiếc khăn choàng cổ xinh xắn đầy mỹ thuật. Mọi người trong gia đình anh đều hòa đồng vào dòng chảy văn hóa của người bản xứ. Bích Trâm và anh đã có những người bạn Pháp rất chân tình, họ cũng sẵn lòng muốn tìm hiểu về phong tục tập quán của người Việt Nam.

Mặc dù vậy, sâu thẳm trong tâm tư, lúc nào anh cũng vọng hướng nhớ về quê nhà. *Sài Gòn vẫn là Sài Gòn* trong ký ức của anh, nơi có mẹ và em đang sinh sống. Anh nói với di Lan:

- Con định Tết này về Việt Nam thăm mẹ, di có đi với con không?
- Di già yếu rồi, không đi được đâu, nhưng khi nào về nên cho di biết để gửi chút quà cho mẹ con.

Nghĩ đến một nơi chốn xa xôi có mẹ và em, Hoàng Việt chợt trầm ngâm nhớ đến một bài thơ đứt đoạn, hay bài học thuộc lòng mà khi xưa từ rất lâu anh vẫn

ghi mãi trong ký ức thuở còn ngồi ở ghế nhà trường, rất lâu, cho đến nay anh không còn nhớ được tên tác giả:

*Tôi nhớ Sài Gòn
với cảnh lịch người thanh,
Nơi hội họp bao tài tử giai nhân,
Nơi tập trung bao thú vui vô tận,
Và nơi san sát phố phường phồn thịnh.*

*Tôi nhớ Sài Gòn với Chợ Mới bùng binh,
Với phố Lê Lợi dập dìu du khách,
Và Bến Tàu tiếng còi vang lanh lảnh
Với Trường Đua, nơi giải trí đô thành.*

*Tôi nhớ Sài Gòn với Viện Thảo Cầm,
Đầy thơ mộng cùng bao cây cỏ lạ,
Với Bến Bạch Đằng vừa giải tỏa,*
Ghe lẩn tàu tấp nập dưới trời Nam...*



Nguyễn Mây Thu (06-01-2025)

* Bến Bạch Đằng: Dưới thời Pháp thuộc, đoạn đường từ công trường Mê Linh đến đại lộ Cường Để là khu quân cảng. Sau độc lập năm 1955, người dân được tự do đến đây ngắm cảnh, giải trí.

ĐÓN XUÂN

Hôm nay hăm ba Tết.
Đưa ông Táo về trời,
Ngoài đường mưa, bão tuyết.
Cho lòng buồn chơi vơi.

Tuyết vươn trên ngọn cây,
Rung rinh lá thông già.
Gió thổi đôi mắt cay
Vi thương nhớ quê nhà.

Tết xưa, hoa mai vàng,
Sân nhà đầy pháo nổ.
Mẹ làm râm nén nhang,
Cầu ông bà phù hộ.

Em thơ cười hớn hở,
Theo nhịp trống múa lân.
Bập bùng bên bếp lửa,
Chị trông nồi bánh chưng.

Ai níu được thời gian?
Cho về nơi xưa đó,
Có thân quyến, họ hàng
An bình trong xóm nhỏ.

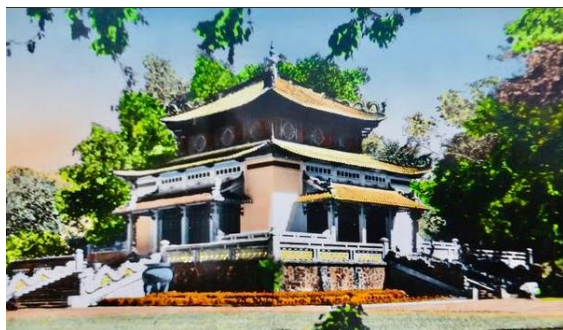
Năm mươi năm qua rồi,
Mẹ già không còn nữa.
Quê Hương quá xa vời,
Tóc bạc gần quá nửa.

Đón Xuân, sao mà nhớ!
Tết nay, không mai vàng
Không rộn ràng pháo nổ.
Lệ rưng rưng tuôn tràn.

Nguyễn Mây Thu
(03-01-2025)



Đại lộ Lê Lợi



Đền Kỷ Niệm Thảo Cầm Viên

QUÁN BIÊN THÙY

**** Trần Hoài Thư ****

1.

Đêm Giao Thừa. Trên ngọn đồi 101, mà ai đã đặt cho cái tên là Quán Biên Thùy, cuộc vui vẫn đang tiếp tục. Đám người ngồi vây quanh bếp lửa. Ánh lửa đủ soi những gương mặt chập chờn và đỏ gay vì hơi rượu. Những người lính già thì yên lặng. Những người lính trẻ thì phấn kích hơn bao giờ. Lần này, họ đòi cho được My hát. Họ la: “*Cô My phải hát cho chúng tôi nghe một bài. Cô My phải trở tài.*” Một người cầm cốc rượu đứng dậy, nói với người đại đội trưởng: “*Đại úy phải nói làm sao để cô My hát cho chúng tôi nghe, nếu không, Đại úy phải bị phạt uống đến!*” Sau đó, anh ta quay sang đám bạn, hỏi: “*Phải không anh em?*” Cả bọn đồng đáp: “*Phải!*”. Rồi tiếng la gào cổ vũ cực độ: “*Cô My, hát đi, hát cho chúng tôi nghe đi cô My!*” “*Cho tràng pháo tay cổ động cô My đi anh em!*” “*Đại úy, 40 cốc đang chờ Đại úy!*” Người đại đội trưởng chỉ biết nhìn cô em gái như cầu cứu “*Em cứu anh với, My*”.

My ngàn ngại gật đầu. Người đại đội trưởng thở phào như trút cả một gánh nặng. Anh cảnh cáo:

- Chúng ta cùng vui Giao Thừa. Nhưng tôi xin anh em đừng uống nhiều. Anh em hẳn biết đơn vị chúng ta hiện ứng chiến cho sư đoàn. Sau đây tôi xin nhường lại cho cô em tôi...

Đám lính vỗ tay vang dội. Có người la lên:

- *Cô My thương lính rồi, cô My hát bài lính chiến xa nhà đi cô My!*



Riêng My, nàng đứng yên. Chưa lúc nào nàng cảm động như lúc này. Nàng đã có mặt tại một nơi mà nàng chỉ được nghe qua báo chí, hay

những lời kể lại. Bởi vì Sài Gòn của nàng bình an quá! Bởi vì đời sống của nàng chỉ biết cuối tuần, chiếc áo dài tha thướt trên vỉa hè Lê Lợi, và ly nước mía ở đường Gia Long. Bởi vì mắt của nàng chỉ thấy bầu trời của Sài Gòn trên những phố lầu bình an, và rừng người yên ổn dạo chơi, không bao giờ bận tâm những gì ở xa, như ngọn đồi 101 này.

Rõ ràng, Sài Gòn của nàng chưa thật sự gần gũi cùng chiến tranh. Đêm nàng có thể trở về khuya và ngày vẫn yên tâm trên trang sách vở. Chiến tranh hình như chỉ xảy ra ở một cõi nào đó. Nàng chẳng bao giờ bận tâm thắc mắc. Nàng chẳng bao giờ lo âu về những tin tức từ chiến trường. Dù miền Quảng Trị nóng bỏng với đại lộ kinh hoàng, dù A Sao, A Lưới đã thấy bóng những chiến xa T54. Dù

An Lộc, Bình Long, quân ta vẫn anh dũng trước lớp lớp hàng hàng kẻ thù. Dù bao binh đoàn Bắc quân đang tiếp tục theo đường mòn Hồ Chí Minh để tiến về miền Nam. Nàng vẫn chưa biết được sự thật, và cũng vì vậy nàng mới đánh điện tín ra ông anh. Nàng muốn xem cái Quán Biên Thùy mà anh nàng vẫn hằng nhắc ra thể nào. Tờ điện tín đã làm cho anh nàng phải điên đầu: “*Em sẽ đón Giao Thừa ở Quán Biên Thùy. Stop. Đón em ở phi trường. Stop. Chuyển bay... Stop.*” Anh nàng đã hiểu rõ được cái bướng bỉnh của cô em gái. Lúc nào nó muốn là nó làm. Nó không đợi một câu trả lời... Nó đã thật sự đặt cho anh nó vào một chuyện đã rồi.

Và chuyện đã rồi là cô gái Sài Gòn đã đứng ở cửa phi cơ nhìn về khu nhà khách. Nàng mang bộ đồ lính màu hoa rừng, đuôi tóc cột sợi dây thun, đôi kính đen che gần phần trên của gương mặt. Trông nàng vừa có vẻ bướng bỉnh, vừa có vẻ kiêu hãnh. Người đại đội trưởng bảo với người trung đội trưởng: “*Con bé cứng đầu bướng bỉnh kia đã đến rồi đấy!*” Rồi anh ta cười: “*Mày chịu nó không, để tao giới thiệu giùm cho.*” Trọng, tên người trung đội trưởng, có vẻ xấu hổ. Dù cõi lòng chàng chột nổi lên một sự rung động vô cơ. Chàng liên tưởng đến một cánh chim, một hôm nào đậu lại bên khung cửa của đời chàng. Ít ra, có một cánh chim xinh đẹp như thế trong cõi cô liêu này của chàng cũng là một nguồn an ủi lắm rồi. Chàng biết chàng đã bắt gặp một cái gì thân mến nhất mà chàng không thể cắt nghĩa nổi.

Người con gái Sài Gòn đã làm rộn ràng cả nhà đợi. Nàng liến thoắng và nhí

nhảnh khác hẳn với đa số cô gái đồng tuổi, thùy mị và đoan trang. Người anh của nàng giới thiệu người đi cùng: “*Đây là anh Trọng, Thiếu úy Trọng độc thân.*” Anh ta nheo mắt nhìn Trọng. My đưa tay bắt tay Trọng, rồi nói: “*Anh Hai của em có nhắc anh nhiều lần. Hôm nay em mới được gặp.*”

- Tôi cũng hân hạnh được đón tiếp một cô gái Sài Gòn.

Trọng trả lời. Đến đây, My giục anh nàng: “*Mau cho em về xem Quán Biên Thùy của anh đi!*”

- Không phải của tao đâu, của anh Trọng đấy.

Nàng quay sang Trọng:

- Cắt nghĩa cho em tại sao anh lại đặt là Quán Biên Thùy? Nếu là quán thì phải có cô hàng. Quán anh có cô hàng nào chưa? Cho em biết với.

- Chờ cô My đấy – Trọng nói.

- Nếu vậy thì quán của anh sẽ bị lỗ nặng. Không tin anh hỏi anh Hai của em đi, có phải em là một tay ăn hàng...

- Chẳng những mày ăn hàng mà mày còn ăn vụng. Tao bắt tại trận nhớ không My?

- Em ăn vụng ở chỗ nào? Tại em xót thương mấy thức ăn ngon lành không ai làm ơn cứu độ mà thôi. Hứ, anh khó thấy mò!

- Tao khó ở chỗ nào?

- Thế thì tại sao giờ này anh không có một cô nào? Này nhá, phải có gì cho em rồi em giúp...

Cả bọn cười vui trước câu nói của My.

Ngày cuối năm, ngày của trở về. Trên gương mặt của mỗi người hôm nay, dù đợi giờ lên phi cơ hay dù bước xuống tàu, đều hiện lên ánh mắt hân hoan và cảm động. Có lẽ lát nữa họ sẽ có mặt tại

ngôi nhà cũ, gặp lại những người thân yêu, và sống lại những giờ khắc bé nhỏ như ngày xưa. Họ sẽ sống lại cùng thế giới của lòng mẹ, lòng cha, của ông bà nội ngoại, mà họ đã xa cách vì cuộc sống và vì chiến tranh. Nhưng với một người con gái Sài Gòn này, sự có mặt của nàng còn mang một ý nghĩa khác: Người đại đội trưởng có thể tìm lại qua nàng hình ảnh gia đình cùng cõi thân yêu cũ. Và Trọng, chàng bắt gặp ở nàng một niềm hạnh phúc thầm kín. Ít ra, vẫn còn có con chim Họa Mi tìm đến Quán Gió, hót lên tiếng hót, cho những đời trai miệt mài trong dòng cuồng lưu hung bạo.

Đọc đường, My nói chuyện huyền thuyên. Nơi này quả thật xa lạ và mới mẻ đối với người con gái Sài Gòn. Nàng hỏi anh nàng về từng tên của dòng sông, chiếc cầu, ngôi làng. Nàng bắt anh nàng phải kể về ngôi nhà thờ đồ nát mà anh nàng đã viết trong thư: “Không biết ông lão kéo chuông còn ở đây không hở anh? Không biết những con sáo đen có còn trở về mỗi buổi chiều không hở anh? Không biết những xuồng ghe còn đỗ về trong ngày phiên chợ không hở anh? Này anh, những cô thôn nữ chắc đẹp lắm, phải không anh?...” Và bởi vì nàng thắc mắc nhiều quá nên Hải, anh nàng, phải dùng Trọng để trả lời thay. “*Anh Trọng biết nhiều lắm. Mà nên hỏi anh Trọng thì hơn. Để tao còn thì giờ lái xe*”.

Đến khu rừng thưa, chốt Hải rờ máy, Trọng lên đạn cây M16 và chĩa ra bên đường. Chiếc xe Jeep phóng ào trên con lộ vắng, hai bên đường nổi lên những lùm tre, lùm dứa bắt trắc... Hành động của hai người đã làm My run sợ,

mặt mày tái mét. Nàng bấu chặt lấy tay Trọng, và im thin thít. Bây giờ nàng mới có thể hiểu về một nơi mà người ta gọi là chiến tranh, một nơi mà nàng chỉ nghe mà không hề thấy. Nàng đã bắt đầu chạm vào cái khối không gian của hiểm nguy và từng thước đất của đe dọa thường trực. Nàng nghe cái ớn lạnh như chiếm lấy cả da thịt đến nỗi nàng phải run lên. Những lùm cây đó, những bờ mương, bờ rạch đó, chúng quá vô tri, vô giác, tại sao chúng lại tỏa ra nỗi đe dọa không rời. Thì ra, nàng nhớ anh Hải vẫn hay nhắc về những con ma rình rập mà ngày ngày anh phải đối diện, có phải là những con ma này không. Bên cạnh, Trọng vẫn hờm sùng. Chiếc xe vẫn tiếp tục thả hết tốc độ về phía trước, trên con đường ngập những ổ gà và bụi mù. Và My đã nép sát vào người Trọng lúc nào nàng cũng không hay.

Khi qua khỏi khu rừng thưa, thấy lại xóm nhà, Trọng mới bỏ súng xuống. My nói không ra hơi: “*Các anh làm em sợ muốn đứng cả tim*.” Trọng cười: “*Chúng tôi chỉ để phòng. Cái chỗ rừng thưa này, bọn nó hay về bắn tỉa, hoặc đón xe đồ*.” Lúc này My mới nhận ra mình đang cầm tay Trọng và nép sát vào người chàng. Nàng bẽn lễn đến đỏ mặt. Nàng cắn ngón tóc đang bay xòa trước mặt, và ngồi im không nói.

2.

... Bây giờ My đứng dậy. Dưới ánh lửa, nàng có thể nhìn những người lính già, thu mình trong chiếc áo ấm rộng thùng thình. Nàng không thể ngờ họ lại có mặt tại nơi này. Đáng lẽ ở cái tuổi của họ, đêm nay họ phải có mặt bên lũ cháu nội ngoại. Đáng lẽ giờ này họ sẽ mặc lại

chiếc áo cổ truyền để thấp những thẻ nhang trước bàn thờ gia tiên. Nàng lại nhìn những người lính trẻ. Có gương mặt của ruộng đồng còn in trên nét phong sương. Có người râu và tóc mọc đầy. Có người mang kính cận thị. Và nàng cũng bắt gặp đôi mắt của Trọng nữa. Từ đôi mắt ấy, có cả một khối buồn, khối thao thức, băng khuâng, dẫn vật của một người trí thức. Nàng nghe anh nói Trọng có cử nhân văn chương và hơn nữa, cái tên Quán Biên Thùy do chính chàng đặt ra. Chàng đã làm một bài thơ nói về một ngọn đồi nắng lửa, bốn bề là rừng tiếp rừng. Bài thơ được đại đội chuyền nhau đọc, và người đại đội trưởng quá thích, đã cho lính dựng lên tấm bảng đề Quán Biên Thùy ngay ở cổng trại. Phải, anh Trọng ơi, em phải cảm tạ anh vì anh đã làm cho em hiểu được những giọt mồ hôi của các anh, của định mệnh đang đè nặng lên đất nước chúng ta. Em ao ước được mang về những ngọn gió dịu dàng, tình tự đến cùng các anh.

Ánh lửa trước cơn gió đêm làm hình bóng những người ngồi trên sân trở nên chập chờn, có lúc sáng lên, có lúc mất đi vì gió đánh bật. Và My áp úng nói: *“Thưa các anh, cảm ơn các anh đã dành cho My nhiều cảm tình. Trong đời My, My chưa bao giờ có một đêm hạnh phúc như đêm nay. My mới hiểu rõ về nỗi hy sinh vô bờ của các anh. Giờ này, Sài Gòn của My đang làm lễ giao thừa. Nhưng giờ này, các anh đang ngồi đây bỏ quên những giờ phút thiêng liêng nhất...”* Nàng nói đến đây, không còn cảm được nước mắt. Có phải nàng hiểu giá trị của một nỗi an bình là kết quả của bao nhiêu nỗi hy sinh quá thẳm lặng từ

những người đã có mặt, sống và chết vô danh?

Mọi người im lặng. Họ hiểu người con gái Sài Gòn đang quá chừng xúc động. Tiếng củi cháy kêu lách tách. Có bóng người lính cầm súng ở chòi canh. Những tiếng nổ rời rạc đâu đó. Đó là tiếng súng thay tiếng pháo. Và nàng bắt đầu cất lời hát. Nàng đã từng được tiếng là người hát hay nhất của trường. Trong các buổi văn nghệ ở nhà trường, mỗi lần tên nàng được giới thiệu là cả một rừng pháo tay vang động, và không bao giờ đám học trò bạn học lại không bắt nàng hát thêm bài thứ hai, thứ ba. Tuy nhiên, những lần hát như thế, nàng ít khi bắt gặp cái hồn của âm nhạc, cái cảm thông của người hát và người nghe. Nhưng bây giờ, tiếng hát là tiếng lòng đích thực. Tiếng hát cất lên như niềm cảm tạ, như nỗi tri ân, như lời vỗ về an ủi, như cả dòng lệ đầy đưa cái nỗi hoạn nạn gian khổ từ những con người, như u ẩn nỗi lòng của người cô phụ chờ chồng trở lại. *Ai lướt đi ngoài sương gió, không dừng chân đến em bẽ bàng... Em ngồi đan áo... Ừ nhỉ, giao thừa sao lại buồn tàn thu. Nàng cũng không biết tại sao nàng lại cất lên nỗi niềm của người cô phụ? Phải rồi, mùa xuân vẫn còn có biết bao người cô phụ vẫn còn ngồi đan áo. Phải rồi, nhắm mắt lại, người con gái Sài Gòn còn thấy được những người ngoài sương gió, bỏ quên cuộc đời, bỏ quên tuổi trẻ, bỏ quên hiện tại, tương lai.*

Bài hát đã hết, nhưng âm hưởng vẫn còn lắng lại vào tâm hồn người lính xa nhà, đến nỗi sau đó, là nỗi lặng yên đọng trên từng khối đêm như mặc niệm cùng quá khứ, như hoài niệm lấy dĩ vãng của

mỗi người. Rồi trong một thảng thốt, tiếng vỗ tay như pháo nổ đồng loạt vang dậy, và tiếng la, tiếng hét tiếp tục. *“Họa mi hát nữa đi, hát cho chúng tôi nghe thêm nữa đi!”* Người con gái quay lại nhìn anh nàng. Hải vừa vỗ tay vừa nói với em: *“Em hát thật xuất thần. Chưa bao giờ anh nghe em hát hay như thế!”* Bỗng một tiếng nói cất lên từ trong một góc tối: *“Tôi có đề nghị, chúng ta không thể để cho cô My hát một mình mãi. Đêm còn dài, chúng ta phải chứng tỏ ở Quán Biên Thùy có nhiều tài năng. Tôi biết có một người hát thật hay, chơi đàn cũng thật giỏi. Thiếu úy Trọng...”*



Tiếng vỗ tay lại nổi dậy: *“Phải đó. Mời Thiếu úy Trọng. Đừng để Quán Biên Thùy phải mất mặt bầu cua...”* My nhìn Trọng, đôi mắt ngời sáng. Trọng lúng túng nhìn My rồi lắc đầu. Nhưng chàng không thể ngồi yên như vậy được. Những người ngồi xung quanh đang đòi chàng phải đại diện. Họ giục. Họ khuyến khích. Họ đưa mắt nhìn người trung đội trưởng chờ đợi. *“Thôi Thiếu úy đừng xấu hổ nữa. Có em đây. Em đứng đằng sau Thiếu úy đây.”* Một người lính trẻ cầm tay Trọng kéo dậy: *“Thôi mà ông thầy, bộ ông thầy muốn làm mất mặt Quán Biên Thùy này sao?”*

Cuối cùng Trọng phải đứng dậy. Hát cho ai. Hát cho người nào. Con chim từ đâu đã bay lại, đậu trên đồi một đêm. Con chim từ đâu đến đây làm tôi nhớ lại ngôi trường Văn Khoa, con đường Nguyễn Du cây xanh bóng mát. Và gió Bạch Đằng. Và nhà thờ Đức Bà. Và ly chanh đường. Uống mỗi em ngọt. Đêm càng khuya, sương càng dày, đồi càng lộng gió. Tiếng súng bắt đầu rộn rã và đồng loạt. Giây phút Giao Thừa. Đợi chờ một phút, cho hoài niệm. Những tia đạn lửa xẹt ngang dọc cắt bóng tối. Ở chòi canh, người lính đã bắn súng mừng giao thừa. Trọng bắt đầu hát. Giọng chàng thật ấm. Từ trong đám đông, My nhìn người thanh niên. Nàng bỗng nghe thân thể nóng ran khi nhớ lại lần nắm chặt tay Trọng, cùng nép sát vào người Trọng. Có phải đó là dấu hiệu khởi đầu cho một tình yêu hay không?

3.

Đêm còn lại, My trần trọc không thể nào chợp mắt. Hay tại vì nàng đang ở tại một nơi xa lạ, cách biệt hẳn cái thế giới quen thuộc của nàng? Không còn căn phòng với ánh đèn mờ nhạt. Không còn chiếc giường nệm và tủ áo dài, cái bàn trang điểm. Hay tại vì nàng đã chạm vào cái thế giới vừa tội nghiệp vừa bi tráng của Quán Biên Thùy? Hay tại vì người thanh niên có đôi mắt quá buồn, nhưng đáng đáp thì kiêu ngạo? Nàng vói tay lấy chiếc áo dạ nhà binh mặc vào người, rồi bước ra cửa hầm. Nàng bước co ro trong bóng tối. Đêm đặc quạnh, chỉ nghe tiếng gió đập vào mái tôn kêu lách cách. Đôi mắt nàng khốn khổ để làm quen với cõi lạ. Dưới đồi, sân bay quân sự và bản doanh của sư đoàn còn thấy những ngọn đèn nhiều nển, mờ nhạt trong

sương đêm. Nàng đứng yên lặng. Lạnh. Run rẩy. Bỗng nhiên nàng nghe tiếng nói của người thanh niên. Tiếng nói như thân thiết tự một kiếp nào: “*Cô My, cô chưa ngủ sao? Chắc là nơi này không quen với cô...*” My quay sang nhìn Trọng: “*Anh Trọng, em chưa muốn ngủ. Em muốn được hưởng một đêm trọn vẹn tuyệt vời như đêm nay.*” Trọng lại hỏi My:

- Tại sao cô My lại lặn lội đến Quán Biên Thùy này? Cô My không sợ nguy hiểm sao?
- Bộ các anh coi chuyện chiến tranh chỉ dành riêng cho các anh hay sao?
- Nhưng nơi đây không thể hợp cho một người con gái Sài Gòn. Cô làm cho anh cô phải lo đến điên khùng khi nhận tấm điện tín của cô.
- Nhưng đêm nay là đêm giao thừa. Chiến tranh cả năm ít ra còn chừa một đêm ngừng bắn. Em nghe nói hai bên hưu chiến.
- Phải. Ít ra đêm nay người ta bỏ qua thù hận, chém giết.
- Cầu mong 365 đêm là 365 Giao Thừa.
- Cô My có ý kiến thật ngộ nghĩnh. Nếu thế thì đất nước ta là thiên đàng.
- Và mọi người trên thế giới sẽ nạp đơn xin về Việt Nam.

My cười thật vui. Lòng Trọng đâm ấm áp lạ lùng. Chàng hỏi My:

- Đi ngoài đêm, cô My có lạnh không?
- Em không lạnh. Em có cả chiếc áo dạ nhà binh trên người.
- Cô My à.
- Dạ, thưa anh.
- Văn Khoa của mình còn thầy T. dạy không?
- Dạ còn.
- Ông là vị thầy tôi kính nể. Nhờ ông mà tôi yêu văn chương. Mỗi lần ông giảng

bài hay mỗi lần ông đọc thơ, là mỗi lần tôi phải ngồi chết trân. Ông đã giúp tôi tìm về chữ nghĩa. Một câu mà tôi vẫn nhớ mãi: “*Văn chương là hơi thở.*” Ngày ấy tôi vẫn còn nghi ngờ, nhưng giờ đây tôi mới biết. Hơi thở hụt hẫng từ những đêm những ngày của chiến tranh. Hơi thở ấy đến cả từng dấu chấm, dấu phết.

- Anh Hải nói như anh đang viết văn làm thơ.
- Phải, tôi dùng nó để mang hơi thở của tôi, của đồng đội tôi và tuổi trẻ của tôi.
- Và cả của em nữa, anh Trọng à!
- Thưa cô...
- Anh đọc cho em nghe một bài thơ của anh đi.
- Vâng, tôi làm nhiều thơ, nhưng không bao giờ thuộc hết. Để tôi ráng nhớ xem... Vâng, tôi nhớ ra rồi. Bài *Quán Biên Thùy*.

Đôi đưa tôi lên tận mặt trời. Tôi lưng chảy dài những giọt mồ hôi. Mồ hôi tôi trộn vào nơi khói lửa. Tôi ở đây, một Quán Biên Thùy. Tôi là một tên tuổi trẻ lông bông. Thị tứ quá xa nên quán phải buồn. Không bàn ghế, không tách cà phê đắng. Tôi thổi khẩu cầm gọi bản gọi buồn...

Chợt một tiếng nổ lớn dội về. Tiếng nổ của trái hỏa châu. Rồi một vùng ánh sáng ngập lòe cả ngọn đồi. Tiếng nổ đã làm người con gái hoảng sợ, ôm chầm lấy người thanh niên. Người thanh niên dịu dàng nâng cằm người con gái lên. Chàng bắt gặp hai đốm sáng từ đôi mắt. Chàng nói trong hơi thở:

- My đừng sợ. Chỉ là tiếng nổ của trái hỏa châu. Họ mừng giao thừa trễ đấy!

Rồi chàng hôn lên mắt, lên trán của người con gái. Người con gái nhắm mắt

lại. Nàng ngược đôi môi chờ đợi. Sau đó, họ hôn nhau cuồng bạo.



4.

Ngày hôm sau, giữa lúc Mỹ sửa soạn hành trang cho cuộc trở về thì đại đội được lệnh phải xuống đồi khẩn cấp. Địch đã chiếm một quận lỵ bên đèo vào sáng sớm mùng một và viên quận trưởng bị giết. Tiếng còi, tiếng kèn tập họp khua liên hồi. Những người lính từ trong các dãy nhà tôn đổ ra, cùng với ba-lô, súng đạn nặng nề. Lúc này, Mỹ có thể thấy tận mắt thế nào là trận chiến, là binh lửa. Mọi người vẫn bình thản dưới ánh nắng đầu xuân. Mỹ nhìn Trọng. Người thanh niên đang đứng trước hàng quân. Người thượng sĩ già trung đội phó đang kiểm soát đạn dược súng ống. Con chó vàng vẫn tiếp tục vẫy đuôi cùng người này sang người khác. Những chiếc mũ rùng che những gương mặt rạm nắng. Những quả lựu đạn, hỏa tiễn M72 treo lủng lẳng trước ngực. Mỹ nhìn họ. Người ta đã từng kết án họ. Hăm hiếp. Mổ mặt. Cắt xẻo lỗ tai. Nhưng Mỹ đã không bắt gặp một dáng dấp gì của đoàn quân đánh thuê, đánh mướn.

Họ, những người rất bình thường, nông dân mộc mạc, hay những người lính già sạm đen, lưng trĩu nặng bởi cấp số đạn phụ trội, hay những người lính trẻ, đôi mắt sáng yêu đời nhưng chịu đựng và tuân phục trong hàng ngũ. Họ đang đứng nghiêm trước con mắt điều hầu của viên thượng sĩ thường vụ. Sau đó ông thượng sĩ thường vụ báo cáo với ông trung úy đại đội phó. Ông trung úy lại hô nghiêm, báo cáo với đại đội trưởng. Mỹ đã đặt thẳng câu hỏi cho Trọng, và Trọng nói:

- Trong một tập thể cả trăm người đôi khi cũng có một vài cá nhân làm xấu, dĩ nhiên. Mỹ hẳn biết, thú tính đôi khi phải cần để giải quyết chiến trường. Thú tính làm cho người lính không còn run sợ, khiến họ trở nên cộp beo sư tử. Có người nốc cả cốc rượu để trước giờ lâm trận. Có người bị ám ảnh bởi khẩu súng phòng không của địch để được lên cấp. Có người bị ít tiền bạc trên xác chết... Có người vì hận thù địch đã tàn sát gia đình họ. Mới đây, có tên hành quân vào làng, lên dùng vũ lực hăm hiếp một cô thôn nữ. Chuyện đổ bể, cả làng biểu tình. Nó quì lạy khóc lóc. Nhưng cuối cùng, bọn anh cũng giải quyết. Anh Hải cử phái đoàn gồm có những người lính già như Trung sĩ nhất Kho, Thượng sĩ Tô, Trung sĩ nhất Mười và đám sĩ quan của đại đội đến làng mang cau mang trà, trước hết là xin lỗi gia đình nạn nhân, sau xin làm đám cưới đàng hoàng. Bây giờ hai đứa đã trở thành vợ chồng.

... Bây giờ mấy chiếc xe GMC đã lên đỉnh đồi. Con chó vàng vừa cúp đuôi, vừa sửa ỉnh ỏi. Trọng bước đến bên Mỹ: *"Em trở về bình an. Cho anh gửi lời thăm*

Sài Gòn, thăm Văn Khoa, thăm chiều Chủ Nhật.” My nhìn đăm đăm người thanh niên, như muốn uống trọn vẹn hình ảnh của chàng trong buổi chia tay. Dáng Trọng gầy, chiếc mũ rùng chụp xuống, mái tóc dài, những ngón tay khẳng khiu. Chiếc quần trận màu xanh đã bạc, thấy có chỗ tươm rách. My thương chàng đến độ muốn ôm chầm chàng, để khóc òa như con nít. My muốn kể tất cả những gì mà con tim nàng đang trối dậy, đợi chờ một giây một phút cho cả cuộc đời con gái của nàng. Tuy nhiên nàng vẫn đứng chết trân, đôi mắt ướt nhòa, tóc mai phơ phất. Sau đó, không hiểu sao, nàng lại tháo chiếc trâm cài trên mái tóc của nàng rồi trao cho Trọng: “Anh Trọng, quà của em đây. Cầu xin cho anh được bình yên...” Rồi đoàn xe rồ máy xuống đồi. Bụi đã tung mù cả sân đại đội. My đứng yên nhìn theo.

Ngày mùng một đầu năm, trời thật xanh và trong. Những con chim én từ đâu bay lại, tiếp tục lượn vờn, nô giỡn trên giao thông hào. Người trung sĩ hậu cứ đã đến bên My: “Cô My, thôi mình xuống đồi thì vừa. Giờ này có chuyến xe đò chạy thẳng về tỉnh, không dừng lại dọc đường”. Nhưng My vẫn đứng yên. Nàng ao ước được làm cánh chim én trong bầu trời nắng vàng để bay theo đoàn xe, bay theo đoàn người, để mang tin lành, tin dữ về họ. Và nếu em có... Đến đây, tự nhiên nàng rùng mình. Cho nàng hay cho Trọng? Tại sao nàng lại nghĩ đến một điều ảm đạm trong buổi sáng mùng một này... “Và nếu em có mệnh hệ gì, em cũng xin được làm cánh chim...”. Nàng lắc đầu, cầm chiếc xác tay, nhưng hai chân muốn chôn chặt. Có tiếng nói vô hình ở đâu đó như thúc hối nàng:

Đừng đi. Đừng đi. Nhưng nàng vẫn bước lên xe Jeep. Ngồi trên băng mà mồ hôi thấm cả trán, cùng một con tim đang đập thành thịch. Hay nàng có một cái linh tính không may. Cho Trọng hay cho nàng? Có lẽ là cho Trọng, vì chàng là người trong cuộc. Chàng đang đối diện với tử sinh. My cứ nhắm mắt, van vái: “Anh Trọng ơi, cầu mong cho anh được bình an. Em lo sợ quá đi, anh Trọng ơi...”.

Chiếc xe đò vào ngày đầu năm như một cỗ rộn ràng và thân mật. Hôm nay, mọi người dường như thân thiết gần gũi hơn mọi ngày. Những người con gái trong những chiếc áo mới, gương mặt tươi sáng, nụ cười cũng tươi. Những bà bán buôn có vẻ hiền từ, nhường nhịn, thay vì gắt gỏng do bận rộn trong những ngày thường. Và nhiều người thanh niên. Họ là lính về nhà ăn Tết muộn màng. My ngồi cùng với họ, nhưng dường như cách biệt hẳn họ, bởi vì My là một cô gái Sài Gòn xinh đẹp, áo quần thời trang: chiếc quần jean xanh và cái áo pull màu xanh đậm. Nàng lại mang chiếc kính đen che khuất cả phần trên của khuôn mặt. Nàng đã quên những gì đen tối trước đây nàng đã dự cảm. Bây giờ nàng đang chia sẻ cùng một niềm hạnh phúc chung của một ngày thiêng liêng nhất của dân tộc. Bỏ lại chiến tranh, chết chóc, thù hận đằng sau, để cùng tiếng cười tiếng nói và nỗi lòng rạo rức cho một cuộc sum họp.

Nắng vàng thắm cả đồng lúa bạt ngàn. Thỉnh thoảng, bên đường hiện lên những em nhỏ, các người đàn ông, đàn bà trong những bộ quần áo mới. Vài ông già mang áo dài khăn đóng lướt qua. My

không thể tìm thấy cái không khí của chiến tranh, cái ve vuốt của bất trắc. Ngay cả những người thanh niên trong xe. Họ ngồi bên cửa, ló đầu ra ngoài, vô tư, bình thản.

Nhưng khi chiếc xe chạy đến khúc rừng thưa, nơi mà Trọng đã lên đạn, chĩa súng ra ngoài, và chiếc xe anh Hải rú ga ào phóng trên mặt lộ, thì một nhóm người trong bộ bà ba đen đã xuất hiện. My lại nhận ra họ còn mang cả súng. Bây giờ cả xe nhốn nháo. Gương mặt những người thanh niên tái mét. Nhưng họ đã bất lực. Họ đã bị sa vào cái bẫy vào ngày mà họ nghĩ là ngưng bắn, hưu chiến hay ít ra, thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam. My cũng vậy. Tim nàng như ngừng đập. Nàng nghệt thờ theo chiếc xe đồ đang từ từ chậm lại, rồi ngừng hẳn.

Cuối cùng, cả một đoàn người được dẫn vào sâu trong bìa rừng, dưới hàng dừa bạt ngàn. Và người ta điều tra xem ai là lính quốc gia, bằng cách nhìn từng bàn chân một. Lính quốc gia dĩ nhiên là mang giày *saut*, bàn chân trắng không khô nứt. Có bốn người thanh niên được bắt trói ra một bên. Một người trong đám Việt Cộng, có lẽ là kẻ chỉ huy, đã đến trước My, nhìn chăm chăm nàng, rồi quát lên, giọng Bắc:

- Con này trước Cách Mạng mà còn mang kính đen của tư bản đế quốc đi điểm phản động!

My giật mình co rúm lại. Thì ra, vì sợ quá, nàng đã quên tháo chiếc kính che nắng của nàng.

Đó là dấu hiệu khởi đầu cho một điều dữ cảm. My ngồi một bên, và chỉ mỗi một mình My là con gái, cùng với bốn người thanh niên đang bị trói, ngồi dưới gốc dừa. Rồi bài học tuyên truyền, rồi răn đe được tiếp tục nói lên từ một người bên kia. Rồi bốn người bị buộc tội là lính đánh thuê, đánh mướn, tàn sát nhân dân, bị bắn trực xạ bằng những phát súng lục trên đầu. Và sau đó, đến phiên My. Họ dẫn My vào khu nhà gạch đỏ nát. Tay chỉ huy nói với người thuộc cấp: “Đồng chí ở ngoài canh chừng. Tôi phải làm việc với con bé này. Nó chắc là tay sai gián điệp Sài Gòn không chừng.” Người lính gật đầu: “Tuân lệnh anh Ba!” Sau đó hắn bước ra ngoài, đứng gác dưới cây bông sứ.

5.

Trong khi đó, đoàn xe 6 chiếc chở đại đội thám kích đã lên đèo An Khê. Xe trung đội Trọng chạy đầu tiên. Trọng như một người còn say men hạnh phúc. Hạnh phúc hay là định mệnh? Cánh chim từ đâu bay lại, hót bên thềm đời chàng, để lại những dấu chân hồng êm ái. Trong muôn ngàn cánh chim của mùa xuân bay lượn trên đời, chàng đã tìm thấy một con chim yêu dấu. Đôi mắt sáng lung linh. Bờ ngực phập phồng sau làn vải lụa. Và hai bờ môi cắn bầm bằng nỗi cuồng nhiệt của tuổi trẻ.

Mùa xuân đã về đúng hẹn, và em là mùa xuân, mùa hạnh phúc, mùa ngọt lịm ân điển của địa đàng. Em đã mang tin lành, bình an, đến giữa cõi hoạn nạn. Em ở trên bầu trời xanh sẫm, đúng lúc, đúng hẹn, vô tư, đùa nghịch, vút lên cao, sà xuống thấp. Em, cánh chim mang mùa xuân về trời đất, núi rừng, dù không gian vẫn đầy những đe dọa gầm gừ. Ô kìa, một đàn chim én đang bay rợp trên đèo xám và rừng xanh. Trọng xúc động. Con họa mi của anh giờ này chắc trên chiếc xe đồ xuôi về thành phố. Nhưng kìa kìa, chàng muốn đứng thờ khi nhận ra cả một đám chim mùa xuân, khi không sà xuống đoàn xe. Cứ hết con này, tiếp đến con khác. Chúng phóng xuống đường để chừng chúng đang làm một cuộc tự sát tập thể. Rồi trong một khắc giây nào đó, chàng nghe một tiếng rú như xé dội cả trùng trùng điệp điệp núi đèo, đẩy bật cả mấy tầng trời, gốc cây đại thụ, bạt cả bờ vách đá, sau đó là lời van lơn dòn dập: *“Anh Trọng. Anh Trọng. Ngừng xe lại. Hãy ngừng xe lại. Anh Trọng ơi!...Nghe em đi, anh Trọng ơi!...”*.

Trọng bần rùn châu thân, nắm tay người tài xế, hối hả nói: *“Anh ngừng xe nhanh lên!”* Xe thắng giữa đèo. Đại bàng gọi máy hỏi sự tình. Trọng kể trong hơi thở về cái dự cảm của chàng. Đại bàng nói cũng nghe tiếng la rú. Rồi Đại bàng ra

lệnh đại đội nhảy xuống xe, bố trí hai bên đường. Sau đó, một đoàn xe chờ đạn pháo binh của Đồng Minh qua mặt. Chỉ trong mười phút ngắn ngủi, là sấm động âm âm của những quả mìn và tiếng súng lớn, sau đó là cả một khối lửa vĩ đại bùng dậy. Còn Trọng, chàng lom khom bò về hướng Đại bàng, nói không ra hơi: *“Đại úy ơi, tôi có linh cảm Mỹ... Đại úy nói giúp tôi một câu. Một câu thôi để tôi yên lòng. Đại úy có nghe tiếng rú không?”* Viên đại úy, dù đang bán loạn, cũng cố an ủi Trọng: *“Trọng, tin tao. Mỹ nó không hề gì đâu. Về lại trung đội mà đi. Chuẩn bị bọc hậu. Chừng năm phút nữa có trực thăng bay đến yểm trợ.”*

(Bách Khoa, không rõ số phát hành)



Trần Hoài Thư



17 –

Một thoáng tinh xưa trong khóm mắt
Mây giữa lưng trời bỗng lừng lơ
Gió bay theo gió vào phiêu lãng
Lá vàng sao mãi kiếp bơ vơ ?

Nước xuôi nẻo ấy về đâu nhỉ ?
Nhớ thương mấy độ vẫn mong chờ
Bờ cao đầu đầu nhìn con nước
Còn nhớ hay không những hẹn hò ?

Tay muốn trao tay mà xa thăm
Nước mãi theo dòng chẳng nghỉ chân
Ngày cũ còn lại gì, em nhỉ ?
Cúi đầu lặng lẽ bước phân vân.

Sương chiều thêm lạnh trời lên gió
Nhớ thương còn lại nhớ thương thôi
Nhà ai bếp lửa chiều nay đỏ
Một thoáng xa xưa thoáng ngậm ngùi !

● Sài Gòn 1989

18 –

Thân vùi đáy mộ chưa nguôi hận
Sôi réo ngàn năm tiếng lửa hờn !
Đêm đêm trở giấc trong lòng đất
Vẫn thấy lưng trời lóe ánh gươm !

● Sài Gòn 1989

(Trích trong tập thơ “NHỮNG BÀI THƠ KHÔNG TÊN” gồm 16 bài trong các trại tù Cộng Sản từ 1975 đến 1986 và 2 bài số 17,18 ở Sài Gòn năm 1989)



Uyên Thao

50 MÙA XUÂN VIỄN XỨ

Lại một mùa xuân nữa đến rồi,
Tha hương viễn xứ nhớ thương ơi!
Quê nhà cách trở xa ngàn dặm,
Đất khách nhìn về khuất biển khơi.
Phố cổ Richmond sương khói phủ,
Miền đông Bắc Mỹ tuyết băng rơi...
Chiều ba mươi tết buồn da diết,
Năm chục niên tròn lặng lẽ trôi.

Ngô Văn Giai - Xuân Ất Tỵ 2025



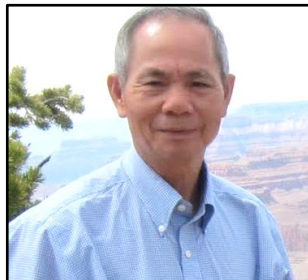
CHIỀU CUỐI NĂM

*Chiều cuối năm chạnh lòng ta nhớ quá
Bà mẹ già nấu bánh tét sau hè
Bếp lửa hồng soi sáng mái hiên che
Nồi bánh tét bốc mùi thơm nếp mới.*

*Chiều cuối năm, ta mơ về nguồn cội
Quê hương xưa cách trở vạn trùng khơi
Đời viễn xứ, lưu vong sầu da diết
Sóng tha hương, ta buồn lắm bạn ơi!*

*Chiều cuối năm, ta ngồi nhìn tuyết đổ
Phủ trắng không gian, lạnh buốt tâm hồn
Ta cuốn mình trong chăn cho đỡ lạnh
Sưởi ấm con tim vui bớt cô đơn.*

*Chiều cuối năm trên xứ người đất khách
Chậu cúc vàng mờ nhạt trước sân nhà
Cảnh cũng buồn, đìu hiu đêm quanh quế
Chung quanh đây giá lạnh mấy tuần qua.*



Ngô Văn Giai

(Trích Thi Phẩm “Chiều Quê Ngoại”)

THỦY TIÊN KIỀU NỮ

Một đêm Trừ Tịch
Em đến bên anh
Vóc mai, mình hạc thanh thanh
Đợi chờ em... một năm tròn xa vắng...

Trong tay anh Thủy Tiên mảnh khảnh
Trang nhã và ý nhị làm sao
Chiêm ngưỡng em, anh tự hào
Em vẫn đẹp, vẫn vô cùng thu hút!

Ngày từng ngày, nâng niu chăm chút
Em héo mòn ủ dột nét hoa
Em ra đi trong nắng chiều tà
Nhìn nhau lần cuối,
tưởng là vĩnh quyết!

Ba tháng qua , tin em biến biệt
Em ở đâu? Em ở nơi đâu?
Nhớ em, trần trọc canh thâu
Nhớ em, rưng rưng mắt lệ...

Bỗng, một chiều...
Trong huy hoàng tráng lệ
Em trở về ngào ngạt hương hoa
Em trở về đẹp lộng lẫy, kiêu sa
Em trở về như lòng ta mơ ước!

Lặng ngắm em trầm mình
trong giòng nước
Thân nõn nà, tươi mát Thủy Tiên ơi!
“Bên mình, một đóa hoa trời
Bao nhiêu hoa thế rã rời hết hương...”



NGUYỄN LÂN

FÉE THỦY TIÊN

Une nuit magique
Tu m'es revenue
Fragile comme un phénix
Je t'attend... Déjà un an!

Ta silhouette si fine
Que savoure mon âme tourmentée
Dans mes mains, je rêve
De ta beauté si pure d'espoirs.

Puis, de jour en jour
Tu es partie, loin de moi, fânée
Dans mon coeur en lambeaux.
Est-ce le fin de nos rêves?

Comme ces mois sans fin
Où es-tu? Je te recherche en vain
Mes nuits ne seront plus les mêmes
Dans ce clair de lune
qui boit mes larmes.

Un beau soir est venu, surpris
Dans ta robe aux milles facettes
Tu m'apparais éclatante encore
Dans ton parfum inondé de fleurs...
...Tu es là, épousant mes rêves.

Te regardant tremper dans l'eau claire
Ton corps ruisselant de fraîcheur
Ô Thủy Tiên, ma narcissse céleste
Inonde encore mon coeur
de ton parfum.



Traduction de **DIỄM HOA**



Nguyễn Lâm & Diễm Hoa



HỒI TƯỞNG ... TRƯỚC TẾT NĂM 1975

**** NGÔ THỊ QUÝ LINH ****

Tết Nguyên Đán là dịp để tưởng niệm đến ông bà cha mẹ đã khuất, đồng thời cũng là dịp để tông tộc gặp nhau giữ gìn dây thân ái. Suốt năm làm lụng vất vả ai nấy chỉ mong được hưởng an nhàn vui vẻ trong mấy ngày Tết, gia đình và đại gia đình tụ họp sum vầy, được thưởng thức các món ăn cổ truyền ngày Tết, trẻ con được mừng tuổi, mặc áo mới, ...

Đổi ngày giỗ cha, no ba ngày Tết.

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng
xanh.*

Đó là vài tục lệ của ngày Tết lý tưởng thanh bình của cuộc đời êm đềm, hạnh phúc mà mọi gia đình người Việt ước mong được hưởng. Nhưng bao năm đã qua...

*“Tao-loạn triền-miên mấy chục năm,
Mỗi năm xuân đến, mỗi âm-thầm:
(...)”*

Năm nay khai bút, xuân hy-vọng...

Gió mới trời Nam, lắng hảo-âm.”

(Đông-Xuyên. “Xuân hy-vọng”, Bách Khoa số 98)

Đầu năm 1975, khi trời sắp vào xuân, thời tiết dịu xuống, ánh nắng nghiêng nghiêng soi qua cành lá, cây cối đâm chồi nảy lộc báo tin những ngày của năm mới, cô thiếu nữ gửi thư cho người yêu nhắc nhở chàng trai nơi chiến tuyến, nhớ đến những lời hứa hẹn, vẫn còn là “hứa hẹn” không biết đến bao giờ vì đất

nước chưa thanh bình. Mặc dù nàng cảm thấy “cô đơn”, buồn bã nhưng vẫn phải chịu đựng, mong chờ một ngày mai sớm có “thanh bình”... để được hưởng chút hạnh phúc thật giản dị “hai đứa được nắm tay nhau đi ngắm hàng Tết.” Không phải chỉ có mùa xuân của thời gian, của vũ trụ, của đất nước đang “trôi đi” mà cả thời gian, mùa xuân của đời lứa cũng đang qua đi vì chiến tranh.

“Anh ạ mùa Xuân đã sắp trở về trên quê hương mình rồi đó. Bao nhiêu mùa xuân đã trôi đi. Năm nay chắc anh rồi cũng chẳng quay về được với em. Khi ngày tháng bây giờ phải trực diện trên miền cao Xứ Quảng và em cũng đã mấy mùa xuân chờ đợi chưa một năm nào hai đứa được nắm tay nhau đi ngắm hàng Tết. Mà mãi mãi là những ngày những tháng cô đơn để trong một phút giây nào đó nước mắt bất ngờ ứa trên mi khi có tiếng ca nào văng vẳng... *Nếu xuân này vắng anh, Hoa bướm thôi dệt duyên lành đây tơ chùng cung sở phiếm,** ...Lúc ấy mới thấm thía nỗi cô đơn của mình. Nhưng em biết sao. Hơn nữa khi quê hương mình vẫn còn đó những khổ đau nhục nhằn. Bao nhiêu năm đã trôi qua Dân Tộc mình chưa một lần nhìn thấy thanh bình thật sự...

Em nhớ có một lần anh viết thư về cho em vào ngày 28-1-73 với những dòng nhắn nhủ. Tin Hòa Bình về chắc chợ Tết năm nay vui lắm. Em ráng đợi anh năm sau, anh về hai đứa đi ngắm xuân... còn bây giờ anh phải lo tròn bổn phận đối với Bình chủng, với quê hương...”

(Mai-Phuong. “Những mùa xuân chờ đợi”, Tiền Tuyến 2-1-1975)

**Nếu xuân này vắng anh
Ong bướm thôi dệt duyên lành
Dây tơ chùng cung lờ phím
Cho khúc hát ái ân
Từ đây lờ tơ duyên...(tác giả: Bảo Thu)*

Cũng trong tháng Giêng của năm 1975, nữ sĩ Minh-Đức Hoài-Trình ước mơ:
*“Ngày mai nếu có thanh bình
Cầm tay hai đứa chúng mình tung tăng
Từ Cà-mau đến Nam-quan: Hoa đăng
Mình sẽ phá tung gông cùm biên giới
Biên giới tình và biên giới kềm gai chằng”*
(“Em về ôm quê hương mình”, Bách Khoa số 424)

Tết Ất Mão năm 1975 đã không đến như những năm xưa yên ả, không được như ước mong của cô thiếu nữ xuân thì mong đợi thanh bình để với người tình “cùng nhau đi ngắm hàng Tết” hay là ước mơ của nhà thơ Minh-Đức Hoài-Trình “... hai đứa chúng mình tung tăng... phá tung... biên giới kềm gai chằng”.

Từ đầu năm 1975, biết bao biến cố đã liên tiếp tràn đến như những đợt sóng thần đảo lộn cuộc đời của biết bao gia đình, biết bao nhiêu người, và cuốn trôi cả những niềm vui và hy vọng của ngày Tết.

Năm nay là năm mươi năm kể từ năm 1975, xin cùng hồi tưởng khoảng thời gian lịch sử đau thương không thể nào quên của năm 1975.



Từ đầu tháng Giêng 1975, bao nhiêu tin tức dồn dập đến, những tin buồn và những tin đem lo âu cho người dân. Bi thảm nhất là tin đến từ mặt trận Phước Long. Các quận của tỉnh Phước Long lần lượt bị quân đội Bắc Việt chiếm. Những người chạy từ Phước Long về Biên Hòa cho biết: họ thoát khỏi Phước Bình nhờ trực thăng di tản thương binh vì trực thăng là phương tiện duy nhất để rời khỏi tỉnh lỵ Phước Bình. Hai con đường vào tỉnh lỵ: quốc lộ 4 và liên tỉnh lộ 1A đã bị chặn. Một giáo sư của quận Đôn Luân cho biết ông may mắn mua được một “chỗ đứng” trên trực thăng di tản thương binh từ Phước Bình về Biên Hòa với giá khoảng 30.000 đồng. Ai nấy chỉ lo chạy trốn, tránh bom đạn, và tìm đường thoát ra khỏi Phước Long. Không ai thiết mua bán. Người ta chỉ mua vài ký lô gạo đủ ăn trong vài ngày, nếu phải vác gạo chạy theo người cùng quần áo thì còn vác theo được. Các trường ty bỏ nhiệm sở, để lại hồ sơ, giấy tờ, chỉ đem theo tiền bạc trong túi

sắt. Những nơi bị quân Bắc Việt chiếm, giáo chức, dân chúng và cán bộ xã ấp đều bị bắt. Một giáo sư Phước Bình thoát về cho biết đã có ít nhất 40 giáo chức tỉnh Phước Long bị bắt.

Theo dõi tin tức chiến sự Phước Long để thấy lo lắng giùm cho quân dân Phước Long: “Phước Long mù mịt lửa đạn”, nhưng vẫn có người nghĩ rằng Phước Long có thể là một trường hợp như An Lộc, rồi Phước Long sẽ được giải cứu...

Cộng quân từ núi Bà Rá pháo kích vào Phước Long.

Máy bay quan sát báo cáo ác chiến diễn ra giữa thành phố. Khoảng 5.000 quân Bắc Việt được phát hiện cùng 30 chiến xa đang tiến vào Phước Long. Dân chúng không còn đường thoát.

Tình hình Phước Long càng thêm đen tối khi nhận được tin đại tá Nguyễn Thống Thành bị thương, tiểu khu phó tử trận. Tiểu khu mất liên lạc sau hai lần xin di tản.

“Phước Long thực sự đứt hơi thở” lúc một giờ sáng thứ ba ngày 7-1-1975. Máy bay quan sát nhìn thấy những cụm khói bốc lên từ thành phố đổ nát. Tiểu khu bị một tiểu đoàn chiến xa Bắc Việt tấn công dữ dội sau khi nơi này bị pháo trên 1.000 trái đạn đủ loại.

Một số người thoát được chạy về Bình Dương hoặc Quảng Đức lánh nạn. Những câu chuyện thương tâm trên đường vượt thoát tử thần được kể lại cho phóng viên. Trong ánh hỏa châu và tiếng bom đạn, người mẹ lang thang tìm con trên bờ sông Bé đã bị nước cuốn đi. Hai vợ chồng nông dân quận Bố Đức cõng mẹ già chạy loạn. Dân chúng hốt hoảng bán tổng tháo tài sản để có tiền

mua vé máy bay, đổ xô đến tòa tỉnh ghi tên, nhưng máy bay cũng không đến nữa. Giá vé máy bay từ lúc đầu 20.000 đồng, tăng vọt lên 200.000 đồng, vậy mà cũng không có vé.

Phước Long thất thủ sau những ngày đêm quân đội nhịn ăn chống trả. Hơn 5.000 người chạy khỏi Phước Long về tới Quảng Đức chỉ còn 700 người, hầu hết là người lớn vì rất nhiều trẻ em đã chết hay lạc dọc đường. Trong số 2.000 người chạy về Gia Nghĩa, chỉ có mười trẻ em. Nhiều trẻ em thất lạc cha mẹ sau khi qua sông Bé, chịu đói khát và giá rét của rừng núi, có khi bị bom đạn vì không biết tìm nơi ẩn trốn. Nhiều trẻ em bị cha mẹ bỏ lại tỉnh lỵ, lủi thủi giữa những khu phố đổ nát, kêu khóc thất thanh khi gặp phải những tử thi nằm vương vãi. Cha mẹ không đem theo con được, đưa con cho người Thượng nhưng người Thượng chỉ nhận con gái mà không nhận con trai.

Tối 7 tháng Giêng, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu báo tin mất Phước Long và lên tiếng kêu gọi “Đồng bào khắp nước hãy dành riêng ba ngày tròn kể từ 8 tháng Giêng năm 75 để truy niệm và cầu nguyện” và đề “bày tỏ sự cảm thông với đồng bào Phước Long”.

Được tin nạn nhân chiến cuộc tràn về các trại tạm trú, nhiều đoàn thể tham gia việc cứu trợ.

Hội Nghệ Sĩ tổ chức tại rạp Quốc Thanh xuất hát gây quỹ Cây Mùa Xuân gia đình nghệ sĩ chia một phần tiền lời để đem giúp đồng bào nạn nhân chiến cuộc từ Phước Long về tạm trú ở Long Thành. Phái đoàn nghệ sĩ đi Long Thành ngày 17-1-1975 để cứu trợ.

Hội Nhơn Đạo Phụ Nữ Việt Nam đến cứu trợ nạn nhân chiến cuộc tại trại Phú Văn, Bình Dương. Hội đem theo tặng phẩm do hội viên và ân nhân đóng góp gồm nồi nấu cơm, thùng xách nước, gạo, cháo, nước tương, bánh mì, quần áo cũ.

Cơ quan Cứu trợ Xã hội Công giáo Caritas Việt Nam gửi tin đến cơ quan Caritas quốc tế ở La Mã và các quốc gia khác để xin giúp đỡ vì chỉ trong vòng một tháng từ giữa tháng Mười Hai năm 1974 đến giữa tháng Giêng năm 1975 đã có 200.000 nạn nhân chiến cuộc tản cư về các tỉnh Quảng Đức, Bình Dương, Vĩnh Long và Long Xuyên. Bộ Xã Hội của chính phủ chỉ dự trù 200.000 nạn nhân chiến cuộc cho toàn thể năm 1975.

Để cấp thời cứu trợ, Ban Thường vụ Hội đồng Giám mục Việt Nam cho phổ biến “Lời kêu gọi về chiến dịch cứu trợ nạn nhân chiến cuộc tại Miền Nam Việt Nam” với những đề nghị như dành một ngày lương, nhịn một bữa ăn. Các nhà hảo tâm có thể gửi tặng phẩm và hiện kim về văn phòng Caritas tại các giáo phận hoặc Caritas Việt Nam ở Sài Gòn. Phái đoàn Caritas Việt Nam do Đức Tổng giám mục Sài Gòn và Linh mục Giám đốc Caritas Việt Nam hướng dẫn đến tận trại tiếp cư Phú Văn, Bình Dương, trao tặng phẩm cứu trợ cho đồng bào Phước Long.

Hội Hồng Thập Tự và các tôn giáo địa phương nhanh chóng cứu trợ giúp nạn nhân chiến cuộc. Những người tị nạn ở Bình Tuy được chính quyền giúp mỗi người nửa ký gạo tạm dùng cho bảy ngày.

Các trại tạm cư tị nạn chiến tranh được lập ra ở phía bắc Sài Gòn tại một số đồn

binh cũ, nơi đây chỉ còn sót lại một vài mảnh tường với những hàng chữ hiệu lệnh quân sự. Một số dãy nhà làm bằng cây và lá gòì được xây dựng trên các nền xi măng loang lổ. Mỗi gia đình được khoảng chín thước vuông để tạm trú và được phân phát mùng mền, song chảo. Nhiều đoàn thể từ Sài Gòn đến cứu trợ, trong đó có sinh viên các trường đại học, đem theo gạo, nước tương, quần áo, mùng mền, sữa hộp. Sữa được dành cho các gia đình có trẻ em dưới hai tuổi. Các thanh niên tình nguyện đào hầm cầu và hốt rác dưới ánh nắng gay gắt. Lốp đất đá khô cứng khiến cho công việc của các tình nguyện viên thêm vất vả. Nhóm sinh viên Y Khoa, sau khi phân phát tặng phẩm cho đồng bào tị nạn, có thêm nhiệm vụ là lấy mẫu nước ở các giếng trong các trại tạm cư để đem về phòng thí nghiệm ký sinh trùng của trường Y Khoa thử nghiệm.

Từ sau Mùa hè Đỏ lửa năm 1972 chiến cuộc gia tăng, vấn đề trẻ em thiếu dinh dưỡng trong các trại tạm cư và tiếp cư như Long Thành, Bình Dương, Long An, Gò Dầu Hạ, Tây Ninh, v.v... đã được đặt ra. Việc cung cấp dịch vụ hồi phục tại chỗ được các cơ quan chí nguyện hợp tác với Bộ Y Tế và Xã Hội. Tại mỗi trại, các hội Hồng Thập Tự, Care, Caritas, CRS, v.v... lập một trạm nuôi dưỡng và đưa nhân viên đến giúp cho hơn 500 trẻ em. UNICEF cung cấp một thứ bột có nhiều chất đạm, đường, bột gạo và dầu ăn cho hơn 200 trẻ em khiếm dưỡng dưới 6 tuổi.

Tại miền Nam Việt Nam lúc ấy còn một số cơ quan chí nguyện quốc tế khác cũng đóng góp vào công cuộc hồi phục trẻ em khiếm dưỡng như World Vision,

My Friend's House, Friends For All Children, Terre Des Hommes, v.v...

Những trẻ em thiếu dinh dưỡng cần một thời gian để trị liệu được nhập viện tại Bệnh viện Nhi Đồng, nhưng do số giường tại Bệnh viện Nhi Đồng có hạn định nên trụ sở của cơ quan Caritas, đặt ở đường Tú Xương, Sài Gòn, được sử dụng vào công cuộc hồi phục trẻ em khiếm dưỡng. Nơi đây có đầy đủ nhân viên, nhất là khóa sinh các lớp cán sự xã hội, cán bộ dục nhi, cán sự điều dưỡng, v.v... Nhưng vì phương tiện giới hạn, cơ sở Caritas dành cho trẻ em hồi dưỡng chỉ nhận được mỗi khoảng 70-100 em.

Phước Long vừa thất thủ, Tây Ninh bị đe dọa. Biên Hòa, Mộc Hóa bị pháo kích. Với tình hình chiến sự leo thang, vật giá cũng leo thang, người dân miền Nam lo ngại cho tương lai, không biết năm 1975, đời sống sẽ ra sao?

Chỉ trong vòng hơn một tháng sau khi Phước Long thất thủ, Tết Ất Mão đến với người dân miền Nam. Năm 1975, ngày 11 tháng Hai dương lịch là ngày mừng một Tết. Quảng cáo của ban nhạc Shotguns đã cho biết Tết Ất Mão là "Tết khắc khổ! Tết tiết kiệm!"

Tết đến không thể thiếu bánh chưng trong những món ăn ngày Tết. Nhưng giá một cái bánh chưng lúc bấy giờ hơn 1.000 đồng một cái. Gạo Sóc Nâu năm 1966 chỉ có 1.340 đồng một tạ (100 kí lô), năm 1975 khoảng 21.000 đồng một tạ. Năm 1966 một kí lô đường cát trắng giá là 33,20 đồng, năm 1975 là 1.100 đồng.

Giá cả nhu yếu phẩm năm 1975 tăng tới thiếu 50% so với giá cả năm 1974.

Giá vàng gia tăng nhanh hơn cả, từ 8.819 đồng một lượng năm 1967 đến cuối năm 1974 một lượng vàng trị giá 180.000 đồng.

So với giá vàng, đồng bạc mất giá 150%, so với đô-la đồng bạc mất giá 450%.

Chính quyền đô thành Sài Gòn quyết định mở chiến dịch kiểm soát giá cả để ngăn ngừa việc tăng giá bất hợp pháp các nhu yếu phẩm trong 11 quận đô thành nhân dịp Tết Ất Mão. Luật lệ lúc bấy giờ yêu cầu tất cả các công thương kỹ nghệ gia phải tuân hành nghiêm chỉnh như sau:

-Các nhà buôn sỉ và lẻ phải treo bảng giá rõ ràng các loại hàng và tên từng món hàng;

-Phải giữ sổ sách xuất nhập và kế toán đúng luật;

-Phải kê khai số hàng tồn kho tại cửa tiệm hay cửa hàng.

Bộ Thương Mại Tiếp Tế cho biết sẽ có 15 toán "tình báo kinh tế" lưu động hoạt động tại đô thành để báo cáo các vụ đầu cơ tích trữ, kiểm soát vật giá và kiểm kê kho hàng. Các toán kinh tế lưu động cũng sẽ hướng dẫn đồng bào trong vấn đề tiêu thụ.

Để giúp công chức mua hàng nhu yếu phẩm rẻ đặc biệt nhân dịp Tết, Tổng Cuộc Thực Phẩm nhượng cho ban tiếp liệu công chức một số hàng hóa. Công chức được mua dầu ăn và đường trắng miễn thuế. Công chức có gia đình mỗi người được mua hai hộp dầu ăn và 4kg đường trắng. Công chức độc thân mỗi người được mua một hộp dầu ăn và 2 kg đường.

Một phương cách khác được trì liệu để giúp đỡ các "quân công cán" có tiền tiêu Tết trong lúc "gạo châu củi quế", chính

phủ ra thông tư sẽ cho mượn số tiền 4.000 đồng tiêu Tết. Việc trừ nợ sẽ chia làm bốn phần kể từ tháng Ba năm 1975. “Quân” gồm quân nhân (chủ lực quân, địa phương quân và nghĩa quân); “công” gồm công chức chánh ngạch; “cán” gồm cán bộ các ngành. Tuy nhiên, nhiều biến cố quan trọng liên tiếp xảy ra sau đó nên món nợ Tết của các “quân công cán” với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa không bao giờ phải trả.

Các cựu chiến binh cũng xin chính phủ cho lãnh lương hưu sớm để có tiền tiêu Tết.

Đúng lúc mà tình hình biến chuyển về quân sự, Đô trưởng Sài Gòn ra lệnh cấm bán hàng rong ban đêm tại bến Bạch Đằng Sài Gòn. Đại diện các bạn hàng rong đã kéo đến Hạ Viện để kêu cứu với vị dân biểu chủ tịch Ủy ban Lao Động. Các bạn hàng rong cho biết họ phải bán hàng ban đêm để tăng thu nhập vì gia đình túng thiếu trong hiện trạng kinh tế khó khăn.

Từ đầu năm 1975, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia cho biết các quán “bia ôm” trên các đường Võ Tánh, Nguyễn Cư Trinh và Phát Diệm bị giải tán vì nhu cầu “mở rộng vòng đai an ninh”. Các khu vực này được kể là khu vực nhiều quán “bia ôm” nhất Sài Gòn.

Các sạp hàng Tết dựng chung quanh chợ Bến Thành không nhiều bằng mọi năm. Bốn năm cái loa mời gọi khách mua hàng vang lên ồn ào. Các sạp thức ăn làm sẵn bán cho người đi phố và đi chợ ngồi ăn hàng ngoài đường lại đông hơn sạp bán hàng Tết.

Hàng bánh mứt không có vẻ náo nhiệt, không đông người mua mà hàng hóa bày cũng sơ sài, có lẽ bán đến đâu thì

người bán mới làm thêm đến đó. Mứt hạt sen ngon lúc ấy giá 3.500 đồng một kí, mứt bí ngon 3.000 đồng một kí, các loại mứt khác khoảng 2.000 đồng. Bánh ngọt đóng hộp khoảng 1.500 đến 3.500 đồng một hộp. Bánh ngọt đủ loại đóng trong hộp có giấy bóng kính để biếu Tết có giá ít nhất là 2.000 đồng. Hạt dưa giá thấp nhất là 1.200 đồng một kí, thứ ngon là 1.900 đến 2.000 đồng. Lạp xưởng treo khoảng 2.200 đến 2.500 đồng một kí, lạp xưởng Đông Hưng Viên 2.800 đồng. Năm này có vài sạp bán khô cá thiêu cho những người thích “nhậu”.

Vì thị lên giá nên giò, chả cũng lên giá theo. Giò loại ngon bán 3.000 đồng một kí, chả có giá thấp hơn một chút. Giá giò bán ngoài chợ khoảng 1.800 đến 2.000 đồng một kí, có thể mua lẻ một phần tư kí.

Bánh chưng rẻ nhất 2.500 đồng một cặp (hai cái). Bánh chưng đặc biệt hạng sang có thể đắt đến 4.000 hay 5.000 đồng một cặp, thường chỉ bán ở các tiệm lớn chuyên môn làm bánh chưng. Các sạp ngoài chợ bán bánh tét và bánh chưng với giá rẻ hơn. Giá bánh tét rẻ hơn bánh chưng nên một số người năm 1975 thay vì gói bánh chưng lại đổi sang gói bánh tét để bán, hy vọng có nhiều khách mua hơn.

Món hàng Tết được bày bán nhiều nhất là dưa hấu. Mỗi trái dưa trông vừa mắt giá 1.200 đồng. Dưa tại vựa Cầu Ông Lãnh giá chỉ có 400 đồng. Một người bán hàng cho biết năm nay có lẽ nhiều người “ăn Tết chay”, có nghĩa là ăn Tết với dưa hấu mà thôi.

“Ăn Tết chay” không có bánh chưng, giò chả, lạp xưởng, v.v... vì món nào có thịt đều đắt.

Theo lời một bà bán dưa chợ Bến Thành, với một cặp (hai trái) dưa khoảng 2.000 đồng bạc là đủ ăn Tết, đúng tiêu chuẩn “thất lạng xiết bụng” của chính phủ; nếu muốn làm quà đi biếu ai thì biếu một cặp dưa trông cũng lịch sự và hợp thời tiết vì đang mùa nóng.

Cảnh mai cảnh đào giá khoảng vài chục ngàn nên ít người dám mua, nhất là với vật giá leo thang và đồng lương cố định, giới trung lưu đang bắt đầu trở thành giới “hạ lưu”.

Tết 1975 không thấy bán nhiều phong bao lì xì như mọi năm, không biết vì lý do gì? Có thể đời sống kinh tế quá khó khăn, lo đủ ăn từng bữa đã thấm mệt nên người lớn không còn muốn nghĩ đến việc ăn Tết và lì xì cho trẻ con? Trẻ con không được cha mẹ dẫn đi chơi phố để mua đồ chơi hay quần áo mới chỉ vì đời sống khó khăn cha mẹ “không có tiền”.

Thiệp Tết không được bán nhiều và có mẫu đẹp như mọi năm. Mỗi tấm thiệp lớn khoảng 200 đồng trở lên. Trong buổi “gạo châu củi quế” người ta thực tế, không muốn bỏ tiền vào những gì phù phiếm, không thực dụng.

Gần Tết Ất Mão, nhiều tờ báo Xuân ra đời: Giai Phẩm Văn Xuân Ất Mão của 40 văn thi sĩ, Giai Phẩm Xuân Sóng Thần kèm theo quà tặng là lịch treo tường tranh lụa Tú Duyên, Xuân V.N. Tiền Phong, Tuyển Tập Xuân Ất Mão Thời Tập do nhà báo Viên Linh chủ trương, v.v...

Đặc biệt Tập San Sử Địa số báo Xuân có chủ đề về Hoàng Sa và Trường Sa.

Báo Xuân có vẻ ế nhất vì báo bày bán bạc cả màu mà chỉ bán được vài tờ. Báo rẻ nhất giá khoảng 200 đồng, giá cao nhất khoảng 600 đến 700 đồng. Báo Xuân được in cho đẹp và đăng bài cho hay để “câu” độc giả, nhưng báo bán không chạy, vì thế tòa báo cũng không đủ tiền trả ký giả. Ký giả đến tòa báo lấy tiền nhuận bút để về ăn Tết thì chủ báo khát lần khát lửa.

Năm 1974, Trung Tâm Giáo Dục Tráng Niên Cấp Tiên do giáo sư Trần Minh Xuân làm quản đốc có sáng kiến tổ chức phát giải thưởng cho báo Xuân của các trường trung học toàn miền Nam. Sang đầu năm 1975, giải thưởng cho các đặc san Xuân của các trường trung học lại được tổ chức. Ban giám khảo gồm các nhà văn nhà thơ và họa sĩ tên tuổi như nhà văn Bình Nguyên Lộc, Minh Quân, Lê Tấn Điều, Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác, Minh Đức Hoài Trinh, Phạm Tấn Kiệt, Lê Quan Tân, nữ họa sĩ Tố Oanh. Giải nhất Đặc San Xuân được trao cho trường nữ Trung học Gia Long (Sài Gòn), Giải nhì về trường nữ Trung học Bùi Thị Xuân (Đà Lạt) và Giải ba về trường Trung học Võ Trường Toản (Sài Gòn).

Ba giải khuyến khích được trao cho trường nữ Trung học Sương Nguyệt Anh, trường Trung học Trương Vĩnh Ký và trường nữ Trung học Lê Văn Duyệt. Giải đặc biệt viết về “Hiệu-tổ” được trao cho trường trung học Chu Văn An.

Tết gần đến, có những giải trí lành mạnh được người dân chiếu cố. Các rạp Rex, Quốc Tế, Hưng Đạo cho chiếu những phim vui, hài hước để giúp người dân đỡ

thành giảm bớt căng thẳng: “Sợ Vợ Mới Anh Hùng”, “Năm Vua Hề Về Làng”, “Tứ Quái Saigon”, “Chàng Ngốc Gặp Hên”.

Băng nhạc Shotguns Xuân được phát hành đúng lúc cho những ai muốn mua làm quà tặng trong dịp “Tết khắc khổ! Tết tiết kiệm!”. Cho giới thích cổ nhạc, có băng cassette tổng cải lương “Số Đỏ”, “Tinh Xuân Muôn Tuổi” với lời quảng cáo: “... đặc sắc cười dòn dã như pháo Tết”. Cho giới thích tân kịch có cuốn băng tếu: “Gia Đình Bác Tám Kén Rẻ” để thỉnh giả được dịp “cười toi...Tết”.



Cuốn Phim Việt vui nhất Tết «Con Mèo»
«SỢ VỢ MỚI ANH HÙNG»
 Khởi chiếu từ 29 TẾT ẤT MÃO (Chủ Nhật)

*** Những ngày Lễ :**
 29 Tết, Mùng 1, 3, 5, 7, 9, 11 và 13 Tết chiếu tại các rạp :
KHAI HOÀN - KIM ĐỒ - KINH THÀNH
MỸ ĐỒ - CAO ĐỒNG HƯNG - QUỐC THÁI

*** Những ngày Chẵn :**
 30 Tết, Mùng 2, 4, 6, 8, 10, 12 và 14 Tết chiếu tại các rạp :
HỒNG BÀNG - LONG VĂN - THANH VĂN
NAM QUANG - VĂN CẨM - HỒNG LIÊN

*** Những ai chưa có vợ ? Sợ có vợ ? Đã có vợ ?**
 Phải đi xem Phim Tết...
*** Quý tụ các vua hề của Sân Khấu - Điện Ảnh và Tivi hiện nay !**
MỚI ! LẠ ! VUI ! NHỘN ! ĐẸP !
*** Cuốn phim gay cấn, linh hoạt, dân dã tung bóng nhả ng và cười**
tạo dấu ấn sâu sắc !
*** TẾT vui đi xem Phim : «SỢ VỢ MỚI ANH HÙNG» sẽ**
được cười thoải mái và hân hoan đón Giao Thừa !
MÀU và SEPIA MYVAN SCOPE NỔI TIẾNG VIỆT NAM

GẶP HÊN NGÀY TẾT, BÓI TUỒNG ĐẦU XUÂN !
 Không gì hay bằng đến xem siêu phẩm số 1 của điện ảnh Việt Nam :

« 5 VUA HỀ VỀ LÀNG »
 Khởi chiếu từ 29 TẾT ẤT MÃO (Chủ Nhật)

*** Những ngày Lễ :** 29 Tết, Mùng 1, 3, 5, 7, 9, 11 và 13 Tết chiếu tại các rạp :
REX - CAPITOL (Vân Hoa) - VICTORY - HỒNG LIÊN
 (Saigon)

*** Những ngày Chẵn :** 30 Tết, Mùng 2, 4, 6, 8, 10, 12 và 14 Tết chiếu tại các rạp :
KHAI HOÀN - KIM CHAU
VĂN HOA - MINH CHAU - TÂN VIỆT

*** Một cuốn phim vui hơn Phim Tết ! * Một tác phẩm đẹp hơn cả**
Mùa Xuân ! * Một siêu phẩm hay về mọi phương diện của điện
ảnh Việt Nam ngày hôm nay...

« 5 VUA HỀ VỀ LÀNG »
 * Văn 5 Đĩa Đĩa sao danh, 32 Minh Tinh danh - tổng tiền 200 pho đĩa, 9 tháng thực hiện và chi phí
 hơn 40 Triệu Đồng
*** Đĩa sao - NĂM VUA HỀ VỀ LÀNG - * Đĩa hình điện ảnh với Điện Ảnh Việt Nam !**
Màu MYVAN SCOPE Nổi Tiếng VIỆT-NAM

Sóng Thần 31-1-1975

Các cửa hàng bán vải ở đường Tạ Thu Thâu đông người đi dạo hơn là đi mua. Những người có tiền đã sắm quần áo mới từ trước, chứ không chờ gần Tết. Bên lề đường, bày bán những quần áo may sẵn giá hạ, áo trẻ con giá đồng hàng 1.000 đồng, áo người lớn từ 1.200 đến 1.500 đồng một cái. Các hàng vải bên trong chợ Bến Thành cũng vắng khách, khách quen cũng không đến mua vải chắc vì không dư dả tiền. Có người bị lừa vì mua phải hàng nội hóa mà trả giá bằng như vải hàng ngoại quốc. Chợ Tân Định có tiếng là “chợ nhà giàu” mà hàng vải quanh chợ cũng không bán hàng được như mọi năm. Các bạn bán hàng than: năm nay Tết đến mà không

Chính Luân 6-2-1975

ai may quần áo Tết. Đang lúc khó khăn và Tết sắp đến, một buổi trưa khu Mùời Căn Xóm Chùa đường Nguyễn Hữu Cảnh Tân Định bị hỏa hoạn. Nguyên do hỏa hoạn là vì nhà kia bà mẹ đi vắng, mấy đứa con ở nhà nấu cơm bằng bếp dầu hôi và đã gây ra cháy nhà. Hỏa hoạn thường xảy ra ở “xóm nghèo”, nơi có các căn nhà lụp xụp, xây san sát bằng những vật liệu dễ bắt lửa. Cả trăm căn nhà bị cháy rụi, trên năm mươi căn khác bị hư hại 50%. Hai trẻ em bị chết cháy và hai em khác với bốn người lớn bị phỏng hoặc bị thương trong lúc chạy lửa.

Chợ Phú Nhuận cũng vắng vẻ không khác gì chợ Tân Định. Người bán bánh mứt than thở không dám làm nhiều bánh mứt, làm đến đâu bán đến đó mà thôi vì bánh mứt dễ hỏng, không dễ được lâu. Bánh chưng bánh tết tương đối bán chạy hơn các thứ hàng khác.

Chợ Đakao và chợ Bà Chiểu có những mặt hàng và giá cả giống nhau, nhưng chợ Bà Chiểu có vẻ đông đúc hơn. Giá gà vịt cũng đều tăng. Người ta thấy có nhiều người bán hơn mọi năm, chỉ cần trải một mảnh vải hay chiếc chiếu rồi bày các món hàng muốn bán là có thể buôn bán được. Hầu hết bán hàng là vợ quân nhân hay công chức, cũng có thể là vợ những người làm nghề lái taxi không còn làm ăn ra tiền như trước nữa. Họ xoay ra bán hàng Tết để mong có thêm thu nhập cho gia đình chi tiêu vào việc ăn Tết.

Chợ Ông Tạ nổi tiếng là chợ cung cấp thịt heo lòng dồi nhiều nhất trong các chợ, kể cả thịt heo lậu. Những Tết năm trước, thịt heo ê hề, giá rẻ, người mua rất đông. Tết năm 1975, giá thịt đắt đến nỗi không ai dám mua. Chợ Ông Tạ, chợ

Bùi Phát phải bán thịt chó thay cho thịt heo, mà cũng có người mua. Chắc người mua tự an ủi cho là thịt chó hay thịt heo cũng đều là ... thịt cả.

Các loại thực phẩm như nước mắm, rau, cá, ... không tăng giá mà cũng không đông người mua. Các thứ hàng “xa xỉ” như trái cây: táo, lê, cam, quýt, ... giá từ 1.000 đến 2.500 đồng một kí tùy loại chỉ để dành cho giới lắm tiền.

Nói chung hàng Tết bày ra không nhiều như mọi năm, nhưng người đi ngắm Tết vẫn nhiều, có lẽ để khuây khỏa, để có cảm giác sống vào những ngày Tết năm xưa, thanh bình, vật giá rẻ... Người dân trước Tết Ất Mão có câu truyền rằng “Ngàn người bán, vạn người xem và ... chục người mua” đủ biết tình trạng kinh tế lúc bấy giờ khó khăn như thế nào.

Người Việt gốc Hoa trong Chợ Lớn ăn Tết kín đáo, không ồn ào. Người giàu có cũng không phô trương như mọi Tết khác. Dường như tin tức thời cuộc không mấy sáng sủa khiến ai nấy lo âu cho những ngày sắp tới.

Trong nhiều gia đình, trên bàn thờ tổ tiên chỉ bày lọ hoa nhỏ, thè nhang thơm và ít trái cây để tỏ lòng thành của con cháu trong lúc vật giá leo thang. Ông bà tổ tiên cũng phải “ăn Tết chay” như con cháu!

Có lẽ chỉ có một món hàng không tăng giá mà còn sụt giá, đó là gạo. Các bà bán gạo than thở: đánh nhau quá nên có chút lúa nào đành mang lên Sài Gòn bán lấy tiền lặt vặt “cho chắc ăn”. Tại các tỉnh mất an ninh ở miền dưới như Vĩnh Bình, Kiến Tường, Rạch Giá, Chương Thiện, ... gạo chỉ còn giá 8.200 đồng một tạ vào đầu tháng Giêng 1975 trong khi hồi tháng 11-1974 là 10.500 đồng. Ở Sài Gòn, gạo thơm hạng nhất 27.000 đồng một tạ, hạng trung 26.000 đồng,

gạo rẻ nhất ở giá 19.000 đồng. Ngày Tết, gạo nếp cần để nấu xôi, làm bánh, bánh chưng, bánh tét, nấu rượu nên gạo nếp bán được giá. Nếp Gò Công 25.000 đồng một tạ, nếp trướng ngỗng gần 30.000 đồng một tạ.

Khi trước, chính phủ có tuyên bố nếu lúa không bán được theo giá tiêu chuẩn ấn định, chính phủ sẽ thu mua. Nhưng tình hình thay đổi quá nhanh, mặc dù có báo cáo cho biết về tình trạng của nông dân, chính phủ chưa có giải pháp tức thời nào. Ở Vùng IV chiến thuật, giá một gia lúa chỉ có 1.000 đồng vì nông dân bán đỡ bán tháo rẻ mạt.

Có lẽ không cảnh nào cho thấy rõ hơn cảnh nghèo của nhiều đồng bào lúc ấy là cảnh phát chẩn, phát gạo cho dân nghèo. Trong nhiều năm trước, các đô thị lớn chỉ có phát đồ cứu trợ cho những nạn nhân bão lụt, hỏa hoạn hoặc dân tị nạn chiến tranh. Ngoài việc phát chẩn gạo, người ta thấy kẻ ăn xin tăng lên, nhất là tại các nhà hàng ăn và tửu lầu. Họ xin tiền cũng có, xin cả thức ăn thừa của thực khách. Không phải chỉ Sài Gòn mới có cảnh ăn xin mà những tỉnh thành khi trước phát triển, dễ dàng kiếm việc như Cần Thơ, Long Xuyên cũng gặp cảnh tương tự.

Những người đi vay nợ là những người lo lắng hơn cả, nhất là vay bằng vàng. Gần Tết, cuối năm âm lịch cũng là lúc mà người ta phải trả nợ. Giá vàng lúc bấy giờ là khoảng 167.000 đến 200.000 đồng một lạng. Khi mới vay thì giá vàng thấp, khoảng 30.000 đến 70.000 một lạng, đến lúc phải trả thì giá lên cao gấp mấy lần, lại còn tiền lãi nữa, không biết lấy gì mà trả? trừ phi bán nhà. Nhưng đang lúc khó khăn, nhà bán cũng khó.

Từ khi quân đội Mỹ rút về nước, nhu cầu về địa ốc, nhà cửa đã giảm đi rất nhiều. Tin tức cho biết trong nhiều tuần lễ của tháng Giêng, phi trường Phú Bài (Huế) chỉ có máy bay quân sự sử dụng. Vì lý do an ninh cho hành khách, máy bay dân sự của Hàng Không Việt Nam vẫn không được đáp.

Với tình hình thời cuộc lúc ấy, chính phủ ra sắc lệnh ấn định thời gian nghỉ Tết chỉ có một ngày rưỡi, từ buổi trưa ngày 30 tháng Chạp (âm lịch) và ngày mùng một tháng Giêng (11 tháng Hai 1975) để “chia sẻ nỗi gian lao với các chiến sĩ ngoài tiền tuyến”. Tòa Đô Chánh yêu cầu đồng bào Thủ Đô treo quốc kỳ trong bốn ngày từ ngày 30 đến mùng ba Tết. Giờ giới nghiêm vẫn giữ như trước là từ 12 giờ đêm đến năm giờ sáng.

Trong những ngày cuối năm Dần, nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ cũng gặp khó khăn trong cuộc sống. Hội nghệ sĩ tổ chức xuất hát ngày 12 tháng Giêng năm 1975 (một tháng trước Tết) tại rạp Quốc Thanh để gây quỹ mua quà cho con em nghệ sĩ nghèo ăn Tết. Mỗi phần quà gồm có: 10 lít gạo, một gói trà, một lít nước mắm, nửa ký chuối khô.

Vào dịp trước Tết, nhà báo Lê Phương Chi của Bách Khoa phỏng vấn các văn nghệ sĩ để tìm hiểu xem giới văn nghệ sĩ ăn Tết Ất Mão như thế nào.

Nhà văn Hồ Hữu Tường cho biết tin: các nhà văn nhà thơ định tổ chức một cái quán gọi là “Trao đổi tác phẩm lấy quà Tết” do hội Bút-Việt tổ chức. Các văn sĩ và thi sĩ đem tác phẩm lại quán với chữ ký của tác giả. Độc giả muốn lấy sách có thể đổi bằng những món quà Tết như rượu, trái cây (bưởi, dưa hấu), mứt, gà, thịt, v.v...

Nữ văn sĩ Lê Hằng, một “nữ sĩ thời danh” mà tiểu thuyết của bà viết ra rất được công chúng yêu chuộng, cho biết “từ ngày tự tay làm ra tiền đến giờ, không bao giờ có dư nhiều để sắm sửa phung phí, mà cũng chưa bao giờ túng quẫn đến chật vật phải xoay sở khó khăn”. Tuy vậy, bà cũng không dư dả tiền sắm Tết, mỗi lần Tết đến chỉ cho các con mình đi về thăm bên nội và bên ngoại. Bà có thêm nỗi lo lắng vì với tình hình chiến sự sôi bỏng lúc bấy giờ, không hiểu phu quân của bà có được ở nhà ăn Tết với gia đình hay phải “cắm trại 24 trên 24 như năm Mậu Thân”.



Tiền Tuyền 18-1-1975

Nhà báo Lê Phương Chi gặp Linh mục Thanh-Lãng, một “nhà biên khảo kiêm ký giả bình luận”, vừa hỏi về Tết, linh mục đáp ngay với một nụ cười: “Tết của mấy ông Linh mục buồn lắm, có gì đâu mà nói.” Ông cho biết thêm là bộ sách Phê bình Văn học Việt-nam dự định xuất bản cuốn kế tiếp năm 1975, nhưng vì giá giấy gia tăng, mà được Sở kiểm duyệt ở Bộ Dân Vận cho phép in cũng là điều khó; ông than: “...tương lai sách báo mù mịt quá, trả lời ngay bây giờ làm sao được.”

Nhà văn Lê Tất Điều than thở “cuộc sống của anh đen hơn những giọt mực”. Ông phải bán “cái xe bốn bánh” để nuôi tờ báo thiếu nhi Yết Kiêu, nhưng kết cuộc không giữ nổi tờ báo vì những khó

khăn trong việc kiểm duyệt, phát hành, v.v... Ông kể “chưa kịp thu lại vốn thì báo chết, tiền cũng hết luôn như thua xì-phé vậy.” Ông bị bộ Dân Vận từ chối cấp thẻ ký giả nên phải dờn nhiệm vụ tổng thư ký báo Tiền Tuyền. Nhưng đau buồn hơn hết cho ông là em gái ông và các cháu bị tử nạn khi Biên Hòa bị trận pháo kích vừa qua.

Hỏi đến việc “sắm tết”, tác giả Những Giot Mực cho biết vợ chồng ông định để dành tiền mua gạo ruộng ăn Tết vì ông không thích gạo dẻo. Nhưng đến lúc này, Tết gần tới nơi, ông cho biết “hai vợ chồng chưa biết đào đâu ra đủ tiền để mua được một bao nhỏ vài chục ký gạo ruộng mà ăn Tết...”

Gặp nhà văn Nhật Tiến, nhà văn kể chuyện vợ chồng ông bị tai nạn xe lửa đụng suýt chết. Báo Thiếu Nhi gặp khó khăn. May sao quyển sách “Nghệ thuật xếp giấy Nhật Bản” của ông ăn khách, và tấm thiệp ghép tám hình bìa báo Thiếu nhi bán chạy nên ông hy vọng tài chính gia đình khá hơn.

Nữ văn sĩ Trùng Dương kiêm chủ nhiệm báo Sóng Thần quá bận rộn để nghĩ đến Tết và sắm Tết. Bà cho biết mỗi ngày bà làm việc ở tòa báo khoảng 10 tiếng đồng hồ. Lại bị rắc rối phải ra tòa vì Sóng Thần bị Bộ Nội-vụ truy tố về tội phỉ báng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu khi Sóng Thần đăng trọn bản “Cáo trạng số 1” của Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng.

Nói về Tết, ký giả Lê Phương Chi ghi lại ý của bà: “Có sắm Tết chăng, là kiếm tí tiền mua chút ít thứ cần thiết cho các con (một trai lên mười và một gái lên ba) để giúp trẻ con có một vài kỷ niệm tốt đẹp về tập tục cổ truyền mà bọn người lớn chúng ta đã hưởng vào những ngày đất

nước còn thanh bình. Đó là một số hành trang cần thiết sau này.”

Ký giả vừa đặt câu hỏi với nữ văn sĩ Bích Thủy thì nhà văn trả lời ngay:

“Trời ơi! Đồng bào chiến nạn Phước Long đang chờ cứu trợ, quân nhân công chức nghỉ Tết có mấy ngày, mồng 2 đã phải đi làm. Sinh hoạt đất đỏ. Vui sướng gì mà hỏi chuyện ăn Tết năm nay, anh?” Nhà văn Bích Thủy thấy ký giả Phương Chi nói mấy rở củ cải, củ kiệu phơi ngoài hiên bèn giải thích:

- Đó là theo cổ tục ông bà mình để lại, năm nào Thủy cũng làm mấy món để dành cho ông xã nhấm lai rai với vài người bạn thân đến thăm.

- Bích Thủy có mua sắm gì cho mấy cháu chưa?

Nàng lắc đầu:

- Chúng tôi có lệ là sắm cho các cháu vào dịp Noël, vì đó mới là Tết của chúng nó. Còn mấy ngày Tết, chúng tôi chỉ dắt các cháu về thăm bên nội, bên ngoại trong ngày mồng Một, để các cháu chúc tuổi ông bà.

- Bích Thủy có giữ tập tục xông nhà không?

- Thường thường, năm nào trước giờ giao thừa, ông xã Thủy cũng đi chơi một lát, chờ quá 12 giờ đêm, tức là vào lúc 0 giờ của ngày mồng Một, ông về xông nhà luôn, năm nay chắc cũng vậy.

- Ông xã và Bích Thủy có thích chơi cảnh đào hay hoa mai trong ngày Tết không?

- Mặc lắm, mua gì nổi. Thích thì ai mà không thích ngày Xuân có cảnh đào hoặc cảnh mai trong nhà...

Bỗng như chợt nhớ ra, Bích Thủy cười cười:

- Nhờ trời, năm nào vợ chồng Thủy cũng nhận được một cành đào nho nhỏ của một bậc đàn anh gửi cho. Năm nay thời cuộc căng thẳng này không biết có hay không nữa...

Nhà văn Võ Phiến được phỏng vấn như là dịp để ông than thở:

“Về đời sống vật chất thì tôi cũng đại khái như phần nhiều anh em văn nghệ khác: ai nấy vẫn sống, nhưng phải mứa đủ tứ chi mới kiếm đủ cái sống. Mỗi người phải làm năm bảy nghề (vẫn thua cô Kiều tám nghề), trong đó nghề Văn càng ngày càng trở thành phụ thuộc, thì giờ dành cho văn chương mỗi lúc một rút bớt, một thu ngắn.

Làm nghề cầm bút ai cũng muốn cầm bút bằng tay phải. Nếu hoàn cảnh bắt buộc chuyển cây bút qua tay trái (để dành tay phải cho sinh kế), e viết lách sẽ nguệch ngoạc, chẳng ra làm sao.”

(“Tâm sự cuối năm của một số anh chị em văn nghệ sĩ”, Bách Khoa số 421-422, 424)

Nhà văn Nguyễn Hiến-Lê chia sẻ “Cảm tưởng vụn ngày Xuân” (Bách Khoa số 424) về đời sống công chức quân nhân đối với ngày Tết. Ông viết:

“Năm nay, quân, công được lãnh trước bốn ngàn để ăn Tết. Bốn ngàn chỉ vừa đủ mua một kí mút sen, cho nên quân, công nào lương thiện chắc không dám rờ tới món đó, để tiền mua một trái dưa hấu, hai đòn bánh tét, nửa kí thịt và đèn nhang, trà Blao, rượu để cúng Ông Bà. Như vậy còn là may đấy. Rất nhiều người ngay ở Saigon nay chỉ mong khỏi phải cúng ông bà bằng cháo trắng như cúng cô hồn. Nhưng nghe nói cũng có kẻ ăn Tết cả chục triệu bạc. (...)”

Ông bảo chính ông cũng phải tiết giảm chi tiêu, chỉ định bỏ ra 1.000 đồng mua tờ báo Xuân về xem vì ăn Tết như vậy là cách rẻ nhất. Ông may mắn “cầu được ước thấy”, có người bạn đem đến tặng báo Xuân Sử Địa, số đặc biệt “Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa”, với bài viết của nhiều tác giả.

Mùng hai Tết, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc đang tiếp một người bạn thì nhà văn Nguyễn-Ngu-Í đến. Nhà văn Ngu-Í là cậu của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc. Bác sĩ Ngọc mời cậu ở lại dùng cơm vì bữa cơm có món măng kho mà nhà văn ưa chuộng, vì với nhà văn món măng kho là một món ăn “rất quê hương”. Trong bữa cơm, hai cậu cháu nói chuyện về cuộc sống đất đỏ lúc bấy giờ.

- Lúc này rất nhiều gia đình không ăn Tết. Mình được như vậy là “sang” rồi phải không cậu? Sang quá trong lúc này quả thực là bất nhân.

- Không những bất nhân mà còn là tội ác. Được mỗi ngày hai bữa cơm no, sống yên lành đã hạnh phúc lắm rồi. (“Tết Ất-Mão với nhà văn Nguyễn-Ngu-Í”, Bách Khoa số 425)

Chiến sự và thời cuộc chung quanh cho thấy hầu như tỉnh thành miền Nam nơi nào cũng bị kéo vào vòng chiến tranh, nơi thì bị pháo kích, nơi thì bị tấn công, nơi thì bị chiếm đóng, “rất nhiều gia đình không ăn Tết”. Các gia đình sống ở Phước Long tan nát là một bằng chứng.

Đà-Nẵng, hải cảng và căn cứ quân sự lớn trong chiến tranh, thành phố trung gian giữa Quảng Trị - Huế và các tỉnh về phía nam, là nơi chứng nhận rõ rệt thời cuộc lúc bấy giờ.

“Đà-nẵng, những ngày cận Tết” (Bách Khoa số 423) được một cây bút trẻ, cô sinh viên Vô Ưu học ở Sài Gòn về Đà Nẵng ăn Tết với gia đình kể lại.

“Không có Tết trong thành phố Đà-nẵng. Không có Tết trong lòng phần đông dân chúng, những người nghèo. Ngày trước, Tết là một dịp vui. Ngày nay, Tết là nỗi sợ hãi. Nghe tin công chức chỉ nghỉ một ngày rưỡi, người ta thờ phào nhẹ nhõm: đỡ phải sắm sửa, có lý do tránh được khách khứa. Sự thực chua chát ấy được nói lên một cách rất tự nhiên.

Không có tiền, nên dù muốn dân chúng cũng không thể mua sắm cho đủ dùng, đừng nói chi đến việc tiêu pha phung phí. Chỉ cần nghĩ đến gạo, dân chúng cũng đủ phát run lên rồi.”

Đà Nẵng đang trải qua một cơn bão rớt, mưa dầm và nước lụt làm trôi cả những cây cầu trên quốc lộ một. Ký giả Vô Ưu cho biết:

“Xe hàng không chạy được trên đường Nam Trung, giá cả vọt lên cao. Hàng hóa ế ẩm, thợ thuyền thất nghiệp. Tiền kiếm thì thật khó mà tiêu thì thật dễ. Một mối khiếp đảm đè nặng lên tim óc mọi người.”

Vô Ưu kể về hoàn cảnh của người dân Đà Nẵng “kiệt sức trong trận giặc áo cơm”. Trong nhiều gia đình, chỉ có một người đi làm để nuôi nhiều người khác không làm ra tiền với lợi tức rất kém cỏi. Có gia đình phải dỡ các mái tôn lợp nhà đem bán để đổi lấy gạo. Đời sống khó khăn, cha mẹ không có tiền cho con đi học, học sinh phải bỏ học vì “sách vở đã trở nên một thứ xa xỉ ngoài tầm tay với.”

Ký giả nhận xét người Đà Nẵng năm nay không ăn Tết mà họ tránh Tết, bỏ “chạy” Tết chỉ vì “không có tiền”:

“Mọi năm, cả những năm gần đây, chỉ đầu tháng Chạp, các lễ đường đã bị choán kín vì các hàng bán Tết: rượu, trà, bánh, mứt. Năm này, hoàn toàn vắng. Tôi chắc rằng không chớ không phải muộn vì chẳng ai có ý nghĩ rằng họ sẽ “ăn tết”. Họ “chạy” Tết thì có.”

Không ăn Tết, trốn tránh Tết, không có hoàn cảnh để cho gia đình ăn Tết, tất cả chỉ vì... chiến tranh và không làm ra tiền. Ký giả Vô Ưu cảm thông với người dân Đà Nẵng và thấy thương họ...

“Tôi nghiệp những bậc cha mẹ buồn tủi vì không đủ tiền lo lắng cho gia-đình. Tôi nghiệp những người trẻ không còn háo hức nghe bước Xuân trở lại. Tôi nghiệp những em bé không còn dám mơ ước viên pháo đỏ, miếng bánh ngọt, quần áo đẹp. Chiến tranh đã tước hết những niềm vui bé mọn nhất có thể có. (...) Chưa bao giờ Đà-nẵng đón nàng xuân một cách miễn cưỡng, lạnh nhạt đến như vậy.”

Ký giả không tin điều mình nghĩ là đúng nên cô đã hỏi nhiều người để được nghe chính từ họ nói về Tết Ất Mão:

“Tôi đã hỏi chuyện không biết bao nhiêu người, từ thân đến sơ, từ già đến trẻ, từ lao động trí óc đến lao động tay chân, để được nghe cùng một câu trả lời: “Tết chi mà Tết, có chết thì có”.

Bên ngoài thành phố, dân tị nạn chiến tranh lên rừng làm củi hoặc về quê làm ruộng. Chính họ, các nạn nhân chiến cuộc, họ cũng thấy Tết năm 1975 chắc chắn không đến với họ.

Ngày nào còn chiến tranh, Tết còn chưa đến với đa số người dân miền Nam.

“Ô hay kia?

Tôi đang viết thơ xuân

Để ca ngợi đời dát vàng... cần ngọc

Nhưng đành thôi!

Những vần thơ, thơ đặc

Những phút này...

không thêm đến bên tôi

Trên dòng đời: bao gương mặt u hoài

Đang che giấu những nỗi niềm u uất”

(...)

(Thu-Trang. “Không nói thế người ta cười”, Bách Khoa số 98)

THAM KHẢO

Giai phẩm Bách Khoa. Thư Viện Người Việt. Các nhật báo Chính Luận, Sóng Thần, Tiền Tuyến. Kho Sách Xưa Quán Ven Đường. Văn-Hóa Tập-San. Kho Sách Xưa Quán Ven Đường.



Ngô Thị Quý Linh

Tháng Chạp năm Giáp Thìn (tháng Giêng năm 2025); để nhớ đến những ngày trước Tết năm 1975

Saigòn Ơi, Ngày Nào Anh Sẽ Về...

Saigòn Ơi, trong giấc mơ em mãi ở trong ta
Trong cơn sốt, em mãi quện trong ta

The musical score is written in treble clef with a common time signature (C). It consists of six staves of music. The lyrics are written below the notes. Chords are indicated above the staff lines. The lyrics are: Tha thiết Sai - gòn Ơi Ngày nào anh sẽ về Mùa đông trôi qua tan băng giá anh về Ngày đó nắng mai chan hòa trên phố phường Bóng cây xanh thiết tha Tưởng như bao nhiêu cánh tay chào đón Về đây Tìm lại bao tháng ngày Lặng nghe đau thương theo mây gió xa mờ Và thấy dáng ai êm đềm bên Thánh Đường Áo tung bay thiết tha Tự Do đường xưa khẽ ru người về Anh còn gọi em Gọi em khi tiếng chuông chiều

“Sài Gòn Ơi, Ngày Nào Anh Sẽ Về...”

Sáng tác: **LẠI QUỐC HUNG**; Tiếng hát: **Ngọc Quy**

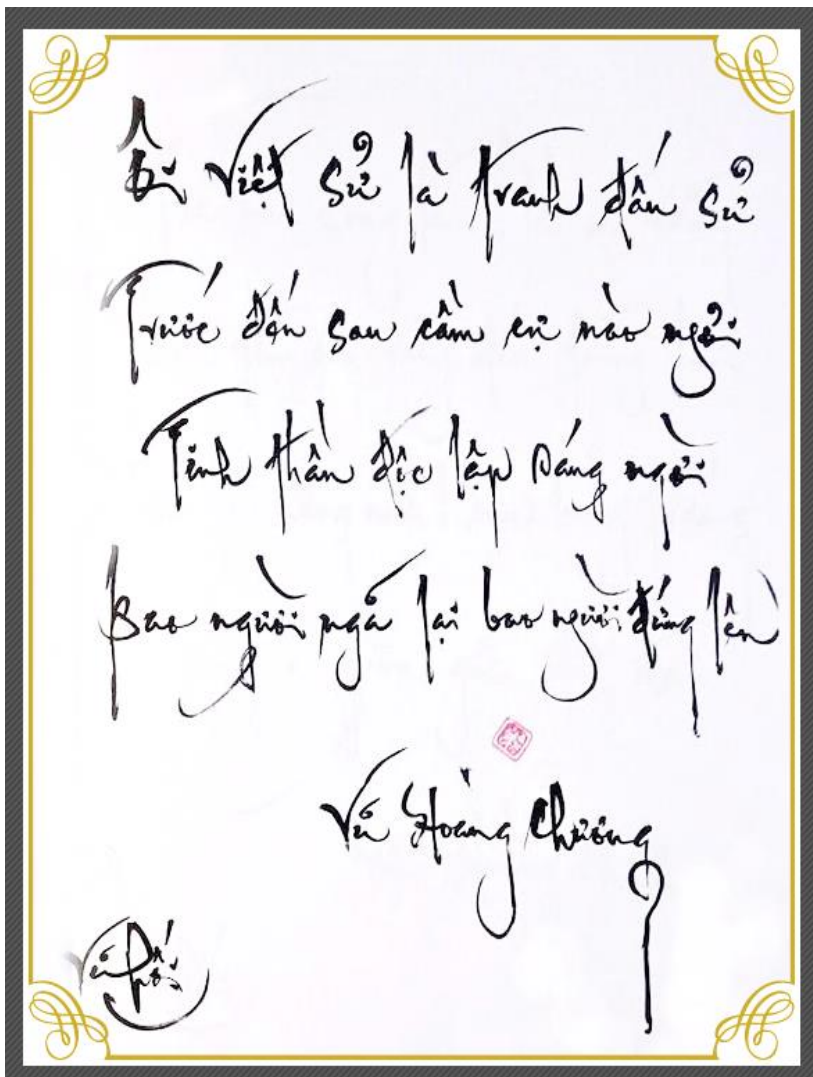
<https://www.youtube.com/watch?v=rgS1bkmB52A>

Em Am Em
 buông Anh còn đợi em Đợi em bên mái ngôi trường
 Am G F#m G Rộng mở, tươi sáng
 xưa Đường Grall một chiều lộng gió Ngày đó bóng đêm về êm
 G F#m G E Am
 ái Cánh môi nào thơm trái ngọt ngào Ngàn ngọn nến lung linh
 F G D7 RIT. G
 Vùng trời mắt em xinh rực rỡ ngát hương thanh bình Hẹn
 G F#m Am Dm G Nhịp cũ
 em một ngày xuân ấm hồng Diu em đi chơi trong xác pháo thơm
 G F G Dm
 nồng Ngày đó thấp hương anh cầu xin khẩn nguyện hái chồi lộc thắm
 G7 RIT. G
 tươi Nguyện xin bên em mãi trong cuộc đời

Lại Quốc Hùng
 Xuyên Mộc, 1979



Tác giả **Lại Quốc Hùng** sáng tác ca khúc này khi ở trại tù Xuyên Mộc năm 1979. Ông là giáo sư Triết và là ca trưởng ban hợp xướng Trưng Dương, Sài Gòn trước 1975.



Thơ: **Vũ Hoàng Chương**
Thư họa: **Vũ Hối**

DÒNG TÓC BÊN ĐỜI

**** Đỗ Bình Paris ****

Làn khói thuốc từ chiếc ống pipe lan tỏa trên khuôn mặt đã hằn những nếp thời gian của nhà văn Thanh Lê tạo thêm nét nghệ sĩ. Sợi khói ngừng lại khoảng khắc biến ảo vào khoảng không tạo thành nhiều hình trừu tượng rồi loãng bay có sợi len vào mái tóc ngả màu sương. Mang tâm hồn đa cảm nghệ sĩ tính nhưng ông lại hành nghề cầm ống nghe ống chích để nuôi nghiệp văn chương nên viết tiểu thuyết điếm tình với văn phong thật bay bướm là lướt. Các nhân vật trong truyện được dàn dựng đầy kịch tính, sướt mướt, thế nhưng ở ngoài đời ông lại lặn độn về đường tình ái do đó vẫn độc thân! Hồi còn trẻ ông rất đào hoa, là một y sĩ giỏi, một người lính gan dạ từng xông pha nơi chiến trường. Thuở đó ông rất tự tin, hơi chủ quan ý nhà giàu lại thành đạt thêm tính ham vui nên không thích lập gia đình sớm. Đến khi miền Nam mất ông đâm ra thất vọng, chẳng còn thiết gì nữa đành nhắm mắt buông xuôi theo vận nước đầy đọa, do đó ông cùng chung số phận với bao chiến hữu khác xách gói vào nhà tù! Một hôm ông nói với mấy người bạn tù:

«Bọn lưu manh chính trị đã thành công trong việc khai thác lòng thành của những kẻ say mê 'tà thuyết' để đâm lên xương máu của người dân vô tội! Bạo lực dù có mạnh đến đâu thì cũng chỉ chiếm được đất chứ nào chinh phục được lòng người? Ở một đất nước mà

những người giỏi đều bị bắt nhốt tù hết thì làm sao đất nước đó phát triển?!»

Ở tù được một thời gian không lâu, vì nhu cầu thiếu chuyên viên kỹ thuật nhà nước Cộng Sản buộc lòng phải thả một số ít chuyên viên kỹ thuật về sớm. Đốc tờ Thanh Lê thuộc diện này, nhưng tính ông rất thẳng lại phải nghe những điều trái tai giáng dạy từ cán bộ quản giáo nên ông thường hay lên tiếng « sửa sai » chỉnh lại những lời của quản giáo, điều đó đã khiến ông bị ghép tội chống đối, châm biếm chế độ, bởi thế ông bị nung gần chục cuốn lịch và đã trải qua nhiều trại tù từ nam ra bắc. Khi được thả, ông vượt biên mà không chờ đi theo diện H.O sang Mỹ. Ông thích đi Pháp vì ngày trước ông đã học Y khoa bên này, hơn nữa trong lòng ông vẫn còn mối hận đối với một số ít chính khách Mỹ, vì quyền lợi riêng tư đã phản bội quân đội Việt Nam Cộng Hòa, những người bạn từng sát cánh với người Mỹ chiến đấu vì lý tưởng tự do. Ông nghĩ: *«Trên giải đất quê hương Việt Nam người Mỹ đã đổ quá nhiều xương máu. Họ đến mang theo niềm tin khơi mở cho sự tự do, như một tia sáng lóe lên trong đêm tối... rồi tắt ngấm! Bỏ lại sau lưng một vực thẳm, một bầu trời đêm đen! Họ ra đi nhưng nơi đó vẫn còn những vết hằn sâu kín, những nỗi niềm ủ dột khiến những dòng nước mắt chảy mãi chưa khô! ».*

Thuở mới học xong, về nước ông có yêu đắm đuối một người con gái và cùng nàng thề non hẹn bể, nhưng bố mẹ của

nàng ham giàu muốn gả nàng cho một thương gia khá tuổi, trí thức gốc Chợ Lớn. Nàng đau khổ muốn cự tuyệt cuộc hôn nhân này nên chạy đến tìm chàng mong cùng chàng thoát ly gia đình tìm phương trời xa ẩn náu để hưởng hạnh phúc. Nàng còn trong ngưỡng cửa gia đình, chưa có kinh nghiệm đời nên cứ tưởng con tim muốn là được ! Nàng nghĩ đơn giản quá ! Đất nước đang lúc mịt mờ khói lửa chiến tranh nàng muốn ẩn náu nơi đâu để sống riêng hạnh phúc? Nhất là danh dự và thế lực bên gia đình người chồng tương lai nào để yên ? Và lại gia đình chàng cũng đâu cho phép cậu con quý cướp vợ của kẻ khác? Cuộc tình đẹp nhưng bỗng tan vỡ một phần cũng lỗi tại chàng cứ dửng dưng chưa muốn lập gia đình vì còn thích bay nhảy, không muốn bị ràng buộc trách nhiệm nên chẳng chịu ngó lời xin cầu hôn trước. Chàng viện dẫn là sắp trưng tập vào lính, đợi ra trường có chỗ ổn định mới nghĩ tới việc lập gia đình.

Biến cố Tết Mậu Thân là động cơ thúc đẩy chàng xin ra làm y sĩ cho một đơn vị tác chiến, mặc dầu đã có lệnh bổ nhiệm chàng về phục vụ tại một Quân Y viện thành phố. Chàng muốn đem chút sở học săn sóc và cứu chữa những thương binh ngoài mặt trận, họ là những người cùng lứa tuổi với chàng đang hiện ngang bước vào cõi chết, xem nhẹ bản thân mình để giữ an lành cho bao kẻ khác, trong số đó có xương máu của rất nhiều bạn bè thời thơ ấu cùng phố, cùng lớp với chàng đã hy sinh để chàng được an nhiên du học Pháp. Chàng không thể vì chút tình riêng mà thiếu trách nhiệm của người trai thời chiến, do đó chàng

đã thành khẩn xin nàng thông cảm mà chờ đợi... Nàng đã hứa nhưng do áp lực của gia đình quá mạnh, bố mẹ nàng đã nhận quá nhiều ân huệ của phía họ, vì chữ hiếu nàng đã bóp nát trái tim mình mà đành phụ tình chàng!

Ngày nàng lên xe hoa, chàng hoàn toàn không hay biết; chính thời điểm đó chàng đang hành quân ở Khe Sanh. Ở đây nổi chết vờn quanh, mặt trận đang khốc liệt, đơn vị chàng ngày đêm chịu hàng ngàn trái pháo đủ loại trên ngọn đồi không cao quá 1000 mét. Đạn pháo rít quá khiến trực thăng tải thương không xuống được bãi đáp, xác những người lính gói trong poncho bày la liệt, mùi tử khí nồng nặc! Rừng đêm sương xuống càng giá lạnh, gió núi thổi rì rào nghe não nề. Thỉnh thoảng những trái pháo rớt gần xé màn đêm, chớp sáng loáng trên những chiếc poncho chập chờn như những oan hồn ẩn hiện. Nhiều lúc tiếng mảnh pháo rớt cạnh sườn núi nghe rợn người, tuy có mỗi một nhưng chàng không nao núng dù chàng đã không ngủ mấy ngày liền vì phải lo cho những thương binh. Sáng nay, tiếng súng tạm ngưng vì đêm qua địch đã bị đẩy lùi. Chàng thầm nghĩ: «*Thế là mình còn sống thêm một ngày sau những tuần lễ mưa pháo đạn hải hùng... mình có thể lấy phép thường niên về Sài Gòn đưa em dạo phố...*». Chàng bước ra ngoài hầm trú ẩn, hít một hơi thật mạnh, bỗng chàng dừng lại ở phía giao thông hào... những xác binh sĩ vừa chết trận đêm qua chưa kịp gói đang co quắp. Chàng thở dài than thầm: «*Chẳng biết đến bao giờ cuộc chiến này mới chấm dứt?... Ở đây nổi chết rình rập vờn*

quanh. Chiến trường quả là mờ chôn các chiến sĩ! Ôi, chiến thắng nào mà không có máu và nước mắt!».

Chàng nhớ lại những ngày ở Pháp sắp về nước: "Hồi đó phong trào phản chiến khắp nơi đang âm ỉ sắp bùng lên. Những người hô hào đòi phản chiến họ chẳng biết gì về chiến tranh, họ chạy theo mode làm ra người trí thức đòi quyền sống cho nhân sinh. Họ là những người đã bị chủ nghĩa Cộng Sản làm mê hoặc qua nhãn hiệu "hòa bình," nhưng thật ra họ sợ chiến tranh tước đoạt đi những quyền lợi của bản thân, họ không muốn hy sinh dù nhân danh bất cứ thứ gì. Nếu tất cả người Mỹ, người Pháp đều phản chiến như họ thì ngày nay nước Mỹ vẫn chưa có độc lập và nước Pháp vẫn trong vòng kèm tỏa của Đức Quốc Xã?".

Tiến về phía hàng rào nơi anh em lính đang chuyển những xác của đồng đội mà lòng chàng trào dâng tê tái, và thầm nghĩ: *«Phải chăng chiến tranh là sự chém giết lẫn nhau của những người không quen biết để cho những người đã từng quen biết nhau đang ngồi chiếc ghế lãnh đạo ở Sài Gòn, Hà Nội hưởng lợi? Trước hiểm họa của Cộng Sản thì dù cho có phải mất mát, hy sinh hơn. Cuộc chiến một mất một còn với Cộng Sản trong lúc này là cần thiết và chính đáng, chàng bằng lòng làm kẻ hy sinh cho lý tưởng tự do, chứ không phải vì những người ấy!».*

Những chiếc trực thăng tải thương xuống tấp nập, trong đó có những thực phẩm, quân trang, đạn dược và thư tín. Người lính mang đến cho chàng một xấp báo chí và mấy lá thư. Chàng vui

sướng khi nhận được thư nhà và mở ra. Nhìn những hàng chữ trên thiệp hồng, chàng thấy choáng váng và buột miệng than: *«Trời ơi, nàng đã đi lấy chồng!»*

Chàng đau khổ, hồn thờ thẫn! Ý định nghỉ phép về Sài Gòn vụt mất!... Từ đó chàng trở nên ít nói, ít cười và buông thả đời mình theo số mệnh. Mỗi lần về phép Sài Gòn chàng thường mượn men rượu, khói thuốc và đàn bà để quên tình! Trong men say, chàng nói với bạn bè:

-«Đàn bà thì người nào thề thốt cũng hay cả... nhưng chẳng ai chung tình? Họ chỉ biết... tiền thôi!».

Chàng cười ngật nghẻo rồi gục trên vai người bạn, thiệp đi.

Rồi biến cố tháng tư năm 1975 ụp xuống Miền Nam và đã cướp của chàng tất cả, trong đó có cuộc tình sâu!

Sau khi tù ra, chàng vượt biên đến Pháp tị nạn. Nhờ bạn bè cũ, chàng biết tin nàng đã cùng gia đình di tản sang Hồng Kông trước năm 75 và đang định cư ở Canada. Nàng vẫn sống với gia đình, chồng nàng tuổi đã cao nhưng vẫn trông coi một hiệu buôn lớn, còn hai đứa con nàng đã thành tài. Mãi đến mấy năm sau nàng mới biết tin chàng ở Pháp, nàng đáp máy bay qua thăm chàng. Chiều Paris nắng không đủ ấm da thỉnh thoảng có cơn gió se lạnh! Con đường hẹn hò trở nên thơ mộng hơn ngày thường, lá thu rơi đầy lối đi như lát vàng làm ấm mỗi tình xưa. Gặp nhau mắt nàng đắm lệ, nàng ngây ngất như đang sống lại thuở tình với năm xưa. Nàng thổ thề:

-« Xin anh tha lỗi cho em, suốt mấy chục năm nay em sống như kẻ mất hồn!...

Em sống chỉ vì con. Tâm hồn em đã gởi theo anh từ dạo đó... Chồng em biết nhưng không hề can dự đến chuyện riêng tư của em... và em vẫn giữ trọn đạo làm vợ, làm mẹ cho đến ngày nay!»

Chàng nhìn nàng triu mến nói:

-« Anh nào dám trách em! Chuyện ngày đó chúng mình dang dở, nếu có trách... là trách anh... Tại anh lúc đó chưa có ý thức sâu xa về hạnh phúc! »

Mắt đăm lẹ, nàng hỏi:

-« Chắc bây giờ anh hiểu thế nào là hạnh phúc?!»

Chàng ngước lên bầu trời, nhìn những áng mây bay ở cuối chân trời, ánh mắt chàng xa vời nói:

-« Bây giờ không những anh hiểu... mà còn thắm em ạ! Em xem đám mây trắng lơ lững cuối trời, nó đẹp quá em nhỉ? Hạnh phúc thì cũng chỉ là áng mây, thứ điểm trang cho bầu trời, nó muôn sắc, bỗng bẽnh sương khói thật... rồi một thoáng cũng tan biến!»

Nàng rầu mặt buồn bã hỏi:

-«Mấy chục năm gặp lại, anh có vẻ bị quan quá ?!»

Chàng nhún vai trả lời:

-«Chẳng phải bị quan đâu em! Đây chỉ là kinh nghiệm sống mà anh đã trải qua... chiến tranh, tù đày và biệt xứ đã dạy anh hiểu thế nào là chân giá trị của sự hạnh phúc! Có bao giờ em nghĩ hạnh phúc chỉ là niềm mơ ước? Anh đã từng ôm những ước mơ lớn nhưng chỉ là giấc mơ hư! Và có những ước mơ nhỏ nhoi

dù đó là ước mơ ăn được củ khoai nóng những lúc đói khát trong tù?»

Nàng nhìn chàng thương xót, nàng nghĩ:
«Có lẽ những năm tù đày khốn khổ đã cướp mất tính hồn nhiên yêu đời của chàng?!».

Mắt nàng tha thiết nói:

-« Em muốn giúp anh một số vốn để anh dời phòng mạch về trung tâm người Á Châu? »

Chàng chua chát cười:

-«Xin cảm ơn lòng tốt của em. Tình yêu là thứ cao quý nhất mà anh chẳng giữ được, tiền bạc cho lắm xuôi tay cũng thành sương khói?! Vả lại anh chỉ là thầy thuốc của các bệnh nhân, chứ đâu là bác sĩ chỉ đặc biệt dành riêng cho người nào, dù là Á Châu hay Âu Mỹ!»

Biết mình lỡ lời, nhưng nàng vẫn cảm thấy ghen ghen vì lòng tốt của mình đã bị hiểu lầm nên nàng cố dằn tự ái...và chuyển câu chuyện. Nàng không muốn bao năm chờ đợi, giờ tìm được nhau để rồi sẽ vĩnh viễn mất nhau:

-« Em dạo này già rồi nên nói năng vô duyên! Nhiều lúc còn hay quên nữa!»
Chàng ngắm nàng ánh mắt triu mến, và tha thiết nói:

-«Không phải thế đâu em! Giọng em còn trong, thanh âm ngọt ngào... và nhất là em còn trẻ đẹp lắm!... Nhan sắc này vẫn còn quyến rũ với đời cỡ mười, mười lăm năm nữa!»

Như một phép lạ, nàng bỗng cảm mình trở lại tuổi đôi mươi, tâm hồn đầy hưng phấn, sự ấm áp của tình yêu thuở ban đầu. Những giọt nước mắt sung sướng

đã trào ra, nàng khép vội bờ mi nhưng nước mắt vẫn ứa đầy! Nàng yên lặng tận hưởng khoảnh khắc hạnh phúc mà tưởng chừng không bao giờ gặp lại cái giây phút mà nàng đã đợi chờ suốt mấy chục năm. Nàng biết thời gian vẫn chưa làm dung nhan nàng phai tàn, nhưng lại không tự tin khi đứng trước chàng! Nàng rất hồi hộp và lo sợ, sợ khi gặp lại chàng sẽ chê già. Nàng run run thỏ thẻ:

-«*Em...vẫn còn...yêu anh !*»

Chàng cảm thấy đôi mắt cay, nhưng cố nén xúc động và giữ khoảng cách:

-«*Anh cũng thế!*»

Nàng quá xúc động bật khóc nức nở :

-«*Tại sao anh không lập gia đình?*»

Chàng thở dài trầm giọng:

-«*Trái tim anh một nửa cho quê hương và một nửa cho em, tất cả đã xa khỏi tầm tay thì anh còn thiết tha gì nữa mà lập gia đình ?!*»

Hàng cây bên đường hình như thấu cảm cho mối tình ngang trái nên khẽ reo lên trong gió và buông đầy lá vàng. Nàng nức nở khóc và ngã vào cánh tay chàng. Nàng khóc ướt đầm vạt áo chàng, nàng ôm chặt chàng và quên mất ngoại cảnh. Chàng cứ để cho nàng khóc... Khóc cho bỏ nhớ nhưng, cho cuộc tình vui đi những muộn phiền đã chồng chất tháng ngày!

Chàng ôm chặt nàng như sợ mất, và trầm nghĩ:

-«*Tình ơi ta vì em và yêu em, ta không muốn em làm lỗi đánh mất sự tinh khiết!*»

Chàng không muốn mình trở thành kẻ phạm tội làm khổ đời nàng thêm một lần nữa nên mạnh dạn buông nàng ra khỏi cánh tay và trân trọng tha thiết nói:

-«*Anh biết suốt mấy chục năm em âm thầm đau khổ, nhưng em vẫn là người vợ tốt, người mẹ hiền. Anh hy vọng rằng em cứ giữ mãi đạo nghĩa đó. Tấm lòng của em dành cho anh, anh xin ghi khắc. Và dù mai nầy ở bất cứ phương trời nào anh vẫn nhớ em, xin em hãy giữ lại cuộc tình, và trân trọng nó để tình ta mãi đẹp như bài thơ anh đã viết tặng em!* »

Nàng như tỉnh giấc mơ vội lau nước mắt, môi noén nụ cười buồn:

-«*Biết được lòng anh, em cảm thấy tình yêu của mình đây ý nghĩa... đâu cần phải sống chung mới là hạnh phúc... Em đã hiểu được cái hạnh phúc đích thực trong ý nghĩ anh.... Dù anh chỉ cho em có nửa trái tim, còn em cho anh cả tâm hồn nhưng cả hai chúng ta đều chung một hạnh phúc !*»

Hai người nắm chặt tay nhau đồng cười to lên vì đã hòa tâm ý, và từ đó họ không còn gặp nhau nữa nhưng tình vẫn bền nhau./.



Đỗ Bình Paris

XUÂN MƠ

Mùa Xuân xưa thuở đầu đời,
Thích thơ yêu nhạc từ thời trẻ cơ.
Bắt đầu đi học ước mơ,
Lớn làm Thày giáo đơn sơ bên Trò.

Ngày Xuân theo bạn xuống đò,
Sông Cầu trảy hội hẹn hò Hội Lim.(1)
Lời ca rung động con tim,
Đàn Anh, đàn Chị cùng tìm đến nhau.

Thời gian một thoáng qua mau,
Quê hương khói lửa,
thương đau xóm làng.
Từng đoàn trai tráng lên đàng,
Ra đi cứu nước sẵn sàng đầu quân.

Cuộc đời như thể phù vân,
Nhà tan, nước mất, triệu dân cơ cầu.
An dân, bảo quốc hàng đầu,
Tạm xa làng xóm lòng sầu miên man.

Đường lên xứ Thượng quan san,
Đêm khuya trăng sáng
không gian mơ màng.
Vẳng nghe tiếng hát rộn ràng,
Các nàng sơn nữ
"bản làng" mừng Xuân.

Đón chào chiến sĩ dừng quân,
Đào mai chớm nở báo Xuân đang về.
Nhớ xưa dưới ánh trăng thề,

Bên người yêu dấu làng quê thuở nào.
Cùng nhau đi dạo vườn Đào,
Nhật Tân, Đào nở
khác nào Thiên Thai. (2)
Nhìn Đào gợi nhớ đến Mai,
Chợ Hoa Nguyễn Huệ
cùng ai đêm nào?

Tóc Em hương tỏa ngọt ngào,
Lòng mơ Xuân cũ dạt dào thiết tha.
Bao mùa Xuân đẹp đã qua?
Tan mơ, Xuân mộng lòng ta nhớ hoài.



Thái Hưng/PGH

(1) Sông Cầu và Hội làng Lim thuộc tỉnh Bắc Ninh nổi tiếng về "hát quan họ"
(2) Hoa Đào "Nhật Tân" của Thăng Long Hà Nội nổi tiếng từ lâu



MÙA XUÂN THĂM GIÀN THIÊN LÝ

Tôi gửi hồn tôi trên giàn Bí lá xanh...
sương long lanh, có bầy Chim se se
Tôi gửi hồn tôi trên cây Cam, cây Khế
Trên giàn Trầu xanh mượt lá dễ thương
Trên buồng Cau
đêm trăng sáng ngát hương

Trên cành Bưởi
vườn Quê Hương ngọt mật
Xuân lại trở về trên trái đất
Quê Hương tôi xa cách nửa bán cầu
Người, người trở về tấp nập thi nhau
Thăm quê hương
thăm vườn Trầu bông Cải

Tôi ngồi đây, nghe lòng mình á ngại!
Tôi bâng khuâng...tôi thăm tự hỏi mình
Quê Hương tôi có thật sự Hòa Bình?
Quê Hương tôi
người người đang Hạnh Phúc?
Quê Hương tôi không còn ai oan ức?

Bị tù đầy bắt bớ oan khiên
Có thật sự quê tôi bình yên
Tôi thăm hỏi, rồi tôi thăm nghĩ
Vẫn trùng trùng phi lý!
Vẫn trại giam cải tạo tù đầy!
Triệu người dân vẫn sống cảnh lạt lây
Bút bẻ cong, đầu tự do tư tưởng?

Thư Mùa Xuân tôi thả đi muôn hướng
Lời Nguyễn Cửu Xin Đất Nước An Bình
... Thật sự An Bình,

Quê Hương không còn
khốn khó điều linh
Tôi trở lại thăm vườn cây trĩu trái...
Ơi Quê Hương ! Một trời quan tái
Đón gió Xuân nghe xao xuyến tâm hồn!

Lòng giấy âm thầm...
Mực nhỏ chữ cô đơn
Tôi gửi hồn tôi qua muôn trùng hải lý
Tôi thả hồn tôi về thăm giàn Thiên Lý
Ước Nguyễn cuộc đời không còn vị kỷ
Vườn quê hương
tươi nắng mới thanh bình

Đời hiền hòa Người Thương Mến
Chân Tình
Hoa Xuân nở thơm trời quê Đất Mẹ
Đường như không gian vang Lời Kệ
Trầm dâng hương...
Thơ ngát Ý Nguyễn Cửu...

Xuân Hạnh Phúc
trên quê hương Việt Tộc
Đại Hồng Chung ngân vang...
Vườn Chùa, cây xanh lộc
Xuân muôn nhà...
Người thấy Hội Mùa Xuân
Tôi nghe bước hài Xuân
nhè nhẹ rất gần
Tôi Nguyễn Cửu Giác Mơ
thành Sự Thật,

Chuyến tàu ghi danh
tôi là người thứ nhất
Xin trở về Tắm Nắng Mới Quê Hương.



Tuệ Nga

(Trích từ tập thơ SUỐI HOA)

Thơ Cười, Soi Bóng Chân Như

(Thơ kính tặng Mẹ ngày Happy Mother's Day, 2019)

*Dòng Sông Trắng, Ánh Đạo Vàng
Bạch Liên, thanh khiết gieo ngàn ý thơ...
Sao đêm sáng tự bao giờ
Dòng đời xuôi ngược bên bờ ảo hư...
Thơ Cười, Soi bóng Chân Như
Hương, Hoa Hiến Lễ Đại Từ Như Lai
Trăng Thiền Dịu sáng lòng ai
Thi Hương vời vời Biển Trời Yêu Thương...*

Vương Thanh



Mai Hồng



*Mai hồng thắm nở một chiều sương
Tuyết giá nhưng lòng vẫn ngát Hương
Thanh khiết, nhẹ nhàng, vơi tạp niệm
Dịu dàng, rực rỡ, đẹp văn chương
Mảnh mai đâu ngại trời băng giá
Kiểu diễm nào thua đóa hải đường
Hẹn chúa Xuân về mang nắng ấm
Cùng muôn hoa thắm Lối Yêu Thương...*



Vương Thanh

Kỷ Niệm Không Mờ Phai

** Tiểu Thu Canada **

Đêm nay cơn ác mộng lại trở về. Thơ giật mình thức giấc, tâm trí hoang mang thảng thốt. Trái tim đập thình thịch trong lồng ngực. Bên cạnh nàng Tú vẫn ngủ say sưa. Sau biến cố mất nước năm 75, từ khi may mắn thoát khỏi Việt Nam vào phút cuối, lại được định cư ở xứ Canada, nhưng có lẽ bị chấn thương tâm lý khá nặng nên thỉnh thoảng Thơ lại gặp ác mộng trong giấc mơ. Thật sự kinh hoàng, vì lần nào Thơ cũng thấy mình về Sài Gòn thăm gia đình và không cách nào tìm được phương tiện trở qua Canada. Nàng tự sỉ vả mình ngu ngốc, đang sống yên ổn với chồng con, khi không trở về Việt Nam làm gì để ra cơ sự! Có lần trong cơn mơ Thơ khóc sụt sùi, tỉnh dậy hai má còn ướt đẫm nước mắt.

Thơ kể cho vài người bạn nghe, không ngờ cũng có người gặp ác mộng y như nàng. Một người bạn thân kể rằng, trong mơ anh thấy mình đi vượt biên và bị bắt lại. Mà người bắt anh lại là tên thủ trưởng nơi anh làm việc. Anh nghĩ chắc chắc mình tiêu đời rồi. Khi giật mình tỉnh dậy, nhận ra mình đang ở Hoa Kỳ, anh thấy trong đời chưa bao giờ hạnh phúc đến thế!

Thấy đồng hồ chỉ 5 giờ, Thơ cố dỗ giấc ngủ lại, nhưng sao đầu óc vẫn tỉnh táo

và tâm trí lan man nhớ về những ngày tháng xa xưa. Thửa còn ở Việt Nam và chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ bỏ quê cha đất tổ, đến một nơi xa lác xa lơ, mùa đông lạnh thấu xương để sinh sống. Vì đâu và vì ai? Nếu không phải vì những người cùng giòng giống, cùng tổ tiên như nàng, nhưng lại đem cái chủ thuyết chết người của ngoại bang về áp đặt một cách dã man lên đồng bào ruột thịt của mình?! Miền Nam của Thơ trước khi bị cưỡng chiếm xinh đẹp, hiền hòa biết bao. Lúa gạo đầy đồng, tôm cá đầy sông, đi lại tự do. Làm sao tả hết những cái hay, cái đẹp mà người dân miền Nam đã được hưởng cho đến ngày 30-04-1975!

Từ năm 1972, gia đình nhỏ của Tú và Thơ thuyên chuyển từ miền Cao Nguyên về tỉnh lỵ Sa Đéc. Thật tiện lợi vì quê nội Thơ ở Cao Lãnh và quê ngoại ở Vĩnh Long. Và qua Long Xuyên cũng cùng một quãng đường dài. Nàng nhớ những trái soài Hòn mấp ú, ngọt như đường mà chỉ có ở Cao Lãnh. Qua Vĩnh Long thường thức món xôi chiên phồng ăn với gà rô ti nổi tiếng. Sầu riêng Cái Mơn không đâu ngon bằng. Vú sữa Lò Rèn cũng tuyệt diệu. Có khi theo bạn về quê Cái Bè ăn cam. Cam Cái Bè nổi tiếng ngon ngọt. Thích hơn nữa là đi

thuyền qua mấy cái cù lao ăn chôm chôm, nhãn. Sa Đéc cũng là một địa danh nổi tiếng với nhiều loại trái cây và tôm cá, gà vịt. Loại mận da người màu xanh cẩm thạch, ruột đặc không hột và rất ngọt. Vú sữa hột gà màu trắng ửng hồng ngon ngọt vô cùng. Đặc biệt vùng này có loại ốc gạo thịt béo ngậy, ăn một lần là mê tít luôn. Không thể quên loại cá thu nước ngọt, nhỏ hơn cá thu biển, mình óng ánh nhiều màu. Cá này kho với nước dừa tươi là tuyệt cú mèo. Nói đến vịt xiêm Sa Đéc thì ai cũng biết. Bình thường vịt được nuôi bằng lúa, tép riu đầy sông rạch nên rất mập, thịt mềm, thơm ngọt. Mỗi lần có bạn phương xa đến thăm thế nào họ cũng được Thơ đãi món thịt vịt trứ danh Sa Đéc. Khi cả nhà Thơ về Sài Gòn thăm gia đình Tú, ngoài trái cây đủ loại không bao giờ thiếu cặp vịt xiêm.

Lúc này Thơ đã có hai tí nhau, một trai hơn 3 tuổi và một gái chưa 2 tuổi. Tú đi làm và Thơ ở nhà trông con. Tưởng rằng giòng đời cứ êm đềm trôi như giòng Cửu Long hiền hòa. Chiến tranh khốc liệt ở đâu xa, chứ tại thị xã thì đời sống vẫn bình thường. Chợ búa vẫn họp đông đúc mỗi ngày. Nơi Tú làm cũng không thấy thay đổi gì cả. Chợt ngày 25 tháng 4, Tú nhận được điện thoại của bà chị trên Sài Gòn bảo gia đình Tú phải lên Sài Gòn gấp. Chị đã làm thông hành cho đại gia đình đi ngoại quốc. Thế là vợ chồng con cái chất nhau lên xe chạy một

lèo lên Sài Gòn. Té ra nhờ hai ông anh rể sĩ quan cấp Tá làm việc trong Tổng Tham Mưu nên họ biết người Mỹ đã rút khỏi Việt Nam và một số tướng lãnh cũng như công chức cao cấp đã tìm đường chạy ra ngoại quốc. Ôi chao, lên đây mới thấy cả Sài Gòn hỗn loạn. Ngoài đường đông nghẹt người. Tất cả các tiệm vàng chen chân không lọt. Người mua vàng, kẻ đổi đô la. Thơ cũng chen lán đổi được 80 đô la Mỹ.

Cả gia đình Thơ cũng được ông anh rể cho vào danh sách xin đi máy bay Mỹ. Cơ quan D.A.O bảo chờ họ sẽ tới rước. Chờ mãi đến hôm 28 Việt cộng pháo kích dữ dội vào phi trường Tân Sơn Nhất thì Thơ tuyệt vọng, ôm con khóc mùi mẫn. Sáng sớm 29, sau một đêm thức trắng, cả nhà lên xe chạy vào Cư xá Sĩ quan trong bộ Tổng Tham Mưu, nhà ông anh họ của Tú. Ông này thân cận với 1 ông Tướng vùng, ông Tướng hứa sẽ có máy bay đón. Hy vọng tràn trề, nhưng chờ gần tới trưa vẫn chẳng thấy gì, người nào mặt mày cũng buồn rầu ủ rũ, căng thẳng tột độ. May sao gần 12 giờ, một sĩ quan dưới quyền của ông anh rể báo tin có chiếc tàu Đại Hàn đang đậu ở Tân Cảng sắp nhổ neo. Mừng quýnh mọi người lên xe chạy ra Tân Cảng. Dọc đường rất hỗn loạn vì dân chúng đang hôi của trong mấy cơ sở Mỹ bỏ trống. Kẻ khuân, người vác chạy đầy đường. Thịnh thoảng có những tràng súng nổ dồn dã và những người lính còn

mặc quần áo trận, có người bị thương máu me tùm lum, tay cầm súng chạy dọc theo hai bên đường khiến Thơ kinh hãi ôm cứng hai đứa trẻ. Tụi nhỏ chắc cũng linh cảm thấy sự nguy hiểm nên im lặng không dám hó hé. Sau này nàng mới biết một nhóm lính Việt Nam Cộng Hòa lúc đó vẫn còn cố gắng đánh nhau với Bắc quân trên cầu Xa Cảng. Thương thay những người chiến sĩ miền Nam anh dũng, thà hy sinh đến giọt máu cuối cùng chứ quyết không đầu hàng quân địch!

Xe quẹo vào bến Tân Cảng. Trên bến tàu nhiều người Mỹ đang đứng chỉ huy cho đoàn người xếp hàng dọc lên tàu. Họ bắt tất cả quân nhân phải cởi quân phục và bỏ súng lại trước khi lên tàu. Tất cả mọi người phải xuống hầm tàu thông qua một cái miệng hầm nhỏ, vừa một người qua lọt. Đây là chiếc tàu của Đại Hàn do Mỹ thuê chở vũ khí sang Việt Nam. Giờ đây Mỹ thuê để chở người tị nạn rời khỏi đất nước. Hầm tàu dùng để chứa hàng hoá, chỉ có một chỗ lên xuống nhỏ xíu nên nóng hầm hập. Gia đình Thơ kể như là những người đến muộn nhất nên mùi một người chia nhau một chỗ độ chừng một mét vuông ngay dưới miệng hầm. Nàng đưa mắt nhìn chung quanh thấy người là người, nằm ngòì ngổn ngang. Tháng tư trời nóng, trong hầm như cái hỏa lò nên người nào cũng dùng cái gì đó quạt thành phạch, trông toàn cảnh cứ như

những cánh bướm đang bay chấp chới! Riêng hai nhóc tí của Thơ cũng phải cởi áo ở trần mới chịu nổi.

Độ nửa tiếng sau thì tàu tách bến chạy về hướng Vũng Tàu. Thú thật là đến giờ phút đó vợ chồng nàng cũng không biết mình sẽ đi đâu? Thấy người ta chạy thì mình cũng chạy theo, miễn là thoát khỏi Việt Nam đang rơi vào tay Cộng quân. Gia đình Tú vốn người Bắc. Năm 54 ba mẹ anh đã bỏ hết cửa cải, cơ ngơi ở Hà Nội để chạy vào Miền Nam lánh nạn. Lần đó họ còn biết mình sẽ đi đâu. Nhưng lần này thì quả thật rất mơ hồ, chỉ biết nhảy lên tàu rồi sau đó phó mặc cho ông Trời!

Lúc tàu chạy ngang Rừng Sát, mặt mày người nào cũng nghiêm trọng, không dám thở mạnh. Chỉ sợ một quả đạn gì đó trong rừng bắn ra trúng tàu thì gần một ngàn sinh mạng sẽ đi theo Hà bá! May quá không sao. Nhưng trọng trách của con tàu này là phải đón cho được một ông cố vấn gộc người Mỹ. Vì thế tàu cứ chạy dọc theo bờ biển từ Vũng Tàu cho tới Cà Mau suốt 3 ngày liền. Đến ngày thứ tư mới trực chỉ ra khơi từ Vũng Tàu. Lúc này mọi người đã biết tin Tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng nên ai nấy đều buồn dàu dàu. Tàu ra khỏi Vũng Tàu thì gặp vô số thuyền con từ đất liền chạy ra. Họ vây quanh tàu nên thuyền trưởng bắt buộc phải vớt họ lên. Ôi thôi thì gồng gánh đủ thứ, cả

TV, cả xe gắn máy. Tất nhiên thủy thủ Đại Hàn vớt hết mấy thứ này xuống biển để lấy chỗ cho người. Lúc rời Tân Cảng con số chưa tới một ngàn, giờ đây đã lên đến hơn ba ngàn người! Thì ra có vị linh mục dẫn cả làng Phước Tĩnh chạy ra khơi! Đến giờ thì vấn đề vệ sinh thật nan giải. Tất cả mọi người già trẻ bé lớn đều bị đau mắt. Mà làm gì có thuốc cho ngàn ấy người? Đành chịu thua! Gia đình Thơ chạy vào phút chót, lại hy vọng đi máy bay nên làm gì có đem theo lương khô, đành chấp nhận ăn những khẩu phần của lính tráng đi hành quân: gạo sấy và cá khô. Cũng có nhiều gia đình có quan hệ với thủy thủ Đại Hàn nên họ đã xuống tàu trước mấy hôm với đầy đủ lương thực, mì gói và bánh trái các loại. Nhưng lúc này hồn ai nấy giữ nên chẳng ai “dại gì” chia cho người không quen biết! Gạo sấy thì đổ nước lạnh cho nở ra, cá khô thì cứ vậy mà ăn. Tội nghiệp hai đứa nhỏ, Thơ phải năn nỉ chúng mới miễn cưỡng ăn chút ít nên suốt tuần lễ dưới tàu hai đứa ốm nhom.

Đến ngày thứ bảy thì tàu ghé Subic Bay Phi Luật Tân lấy thêm nhiên liệu để đi tiếp qua đảo Guam. Chỉ một số người được đặc biệt xuống tàu để sang đảo Guam bằng máy bay. Nhờ hai anh rể sĩ quan cấp Tá nên gia đình nhỏ của Tú-Thơ cũng được hưởng ân huệ này. Số còn lại tiếp tục đi tàu sang Guam. Đặt chân xuống đảo, thấy cảnh trùng phùng của nhiều gia đình, vợ con đi trước bằng

máy bay, chồng đi sau bằng tàu, may mắn gặp lại nhau thật vô cùng hạnh phúc. Mỗi gia đình được chia một căn lều, có ghé bố và mền để ngủ, ngoài ra trống trơn.



Ngày 3 lần đi sấp hàng lãnh cơm do đầu bếp Mỹ nấu. Chỗ của Thơ thì trường kỳ: mỗi người được 1 vá cơm trắng và 1 vá trứng gà bột chiên. Có chai xì dầu hay hũ muối nào nhà bếp bỏ ra cũng bị chôm mắt nên mọi người cơm ăn lạt nhách cũng đành chịu. Những người có tiền thì vào căng-tin mua thức ăn. Thơ chỉ có 80\$ nên... không dám, vì “biết ra sao ngày sau??? Thấy những người lính Mỹ phục vụ dân tị nạn Việt Nam mà thương.

Thơ không nhớ có bao nhiêu người tị nạn, chỉ nhớ là đông lắm. Lều trại nhìn mút mắt. Chỉ khổ ngày thật nóng và đêm thật lạnh. Suốt ngày đi sấp hàng lấy cơm (Mỗi bếp có 3 hàng. Mỗi hàng dài hàng trăm mét) nên ai cũng đen thui như Chà Và! Đến nỗi có người quen gần nhà, gặp Tú còn hỏi “phải anh Tú không?” May mà lúc gia đình Thơ đến đảo thì phái đoàn Canada cũng vừa đến mở văn phòng. Tú-Thơ vội vàng đến xin đi Canada. Ban đầu họ chỉ nhận dân

professionel, nhưng sau đó Mỹ phản đối gay gắt nên họ nhận luôn mọi ngành nghề. Nhiều bác sĩ, kỹ sư, giáo sư phải khai gian là thợ sơn, thợ máy mới được nhận. Hai tuần sau thì đại gia đình Tú lên máy bay trực chỉ Québec. Lúc quá cảnh Hawaii có người bệnh nặng nên cả gia đình phải xuống để đưa người bệnh vào nhà thương. Rồi sau đó nghe nói họ lập nghiệp luôn ở đây. Cũng may mắn vì khí hậu Hawaii quá tuyệt vời.

Dân tị nạn đến Montréal vào tháng năm nên khí hậu đã ôn hòa, dễ chịu. Người dân nơi đây thật hiền hòa, hiếu khách, tuy nhiên họ không biết tí gì về Việt Nam. Vì chỉ nhìn chiến tranh VN qua truyền thông, chỉ thấy cảnh quê nghèo, đồi núi chập chùng, rừng rậm âm u nên trong trí họ VN là một xứ nghèo nàn lạc hậu. Chẳng vậy mà có 1 conseiller người bản xứ đã khuyên các bác sĩ VN nên đi học nghề y tá để kiếm sống. Nhưng chỉ vài năm sau họ ngạc nhiên xiết bao khi hầu hết các bác sĩ, dược sĩ đã trở lại hành nghề và trong trường trẻ em Việt Nam học hành đều xuất sắc. Hơn thế nữa, các em rất lễ độ với thầy cô nên được quý mến vô cùng. Tóm lại, thuở đó dân Việt Nam sống ở Montréal được người bản xứ hết sức kính trọng.

Thơ nhớ lại những tháng ngày vất vả trong cuộc sống mới nơi xứ người. Những ngày đi làm trong bão tuyết lạnh căm, gió thổi muốn bay vì người mình vốn nhỏ bé. Nhưng gian nan nào rồi

cũng qua. Cái giá tự do trả thế cũng còn quá nhẹ. Cuộc sống êm đềm vì cả Tú lẫn Thơ đều không nhìn lên, không ganh tị hay so sánh với ai. Thơ vẫn tâm niệm rằng mỗi một con người đều có số mệnh riêng. Và mình biết đủ là đủ. Con cái lớn dần, đã ra riêng để sống cuộc sống của chúng. May mắn sức khỏe hai vợ chồng nàng khá tốt. **Thơ luôn cảm ơn Trời Phật đã cho gia đình nàng thoát khỏi chế độ bạo tàn và đưa đẩy đến xứ sở Canada, một xứ sở giàu mạnh và đầy lòng nhân ái, vị tha.** Một trong những nơi đáng sống nhất thế giới. Vợ chồng nàng không mong gì hơn.

Thỉnh thoảng cơn ác mộng vẫn hiện ra, nhưng hình như càng ngày càng cách xa nhau. Thơ hy vọng trong tương lai “Nó” sẽ không đến quấy rầy nàng nữa. Thơ chỉ cầu mong được sống một cuộc đời bình lặng, thanh thản bên Tú và các con. Mong lắm thay!



Tiểu Thu Canada

Mùa Đông 2024

“Que Sera, Sera”

** Ý Anh **

1. Chúng tôi quyết định ngừng xe cạnh một hồ rộng trên đường đến nhà chị tôi ở Lake Mary, thành phố phía bắc Orlando, Florida. Đi qua hồ nhiều lần nhưng hôm nay mới thật sự dừng chân để ngắm cảnh. Trời về chiều, đám cò trắng bay về nghỉ cánh ở khu rừng thưa cuối hồ, nhìn xa như tuyết đọng trên cây. Một góc chiều bên hồ còn điểm chút màu thu nhẹ nhàng làm tâm hồn thêm thư thái dễ chịu.



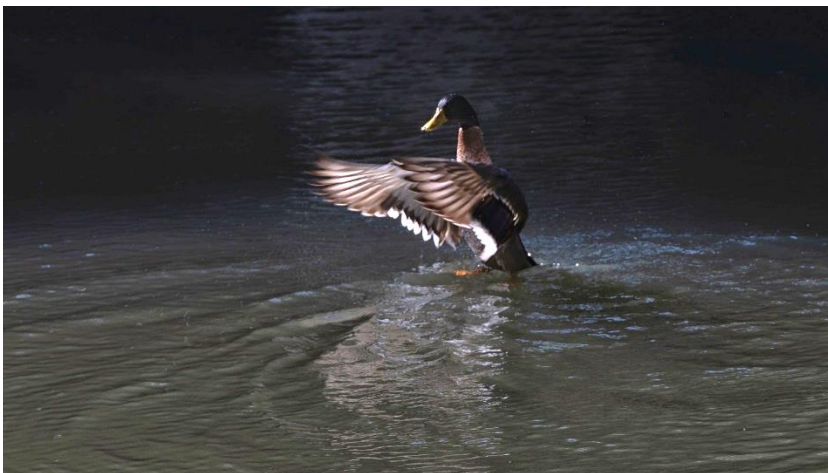
Cánh cò trắng như từng đóm tuyết nhỏ làm tôi nhớ Maryland, nơi mùa đông đang bao phủ lạnh lùng buốt giá. Có một tấm hình mùa đông của Bằng dù có thể cho là không chuẩn về kỹ thuật, sắc sảo mờ nhạt gì đó, nhưng tôi vẫn cảm được. Đó là bức chụp tuyết đọng trên nhánh cây trơ trụi bên hồ Little Seneca Lake, vùng Boys, vào một ngày tuyết lát phát nhẹ bay.

Đông miên

*Dường như đông ngủ mãi nơi đây
Sóng vẫn mơn man nhớ chập chùng
Em ơi hãy thức đông miên dậy
Cùng tôi sống mãi đến không cùng.*



2. Viếng thăm San Antonio, Texas, chúng tôi dạo chơi dọc theo the Riverwalk nổi tiếng. Giòng sông nhỏ uốn lượn chảy qua thành phố soi bóng những chiếc cầu đá vòm cong duyên dáng. Cây cảnh, nhà cửa, hàng quán dọc theo hai bên sông được xây dựng hài hòa mang nét xưa cổ, rất đẹp. Ngồi nghỉ chân dưới gốc cây cedar già rủ bóng, không khí thơm thơm mùi gỗ, tôi thích thú ngắm những chú vịt vui vẻ khoe dáng, vươn cánh múa tung tăng tắm lội trên sông, vô cùng sống động. Mọi người ai đi qua cũng đưa phone lên chụp hình và Bằng cũng không bỏ lỡ cơ hội.



3. Năm tháng trôi qua với những con số lên đến hàng chục khi đến Houston. Tôi gặp lại người chị họ sau đúng 40 năm, ông cậu họ sau cả 20 năm, và bạn bè tôi cũng 20 năm! Mấy chục năm rồi sao? Ai cũng thốt lên “Trời ơi!” khi ôm nhau mừng mừng cảm động. Houston ngập tràn tình thân, tiếng cười. Chị họ nhắc đến chuyến đi chơi với nhau của hai chị em trên Đà Lạt năm 84, trước khi hai chị em cùng rời Sài Gòn đi Mỹ. *Chị còn giữ tấm hình của hai chị em mình đẹp lắm nghe, bữa mô về chị chụp lại rồi chị gửi hỉ.* Tiếng Huế chạy dễ thương nghe quen tai.

Trên đường rời Houston hôm sau, tôi nhận được hình chị gửi qua text message. Hai chị em tay trong tay, tươi cười sánh bước trên lối dốc ở Thung Lũng Tình Yêu trong nắng hiền Đà Lạt. Ôi bức đáng yêu đáng quý của tôi, đánh dấu 40 năm dài đã trôi qua...

*Tháng cùng năm hết đến
Thấy lại những ngày thương
Ngày tôi còn rất trẻ
Mộng cười gió thơm hương.*

4. *Please release me, let me go. For I don't love you anymore. To waste our lives would be a sin. Release me and let me love again...* Anh vừa đàn vừa hát Release Me. Là một tay guitar chơi nhạc cho các club Mỹ một thời trước năm 1975, anh vẫn còn thuộc nhiều nhạc Mỹ, nhạc Pháp, và đương nhiên cả nhạc Việt. Anh không những nhớ lời mà còn nhớ cả ca sĩ trình bày. Mái tóc bạc

rủ trán, anh ngồi đàn tự nhiên với chất nghệ sĩ ngấm sâu trong máu trong hồn. Nhìn anh tôi cảm như nổi cô đơn theo anh vào trong từng nốt nhạc, từng lời hát. Hình như người nghệ sĩ nào cũng cô đơn? ...*Let me love, let me go...*

Tay vẫn cầm cây đàn guitar, anh vào phòng rồi bước ra với tập nhạc Ngày Đó Chúng Mình Yêu Nhau của Phạm Duy và một cuốn sách dày 3 đến 4 cm, đóng bìa da màu nâu in mực nhũ hai chữ Nhạc Vàng. Tôi mở sách ra, Trời! Mỗi trang là một bản nhạc đầy đủ chi tiết với dòng kẻ nốt nhạc, lời, tác giả, đặc biệt mỗi tựa bài được trình bày kiểu cách khác nhau. Với hơn trăm bản nhạc xưa được viết tay, đây là một sưu tập rất quý. Tôi lật trang, chiêm ngưỡng với lòng cảm phục. Cuốn sách anh mua từ một chợ trời ở Sài Gòn sau năm 1975 với lời mở đầu:

Nhạc-Vàng trong tập này quy-tụ những bản nhạc tiền-chiến nổi tiếng đã có từ trước năm 1945 cho đến năm 1955-56, tất cả là nguồn nhạc vàng mà người-người hôm nay vẫn còn ca tụng tuyệt vời...

Một công trình sưu tập ghi chép thật là nhỏ bé ở ngoài đời, nhưng lại là một vĩ-đại trong tâm-hồn tôi và những người yêu nhạc của tôi.

Hy vọng Nhạc-Vàng là nguồn hương-vị thật dài...

Trần Trung

*Mùa Thanh Minh tiết tháng ba
9-4-1974*



Hát đi hát đi, hát bài nào anh chơi bài đó... Anh thích nhạc Phạm Duy lắm! Tôi cũng từng có tập nhạc Ngày Đó Chúng Mình Yêu Nhau này. Nhìn tập nhạc tôi nhớ thời xưa đó quá. Tiếng đàn guitar làm thêm hứng khởi, tôi hát Ngày Đó Chúng Mình.

Ngày đó có em đi nhẹ vào đời, và mang theo trăng sao đến với lời thơ cuối
Ngày đó có anh mơ lại mộng ngời, và se tơ kết tóc giam em vào lòng thời...

Và Bằng tiếp tục “chương trình nhạc bỏ túi” ngẫu hứng một chiều ở Atlanta, Georgia với Chuyện Bến, My Way, Green Field...

5. Trên đường về lại Vero Beach, nhìn mây trắng bay ngang, con đường lụi dần phía sau trôi dài, trong đầu tôi vẫn còn hình ảnh anh ôm đàn, hát...

Que sera, sera
Whatever will be, will be
The future's not ours to see
Que sera, sera
What will be, will be

Chúng tôi cùng hòa giọng theo ...*Que sera, sera... What will be, will be... Que sera... sera...*

Cuộc đời biết ra sao ngày sau? Và ai biết đâu khi nào chúng ta sẽ gặp lại nhau lần nữa?



Ý Anh
 Vero Beach, Jan 07, 2025

HỒI XUÂN

** Thủy Lâm Synh **

Chiều xuống thật nhanh, nhanh như tuổi đời của chị Thục. Mới đây thôi, chị còn là một giáo viên trường cấp một; thướt tha áo dài trắng, chạy xe Dame; nhiều đồng nghiệp đã ghen với cái nét đài các và vóc dáng sang trọng của chị. Mặt chị Thục hơi vuông tạo những nét cương quyết. Mà chị Thục cương quyết thật đấy, chồng chết khi tuổi đời mới 30. Chị Thục cương quyết không để dãi cho bản thân. Lẽ dĩ nhiên, hai đứa con trai rất kháu khỉnh đã là động cơ khiến chị cương quyết treo cái tiết giá lên cao. Mau quá, vụt một thoáng, chị trở thành bà lão hồi nào không hay! Có ngờ đâu cuộc đời đưa đẩy, bước thêm bước nữa ai cũng nghĩ là vì chị Thục đang “Hồi Xuân”.

Hồi xuân! Nghe cũng lãng mạn quá chứ? Chị Thục nhìn gương mặt già chác của mình trong gương rồi mỉm cười nhớ lại thời son trẻ. Chồng chị Thục là anh Tâm nghiện rượu nặng. Ngày nào cũng say, chị Thục chịu đựng cả chục năm với người chồng vô tích sự ấy. Cái say của anh Tâm bắt đầu từ một khủng hoảng việc làm. Ba anh Tâm là đảng viên nên anh mới được cất nhắc làm chủ nhiệm khu chế biến thủy sản Trùng Dương. Mới làm được một năm anh Tâm đi ngồi tù vì cái tội ham tiền ký giấy phép mua năm phuy dầu cho một ghe vượt biên. Thật ra, lúc bấy giờ ít còn ai ham vượt biên nữa vì các nước tây phương đã chận ngắt khối người khổng lồ đang ăn chực nằm chờ tại các trại tỵ nạn chưa phương giải quyết. Mỹ khuyến khích người Việt tỵ nạn hồi hương, bù

lại được nhận khoản tiền ít nhiều gì đó. Anh Tâm chủ quan như thế nên hạ bút ký tờ đơn mua dầu cặn, không ngờ cái chữ ký oan nghiệt ấy đưa anh vào khám ngồi bóc gần hai quyển lịch.

Chị Thục lo cho chồng đến tán gia bại sản mới được mãn tù. Khi về, anh Tâm tìm không ra việc làm vì có án, mà là án ăn hối lộ. Thất chí, anh Tâm nhậu li bì, sáng say chiều xỉn, bao nhiêu năm liền tiếp. Chị Thục hết lời khuyên giải, nhưng càng khuyên chén đĩa càng bay, dĩ thì thôi, về là chửi chó máng mèo. Không biết anh Tâm bắt mẫn xã hội không dung túng anh, hay bắt mẫn chính mình vì cái tội ham tiền mà càng ngày ăn nói càng trở nên thiếu văn hóa. Cũng phải thôi, anh Tâm có văn hóa đâu mà thiếu. Lêu lổng từ trẻ, anh Tâm ý lại vào người cha “có công cách mạng”. Con người như thế, chị Thục bỏ mặc anh Tâm không thêm đá động gì tới nữa. Cho đến lúc nước da vàng như nghệ, bụng chướng lên, đi khám, bác sĩ cho biết anh Tâm bị chứng ung thư gan đến thời kỳ cuối. Chị Thục không chút ngạc nhiên, bởi một con người thiếu trí tuệ đã tự hủy hoại thân thể của mình bằng độc tố. Cũng may, Tâm qua đời sớm, ngoài thì buồn cho đúng thủ tục, bên trong chị Thục mừng vì vừa trút được một gánh nặng.

Từ ngày chồng chị Thục về bên kia thế giới để tiếp tục say, chị Thục chưa bao giờ nghĩ đến bóng dáng một người đàn ông khác, ít nhất là bề ngoài. Cái nề nếp gia phong đã không cho phép chị tự do

chăng? Có người cho rằng dù sao thì cũng nhất sĩ nhì nông. Nếu có bước thêm vài bước nữa thì chị Thục cũng phải chọn người có bằng cấp một tí cho xứng đáng với cái “mark” giáo viên. Ngặt một nỗi, đốt đuốc đi tìm ở cái thành phố nhỏ này cho được ông nào có kiến thức, tuổi cao, lại rảnh vợ để làm bạn cũng khó chứ nói chi làm chồng. Anh hiệu trưởng của trường chị đang dạy thì sao? Chết vợ, xứng đôi đũa! Nhưng về để mà nuôi nguyên đàn con sai nái của bà vợ trước thì thà làm bà sơ bà vãi sướng hơn. Chị Thục nghĩ thế và cương quyết ở vậy, cho đến một ngày định mệnh đưa đẩy chị lên xe hoa...kỳ.

Chuyện tái giá của chị Thục tuy đơn giản nhưng đã gây thắc mắc cho nhiều người, nhất là bà con thân tộc bởi ai cũng biết sau vài thập niên làm vợ, mùi đàn ông nó ra sao hầu như chị quên mất. Con cái đã trưởng thành và sắp nên danh. Chị Thục đang sung sướng với chức năng làm mẹ. Chị hãnh diện là phải; thằng Tình, đứa con đầu đang là bác sĩ thực tập tại bệnh viện toàn khoa Nha Trang. Thằng Tâm có lẽ cũng theo nghiệp anh nó nên đang mài đũa quần những năm cuối trường thuốc. Cái bóng hạnh phúc vì sự nên hình, nên vóc, nên danh của hai đứa con làm cho chị Thục cứ lâng lâng như người vừa hớp ngụm rượu. Thế nhưng một khúc quanh lại đến trong cuộc đời vừa đúng 55 tuổi của chị. Đó là việc chị Thục lấy một anh Việt kiều vài tuổi lớn hơn con đầu lòng của mình. Cũng may chị đã nghỉ hưu, nếu không thể nào chị Thục cũng nghe những dị nghị của bạn đồng liêu, và anh hiệu trưởng chết vợ cứ đeo như đĩa.

Nghe chị Thục tái giá nhiều người không tin, lúc trẻ còn không muốn, huống chi

đến giờ này “điện nước” hết rồi. Nhưng sự đời nó đưa đẩy nhiều khi chỉ có người trong cuộc mới biết. Bàn tán xoay quanh cuộc hôn nhân phức tạp của chị Thục có hai vấn đề người ta đặt ra: Thứ nhất, từ trước đến giờ thông thường chỉ nghe đàn ông Việt kiều già về quê tìm bồ nhí, vợ trẻ để thăng hoa cho cuộc sống vị kỷ. Thứ nhì, Việt kiều tìm người muốn xuất ngoại kết hôn kiếm chút hoạnh tài... Nhưng lạ lắm, hai điều trên hoàn toàn không nằm trong khung cuộc hôn nhân của chị Thục. Như vậy tại sao chị Thục lấy chồng, lấy để làm gì? Mà lấy một đứa chỉ đáng tuổi con mình là thế nào?

Giản dị lắm, năm năm trước, một buổi chiều hè, chị Thục đạp xe hóng mát trên đường Trần Phú. Trước chị là một người đàn ông đang loay hoay đưa mắt vào máy hình. Một cô gái phóng xe gắn máy từ sau tới, tròng tay phải vào dây chiếc máy hình làm cho người đàn ông kia bị giật ngã bịch ra ngoài đường. Một chiếc xe khác trở tới tung vào người đàn ông, một tiếng la “ô!” rồi lịm mất. Chiếc xe vừa tung người lạng quạng vài giây rồi thẳng băng trở lại, cả hai đều rú ga chạy mất hút lẫn trong đám xe cùng chiều. Mắt chị Thục vừa chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng như trong phim hành động. Phản xạ của từ tâm, chị Thục liệng xe đạp vào lề, nhào tới xốc nạn nhân lên, máu me nạn nhân ướt cả áo lụa trắng của chị. Người đàn ông bất tỉnh, gọi mãi không nghe trả lời. Chị Thục kêu taxi đưa ngay vào bệnh viện cấp cứu. Vì nạn nhân bất tỉnh, chị Thục đứng ra lo vài thủ tục nhập viện, chạy chữa...

Dưới chân giường, người ta thấy tấm giấy ghi bệnh lý như sau:

“Nguyễn Tấn Tú, sinh năm: 1982, quốc tịch: Hoa Kỳ. Bệnh trạng: bị xe gắn máy tung gãy hai xương sườn. Người thân: Trần Đoàn Thực...”

Được mẹ dặn cẩn thận, bác sĩ thực tập Tình hết lòng săn sóc cho Việt kiều Tú. Trong thời gian dưỡng bệnh, chị Thực tới lui săn sóc Tú và xem như con. Khi lành bệnh, Tú và Tình kết thân thành đôi bạn bởi Tú cũng là bác sĩ, nhưng anh chuyên về giải phẫu thẩm mỹ - ngành mà Tình mơ ước từ lâu. Về nhà Tình chơi, ăn uống ... Tú vẫn gọi chị Thực bằng mẹ. xưng con, như Tình và Thâm.

Về lại Mỹ, Tú tìm cách trả ơn gia đình bạn, muốn đưa cả gia đình Tình xuất ngoại để giúp anh em Tình vào ngành họ ưa thích nhưng luật sư của Tú cho biết chỉ có con đường duy nhất hợp lý là Tú phải về làm đám cưới với “mẹ Thực”. Thế là một đám cưới đơn giản, nhưng có quay phim và mượn thợ chụp hình. Thực đắp sáp dày lên mặt, cưa sừng làm ghé trông áo cô dâu, Tú để râu tóc bờm xồm, nhờ nhân viên thẩm mỹ make-up, diện đồ chú rể.

Chín năm trôi qua, Tú đã dẫn dắt hai người em kết nghĩa Tình và Thâm trở thành bác sĩ chuyên khoa giải phẫu thẩm mỹ. Mỗi người chịu trách nhiệm một nơi trên cơ thể con người. Viện Thẩm Mỹ 4T, viết tắt từ Thực, Tú, Tình, Thâm mới khai trương hai năm thôi mà khách sấp hàng. Thời buổi mà các đấng ông chồng luôn phàn nàn vợ về những dấu chân chim trên khóe mắt, bụng cả đống da nhão nhoẹt, vé rỗ như mặt vông... thì các thẩm mỹ viện có cơ hội

hốt bạc các bà. Các bà không sửa soạn cho mình thì cái khâu giữ chồng không cũng đủ mệt. Con gái ở Việt Nam rất tử tế, cỡ nào chúng cũng gọi bằng anh nghe sao mà ngọt như mía lùi.

Khách đông, ba anh em làm không xuể, những bậc thầy giàu kinh nghiệm ở trường được mượn về làm việc. Viện Thẩm Mỹ 4T đang là mối đe dọa lớn lao cho hai cơ sở thẩm mỹ đã có tiếng từ lâu là Bích Ngọc và Hạnh Phước.

Từ ngày định cư, chị Thực lu bu quá nhiều công việc. Giờ này thì mấy đứa con không cho chị Thực ra dưỡng đường như những ngày đầu khai trương nữa. Hai cô Ba Lan khỏe mạnh lo quét dọn, lau chùi. Sổ sách kế toán, đều có nhân viên lo. Ở không không quen, chị Thực lại thấy buồn vì mấy đứa con chưa đứa nào có vợ để cho chị có chút cháu ấm lòng.

Vài năm trở lại đây, chị Thực rảnh rang, nên đi chùa đều đặn. Tuần nào cũng có mặt chị ở nhà bếp làm công quả. Chị Quảng Hoa, người đầu bếp chính chùa Trúc Lâm hỏi chị Thực:

- Nghe nói Diệu Hiền (pháp danh chị Thực) đón xe buýt về chùa, sao không bảo ông xã chở đi?

Chị Thực cười: Em có chồng đâu!

-Sao hôm trước ai nói chị qua Mỹ theo diện hôn nhân?

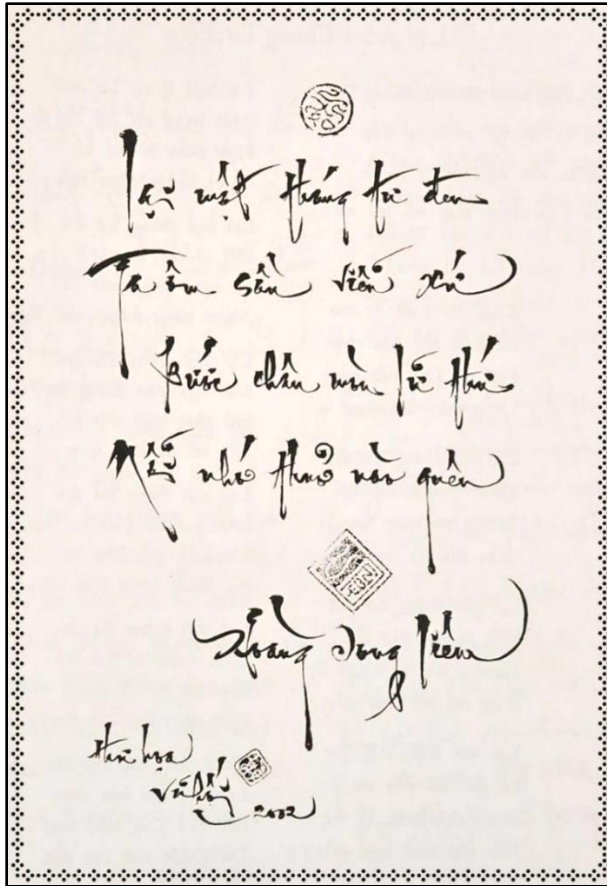
- Ừ thì hôn nhân, nhưng chia tay rồi.

- Lẹ dữ trời – Chị Quảng Hoa chép miệng!

Chị Thực che miệng nói vào tai chị Quảng Hoa:

- Mình đã diễn xong vở kịch cho tương lai hai đứa nhỏ.

Thủy Lâm Synh Jan. 12, 2009



Vũ Hồi & Hoàng Song Liêm & Anh Bằng

Hoàng Cung Fa hát: “LẠI MỘT THÁNG TƯ ĐEN”

Thơ: Hoàng Song Liêm; phổ nhạc: Anh Bằng

<https://www.youtube.com/watch?v=Lz2EyetmszA>

CÁI MẠNG CHE MẶT

Trích dịch từ tập đoản văn "By the Sabarmati" của Esther David

*** LÊ TRẦN ***

Năm tôi mười hai tuổi, tôi đã phải đi lấy chồng. Đám cưới được cử hành vào ngày rằm, một đêm trăng sáng. Mặc dầu tôi buồn ngủ, gục lên gục xuống, nhưng cha tôi vẫn kéo tôi đi vòng vòng quanh đồng lửa. Trong lúc nửa tỉnh nửa mê, tôi nghe như có tiếng đàn bà ca hát.

Đến khi từ biệt cha mẹ về nhà chồng, thì mẹ tôi bật khóc tức tưởi và cay đắng, trong khi đó tôi vẫn cứ buồn ngủ! Tôi cố lật cái mạng che mặt lên cho tỉnh, thì mấy người đàn bà lại bắt tôi bỏ xuống. Họ dặn tôi không bao giờ được vén mạng lên, trừ khi tôi ở một mình trong phòng. Cái mạng bằng tơ dầy này làm tôi nghẹt thở.

Tôi tới nhà mẹ chồng ngay đêm đó, trên một chiếc xe bò. Nhịp xe rung rung, hợp với tiếng chuông leng keng buộc trên cổ bò làm tôi thiếp đi. Tôi chẳng biết ai đã bế tôi vào trong nhà, và dựng tôi đứng lên để chào bà mẹ chồng đang chờ bên cửa để đón tôi. Nhưng tôi nhớ rất rõ là sari của tôi bị buộc vào khăn của chồng tôi, làm chúng tôi đi đứng rất khó khăn. Họ đưa tôi vào một phòng trong đó có một cái chõng trang hoàng đầy hoa. Tôi mệt đến nỗi thấy cái chõng là nằm xuống ngủ luôn. Cứ tưởng như thế là nghi lễ đa xong xuôi. Nhưng nào đã hết! Đang ngủ, tôi giật mình tỉnh dậy, thấy chồng tôi đang lần mò cởi quần áo của tôi. Sợ quá, tôi giữ chặt không cho. Có lẽ lúc đó thấy mắt tôi đầy hải hùng, nên chồng tôi không làm tới nữa. Thật ra,

hắn cũng chỉ là một cậu bé lớn hơn tôi có một tuổi.

Tôi thù cái mạng che mặt. Chả bao giờ tôi được vén nó lên để nhìn sự vật bên ngoài với màu sắc thật. Thành ra lúc nào tôi cũng bị chùm trong một vùng hư ảo. Không có cách nào khác, tôi đành chơi trò dùng màu sắc cái sari để làm gương rọi thế giới bên ngoài. Trò này tôi chơi một mình. Thế giới của tôi, qua cái mạng che mặt, có đủ màu đủ vẻ. Có khi nhuộm xanh nhuộm thành màu cam, mặt trắng tím ngắt, và mặt trời lúc đen lúc nâu đục. Mặt mũi mọi người cũng thay đổi nhiều màu như cầu vồng. Chỉ có mặt mẹ tôi là vẫn thế, đầm đìa nước mắt trắng như thủy tinh.

Chồng tôi không có màu gì cả. Mỗi lần nghe thấy bước chân anh ta đến gần, thì tôi lại nhắm mắt. Nhưng rồi một hôm, tôi bụng bừa ăn tối đến cho hắn. Hôm đó tôi mặc một cái sari màu xanh biếc như đuôi con công. Qua mạng che, tôi thấy hắn cao lớn và đẹp như thần Krishna. Và lần đầu tiên, tôi cảm thấy rung động trước cậu bé đêm đêm chung giường với tôi. Rồi chúng tôi mỗi ngày mỗi lớn và bắt đầu yêu nhau. Tôi mong đêm tới, những đêm tuyệt diệu chỉ có hai đứa chúng tôi, để tôi có thể bỏ cái mạng che mà chiêm ngưỡng chồng tôi.

Sau ba năm, chúng tôi có được hai con. Chúng tôi sống hạnh phúc và sung túc đầy đủ, trong không khí lành mạnh của đồng quê. Nhưng những ngày tươi đẹp

đó không bền. Chả bao lâu, tai ách tới, làm gia đình tôi như bị chìm vào biển máu.

Trưa hôm đó, tôi đang ngồi ở hàng hiên cho con gái bú. Bỗng nhiên, sữa tôi trở nên chua, rồi tôi nghe thấy chồng tôi kêu thét lên đau đớn.

Người ta khiêng chồng tôi về nhà, thân thể quấn trong một tấm vải đầy máu. Tôi muốn vén mạng lên nhìn chàng, nhưng lại không dám, vì các lão bộc trong làng đang đứng vây quanh chàng. Nước mắt đầm đìa, tôi nhìn chàng qua ánh hồng của áo sari, chỉ thấy một vệt đỏ dài vô tận từ từ biến thành một đám mây đen trải rộng... Cái máy ép dầu đã làm chàng mất một cánh tay, và bây giờ chàng đang trôi bập bênh trong biển máu. Rồi xe cứu thương đến, và bố chồng tôi hối hả đưa chàng vào nhà thương cấp cứu.

Trong ba tháng trời chồng tôi nằm nhà thương, tôi chỉ được gặp chàng có một lần! Đó là lần bà mẹ chồng tôi dẫn tôi vào thăm chàng, cùng với mấy người đàn bà trong gia đình. Qua mạng che, tôi thấy chàng gầy và xanh xao, sa sút thấy rõ. Trông chàng buồn rầu và hụt hẫng. Cánh tay mất bị mất làm chàng cảm thấy không còn nguyên vẹn! Tôi muốn ôm chàng quá, mà không dám, vì còn mấy người đàn bà ở đó.

Khi về nhà, người chàng đổi thành màu xám. Chàng cảm thấy cánh tay bị mất làm chàng hết nam tính, và cố gắng che đậy sự thiếu vắng này bằng cái tay áo rộng. Ngày này qua ngày khác, chàng cứ ngồi ngoài hàng hiên chờ đợi nhìn cánh đồng trước nhà, với con mắt vô hồn của một kẻ bại trận. Cái mạng che mặt không cho tôi thấy màu sắc tươi đẹp

của cầu vồng nữa, mà chỉ còn hai màu che phủ đời tôi: một giải đỏ viền đen...

Từ khi chồng tôi không làm được công việc đồng áng nữa, và không ai trong gia đình làm hộ được phần việc của chàng nữa, chúng tôi hết được chia phần lợi tức chung của gia đình. Vừa lúc đó, ông cậu của tôi từ Ahmedabad tới chơi. Khi nghe chúng tôi kể tình cảnh khó khăn, ông khuyên chúng tôi di chuyển lên thành phố lớn này, thử thời vận xem sao. Thế là chúng tôi thu xếp hành trang, cho tất cả vào một cái rương bằng thiếc nhỏ, rồi lên đường. Không biết tương lai sẽ ra sao... chỉ thấy một nỗi sợ u ám đen ngòm bao phủ!

Ở Ahmedabad, chúng tôi sống trong một cái lều nhỏ bên bờ sông Sabarmati. Tôi dậy sớm mỗi sáng ngồi gọt kẹo bạc hà trong giầy bóng kính để chồng tôi đem đi bán ở trạm xe buýt. Chúng tôi chỉ mua được thức ăn khi nào chồng tôi bán được kẹo, mà cũng chỉ dám ăn dè sẻn, còn để dành cho hôm sau có chút đỉnh lót dạ. Những cánh đồng xanh mát ngày xưa thật xa vời so với hiện tại là túp lều bần thủ này. Hết rồi những màu sắc đẹp tươi tôi vẫn hằng thấy qua làn mạng. Tuy vậy, thỉnh thoảng, qua cái mạng của tấm sari rách nát, mỗi lần tôi thèm được cho con uống tí sữa, tôi lại mơ hồ như thấy một hồ nước trắng đục, tựa như sữa con bò gia đình chúng tôi bỏ lại quê xưa.

Chiều chiều, tôi ngồi bên giòng sông, nhìn đáy sông khô cạn, chờ chồng về. Mỗi lần chàng kiếm được chút đỉnh tiền để mua thức ăn, thì những màu sắc tươi đẹp cũ, cả ngày không thấy, lại trở về hòa lẫn với nước mắt. Lúc đó, tôi tưởng

như lòng sông lại đầy ắp nước như cái hồ trong làng xưa. Và đôi khi, ngồi giặt quần áo trong cái vũng nhiều cát hơn nước này, tôi mơ hồ thấy những cái saris nhuộm bằng tay và nệm trải giường đang phơi... biến cái vũng cát này thành một dòng sông rực rỡ muôn màu. Và lúc đó tôi quên hết ! Quên cuộc đời nhọc nhằn đang sống, để bay vút lên cao như con chim bói cá, vượt trên giòng sông Sabarmati.

Thế rồi tôi bắt đầu theo một khóa học dạy những người mù chữ, mong tìm được chút thoải mái trong cuộc đời tăm tối lê thê. Trước khi đi học, tôi chưa hề biết viết tên tôi ra làm sao. Bây giờ tôi hì hục hàng giờ học những chữ cái mà từ trước đến giờ không có ý nghĩa gì đối với tôi cả. Lúc đó cũng là lúc tôi phải vén cái mạng che mặt lên để nhìn cho rõ, vào bảng đen. Tôi phải thú nhận là nhìn được sự vật một cách rõ ràng vẫn hơn. Sau nhiều tháng chăm chỉ học hành, tôi thấy như có một tia sáng màu vàng tỏa ra từ bảng đen.

Trước đây, tôi cứ nghĩ màu đen là màu máu!

Trong lớp, tôi làm quen được mấy người đàn bà cùng số phận như tôi. Nhưng họ kiếm thêm được chút đỉnh tiền phụ trội, bằng cách nấu ăn hay rửa bát cho một tòa nhà chuyên làm đám cưới gần đó. Đôi khi họ mang về đồ ăn thừa rồi bán lại với giá rẻ cho chúng tôi. Tôi rất ít nói, nhưng lại thích nghe chuyện mấy người đàn bà đó, mặt dấu kín sau mạng che. Từ từ các màu sắc trở lại với tôi, xanh lá cây, cam, tím cà, xanh dương và vàng chanh, tựa như màu của các thứ rau, trái cây, và quần áo mà chúng tôi chẳng bao giờ mua nổi. Những thềm muốn

không thực hiện được đó, tuy nhỏ mọn, nhưng mãnh liệt đến nỗi đôi khi làm tôi mờ cả mắt!

Một hôm, trong lớp học, tôi nghe thấy mấy người đàn bà nói về một đám cưới. Cô dâu cần một người vẽ những tranh con công và vệt trên tường. Tôi muốn cho họ biết là khi còn ở quê nhà, tôi có tiếng là vẽ tranh tường giỏi, vào những dịp hội hè lễ lạt như Diwali, Ganesh Chaturhi, Bhai-Bji và Karva Chauth. Vẽ là môn tôi học được của mẹ tôi, khi tôi phụ mẹ pha màu để vẽ tường nhà.

Tôi tính nói với họ là tôi vẽ được, rồi lại sợ...Tôi sợ phản ứng của chồng tôi khi biết tôi đi ra ngoài làm mà không có phép của chồng! Nhưng trong khi tôi còn phân vân... thì một hình bóng nổi lên trong bóng tối của mạng che mặt. Đó là hình ảnh con trai lớn của tôi, trần truồng đứng nhìn đồng trái cây rữa thối, mắt đầy thèm khát...

Đêm hôm đó, tôi về nhà muộn hơn chồng tôi. Vừa nhìn thấy mặt đỏ gay vì tức giận của chàng là tôi đã run bắn sau mạng che. Khi thấy tay tôi có bao bột và rau tươi, chàng chồm lên đánh tôi bằng cánh tay còn lại cho tới khi tôi ngất xỉu. Chàng gọi tôi là con ấ, cho rằng tôi đã làm điều xằng bậy để có tiền. Bao nhiêu màu sắc mới tìm lại được như quay cuồng trong bão tố. Mấy giờ trước đây, tôi pha màu vẽ thần Radha-Krishna ngồi giữa chim muông và súc vật, bây giờ những màu sắc này cửa thân tôi như dao cứa.

Chàng chỉ ngừng đánh khi mấy bà hàng xóm chạy đến cứu tôi và cho chồng tôi biết số tiền kiếm được là do tôi vẽ. Lúc bấy giờ chàng mới nguôi.

Đêm ấy, chàng làm lành với tôi, ăn chung một đĩa với tôi. Ánh sáng vàng lẩn

với nước xanh lập lòe của dòng sông làm tôi thấy đời lại đẹp. Kể cũng khó cho chồng tôi chấp nhận là tôi có thể kiếm tiền bằng sở đoản của tôi, tự ái đàn ông mà! Nhưng đêm hôm đó chàng hiểu rằng chúng tôi không thể sống còn, nếu chàng không cho tôi giúp một tay.

Dần dần, màu sắc của hạnh phúc trở về như những đợt sóng hồng và trắng bạc, xanh lơ và vàng óng, xanh lục và nâu. Bây giờ màu đỏ hết là màu máu, mà là gạch nung cho căn nhà trong mộng. Mới đầu tôi chỉ vẽ tranh tường cho đám cưới và những dịp hội hè. Sau đó tôi bắt đầu say mê vẽ những hoạt cảnh của làng tôi, cây cổ thụ bên bờ hồ, đàn bò trong ruộng lúa, cái giếng trong làng, sân nhà, đền thờ, các con công con vẹt,

và lẽ dĩ nhiên thần Krishna tươi đẹp trong lớp áo xanh.

Tôi hết còn nghệt thở sau lớp mạng che mặt.

Tôi đã thành một họa sĩ. Và có thể vén mạng để nhìn vào màu sắc thật của cuộc đời...



Lê Trần (Lê Mỹ Nhan)

Georgetown tháng 7, 2001

Về nhà văn Esther David

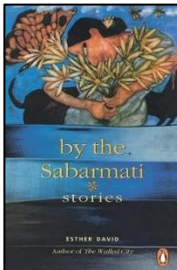


Esther David is an Indian author who lives in Ahmedabad, Gujarat, India. She writes in English and her novels are based on the Jewish experience in India. She weaves her stories around the Bene Israel Jewish community of India. Esther David has received the national Sahitya Akademi Award for 2010 for English Literature from the Government of India. In 2022 Esther David received THE NATIONAL JEWISH BOOK AWARD, from The

Jewish Council, New York, U.S.A., for her book BENE APPETIT: THE CUISINE OF INDIAN JEWS, published by Harper Collins India. She has received the Hadassah Brandeis research award, USA., to document Indian Jews. Esther David was art critic and columnist for Times of India Ahmedabad edition, Femina Gujarat, Ahmedabad Times and Ahmedabad Mirror from 1979-1993 and 1996-2011, where she wrote about city, heritage and food.

“BY THE SABARMATI STORIES”: Twenty-two extraordinary stories from the lives of women we have always known... There are young women and old, struggling against disappointment, failed love and the death of near ones. At times funny, at times disturbing, these stories are a testament to their heroic and moving endeavour to rise above their limitations...

<https://www.amazon.com/Sabarmati-Stories-Esther-David-ebook/dp/B06XYML89H>



BÁO XUÂN

**** Vưu Văn Tâm Germany ****

***"Thịt mỡ không tiền mỡ Tết
Đông Phương có báo đủ mừng Xuân"***

Hai câu thơ thật dễ thương và duyên dáng nhưng mang nặng tính hài hước, vui nhộn mà nhật báo Đông Phương dùng để quảng cáo cho số báo đặc biệt mừng xuân Ất Mão. Cho dù ngoài xa còn mịt mù khói súng nhưng có lẽ ai nấy đều muốn tạm quên cuộc chiến đang tới hồi khốc liệt và mở lòng ra để đón chào một mùa xuân đang về trên đất mẹ.

Tiệm hớt tóc của chú Tư Triều chỉ có mấy tờ báo Xuân như Đại Dân Tộc, Tin Sáng, Đông Phương, Bút Thép, v.v.. nhưng gói ghém rất nhiều bài vở sống động hòng góp vui cho độc giả bốn phương trước thềm năm mới. Muốn đọc được những số báo Xuân với nhiều tin tức văn nghệ, phim ảnh hay sinh hoạt của các tài tử, nghệ sĩ hữu danh, thằng Tám phải chạy ù ra sạp báo của chị Năm ngoài đầu ngõ để được "coi cộp", đọc ké. Mấy bữa đầu chị tỏ vẻ khó chịu và hay lên tiếng rầy rà: - Ê nhỏ, đi chỗ khác chơi, báo tui bán nghen, không được vạch coi như vậy, rách báo tui nha!

Đó là những năm Tám vừa lên bảy, lên tám. Có lẽ chị chê Tám còn con nít nên hay la rầy và cũng sợ mấy trang báo bị nhăn nheo hay bị rách. Lớn lên một chút, Tám vẫn thích lê la mỗi chiều nơi đó để được đọc báo hay ngắm hình ảnh nghệ sĩ. Tám để ý và biết được niềm đam mê của chị cũng ít nhiều giống mình nên bắt đầu gọt chuyện về tên tuổi các nghệ sĩ, tài tử đang được yêu chuộng. Khoảng cách giữa hai chị em gần gũi và thân thiện hơn một chút. Có lẽ vì có chung một niềm đam mê văn nghệ nên hai chị em mỗi ngày thêm thân thiết dù chênh lệch nhau cả chục tuổi.

Số đặc biệt mừng xuân mới của mấy tờ tạp chí như Sân Khấu Mới, Kịch Ảnh, Phụ Nữ Tân Tiến, v.v.. ngập tràn bài vở với đề tài thơ phú, văn chương, âm nhạc, sân khấu, "nghệ thuật thứ bảy", v.v.. bên cạnh hình ảnh những tài tử, nghệ sĩ hữu danh và xôm tụ hơn hết là cuốn lịch khổ lớn được tặng kèm với hình ảnh rực rỡ của các nghệ sĩ nổi tiếng như Thẩm Thủy Hằng, Thanh Nga, Phương Hoài Tâm, v.v.. được in ấn theo kỹ thuật "offset" tân kỳ thời bấy giờ.

Mùa xuân đó, thằng Tám đang bước vào năm đầu tiên của bậc trung học. Chưa hết đệ nhứt lục cá nguyệt, ngày Tết cổ truyền cũng ngập nghé sau lễ truyền thống hằng năm của nhà trường. Những ngày cận Tết, các anh chị ở những ngôi trường lân cận như Gia Long, Trưng Vương, Võ Trường Toản, Chu Văn An cũng mang báo Xuân của trường mình sang giới thiệu nơi các trường bạn.

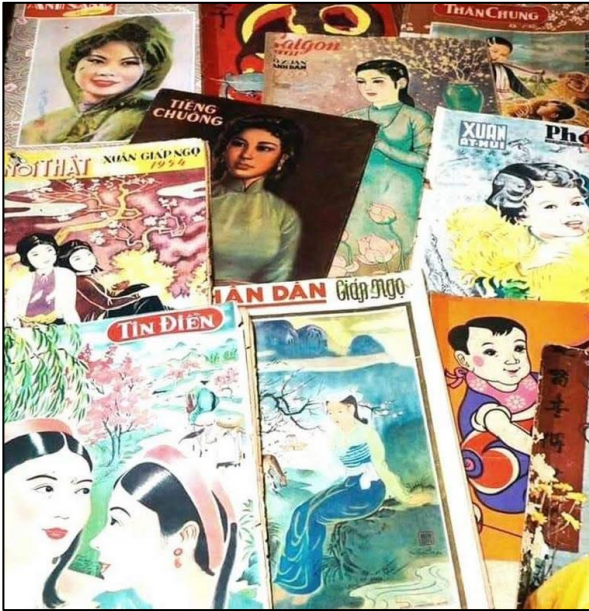
Một dãy bàn được kê thành hàng dài dưới khu sinh hoạt là "hội chợ báo Xuân" của các trường trung học danh tiếng nơi đô thành. Mấy anh, mấy chị ở những lớp trên trong bộ đồng phục quần xanh, áo trắng chỉnh tề hay trong tà áo dài trắng thướt tha đứng bên cạnh dãy bàn bày mớ báo Xuân còn thơm tho mùi giấy mới, hấp dẫn và mời gọi. Thằng Tám cũng lần la tới gần và tiện tay lật say sưa hết cuốn này sang cuốn khác, cũng như ngắm nghĩa từ trang đầu cho đến trang cuối. Khác hẳn những tờ báo Xuân nơi sạp báo của chị Năm, báo Xuân học trò được in ấn mộc mạc, màu sắc khiêm tốn hơn với đa số hình bìa do những bàn tay khéo léo của các học sinh tô vẽ, chấm phá. Từ hình thức cho đến nội dung, tờ báo học trò cũng khá đơn giản, không xa rời màu áo trắng cũng như những tâm hồn trong sáng của lứa tuổi hồn nhiên, chỉ biết gởi gắm ít

mộng mơ qua khung cửa sổ hay chút lãng đãng ngoài khuôn viên lớp học.

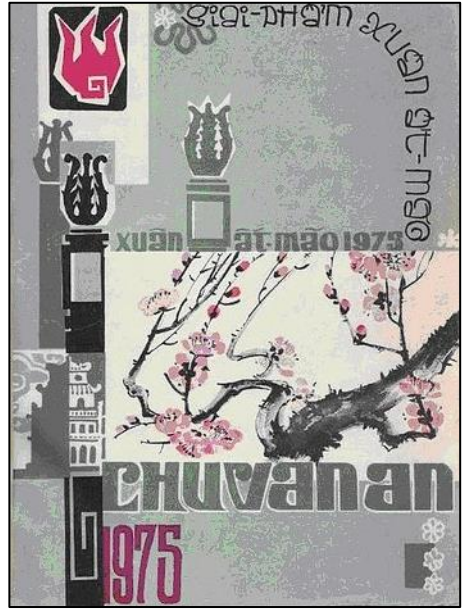
Chiến cuộc chao đảo và cũng khó thể ngờ được, đó là lần đầu tiên và cũng là lần sau cuối trong cuộc đời học sinh, thằng Tám được cầm trên tay tờ báo Xuân học trò như chạm được cả một khung trời mơ ước. Những mùa xuân sau đó là những mùa xuân đầy khốn khó, thiếu áo, đói cơm và thằng Tám cũng âm thầm từ giã mái trường cũng như rời bỏ quê nhà sau nhiều lần đi vượt biển. Nỗi niềm lưu luyến cảnh cũ, người xưa cứ theo Tám suốt cuộc đời trai trẻ và sau hơn bốn mươi năm xa xứ, cứ mỗi lần giáp Tết, Tám thường hay buồn ngủi, tiếc nhớ những tờ báo Xuân đua chen khoe sắc ở các sạp báo nơi đô thành với nội dung vui, buồn tùy theo xúc cảm và hình như trái tim của Tám cũng nức nở, rưng rưng theo những trang giấy ứa màu thời gian nhưng còn vẹn nguyên mùi mực mới.



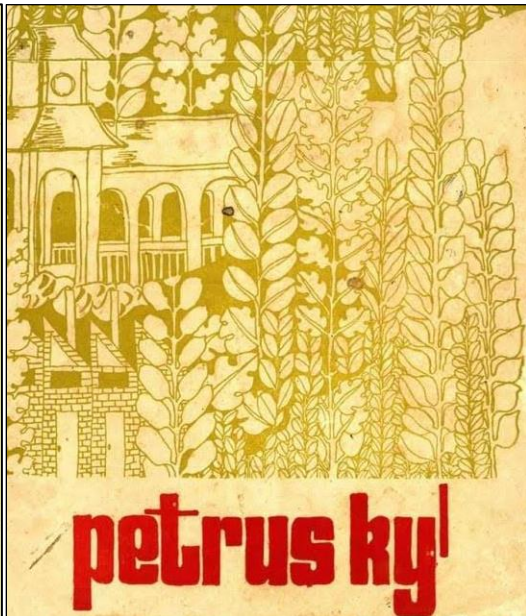
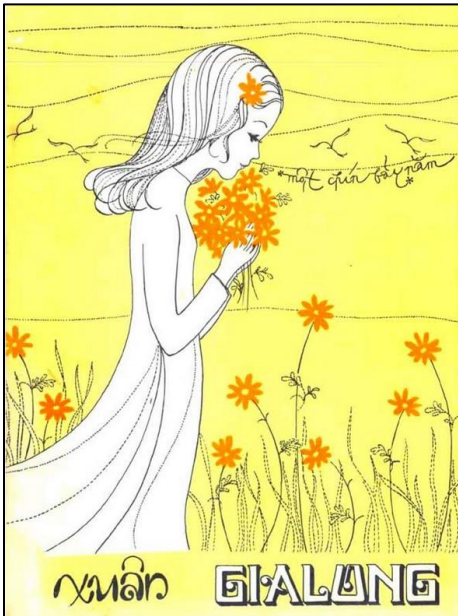
Vu Văn Tâm Germany



Báo Xuân xưa...



Báo Xuân trường Chu Văn An năm 1975, Ất Mão



Báo Xuân trường Gia Long và Petrus Ký năm 1975, Ất Mão

MÙI TẾT

**** Đoàn Quốc Bảo ****



Em ơi, sáng nay anh thức dậy, ngược nhìn ra khung cửa sổ anh thấy những bông tuyết trắng của ngày hôm qua hãy còn vương vãi trên ngọn thông trước hiên nhà, nhưng trong anh bỗng ngửi thấy cái mùi của mùa Xuân đang về rất gần. Mùa Xuân về rất nhẹ, nhẹ như đàn bướm đang dang những đôi cánh mỏng đón lấy những hạt sương mai rồi đậu vào những nụ hoa đang hé nở chuẩn bị chào đón rạng đông.

*Anh thấy những chiếc lá bàng non
Xanh mượt vừa mở mắt
đón lấy bình minh
Long lanh những giọt sương
thiêng liêng đêm trừ tịch.
Chào đón thế giới bình an.*

Đêm ba mươi, pháo nổ tung bừng khắp xóm, mùi thuốc pháo xông vào sống mũi thơm thơm và quyến rũ bọn trẻ tụi anh đầy mãnh liệt. Không cưỡng lại nổi sự cám dỗ ấy, bọn trẻ xóm anh lao ra khỏi nhà, một tay bịt tai, một tay tranh lượm những quả pháo hãy còn đang xẹt lửa trên phong pháo dài thật dài. Bọn anh giống như những hiệp sĩ dũng cảm lao vào giành giật lấy viên ngọc quý trên mình con rồng lửa đang phá khói lửa bay lượn giữa không trung. Một cảm giác không thể nào quên, và mùi xác pháo không thể nào biến mất trong tâm trí bọn trẻ giờ đã lớn.

*Anh nhớ
Hoa mai chớm nở
Đóa vàng năm cánh*

*Lá bàng xanh mướt
Lướt thước giọt mưa Xuân
Em cùng mẹ xuống phố,
Ghé qua chùa xưa
Mái rêu phong
và những con đường nhỏ hẹp
Áo dài em tha thướt, mộng đầu Xuân.*

Anh nhớ, khí trời se se lạnh những ngày đầu Xuân thật dễ chịu và Tết luôn mang về biết bao niềm háo hức cho lũ trẻ bọn anh. Mùi mít dứa, mít gừng, mít quất đêm qua mẹ ngào trên bếp thơm ngon ngọt lịm hãy còn lảng vảng cả căn nhà. Bàn thờ cũng đã dọn dẹp sạch sẽ và mọi thứ đều ngăn nắp, gọn gàng. Tết đang đến từng bước, từng bước chậm rãi như thử thách đức kiên nhẫn của bọn trẻ. Tết về, lũ trẻ bọn anh hồn nhiên chơi đùa và ước muốn rằng Tết ơi hãy cứ ở lại đây với bọn anh mãi - bởi lẽ ai cũng vui, cũng cười, cũng hiền như ông Bụt trong truyện cổ tích. Truyện cổ tích miền an nhiên.

Anh sẽ gói gọn lại hết tất cả các mùi vị, thanh âm, xúc cảm ấy lại và gọi đó là Mùi Tết. Một khi Mùi Tết đã hiện diện trong em, em sẽ thấy rõ mọi thứ bởi lẽ khi đối diện với nó, em sẽ thấy rõ hơn con người chân thật nhất của mình. Mùi Tết có thể làm em vui, em nhớ, em buồn, em thương để rồi em hiểu em không bao giờ lẻ loi một mình và Mùi Tết làm con người biết sống, biết cảm thông, biết bao dung và gắn lại với nhau.

Anh nhớ, hơn ba mươi năm về trước vào đêm giao thừa, tiết trời hãy còn chút dư âm của mùa Đông nên về khuya hơi thở người cũng lạnh lại và trở nên lảng đãng hơn trên môi của một người lữ khách. Nếu em đã một lần làm khách trọ

vào đêm ba mươi ở một nơi xa không phải là nhà của mình, em sẽ hiểu ít nhiều cảm giác của một người lữ khách.

Trong đêm ba mươi, anh nghĩ thấy mùi hơi thở của ông Ngà, thở ra những con khói từ điều thuốc như khói sương từ thung lũng bay lên trời thành những cuộn mây trôi bồng bềnh, như nỗi niềm chất chứa được gói gọn lại ném vào hư không mơ hồ chờ một ngày mới, đón một cái Tết, một mùa Xuân mới. Anh không biết gọi là gì, có lẽ là một sự rỗng lặng chẳng? Hay có lẽ là một sự buông nhẹ tâm để ngôn ngữ của sự tĩnh lặng có thể diễn đạt trọn ý mà ta không cần có sự cố gắng nào cả.

Đôi mắt của ta thật nhiệm màu để ánh sáng và không gian rọi lên đôi mắt cho ta thấy được hình tượng của trời đất vạn vật để rồi ta sẽ cho nó một cái tên và hiểu rằng đó là những gì đôi mắt ta thấy được. Có phải vạn vật đổi thay theo hành trình của tự nó? Hãy lắng nghe khúc nhạc của những con sóng, khúc du ca của những cơn gió và rồi hãy nghĩ nó thật gần. Hãy nghĩ nó bằng trái tim rộng mở cho tất cả những gì ta muốn trải nghiệm. Hãy cảm nhận cảm xúc của mình để ta thấy ánh mặt trời cũng mát dịu như ánh trăng thanh.

Đêm ba mươi, Ông Ngà ngồi đó, trên chiếc đi-văng đặt ở sau nhà hướng ra dòng sông Thu trầm ngâm nhả những con khói vào không trung, như suy tư về điều gì đó. Anh nghĩ thấy cái mùi im lặng của màn đêm nhưng sao ông Ngà cũng lặng thinh như dòng sông Thu tối đen đêm giao thừa.

Anh gọi ông Ngà là bác dượng, anh nghe cha mẹ anh và mọi người nhắc

đến ông đã lâu mà mãi đến bây giờ anh mới được gặp ông. Ông vừa mới từ trại cải tạo về, hình như ông ở trong trại cũng lâu thật lâu hơn mười hai năm thì phải. Năm đó ông Ngà đón Tết cùng gia đình anh, nghe đâu ông sẽ được sang Mỹ.

Ông Ngà thật hiền, hiền hơn cha anh nhiều, lại vui tính và hay bông anh lên trên ngực, cho anh chơi đùa với khói thuốc ông phả vào hư không. Anh nghĩ rằng biết bao nhiêu người Việt cũng như ông Ngà, trước và sau khi rời xa quê hương Việt Nam, xa cái Tết quê đều mang theo trong lòng thật nhiều nỗi niềm tâm tư thương nhớ. Vui có, buồn có, lạc lõng và lo lắng, nhưng rồi sau bao năm, Anh đủ tự tin để nói rằng, đất nước Việt và con người Việt đang ngày càng rộng hơn, lớn hơn, đẹp hơn, lành thiện hơn và tự tại hơn.

Anh nhớ, ngày gia đình anh đặt chân đến Mỹ, ông Ngà đã đến thăm ba mẹ anh và rước cả nhà đi chơi Tết ở khu Sài Gòn nhỏ ở tiểu bang California, anh thân phục ông Ngà cho đến những ngày cuối đời, ông chọn sự ra đi tự tại cho riêng mình, chấp nhận cái già, bệnh, chết là điều đáng kính.

Tết xa quê. Bây giờ anh ngồi đây, thỉnh thoảng nghĩ đến ông Ngà, anh nghĩ đến ba anh, giờ hai ông đã trở thành người thiên cổ, chắc có lẽ đang ngồi đâu đó ở một thế giới nào đó đàm đạo, đánh cờ với nhau chẳng? Phải chăng những thế hệ cha ông ta khi đã trải qua nhiều khổ đau bỗng thấy được hạnh phúc ở liền kề bên. Điều này làm anh nhớ Mùi Tết. Em ơi, anh vẫn thường nghĩ rằng trước khi ai đó quyết định lựa chọn đi đến một nơi xa nào đó, xa rời nơi mình sinh ra, xa rời

tuổi thơ, những gì thân quen với mình. Chắc ai đó cũng đã từng hứa với bạn bè, gia đình hay người ở lại rằng một ngày mình sẽ trở về. Em có bao giờ có ý nghĩ ấy thoáng qua trong đầu như vậy không? Anh thì có, mỗi khi anh đi đến một nơi xa nào đó, khi chiếc máy bay cất cánh tung mình vào không trung, anh nghĩ anh như một cánh chim lớn đang bay thỏa thích trên bầu trời tự do nhưng bất chợt rất muốn nhìn xuống dưới đất và đôi lúc muốn quay trở về mặt đất.

Thỉnh thoảng anh thích có chuyến đi xa, du lịch đến vùng đất mới bay qua bờ Đại Tây Dương, Thái Bình Dương hay nhiều sông hồ bể lớn. Anh sẽ chọn nơi ngồi ngay ô cửa máy bay mà nhìn trời đất, mây núi. Anh nhìn xuống mặt đất, thành phố nơi anh đang ở, những căn nhà, đại lộ, những thành phố, những cánh đồng, kể cả con sông rộng lớn cũng trở nên bé. Mọi thứ trở nên bé nhỏ quá, cả anh cũng vậy. Anh thêm lắm là một cậu bé nhỏ. Em có đồng ý với anh là tuổi thơ là khoảng thời gian hạnh phúc nhất mà ta luôn nhớ về không? Trẻ con lúc nào hồn nhiên và luôn sống thật với chính mình. Luôn đón nhận mọi đổi thay với thái độ tò mò học hỏi và đơn giản mọi nghĩ suy.

Bởi lẽ đó, cha mẹ đừng lo con mình không lớn khôn mà hãy quan tâm đến việc dành thật nhiều thời gian tuổi thơ cho con cái mình. Tuổi thơ đẹp là món quà quý giá nhất mà cha mẹ có thể trao truyền cho con cái của mình cho nên đừng chờ con lớn rồi mới dành thời gian chơi đùa với chúng.

Khi một người mà mình ở với nhau thật lâu, sống với nhau hàng ngày, nghĩa tình với nhau thật nặng nề rồi không gian và thời gian cũng không làm mình quen

đi hình bóng người đó thì mình gọi là thương. Gia đình thì thường được ta gọi là nhà vì nơi đó ta luôn có được sự hiện diện của những người thân thương. Những Người ta yêu thương và những người luôn thương yêu ta.

Một câu hỏi được đặt ra là liệu ta có dành thời gian quan tâm đến cuộc sống của những người thân thương trong gia đình ta hiện tại đủ đầy không? Hay là ta hứa hẹn một ngày nào đó sẽ quan tâm nhiều hơn, để rồi hối tiếc.

Có lẽ khi nhìn thấy những gì rộng lớn hơn, tâm của ta cũng rộng lớn hơn nên bạn thấy mọi thứ trở nên bé lại, tốt hơn là như thế.

Em ơi, đôi lúc mình cần phải đi xa mới thấy được nỗi khát khao trở về. Nhưng khi em trở về hãy nhớ rằng em đã đổi thay, người cũng đổi thay, vạn vật cũng đổi thay. Hãy chấp nhận điều đó và em sẽ thấy hạnh phúc. Cho dù em muốn chạy lên đỉnh núi cao nhưng không thể leo lên đỉnh được, cũng không thể trèo lên những ngọn cây cao chót vót hay nhảy ùm xuống giữa lòng sông mà tắm mát nô đùa thoải thích, hãy chấp nhận điều đó và mỉm cười với nó. Anh nghĩ khi chúng ta bắt đầu trưởng thành hơn chúng ta thường lại muốn tìm lại cội nguồn của mình. Ta thấy những thứ quê mùa khi xưa sao mà quý thế, những lời chân thật sao mà hiếm vậy. Ta thèm những nụ cười vỡ bụng tự nhiên và ta sẽ làm những điều gốc gác. Kệ, miễn là chân thật với ta thì ta sẽ an vui.

Hôm nay anh ghé thăm nhà một anh bạn đáng kính. Gia đình anh bạn đó có mời bạn bè họp mặt đầu năm cùng uống trà, chơi Tết và Bói Kiều. Đây là lúc niềm tin

trong anh càng vững vàng hơn vì tình người của dân Việt được nuôi dưỡng và đang tỏa sáng.

Nhìn căn phòng thật gọn gàng trang nghiêm. Bàn thờ Tổ Tiên có hoa có đèn, có mứt có bánh và có khói Trầm Hương bay nhẹ thoảng thơm như tình người ấm lắm. Có Mai vàng Virginia rất tươi cũng tỏa sắc Xuân rực rỡ và tươi tắn như dáng Mai quê nhà. Mùi Trầm Hương thơm nhẹ như tấm lòng của những người con Việt đầy lòng hiếu kính, kiên cường, nhân ái và bao dung.

Trong đầu anh chợt thoáng lên câu hỏi, ai sẽ giữ gìn mùi Tết cho em? Cho những em nhỏ thế hệ sau. Và hôm nay anh không còn băn khoăn gì cả bởi lẽ anh đã thấy rõ những hạt mầm tương lai của giòng giống Việt đã được các cô, chú, bác kiên trì gìn giữ và là đang vươn vai cao lớn. Những chiếc áo dài được các em trang trọng tự tin khoe dáng, những câu chuyện lịch sử tổ tiên được tự hào lắng nghe, những giá trị văn hoá và tâm hồn con người Việt được bảo tồn và nuôi dưỡng. Anh cảm thấy thật tự hào khi Mùi Tết Việt đã hiện diện rõ nét trên khuôn mặt người, trong những ngôi chùa, những thánh đường có đến hơn ngàn người tham dự, cầu chúc Tết nhau mọi sự bình an, an yên, hạnh phúc, tha thứ cho nhau để rồi một niềm tin lớn, lạc quan lớn cho một dân tộc Việt hùng cường thịnh vượng và tự tin góp phần vào nền văn minh nhân loại và niềm tự hào dòng máu Việt đang chảy trong huyết quản của mình.

Đầu năm khai bút, anh không biết viết gì cả, cái gì đến thì anh viết xuống, sáng nay trong lúc ngồi nghe lời khấn nguyện

đầu năm và những quẻ Kiêu ở nhà anh bạn, anh bỗng nghe tiếng chim hót ngoài sân làm anh tin đó là điềm lành cho thế giới.

Hôm nay, bầu trời thật trong, cao vợi vợi, Anh ngược nhìn những cụm mây đang thông dong tụ họp cùng nhau trên bầu trời mênh mông và nhìn xuống mặt đất thấy loài người đang tung bừng đón Xuân. Cái hơi Xuân nhẹ làn phủ xuống trần gian và những cây Anh Đào dọc con đường nhỏ cũng đã bắt đầu nhú ra những búp tươi hồng như mắt môi tươi cười của những thiếu nữ du xuân.

Thế là đủ cho một ngày trở về trong ký ức, những con đường nhỏ, những con đường vắng lặng và anh lang thang qua từng góc phố để ôm lấy nó, anh hít thở cái không khí của tuổi thơ, và những tiếng rì rào của màn đêm trên những mái chùa, mái nhà cổ kính. Anh trở về như những ngày bé thơ, cây Bàng non ở góc chợ vẫn còn ở đấy đang nở những búp xanh mướt của mùa Xuân đã về. Phố im lìm, người nhẹ nhàng thổi vào đầu đó nhưng tâm linh thiêng liêng ngày Tết. Cây bàng non. Khi Xuân chớm về những lộc non như búp tay trẻ con sẽ nhú ra những chiếc lá xanh tươi mơn mớn đầy sức sống và an nhiên như nụ cười con trẻ. Long lanh như ánh mắt con trẻ khi ánh nắng xuyên qua những chồi non. Lá xanh non khi mùa xuân về, những cơn mưa Xuân tưới tắm lá bàng đẹp lắm

*Sáng nay, khi rạng đông
hừng đỏ một góc trời
Anh thấy trên những cành cây trụi lá
Đáng Xuân đang về
Theo tiếng hót của những loài chim.*

Sáng nay ánh mặt trời hừng đỏ cuối con đường và trên những cành cây khô trụi lá, anh nghe tiếng ríu rít hót ca của những loài chim. Xuân đã về trong anh dù ngoài trời đang rất lạnh, cái khí Xuân ở quê cha đất tổ tràn ngập hồn anh và hương Tết làn toả đến anh nên anh bồi hồi ghen ngào sống mũi cay cay hương vị Tết xưa nên anh muốn viết một đôi dòng **cầu chúc bình an đến cho mọi nhà và thế giới đại đồng thuận hoà chung sống.**



Đoàn Quốc Bảo

Virginia tháng 2, năm 2024



CHUYỆN CỔ TÍCH TRÊN BẾN BÌNH ĐÔNG

** NGUYỄN MINH NỮU **

Năm nào khi về đến Sài Gòn, tôi cũng dành một buổi chạy xe về bến Bình Đông. Lần đầu về vào năm 2000, tôi còn có dịp gặp bác Ba Thanh, khi đó cụ cũng đã gần sát tuổi chín mươi, và Triều là bạn học chung với tôi thời trung học ở trường Nguyễn Bá Tòng. Dần dà những chuyến sau về, cụ Ba Thanh đã mất, cụ bà cũng mất sau đó vài năm, và ngay cả Triều cũng lâm bệnh rồi từ trần năm 2016. Căn nhà cổ kính nằm giữa vườn cây trái bây giờ còn lại gia đình Phiệt (con trai của Triều). Cái liên lạc thân tình của tôi với cả ba thế hệ của gia đình này là một câu chuyện khá dài.

Triều nằm trong nhóm ba đứa thân nhau học chung lớp từ hồi lớp Đệ Nhị (bây giờ gọi là lớp 11) trong đó tôi thì nhà ở gần trường, còn Triều và Mai ở tuốt trong Chợ Lớn. Nhà Mai bên này rạch Lò Gốm gọi là khu Bình Tây, còn Triều nằm bên kia rạch Lò Gốm gọi là bến Bình Đông. Lớp Đệ Nhị mà Triều đã có xe Honda đi học thì là gia đình khá giả lắm. Bến Bình Đông và khu Bình Tây nằm song song với nhau phía cuối kênh Lò Gốm. Bình Tây thì có hãng rượu Bình Tây, sát với khu trung tâm thương mại người Hoa ở Chợ Lớn, có chợ Bình Tây, khu bến xe Chợ Lớn là trung tâm xe chở hành khách về các tỉnh miền Tây. Bến xe Chợ Lớn khác với Xa Cảng Miền Tây ở chỗ Xa Cảng Miền Tây là bến xe khách lớn,

chở khách về các tỉnh lỵ như Cần Thơ, Mỹ Tho, Châu Đốc, Rạch Giá, còn bến xe Chợ Lớn đa số là xe nhỏ 16 hoặc 24 chỗ ngồi, nhưng lại chở khách về các địa danh huyện lỵ. Cũng là về miền Tây, nhưng nếu Xa Cảng Miền Tây chở khách về Đồng Tháp là về bến xe tỉnh Đồng Tháp, thì bến xe Chợ Lớn chở khách về thị trấn Hồng Ngự là một huyện của Đồng Tháp chẳng hạn.

Bến Bình Đông nằm song song với bến Lê Quang Liêm của Bình Tây, nhưng nằm về phía bên kia kênh Lò Gốm. Bình Đông nằm giữa hai con kênh, bên này là kênh Lò Gốm và bên kia là kênh Đồi. Cách gọi tên các dòng nước này tùy từng đoạn mà có tên riêng, người ngoài thành phố nghe rất khó hiểu. Thực ra là như thế này: Từ sông Saigon, có hai nhánh rẽ vào phía nam, nhánh trên gọi là rạch Bến Nghé, nhánh dưới gọi là kênh Tẻ, hai nhánh sông này gặp nhau và nhập thành một tại Cầu Chữ Y, sau đó lại chia thành hai nhánh chạy tiếp về phía nam, một nhánh gọi là kênh Lò Gốm và một nhánh gọi là kênh Đồi. Kênh Lò Gốm và kênh Đồi nhập vào nhau tại Bình Đông, từ đây dòng kênh Đồi lớn hơn và chảy thẳng ra sông Chợ Đệm. Đoạn đường hai bên kênh Lò Gốm khúc gần hợp lưu này toàn là các chành, các kho. Phía bên Bình Tây là các chành gạo, nông sản; phía bên kia

sông là Bình Đông thì đa số các nhà kho lớn chứa phân bón, thuốc trừ sâu và nông cụ.

Bình Tây sầm uất vì sát với khu thị tứ và các chành xuất nhập gạo lúa nông sản thường xuyên mỗi ngày. Còn Bình Đông thì vắng lặng hơn vì mặt tiền đường sát bờ sông dài hàng hai ba cây số đều là những nhà kho lớn, kín cổng cao tường; đằng sau dãy nhà kho đó là khu dân cư, nhưng cũng thưa thớt ít người. Nhà của Triều là một trong vài chục căn nhà hiếm hoi nằm ở mặt tiền đường, ngôi nhà xây cất theo kiểu cổ, nằm sâu vào trong, bao bọc quanh nhà là vườn cây khá rộng. Nhà Triều trồng rất nhiều Mai, từ trước ra sau, bên phải bên trái đếm ra cả mấy trăm cây lớn nhỏ. Đặc biệt ngay cửa chính vào nhà, giữa sân là một cội lão Mai khá lớn, thân cây có lẽ hơn 20 cm, không mọc thẳng lên cao, mà khoảng cao gần 1 mét bỗng gập gãy như hình chữ V ngược một đoạn mới lại vươn lên. Chỗ gập gãy đó tạo như một mắt cây, xù xì cổ kính, cùng với các nhánh cành khác mọc ra đan chen nhau thành một hình dáng vừa kỳ dị vừa bắt mắt. Khi tôi tới chơi với Triều lần đầu, cây Mai đã cao hơn tôi khá nhiều rồi, sum sê những nhóm nụ xanh tươi khỏe mạnh vào dịp gần tết.

Triều gốc là dân Vĩnh Long, gia đình lập nghiệp ở Saigon từ mấy đời là do ba của Triều: Bác Ba Thanh làm công chức ở thành phố. Mẹ Triều buôn bán trái cây ở chợ Xóm Củi, gần nhà. Triều là con một,

sống với ba má. Triều là dân miền Nam truyền thống, gương mặt bầu bĩnh trắng trẻo và lúc nào nhìn cũng có vẻ như sắp cười, tính tình khoáng đạt rộng rãi, không thích bắt lỗi người khác mà chỉ chọc ghẹo gây cười rồi quên đi.

Những ngày cuối tuần, tôi đạp xe xuống nhà Mai, rồi kéo qua nhà Triều chơi giống như về quê. Ở đó chúng tôi thả diều, qua kênh Đồi lặn hụp dưới sinh bắt cá lia thia, bắt cua bắt ốc rồi về nhà Triều mở tiệc liên hoan... không có rượu. Ba của Triều tôi gọi là bác Ba người tầm thước, khuôn mặt phúc hậu và rất thương con cùng lúc quý bạn của con, chúng tôi được sống như trong gia đình, rất đầm ấm và vui vẻ. Sau Trung học, chúng tôi chia tay nhau, mỗi đứa một cuộc đời xô đẩy đi một hướng khác nhau. Triều thì học Sư Phạm, ra trường đi dạy ở gần nhà. Mai thì làm việc ở Phú Giáo, Bình Dương. Tôi thì phiêu bạt lên tới cao nguyên Ban Mê Thuật. Thế mà khi có dịp về lại Saigon là chạy đi tìm nhau. Lần nào về cũng có cảm giác như trở về nhà, bác Ba gái từ sau nhà chạy ra vồn vã:

- Chèn ơi, bây về hồi nào? Thăng Mai biết bây về hôn? Ngồi đó đi tao ra trường kêu thăng Triều về.

Tôi đón vòng tay ôm của bác Ba mà ứa nước mắt vì xúc động:

- Kệ, lát nó về, kêu nó chi bác, con ở đây tới ngày mai mà.

- Dzậy hả, vậy bây ngồi chơi đó nghe, tao nấu nồi canh chua cho bây nhậu với Ba nó nghe, lóng rày nó quậy lắm, biết uống bia uống rượu với ông rồi.

Tiếng xe gắn máy chạy vào sân, rồi tiếng Triều la lớn:

- Trời phải mày không? Đi đâu mắt biệt không thấy tăm hơi là sao?

Triều quay lại nói với má:

- Con chở nó qua nhà thằng Mai coi có thằng Mai về không nghe má...

Rồi sau 75, cuộc sống vượt khỏi suy nghĩ bình thường. Bác Ba Thanh đi học tập 3 năm mới về, thân thể mang đủ thứ bệnh mà chẳng biết bệnh gì, chỉ càng ngày càng ốm yếu, đau nhức khắp người. Mai thì lấy vợ ở Phú Giáo và ở lại quê vợ luôn. Tôi về làm công nhân ngay quận 6. Cuộc sống khó khăn từ miếng cơm manh áo nên thời giờ ghé lại thăm nhau cũng ít dần đi. Triều vẫn đi dạy học nhưng vài ba tháng ghé lại một lần lại thấy thiếu mất một cái gì. Đầu tiên là cái xe gắn máy chuyển thành xe đạp, rồi thì bộ bàn ghế gỗ phòng khách thay bằng cái bàn Mica và mấy cái ghế nhựa, rồi thì trên bàn thờ trang trọng xưa đã có vẻ trống trải vì thiếu bộ lư và đôi chân nến bằng đồng, hình như còn nhiều thứ nữa mà tôi không biết, nhưng thái độ niềm nở ân cần thì chẳng khác gì xưa.

Cho đến một lần khi tôi qua, cả nhà im ắng một cách kỳ lạ. Tôi đi thẳng vào buồng sau, chỗ bác Ba nằm thì thấy bác

Ba gái ngồi trên ghế cạnh giường ôm mặt khóc thút thít, bác Ba trai nằm nhưng cặp mắt vẫn mở, nhìn đăm đăm lên trần nhà. Triều kéo tay tôi bước ra ngoài. - Chuyện gì vậy?

Triều thờ dài, chỉ vào cây Mai lớn giữa sân:

- Có người tới muốn mua cây Mai này với giá 4 chỉ vàng, mà nhà bây giờ kẹt quá rồi, ba tao bệnh mấy năm nay, giờ má cũng bệnh nữa, nhà không có tiền mà ba tao nhứt định không cho bán, ông nói chờ ông chết rồi bán. Nhà còn có cái gì khác mà bán để lo bệnh được đâu. Tao tính bán lấy tiền lo thang thuốc rồi mua chiếc xe xích lô tối về đạp thêm kiếm tiền...

Lúc đó tôi nhìn quanh vườn mới thấy vườn xơ xác trống trơn, cây cỏ mọc tùm lum, mấy trăm cây Mai trồng khắp vườn hình như đã được nhổ lên đem bán từ hồi nào... Tôi hỏi Bác có nói tại sao không cho bán không. Triều lắc đầu, ông chỉ nói không là không. Không bán gì hết, chết thì chịu chứ không bán...

Khuôn mặt của Triều quắt queo, xanh lè. Khi tay hai đứa nắm vào nhau, cả hai bàn tay đều lổn nhổn xương, siết vào nhau đau buốt.

Tôi cậy mình như là con cháu ruột thịt, nên đến bên giường cầm tay bác Ba góp ý:

- Bác ơi, một đời ta bằng ba đời nó, nay hoàn cảnh chung ai cũng chật vật, số

tiền 4 chỉ lớn lắm, có thể lo cho bệnh tình hai bác mà còn có thể tạo ra việc làm cho Triều kiếm sống nuôi gia đình...

Bác Ba nhìn tôi, nước mắt ứa ra, nói chầm chậm:

- Tao biết bây giờ đúng chớ không sai, nhưng cây Mai này tuổi đã hơn trăm năm, là di sản từ thời ông nội thằng Triều, đem về đây trồng ngay bữa má thằng Triều sanh ra nó. Hơn vậy, tuy trồng ở đó mà có phải của mình đâu, làm người phải coi trọng lời hứa... đợi tao chết rồi bây giờ làm gì đó thì làm...

Giọng bác Ba trầm, buồn nhưng dứt khoát, chỉ là chi tiết trồng ở đó mà đâu phải của mình thì tôi không hiểu tại sao mà không dám hỏi. Hôm đó đi về mà lòng nát tan, đau xót thương yêu mà chẳng biết làm sao để chia sẻ với Triều.

Bến Bình Đông từ bao đời nay là nơi cặp bến của ghe thuyền miền Tây chờ theo hoa kiểng và cây trái. Bên kia sông là bến Bình Tây chuyên về nông sản, lúa gạo. Các loại hoa kiểng chẳng những đổ về Bình Đông dồn dập vào dịp gần Tết, mà thường xuyên suốt năm vẫn có những chuyến ghe lớn chở trái cây đặc sản về cung cấp cho các chợ, cùng lúc hoa kiểng cho các vựa trong thành phố. Các chủ ghe lâu năm khi ghé lại, tạo ra một mối liên lạc thân tình với cư dân trong xóm và nhiều nhà dân trong xóm cũng trở thành nơi tạm chứa các thứ cây kiểng chưa tiêu thụ kịp.

Thời điểm 1980 ở thành phố nơi tôi sống như đang ngồi trên một cơn sóng dữ. Cuộc đời mỗi người gánh mọi biến động lớn trên một con thuyền nhỏ, biết bao người đã vượt thoát đi, biết bao người đã chìm đắm xuống và biết bao người như tôi, cần răng chịu đựng, sống mà chỉ biết sống hết một ngày hôm nay, ngày mai chưa biết. Miếng cơm, manh áo, giấc ngủ và sự bình an chỉ biết chắc khi buổi sớm mai còn thức dậy được.

Mấy tháng sau, bất ngờ Triều ghé thăm tôi tại chỗ làm. Lần này nụ cười tươi rói, ngồi trên chiếc xe xích lô mới toanh, cười hi hí... Tôi chạy ra mừng rỡ:

- Bác Ba khỏe lại rồi hả?

- Ba má tao khỏe rồi, tao tới báo với mày mấy tháng nữa tao lấy vợ.

Tôi la lên:

- Úy trời, đưa nào ngu quá vậy? Mày quen nó ở đâu?

Triều kéo tôi vào quán cà phê lề đường và kể lại câu chuyện. Câu chuyện của Triều như thế này.

Ông nội của Triều là Chủ Sự trong tỉnh, là một hào phú ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ông có nhiều con nhưng hợp tánh nhất là người con thứ, là ba của Triều, nên cuối đời, ông về sống với vợ chồng con ở tại bến Bình Đông.

Ông thích hoa kiểng và có lòng hào phóng thương người. Hôm người con trai có đưa con đầu là Triều vào dịp sát

tết Nguyên Đán, ông thành thạo đi dạo bên sông, ghe thuyền tấp nập cặp sát mé bờ, ngay trên bờ là các loại hoa kiểng chờ lên bày đầy đặc.



Ông bất ngờ dừng chân ở một khoảng bày toàn là Mai, cả mấy chục chậu Mai lớn nhỏ, mỗi cây được bọc một bao tải vải bó rể và đất tươi ẩm. Ông bất chợt nhìn thấy một cây lão Mai khá lớn, hoa kép, mỗi hoa chông lớp mấy chục cánh vàng tươi rực rỡ tuyệt đẹp. Ông đứng ngắm nghía hồi lâu thì một người đàn ông bước ra chào hỏi. Đây là một cặp vợ chồng từ dưới quê Đồng Tháp chở cây từ vườn lên bán. Ông hỏi giá cây Mai nhưng mắc quá ông không mua. Cây Mai bình thường cũng cao lớn như vậy thì giá chừng hai trăm ngàn, mà cây Mai này đòi giá tới ba triệu. Ông hỏi tại sao, người đàn ông lễ phép thưa không phải con thấy bác hỏi ngay cây này mà con nói giá cao, thiệt ra đây là một loại mai đặc biệt mà không chỉ vườn nhà con, nói rộng khắp huyện Lấp Vò của con chỉ có một cây này. Nó là loại Mai Hương, bác chơi hoa nhiều thì bác biết. Hoa Mai là loại hoa có sắc mà không có

hương, riêng cây này thì bác cứ ngửi thử đi. Bông hoa tỏa ra một mùi hương dịu dịu, không phải hương Lài không phải hương Lý mà phảng phất như có chút mùi trầm, càng về đêm mùi hương càng đậm cho tới sáng phai nhạt dần. Ba con dặn cái này cần người hữu duyên, phải giá thì bán không thì đem về nên giá nó mới cao như vậy.

Tưởng chỉ chuyện trò như vậy rồi thôi. Ai dè vài bữa sau, trời đã về khuya, ông Chủ Sự đi ngang qua ghe thì nghe tiếng khóc của phụ nữ. Sẵn cảm tình từ lần trò chuyện trước ông ghé qua hỏi thăm. Té ra cặp vợ chồng kia cõm ghe bầu bạn đem cây lên bán có dất theo hai đứa con khoảng 5 tuổi và 7 tuổi. Hồi chiều, do bận rộn bán hàng, hai đứa bé chạy giỡn với nhau sẩy chân lọt sông chết đuối cả hai. Không có thân nhân ở gần, tiền bạc vốn liếng không còn, hai vợ chồng ôm nhau khóc ngất. Bây giờ phải gấp rút về quê vừa đau khổ vừa khó khăn chưa biết tính sao. Ông Chủ Sự suy nghĩ rồi nói thôi để tui mua mảo hết mớ cây vợ chồng bậu đem lên để bậu lấy tiền mua quan quách cho sắp nhỏ rồi về quê. Hai vợ chồng cúi đầu cảm tạ và nói giá bán mảo hết số cây là hai triệu. Ông Chủ Sự nói vậy sao được, nguyên cây Mai Hương đã là giá ba triệu rồi, mà bán mảo cả chục cây còn lại có hai triệu là sao, thôi tui đưa bậu năm triệu để lo việc nhà. Hai vợ chồng kéo nhau quỳ xuống cảm ơn và thưa rằng cảm ơn ông hào phóng giúp người, nhưng thôi như vậy,

năm triệu ông đưa coi như con mượn, về quê rồi khi có được sẽ xin đem lên trả, còn nay tất cả mớ cây con giao hết cho ông. Những cây khác thì coi như bỏ, riêng cây Mai Hương xin ông trồng lại chớ đừng bán, khi nào có tiền tụi con đem lên sẽ xin chuộc lại. Ông Chủ Sự gật đầu, bậu tính sao cũng được. Rồi ông chỉ tay về phía căn nhà: đó là nhà của tui, chừng nào lên được thì lên.

Đó là lý do vì sao ông Ba Thanh nhất định không cho bán cây Mai trước nhà. Triều kể tiếp, khi gia đình đang túng túng tới độ có bữa ăn rau muống luộc trừ cơm thì bất ngờ có một cô gái tới hỏi thăm phải đây là nhà ông Chủ Sự không? Khi biết chắc đúng, cô gái mới kể tiếp cô tên Ơn, là con gái của ông bà Hai Đậu, quê ở Lấp Vò, Đồng Tháp. Hồi ba mươi năm trước, khi cô chưa ra đời, cha mẹ cô làm vườn và bán cây kiểng, có năm chờ ghe bán lên bến Bình Đông vào mùa gần tết giống như vậy, bất ngờ gặp tai nạn làm chết hai người anh chị ở bến sông, có được ơn ông Chủ Sự ở nhà này giúp đỡ nên mới đem được xác về quê. Mấy năm sau thì sanh ra cô, nhưng gia đình làm ăn cũng không khá giả. Mới năm rồi người cha từ trần, kể lại cho cô nghe cái ơn khó trả ngày xưa. Nay nhờ được mùa lại thêm bán được mấy công đất, nên mẹ cô đưa địa chỉ sai cô lên đây đền ơn đáp nghĩa ngày xưa.

Mẹ của Triều lúc đó lại nảy sanh căn bệnh đàn bà, đi đứng khó khăn thiếu người giúp đỡ, cô Ơn tự nguyện ở lại ít

ngày giúp bà tắm rửa thay đồ. Cô Ơn đưa gia đình số tiền còn nhiều hơn giá 4 chỉ vàng mà còn nhất định không chịu lấy cây Mai Hương về lại dưới quê. Cô nói cây này nó chỉ sống được nhờ người có phước. Nay nó ở đây an lành con lấy nó đi làm chi. Khi thấy má Triều chưa bớt bệnh, cô nhắn tin cho mẹ cô lên thăm, và ở lại sống trong nhà như người thân yêu. Má Triều gần ba tháng sau nhờ có người chăm sóc, nhờ tinh thần thanh thản vui vẻ và nhờ thuốc men chạy chữa đã gần khỏe hẳn. Lâu ngày bên nhau nảy sinh lòng quyến luyến. Có bữa, má Triều mân mê tay cô Ơn, bà nói, phải chi bây ưng thẳng Triều thì đời tao có phước quá. Cô Ơn cười mắc cỡ, biết ảnh có ưng con không mà bác hỏi vậy? Triều đang nằm chèo queo ngoài bộ ván ngoài sân, nghe thoáng qua chạy vô cầm tay cô Ơn, thú thiệt tui ưng cô từ khi cô từ ghe bước lên bờ kia. Cô Ơn cười e thẹn, hai má đỏ hồng.

Ơn tính tình thuần hậu mà lại giỏi giang chuyện mua bán. Khi hai đứa lập gia đình với nhau, Ơn lấy lại cái sạp bán trái cây ở chợ và về quê tạo đầu mối đưa cây trái lên giao hàng bán sỉ cho các chợ trong vùng. Triều ngoài giờ dạy học, thì thành người giao hàng chuyên nghiệp cho vợ, chiếc xe xích lô chuyển thành xe ba bánh phục vụ cho chuyện kinh doanh.

Khi tôi rời Việt Nam vào năm 1995, thì gia đình Triều đã là một gia đình êm ấm, hai bác Ba khỏe mạnh lại, sống nhẹ

nhàng thanh thoi với đũa cháu nội đầu lòng, con của Triều và Ơn. Lần này về bến Bình Đông, lại đúng gần mùa Tết, trên bến thì tràn ngập hoa tươi đủ loại, dưới bến thì chen khít với nhau ghe bầu, ghe rỗi, xuồng chèo, thuyền máy, hàng hàng lớp lớp sát bên nhau như một hội hoa nửa bờ nửa nước.

Tôi ghé vào nhà Triều, căn nhà vẫn là kiến trúc cũ, cổ kính và thanh lịch nhưng nay được sơn phết mới, trang trí thêm cửa kính, máy lạnh, sân vườn tráng xi măng, đường đi sạch sẽ, giữa vườn vẫn là cây Mai Hương nay đã cao quá nóc nhà, rực rỡ hoa vàng, tỏa hương thơm ngát. Vợ chồng Phiệt đang xúm xít trang trí bàn thờ quay ra thấy tôi reo lên mừng rỡ... Bác Bảy về rồi... Năm nay đám kỵ ba con có bác Bảy ba con chắc vui lắm... Trên bàn thờ, di ảnh hai bác Ba nhìn xuống cười hiền hòa, lung linh trong ánh nến thấp trên đôi chân đèn sáng loáng, chiếc đỉnh thờ rực rỡ màu đồng, thấp bên dưới là khuôn mặt của Triều cười mím chi y hệt như thời chúng tôi còn trẻ trâu.

Tôi hỏi Phiệt:

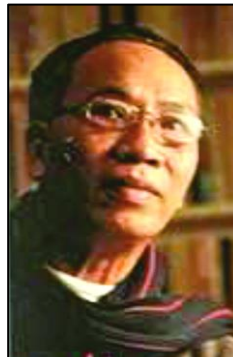
- Má mày đâu?
- Má con đi chợ mua đồ làm tiệc chiều nay đãi bạn bè con.
- Ủa có tiệc gì vậy? Tất niên hả?

Phiệt mắc cỡ:

- Dạ... dạ... không... Mừng vợ con có bầu.

Đứng trước hiên nhà, nhìn lên cây Mai Hương cao lớn tỏa hương dịu dịu mệnh mang, Phiệt nói sau Tết, má con dâng cúng cây Mai Hương này vô chùa. Má con nói cây lão mai này đã cho gia đình con hưởng phước đã ba đời rồi, "Phước bất khả hưởng tận", nên muốn để tất cả những người có tâm thiện cùng được hưởng phước như gia đình con.

Tôi quay lại nhìn Phiệt, sửng sốt về câu thâm nho Phiệt nói, không biết nó học được từ đâu. Như vậy, khoảng cuối năm sau nếu tôi còn đủ sức khỏe về thăm nữa, thì tôi có quen biết với cả 4 đời gia đình Triều rồi đó. Tôi với tay lấy mấy cây nhang và kính cẩn thắp lên trên bàn thờ với lòng thương nhớ và kính yêu thật đầy.



NGUYỄN MINH NỮ - Tháng 1.2018



TRAO NHAU MÙA XUÂN

** TT-Thái An **

Năm 1933, khi Thảo lên 3 tuổi thì mẹ bị bệnh bấu cổ. Khi biết mình không qua khỏi, mẹ bế Thảo về nhà mẹ đẻ của mình ở làng Xù (có tên khác là Phú Gia, làng này nằm bên cạnh sông Hồng) để nằm dưỡng bệnh và trấn trối với mẹ rằng nếu mình qua đời, xin mẹ đẻ nuôi con gái hộ, đừng để nó ở bên nhà cha vì sợ sau này cha có vợ khác nó sẽ bị mẹ kế ngược đãi.

Nhưng sau khi mẹ của Thảo chết, người cha nhất định đem Thảo về nuôi dưỡng. Bà ngoại của Thảo và các bác, các dì không phản đối vì dù sao đối với phong tục miền Bắc, con cái phải theo về họ nội. Quê nội của Thảo ở làng Tây Hồ, một trong 7 làng nằm bên cạnh Hồ Tây. Sau này khoảng năm 1990, chánh quyền mới gom 7 làng này thành quận Tây Hồ và sáp nhập vào thành phố Hà Nội. Vào năm 1933, Thảo vẫn còn ông nội, hai chú em kế cha và cô út tên Nhàn. Cô Nhàn năm đó mới lên sáu, hơn Thảo chỉ có ba tuổi. Nhưng mẹ cô đã qua đời khi cô lên 4 hay 5 gì đó. Thế là hai cô cháu đều mồ côi mẹ suốt ngày quanh quẩn bên nhau.

Năm Thảo lên 7 trong làng đang có bệnh dịch tả hoành hành. Mỗi khi có người chết, cả làng xúm lại lo ma chay, chôn cất và gia chủ phải giết lợn, giết gà đãi cả làng gọi là thay mặt người quá cố hậu

tạ mọi người. Cũng bởi cái văn hóa đãi tiệc sau đám tang mà ăn uống xong, lại thêm một số người lây bệnh dịch tả. Trong số này có ông nội của Thảo. Thảo nhớ hôm đó ông nôn mửa và nằm liệt trên giường, nhưng ông gọi Thảo ra đầu đến nằm chung với ông. Ông có vẻ bịn rịn đưa cháu nội duy nhất. Ông vuốt đầu Thảo và dặn dò Thảo phải ngoan, phải nghe lời bố. Khoảng chiều tối khi bố đi làm về đến hỏi thăm ông thì thấy ông đã chết. Thế là bố bế Thảo sang giường khác để Thảo ngủ tiếp. Sau này lớn lên Thảo cảm thấy Chúa đã che chở cho mình không bị lây bệnh dịch tả từ ông nội. Sau này thỉnh thoảng hai cô cháu có việc đi ngang bãi đất trống nơi có nhiều ngôi mộ rải rác. Cô Nhàn thường chỉ 3 cái mộ và nói với Thảo “Đây là mộ mẹ mày, đây là mộ của bà, đây là mộ của ông”. Thảo thấy tất cả những ngôi mộ ở đây chỉ là một nắm đất vun cao có cỏ mọc đầy, chẳng có bia mộ, chẳng xây cất thành hình dạng cái mộ. Như thế chỉ cần qua thế hệ thứ hai hoặc thứ ba thì chẳng con cháu nào nhớ mộ của ông bà mình nằm ở đâu. Và những ngôi mộ đất này cũng từ từ xẹp xuống theo thời gian. Chẳng còn dấu vết gì nữa.

Khi Thảo lên 9, trong làng mời được thầy giáo từ Hà Nội về dạy học cho tất cả trẻ con trong làng. Làng dùng cái đình làm nơi dạy học. Ngày khai trường, Cha mẹ và lũ trẻ con trong làng từ trai

đến gái, từ nhỏ đến lớn như anh Minh 16 tuổi đều xúng xính áo dài, tay cầm cuốn vở, cây bút dắt nhau lên đình. Thảo thấy chúng nó đi cả bầy như thế nên hỏi ngay:

-Chúng mày đi đâu thế?

-Chúng tao đi học. Thế mày không đi học à?

-Tao cũng muốn đi học mà đâu có biết làng có lớp dạy học.

Nói xong, Thảo lại hỏi:

-Thế bây giờ tao lên đình xin phép thầy được không?

-Không biết, chúng tao có cha mẹ dắt đi xin phép. Còn mày tự xin phép à?

-Thầy tao đi làm bên Hà Nội mãi tối mới về. Thôi tao phải tự đi.

Nói xong, Thảo chạy về nhà lấy ngay cái áo dài ra mặc rồi chạy lên đình. Học trò đã vào lớp. Thầy giáo đang điểm tên từng trò. Thảo bước vào khoanh tay cúi đầu chào thầy và nói:

-Con xin phép thầy cho con vào học ạ.

Thầy giáo còn trẻ lắm, nhìn Thảo rồi hỏi:

-Thế con tên gì? Con nhà ai?

-Thưa thầy con tên Thảo. Thầy con tên Thức. Thầy con đang làm việc ở Hà Nội, tối mới về nên không dắt con đến xin phép thầy được.

Nói xong Thảo tha thiết nhìn thầy cầu mong thầy gật đầu.

Thầy vuốt đầu Thảo và bảo:

-Ừ, thầy cho phép. Con thích đi học là điều tốt.

Nói xong, thầy dắt Thảo đến cái ghế hàng đầu và bảo đưa kia ngồi vào trong

cho Thảo ngồi phía ngoài. Nhưng Thảo không có vở và bút. Thầy bảo để hôm sau thầy kiểm cho, còn bây giờ cứ nhìn lên bảng theo dõi bài học thầy chỉ cho vài chữ cái.

Một lúc sau, chú Thứ của Thảo bước vào. Chú mặc áo dài khăn xếp đến chào thầy và xin phép thầy cho cháu Thảo được ghi tên nhập học.

Trông thấy chú Thứ, tim Thảo đập mạnh và hồi hộp quá đỗi, vì chú hay đánh phạt.

Thảo sợ chú đến lôi Thảo về đánh đòn vì đi học mà không xin phép chú. Nhưng lúc Thảo chạy về nhà tìm chú thì chú đang ở ngoài. Thảo quỳnh quá nhẩn vội với cô Nhàn rằng nếu chú Thứ về thì cô Nhàn xin phép chú Thứ hộ Thảo.

Nhưng không ngờ chú đến xin phép thầy cho Thảo được học. Chú và thầy trao đổi vài câu, xong chú đến gần Thảo đưa cho cuốn vở và cây bút. Mục thì ở trường cung cấp, mỗi bàn đều có vài lọ mực tím để học trò dùng chung. Thảo mừng rôm rôm nước mắt. Chú Thứ nói nhỏ nhẹ với Thảo:

-Cháu cố gắng học tập nhé.

Thảo vội vàng nói:

-Thưa chú, vâng ạ!

Kể từ hôm đó Thảo hăng hái học bài, theo dõi từng chữ thầy viết và đọc trên bảng. Vì thế mỗi khi làm bài tập Thảo luôn được thầy cho điểm cao. Và ngày nào thầy cũng gọi Thảo lên bảng viết cho cả lớp đọc theo. Có lần thầy nói với Thảo:

-Thảo cố học hết lớp ba trường đình, xong rồi thầy giới thiệu cho Thảo lên Hà Nội học tiếp nhé.

Thế nhưng đầu năm lớp ba, Thảo bị mọc nhiều mụn nhọt trên đầu rất đau, phải cạo hết tóc và bôi thuốc nên Thảo phải ở nhà một thời gian rồi nghỉ học luôn.

Mỗi khi vào hè, bố hay chở Thảo về làng Xù để ở với bà ngoại vài tuần. Thảo được bà Ngoại thương yêu nấu cho các món ngon mà ở nhà Thảo không ai nấu. Vì cô Nhân lớn hơn Thảo 3 tuổi, chỉ biết thổi cơm mà thôi. Chú Thư và chú Tụng cũng chỉ biết nấu canh hay luộc rau. Bà ngoại Thảo chỉ nấu các món dân dã chứ làm gì có cao lương mỹ vị, nhưng Thảo thấy ngon như ăn tiệc. Bà kho cá rô đồng với tương ta trong nồi đất um trấu suốt đêm. Hôm sau xương cá mềm như, miếng cá bùi béo vị tương quê. Món lươn bung củ chuối hay ốc nấu bung bà nấu ngon tuyệt vời. Khi có con cá chép bà lại nấu canh riêu cá thìa là. Thảo rất thích món canh này. Bà còn nấu nước với chùm bò kết để gội đầu cho Thảo. Những người anh họ cũng thương yêu Thảo, họ luôn nói chuyện ân cần và săn sóc Thảo. Thảo cảm thấy được cả nhà bên ngoại yêu thương.

Đến ngày bố đến rước về, vừa nghe thấy tiếng chuông xe đạp của bố ở đầu khóm tre Thảo đã khóc chạy đến ôm bà và nói:

-Bà ơi, cháu không muốn về.

Bố đến xin phép bà được đưa cháu về. Nhưng bà đã xin cho cháu được ở thêm một tuần nữa. Thế là bố nể mẹ vợ nên cho phép Thảo ở thêm 1 tuần.

Thảo nhớ mỗi lần bố đưa Thảo về nhà bà ngoại ở chơi vài tuần, thế nào bố cũng đưa một ít tiền cho bà.

Bố của Thảo ở vậy, chẳng lấy thêm vợ sau nên Thảo không bị cảnh mẹ ghẻ con chồng.

Năm Thảo 15 tuổi, bố dắt Thảo dọn vào Hà Nội ở, vì đạp xe đi làm mỗi ngày xa xôi vất vả. Bố ghi tên cho Thảo học ở trường Bách Nghệ của một linh mục Công Giáo làm hiệu trưởng. Trường này dạy chữ buổi sáng, buổi chiều dạy nghề. Thảo được xếp vào lớp nhì vì đã 15 tuổi. Buổi chiều Thảo học thêu, may và đan áo. Học được khoảng hai năm thì phong trào tiêu thổ kháng chiến bùng nổ. Trường Bách Nghệ đóng cửa. Vị linh mục bị Việt Minh thủ tiêu, thầy xác xuống sông Hồng, trôi về làng Xù. Có người trông thấy.

Thời kỳ này, những người còn ở lại Hà Nội thỉnh thoảng rủ nhau ra ngoại ô hái rau của những nhà vườn đã bỏ chạy tản cư đi về quê. Vì trong thành phố lúc này ít ai dám họp chợ. Hái xong mỗi người xách về một giỏ rau đầy. Nhà nào có hai hay ba người thì hái được nhiều. Nhà Thảo chỉ có mình Thảo nên chỉ xách được 1 giỏ rau là nặng tay lắm rồi.

Một hôm hái xong rau, cả đám đi về. Khi đi ngang đồn lính của Pháp, một anh lính Pháp bước ra hỏi thăm đi đâu thế. Trong đoàn có một anh biết tiếng Pháp trả lời đi hái rau trở về. Anh lính Pháp hỏi Thảo tên gì. Anh kia dịch lại. Anh lính hỏi tới “Cô ấy ở đâu? Tôi có thể đến thăm được không” Anh kia trả lời: “Ở nhà thờ Tin Lành Hà Nội, ông muốn gặp thì Chủ Nhật cô ấy mới đi nhà thờ”.

Anh lính Pháp tình nguyện xách giỏ rau hộ Thảo một đoạn đường. Thảo đỏ mặt nhưng không biết nói sao nên yên lặng. Mọi người tán vào: “Cứ để anh ấy xách hộ cho một đổi có sao đâu.”

Thế mà Chủ Nhật đó anh lính Pháp đến nhà thờ để kiếm Thảo thật. Trông thấy anh ta, Thảo vội trốn ngay ra phía sau và không dám vào nhà thờ ngày hôm đó. Anh lính Pháp tìm được anh thông ngôn hôm nọ và hỏi thăm Thảo. Nhưng Thảo nhất định không dám quen.

Trong lớp học thêu đan, Thảo có cô bạn thân tên Ngà. Ngà thấy Thảo phải đi ngang qua nhà của Ngà mỗi ngày nên dẫn Thảo ghé vào chờ Ngà đi chung. Một hôm Ngà kể cho Thảo hay một tin giật mình:

-Thứ Bảy vừa rồi, có một anh lính Pháp tự dưng đến thăm thầy mẹ mình. Anh ta còn gọi ông Phở gánh làm cho 5 tô phở bê tới mời cả nhà cùng ăn với ông ấy. Hai chị em mình hoảng quá rút lên lầu. Chỉ còn ông bà cụ và ông anh cả ngồi ăn với ông ấy. Ăn xong ông ấy mới vào chuyện: “Trong nhà này có một cô gái hay mặc áo dài màu hồng. Tôi xin được làm quen với cô ấy.” Ông anh cả tôi hỏi lại thầy mẹ tôi: “Trong nhà này có đứa nào hay mặc áo dài hồng?” Mẹ tôi nói ngay: “À, cái Thảo hay đến đây mỗi ngày rủ cái Ngà đi học chung ấy mà. Ngày nào cái Thảo cũng chỉ mặc một cái áo dài hồng ấy thôi.”

Thế là từ hôm ấy Thảo chẳng dám đến rủ Ngà đi học chung vì sợ gặp ông Tây đó quá.

Vài tuần sau, chính anh cả của Ngà đến gõ cửa nhà Thảo. Thảo ngỡ ngàng khi thấy anh Trụ đứng trước cửa nhà mình. Anh Trụ lịch sự hỏi Thảo:

-Tôi xin phép được vào nhà nói chuyện với Thảo một lúc được không?

-Vâng, xin mời anh vào.

Anh Trụ ngồi xuống ghế và nói:

-Vài hôm nữa tôi phải trở lại Sài Gòn làm việc, vì tôi chỉ về phép vài ngày thôi. Trước khi đi, tôi xin phép được thưa với Thảo rằng tôi tha thiết muốn cưới Thảo làm vợ. Nếu Thảo đồng ý thì tôi sẽ mua vé cho Thảo đi chung một chuyến vào Sài Gòn, trong đó tôi đã có nhà cửa và việc làm ổn định bảo đảm cho Thảo một cuộc sống thoải mái. Thảo cứ suy nghĩ một ngày đi rồi cho tôi biết.

Thảo hồi hộp quá đỗi, vừa lo vừa cảm động. Nhưng Thảo giữ được bình tĩnh trả lời:

-Cám ơn anh có nhã ý nghĩ đến tôi. Nhưng tôi là con nhà nghèo. Còn anh là con nhà giàu phú hàng bạc. Đồi nào thầy mẹ anh cho phép anh lấy tôi.

-Thầy mẹ tôi gọi tôi về kỳ này có ý muốn tôi đi hỏi vợ, một cô gái nhà giàu mà theo hai cụ rất “môn đăng hộ đối” với gia đình tôi. Nhưng tôi theo Tây học, không muốn hôn nhân do cha mẹ hai bên sắp xếp. Tôi chỉ cảm động khi gặp Thảo và tha thiết muốn cưới Thảo. Tôi biết thầy mẹ tôi sẽ không đồng ý việc này nên mong Thảo thông cảm hiểu cho. Nếu Thảo đồng ý, tôi và Thảo sẽ đi làm hôn thú rồi vào Sài Gòn sinh sống luôn. Thầy mẹ tôi sau này có biết được thì cũng xong rồi.

Chúng ta đã là vợ chồng có giấy hôn thú hẳn hoi.

Thảo cảm động trả lời:

-Nhưng anh quên mất một việc tôi là con gái một, sau này còn có bổn phận nuôi cha già. Tôi không thể bỏ thầy tôi lại Hà Nội một mình mà đi theo anh vào Sài Gòn. Xin anh đừng buồn và thứ lỗi cho tôi.

Anh Trụ có vẻ buồn lắm. Nhưng anh nói thêm:

-Nếu Thảo theo tôi vào Sài Gòn, vài năm sau, sẽ đón thầy của Thảo vào ở chung. Tôi cho Thảo một ngày nữa để suy nghĩ. Nói xong anh Trụ đứng dậy ra về.

Thảo bồi hồi áy náy vì biết mình đã quyết định không đi theo anh Trụ. Có lẽ Thảo không thấy cảm động với tình yêu của chàng. Tuổi của Thảo đã 19. Tuổi này có nhiều cô đã lên xe hoa hay thuyền hoa về nhà chồng. Vì đó là thập niên 1950.

Một ít lâu sau, một bà cô hơi xa trong họ nội đang bán hàng trong chợ Đồng Xuân ghé thăm Thảo. Bà cô này dắt theo một người bên họ của chồng bà đến giới thiệu với Thảo. Bà hỏi Thảo có bằng lòng không thì anh kia sẽ nhờ cha mẹ đến làm lễ dạm ngõ. Rồi năm sau sẽ cưới. Thảo quá đỗi ngạc nhiên vì chưa bao giờ nghĩ sẽ chờ bà mai ông mối đến giới thiệu. Hơn nữa, Thảo trông bộ dạng anh kia có vẻ xanh xao, hình như đang bệnh gì đó nên Thảo nói ngay:

-Cháu cảm ơn cô và anh có ý tốt cho cháu. Nhưng cháu chưa muốn kết hôn bây giờ. Cô và anh kiếm nhà khác đi nhé.

Cháu xin lỗi không thể làm cô và anh vui lòng.

Cô họ cố gắng nói thêm một hồi nữa mới ra về. Anh kia đứng dậy về theo nhưng nói với Thảo:

-Tôi xin phép được đến thăm cô lần nữa nhé.

Thảo xua tay đáp:

-Xin ông đừng đến nữa ạ, tôi không có thì giờ đâu.

Nhưng vài ngày sau anh kia đã đến kéo dây chuông. Thảo trông thấy nhưng không ra mở cửa vì sợ tiếp ông ấy một mình trong nhà. Ông ấy còn trở lại vài lần nữa, nhưng Thảo đang đi bên kia đường trông thấy vợ ngó lơ đi nơi khác để khỏi phải chào hỏi lời thôi.

Gần tết, Thảo có nhiều mối đặt đơn áo len đàn ông. Thảo cố đơn cho xong để kiếm tiền mua vải may một cái áo dài mới. Vì thầy của Thảo chỉ làm công nhân xếp chữ trong nhà in, lương vừa đủ sống. Nên mỗi năm chỉ cho Thảo tiền may 1 cái áo dài. Vì thế ngày nào Thảo cũng mặc có 1 cái áo màu hồng. Chủ Nhật đi lễ thì mặc cái áo dài lốm đốm hoa nhỏ.

Tết này Thảo sẽ may thêm 1 cái áo màu xanh da trời.

Thầy đưa cho Thảo vài đồng đi chợ Đồng Xuân sắm tết. Đang đi nhìn hàng, định mua hai cái bánh chưng, nửa cân giò lụa, nửa cân thịt về kho trứng và cái chân giò về nấu măng khô thì có người đập vào vai, hỏi thăm:

-Đi chợ tết à?

Quay lại, hóa ra bà Sùng, có chồng làm công chức. Lúc nào bà cũng áo dài lịch sự, cổ đeo kiềng.

-Vâng, thưa chị. Chị cũng đi chợ tết ạ?

-Phải rồi! Ngày mai là ba mươi tết rồi. Tôi đi mua cho xong vài thứ cần nấu để cúng giao thừa và ăn ba ngày tết. Tôi phải đi ngay.

Nói xong, bà Sùng dúi vào tay Thảo vài tờ giấy bạc và nói tiếp:

-Tôi gửi biếu cụ ông. Cô nhớ mua cho cụ vài món cụ thích ăn nhé. Đừng từ chối, tôi biếu cụ chút đỉnh đón tết mà.

Nói xong, bà Sùng đi ngay để lại Thảo đứng ngẩn ngơ chỉ kịp nói với theo:

-Em cảm ơn chị nhiều ạ!

Thảo cảm tiền mà vừa vui vừa lo không biết khi nào mới có cơ hội đáp trả lại lòng tốt của bà Sùng.

Thảo mua thêm 1 con gà. Tối giao thừa năm đó cha Thảo hỏi tiền đâu mà con mua thêm gà thế này. Thảo kể lại cho thầy nghe về bà Sùng.

Khi 22 tuổi, có người quen tên chú Sáng giới thiệu Thảo đi bán hội chợ ở Hà Nội. Họ trả tiền ngày, làm ngày nào trả tiền ngày nấy. Một hôm chú Sáng dẫn đến một người đàn ông

Khoảng 27 hay 28 tuổi, giới thiệu là anh kết nghĩa với chú. Anh kết nghĩa tên Tùng, nói tiếng Việt không rõ lắm. Chú Sáng giới thiệu ông Tùng là người Nhật, qua Việt Nam thời quân Nhật vào Việt Nam. Bây giờ ở lại Việt Nam lập nghiệp luôn. Ông đang làm thiếu Úy trong quân đội Bảo An của Pháp.

Một tuần sau đó chú Sáng dẫn ông Tùng đến nhà Thảo và từ đó hai người bắt đầu

hẹn hò. Có lẽ Thảo thấy ông Tùng vừa đẹp trai vừa oai phong thế nào ấy.

Nửa năm sau hai người kết hôn. Chỉ có làm hôn thú và ra nhà hàng đãi tiệc.

Chẳng có nhà trai đến rước dâu. Chỉ có cô dâu, chú rể và chục người bạn của ông Tùng và cha của Thảo cùng ăn tiệc cưới ở một nhà hàng Tàu trong phố.

Sau khi cưới, ông Tùng và Thảo thuê một căn nhà trong Hà Nội để ở. Cha Thảo vẫn ở lại căn nhà thuê ở phố Sinh Từ. Thịnh thoảng Thảo ghé tiệm mua ít thức ăn hoặc nấu nồi thịt kho mang về cho cha. Cha của Thảo vẫn còn làm ở nhà in nên không phiền lòng vì ở một mình.

Ông Tùng phải đi hành quân luôn nên Thảo rất lo lắng. Khi hiệp định Genève ký kết, chia đôi Nam, Bắc, tháng 2, 1955 Thảo bỗng đưa con gái 2 tháng tuổi và dắt cha di cư vào Nam. Ông Tùng phải ở lại miền Bắc cho đến tháng 6, 1955 mới rút lui theo quân Bảo An vào Nam. Trong thời gian chờ đợi chồng vào Nam, Thảo lo lắng không ngủ được, chỉ sợ chồng mắc kẹt lại miền Bắc thì nàng lo không nổi cái gánh gia đình này.

Tàu vừa cập bến Bạch Đằng, ông Sudo, một người Nhật, bạn của ông Tùng đã đến ngay chân tàu đón mẹ con Thảo về nhà ở tạm 1 tuần. Sau đó ông kiếm được nhà thuê cho mẹ con Thảo dọn ra. Ngày nào Thảo cũng ra balcon đứng ngóng ra đầu hẻm xem có thấy chồng đến hay không. Rồi ngày đó cũng đến, Thảo đang ngóng ra đầu hẻm thì bóng dáng chồng xuất hiện. Thảo mừng quá chạy ngay xuống lầu đón chồng.

Vào Nam, quân Bảo An giải thể và chuyển qua Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Lúc này ông Tùng mang quân hàm Trung Úy. Quân đội đưa ông đi đánh Bình Xuyên, Hòa Hảo. Dẹp xong hai đảng này thì họ đưa ông về Quang Trung làm huấn luyện viên. Vì thế, ông Tùng được cấp cho một căn nhà trong trại gia binh. Nơi này, đứa con trai thứ hai của ông được ra đời. Sau đó 1 năm ông xin giải ngũ vào Sài Gòn kiếm việc làm cho hãng điện thoại Oki của Nhật. Họ thầu gắn đường dây điện thoại cho thành Cộng Hòa.

Sau khi hãng Oki về nước, ông Tùng làm cho Nha Ngư Nghiệp 8 năm, chuyên thông dịch cho các ông kỹ sư ngư nghiệp người Nhật nên theo mấy ông này đi khắp nơi từ Bến Hải đến Cà Mau. Sau khi Nha Ngư Nghiệp chuyển sang mướn kỹ sư Đài Loan, không dùng kỹ sư Nhật nữa thì ông Tùng kiếm việc khác. Ông xin được việc làm ở công ty xuất nhập cảng của Nhật Nisho Iwai và làm cho đến khi rời Sài Gòn tháng 4, 1975. Vì tiền đài thọ trả cho kỹ sư Nhật hay Đài Loan do Mỹ viện trợ. Khi Mỹ muốn nâng đỡ Đài Loan thì họ bỏ hợp đồng thuê mướn kỹ sư Nhật.

Sau khi di cư vào Nam năm 1954, một thời gian sau Thảo gặp lại vợ chồng bà Sùng. Tết năm nào Thảo cũng rủ chồng đi chúc tết ông bà Sùng và cho tiền mừng tuổi các con của ông bà. Thảo không bao giờ quên tấm lòng nhân hậu, thương người nghèo của bà Sùng. Riêng một người bạn từ ngoài Hà Nội, di cư vào Nam vẫn thường xuyên liên lạc là bác Tần. Bác viết báo và dạy tiếng Nhật tại đại học Vạn Hạnh. Thịnh thoảng có chữ Nhật nào khó, bác viết ra một tờ

giấy rời cho anh con cả cầm đến nhà ông Tùng nhờ ông dịch cho. Ông Tùng dùng bút viết ngay ra bằng chữ Nhật cái nghĩa của chữ Nhật - chỉ có 1 chữ kia. Thế mà đến ngày 29 tết năm nào ông Tần cũng cho con trai cả đem đến biếu ông Tùng một cặp bánh chưng và 1 cái giò thủ bó trong mo cau khô, rất truyền thống của miền Bắc. Thảo từ khi lấy chồng được người ta gọi theo tên chồng là bà Tùng. Cứ đến ngày mừng một tết, sau khi tan lễ nhà thờ ra là ghé nhà bác Tần, vì nhà bác ở ngay đầu hẻm của nhà thờ. Ghé để chúc tết bác và biếu bác một hộp mứt sen, hay một cân hồng khô và một hộp trà sen của Bảo Hiên Rồng Vàng.

Biếu nhau chút quà tết, như trao nhau chút mùa xuân, nhất là những người cùng di cư 1954 hay nhắc nhớ nhau những mùa xuân quá khứ khi còn xóm làng hay họ hàng thân thích bao quanh. Cùng sống trong cái phong tục cũ kỹ mà có tình làng nghĩa xóm, có tình người còn thật thà, nhân hậu. Họ biếu quà cho nhau vì thương yêu đùm bọc nhau, chẳng phải vì nịnh bợ hay đút lót, hối lộ để dễ dàng chạy việc cho họ như người ta phải làm ở thế kỷ 21 này tại quê nhà Việt Nam.

(Viết theo cuộc đời của mẹ)



TT-Thái An - 1/7/2025

BÊN EM CHIỀU MƠ



*Ta ngắt hoa cài mái tóc em,
Tìm dư hương cũ thuở êm đêm.
Gọi mùa xuân đến ôi xa quá!
Vạt nắng hanh chiều theo gió lên.*

*Ta thích xuân về trong mắt em,
Ngăn ngày tháng úa rụng bên thềm,
Cho ta đừng bước chân luân lạc,
Trả gánh phong trần bên dáng em.*

*Ta muốn tìm quên trong mắt em,
Ru đời say đắm nụ môi mềm,
Buông xuôi dĩ vãng thành mây khói,
Mặc ánh sao trời đưa bóng đêm!*

*Ta cố tìm vui trong ý thơ,
Nhặt sầu quặng xuống đáy mong chờ,
Bỏ rơi ảo mộng vào quên lãng,
Rồi tự ôm tim khóc chiều mơ.*

Đỗ Bình Paris

CÀ-PHÊ CÒN NHỎ GIỌT

**** NGUYỄN PHÚ LONG ****

“Ở chợ Dầu có hàng cà-phê... có một cô nàng bé bé xinh xinh”. Đây là lời mở đầu bài ca [Cô Hàng Cà Phê của nhạc sĩ Canh-Thân](#) sáng tác từ lâu lắm rồi, song, không những nhiều người vẫn thuộc, mà bây giờ, một số rất ít các vị cao niên khi nghe lại, có thể vẫn thấy phảng phất vài hình ảnh kỷ niệm... ở chợ Dầu!

Chợ Dầu thời đó, cái thuở nằm trong khu kháng chiến, chưa thuộc vùng tề, không khí sinh hoạt giống như chợ Vân-Đình, chợ Đại, Cống-Thần thuộc tỉnh Hà-Đông, ngày ngày còn sợ máy bay Pháp oanh tạc, nhưng người ta, nhất là trai thanh gái lịch, vẫn qua lại, ra vào, ăn uống nhõn nhõ, mãi mê mua bán hàng ngoại, như vải vóc, đồng hồ, bút máy, bật lửa... Hàng cà-phê lúc ấy là một dịch vụ thương mại hiếm hoi, văn nghệ, mới mẻ, luôn luôn hấp dẫn “Mấy anh nhỏ nhỏ thường hay đến ngồi cười với cô...”

Bây giờ, cà-phê là thức uống tràn lan không thể thiếu từ nhà hàng đắt tiền, sang trọng đến quán ăn bình dân hàng cùng ngõ hẻm. Nói cách khác, thực khách ngày nay dù sang hèn, sau khi ăn nhậu đâu đâu cũng có thể gọi cà-phê. Cà-phê được bố trí phục vụ khắp nơi. Nhưng uống cà-phê trường hợp này chỉ như để thay tách nước trà tráng miệng... bình thường.

Lối húp cà-phê đổ ra đĩa cho bớt nóng thì không đáng nói rồi. Đến như gọi ly cà phê để trước mặt, kiểu cách, mà mục đích chỉ là ngồi nghe nhạc khi tới Hầm

Gió đường Võ Tánh hay Đêm Màu Hồng đại lộ Nguyễn Huệ cũng chẳng phải để thưởng thức cà-phê hoàn toàn.

Thường thức cà phê đòi hỏi không khí yên tĩnh, thanh thản, chọn lựa...Như thế, muốn cho đúng “gu”, muốn đã nghiền, phải lần mò tới những nơi chỉ lấy cà-phê làm mục đích hoạt động chính của chủ nhân may ra mới có thể kể là người sành điệu.

Trước năm 1954 Hà-Nội có Cà-Phê Nhân là một trong hai tiệm nổi tiếng nhất, nó nằm ở ngõ Bảo Khánh, gần phố Cầu Gỗ, trông sang quán giải khát Mụ-Béo bên hồ Hoàn-Kiến, mà thỉnh thoảng tôi được hân hạnh theo ra đó, bố tôi thì kêu ấm trà Tàu trầm ngâm. Độc ẩm. Tôi thì chẳng chọn lựa, lần nào cũng vậy, được gọi cho ly nước đá chanh...lặng lẽ, thờ ơ, một mình, lâu lâu nghe tiếng leng keng của tàu điện di chuyển lên xuống từ phố Huế tới chợ

Đồng-Xuân, góc chung quanh toàn là người lớn, bàn ghế, tranh ảnh, đồ đạc hơi cổ, thế mà cũng nhớ mãi và thấy rất hãnh diện.

Hồi ấy tôi đang ở nhà ông chú tại Hà-Nội để ngày ngày cấp sách tới trường tiểu học Sinh-Tử cùng người em, trong khi gia đình cư ngụ nơi thị xã Sơn-Tây. Bố tôi là nhà binh mà đi làm giống công chức, chẳng phải cấm trại trăm phần trăm mút mùa lệ thủy như sau này, cứ thứ bảy, chủ nhật lại cùng người bạn thân về Hà-Nội (Khoảng 30 cây số) chơi bài tổ tôm, “Làm trai biết đánh tổ tôm,

biết ăn thịt chó biết nôm Thúy-Kiều.” nếu ghé thăm tôi tức là được bạc, dắt tôi đi thưởng thức cơm tây, cơm tám giò chả ở Hàng Buồm, cà phê Nhân ở hẻm Bảo-Khánh, phung phí cho đến hết, nhưng nhiều khi đợi hoài bố chẳng tới thì bắt đầu hiểu, cái hiểu thâm lặng về sự thất bại cho cả gia đình càng ngày càng nghèo vì cò bạc. Vấn đề này khá quan trọng mà chúng tôi còn nhỏ chẳng dám có ý kiến. Mẹ tôi thì dùng nhiều cách, nhiều phen nhưng vẫn không ngăn cản được. Mới lại nói cho cùng thì ý kiến ăn thua gì, ngăn cản sao nổi: *Nhân sinh quý thích chí,*

Chẳng gì hơn vui cuộc tụ tam.

Tài kinh luân xoay dọc xoay ngang,

Cơ điều khiển quân ăn quân đánh.

Gọi một tiếng người đều phải kính,

Dậy ba quân ai dám chẳng nhường.

(Thú Tô Tôm - Nguyễn-Công-Trứ)

Rồi thì, may sao, cuộc tụ tam cũng qua. Vào Sài-Gòn, năm 1954, các chiến sĩ “tụ tam” tản mác, kẻ đi, người ở, nhưng khung trời mới lại bày ra những hấp lực mới. Sức tàn phá của mặt trận mới cũng vô cùng độc hại và khốc liệt. Để thích ứng với hoàn cảnh, như con thiêu thân trước ánh lửa hồng, bố tôi lập tức nhào vô tham dự, tìm cảm giác ở Kim Chung, Đại Thế Giới, và, tình hình tuy có thể biết trước nhưng thực tế chưa kịp ngã ngũ thì ít lâu sau bố tôi qua đời. Bố tôi qua đời trước cả thời gian hai thiên đàng này bị bức tử, để lại cho chúng tôi mấy tờ biên lai của tiệm cầm đồ và một gia tài. Tôi nghĩ đấy chính là gia tài: Mẹ tôi, một quả phụ có chồng là sĩ quan chết vì công vụ do đó ưu tiên trở nên công chức, làm thợ may trong bảo sanh viện Hùng-Vương Chợ Lớn, em tôi thì gom mấy

chứng từ dính kèm hồ sơ xin vào Quốc-Gia Nghĩa Tử, rồi sau khi lấy xong tú tài, nhập khóa huấn luyện một năm sư-phạm đặc biệt, thành cô giáo dạy trường công lập Xóm-Củi, và tôi, cũng do biến cố bố tôi mất đi, lượm tám giấy miễn dịch vĩnh viễn bỏ túi, an toàn xa lộ, nhưng chỉ khỏi vô Thủ-Đức một thời gian trước khi có lệnh tổng động viên năm 1966.

Hồi đó, khi nhận giấy miễn dịch tôi chẳng vui, bạn hữu đi hết rồi, cuộc đời cấp ô kè kè sớm tối đâu có gì hấp dẫn, nếu không muốn nói là hơi hèn; Đến lúc cầm lệnh gọi nhập ngũ cũng thế, chẳng buồn. “Tái Ông mất ngựa.” Mặc đồ lính đi ra đường ít nhất cũng không sợ cảnh sát... nhưng đó là chuyện về sau.

Trời sinh voi sinh cỏ, sau khi mất mát cột trụ gia đình, giống như căn nhà chao đảo, chịu đựng qua cơn sóng gió, cuộc sống dần dần ổn định, anh em tôi vẫn được cấp sách tới trường, hồi ấy chưa thấy khai sinh cụm từ “cái nòi ngòi trên cái cóc” song tuổi đời thì đã trọng, đã “biết cái chi chi” nên những lần có bạn thân tới chơi, chúng tôi, làm như người lớn, hay kéo nhau ra Lý-Thái-Tổ gần nhà, tìm được một nơi khá lý tưởng, đó là tiệm Cà-Phê Nhân, mỗi thằng làm cái “phin” đặc biệt, cà-phê Ban-Mê-Thuột, tha hồ nói chuyện bù khú, tự do.

Quãng đường Lý Thái Tổ từ Nguyễn-Tri-Phương tới Ngã Bảy ngắn thôi, mặt hè lồi lõm nhiều chỗ chưa trải xi măng, ngoài mấy cửa hiệu bày bán tràn lan cả rừng xe đạp, còn lại rất nhiều quán hàng, xạp bán vé số, xe bánh mỳ thịt nguội, nước mía... Ai không thích phở Tàu Bay, Phở Tàu Thủy, xin ghé cơm tấm bì thịt nướng. Ăn chơi phải tùy theo

thời gian sớm chiều, có bánh cam, đậu phộng luộc, bắp nướng, bò viên. Ai muốn thay đổi, tằm bở thì băng qua bên đường vào gọi cà ri dê, dê hầm thuốc bắc, hủ tíu ngầu pín, quán hủ tíu ngầu pín của chú Ba rất hẹp, nhưng thực khách đông thật là đông, ở ngay bên cạnh nhà gia đình cụ Đỗ-Đình-Năm, em cụ Đỗ-Đình-Đạo, mặt tiền rộng thênh thang...

Chúng tôi tới khu phố này rất nhiều lần, nhưng phần lớn chỉ để vào tiệm cà-phê Nhân, nhâm nhi cái café au lait, cầm điếu thuốc Ruby, rì rầm, to nhỏ, nhìn phố phường như kẻ bàng quan hờ hững.

Tiệm cà-phê Nhân ở Sài-gòn tương đối sáng sủa và sạch sẽ, nằm trên trục giao thông của xe bus từ trường đua Phú-Thọ tới chợ Bến Thành, giữa chốn quan chiêm tấp nập, chẳng bài trí sang trọng đèn xanh đèn đỏ, cũng không rộng lắm, bốn năm cái bàn gỗ kê song song hai bên tường, ghế đầu cũng bằng gỗ, bây giờ hàng quán bình dân ở Sài Gòn vẫn dùng ghế đầu nhưng là nhựa, thấp hơn, bền và tiện hơn, nhiều màu sắc hơn, ngăn cách phía trong là một tủ kính chứa lối ra vô, không khí ẩm cúng, quang cảnh mộc mạc, một lúc có thể tiếp khoảng hai chục khách là tối đa, giá cả phải chăng, đồ ăn thức uống hấp dẫn.

Phần lớn mấy quán cà phê đều phục vụ cả khách hàng muốn uống trà tàu, hàng cà phê ở chợ Dầu xưa kia cũng vậy. Nay vì miền Nam khí hậu nóng bức, mục trà Tàu chẳng được ai hoan nghênh nên đã bị loại bỏ, mấy bộ ấm chén nhỏ xíu màu da lươn nằm im lìm trong tủ kính chỉ để làm cảnh, bù lại tiệm cà phê Nhân đã khai thác thêm bánh cuốn điếm tằm,

bánh đậu xanh, bánh gai, thuốc lá... làm khách hàng tới đây có thêm nhu cầu được phục vụ thoải mái, và, quan trọng là không cảm thấy phải vội vàng, đóng chốt bao lâu chủ nhân cũng chẳng để ý, vì có bao giờ tiệm hết chỗ ngồi đâu! Tuy nhiên vào những buổi trưa oi ả, đôi khi có luồng gió thổi từ phía chợ cá trước mặt ủa sang cũng làm khó chịu bởi “cái mùi nồng mặn ấy” (Tế-Hanh, trong bài thơ Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới...)

Làm ngum cà-phê, rít hơi Cotab, bóc phong bánh đậu xanh Bảo-Hiên, mấy cử chỉ này “đi” với nhau nhịp nhàng rất hợp, rất gần gũi, không giống như khi dùng trà. Uống trà là một nghệ thuật cao hơn, thanh nhã hơn, trịnh trọng hơn thậm chí còn phải biết cách pha, cách uống nên nó đã được nhiều người nâng thành Đạo. Trà Đạo. Chả hiểu phải vậy không, ông Lưu-Văn-Vịnh đã viết trong cuốn Bốn-Lần-Leo-Núi-Tản: “Uống trà giống như nắm tay Thúy Vân, mà uống cà-phê như nằm ngủ với Thúy-Kiều.” Sự ví von này gợi ra những hình ảnh thật lãng mạn, trữ tình.

Chúng tôi kéo nhau tới đóng vai khách hàng thường xuyên của tiệm Cà-phê Nhân nhiều năm tháng nắng mưa, nắng mặt, từ lúc còn ở trung học đi xe đạp, cho tới khi mặc áo trận vẫn “chung thủy” lái xe nhà binh đến đậu trước cửa mỗi lần về Sài-Gòn, thế nên hẳn có dịp tới đều được đón tiếp thân mật, chuyện trò niềm nở nhất là vào những lúc vắng vẻ.

“Lâu quá, không thấy ghé, lại tưởng là..”

Ông chủ tiệm thường “chào” tôi một câu bở lửng như vậy, là vì có thể, đôi khi ít khách, ngồi nhìn mưa Sài-Gòn chút

nước ào ào từng chập, nhớ khách quen, nhớ tôi, ông đã nghĩ đến những màn phục kích, đến những cuộc giao tranh mật mù khói lửa..

Một lần tôi hỏi, phải đây là tiệm cà-phê từ Hà-Nội “di cư” vào chẳng, thì được trả lời: Không hẳn vậy, hai bên chỉ là họ hàng với nhau. Ông chủ ở Sài-Gòn dáng cao lớn, khoảng hơn bảy chục, nhưng trông còn khỏe mạnh lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ, thẳng thắn. Là một cựu sĩ quan Tây, có thời gian phục vụ bên Tàu, nay về hưu ở Sài Gòn, mở tiệm, hoạt động cho bớt thì giờ nhàm chán, đã mượn đỡ cái tên hiệu của người nhà để mời gọi thêm khách Bắc Kỳ cũ.

Sau này, theo chỗ tôi biết thì, tiệm cà phê Nhân ở Hà-Nội vẫn còn đó, vẫn được khách hàng chiếu cố nồng nhiệt, bây giờ càng ngày càng xầm uất với đèn ống neon nhấp nháy ngoài mặt tiền, tranh của họa sĩ nổi tiếng trang trí nội thất, lầu một, lầu hai bày biện sang trọng, tiếp viên qua lại phục vụ nhộn nhịp. Sự phát đạt về kinh tế là điều đáng mừng chẳng những cho gia đình mà gián tiếp cho cả xã hội, nhưng, trường hợp này đối với khách nghiện cà phê, quang cảnh mới có làm hơi ngơ ngác một chút, vì nó đã mất hẳn cái không khí bình thản, mộc mạc, ấm cúng, giản dị, yên lặng quen thuộc xưa...

Tiệm cà phê Nhân Sài-Gòn không “tiến nhanh, tiến mạnh” như đồng nghiệp cùng tên ở Hà-Nội, lúc nào nó cũng bình bình, bơ bơ, giống cuộc sống không bon chen của người ưa thả nổi, an phận, nhỏ nhặt, tầm thường. Tuy nhiên vì cuộc sống, nên nó cũng cần thi hành những luật lệ căn bản của người mua kẻ bán. Còn nhớ lúc mới đầu có lần bị tính tiền

nhiều hơn giá biểu trên bảng thực đơn chút xíu, chưa kịp hỏi ra sao, thì đã được ông chủ, như biết trước, thản nhiên giải thích, đó là vì gọi thêm đường bỏ vào cà phê! Nhưng về sau, mấy lần, gọi thêm đường như thế, lại chẳng bị tính tiền, nhắc ông thì ông cười đáp, cũng thản

nhien: “Người quen, có chút đường!”

Còn một điều phải kể, được coi như “người quen” bởi không bao giờ ăn uống ghi sổ giống như một số khách hàng, cũng quen, nhưng vì cho tiện đã tích lũy để lâu lâu cộng lại trả một lần cho đỡ mất thì giờ mà chủ nhân thường không thích bởi cần vốn, mới lại, nói cho ngay, đôi khi cũng cảm thấy bất trắc.

Là học trò nghèo, tối tối kiếm thêm tiền bằng cách kèm trẻ tại tư gia, ngoài khoản mua sách báo, hút tóe, còn thì đem tới cà-phê Nhân thù tạc bạn bè, chứ có biết để làm gì đâu (!) Lại nữa, thấy cô Nga, con gái ông chủ, không tỏ ý léng phếng, mắt la mày lém, mà chỉ coi như anh em tự nhiên trong gia đình. Hồi đó tôi đang trồng cây xi cô cháu thẳng bạn và thẳng bạn thì lại bận rộn “gò” nhỏ bạn của cháu nó, nên bọn “gà què ăn quần cối xay” dù sao cũng phải thủ cẳng, giữ ý lẫn nhau, ra cái điều đứng đắn, chứ thả ra thì ngây thơ bé nhỏ gì, nam nữ cỡ này nhót chung với nhau là có chữa ngay ấy chứ ily, một lũ tồng ngồng cả rồi, đúng như cụ Tản-Đà mô tả trong bài thơ Nhớ Chị Hàng Cau:

*Ai đương độ ấy lăm rằm mắt,
Tớ đã ngày nay lún phún râu!*

Cô Nga “hay cười, hồn Xuân phơi phới”... những lúc ít việc vẫn thường nói chuyện, vô tư:

- Hai tiệm phở liền nhau, anh thích ăn phở Tàu Bay hay Tàu Thủy?
- Tàu Bay. Nhưng đông quá, không chờ được thì sang Tàu Thủy.
- Thế Tàu Thủy cũng đông quá thì sao?
- Thì đi... xe đạp về nhà ăn cơm nguội!

Nga cười tự nhiên, tiếp:

- Một người, sáng vẫn bưng phở cho thực khách, vừa bưng vừa la “Nước sôi! Nước sôi!”, ông ấy tên Huy, mới lấy vợ là cô bán chanh ở chợ Cá bên kia đường anh biết không?
- Không.
- Ngoài việc bưng phở ngày ngày ông Huy còn có nhiệm vụ băng qua đường vào chợ Cá mua chanh về sửa soạn phục vụ khách hàng hôm sau, do đó quen cô bán chanh, rồi lấy cô bán chanh!
- Chuyện cổ như trái đất, đúng là “gặp nhau, biết nhau, quen nhau, yêu nhau, lấy nhau rồi... sống bên nhau”
- Biết hết! Thôi không kể nữa!

Đàn bà thật nhiều tự ái. Nàng nguyệt tôi, có vẻ nhõng nhẹo, im lặng. Tôi cũng chưa biết tiếp tục ra sao, thì may quá vừa lúc có hai vị khách nam nữ, quần quýt như đôi tình nhân, vừa đi vừa dựa vào nhau như say, như muốn đổ, nói chuyện âu yếm rì rầm chẳng thèm nhìn ai, Nga vội đứng lên, làm việc.

Một mình, tôi tộp ngum cà-phê, chả biết làm chi lại nghĩ đến ông Huy, cô bán chanh, nghĩ đến những cuộc gặp gỡ, biết nhau, quen nhau, yêu nhau, lấy nhau rồi sống chung, mình với ta tuy hai mà một, gắn bó, thành thật, cho nhau tất

cả, chẳng tiếc gì, đối với nhau còn hơn tình ruột thịt bố mẹ anh em...Cô bé trở lại, cười, tôi cũng cười:

- Anh nói có gì sai đâu, việc hôn nhân, theo phong hóa, phải thử tự từng giai đoạn chứ. Chuyện đó thì ai chẳng biết.
- Anh xin lỗi! Hay là cặp này đột giai đoạn?

- Làm gì có. Các ông chỉ được cái nghĩ tầm bậy. Khu phố quanh đây dù nhiều chuyện, nhưng mọi sự đều suông sẻ, có điều bây giờ vợ ông Huy không còn bán chanh ở chợ Cá nữa!

- Ủa sao vậy?

- Ông Huy ra điều kiện lấy ổng thì ở nhà, ổng đi làm đủ rồi.

- Thế à? Em biết không, có mấy nữ ca sĩ cũng được chồng yêu cầu nghỉ hát khi lấy nhau. Song cô bán chanh chẳng muốn thế, ngược lại, còn đề nghị ông Huy nghỉ việc, thủng thẳng kiếm chỗ khác, để mình cô tằm tảo, “Quanh năm lặn lội ở ven sông”, cô mơ ước có chồng là người thợ chuyên môn, như thợ kim hoàn, thợ may quần áo tây, nhàn nhã và sạch sẽ hơn, nhưng ổng không chịu giằng co mãi và cuối cùng cô phải chịu.

Người đàn ông trong gia đình lúc nào cũng đứng mũi chịu sào, phần lớn là vậy, ngoại trừ mấy kẻ hèn hạ, mang kiếp mây râu mà nhục nhã cúi đầu núp bóng quần thâm.

Lại có mấy người khách trẻ bước vào, ông chủ liền đứng dậy từ sau tủ kính, vừa “đề-pa” mấy bước với đôi guốc mộc nặng chình chịch, khua vang thì Nga lại nhào ra xung phong lấy order làm tự

nhiên dán đoạn câu chuyện đang dở dang. Tôi không biết ông chủ tiệm tên gì, ông có hai người con gái. Cô Nga và bà vợ luôn túc trực giúp thu tiền, trông hàng, pha cà-phê, dọn bàn nhưng cô gái lớn thì tuyệt đối chẳng bao giờ, cô chỉ xuất hiện khi dắt chiếc xe Velo Solex ra phố hay từ bên ngoài về nhà lướt qua nghiêm trang, lặng lẽ.

Thế rồi “thủa trời đất nổi cơn gió bụi” vào khoảng tháng 10 năm 1975 tôi tình cờ gặp ông chủ tiệm cà-phê Nhân ở trại tạm trú Indiantown Gap, Pennsylvania. Phong cảnh vùng “Anh-Đi-Ăn-Táo” lúc này như mới vào Thu, lá cây đã vàng, người di tản buồn đối diện cái lạnh đầu tiên trên đất lạ, qua lại giữa những giầy barracks co ro với mấy chiếc áo mùa Đông cũ, lòi loét do hội Hồng Thập Tự cung cấp. Tôi bất chợt thấy ông cũng co ro trên đường. Nhìn ông thật bất ngờ, mới đó mà xạm hẳn đi, nét mặt âu sầu, chán nản, khác hẳn hồi trước. Ông được bốc sang đây bằng máy bay Mỹ theo gia đình người con gái lớn, bà vợ và cô Nga thì vẫn ở Sài-Gòn. Tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao ông bà lại quyết định theo kiểu Âu-Cơ và Lạc-Long-Quân như thế!

Vũ Trọng Phụng viết: “Hạnh phúc là gì nếu chẳng phải sức khỏe của hai vợ chồng.” Câu văn này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong tác phẩm Số-Đô.

“Biết rồi, khổ lắm nói mãi!”.

Nhưng người ta, tuổi đời đã tới xế chiều, sức khỏe hao mòn dần dần đến khi không còn nữa, thì vợ chồng vẫn có hạnh phúc chứ! Hạnh phúc vợ chồng bấy giờ là gì nếu chẳng phải gần gũi để tâm sự, an ủi, nương tựa sớm khuya.

Cái hạnh phúc lúc này cũng cần thiết, rất cần thiết, vì nếu không, “lấy ai là người nghe em kể chuyện thu phong.”

Nhìn ông cụ, chợt nhớ đến người bạn vẫn cùng uống cà-phê thuở nào. Nhưng hẳn đang kẹt trong cái tạo nên tôi cũng chả có đối tượng để mà kể lể, báo tin gặp gỡ cố nhân. Lúc xuất trại ông về Cali. Tôi xuống thủ đô Richmond của bang Virginia, sau đó, dĩ nhiên tôi vẫn giữ liên lạc. Cô gái lớn đối với gia đình tôi đã thân thiện, quen nhau rồi mới thấy cô ấy ít nói, song rất dễ thương, qua thư từ cô chỉ cho vợ tôi cách làm bánh cuốn vì hồi 1975 người Việt ở Mỹ chưa đông, chưa có nhiều tiệm ăn Á châu ê hề, tràn ngập làm thành cả khu phố.

Sau đó, tôi cũng như nhiều kẻ khác, cuộc sống của lớp người lót đường lúc đầu vất vả. Vừa phải gìn giữ cái căn bản của lối sống cũ, quê hương. Tôi thường nhắc nhở các con tôi ở nhà phải nói tiếng Việt. Vừa phải cố gắng để hội nhập, tiến bộ. Ngày ấy tôi chưa biết Valentine day, Mother day là cái gì, Một hôm trên đường cuộc bộ đi làm, tới ngã tư đèn xanh đèn đỏ Monument và Kensington Ave, tôi chào người bán hoa ở vỉa hè như thường lệ, nhưng khác với thường lệ ông già da đen tươi cười trao cho tôi một cành hoa, cầm đến chỗ làm, hỏi bạn mới biết hôm ấy là Mother’s Day. Ý ông muốn tôi đem hoa về tặng vợ. Tôi thân thiện với ông hơn từ bữa đó.

Từ bữa đó tới hôm nay, thời gian đã hơn 30 năm, biết bao nhiêu thay đổi. Thoạt tiên, với thật nhiều bỡ ngỡ lúc ban sơ, tôi đến thành phố này rồi lang thang mấy tiểu bang khác làm việc, tha phương cầu thực, bây giờ lại trở về... và nay nếu tôi chẳng tình cờ bách bộ thơ

thần ở góc vỉa hè ấy để chờ mẹ tôi đang khám bệnh trong văn phòng bác sĩ thì làm sao biết và nhớ ông già da đen bán hoa năm xưa đã chết khi nhìn một phiến đá khiêm tốn, vuông vắn, im lìm nằm trên bãi cỏ như tấm mộ bia do flower vender and friend thực hiện với hàng chữ “He sold flowers at this corner for half a century.”

Nhớ lại hồi mới đến đây, những ngày vất vả, mùa hè chẳng có máy lạnh, mùa đông chạy tiền đổ dầu đốt lò sưởi hệt hơi. Vợ đi làm bằng phương tiện di chuyển công cộng từ tờ mờ sáng, hôm nào cũng bới bát cơm với một món mặn mang theo để ăn trưa. Chồng mần ca đêm, tự điều khiển cái xe đạp cũ mua ở garage sale rẻ rẻ, chẳng phải trả tax, chẳng phải đổ xăng. Sáng đêm quần quật. Tối tắm mặt mũi. Về sau chiếc xe hai bánh dở chừng hết đứt xích lại xì hơi bèn cuốc bộ, nên mới có cơ hội quen biết với ông già bán hoa ở ngã tư giữa nhà và nơi làm việc.

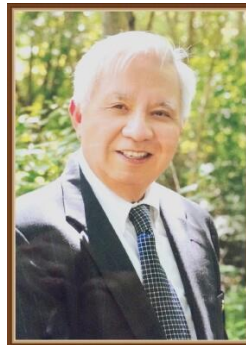
Vì vật lộn với những khó khăn trong cuộc sống mới mà bằng một thời gian tôi không biết gia đình ông cựu chủ tiệm cà-phê Nhân bên Cali. thế nào, cho tới một hôm đột ngột tình cờ được tin, từ một người quen: Ông cụ đã qua đời!

Tôi âm thầm với nỗi ám ảnh qua những hình bóng cũ. Tuổi già cứ đến từ từ, “tuổi già giọt lệ như sương.” Nhớ lại, sau thời gian mỗi người một hướng, thư từ lui tới với gia đình người con ở Cali. cứ nhạt dần, cứ thưa dần, chả biết viết gì, chẳng lẽ cứ kể mãi chuyện tị nạn, nhà thờ bảo trợ, rồi mất địa chỉ lúc nào không hay. Bây giờ cũng không thể kể lễ báo tin buồn này cho ai vì thằng bạn cùng tôi từng uống cà-phê trước đây đã yên nghỉ

đâu đó trong lòng đất trại cải tạo không kịp đoàn tụ với vợ con bên Canada.

Sự liên hệ giữa tôi và ông chủ tiệm cà-phê Nhân bắt đầu khoảng cuối thập niên 50. Khi gần, lúc xa trong một xã hội thật nhiều “nổi chuẩn chuyên” cho tới thời gian gặp nhau ở “Anh-Đi-Ăn-Táo” Pennsylvania để rồi mỗi người mỗi ngã, vĩnh viễn. Tôi chẳng dám coi ông như bằng hữu, sự quen biết qua lại chỉ nhàn nhạt, gặp gỡ bao giờ cũng mừng, cũng vui, thăm hỏi chuyện trò. Xa cách thì vẫn giữ trong bụng mấy hình ảnh, kỷ niệm này nọ, để đôi khi giữa những lần làm việc cực nhọc lại nhớ đến nhau, như thế, hẳn chúng tôi không phải chỉ là người dưng hoàn toàn và thật đáng tiếc chưa bao giờ mời nhau được một ly cà-phê.

Tôi tiếc là chuyến về thăm quê hương mới đây, tới đường Lý-Thái-Tổ, để ý tìm, nhưng không còn trông thấy tiệm cà-phê Nhân, không định được rõ vị trí của chốn xưa từng lui tới. “Thương hải biến vi tang điền.” Bà chủ tiệm cà phê Nhân gốc người Hà-Nội quý phái trôi nổi nơi đâu? Còn ở quê nhà hay đã “đoàn tụ” với người con lớn, hay đã “về” cùng người chồng mà thời cuộc làm xa cách bao năm! Ôi, “những người muôn năm cũ.”



NGUYỄN PHÚ LONG (1938-2023)

Đêm Giao Thừa ở Hồ Hoàn Kiếm

**** VŨ CÔNG HIỀN ****

Nếu không bận triển lãm nhiếp ảnh vào dịp Tết thì chúng tôi thường rủ nhau lên Hà Giang ăn Tết với bọn trẻ con người H'Mông, để được nhìn thấy nụ cười rạng rỡ và ánh mắt của bọn nhỏ sáng lên khi được cho kẹo.



Mọi người thường hẹn nhau tại khu Phố Cổ Hà Nội vài ngày trước Tết. Tại đây chỉ cần bước ra khỏi khách sạn là có hàng bún thang, bún măng ngan ở bên trái; bún chả, ốc giã ba ba ngay trước mặt; bánh cuốn, bún riêu ở bên phải. Toàn là món ăn Bắc. Chúng tôi cũng chỉ cần băng qua đường Đinh Tiên Hoàng là tới đền Ngọc Sơn, nơi mà mọi người sẽ tụ tập đến xem bắn pháo hoa vào lúc giao thừa.

Khác với Sài Gòn đường phố trở nên vắng vẻ khi mọi người đổ về quê ăn Tết, dân Hà Nội lại đổ xô về khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm đêm ba mươi. Người đông như trẩy hội, đa số là thanh niên nam nữ tuổi dưới 30, ít thấy ai ở lứa tuổi 40. Chúng tôi chợt nhận ra là mình

lạc lõng giữa đám đông này với số tuổi quá gấp đôi. Thôi thì đến dự giao thừa ở hồ Hoàn Kiếm một lần cho biết. Cũng là để chụp ảnh đêm 30 mà không tối đen như người ta ví.

Chúng tôi cố tìm một chỗ ngồi ngay bờ hồ xi-măng, thòng hai chân xuống, tay ôm máy ảnh chờ tới giờ giao thừa, hồn nhiên như tuổi còn trẻ. Không biết có phải pháo hoa “Made in China” nên giá rẻ hay không mà thấy họ bắn nhiều thế, lâu hơn đêm Giao Thừa Tây (New Year Eve) của San Francisco nhiều. Chụp được một số ảnh tương đối rõ mặc dù không có chỗ trống để dựng chân máy ảnh. Giữa tiếng nổ của pháo hoa, giữa tiếng nói cười ồn ào của khách du xuân trong không khí se lạnh của Hà Nội vào cuối năm, tôi cảm thấy lòng nhẹ nhàng, thanh thản.

Hai hôm sau, chúng tôi sẽ vác ba-lô lên vùng Đồn Vần, Mèo Vạc ăn Tết với đám trẻ con người H'Mông. Hứa hẹn sẽ chụp hàng ngàn tấm ảnh đầy màu sắc tại đây.



VŨ CÔNG HIỀN

Mời xem thêm về nhiếp ảnh nghệ thuật của tác giả Vũ Công Hiến ở link:
<https://cothomagazine.com/wp/author/vu-cong-hien/>



Ảnh: Vũ Công Hiến





Ảnh: Vũ Công Hiền



Thoáng Giấc Mơ Qua

**** Tâm Chi ****

Sáng nay mưa nhẹ hạt, Bạn bè gặp nhau ở cà phê cuối phố. Nơi đây, thành phố Oakland cách San Francisco một cây cầu qua vùng Đông Vịnh. Mùa đông Cali vẫn đẹp như xưa nay với lá vàng lá đỏ còn ngủ gượng trên cây trước khi rơi rụng. Mùa này cũng là mùa yêu thương với cây Noel ấm áp, với lời chào năm mới 2025 và sửa soạn đón Tết Việt Ất Ty. Vẫn cái tết xa quê ngậm ngùi nỗi nhớ thương da diết nhất là những năm đầu ly xứ. Nhưng rồi cũng dần quen đi như có người gọi là “hai quê” thì đây là quê hương thứ hai và cảm nhận ngày càng mù mịt đường về bản quán. Đến bây giờ đã sắp bước vào năm thứ năm mươi trên đường lưu vong!

Chúng tôi thường ngồi với nhau vào mỗi cuối tuần chừng năm bảy người, có khi lên tới mười lăm, hai mươi, gọi là “thân hữu bốn phương”. Tuổi già nơi đất khách mà còn gặp được nhau là niềm hạnh phúc với biết bao câu chuyện vui đùa, hài hước chạy măn để vỗ về an ủi những ngày vàng sót lại.

Nhìn lại năm mươi năm trôi qua sao mà nhanh quá! Từng bước, từng bước thềm những tướng tá, chính trị gia, quan lớn quan vừa cả hai miền Nam Bắc hầu hết đã rũ áo bụi trần. Bao văn nghệ sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, thi nhân... cũng như hàng lãnh đạo tôn giáo, thường dân đều

lần lượt ra đi. tất cả đều trôi theo dòng lịch sử và thời gian vô tận. Cái hiện tại phút chốc thành quá vãng trôi nhanh như bóng ngạ qua màn.

Nhìn lại để thấy lớp chúng tôi, những người trẻ thanh niên lúc ấy, mùa hè đỏ lửa, đứng ngồi không yên đành từ giã sân trường Đại học, vội vàng bước vào các quân trường để làm tròn nhiệm vụ người trai thời loạn. Làm gì có “uống ly chanh đường, uống môi em ngọt” hoặc theo “em tan trường về” thơ mộng nữa. Chiến tranh đã đánh mất quá nhiều thứ và rồi hoà bình thống nhất lại càng tang thương, đói khổ và tù tội. Chúng tôi vào chiến trường với tư thế bảo vệ Miền Nam Cộng Hòa được cuộc sống an bình hạnh phúc. Nhưng rồi ngày 30 tháng 4 lại đến!

Qua cuộc biến dâu này nghiệm lại chẳng ai thắng mà tất cả đều thua. Đó là một sai lầm lịch sử! Kết thúc bi thương và hậu quả đất nước nặng nợ với anh lính giềng khổng lồ luôn chực chờ dọa nạt. Thống nhất thì tốt nhưng trả giá quá đắt với hàng triệu sinh mạng quân dân 2 miền Nam Bắc, suy kiệt nguyên khí nước nhà, điều tàn cương thổ... và sai lầm đến 50 năm rồi mà vẫn chưa gột sạch vết tích kỳ thị, chia phân. Có lẽ chờ thêm 50 năm nữa mới xóa tan. Vâng, hy vọng thế vì đến đây tất cả thế hệ tham chiến hoặc có ảnh hưởng ít nhiều đến

cuộc chiến đã nằm sâu trong lòng đất lạnh.

Nhắc lại làm gì, chúng tôi ân hận vì không bảo vệ được người dân, nhất là những bà mẹ, bà vợ và trẻ thơ. Cuộc chiến mang danh chủ nghĩa hay ý thức hệ nào rồi cũng tàn phai, chỉ còn lại Quê Mẹ tang thương khó hàn gắn.

Cái còn lại may mắn là cái vô hình đó là hàng ngàn những bản nhạc vàng đầy thương yêu, một nền văn học cao quý với những sách vở, tác phẩm đồ sộ sáng giá đã bị đốt mà không cháy, chôn mà chưa vùi được, nên còn sống mãi với cuộc đời. Không những còn theo chân người di tản mà còn hồi phục và sống khỏe với người dân trong nước.

Những năm gần đây, ở trong nước phong trào hát nhạc vàng Boléro phải nói là cực thịnh. Đầu làng cuối phố, đình đám tiệc tùng, sân khấu đình chợ, đâu đâu cũng có thể nghe. Những bản nhạc nói lên tình quê hương đất nước, tình yêu anh tiễn tuyến nhớ người em nhỏ hậu phương được tự do sáng tác giữa thời chiến tranh tao loạn. Sự thật những suy nghĩ, tình cảm và cuộc sống con người thời đó đều thể hiện rõ nét qua âm nhạc, thơ văn... Nhưng mặt trái của tự do cũng là điểm yếu đã làm giảm thiểu tinh thần chiến đấu của quân dân.

Nhìn lại hãy tự hỏi chúng ta đã hết lòng hết sức chưa hay vẫn còn số đông thụ hưởng và hờ hững. Những ngày cuối, tôi ở mặt trận đông bắc Sài Gòn đã tận mắt chứng kiến sự chiến đấu gan dạ của

chiến sĩ các cấp trong lúc trên thượng tầng đã hè nhau tháo chạy. May mắn và an ủi là quân đội đã có những vị Tướng biết thương lính và dân đến giờ phút cuối cùng. Khi không còn gì nữa, họ tự kết liễu đời mình để bảo toàn danh dự và khí tiết.

Cả trăm ngàn vào tù lâu dài, lẽ thường của người thua cuộc. Ở tù, chúng tôi có buồn nhưng xót thương cho người dân bên ngoài nhiều hơn. Hòa bình mà đói khát và khổ sở. Đúng là lâu dần rồi cũng quen và cũng qua. Để bây giờ gặp nhau hay nhắc nhở chút kỷ niệm về cái thời gian gió đó. Cay đắng và thù hận thì quên đi nhưng những ân nhân tốt bụng thì luôn nhớ và hay nhắc lại. Trong mười người cai tù cũng có vài vị cán bộ có lương tâm. Họ đối xử tốt và đôi khi còn giúp đỡ như cho giải lao, cho cải thiện linh tinh và thuốc men... Đặc biệt khó quên là những người dân đi rừng ngang qua gặp người tù thường có cái gì họ cho cái nấy như vắt cơm độn, củ sắn, củ khoai, muối ớt, thuốc lào... Nhất là những bà mẹ, bà chị và em gái xót thương hay chia sớt chút ít phần ăn trưa của họ mang theo đi làm trên rẫy. Có mấy anh tù trốn ra ven quốc lộ 1, vào uống cà phê gần thị xã cũ Quảng Trị, mấy O chủ quán không lấy tiền mà còn cho ít thức ăn kèm theo lời nói "Tụi em biết các anh là ai rồi nên không muốn lấy tiền..." Ôi những nụ cười và ánh mắt an ủi! Chuyện người tốt, người hiền như bà Tiên trong cổ tích chúng tôi gặp nhiều trong cuộc bể dâu...

Khi vào tù chúng tôi còn rất trẻ. Thời trai trẻ bị tước mắt, thời đang yêu bị hụt hẫng. Những em gái hậu phương vẫn còn can đảm lên thăm mấy năm đầu và nhất quyết đợi anh về đẹp mới lương duyên. Nhưng trong chúng tôi có nhiều người khuyên em nên gạt nước mắt sang sông. Có em còn chờ, có em vì hoàn cảnh gia đình, vì cuộc sống mà đành xót xa bỏ cuộc. Chẳng có gì đáng trách, chỉ xót thương cho hoàn cảnh xã hội đẩy đưa.

Qua giai đoạn lịch sử đau thương đó, mới thấy được những bà mẹ, bà vợ, nói chung là người phụ nữ Việt Nam hết sức can đảm, chịu đựng, nhẫn nại, thử thách và tài ba. Họ đã vượt qua những tường không thể vượt qua. Thật đáng vinh danh và ghi lòng tạc dạ công ơn hy sinh to lớn đó.

Trở lại chuyện kỷ niệm 50 năm sắp đến đánh dấu tháng Tư buồn, nhiều bạn hỏi nghĩ gì, làm gì? Ờ nhỉ, tất cả qua đi như giấc mơ, bây giờ tất cả chúng tôi đã sắp bước vào 75, 80. Trên thất thập rồi làm gì nữa ngoài việc sống tốt và thanh thản. Công việc cộng đồng, xã hội nhường lại cho lớp trẻ. Có chăng là góp ý tốt, ý thuận nếu được, chứ đa phần là buông...

Còn gặp nhau là quý để tâm tình, nhất là còn được nói, còn được đọc tiếng Việt nơi xứ người là nguồn an ủi lớn rồi. Vào dịp cuối năm 2024, tôi có nhận được bài thơ của người bạn thân ở cùng Vùng Vịnh, là cộng tác viên với tạp chí văn

học, nghệ thuật, biên khảo Cỏ Thơm. Tờ báo mà tôi là một độc giả trung thành vẫn sống mạnh, sống khỏe qua nhiều thập niên trong lúc nhiều tạp chí khác đã đi vào mất dấu. Xin chép tặng bạn đọc như món quà chiêm nghiệm tuổi già. Bài thơ nhẹ buồn nhưng thấm thía. Sự thật thì ai cũng thấy mình già đi khi mùa xuân tới...

Cánh Thời Gian

*Hôm nay trời cảm nên trời lạnh
Đắp tấm chăn mây sáng đến chiều
Hôm trước giao mùa ươn ướt nắng
Thu tàn xiêm áo trút cô liêu*

*Chắc hẳn ngày đông đường sũng nước
Lữ hành đơn bóng bước đẫm chiều
Ai mơ trở lại mùa xuân trước
Mở mắt. Thời gian gõ nhịp đều...*

*Thời gian có gót đâu mà đứng
Chỉ có cánh thời để bay vào
Vòng xoay nhật nguyệt dài vô tận
Một giấc kê vàng được bấy nhiêu!
Quang Hà*

Xin chúc quý bạn đọc xa gần một mùa Xuân an lạc, dù là “giấc kê vàng được bấy nhiêu” vui với cuộc đời!.



Tâm Chi - đầu năm 2025

Bài xướng:

Xuân Chiều Lạc Phố

Năm mươi năm, vẫn Tết tha phương
Bao trạm thời gian... cuộc hý trường!
Nắng trải thêm hoa, Hương Tĩnh Thức
Trăng về Xóm Hạc, Gió Trầm Hương
Gieo vắn Xuân Mới, Thơ Hoài Vọng
Tưởng Khúc Thanh Bình, Nhạc Ngát Chương
Tuyết trắng vườn ai, Chiều Lạc Phố!
Xuân nào Đoàn Tụ, Bến Yêu Thương.

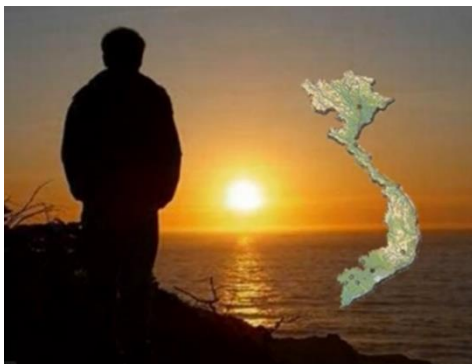
Diệu Minh Tuệ Nga

Bài họa:

Xuân Viễn Xứ

*Thêm một mùa Xuân chốn viễn phương
Nhớ về quê cũ trắng canh trường!
Tháp xưa chuông sớm luôn vang tiếng
Chùa cũ trầm khuya mãi ngát hương.
Thi hứng gọi tình ghi mấy khúc
Vấn nguồn khơi ý thảo vài chương
Thả hồn theo tuyết rơi song vắng
Viễn xứ lòng người rộn luyến thương.*

Tâm Minh Ngô Tằng Giao



Mùa Xuân Này Nắng Lên

** Minh Thúy Thành Nội **

Trời bên ngoài đã chuyển thu hơi lạnh, Nguyên quán chiếc khăn choàng cổ và đội mũ len ra khỏi nhà cùng với Jim. Nàng níu tay Jim tránh sự vấp ngã đi ra con suối Cherry Creek ngay dưới chân dãy núi Rocky. Qua màn mờ của con mắt, nàng vẫn cảm nhận được ánh nắng đang len lỏi qua hàng cây lá, trời trong xanh bao la xuống gần vây con suối. Đạo quanh những bước chậm rãi, Nguyên nhìn con vực và dòng suối đang chảy như nhìn xuống những thương đau của đời nàng...

Bốn năm nay, Nguyên qua Mỹ đoàn tụ cùng con gái ở Seattle. Lòng mẹ thương con, ở Mỹ lo cho con trai còn ở Việt Nam (VN), quay về VN lại thương nhớ con gái bèn quay lại Mỹ. Cuộc sống con gái quá bận rộn, tan ca tới bảy giờ tối, ghé chợ vội vã, về nhà nhào vào bếp lo buổi cơm tối. Rể ra sớm hơn qua nhà bà nội đón hai cháu về lo tắm rửa. Nhìn vợ chồng tối mặt Nguyên thấy xót xa muốn giúp bớt điều gì, đôi lúc muốn rửa chén hay nấu phụ món nào để con gái bớt vất vả, nhưng các con lại không yên tâm: nào mẹ bấm thức ăn hai phút trong microwave con lại lo bấm lộn hai mươi phút, vặn lò trên bếp con lại sợ bị cháy nhà. Tất cả chỉ vì các con thương mẹ, nhưng mẹ nhìn cuộc sống tất bật của các con cũng xót ruột, đau lòng vì không chia sẻ được điều gì, dù Nguyên có kể con gái nghe “hình như mỗi đêm mẹ cầu nguyện Chúa nên bây giờ mắt mẹ nhìn

rõ hơn, khá hơn”, nhưng con gái vẫn lo lắng.

Suốt ngày Nguyên đi ra đi vào, gọi phone chuyện trò bè bạn hoặc mở laptop mò mẫn, gõ vài câu thơ nhưng đôi mắt nhòe nhoẹt ướt nên con chữ bị sai nhiều, bạn bè hiểu ý câu thơ và rất thương cảm. Ngày xưa Nguyên học thêm nơi hội Việt Mỹ, đã từng quen Mỹ dẫn về lớp cho bạn bè tập nói. Mấy chục năm trên bảng đen phấn trắng dạy học, vậy mà khi qua Mỹ tự nhiên Nguyên đâm ra rụt rè sợ hãi, đi ra đường hay vào siêu thị không dám mở miệng. Nguyên thành thật kể điều này cho bạn ở Colorado nghe, bạn nghĩ ra cách giới thiệu ông Jim (người sinh hoạt chung trong hội thánh Tin Lành) cư ngụ nơi thành phố Englewood, mục đích cho Nguyên dạn dĩ nói chuyện, ứng dụng sinh ngữ với người bản xứ và cũng để giết thời giờ.

Từ đó mỗi tối vào khoảng tám giờ bên Seattle Nguyên nhận phone ông, nói chuyện qua lại hơn một năm nay. Thói quen và tìm hiểu thêm, dần dà hai người cảm nhận được sự thông cảm gần gũi. Nguyên được biết ông đã vượt tuổi về hưu lâu rồi, nhưng còn đi làm hãng điện tử. Vợ ông nằm trong nursing home gần mười năm và đã qua đời cách đây bốn năm. Ông có một trai một gái, con gái làm việc ở Cali, con trai sống với ông trong căn apartment.

Tháng tư năm nay Jim bay qua Seattle thăm Nguyên ở lại chơi mấy ngày. Các

em lập gia đình sống quanh đó, cũng như con gái Nguyễn đều welcome ông thân mật, họ nhận xét “Jim có nét mặt hiền hậu dễ mến, biết chị mình bị mù nhưng vẫn đến nên mọi người đều có cảm tình. Các em Nguyễn thay phiên nhau chở ông đi vòng vòng, cho ăn món Việt như phở Thanh Hương, phở Như Ý. Sau chuyến qua diện kiến, Jim có vẻ muốn siết chặt hơn, phone nhiều hơn, nhắn nhiều hơn mỗi sáng ông thức dậy sớm, hoặc giờ lunch trong hăng. Ông thúc giục Nguyễn qua chơi để biết thủ đô Denver.

Jim đón Nguyễn về chung sống gần tháng nay, ngoài dự tính Nguyễn chỉ chơi một tuần, nhưng ông nài nỉ cho đến khi nàng chấp thuận, ông đổi vé máy bay chưa có ngày về.

Qua đây Nguyễn được tự do nấu bếp, bù lại sống với con gái nàng không được làm bất cứ chuyện gì dù việc nhẹ nhất. Ban đầu Jim cũng cảm cản, nhưng Nguyễn năn nỉ “nếu ông không cho tôi làm, tôi cảm thấy mình bất lực sống thừa thãi của một kiếp phé nhân, tôi càng dễ điên loạn hơn nữa, hãy để tôi thử xem”. Jim cho nàng thử và tạm ok.

Mỗi sớm Jim thức dậy, nàng nấu nước sôi pha cà phê Trung Nguyên hiệu G7, đổ trứng hoặc lấy cheese để đĩa cùng hai lát mì nướng. Chiều Nguyễn nấu cơm điện, lúc xào tôm với các thứ rau đậu, khi xào mì với thịt bò xay. Jim đi làm về dẫn con đi bộ hai tiếng, sau đó dẫn Nguyễn ra con suối này hưởng không khí thoáng mát rồi mới về dùng cơm tối. Có điều lạ Nguyễn khó nuốt được thức ăn kiểu Mỹ, ghiền các thứ mắm cà, mắm

ruốc, mắm tôm, giờ đây điều huyền diệu nào khiến nàng ăn được hamburger, tacos, pizza dễ dàng, gọn gàng nữa là dùng hộp súp clam chowder hâm lại thay đổi món.

Cuối tuần ngày thứ bảy Jim chở Paul chạy vòng vòng đây đó nhìn cây cảnh, phố xá bốn tiếng đồng hồ theo yêu cầu của con từ lâu. Ngày Chủ nhật dẫn Nguyễn đi chợ King Soopers, hoặc ngồi các quán cà phê hưởng không khí an nhàn. Jim hứa sẽ có ngày đưa Nguyễn đến xem ngọn núi nổi tiếng Pikes Peak và Longs Peaks, dù mắt nàng chẳng thấy rõ nhưng vẫn thích đi nhiều nơi.

Vào nhà Jim, nàng tìm hiểu thêm chuyện mà trước đây ông chưa hề kể. Con trai ông nay đã bốn mươi tuổi vẫn còn nương tựa cha. Paul sinh ra lớn lên ăn học rất bình thường, đến năm mười tám tuổi bỗng nhiên trở bệnh tự kỷ (Autism). Paul bỏ dở việc học, suốt ngày đóng cửa phòng, sợ đám đông, làm lì không nói chuyện, nhưng bắt cha chịu đựng ngồi nghe con nói suốt buổi lái xe những điều không đâu. Cha đã nhận lương hưu nhưng vẫn muốn kiếm thêm tiền từ công việc điện tử, cần có thêm phần thu nhập lo cho con trai sống thoải mái. Những công việc nặng nề cha khuôn vác một mình, không hề tỏ thái độ bực dọc với con, nét mặt phúc hậu, cách chiều chuộng con khiến Nguyễn gọi thầm ông là Phật, là Chúa hay là ông tiên giữa đời thường. Càng chứng kiến, Nguyễn càng thấy kính nể tình cảm người cha dành cho con vô bờ bến, gánh chịu một mình ôm ấp đưa con bịnh hoạn vào lòng trong tình phụ tử thiêng liêng...

“Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh”, Nguyên chợt rùng mình nhớ lại giai đoạn tàn khốc của đời mình bị màn đêm bao phủ

Sau 75, Nguyên học tiếp ba năm rồi tốt nghiệp Anh văn từ trường Đại Học Sư Phạm Huế. Nguyên được bổ nhiệm về Long Khánh dạy cấp ba trường Thống Nhất 2.

Nguyên gặp Lợi dạy cùng trường, yêu nhau và gầy dựng ngôi nhà hạnh phúc sinh được một trai, một gái. Lúc đó Nguyên còn mở sạp vải, quần áo trước mặt nhà, nhờ bà con coi ngó, ngoài giờ dạy Nguyên buôn bán thêm để có đồng ra đồng vào sinh sống thêm. Chồng Nguyên ban đầu làm hiệu phó, sau đó lên làm hiệu trưởng. Gia đình hạnh phúc ấm êm nào ngờ chưa tới năm mươi tuổi thì tai họa ập đến.

Chồng Nguyên có dấu hiệu bị bệnh Parkinson rồi loạn thần kinh nên nghỉ việc. Còn Nguyên thì sau đó một năm xảy ra đại họa: Một hôm Nguyên đang đứng trên bục gỗ giảng dạy, bỗng nhiên thấy trước mắt có nhiều con ruồi đen lớn bay qua, hỏi học trò chẳng ai thấy ruồi đen bay vào lớp. Biết con mắt có vấn đề, Nguyên khám bác sĩ, họ cho ở lại bệnh viện, chích mũi thuốc theo dõi, hôm sau Nguyên nhìn thấy khoảng 4%, bác sĩ cho về. Nguyên còn nhớ rõ hôm đó là ngày mồng hai Tết đến mồng sáu Tết mắt bỗng khép lại không còn thấy gì nữa. Nhờ cậu học trò bác sĩ làm giấy tờ giúp cô giáo qua Singapore chạy chữa, Nguyên bán sạp vải và nhà cửa thu gọn dờn lên Sài Gòn mua căn hộ trong chung

cư, một phần cũng nhờ các em định cư ở Mỹ giúp đỡ thêm.

Qua Singapore, bác sĩ chẩn đoán bị giời leo. Nguyên hỏi mẹ cho biết: năm đó Nguyên bị phỏng rạ (nhọt nước) nên không thể chích đậu mùa. Bác sĩ chẩn đoán một dạng của giời leo, con virus sẽ chạy tùm lum có khi lên mắt, có khi lên bộ não. Hồ sơ bệnh trạng ghi: virus ăn hết nên bị hoại tử võng mạc và lần tới con người, chung quanh con người bị ăn mòn, bác sĩ phải nhíp lại nhưng còn may mắn hé được hai lỗ nhỏ. Trở về VN, Nguyên cho con gái đi du học Mỹ, con trai du học Nhật. Chồng Nguyên chạy chữa bác sĩ và dùng thuốc loại nặng. Miệng anh thường chảy nước dãi, chân bước đi không vững, người bật giữa ra sau muốn té. Giai đoạn này Nguyên phải thuê người trả lương khá cao vì công việc cực nhọc, nhưng ai đến ở một tuần hay quá lắm là nửa tháng thì bỏ việc, có lẽ họ thấy vợ mù, chồng la lét, họ không đủ sức chăm nom?

Cả một địa ngục trần gian đầy đọa lên vợ chồng Nguyên từng ngày. Có lần anh lét theo Nguyên mù lòa băng qua đường, níu tay ai họ cũng tránh ra, tới được quán phở đứng xếp hàng dài, chủ quán thương tình cho vào trước, vợ chồng ngồi ăn vội trong tủi nhục, đau buốt. Nhiều hôm sáng sớm nàng mò giường gối xếp dọn cho ngăn nắp, bàn tay rà trên giường thấy có mấy cục chocolate khô (trước đó bạn Việt kiều đến biếu thăm). Nguyên bốc đưa lên mũi ngửi không ngờ đó là phân người, anh không còn tỉnh táo nhiều nữa đã tiểu tiện, đại tiện ngay trên giường. Hằng đêm Nguyên nguyền với Chúa “xin giải

nghiệp dùm con”. Tinh thần và thể lực suy yếu dần hồi, nước mắt phải nuốt ngược vào trong, cắn răng chịu đựng. Nguyên giấu các con, chỉ nói sơ vì không muốn con lo lắng mà ảnh hưởng việc học, chỉ mong muốn con ăn học thành tài. May mắn con gái Nguyên gặp bạn trai yêu thương, kết hôn và ở lại sống yên thân trên đất Mỹ. Con gái bảo lãnh ba mẹ nhưng không còn kịp nữa, chồng Nguyên đã ra đi về miền đất lạnh...

Jim dìu Nguyên xuống tầng đá gần đó ngồi nghỉ chân, cắt đứt dòng tư tưởng của nàng xa cơn muộn phiền. Tiếng suối nghe róc rách vui tai, gió thổi mát bay mái tóc của Nguyên vào mặt Jim, nàng hát khẽ “[Hãy ngồi xuống đây trên lưng cuộc đời thách đố thương đau. Hãy ngồi xuống đây vai kẻ sát vai cho da thịt này đốt cháy thương đau](#)” (*1), dù không hiểu nhưng Jim lắng nghe giọng nàng như để hòa chung cùng không khí thần tiên này. Nguyên tựa đầu trên vai chàng, nàng đang cần một bờ vai, đó có phải là tình yêu hay vì hai tâm hồn trống trải cần tìm đến nhau? Nguyên chẳng hiểu mình nữa?!! Khi chồng mất, nàng chỉ biết nhớ thương chồng, nỗi nhớ thương dày vò từng đêm không ngủ được, lặng lẽ nhìn bóng tối trong nỗi hoang mang “anh chỉ đến trong trái tim mình nhưng không bước cùng mình đến cuối cuộc đời, anh để lại cho mình quá nhiều đau khổ và hụt hẫng”. Chưa bao giờ Nguyên nghĩ mình sẽ quen người đàn ông khác, và ai dám quen người đàn bà lớn tuổi lại bị khiếm thị. Cũng sẽ không bao giờ nghĩ với tuổi này nàng lại có những cung bậc cảm xúc lạ lùng khác thường. Nguyên là người đàn bà Á Đông, có chút kiến thức

chỉ đam mê đi tìm Chân, Thiện, Mỹ của cuộc đời và yêu cái đẹp ấy, không ham vật chất, chẳng mê tiền bạc. Hạnh phúc đối với nàng là được chăm sóc qua nghĩa cử nhỏ, qua bữa ăn với tất cả chân tình biểu hiện bằng tình thương. “Một trái tim sẽ chẳng thể kết nối với một trái tim khác chỉ bằng sự hoà hợp thông thường. Thay vào đó, chúng chỉ thực sự quện chặt vào nhau qua những nỗi đau”. Có lẽ Nguyên đã cảm nhận ra điều mà tiểu thuyết gia Nhật Bản Murakami đã nhận thức sâu sắc về nỗi cô đơn, về niềm đau của con người cũng như sự hình thành gầy dựng tình yêu.

Tiếng Jim nhắc bên tai “We should go home”. Nguyên đoán trời đang phủ nhẹ hoàng hôn, không gian yên ắng, màu nắng nhạt dần. Hai người đi bên nhau, nắm tay xiết chặt để chuyển hơi ấm, chuyển sức sống, chuyển niềm tin cho nhau. Một ngày sẽ qua, một ngày của sự bình an trong cuộc sống, ngày mai sẽ đến, sẽ tiếp tục che chở nỗi cô đơn của hai tâm hồn đóng băng từ lâu, nay đến với nhau không vì sinh lý nhục dục, mà bằng hai trái tim cùng nhịp thở đồng điệu.

Nhìn lịch đã hơn một tháng chơi nơi đây, con gái Nguyên gọi phone muốn mẹ về, mà Nguyên cũng thấy nhớ cháu ngoại, nên nhờ Jim đặt vé ngày về. Bữa cuối trước ngày chia tay, Jim chở Nguyên ra ngoài ăn tối. Chàng đặt thẳng câu hỏi:

- Can you marry me?

Câu hỏi bất ngờ mà nàng chưa hề nghĩ đến, Nguyên muốn tránh nhưng sợ Jim buồn, nên nói lời hứa hẹn băng quơ:

- Please give me time to think.

Nguyên đoán Jim đang nhìn nàng bằng ánh mắt tha thiết dịu hiền:

- OK, I hope you reply soon.

oOo

Trở về với con cháu, trời đã cuối thu, khung cảnh ở Seattle thật tuyệt vời qua màu trời mờ ảo. Chiều nào Nguyên cũng đi bộ chậm rãi tới công viên gần nhà, nơi có hàng cây đã đổi màu sắc, lá rụng trơ cành gần hết. Nguyên suy nghĩ thật nhiều về lời đề nghị của Jim, nàng nghĩ với số tuổi hiện tại thì đâu cần ràng buộc trách nhiệm mà chi, tuổi của “vô thường” đang rình rập ngày mai gần kề với cô sương đất lạnh. Nàng thương cảm căn bệnh tự kỷ của Paul, tôn trọng tình nghĩa cha con của họ, đã từng trọn vẹn trước đây, sợ con trai sẽ buồn vì sự xuất hiện của Nguyên, sẽ chia sẻ bớt tình cảm của người cha lâu nay. Thôi thì [*“Hãy cứ là tình nhân. Để mong mỗi đợt chợ. Để chiều chuộng nàng niu. Và sợ điều tan vỡ. Hãy cứ là tình nhân. Để tháng ngày hoa mộng. Để hen hò yêu đương. Và khắc khoải chờ nhau...”*](#) (*2). Tâm trạng nàng thật hoang mang bối rối, cuối cùng nàng muốn nói thật ý nghĩ mình cho Jim hiểu “Nhìn ông tôi cũng xót xa với lứa tuổi ấy còn đi cày, gánh vác mọi chuyện nặng nhọc, chiều chuộng con hết cỡ, nhưng con ông bệnh, ông không thể sống khác, bản chất ông lại hiền hoà giỏi chịu đựng, thú thật tôi thương ông nhưng lương tâm không cho phép mình giành giật chiếm đoạt tình thương của ông, vả lại chính vì nhìn ông thương con nên tôi càng kính trọng và yêu ông hơn”.

Từ đó Nguyên và ông chẳng nhắc lại vấn đề “get marry” nữa. Gọi phone chỉ

kể những sinh hoạt trong ngày hoặc FaceTime thấy mặt nhau như đang kề cận bên cạnh, dù mùa đông lạnh lẽo vẫn đủ sưởi ấm tâm hồn cho nhau.

oOo

Thời gian vùn vụt qua nhanh. Mùa xuân đã đến. Cây lá tươi xanh, lộc chồi non biếc, các loài hoa đang chớm nở khoe sắc. Lòng Nguyên thấy rộn ràng khi Jim hứa sẽ qua Seattle ăn Tết Việt Nam cùng nàng. Chỉ còn vài ngày nữa thôi, lòng nàng thấy háo hức muốn đi chợ Tết mua sắm nhiều thứ.

Sáng nay, Nguyên nhờ chị hàng xóm chở đi chợ Hau Hau: các gian hàng trưng bày bánh mứt trông hấp dẫn đẹp mắt. Nàng đến dãy bán thức ăn nhờ chị bạn mua nem, chả, giò thủ, hộp mứt đủ loại, bánh tét, bánh chưng, đến hàng trái cây mua bưởi, nho, thanh long. Chị hàng xóm giúp bê các thứ ra xe trước, rồi quay lại dẫn Nguyên tiếp tục đến khu vực bán hoa mua nhánh đào, nhánh mai tươi rực. Tuy vật giá năm nay leo thang kinh khủng, nhưng nàng chẳng e dè quan tâm, trên đường về lại nhờ chị bạn ghé chợ Việt mua thêm ít thứ nữa. Tới nhà, Nguyên bày đầy bàn, ngắm nghía các thứ mình mua lòng thỏa mãn vui vui.

Jim đến đúng ngày 28 Tết. Các em chở Nguyên và ông dạo những khu VN trang hoàng không khí Tết cho ông biết.

Sáng nay nắng hồng chiếu rực rỡ trên những chậu hoa Miniature Rose, chậu Harvest Mums, vạt hoa cúc do con gái Nguyên trồng trước thêm lóng lánh thật đẹp. Cảnh đào hồng đang còn búp, hoa mai vàng nụ vừa hé nở. Vạn vật khoáng

lên bộ mặt tươi sáng chuyển sức sống cho nhân thế. Xuân đã về. Tình xuân phơi phới. Hồn xuân ngất ngây. Xuân đang ngự trị trong lòng nàng và Jim.



Nguyên dẫn Jim đi ngắm những bông hoa đang chào đón mùa xuân. Nàng thấy yêu trời đất, yêu cảnh vật chung quanh, yêu màu nắng hồng đang sưởi ấm và hát khê (*3) [“Anh, lại đây với em, ngồi đây với em trong cuộc đời này. Nghe thời gian lướt qua. Mùa xuân khẽ sang chừng như không gian đang sưởi ấm những giọt tình nồng...”](#)

Minh Thúy Thành Nội

(*1) Hỡi Ngồi Xuống Đây (Lê Uyên Phương)

(*2) Hỡi CỬ LÀ Tình Nhân (Tú Minh)

(*3) Tình TỰ Mùa Xuân (Từ Công Phụng)



Vấn Còn Mùa Xuân (Thủ Vỹ Ngâm)

Vui nhìn trước cửa nở đào mai
Dĩ vãng đôi ta lắm chuyện dài
Hãy hưởng tình Xuân quên quá khứ
Rồi chờ giấc mộng gọi tương lai
Xuôi dòng xóa tủi mang đầy dạ
Ngược lối xưa sàu gánh trĩu vai
Sát tựa nương đời say nắng ấm
Vui nhìn trước cửa nở đào mai

Minh Thúy Thành Nội



Mong Ước Xuân Ất Tỵ

Nguyện cả năm này thỏa ước mong
Chu du thế giới chạy quanh vòng
Xuân chào nắng ấm trộm tươi rỡ
Tết đón mai đào nở sáng trong
Chữ nghĩa giao hòa gieo gọt ý
Văn thơ xướng quyện thả khơi dòng
Đời luôn sống xử điều chân thiện
Ất Tỵ niềm tin ngập cõi lòng

Minh Thúy Thành Nội

NGẬM NGÙI NƯỚC NON

Mẹ ơi mấy chục năm rồi
Con đi đi mãi bụi ngùi nước non
Năm qua tháng lại mỗi mòn
Con nay bạc tóc vẫn còn lưu vong

Thương quê nhớ nước đầy lòng
Nhớ sao là nhớ muôn trùng xót xa
Mẹ ơi dâu bể chưa qua
Quê hương đây đó lời ca oán hờn

Đành thôi nhớ nước thương nguồn
Con mang tâm sự nỗi buồn thiên thu
Thương quê con nhớ lời ru
Lời ru của Mẹ bây giờ còn đây

Nắng chiều nghiêng ngả về tây
Còn đâu ngày tháng đón ngày nở hoa
Đời lưu vong mới tuổi già
Đôi vai còn gánh sơn hà con đi

Chập chùng sông nước hồn quê
Ngày đi đâu nghĩ ngày về dặm khơi
Công danh thân thể thế thời
Chỉ còn lại nỗi ngậm ngùi nước non.

Hoa Văn

NGƯỜI LÍNH KHÔNG CÒN TUỔI

Bao năm phục vụ trong quân ngũ
Đem tấm lòng son bảo vệ cờ
Là lá cờ vàng ba sọc đỏ
Tôi gìn trong thực giữ trong mơ

Súng gươm một thuở không nên chuyện
Nước mất nhà tan hận một đời
Đang thắng mà sao thành chiến bại
Buồn này còn đó chẳng hề nguôi

Tủi nhục bao năm chốn ngục tù
Đâu bằng mất nước hận mình thua
Lại thua những kẻ không nhân tính
Cay xót là đây chẳng nhạt mờ

Mất nước nên buồn than với trách
Thương bao đồng đội đã hy sinh
Cùng bao chiến hữu đang còn lại
Vội tẩm thân tàn thương phế binh

Tôi đi theo tháng ngày lưu xứ
Mang tấm thẻ bài kẻ bại vong
Tôi cảm thương tôi nòi giống Việt
Việt Nam ơi nhớ mãi trong lòng

Trách lũ anh em sao bất nghĩa
Xưa là chiến hữu nay quay lưng
Và đầu quân cướp cầu danh lợi
Chẳng biết nhớ danh chẳng thẹn lòng?

Tôi là người lính không còn tuổi
Gánh vác được gì chuyện núi sông
Nhưng vẫn còn đây tình chiến hữu
Yêu quê hương chống giặc cờ hồng

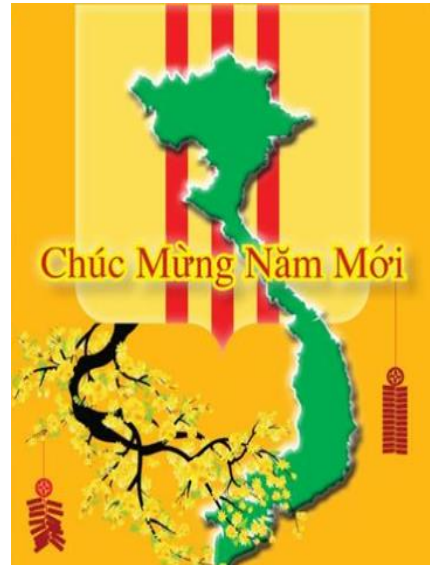
Tôi vẫn mang danh người tị nạn
Vẫn yêu yêu mãi lá cờ vàng
Vẫn còn giữ trọn lòng chung thủy
Yêu giống nòi Nam yêu nước Nam.



Hoa Văn

Tạ Ôn Biển Mẹ

*Việt Nam quê hương tôi
Miền Đông Nam Á
Giải đất uốn cong, hình tượng con rồng
Nằm bên bờ biển cả
Như ấu nhi nằm trong lòng Mẹ
Bãi cát trải dài tã lót mênh mông
Sông suối ba miền nước tuôn ra biển
Như máu hồng muôn ngả đổ về tim
Trên biển đông
Thái dương xuất hiện
Ánh hào quang rực rỡ non sông
Biển mặn cứu mang từ muôn thế hệ
Sóng gió ngàn trùng áp ủ quê hương
Ngọn triều dâng lên sức sống quật cường
Nguồn giao chỉ thuở hồng hoang khuyết sử
Năm mươi con bỏ rùng về miền châu thổ
Biển Mẹ cương chiều bồi đắp phù sa
Ngàn ngàn năm chinh chiến can qua
Mẹ trấn an hòa suốt miền duyên hải
Khai trí con nền văn minh nhân loại
Truyền tâm con hùng khí Thái Bình Dương
Gặp lúc thế cùng vận nước suy vong
Ba triệu con phó mình trong tay từ ái
Mẹ mở đường cho con nguồn sống mới
Nguồn sống lan tràn thế giới tự do
Cờ Việt Nam pháp phới khắp năm châu
Nhưng hồn Việt luôn hướng về Quê Mẹ
Con thành khẩn nguyện cầu:
Rồi đây Mẹ sẽ
Đưa con về xây dựng lại quê hương
Lòng Mẹ bao la chan chứa tình thương
Sông núi Việt Nam tạc ghi công đức
Đàn con vong quốc lưu lạc bốn phương
Muôn muôn đời tạ ơn Biển Mẹ.*



TRẦN QUỐC BẢO Virginia

Sầu Riêng

Tặng qua một trái sầu riêng
Tình Quê ấp ủ cho miếng nhớ nhau
Hậu Giang con nước trôi mau
Hồng trôi voi đặng mới sầu riêng em



Ví dầu còn chút ấm êm
Là trong mộng寐 hằng đêm trở về
Ngàn trùng đàng lối cắt chia
Nhưng tìm ai chẳng phai lìa hình ai
Bao nhiêu tình tự Đồng Nai
Xuôi theo Lòng Tảo ra ngoài đại dương
Gửi người trăm nhớ ngàn thương
Ấp yêu mùi vị Quê Hương nồng nàn
Kể từ Nước mắt, nhà tan
Đường xưa xóm cũ điêu tàn xác xơ
Buồn hiu hắt bãi Cần Giờ
Ưu phiền trải xuống Dốc Mơ từng chiều



Hận sầu riêng miệt Lái Thiêu
Giọng hò trên bến Ninh Kiều cô đơn
Sương mờ sóng nước Cái Mơn
Mây buồn phủ ngọn Thất Sơn nảo nề
Người đi nặng một lời thề
Góp muôn ngọn gió thổi về Quê Hương
Quét tan mây! xé màn sương!
Cho sông núi rục ánh dương chan hoà
Trái sầu riêng gửi tặng qua
Mang theo chờ đợi xót xa từng ngày
Àu ơ ... thương nhớ voi đầy
Trong mơ, em thấy cò bay vàng trời!



TRẦN QUỐC BẢO Virginia

Chuyện phiếm

CHÉN RƯỢU ĐẦU XUÂN

Nhân dịp chào đón Xuân Ất Ty bà con ta lại được dịp nghe hát vang câu: "Ngày Xuân nâng chén ta chúc nơi nơi..." Vâng đúng vậy! Chúc Xuân là cùng nhau nâng cao ly rượu để mượn chút hơi men mà mừng nhau đón chào một năm mới tràn đầy "Phúc, Lộc, Thọ"!



Nói thật ra thì thú vui nhậu nhẹt vẫn được bà con ta tâm đắc suốt trong năm rồi đấy chứ không phải chỉ chờ đón Xuân! Lý do là các nhà Lưu Linh học đã tìm ra 5 đặc tính quý giá của dân nhậu chuyên nghiệp được nêu rõ như sau:

Thứ nhất là "can đảm" vì dù biết rượu là độc hại mà vẫn uống. Thứ hai là "thật thà" vì trong tâm tư có bất kỳ chuyện gì dù riêng tư cũng có thể đem ra thổ lộ cho bà con nghe chẳng cần giấu giếm chút gì. Thứ ba là "anh dũng" vì chuyện gì dù thuộc loại

"động đất vá trời" biết mấy cũng vẫn sẵn sàng làm, đâu có ngán. Thứ tư là sống cuộc đời rất "bình dị" vì chỗ nào cũng có thể coi là nhà để nằm lăn thân xác ra mà ngủ thoải mái tương tự dân "homeless". Và thứ năm là có "tử tâm" tràn lòng yêu thương súc vật. Nhậu xong sẵn sàng "cho chó ăn chère" thật thoải mái!

Người thích uống rượu thì khá nhiều. Xin điểm danh một số vi nổi tiếng xưa nay.

Thí dụ như Trương Hàn, nói trong sách Tấn thư rằng "Sử ngã hữu thân hậu danh, bất như tức thời nhất bôi tửu", có nghĩa là "Cho ta cái danh sau khi chết không bằng cho ta một chén rượu ngay bây giờ".

Thi hào Nguyễn Du khi tóc đã ngả màu đã đặt bút viết bài "Đối Tửu". Đây là bài thơ duy nhất trong số 249 bài thơ chữ Hán của cụ chỉ tả việc uống rượu:

...*Sinh tiền bất tận tôn trung tửu
Tử hậu thùy kiêu mộ thượng bôi*".

Tạm dịch:

"*Sống không cạn hết rượu bầu
Chết rồi ai tưới rượu vào mộ đây?*"

Cụ mong ước trăm năm cứ được say mềm vì nêu thắc mắc không biết khi qua đời thì ai sẽ tưới rượu vào

nắm mộ của mình đây? Thật quá lo xa cụ ơi! Có lẽ vì thế mà cụ đã vẽ ra trong truyện Kiều một nàng Thúy Kiều cao thủ võ lâm về nhậu nhẹt!

Cụ Tản Đà cũng từng hưng phấn với thú uống rượu dù biết rượu làm “hư đời”:

*“Say sưa nghĩ cũng hư đời
Hư thì hư vậy say thời cứ say”.
“Đất say đất cũng lần quay
Trời say mặt cũng cũng đỏ gay ai cười?”*

Cụ nói dù giàu có như một nhà Vua hay nợ nần ngập đầu ngập cổ như là chúa Chổm thì khi lia đời cũng OK như nhau mà thôi:

*“Vua Ngô 36 tấn vàng
Chết xuống âm phủ có mang được gì.
Vua Chổm uống rượu tì tì
Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô!”*

Phương Đông ngày xưa các cụ quan niệm "*không có rượu thì sơn thủy cũng vô nghĩa; nếu không có đàn bà đẹp thì trăng hoa cũng vô ích.*" Có lẽ vì thế mà trong "*Thơ say*" (1940) của thi sĩ Vũ Hoàng Chương thời đầy tràn hình ảnh men rượu:

*“...Say sưa tràn miệng cốc.
Cùng nâng, hãy uống đi!..”*

Và

*“Đấng cay này chén tiễn đưa,
Uống đi, uống để say sưa ngập lòng”*

Và còn biết bao vị khác kể không hết, xin tạm ngưng ở đây. Chỉ xin nhắc nhở thêm rằng nâng ly rượu dù là trong ngày thường hay vào những buổi đầu Xuân thì quả là thú vị nhưng

“chén chú, chén anh” đến nỗi “xỉn” lên, “xỉn” xuống thì cũng phiền toái vô cùng. khiến cho người uống có thể mắc vòng... lao lý đấy! Luật lệ dành cho các dân nhậu khá nhiều: nào là tuổi nào mới được phép mua rượu! Tuổi nào mới được phép uống rượu! Say sưa sau khi uống gây hậu quả gì? Có được phép lái xe khi say không? v.v... Cũng cần nói thêm về “chỗ” để uống nữa. Luật pháp không cấm ta uống rượu miễn là uống tại nơi riêng tư. Luật chỉ cấm uống nơi công cộng.

Trong cuộc đời không phải ai cũng biết lo xa như thi sĩ Bùi Giáng. Sau khi nhấp chút men say ông bèn tìm chỗ yên ngủ và cảm tưởng như mình được lạc vào chốn thiên thai nơi đó có dịp gặp gỡ nhiều tiên nữ. Ông viết;

*“Uống xong chén rượu nồng nàn
Về vườn nằm võng dịu dàng ngủ say...
Điều kỳ thay! giấc mộng dài
Tận cùng bờ bến thiên thai ghé về”...*

Các cụ nhà nho ta thời trước cũng tinh khôn quá. Chẳng uống rượu nơi công cộng để thêm rắc rối với luật pháp. Các cụ nằm khàn trong nhà, để tránh khỏi nghe tiếng chủ nợ “réo nợ” vào ngày 30 Tết. Sáng mùng một Tết mới “lai rai ba sợi” tại gia cho an toàn. Cụ Tam Nguyên Yên Đổ vừa... nhậu vừa làm “câu đối”:

*“Tối ba mươi, nợ réo títt mù, ấy mới Tết!
Sáng mùng một, rượu tràn Quý Ty, ái chà Xuân!”*

Cụ Nguyễn Công Trứ có lẽ cũng là một... “hàn nho”. Cụ chắc cũng từng nhiều phen bị chủ nợ đến đòi tiền, réo nợ vào chiều ba mươi Tết nên Cụ đặt rất nhiều hy vọng vào sáng mồng một Tết trong năm mới. Cụ cũng từng thú nhận mình có thú rượu chè khó mà từ bỏ khi viết:...”*Dở duyên với rượu không từ chén*”. Tất nhiên cụ cũng không dại gì mà ra uống rượu nơi công cộng. Cụ làm câu đối

*“Chiều ba mươi, công nợ réo tíu mù, co căng đập thẳng Bàn ra cửa!
Sáng mồng một, rượu chè say tuý lúy, gươm tay bồng ông Phúc vào nhà...”*

Riêng thi sĩ nổi danh Lý Bạch thì tục truyền rằng một đêm khi chơi thuyền trên sông Thái Thạch (khúc sông Dương Tử ở chỗ có hòn Thái Bạch), trong khi say rượu thấy bóng trăng ở lòng sông ông nhảy choàng xuống để đòi ôm trăng đến nỗi phải chết đuối. Ông cùng với trăng vĩnh viễn an giấc ngàn thu! Người đời sau dựng một cái đài ở đây gọi là “Tróc nguyệt đài” (Đài bắt trăng). May mà ông ấy chết đuối lúc đó chứ không thì cũng bị ở tù vì tội say xỉn nơi công cộng mất thôi.

Nhưng cũng có người thắc mắc rằng Lý Bạch tưởng làm trăng dưới lòng sông là trăng thật nên mới chết đuối, hay chính Lý Bạch vì đã thấy rõ rằng cả trăng trên trời lẫn trăng dưới lòng sông đều là trăng giả và tất cả mọi sự trên cái cõi ta bà này đều là giả tạm, đều là ảo hóa. Nếu hiểu như

vậy thì cái chết của Lý Bạch chính là một hành động “tự tử” tuyệt đối phủ nhận cuộc đời chứ chẳng phải Lý Bạch đã chết vì say rượu, vì nhận lầm. Giữa say với tỉnh, điên với không điên, mộng với thực... biên giới quả là mong manh.

Hàng ngày theo dõi báo chí bà con thấy biết bao là hậu quả chết chóc gây ra vì say rượu, nào là đâm chém nhau giữa bạn bè và ngay cả giữa những người thân trong gia đình, nào là gây ra tai nạn thảm khốc khi lái xe .v.v... Có khi chính bản thân cũng bị tiêu ma nữa... Vì lẽ đó có nhiều người quyết định bỏ rượu nhưng lại tự biện bạch khi viết những câu thơ như sau, nghe cũng hợp lý quá chừng (không rõ tác giả là thi sĩ vô danh nào đây?):

*“Bỏ rượu không phải là hèn
Chỉ vì tôi sợ tiếng kèn đám ma!
Vì tôi chưa phải quá già
Nên tôi chưa muốn ngấm gà khỏa thân!”*

*

Nhân nói chuyện uống rượu cũng phải kể tới một số luật lệ xa xưa thuộc loại “*khùng điên*” (*loony law*) khá buồn cười ở Mỹ mà không rõ tới nay còn có hiệu lực hay không? Chắc là bị hủy bỏ mất rồi!

Tại Buckland, Alaska thời luật cấm tất cả những thứ đồ uống làm say. Luật ghi rõ “Không ai được phép mang rượu vào trong làng này. Nếu bị bắt quả tang sẽ bị trục xuất ra ngoài thành phố.” Khi luật cho phép

uống thì tại LeFors, Texas, luật lại cấm uống ba hợp bia liền một lúc khi còn đứng trên hai chân! (Vậy các bọm nhậu nên chậm rãi uống lai rai từng hợp một hoặc ngồi xuống ghé rồi mới uống cho chắc ăn).

Và tại Indiana thì cha mẹ không được phép uống rượu bia khi trong cùng phòng đó có con nít. Luật bảo vệ trẻ em, luật cũng bảo vệ cả súc vật nữa. Thật vậy có một đạo luật ở Chicago cấm không ai được cho chó uống rượu whisky. Luật khác ở Alaska cấm không được cho nai (moose) uống bia hay bất cứ thứ đồ uống làm say nào khác.

Tại Cleveland, Ohio uống rượu thì cứ nên “đọc ẩm”, chớ nên tỏ ra khoái bồ tèo mà đưa chai rượu của mình cho các bạn nhậu khác vì luật cấm. Một chai whisky chỉ được dùng bởi một người mà thôi. Nếu hai người hay nhiều người uống chung một chai rồi sau đó cùng bị say thì coi như phạm 2 tội một lúc: uống chung và say. Tại Nyala, Nevada nếu ta hứng chí muốn đãi mấy bạn nhậu một chầu rượu thì cũng bị giới hạn: chỉ được đãi 3 người một lúc thôi, không kể chính ta. Quá số đó là vi phạm luật lệ!

Tại Iowa người nào say rượu hay dù là chỉ giả bộ say thôi cũng bị coi là vi phạm luật. Còn tại North Dakota thì cấm bán bia với pretzels cùng một lúc trong bất cứ nhà hàng, quán bar hay câu lạc bộ. Cuốn Tự Điển Encyclopedia Britannica bị cấm ở

Texas cũng chỉ vì trong đó có tiết lộ công thức làm... rượu bia!

Tại Springs, Pennsylvania, luật quy định là ông nào đã có vợ rồi thì không thể mua bất cứ loại rượu gì mà không có sự đồng ý của người vợ yêu bằng giấy trắng mực đen đăng hoàng (*the consent of his loving wife - in writing*). Và tại Kentucky thì bà vợ có quyền bỏ dầu nhòn cây thầu dầu (*castor oil*) vào trong đồ uống của chồng để ngăn cản ông khỏi uống thêm nữa. Đó không phải chỉ là một quyền của người vợ mà còn được nhà nước coi là một trong những nghĩa vụ thuộc về luân lý nữa! Tại Kansas, ở Topeka, luật lệ lại cấm rót rượu vang vào chén đựng nước trà mà uống (*Servers are forbidden to serve wine in teacups*).

Nhìn ra nước khác thì thấy cũng có nhiều luật lệ khá lạ lùng về vấn đề rượu chè này, chẳng thua kém nước Mỹ chút nào!

Tại Charlottetown ở nước Anh rượu chỉ được bán cho những người có toa bác sĩ gia đình giới thiệu với mục đích y khoa mà thôi (*medical uses only*). Tại Alberta, Canada, luật cấm đôi nam nữ cùng ngồi uống bia trong một phòng (*beer parlor*).

Ta thường nghe là rượu thì bắt khả ép và khi bị ép thì bắt khả từ. Nhưng nếu đến Nhật Bản, đừng mang theo thói quen mời rượu, ép rượu bởi vì căn cứ vào điều luật “phòng ngừa say rượu gây rối loạn an ninh trật tự” thời hành vi ép người khác uống rượu sẽ bị phạt giam

giữ 48 tiếng và phạt tiền với mức cao nhất lên đến 10.000 yên. Nếu như người bị ép say rượu gây chuyện thì người ép rượu cũng bị tội.

Theo luật Thổ Nhĩ Kỳ (Turkish) thì kẻ nào say rượu mà lái xe sẽ bị tóm cổ đưa tới một vùng đồng quê cách xa khoảng 20 dặm (miles) và thả xuống đó bắt đi bộ trở về. Không trốn được vì có nhân viên canh sát theo canh chừng.

Còn tại Australia thì tên tuổi một người đã say rượu rồi mà còn lái xe sẽ được gửi đến cho các báo chí tại địa phương đăng tải dưới hàng chữ có tiêu đề là “Người này say sưa và ở tù.”

Tại Buenos Aires, Argentina, có nhiều vụ lái xe mà say xỉn. Vì thế Bộ Giao Thông chỉ cấp phát bằng lái xe cho những ai vượt qua được cuộc thử thách gọi là “lái xe trong khi say” (*drunk-driving test*). Đương sự phải lái nổi xe chạy thật nhanh theo một con đường quanh co khúc khuỷu và mấp mô sau khi đã uống hết 2 chai bia 12-ounce.

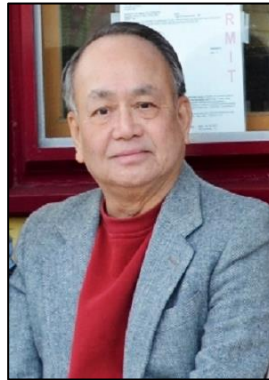
*

Đồng ý là cuộc sống “vô thường” trôi nhanh như vó ngựa theo lời người xưa là “*bóng câu qua cửa sổ*” nên mời bà con cô bác cùng nâng chén Rượu chào đón Nàng Xuân! Nhưng riêng cho năm Ất Tỵ này, sau khi nhậu nhẹt tiền chân chú

Rồng uốn lộn về Trời rồi vui đón chú Rắn luồn lách tới thăm, các bạn trẻ thời nên lái xe cẩn thận, đừng hăng máu kiểu “*ngựa con háu đá*” mà gây tai nạn khổ đời đấy!

Các vị lớn tuổi nếu còn muốn “*cưỡi ngựa xem hoa*” thì cũng... “tốt thôi” nhưng chớ ý “ngày xuân nâng chén” tàng tàng cho đã đời rồi đời “*cưỡi ngựa*” mà chẳng chịu xem hoa lại chỉ ham “cỏ non” lỡ mà “*trúng gió*” thì hết vui! Cuộc đời không phải lúc nào cũng được “*mã đáo thành công*” đâu đấy nhé!

Nên nhớ tục ngữ xứ Tây Ban Nha có một câu nói rằng: “*Với một ông lớn tuổi thì một phụ nữ trẻ là con ngựa mà ông ta cưỡi về địa ngục.*” Nghe cũng chí lý quá trời đi chứ! Xin “bảo trọng”!



LS. Ngô Tăng Giao

(Xuân Ất Tỵ 2024)

NĂM MƯƠI XUÂN MẮT NƯỚC

*Năm mươi Xuân mắt nước
Lịch sử dài đi qua
Từng giọt lệ xót xa
Vết thương còn đau mãi.*

*Chiến trường xưa còn lại
Rừng lau sậy la đà
Hồn tử sĩ thiết tha
Xanh rêu bia đá cuội.*

*Đâu đây hồn sông núi
Cuồn cuộn máu phù sa
Ôm ấp tình mẹ cha
Dài theo năm tháng nhớ.*

*Vẫn còn bao duyên nợ
Tình dân tộc thật thà
Máu Việt Nam Cộng Hòa
Luân lưu đầy huyết quản.*

*Năm mươi Xuân tị nạn
Mang nỗi buồn bao la
Tóc bạc mái dài ra
Xuân tình vừa kịp hái.
Còn bao nhiêu Xuân tới
Xuân nào Xuân của ta...?*



Đặng Nguyên
Maryland, Xuân 2025

BÀI THƠ XUÂN MỚI

*Bài thơ Xuân mới viết cho em
Gửi cả tâm tư vạn nỗi niềm
Xuân mới riêng em tình cảm mới
Trao lời duyên dáng mặn mà thêm.*

*Bỗng nhiên thức giấc hồn thơ mộng
Xanh biếc đời Xuân tựa cánh chim
Đậu cánh mai vàng nơi chốn cũ
Lâng lâng giao cảm thật êm đềm.*

*Cho ta dào dạt hồn lay động
Xao xuyến nhìn em thuở mới quen
Gắm lựa xa hoa vô nghĩa cả
Vi tình say đắm mới lên men.*

*Trong ta bội phản chưa từng có
Một đời chung thủy một tình duyên
Xuân đến, lòng ta Xuân mới đến
Ru em tình tự mãi say mềm.*

Đặng Nguyên

BÔNG SỨ PHÒNG VĂN

PLUMERIA FOR THE STUDY

Sáng sớm phòng văn thơm bông sứ
Trên trang sách cổ một chùm hoa
Thư sinh lặng lẽ nhìn, tư lự
Ai đã đưa hương đến tận nhà!

Cô con gái ấy bên hàng xóm
Người thanh như ngọc trắng như ngà
Đôi con mắt sáng như sao sáng
Mỗi khi kẻ sĩ bước chân qua.

Mường tượng đôi bàn tay ngọc ấy
Cổ tay tròn tựa cạnh chùm hoa
Hoa thơm hay chính tay thơm đó
Hái tặng thư sinh để làm quà.

Một chút vấn vương hương thơm mát
Của người thực nữ dáng thướt tha
Cửa sổ phòng văn chùng thấp thoáng
Như ai áo lụa với quần là.

Hoa sứ toả hương khắp phòng văn
Lan cả vào trong tận giường nằm
Thư sinh thầm ước đêm hôm ấy
Vườn của hai nhà chẳng giậu ngăn.

In the early morning, my study smells of plumeria;
On an old book, a bunch of flowers gained the area.
This student looked thoughtfully without grouse:
Who has delivered the incense to my house?

Oh, that girl who lives next door, how nicely!
A person as pure as jade and white as ivory;
Her eyes are as bright as bright stars
Every time this scholar walks along the bars.

I would imagine about those jade hands:
Beside the round wrists the flower cluster lands.
The flowers are fragrant or hands fragrant themselves
Picked and given me as a gift not off-the-shelves.

A bit of scent is lingering around, the cool perfume
Of a young lady with a graceful figure abloom.
Through the office's window, not too close,
Someone, vaguely, over there in decent clothes.

Plumeria flowers' fragrance inside the study spread
All their way into this student's room, my bed.
The scholar secretly wishes that that night thence
Her garden wasn't divided from mine by a fence.

QUYÊN DI

Translation by *THANH-THANH*



Quyen Di



Thanh Thanh

CÚ' MỖI LẦN XUÂN...

**** Nhất Phương ****

Trời mưa dai dẳng bên ngoài khung cửa bép. Mưa tầm tã lê thê. Không biết ông Trời đang giận bà Trời hay bất mãn với ái khanh mà dốc tâm trút nước dạt dào lên tàn hoa Bleeding Heart, làm lòng người bất chợt liên tưởng đến ngàn giọt lệ tuy trắng ngần, đẹp tựa kim cương nhưng không kém phần xót xa, đoài đoan long đong nhỏ xuống cuộc đời bi ai đồng khổ.

*Thương thay nhánh lá rơi vì gió
Ngợ ngác, đường mưa lầy lất bay
Dấu vết thời gian mòn mỏi đó
Suốt mùa Xuân cũ đến hôm nay.*

Xuân về thật nhanh, dường như không còn nhiều tấm lòng háo hức đợi chờ, từ khi cơn đại dịch bất ngờ ập đến. Hội chợ Tết Xuân Nhâm Dần đã chính thức khai mạc (14 tháng Giêng-2022), vào ngày 12 tháng Chạp ta. “Nó” rất đường hoàng, tự nhiên chiếm ngự nơi đó, trước cửa Thương Xá Phước-Lộc-Thọ đã nhiều lần nhiều trong quá khứ... Từng năm, từng năm... Tôi thường đếm chuỗi Xuân phai quanh chỗ ngồi không nhất thiết phải giống nhau, và vì vậy, tâm trạng mừng Xuân cũng ray rức dạt dờ bay vào khoảng không gian bất định. Đi chợ Tết hàng năm để tìm lại không khí đầu Xuân của

những ngày xưa cũ tại quê nhà, nhưng nơi đây, đâu có gì hơn ngoài các gian hàng màu sắc chói chan nhang đèn đỏ vàng chen chúc đong đưa lấp lánh bao lì xì cũng vàng đỏ “cung hỉ phát xôi!”, phần còn lại là cây cảnh, hoa Mai rừng và trái cây, làm nhớ nhiều, nhớ hoài đến ngàn hoa tươi sắc thắm trên đại lộ Nguyễn Huệ, tưng bừng rộn ràng thời Xuân cũ. Nhớ hoài vì đó là Xuân của tuổi thơ, tuổi hoa, tuổi ngọc, tuổi học trò, tuổi mới chớm bắt đầu nhận biết về nét đẹp tuyệt vời của quê hương, tuổi từng tung tăng theo màu thắm nắng rực vàng chiếu rọi lên miền Nam trù phú, tràn ngập yêu thương và đậm đà lòng yêu nước của muôn người bên bờ Nam Vĩ Tuyến. Những mùa Xuân đó, tuy là Xuân trong chiến tranh, là những mùa kết nối “anh tiền tuyến, em hậu phương”, nhưng rất có hồn, có thiệp vẽ hoa Mai, hoa Đào, hoa Vạn Thọ... Mà nghĩ cũng ngộ (không biết các bạn tôi có đồng tình?), bởi miền Nam ngập tràn hoa Vạn Thọ, nhưng sinh mạng người dân thật mong manh, bất ngờ chết yểu, nhất là lứa tuổi đâm đày bao nhiệt huyết, chào Xuân ở chiến trường, lấy hỏa châu làm đèn, lấy đạn thù làm pháo. Những mùa Xuân lấp lánh vàng tươi hoa “Vạn Thọ” ngập mùi thuốc súng, và một “mùi”

tôi chưa biết nên đặt tên gì cho đúng, đó là mùi Góa Phụ có được không?!. “Ngày mai đi nhận xác chồng...”, bắt kể ngày mai ấy là ngày đưa ông Táo, ngày ba mươi trước Tết rước ông bà, ngày đêm Giao Thừa “em đến thăm anh đêm 30”, hay đúng ngày đầu một năm mới? Những trường hợp này, có ai trong các nạn nhân đáng thương đáng xót của chúng ta đi coi bói toán, lấy ngày tốt để xuất hành, để làm những việc không thể nào tệ hại hơn thế nữa!? Hôm qua đi chợ (trước Tết Nhâm Dần), may mắn cầm đúng tờ báo cuối năm tràn ngập các mẫu quảng cáo thương hiệu phồn thịnh ở Bolsa, lật tới lật lui, mắt sáng rỡ khi bắt gặp một bài hấp dẫn như miếng mứt măng cầu rim đường bọc giấy kiếng trắng phau đầy quyến rũ. Giá trị ở chỗ những hình ảnh này tuy xưa cũ, te tua, rách mắt nhiều phần, lem luot màu thời gian..., nhưng đó là gia tài trân quý của người miền Nam nói chung, người Sài-Gòn nói riêng. Đó là thành phố của tất cả người mình đã từng sống thanh thoi, tươi vui “một thời hoa mộng” trong suốt các mùa Xuân còn “giặc tràn qua biên giới”. Nhìn thật lâu vào các tấm ảnh để cảm nhận một thành phố quá dễ thương, khơi nguồn từ cảnh đèn đuốc sáng choang trong các sạp bánh mứt của ngôi chợ lâu đời, là Logo, là Signature của quá thời Sài-Gòn nhộn nhịp, lồng lộng nhạc “Xuân này con không về”, ... Mẹ ơi, hoa Cúc,

hoa Mai nở rồi... Nhưng giờ này con ở đâu, hỡi những người con yêu của đất Mẹ?

Chợ Tết Phước-Lộc-Thọ là chợ mừng Xuân hàng năm của đoàn người lớn mạnh tại Hải Ngoại, bắt đồng chính kiến với nhà nước đoạt quyền đương thời quái dị ở quê nhà. Hàng năm đến ngày Tết, tuy náo nức, nhưng tôi luôn bị ám ảnh bởi những đổ vỡ xảy ra đúng ngày Tết Mậu Thân năm 1968, nên nhìn đâu cũng thấy một màu tang âm đạm thê lương của thời ly loạn:

*Trăng Tổ Quốc
có tròn qua bóng tối
Trăng “riêng tôi”
đâu dám sáng một mình.*

Nguyên thủy của hai câu thơ này là “trăng tổ quốc có tròn qua bóng tối, trăng Bến-Tre đâu dám sáng một mình”, vì năm 1968, những mảnh trăng trên “Quê Hương Đồng Khổ” của Bến-Tre và cũng của trái tim tôi bị cày xéo tan hoang..., te tua hơn “những ánh trăng tuy cũng đã tàn trên phố phường tự do” trước đó. Đất nước là gia sản chung của toàn dân Việt, nhưng người ta cố tình dành lấy để dễ bề lũng đoạn, bán buôn, cắt xén chia chác, mặc kệ “Mai có úa màu, Hoa có lạc tận” hay không!!!. Những bó tiền lấy từ sinh mạng người dân cứ ngang nhiên nhờn nhờn bay qua biển Thái Bình, hèn gì dân chúng chẳng đảo điên, nghèo đói, lạc hậu!?

*Có chốn nào sang hơn nước tôi?
Tiền chia từng bó giữa đêm vui
Mặc cho sông núi âm thầm khóc
Mất cả giang sơn, đất mẹ rồi.*

Tết nơi đây có gì vui không?

“Ăn Tết” là truyền thống tốt đẹp, luôn được trân trọng của người Việt mình, có cây nêu, có dây pháo, có bánh tét bánh chưng, có “bầu cua cá cọp”, và đặc biệt nhất không thể thiếu phong bao đỏ đựng tiền may mắn đầu năm, theo cổ tục...tiền vô như nước. Nhưng bây giờ ở hải ngoại, lớp tuổi tay còn cầm vững những phong bao đỏ để tặng cho con cháu, tiếp nối miền quá khứ huy hoàng (như khi mới vừa đặt chân lên miền đất Tự Do), dường như sắp sửa lẩn khuất, nhập tâm vào mấy cội Mai già, cuối đầu ôn dĩ vãng. Ngồi nhìn thời gian trôi cũng cùng nghĩa với ngồi đếm chuỗi đời mình rụng bớt. Khoảng giữa từng không là tiếng nói, tiếng hát đậm đà một âm sắc, một khoa động tâm tư, ngôn ngữ cùng đất mẹ, nhưng liệu có thể hòa quyện vào tần số của nhịp đập trái tim? Điều này đâu dễ gì kiểm chứng bằng sự nhờn nhơ nhìn ngắm, được thể hiện trên từng nét mặt của mỗi người khi đi chợ Tết, chợ hoa hay thực tế hơn là chợ “ăn vặt”.

Bao giờ cũng vậy, đi chợ Tết đối với tôi là cố đi tìm lại sắc màu quá khứ đã nhiều thập niên bị gián đoạn, nên

năm nào gần đến Tết, tôi cũng xuyên xao làn mò bấm số điện thoại, mời gọi mấy người bạn đã cùng tôi tham dự hội chợ Xuân hàng năm, rủ rê anh chị A:

- Anh chị đi chợ Tết chưa dzậy? Nếu chưa, cuối tuần này mình có muốn cùng nhau thăm chợ không?

Câu trả lời lạ lẫm buông xuôi:

- Bà ơi, từ lúc hội chợ khai mạc, tui cũng tính rủ ông bà để đi với nhau cho đỡ nhớ Việt-Nam, nhưng ông nhà tui năm nay dờ hơn năm rồi nhiều, mệt mỏi quá, lại thêm bị lãng tai nên không chịu đến đám đông nữa bà ơi...

Xem chừng năm nay, mới “ra quân” đã lãng đãng sắc màu tiêu cực, tôi hơi chán, nhưng suy nghĩ... còn nước còn tát, tiếp tục lần mò gọi đến anh chị B, lập lại “điệp khúc”:

- Anh chị đi chợ Tết chưa dzậy? Nếu chưa, cuối tuần này mình có muốn cùng nhau thăm chợ không?

- Bà chưa biết chớ anh xã tui mới lái xe cộ quẹt tùm lum. Mất anh ấy bị tăng độ. Trời vừa sụp tối không còn nhìn thấy rõ nữa. Nói chung, anh ấy đang tự chán con đời u ám của chính mình... Chắc năm nay tui bỏ một lần thăm chợ quá bà ơi.

Nỗi buồn lo chán nản của hai người bạn thân quen đã nhanh chóng lây sang tôi rồi trời ạ. Tôi thần thờ buông chiếc điện thoại xuống, nhìn ra vuông cửa bếp. Hoa lá vẫn xanh tươi, bươm bươm đủ màu tung tăng lượn

cánh, trời dịu nắng và con mèo Hoàng Kim mập ú bên hàng xóm đang thảnh thơi ngồi rửa mặt, kiên nhẫn đợi chờ vài hạt mưa Xuân. Đường đời dường như đẹp hơn mỗi lúc Xuân về, nhưng sao các bạn tôi ử dột đến vậy? Bao lâu nữa sẽ đến lượt tôi đây? Hay đã đến rồi nhưng tôi không nhận biết, vì tôi còn hy vọng vào nhiều thứ khác hơn là bệnh tật. Và cũng bởi tính tôi ham vui, ham thêm mấy từ... còn nước còn tát nữa.

Đang thất mùa tình... bạn, bỗng có tiếng chuông thánh thót gõ liên hồi kéo tôi về thực tại, cắt đứt dòng suy nghĩ miên man buồn hắt hiu. Cửa mở, nụ cười tươi rói của đứa cháu gái ngang hông nhà làm tôi giật mình:

- Ái da, đi đâu đây? Sao không gọi trước lữ đi đi vắng...

- Gần Tết rồi, con muốn thử vận may mà đi.

Tôi tròn mắt nhìn đứa nhỏ mới 11 tuổi, nói tiếng Việt y như... người Việt.

- Ai dạy mà con biết gần Tết nên thử vận may?

- Con "leo" lên Google để đọc về ngày Tết của mình. Con sợ sẽ bị vài bạn giỏi tiếng Việt chọc quê nếu trả lời ảm ố các câu đố của chúng nó. Con cũng ráng nghe chương trình Đố Vui Để Học trên TV, tập cho đúng giọng Việt Nam nữa đó đi ời.

Tôi lặng nhìn đứa nhỏ một lần nữa, thật lâu, thật ảm áp, thật hài lòng:

- Vậy bây giờ qua thăm dì hay lại

muốn thử thời gì đây nữa?

- Mẹ con bạn quá nên con muốn... rủ dì đi chợ hoa Phước-Lộc-Thọ, dì có rãnh để đi với tụi con không dì?

Chỉ trong một phần ngàn tỷ thời lượng, hình bóng mẹ tôi lúc còn tại thế bỗng lồng lộng tươi cười đứng cạnh bên tôi, với từng lời tuy nhỏ nhẹ nhưng thật rõ ràng: *'tre già, măng sẽ mọc, chớ lo lắng nhiều, nhớ mãi nghen con'*.

Gió Xuân phơi phới từ lúc nào đã len lén lùa qua song cửa, ngào ngạt hương tuổi thơ, tuổi ngọc, tuổi chồi tươi mới nhú trên khuôn mặt phẳng phất mùi hoa Ngọc Lan của đứa cháu, quá bất ngờ, hơn cả hy vọng còn nước còn tát của tôi nữa, tạo thành rừng Mai năm cánh tươi non, rừng rục Xuân Thì đang đâm chồi thắm xinh nơi hải ngoại, tiếp nối từ bao mùa Xuân cũ ở quê nhà, tràn lan tươi tắn hoài hoài đến mãi tận ngàn sau.



Nhất-Phương

Mưa Xuân



Ánh mắt ai nồng nỗi nhớ nhung
Gặp nhau năm trước cũng vào Xuân
Miên man triển dốc Mai hoang nở
Lất phất mưa mây, đẹp nẻo nùng.

Tường trận mưa dài muôn thế kỷ
Lỡ đan dòng tóc hững hờ Xuân
Lỡ đưa tay vén màn hư ảo
Lỡ uống đầy tim những giọt mừng.

Mưa chảy qua đời, ray rức chảy
Mai hoang rục rở giữa đời hoang
Ngó lên thăm thăm Hoàng Mai đứng
Ngơ ngác chờ ai giữa ngút ngàn.

Lâng lâng ngắm mấy đài hoa dại
Rơi xuống khi ngày chưa chớm sương
Hạt mưa năm cũ quên hò hẹn
Bỏ lại cành khô dưới vệt đường.

Nụ Tâm Xuân mới vừa thay áo
Quê người, lũ khách đón mùa sang
Xuân tươi phơi phới trong trời đất
Mặc gió cùng mưa có phủ phàng.

Nhật-Phương

Tháng Chạp

tháng Chạp rồi sao? Ồ sắp Tết
một năm đi, thêm một tuổi về
còn lại chi, những gì sẽ hết
trong cuộc đời lũ khách xa quê?
tháng Chạp đến, Đào Mai chớm nụ
thôn xóm vui chợ búa rộn ràng
mùi bánh mứt thơm lừng góc phố
trẻ con khoe áo mới đầu làng!



tháng Chạp về, những ngày giáp Tết
thương quá chùng, nhớ lắm quê ơi
những nỗi nhớ chưa hề biết mệt
trong tâm tư suốt một đời người!
cám ơn ai nhắc ta tháng Chạp
để không quên vị Tết quê nhà
dẫu thế sự thăng trầm đã khác
đất chôn nhau ấm lạnh trong ta!



Cao Nguyên

ĂN TẾT Ở MỸ

**** Nguyễn Thị Thanh Dương ****

Vợ chồng Nga sẽ về Việt Nam ăn Tết như hàng năm, nàng nhờ tôi để ý giùm nhà nàng trong thời gian vắng nhà. Hai chúng tôi ở cùng khu phố. Nga có niềm vui “Ăn tết” ở Việt Nam, nàng còn mấy gia đình người em và họ hàng nội ngoại ở quê. Còn tôi bao năm rồi không về Việt Nam vì hầu hết thân nhân tôi đều ở bên này. Tôi có niềm vui “Ăn tết” ở Mỹ.

Tôi đi chợ về mua mấy hộp mút nhỏ, mấy phong bánh đậu xanh Bảo Hiên Rồng Vàng, hai lọ củ kiệu và một giỏ hoa Cúc vàng. Chồng hỏi:

- Bà sắm tết bấy nhiêu thôi hả?

Tôi khoe:

- Còn nhiều thứ nữa chứ. Ở Việt nam Tết có món củ kiệu ăn với tôm khô. Nay ở Mỹ em có tôm khô Louisiana, sạch sẽ bảo đảm an toàn hơn tôm khô bán ở chợ Việt Nam sản xuất thủ công phơi tôm ngay ngoài sân ruồi bay muỗi đậu mất vệ sinh và nêm tẩm phẩm màu hóa chất. Ở Việt Nam có bánh chưng lá dong xanh thì ở Mỹ em có bánh chưng lá ...chuối cũng xanh, bên trong bánh có nếp đậu thịt chất lượng ngon lành. Quan trọng nhất là không gian dối luộc bánh cho vào mấy cục pin cũ để lá giữ màu xanh đẹp mắt như ở Việt Nam mà báo chí Việt Nam từng đăng tải, luộc

bánh kiệu này độc hại cho sức khỏe con người..

Chồng gật gù:

- Biết rồi, ở Mỹ ai mà dám làm mấy trò gian dối đó, bị phát giác thì đi tù và tiền bồi thường sạt nghiệp luôn.

Tôi khoe tiếp:

- Ở Việt Nam tết có hoa Mai vàng thì ở Mỹ em có hoa Mai...Mỹ, là cây hoa Forsythia nhà mình trồng đó, xum xuê lá vào mùa hè và nở đầy hoa vàng vào tháng hai dương lịch. Nếu tết đến sớm hơn hoa thì em sẽ chặt vài cành Forsythia cắm vào bình ngâm nước ấm, hoa sẽ nở như ý và năm nào nhà mình cũng có Mai vàng chưng Tết.

- Thế là thấy mùa Xuân về rồi..

- Còn nhạc Xuân nữa anh ơi, ở Việt Nam người ta phải mua vé vào rạp xem ca nhạc mừng Xuân. Ở Mỹ em mở you tube nghe những bài nhạc Xuân ngày xưa cũng đủ rộn ràng đón Xuân...khỏi cần mua vé máy bay về Việt Nam ăn tết như bao người.

Ngày xưa khi còn ở Việt Nam tôi đã từng thích thú đi dạo chợ hoa ngắm đủ loại hoa Xuân đua nở. Ngày nay tôi dạo chợ hoa Việt Nam.... trên you

tube. Tôi hớn hở khoe với chồng:

- Vợ chồng Nga về Việt Nam chưa chắc có thì giờ đi dạo nhiều chợ hoa như em.

Tôi ngắm chợ Hoa từ phố to đến phố nhỏ, từ chợ quê đến chợ tỉnh. Ngàn hoa khoe sắc đón Xuân về, dập dìu người du Xuân qua lại nhưng người mua hoa thì chẳng là bao. Nhiều chợ hoa ế ẩm cho đến chiều 30 tết chủ hàng phải ngậm ngùi bỏ hoa thành rác giữa chợ, có chủ còn lấy cây lấy gậy thô lỗ và...bạo lực đập nát những chậu hoa xinh đẹp nhưng vô duyên không có người mua để tránh những kẻ cơ hội không chịu bỏ tiền mua hoa từ sớm mà chờ đợi đến tận cuối ngày 30 tết ra chợ...nhặt hoa về không tốn một đồng nào.

Xem cảnh vui dập hoa phũ phàng này tôi đã xót xa khóc thương hoa, thương người chủ bán hoa quá chừng. Người nông dân đã bỏ bao vốn liếng và công lao trồng trọt vun xới cho những chậu hoa xinh đẹp nở đúng hạn kỳ ngày tết. Hoa chất đầy những xuống ghe, hoa chất đầy những xe to xe nhỏ rộn rịp từ vườn mang ra phố chợ mong kiếm tiền tiêu tết. Hoa không để dành được, hoa không ăn thay cơm được, gia đình họ sẽ túng thiếu thế nào!

Tôi sụt sùi gọi chồng:

- Anh ơi, ra mà xem....

Chồng ngạc nhiên:

- Đang ngắm chợ Hoa ngày tết sao bà lại khóc ? Bà nhớ tết Việt Nam hả?

Tôi buồn buồn:

- Bên Việt Nam đang là chiều 30 tết, chợ hoa ế bỏ lại thành một đống rác kia kia. Em ước gì trúng số số Mega, sẽ “giải cứu” tất cả các chợ hoa ế này, để không có cảnh hoa rơi tan tác và chủ hoa sẽ có tiền về quê ăn tết.

- Năm nào chẳng có cảnh này, vậy thì năm nào bà cũng phải ước mơ trúng số số Mega đấy.

Chiều mùng một tết tôi hớn hở chọn áo dài để mặc đi dự tiệc mừng Xuân tại nhà một người bạn. Tết năm nào nhóm bạn chúng tôi cũng hẹn hò tổ chức vui Xuân cùng nhau, khi nhà người này khi nhà người kia trong vùng Dallas Fort Worth này. Tôi sẽ chọn áo màu đỏ, ngày tết phải mặc áo màu sắc tươi vui.

Tôi đang mặc thử lại áo dài, lượn qua lượn lại và ngắm nghía soi gương thật lâu làm ông chồng phải...ngửa mắt cất tiếng:

- Có bấy nhiêu mà bà ngắm đi ngắm lại mãi. Áo và người có gì mới đâu.

- Có đấy, áo thì vẫn y nguyên nhưng người có khi thay đổi.... mập ra thì sẽ không đẹp.

Tôi tiếp tục vừa soi gương vừa phơi phới hát: [Hoa lá nở thắm đẹp làn](#)

[môi hồng, Xuân đến rồi đây nào ai biết không...](#). Lần này ông chồng khen:

- Hôm qua bà khóc thương hoa Xuân bị vùi dập hôm nay bà hát “hoa lá nở thắm...” Thế mới là mùa Xuân vui chứ. Tối qua tại hội chợ Xuân, nghe ca sĩ hát mấy bản nhạc Bolero ngày Xuân tôi cũng thấy lòng xôn xao.

Năm nào cộng đồng người Việt và các chợ Việt đều tổ chức hội chợ Tết mừng Xuân, có văn nghệ hát nhạc Xuân với ca sĩ từ Cali về và ca sĩ địa phương. Dù thời tiết lạnh đến đâu tôi đều tham dự đầy đủ.

Ngày mùng một tết thì có múa lân ở các chợ hay chùa chiền. Bao nhiêu năm qua, bao cái tết tôi đã quen thuộc với những hình ảnh đón tết bên Mỹ như thế này rồi. Tết ở Việt Nam chỉ còn trong kỷ niệm, trong những bài nhạc Xuân thuở tôi đã sống tại miền nam Việt Nam thân yêu.

Những cái tết đầu tiên trên xứ người tôi đã khóc, đã buồn tủi vì nhớ tết quê nhà, nhớ người thân và bạn bè. Tôi đã ngậm ngùi thêm mùi vị miếng bánh chưng xanh, mùi pháo tết. Dần dần mỗi tết đến tôi đã mỗi người ngoại thương nhớ, quê hương vẫn còn đấy nhưng cảnh xưa nào còn. Nếu bây giờ về Việt Nam ăn tết chắc tôi sẽ ngỡ ngàng, sẽ cảm thấy lạ lẫm và tôi sẽ ăn tết như một người

lạ ngay trên quê hương mình.

Tôi đến nhà người bạn, các bạn đã đông đủ, Tết ở Mỹ cũng đầy đủ bánh trái kẹo mứt hoa tươi và nhất là chủ nhà đã dành một phòng riêng trang trí sân khấu tết cho các bà... trình diễn khoe áo dài trong khi các ông nói chuyện ngoài phòng khách.



Chúng tôi xúm vào chụp hình với câu đối tết với hoa Xuân với phong cảnh quang gánh chợ Tết xưa, ai cũng nói cười ròn rã như pháo tết, khởi cần đốt pháo. Chụp hình ảnh trong sân khấu tết xong, chưa...hả dạ, chúng tôi còn rủ nhau ra vườn sau, ra sân trước nhà chụp hình cho thêm nhiều cảnh, dù mùa đông cây cối trơ cành, hoa lá xác xơ, gió lạnh toại bời nhưng ai cũng ráng chịu lạnh, mỉm cười, sửa sang dáng điệu để hoàn thành một hình ảnh cho vừa ý, để sẽ post lên Facebook, lên diễn đàn khoe với bạn bè khác.

Các ông... đói bụng vì đợi cánh phụ nữ chụp hình. Xong màn này họ mới thay áo dài ra mặc đồ khác và bữa tiệc mừng Xuân bắt đầu với những món ăn quen thuộc ngày tết.

Bàn tiệc rôm rả những câu chuyện về tết, về mùa Xuân xưa Xuân nay. Chúng tôi chuyện trò chia sẻ, Việt kiều về Việt Nam ăn tết cùng gia đình thật vui thật ý nghĩa nhưng cũng đồng ý rằng sống ở Mỹ, đón Tết Nguyên Đán ở Mỹ cũng đủ đầy và thú vị không kém khi lòng mình đã là mùa Xuân.

Tôi post ngay vài hình ảnh vừa chụp lên Facebook và viết vài dòng kể chuyện ăn tết ở Mỹ, cô cháu họ của tôi ở miền Bắc nhanh chóng đáp lời, rất thực tế đời thường:

- Ở Việt Nam tết năm nào cũng có

những ca ngộ độc thực phẩm, những vụ tai nạn xe cộ dìm ả. Cháu ước gì được sống ở Mỹ, ăn tết vui tươi thoải mái ở Mỹ như dì cơ.

Chia tay chủ nhà và các bạn, tôi bước ra ngoài sân, nhìn hai bên hàng xóm im lìm, ra tới ngoài đường phố người ta xe cộ ngược xuôi. Có ai biết những người Việt Nam chúng tôi vừa vui về “ăn tết” đón Xuân về không nhỉ?.

Sống ấm no hạnh phúc trên nước Mỹ quê hương thứ hai yêu mến nhưng tôi vẫn yêu tết. Tết là dân tộc, tết là quê hương sẽ theo tôi suốt cả cuộc đời.

Nguyễn Thị Thanh Dương

(Xuân 2023)



ĐI CHỢ TẾT

*Em đi chợ tết qua hàng lá dong,
Qua hàng thực phẩm đậu xanh, gạo nếp,
Chưa ba mươi đã thấy mùi khói bếp,
Nồi bánh chưng đỏ lửa rạo rực lòng.*

*Đi qua hàng bánh mứt đã thấy thềm,
Mứt bí, mứt khoai, mứt dứa, mứt quýt....
Chưa nếm món nào môi em đã ngọt,
Đã thấy đĩa mứt mời khách ngày Xuân...*

*Chậu hạt dưa màu đỏ sẽ vui thêm,
Đỏ xác pháo, xác hạt dưa ngoài ngõ,
Em chưa cắn hạt dưa mà đã ngỡ
Tiếng reo vui tí tách. Tết rồi anh.*

*Qua hàng vải vóc nhiều màu đẹp xinh,
Em và anh cùng thích điều giản dị,
Chưa may mặc đã biết anh vừa ý,
Chiếc áo em không phủ phiểm Xuân về.*

*Qua hàng trái cây thương những vườn quê,
Trái cây theo người từ quê ra chợ,
Chưa mua về đã thấy mâm hoa quả,
“Cầu, Dừa, Đủ, Xoài...” mộng chỉ thế thôi.*

*Qua hàng rau xanh, cà chua đỏ tươi,
Cọng ngò thơm vẽ vờn trên mâm cỗ,
Bát canh miến gà đầu năm ngon quá,
Em chưa ăn đã thấy ớt cay nồng.*

*Qua chợ hoa em xao xuyến dừng chân,
Những nhan sắc làm nên mùa Xuân đẹp,
Hoa hé nụ đợi chờ ba ngày tết,
Nũng nịu khoe màu cho vạn người thương.*

*Em đi chợ tết, đi giữa đám đông,
Thấy bận rộn của kẻ mua người bán,
Tết trong chợ, tết bao la trời đất,
Em muốn mua cả cái tết về nhà.*



Nguyễn Thị Thanh Dương

Mùa Xuân Ấy (04/1975)

Tôi nhớ mãi xuân bảy lăm ngày ấy,
Quê hương buồn tan tác cảnh chia ly.
Không kịp lời từ giã phút ra đi,
Lệ buồn tui dâng đầy mi hờn oán.
Mừng đất nước thoát đao binh ly loạn,
Hoà bình về vắng bóng dáng tự do,
Hoà bình về cơm áo chẳng đủ no.
Cây lá úa hoa sầu tàn rã cánh,
Cảnh mất nước, anh lao tù đói lạnh.
Cảnh nhà tan, em con dại mẹ già.
Kiếp lầm than ngày qua lại tháng qua,
Không lối thoát đớn đau niềm tuyệt vọng.
Đêm giấc ngủ chập chờn bao ước mộng,
Trời Tự Do lại bùng sáng quê hương.

Như Liên

Ngày Xuân Thơ Ấu



Chốn cố hương năm mươi năm xa cách,
Đón xuân này lòng chạnh nhớ xuân xưa.
Phút thiêng liêng pháo nổ đón giao thừa,
Mừng năm mới tiến đưa ngày tháng cũ

Sáng mùng một vui gia đình sum họp,
Trước bàn thờ
nghỉ ngút khói trầm hương.
Cành mai vàng câu đối đỏ bên tường.
Đưa hấu thơm tươi, ngọt ngào mút bánh.

Gió đầu xuân
mang hơi sương lành lạnh,
Xác pháo hồng rơi tan tác đầy sân.
Niềm tin yêu, lòng thành kính tràn dâng,
Em lễ Phật, chúc mẹ cha tuổi thọ.

Lòng vui sướng nhận lì xì bao đỏ,
Bống xôn xao đầu ngõ khách viếng thăm.
Tay bắt mặt mừng lời chúc đầu năm,
Sức khỏe, an lành, công thành danh toại.

Ba ngày xuân tâm hồn em thư thái,
Xa học đường xếp bài vở bút nghiên.
Áo đẹp quần sang rừng rinh túi tiền,
Ôi sung sướng! Em vui như ngày Tết.



Như Liên



Suối Tóc Mùa Xuân – Tranh: Mùi Quý Bông
(bút chì màu nước và màu nước, 11"x14")



Xuân Hồng - Tranh: Mùi Quý Bông
(bút chì màu nước và màu nước, 11"x14")

**Mời quý vị nghe một bản nhạc Ý Đại Lợi thật hay đầu thập niên 70 do ca sĩ
Gigliola Cinquetti trình bày - MQB**

ALLE PORTE DEL SOLE

Ca sĩ: **Gigliola Cinquetti**

1* <https://youtu.be/00IQ7D-Mqws>

2* <https://youtu.be/5lspl1hbbiA>

*Un'anima avevo
Un'anima avevo
Così candida e pura
Che forse per paura con te
L'amore non ho fatto mai
Cercavo le strade
Più strane del mondo
Invece da te si arrivava
Per chiari sentieri
E adesso che sento
Il tuo corpo vicino
Io nel buio ti chiedo
Di portarmi con te
Alle porte del sole
Ai confini del mare
Quante volte col pensiero
Ti ho portato insieme a me
E nel buio sognavo
La tua mano leggera
Ogni porta che si apriva
Mi sembrava primavera
Alle porte del sole
Ai confini del mare quante volte col
pensiero
Ti ho portato insieme a me
Ti ho portato insieme a me
Ti ho portato insieme a me
Che cosa mi dici?
Che cosa succede?
Mi dici di cercare una casa*

*Per vivere insieme
Un grande giardino
Sospeso nel cielo
E mille bambini con gli occhi
Dipinti d'amore
Allora i pensieri
Non sono illusioni
Allora è proprio vero che io
Sto volando con te
Alle porte del sole
Ai confini del mare
Quante volte col pensiero
Ti ho portato insieme a me
E nel buio sognavo
La tua mano leggera
Ogni porta che si apriva
Mi sembrava primavera
Alle porte del sole
Ai confini del mare
Quante volte col pensiero
Ti ho portato insieme a me
E nel buio sognavo
La tua mano leggera
Ogni porta che si apriva
Mi sembrava primavera
Alle porte del sole
Ai confini del mare
Quante volte col pensiero
Ti ho portato insieme a me
Ti ho portato insieme a me
Ti ho portato insieme a me
Insieme a me*

Nhạc & lời: **Corrado Conti / Daniele
Pace / Mario Panzeri / Lorenzo Pilat**

TRƯỚC CÁNH CỔNG MẶT TRỜI

Linh hồn em bỗng thấy chơi vơi,
Chân thật và tinh khôi vô kể.
Có thể vì một nỗi lo sợ,
Đến từ anh, từ nụ tình yêu
Mà em mới được ném lần đầu.
Em vẫn cố, từ lâu, tìm kiếm
Những con đường lạ, và thật hiếm
Hơn cái thế gian hiện tại này.
Nhưng từ anh chúng đã đến đây
Bằng những ngõ ngách đầy trong sáng.
Và bây giờ em đang linh cảm
Thấy anh đến ngay cạnh bên em.
Trong bóng tối, em đã xin anh
Hãy đưa em cùng anh đến cổng
Mặt trời, đến tận cùng góc biển.
Biết bao lần em mộng thấy anh
Bên anh, cùng với em đồng hành.
Biết bao nhiêu lần trong đêm tối
Em mơ thấy tay anh với tới
Mọi cánh cửa chờ đợi mở toang.
Em thấy như mùa đã vào Xuân,
Trước cánh cổng trời đang chào đón,
Và cho đến tận cùng góc biển.
Bao nhiêu lần em mộng thấy anh,
Bên em, cùng với anh đồng hành.
Cùng với em đồng hành, anh nhỉ.
Anh, nói gì với em đi chứ!
Liệu chuyện gì rồi sẽ xảy ra?
Anh bảo em kiếm một căn nhà
Để hai đứa chúng ta chung sống.
Căn nhà với một thửa vườn rộng.
Treo lơ lửng giữa khoảng trời xanh.

Mình sẽ có cả ngàn đứa con
Mắt chúng màu thương yêu rực sáng
Đó không phải toàn là hoang tưởng.
Sự thật là hai chúng ta đang
Bay đến cổng trời, nơi tận cùng
Góc biển. Biết bao lần trong mộng
Em thấy mình đi cùng một hướng.
Và trong menh mông bóng tối, em
Mơ thấy tay anh thật nhẹ, êm
Với những cánh cửa đang mở rộng.
Em thấy như mùa Xuân vừa đến
Ngay đằng trước cánh cổng mặt trời,
Nơi tận cùng góc biển xa xôi.
Biết bao lần xa vời em mộng
Em cùng anh đi về một hướng.
Cùng với em, một hướng, anh yêu.
Cùng một hướng, ta đi với nhau,
Ta đi với nhau, cùng một hướng...



MÙI QUÝ BỒNG

(phóng tác) 05/01/2019

NHỮNG VẦN THƠ CỦA CAO MỸ NHÂN

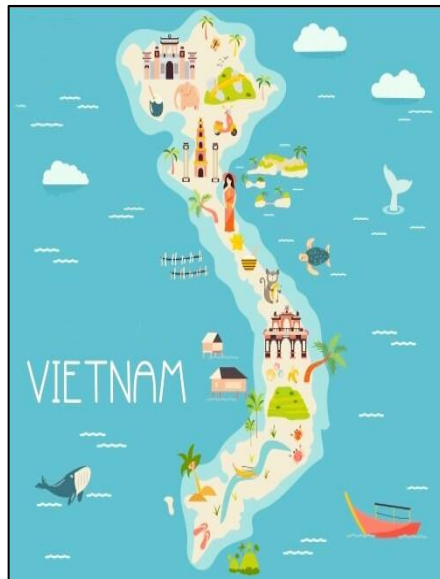
50 NĂM UẤT HẬN

Ôi 50 năm thù hận
Bằng thời gian Trịnh, Nguyễn phân tranh
Nhưng không thể tan niềm phẫn uất
Trước chiến trường mưa máu, gió tanh

Không phải chuyện nội thù
Chính tại đối địch nhau vì ý thức hệ
Đừng nhắc tới "anh em, con trẻ
Thế hệ nào còn lý tưởng của cha, ông?

Tổ quốc nào, tư tưởng thật viễn vông
Quê hương nào, tinh thần vô sản thế
Dân tộc nào, tâm tư buồn, tránh né
Đồng bào nào ngó nhau lạ lùng

50 năm, đúng nửa thế kỷ
Chán chường khóc núi, than sông
Nội thù nào xoá sạch được trông mong
Nỗi nhớ, niềm thương, hồn xưa, xác cũ
CAO MỸ NHÂN



NGHE CHUYỆN TRĂM NĂM

Này người kể chuyện trăm năm
Có nghe rõ được tiếng thầm lòng ta
Từ trong vô thức mượn mà
Cái tâm đã đủ chan hòa tình nhau.

Này người kể chuyện xưa, sau
Vẫn lời ẩn dụ nơi đầu chót môi
Hình như thấp thoáng nụ cười
Ồ trăm năm phải cuộc chơi ta bà

Thế người có biết nụ hoa
Sớm nay vừa nở bao la ngôn từ
Từng lời chẳng rõ thực, hư
Mà con bướm lạ giả vờ bay đi.

Trăm năm rồi sẽ ra chi
Chắc rằng xuân muộn hay khi thu tàn
Chao ôi, toàn những tơ đàn
Rung lên lối nhịp trên hàng phím xưa.
CAO MỸ NHÂN

MỘT LẦN XUÂN GỌI

Cành thay lá mới
Em đổi áo xanh
Rồi ngồi yên đợi
Sương rơi long lanh

Mùa xuân chưa tới
Nên anh chưa qua
Áo xanh như lưới
Nhện đang giăng tơ

Năm cùng tháng cuối
Tuổi vẫn mộng mơ
Tóc em như suối
Chảy trên dòng thơ

Hay là anh gọi
Mùa xuân sớm về
Để em thay áo
Màu sắc đam mê

Em sẽ giữ xuân
Nếu anh ở lại
Bên em một lần
Yêu thương mãi mãi ...

CAO MỸ NHÂN

CHUYẾN TÀU MÙA XUÂN

Bài thơ tháng chạp thật buồn
Bởi năm sắp hết, ngày còn nán trôi
Lòng như vương chút ngậm ngùi
Mây xuân thả lỏng ngang đời thiết tha

Người tình đợi ở sân ga
Tàu đời lỡ chuyến chúng ta hẹn hò
Hôm xưa đâu có dặn dò
Mà nay trách móc mơ hồ, đứng đưng

Hồi còi thức tỉnh sau lưng
Tàu đi hùng hục nuốt đường sắt đôi

Bao nhiêu thiên hạ đứng, ngồi
Mắt em mờ lệ ngày vui, tháng đầy

Tháng chạp dồn dập đông tây
Người về chốn cũ, người say viễn trình
Hoa thơ nở trắng trường đình
Mùa xuân cùng với cuộc tình đợi anh...

CAO MỸ NHÂN

MẶT TRỜI MÙA XUÂN

Sáng nay, thấy mặt trời cao
Vừa ngang tầm mắt, đã chao trên đầu
Anh nhìn em, hỏi đi đâu
Mà khăn với áo rực màu bình minh

Em cười: Hoa lá hồi sinh
Mùa đông biến mất, cuộc tình trao xuân
Dung nhan đẹp vẻ đông quân
Hình như đã hết gian truân lâu rồi

Biết anh lưu lạc bên trời
Thì xin cứ nở nụ cười bao dung
Má môi son phấn tươi hồng
Chỉ là ánh lửa vàng đồng chiếu vào

Thế em còn muốn chi nào
Mùa xuân đưa cả chiêm bao anh về
Cho em nguyên vẹn thơ đề
Để anh chịu chất đam mê tặng đời ...



CAO MỸ NHÂN



NHẤT CHI MAI - Oil on canvas – 36” x 60” - Tranh: **Khánh Trường**

Thiền sư Mãn Giác (1052-1096), thời Lý, trước khi viên tịch đã để lại duy nhất một bài thơ Xuân, còn được xem như một bài kệ, bàng bạc triết luận Thiền.

Bài thơ này từng được rất nhiều người dịch ra Việt ngữ, trong số đó bản dịch của cụ **Ngô Tất Tố** có thể xem là tiêu biểu nhất:

告疾示眾

春去百花落 ·
春到百花開 ·
事逐眼前過 ·
老從頭上來 ·
莫謂春殘花落盡 ·
庭前昨夜一枝梅 ·

Cáo tật thị chúng

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

*Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.*

Ánh Mắt Mùa Xuân

** Nguyễn Văn Sâm **

Thế là tôi được đứng trên nước Mỹ đã gần mười tiếng đồng hồ. Cả ngày trên thế giới thần tiên mơ ước của bao nhiêu người nhưng sao nghe chập chùng lo lắng.

Lạ lùng cảnh vật và ngỡ ngàng ngôn ngữ, nhưng điều quan trọng là nỗi thắc mắc về tương lai bất định, về lối ứng xử dự định tới nay khi gặp lại Tân sau chục năm lạnh nhạt và âm ỉ nghi ngờ. Tôi vốn giống tánh mẹ, có gì trong dạ là nói ra ngay, những giận hờn dù nhỏ nhoi tôi chưa từng bỏ qua không nói, chất chứa và ần dấu tình cảm, chỉ buông ra khi gặp dịp thật thuận tiện, làm người con gái Hà Nội khôn ngoan của nửa thế kỷ trước - tùm tùm cười cười nói nói như không chuyện gì - không phải là thái độ hằng có của tôi khi đã ở Miền Nam từ ngày còn trong bụng mẹ.

Chắc chắn Tân sẽ không thích người mới đến đem theo những vấn đề lương tâm từ lâu anh trốn chạy cũng như anh đã nhắm mắt đả điều lại coi như không có vấn đề quan trọng của gia đình hai đứa từ bao nhiêu năm nay. Chắc chắn thái độ khôn ngoan nhứt là biết vị thế của mình ở đâu trong lòng người chồng chỉ còn trên danh nghĩa và những ràng buộc mơ hồ từ sợi dây cương thường Khổng Mạnh nát nhòe khói sương. Xé tấm giấy hôn thú, ban đầu tưởng là kế hoạch tranh khôn nhưng thời gian đã biến thành một thực tế nhói tim xé ruột. Biết vậy mà sao tôi vẫn muốn nói lời phiền giận, muốn trách hờn một phụ phàng. Cho hả tức,

cho tai Tân tràn đầy những phần nợ chuyên chở đau khổ hằng cứu của tôi. Và chuyện gì sẽ xảy ra? Có thể Tân sẽ không ký lại cái hôn thú, xé toạc những kỷ niệm thần tiên ngày xưa cũ để cho tôi bị đuổi về Việt Nam như lời hai chị tôi tiên đoán?

Trả về! Rồi tôi sẽ sống như thế nào? Trường học, nơi tôi vừa từ nhiệm, người ta đã tiệc trà tiễn đưa với những ánh mắt ganh tỵ lẫn dè bĩu, tôi lòng dạ nào trở về dù rằng về đó sẽ dễ dàng sống được, sống còn trong cảnh hầu như mọi người đều hành nghề dối trá và bóc lột lũ học trò. Trở về để thấy lại những kỷ niệm muốn quên của hai lần bị chèn xe cho ngã rồi những tên đầu đường xó chợ đập bể những chai nước trà pha loãng rượu dờm để bắt tôi bồi thường với giá trên trời dưới lời hăm dọa của những con dao Thái Lan nhọn lểu và hàng chục cánh tay bạo tàn vây bủa chung quanh. Không! Tôi không thể trở về khi đã muốn xóa trong ký ức một quá khứ nhọc nhằn vô nghĩa và đồng lõa. Tôi tặc lưỡi cố gắng đè nén xúc động khi suy nghĩ đến những khó khăn trước mặt. Tới đâu hay đó. Vài ba đứa nhỏ da màu ít oi trong đám đông da trắng chạy nhảy vui cười từ khu này sang khu khác làm tôi vui vui hơn đôi chút. Phải chi lòng mình bình thản như chúng nó! Thần tiên biết mấy và đạt đạo biết mấy!

Tiếng loa báo tin gì đó tôi không hiểu. Thiên hạ trong vùng tôi ngồi đợi đã lục đục đứng lên xếp hàng vào cửa. Tôi sợ

bị bỏ rơi như nhiều lần đã bị bỏ lại trong đời nên cố gắng len lỏi tới trước. Nhiều ánh mắt nhìn tôi lạ lùng chen lẫn bất bình và tội nghiệp. Cô tiếp đãi viên hàng không soát vé, to lớn mạnh mẽ và có cặp đùi thật đẹp nói gì đó với tôi một tràng dài. Trông cách ra hiệu của cô ta trong khi nói, tôi mang máng hiểu rằng mình được bảo đứng ra ngoài hàng và đợi cách giải quyết sau. Tôi bước ra ngoài hàng. Đứng mà lo sợ và tủi thân. Sao lại đợi? Chuyện gì đây? Tiếng người thì ngọng ngịu, nói ra thì thiên hạ cứ hỏi đi hỏi lại. Cái hàng đã vơi tới năm sáu người cuối cùng. Lác đác chỉ còn vài ba người ung dung trên ghế đợi, như chừng không phải đi chuyển nầy nên cứ tà tà nói chuyện. Tôi muốn bật khóc. Nếu giấy tờ trực trặc thì không biết tính sao. Ai giải quyết cho mình đây. Tôi mừng rỡ đưa mắt cầu cứu một ông khách có vẻ Á Đông mới tắt ta tắt tưởi chạy tới. Thấy ánh mắt tôi, ông ngó cô tiếp đãi viên như để đoán chừng thời gian còn lại cho ông rồi tiến về phía tôi. Tôi nói cầu âu bằng tiếng Việt. ‘Nhờ chú coi lại coi sao họ bắt cháu đợi không cho lên tàu.’ Vừa nói tôi vừa chìa hộ chiếu và vé phi hành ra.

Ông khách nhìn lướt qua nhưng không có vẻ gì như muốn đưa tay ra lấy mà buột miệng nói một câu vô duyên như núi lở: ‘Cô mang thông hành Việt Cộng!’ Rồi như thấy mình lỡ lời vì ánh mắt đau khổ của tôi, ông đưa tay cầm lấy tất cả giấy tờ, ngoắc tôi đến quầy vé, trình và nói gì đó. Người nhân viên bấm máy vì tính. Sau một hồi tìm kiếm trên máy, in ra cho tôi một vé lên tàu.

Mặc dù đang mang xách cũng hơi khá nặng, ông vẫn đề nghị xách hộ tôi cái xách tay kông kênh làm khổ sở tôi từ lúc

lên phi trường Tân Sơn Nhất đến giờ. ‘Cám ơn chú, cháu lo liệu được.’ Tôi từ chối. Từ không biết bao lâu rồi, những giúp đỡ của bất kỳ ai tôi đều đón nhận với tất cả lòng ngờ vực. Người thân ruột thịt còn chưa tin được huống hồ gì người gặp gỡ giữa đường! Tôi mang xách lên vai, tay kia kéo cục khổ cái túi mang những thứ linh kinh cho con, né không cho ông để tay vào, nhưng chỉ đi được vài ba bước thì ông ta đã đưa tay ra đỡ lấy, thân thiện và quyết liệt. Phi cơ nhỏ hơn chiếc đi từ Đà Bắc sang đây nhiều, đường giữa hai hàng ghế hẹp. Tôi lo tìm số ghế mình, nhìn lại thì không thấy ông ta đâu nữa.

Tôi ngồi xuống ghế thắc mắc. Bên cạnh trống trơn. Ước gì không có ai ngồi chỗ nầy. Thoải mái cho tôi. Phải chi lúc nầy đừng cho ông ta giằng lấy cái xách. Của không bao nhiêu nhưng cái tình cho con mang tràn đầy trong đó. Mười năm rồi tôi không thấy mặt con. Chỉ là những tấm áo tôi đo cất đoán định vóc dáng con với cả tấm lòng trời biển của người mẹ. Chỉ là những thứ mút tôi xén phơi với lòng thương cao ngút ngàn như núi. Không biết ông ta có lục ra coi rồi lấy bớt hay không, hay ông ta ngồi luôn ở đó đợi phi cơ ngừng rồi lên ra trước, lấy theo luôn đồ đạc của tôi. Phi cơ cất cánh, tôi chìm trong những suy nghĩ vẩn vơ về sự xấu xa của người đời mà lâu rồi tôi quá ư thất vọng. Tôi thiếp đi trong sự mệt mỏi của chuyến bay đêm với tiếng động cơ ù ù ru ngủ và bóng tối bao phủ chỉ còn chút ánh sáng le lói từ một vài hàng ghế xa xa.

Tiếng ghế cạnh tôi động nhẹ. Ông ta sửa soạn ngồi xuống, gật đầu chào, nói nhỏ nhỏ khi tôi mở mắt nhìn.

‘Thỉnh thoảng đường bay nội địa còn lại nhiều chỗ trống như thế này.’ Ông vừa nói vừa thắt dây an toàn, ‘Hành khách có thể ngồi đầu tùy ý. Xin lỗi, nếu tôi không làm thì cô đến định cư ở Mỹ chứ không phải đi công tác cho chánh phủ.’

‘Cháu sang đây đoàn tụ với nhà cháu.’

‘Chúc mừng cô. Đợi bao lâu rồi mà được đoàn tụ.’

‘Hơn mười năm rồi.’

‘Chúc mừng cô lần nữa. Thời gian tuy dài nhưng cô đã qua tới đây. Bây giờ là lúc an vui và lo liệu cho tương lai. Ông ta dùng lại chữ của tôi khi nãy.’

‘Vui gì mà vui. Đang buồn chết người.’ Tôi cũng không biết tại sao mình nói nhiều, tại sao lại nói như là khơi chuyện. Có thể vì sự cô đơn, có thể ông ta là người Việt Nam đầu tiên tôi chuyện trò từ khi rời nước. ‘Từ Đài Loan qua Cali còn có người Việt Nam, từ lúc đợi ở phi trường khi nãy không còn thấy bóng một người Việt nào. Muốn hỏi một vài điều mà không biết hỏi ai.’

‘Cô có chuyện buồn?’

‘Có khi nào người sang đây mà bị bắt buộc trở về vì những thỏa thuận trước khi ra đi không hoàn tất hay không?’

‘Tùy nhiều chuyện. Anh ấy... đang có người khác?’

Một giọt rồi cả tròng dài nước mắt rú nhau chạy ra khỏi khóe mắt cay xè của tôi.

‘Cháu không biết phải nói gì, phải làm sao khi qua bên đó khi bắt buộc phải sống chung nhà với người ta, người thứ ba.’

Người đàn ông sửa lại thế ngồi, có vẻ chăm chú hơn câu chuyện của tôi. ‘Trước hết cho xin lỗi về câu nói đầu tiên của tôi khi gặp cô. Danh từ mà tôi đã dùng có vẻ không được đàng hoàng. Mỗi người trong chúng ta đều dị ứng trước một số vấn đề, một số dữ kiện.’ Ông ngừng một vài giây, ngó tôi rồi bật đèn chỗ ghế ông ngồi, như muốn quan sát những giọt nước mắt tình cảm đàn bà của tôi. ‘Mà thôi, trở về câu chuyện. ‘Mỗi người trong ba người đều có lợi thế và bất lợi thế. Cô phải sử dụng lợi thế của người đến trước, đã có con với anh ấy mà hành động bằng sự nghiêm trang cần thiết. Tiểu tinh sẽ co vùi ngay.’ Tôi thích chữ *tiểu tinh* của ông dùng. Nó vừa ý tôi hơn chữ *hoa* trong câu thơ ‘*Rằng nghe vườn mới thêm hoa.*’

‘Tránh mè nheo, chửi rủa, than thở dài dòng. Phải tươi tắn, nhỏ nhẹ. Càng nói ít càng tốt. Đàn ông vốn dễ chán ngán và mệt mỏi trước sự trách móc dai dẳng và quy chụp thường xuyên của đàn bà.’

Quy chụp? Ông này là hạng người nào mà sử dụng từ này! Tôi chú ý hơn người đối thoại. Đây là loại người để mình học hỏi, trao đổi. Ông ta không già như tôi tưởng. Có thể ông ta mới rời Việt Nam không bao lâu. Nhưng mà không cần chú ý tới ba cái thứ vật vãnh đó. Tôi đang có quá nhiều điều bấn trí.

‘Em sợ mình hiền quá anh ấy sẽ theo người ta luôn, đàn ông mà, mới cũ. Nhưng dữ quá thì sợ anh ấy bực mình không ký lại giấy hôn thú.’ Tôi thay đổi cách xưng hô hơi sớm nhưng mà thật ra tôi chỉ muốn thân mật để coi ông ta có cho mình được lời khuyên gì đó xứng đáng hay không.

‘Đàn ông không ích kỷ đến mức làm hại vợ kiêu đó. Đàn ông có thể dối vợ để “rong chơi cuối trời quên lãng”, nhưng đàn ông ác độc thì không nhiều, lịch sử cho thấy điều đó.’

Để tránh vẻ quá chăm chú nghe ông ta nói, tôi mở giở lấy quyển truyện ngắn của tác giả hiện sinh Lý Lan, tác giả mới nổi tiếng trong nước, cầm trên tay. Ông ta nhìn tựa quyển sách, không nói gì, chỉ tiếp theo đề tài của mình.

‘Cô cũng còn đẹp.’ Tôi không hiểu ông có dụng ý gì trong câu nói đó. Đàn ông không mấy người nói về sắc đẹp của người đàn bà đối diện mà không có ẩn ý. Đó là cái tật, cũng giống như tật truyền kiếp của họ là chỉ nói chuyện với đàn bà bằng nửa não vì nửa kia bận tưởng tượng về hình ảnh trần trường của người đối diện.

‘Lợi thế là ở đó. Phải biết mình muốn gì. Phải đầu tiên là muốn ở lại lập nghiệp trên nước Mỹ không? Sau đó là có chút tiền đỡ khổ lúc ban đầu bỡ ngỡ. Cuối cùng là được sống hạnh phúc gia đình với chồng con. Nếu mất thì theo thứ tự chồng, tiền, chót nhất mới là sự tự do.’

Tôi muốn há hóc mồm ngạc nhiên. Ông ta nói trúng những gì tôi suy nghĩ và quyết định trước khi lên phi cơ sang đây. Tôi làm thinh, tay lật lật quyển sách.

‘Vậy thì phải từ từ, sao cho đạt được ba mục tiêu đó. Không cần phải cùng một lúc. Không cần làm cho hai người kia sợ mình. Cũng không cần cho họ thấy sự bất bình của mình. Từ từ và nhỏ nhẹ.’ Ông ta lặp lại kế sách này nữa. Từ từ và nhỏ nhẹ khi anh ta xéo lên giao ước của người đi trong khi tôi khổ sở ôm giữ từng chữ, từng câu giao ước của người ở lại?

‘Cám ơn lời khuyên của anh, anh thấy nhu mì, nhỏ nhẹ đặc dụng trong trường hợp này?’ Tôi hỏi cho có. ‘Em đã định làm ngược lại đó chứ.’

Tôi thay đổi cách xưng hô, ông ta xứng đáng được xưng hô như vậy. Sành tâm lý dễ sợ, nói ít nhưng đúng lúc. Tôi không hổ thẹn gì khi dùng chữ anh-em thân mật đó. Ông ta như không chú ý.

‘Xứ này là xứ cơ hội và an toàn cho tất cả mọi người. Cô không nên thất vọng về bất cứ chuyện gì. Rồi mọi chuyện sẽ được giải quyết tốt đẹp thôi. So sánh sự khó khăn khổ sở của cô bây giờ với sự khó khăn và cô đơn của anh ấy lúc mới tới đây với đứa con nhỏ thì cô sẽ thấy từ từ và nhỏ nhẹ là kế sách công bình mà lại hữu hiệu..’

Tôi thờ dãi. ‘Vậy mà em định tới đó nói phải quấy cho hả hơi rồi chia tay. Nếu không có giấy tờ thì trốn lại sang đây sống với chị bạn. Chị ấy hứa với em nhiều lần.’

‘Cô đã sai lầm vì có giải pháp trước khi nhìn rõ công chuyện. Cô cũng không biết mình nên tiến nhanh hay tiến chậm trong kế hoạch. Cô bị ảnh hưởng vì cái phao người bạn. Cô quên xét những khía cạnh đáng tha thứ của anh ấy.’ Tôi bàng hoàng. Mười năm nay tôi chỉ nghe lời xúi giục, bênh bở đứng về phía tôi. Chưa từng nghe ai đứng về phía anh ấy, những chữ *khía cạnh đáng tha thứ* là những chữ chưa bao giờ có mặt trong tự điển cuộc tình nhiều nước mắt của tôi. Vâng! Tôi phải tìm cách tha thứ. Cho dẫu lòng mình tan nát!

Vẳng bên tay tôi nghe mơ hồ không biết là tiếng ông ta hay tiếng từ trong lòng tôi phát ra. ‘Tha thứ ở đây không có nghĩa

là dối lòng, che mắt không biết đến những chuyện đã xảy ra. Tha thứ đây là thông cảm với những yếu đuối vật thể của con người trước hoàn cảnh đầy đọa. Tha thứ là mở đường thực hiện tình mẫu tử gián đoạn từ lâu.'

Tôi thâm cảm ơn người đối thoại đã đưa cho tôi một giải pháp khiến mình có được sự thanh thản cần thiết. Trạm tới không là ngưỡng cửa vào địa ngục mà tôi phải cầm gươm đánh nhau với quỷ dữ như mình đã hình dung, trạm tới là bước đầu tôi tập luyện thành người có cái minh triết, nhìn sự kiện trên khía cạnh sâu sắc nhất để đem lại hạnh phúc cho tất cả người trong cuộc. Cái tôi sẽ không bị xóa tan như mình tưởng mà sẽ phát triển ra cao rộng, bao la hơn khi tôi đem tình thương lại cho con, cho anh ấy, và đem cái nhìn lân mẫn trao đến kẻ thứ ba. Tôi nhắm mắt chìm trong giấc ngủ thoải mái.

Chia tay tôi ở trạm đợi khu A để tôi sang chuyến đi về Florida, anh nói là mình đi về trạm đợi ở khu B nhưng không nói sang chuyến đi về đâu. Trước khi quay lưng anh nhìn vào mắt tôi cười cười, điệu bộ lửng lơ. Tôi biết anh thấy trong đó ánh mắt tươi sáng Mùa Xuân của tôi do anh trao tặng trong chuyến bay vừa rồi.



Cho tới bây giờ tôi vẫn chưa biết tên và cũng không biết anh sống ở đâu, làm gì trên cái xứ Mỹ to lớn này.

Nguyễn Văn Sâm



Hoa Đào Năm Ngoái

*"Mỗi năm hoa đào nở"
Em mang bánh chưng xanh,
Miệng cười hai má đỏ
Trên đường ghé thăm anh*

*Tấm bánh thơm mùi nếp
Gói ghém chút lòng son
Nguyên Đán tình thật đẹp
Mai sau khéo vuông tròn!*

*Tiền em ra cuối ngõ
Hẹn gặp lại đầu Xuân
Bên gốc đào từ đó
Không ngờ biệt cố nhân*

*Tết về hoa lại nở
Sao tưởng mãi Xuân qua
Cổng khép nào ai mở
Theo chồng em đã xa.*

Nguyễn Phú Long

trên biển

có những con đường chảy dài trên phố
tôi hỏi rằng còn nhớ tôi không
có những hàng cây vươn mình đứng đợi
biết rằng ngày ấy tôi đi.
tôi đi không một chia tay
với bạn bè thân cũ
lén lút trên chiếc xe buýt bùng
đến cảng vũng tàu
chiếc thuyền con thoi
tải người lên tàu vượt biển
thuyền trôi xuôi mà sóng còn lội ngược
đem tấm bạc đầu
cuộn lấy cát quê hương.
lũ người vất vả chen lên tàu mẹ
những giọt mồ hôi rơi rụng
được sóng xô bờ cho cát thêm nồng.
trước ngày đi
tôi đã cắm lên mảnh đất nghèo nàn
một gốc xoài và một cây chùm ruột
đến ngày đi rễ bám thật sâu
giữ lấy lòng tàu không cho rời bến
tàu rời bến mà sao mây vẫn trắng
trời vẫn xanh và sóng vẫn vỗ bờ
lắc lư tôi cho trào tuôn mặt đắng
quê hương ơi còn điều gì muốn nhắn
hãy thương lấy mẹ già
ngồi thổi cơm bên bếp củi
hơi lửa nóng bốc hơi nước mắt
khói cơm chiều bay đến tận mạn thuyền

che chở cho những ngày đói lả người
dưới nắng gắt ban trưa
tôi nằm im như bố
nằm đau liệt trên giường
không nói không rằng
mà lòng như dao cắt
miếng thịt xương mình đem gửi cho đời
cắn răng không một lời than
dù biết rằng nắng đang đốt cháy
tan hoang da thịt
tôi muốn chày tan vào kẽ nứt thân tàu
để trốn sức nóng ban ngày,
mưa lạnh ban đêm
trốn cơn đói khát đốt từ trong cơ thể
để trốn nỗi ăn năn với thằng bạn nghèo
mày chỉ có
một bộ áo quần đi học quanh năm
mà tao đã không đủ tình thương
để cho mày manh áo cũ
ba mày ở tù,
má mày gánh chè mỗi sáng
còn tao giờ ở quá xa bắt lực.
mùi nhựa chai cay nồng dán tôi vào gỗ
trói chặt tôi như một cơn ác mộng
tôi muốn làm một cánh chim
bay cao rộng
mà khắp toàn thân
không sao lay chuyển
trên là trời mà chung quanh là biển
nước ở cuối trời và nước ở kề bên
giữa là ba trăm mấy chục mạng người
chen chúc trong thân tàu quá chật
có trưa nóng kinh hồn

tôi thấy mình dầm mình trong biển mát
mặc cho người
chìm xuống đáy đại dương
tay buông xuôi thư giãn bỏ quên đời
đêm mưa lạnh lại nhớ thằng bạn cũ
lời hứa ngày về
chị em tôi hẳn còn nhớ chứ
sao trong tôi còn có điều do dự
mấy ngày rồi lên đèn gió bão
sóng trùng trùng cao hơn mấy tòa nhà
chỉ chực ập vào lũ người sao nhỏ bé
biển là đây còn đất là đâu
tôi khát quá muốn uống
cả đại dương vào trong bụng
cho sóng tan đi cho gặp đất liền
cho những con đường chảy dài trên phố
đưa tôi về chăm sóc gốc xoài
gốc chùm ruột mát thơm
biết được trái ngọt trái chua,
hoa nở khi nào
lá có xanh và cành có vươn cao
tôi sẽ nằm ngửa giữa đường
ngắm hàng cây uốn mình
trên nền trời xanh quen thuộc
nắng không gắt khi vòm cây cúi xuống
đưa những chiếc lá
cọ vào mặt vào môi mát lạnh
tôi dang tay ôm cả bầu trời
hít vào một hơi căng phồng phổi
mùi ngón tay tôi bấu vào mặt đất
đất cứng đây nào phải nước đâu
những chiếc lá chụp vào mắt tôi
như muốn chơi năm mươi

trốn bắt tuổi thơ
tôi cười thỏa thích khi tìm được bạn
một lũ chúng tôi khoác vai nhau
giăng ngang trên đường đi học
chấn lỏi xe đi cười vang như tét
tôi tìm ra chị ra em
những ngày giận nhau gây gổ
thề nghỉ chơi
không nói chuyện mấy ngày
tôi mở mắt ra chỉ thấy những người
nằm co quắp nứt nẻ da khô
lịm người không còn hơi để nói
để dành nhau lúc chen lấn lên tàu
lũ người chúng tôi
trên con đường tìm tự do
bỏ lại sau lưng tất cả.
mây nước một màu
đã mấy ngày đêm
tàu vẫn lên đèn bốn bề là biển...

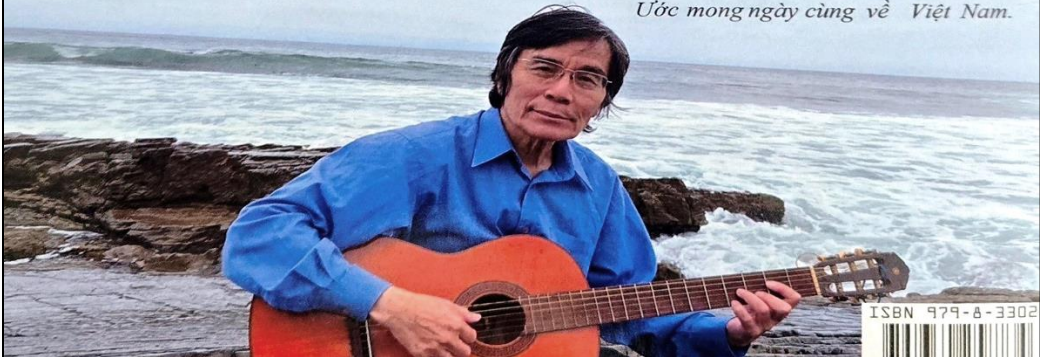


Nguyễn Xuân Thường

MAI EM ĐI

Trần Chí Phúc (1979)

Em E7 Am D D
Mai em đi về bên ấy. Đêm chia ly buồn biết
mấy. Bao tâm tư dồn tiếng hát. Biết bao giờ gặp lại
Em Em C Am D G
đây. Thôi chia tay nhưng em ơi xin em hãy nhớ rằng nơi
Nơi tha hương bao xa hoa mong em vẫn mãi là hình
đó đâu là quê hương ta hằng thương mến. Đau thương xin em nén
bóng dịu hiền thơ ngây của người em gái. Tương lai trao em năm
khóc gian nan xin em hãy vững niềm tin yêu niềm tin Việt
lấy nơi đây muôn tim trông ngóng một mai ngày vui ngày Việt
Em Em E7 Am D D G C
Nam. Mai em đi người yêu dấu. Ta lang thang đời mắt xù. Xuân quê
Nam.
C Am C B7 Em C B7 Em
hương mùa nắng ấm. Vẫn mong ngày gặp lại nhau. Có chăng là ngày về Việt Nam.
Ước mong ngày cùng về Việt Nam.



ISBN 979-8-3302



Khánh Ly hát "MAI EM ĐI" - Sáng tác: Trần Chí Phúc
<https://www.youtube.com/watch?v=bF7Swc2h-ec>

DSCOTHOM-207

TUỔI HẠC CÒN XANH...

** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) **

Ngày nào, ăn cơm chiều xong là ông bà Cóm hay kéo nhau ra trước hàng ba ngò “rửa mắt”. Thật ra đây chỉ là một khu chung cư mà ông bà mua nhà từ hồi mới dọn đến tiểu bang này. Mua nhà chung cư vì thứ nhất là trả tiền vừa phải, hai nữa là nơi này phía sau nhà có ít đất để cho ông bà trồng cây, cũng được năm bảy cây lớn và rau rìa thì vô số, vì có thể trồng cả phía trước hàng rào, cho dù phải trả tiền “associative property” trăm rưỡi một tháng.

Thiên hạ từ bãi đậu xe hay đi bộ ngang nhà ông bà để về nhà họ. Chẳng có kiểu nữ hay model nào, mà chỉ là vài ba ông bà già, mấy cô cậu choai choai, nhưng có còn hơn không. Nhìn vợ ngồi đó, ông Cóm bỗng buột miệng thốt ra một câu hết sức vô tình, nghe chướng tai:

- Nhìn tui với bà giống như hai con khỉ già ngồi hóng gió!

Nói xong ông mới biết mình lỡ lời! Bởi cái tính hay giỡn cợt từ bé tới lớn của ông, đụng đâu nói đó, nói cho vui cửa vui nhà, mà ông từng bị chỉ trích, cũng như là đay nghiến bởi vợ và các ông bà bạn vợ! Nhưng rồi đâu lại vào đó! Có nghĩa là “bệnh thì có thể chữa lành, nhưng tật thì vĩnh viễn”... Chẳng biết ai mà lý luận câu hay thế!

Ông Cóm vốn người “bất cần” trong lời ăn tiếng nói, bạn bè trêu chọc, phê bình vậy... bởi tính ông thật thà ngây ngô từ nhỏ, nên những gì phát ngôn từ cái miệng của ông, nó khiến cho người ta biết ngay đó là “thực tế”, hơn nữa là ông không nói láo, vì ông không biết cách:

- “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Vợ ông biết tổng điều này. Nhưng có ai mà không tức, khi bà đang cố gắng làm đẹp, níu kéo xuân xanh một cách miễn cưỡng, chưa bao giờ vừa ý với thân thể phát triển mỗi ngày một bành trướng hơn của mình, với làn da đã có vết chàm chim, với cơ bắp trên người, từ mặt tới chân hình như đang xệ xuống, cho dù các bạn vẫn khen bà còn được lắm, hơn nhiều bà khác... thì ông chòng lại nở lòng nào phang một câu làm cho “tinh thần” bà tổn thương như thế! Bà lờm ông thật sắc:

- Bộ hết cách ví dụ rồi hay sao mà tự hạ mình xuống hàng súc vật thế?

Thấy vợ bực, ông cười ha hả:

- Người ta ai cũng nói vậy mà.

- Ông nói chứ ai nói! Sao lúc nào cũng đưa vợ ra làm trò cười được!

Nói tới đây, nhớ những chuyện tệ hại đã qua do ông làm nên, cơn giận nổi lên bất

tử, bà bắt đầu xỉa xối chồng, có hơi ác mồm ác miệng:

- Ông ngu thì cũng vừa vừa chứ, còn nhường chỗ cho người khác ngu với, lúc nào cũng nghĩ cách chơi tui là sao?

Bà vợ nói câu này làm cho ông Cóm đang cười vui bỗng tức ngang xương, lâu nay ông thường “nê” vợ, để cho bà muốn nói gì thì nói, bởi ông nghĩ đôi khi ra ngoài đường mình cũng đại thật, làm trò cười cho thiên hạ! Ông biết mình đại từ khi thấy mấy người bạn nhậu thường xuyên hay đứng về một phe chơi gác ông! Họ đưa ra một chủ đề cắc có gì đó, gài cho ông nói, rồi cùng nhau cười ha hả khoái trá nâng ly! Nhưng rõ ràng sự thật lúc này ông thấy bà ngồi giống “con khỉ đột” thật, mà ông có nói vợ là con khỉ đột đâu, lại còn lôi cả ông vào, hai vợ chồng “giống khỉ”... chỉ là vui cửa vui nhà thôi mà! Sách báo nói vậy thiếu gì, ông đọc hoài!

Lập tức ông gân cổ cãi cho bằng được:

- Nếu tui mà chơi bà, thì tui nói khác.

Đang tức, nhưng nghe ông nói, bà Cóm vẫn tò mò:

- Nói khác là sao?

- Thì tui phải nói bà giống con khỉ đột mới đúng!

Bà Cóm thấy tối mắt như có một cái tát mạnh vào mặt mình! Nhìn ông, bà tức lộn ruột vì cái mặt ông đang giống y như đứa con nít, hả hê vì nói thật lòng mình. Rồi trong tích tắc, bỗng dưng bà Cóm thấy

mình xìu cơn giận xuống thật nhanh! Ờ nhỉ, có thể bây giờ mình xấu quá, già thật rồi! Ngày xưa mình đẹp là thế! Bỗng dưng bà tựa ngửa ra sau ghế, nhắm mắt lại thờ dài, làm cho ông Cóm giật mình lo lắng. Ông biết tính của bà quá mà, tình trạng này chắc bà buồn lắm! Bởi những lúc bà nói to, nói lớn là bình thường! Còn khi bà im lặng, thì chắc là bà đang “chết trong lòng một ít”! Bà chết vì những câu bốn cột của ông!

Cho dù vợ bây giờ có già xấu hơn, thân hình mập mạp hơn, hết còn hoàn toàn như trước, khiến bạn bè thân nhân đã lâu không gặp thì không thể nhận ra người thiếu phụ tóc dài tha thướt xinh đẹp năm xưa! Nhưng ông đâu bao giờ có ý chê bai bà, hoặc là để mắt đến người đàn bà nào khác! Vợ chồng sống với nhau lâu năm dù hết tình, nhưng nghĩa vẫn còn đầy. Ông tự trách mình không biết giữ mồm giữ miệng khiến vợ buồn. Ông tự hứa từ nay sẽ làm tốt, không chọc bà nữa!

- Bà đừng buồn, tui hứa lần sau sẽ không bao giờ nghĩ bà là con khỉ đột nữa!

Nghe ông nói, bỗng dưng bà thấy tức cười quá, cười phá lên, làm cho ông ngẩn tò te.

- Ông khờ thiệt đó, bộ ông thấy tui giống như “con khỉ đột” thiệt hả?

- Ừ, tui đã nói rồi, tại bà giống quá tui mới nói chứ! tui không thích bà bận bộ đồ này, đồ gì mà từ trên xuống dưới dính chùm nhau, rồi lại đội cái mũ đen lông xù thế kia...giống khỉ lắm. À, phải rồi,

giống như đồ tụi nó mặc ngày Halloween Ông Cóm lắc đầu:

vậy.
- Ờ há. Nhưng mà trời lạnh bộ đồ này ấm lắm, mặc dễ chịu, nó bao cả chân tới cổ!
- Đồ gì mà giống như cho con nít mặc đi ngủ.

- Thì đó, già rồi cũng giống như con nít chứ gì!

- Mà sao chưa ngủ bà lại mặc nó?

- Cho ấm.

- Thôi, bà ăn mặc bình thường đi, rồi mang vớ vào để coi hơn, khi nào lên giường ngủ hãy mặc bộ này, bà đắp mền tui không thấy, hết giống khi!

Bà nghĩ ông chồng khờ của mình có lý. Nhưng giữa cái đẹp và thoải mái, bà nên chọn cái nào? Tuổi già thì làm đẹp cho ai? Nhiều khi bà nghĩ đàn ông đi ngoài phố thích chiêm ngưỡng những cô gái, thiếu phụ trẻ. Mấy bà già diện ai coi!

- Thôi mình vào không lạnh. Trời năm nay mùa đông đến chậm, nhưng lạnh hơn năm ngoái.

- Ngày mai cuối tuần mình có làm gì không ông?

- Thì bà hẹn với ông bà Tâm tới nhà họ xin cây về trồng, quên rồi à!

- Phải, phải... ông không nhắc thì tui quên rồi, hình như tui nói là mang vài thứ tới nhà họ ăn nữa phải không?

- Đúng vậy.

- Vậy tui đưa cái gì bây giờ?

- Ai mà biết, bà thích làm gì thì đưa thứ đó.

- Gỏi cuốn được không?

- Tui không thích ăn gỏi cuốn, chắc đàn bà trẻ em mới thích thứ này!

- Chứ đàn ông thì thích cái gì?

- Cánh gà chiên nước mắm đi bà. Tui thấy ngồi nhâm nhi món này có lý hơn là món kia.

- Rồi, tui làm cánh gà chiên nước mắm, khoảng bốn chục cái chắc đủ rồi chứ gì.

- Bao nhiêu cũng được. Mình ghé chợ Von mua thêm bánh mì Pháp và cheese đầu bò nữa là xong.

Hôm sau, trong lúc bà đang chiên cánh gà, thì con gái dẫn cháu ngoại đến chơi, bà Cóm tiếc hùi hụi vì đã lỡ hẹn với bạn, nếu không thì bà ở nhà chơi với con cháu, vì lâu lâu tụi nó mới đến một lần. Bà lấy đùi gà chiên thêm cho con cháu ăn. Con gái bà hỏi:

- Bố mẹ tính đi đâu hả?

- Ừ, bố mẹ qua nhà bác Tâm lấy cây về trồng.

- Cây gì vậy mẹ?

- Mướp Triệu Ẩu.

- Là mướp gì mẹ? có giống trái mướp hương mà hồi đó mẹ hay xào với bún tàu lòng gà cho tụi con ăn, phải không?

- Đúng rồi.

- Nếu vậy con biết trái mướp đó rồi, nó dài thòng lòng phải không mẹ?

Bà Cóm ngạc nhiên:

- Đúng vậy, nhưng chưa chắc... mà sao con biết?

- Thì con đi học Việt Ngữ đó, họ dạy lịch sử có nói.

- Con hay quá, vẫn còn nhớ bà Triệu Ẩu là hay.

- Tại bà này đặc biệt. Mấy đứa bạn con nói hồi xưa đi đánh giặc, bà Triệu Ẩu cũng con sau lưng, mà kéo cái vú ra tận đằng sau cho con bú được đó... nó còn nói bà ngoại nó không đánh giặc, mà vú cũng dài tới rún!

Con nhỏ nói, cả nhà cười vang.

- Hồi nãy mẹ nói chưa chắc là sao?

- Chưa chắc cái gì con?

- Murop Triệu Ẩu đó.

- À, vì mình phải trồng thử và chờ nó ra trái xem sao đã, thời nay người ta cũng hay quảng cáo quá lố!

- Ra vậy.

Con bé nhón một cái cánh gà ăn thử, trầm trồ khen ngon, vừa dòn vừa cay mặn ngọt, rồi nói:

- Mẹ bỏ thịt gà vào hộp con mang về nhà ăn, để bố mẹ đi không trễ.

- Ủ, khi nào qua nhớ gọi cho bố mẹ biết trước để bố mẹ khỏi hẹn ai, với lại cuối tuần nghỉ tụi con nhớ qua chơi với bố mẹ, để mẹ nấu cái gì cho con ăn. TíTí về nghe, nhớ điện thoại nói chuyện với bà ngoại nhé, bà nhớ cháu lắm.

- Dạ.

Hai mẹ con đưa nhau ra xe, ông bà nhìn theo thở dài. Cái gì bà cũng dặn con “nhớ”, nhưng nó “dạ” xong rồi có nhớ gì

đâu! Tụi nó cũng nhiều bạn, tính con nhỏ lại ham đi “shopping”, nên ít khi rảnh.

- Chắc nó giống mình hồi nhỏ!

Bà thì không muốn ép con đến với mình, ngoài chuyện ăn uống, gặp nhau, thì không vui bằng đi chơi với tụi bạn của nó, thôi thì hể con vui là bà cũng hài lòng. Năm sau, chồng nó đổi đi làm ở Châu Á, ký kết với hãng 5 năm, mang theo cả gia đình. Căn nhà này sẽ đơn độc hơn, chỉ còn hai ông bà ra vô! Thằng anh nó thì sống tận New York, lâu lâu mới về một lần! Bây giờ cũng chỉ hai ông bà già, có gia đình nó ghé qua thăm là an ủi rồi! Phải tập cho quen!

- Thôi mình đi.

Nghĩ đến chuyện đơn lẻ của tuổi già xế bóng, con cháu sẽ xa dần cha mẹ ông bà, nên bà Cóm rất băn khoăn lo nghĩ đến vấn đề này. Tính bà chưa già khú để đã vội lo xa, bà biết ông chồng mình vô tư hiền lành, ít khi nghĩ xa xôi như bà! Trời cho bà cái tính mau lẹ, còn làm được gì có ích lợi cho người cao niên trong tương lai, thì bà cũng thích tham gia.

Những khi giận chồng vì ông hời hợt, đụng gì nói nấy! Dù giận, nhưng được cái tính bà dễ quên hay tha thứ, cho nên cứ chung đụng với nhau, bà cũng quen đi với tình cảnh, câu nói vô tình như vậy từ chồng, có giận hay cầu nhau chỉ một lát lại hoà. Không hoà với ông thì càng chán hơn, nhà có hai vợ chồng, mà giận nhau thì sống gì nổi!

Bà Cóm có dự định bà sẽ rủ rê vài người bạn tâm đầu ý hợp, sống quây quần với nhau lúc về già cho đỡ cô đơn trống vắng, chẳng biết có ai thích vậy không, và bà có làm được điều này không?

Hôm nay nhà ông bà Tâm có khách. Thấp thoáng bóng vài người ở trong phòng ăn. Mùi chiên xào cũng vang lên thơm lừng.

- Chào quý vị, mời vào.

Vào tới nơi, bà Cóm thấy có hai cặp vợ chồng, một là thi sĩ Phiêu Bồng, vừa gặp mặt bà Cóm nhớ ngay đây là cặp vợ chồng thi sĩ mà bà nghe tên nhưng không quen, bà vợ thì sau mấy tháng không gặp, bây giờ đã nghe ông Tâm giới thiệu danh hiệu mới là nữ ca sĩ Mộng Hải Hoàng, còn cặp kia là bà con của chủ nhà.

Bà ca sĩ đã có lần trình diễn văn nghệ “cây nhà lá vườn” trong buổi tiệc sinh nhật của bạn bè, khi có tuổi mà chưa có tên, với tinh thần “hát hay không bằng hay hát”, lần đó lại hát quá nhiều, bị ông Cóm phê bình là giọng ca “rỗ rảng”. Bà Cóm đang rảnh, hơi ý sát nghĩa của hai chữ đó, thì được ông thành thạo giải thích rằng:

- Nghĩa là hát tới đâu ruồi muỗi chết tới đó!

Bà Cóm thấy tức cười quá mặc dù trong người đang khó chịu, nhưng bà không hỏi thêm là tại sao ruồi muỗi chết mà không là người ta chết? Nhưng cũng

may là ông phê bình trên đường lái xe về nhà, chứ không phải lúc bà vợ thi sĩ mới hát xong!

Bà Cóm xách túi đồ ăn đi vào bếp, mượn bà Tâm hai cái đĩa lớn rồi bày cánh gà và bánh mì phô mai lên. Sau đó thì bà Tâm mời tất cả vào ngồi quanh bàn ăn.

Giới thiệu hai bên xong, bà Tâm mời mọi người cầm đũa. Gắp một cánh gà ăn thử, vợ chồng chủ nhà xuýt xoa khen ngon. Bà Cóm thì dù muốn ăn cánh gà vì cũng thích món này, nhưng lịch sự, bà lại gắp món chả cá của bà Tâm trước, vì nghe khoe mới chiên, còn nóng hổi. Bà Tâm nêm món ăn hơi mặn, nên bà Cóm phải gắp mấy miếng dưa chuột ăn kèm, bà không quên bỏ vào bát của ông cà chua sống và giá để ông ăn. Nhà bà ăn lạt đã quen, nên nhiều khi người ta nấu ngon, lại không hợp với khẩu vị của ông bà, chứ không phải là bà chê thức ăn người khác làm.

Bước vào tuổi cao niên, ai cũng hay bị bệnh này bệnh nọ, riêng ông bà thì bị cao máu cao mỡ! Ông Cóm cho rằng tại vì bà mà ông mới có bệnh trên. Nghĩ cũng đúng là vì bà nấu cơm cho ông ăn hàng ngày, nhưng mà ông đồ thừa kiểu vậy, bà sẽ gợi ý ông ăn chay cho khỏi mệt!

Ông thi sĩ và bà vợ ca sĩ không mang gì theo ngoài 2 xấp bánh tráng nướng, cho nên ông cứ bắt mọi người bẻ bánh tráng ăn mãi, dù cái món bánh tráng hơi lạt lợng trong bữa ăn này. Bà Cóm thấy chồng tay cầm hai miếng bánh tráng khá

to, vì ai đưa cho cái gì ông cũng không biết từ chối... có vẻ tìm tòi, hiểu ý ông, bà hỏi:

- Ông cần cái gì?

Ông quay qua bà Tâm:

- Nhà có mắm ruốc không chị?
- Có, anh cần mắm ruốc làm gì?
- Để tui chấm với bánh tráng.

Ông Tâm trợn mắt:

- Gì vậy ông? Bánh tráng ai lại chấm mắm ruốc? Sao giống ăn thịt chó quá vậy!
- Thôi, bày đặt quá... đòi kỳ cục!

Nghe vợ gắt, ông tỉnh khờ:

- Ủa, bánh tráng không chấm mắm tôm được à? Vậy thì thôi!

Bà Cốm nhìn ông chồng của mình chẳng hiểu ông ấy muốn gì! Mới uống có bốn chai bia đã thấy "tưng" rồi! Đúng là già sinh tật! Ăn xong, ông bà Tâm vặn Karaoke lên khi ông thi sĩ đưa ra một cái DVD mang theo trong bóp của bà vợ, thế là mọi người nhao nhao yêu cầu các ca sĩ chuẩn bị hát. Ông Cốm cũng xung phong.

- Văn nghệ thì phải có MC chứ.
- Đúng vậy.
- Tui sẽ làm MC hôm nay.
- Rồi, anh chuẩn bị đi, để em hát xong bài này rồi anh giới thiệu nha.

Mặc cho vợ kéo quần nhắc chồng ngồi xuống, nhưng ông Cốm vẫn gặt ra, đi lần

đến trước mặt mọi người, làm như là một nhạc công trong ban nhạc thứ thiệt! Bà ca sĩ cầm micro đứng theo kiểu "xuống tấn" cho vững chắc, rồi bà cất giọng ca theo bài hát rất hồ hởi, những khi vô trật nhịp, thì bà chơi luôn đọc một lèo theo hàng chữ chạy trên TV, tiếp tục ca như không có chuyện gì xảy ra! Trong lúc vợ biểu diễn, ông chồng thi sĩ ngồi nghếch mặt ra nghe một cách hãnh diện, làm như vợ là ca sĩ thứ thiệt, xen lẫn niềm sung sướng vô biên!

Xong bài hát, ông chồng vỗ tay kịch liệt, bà vợ tính hát thêm bài nữa, thì ông Cốm đã lẩn ra phía trước, dáng điệu có vẻ không bình thường:

- Kính thưa quý vị, tôi là MC hôm nay. Trước tiên tôi xin nói về tôi, tôi là một chiến sĩ vô danh không ai biết, nhưng dù thế nào tôi đã có tuổi thì dĩ nhiên tôi phải có tên, dù tôi không hay bằng MC Nguyễn Ngọc Ngạn, nhưng tôi biết ông thua tôi vài điều, thứ nhất là tôi hơn tuổi chả, có đúng không quý vị?

- Hay.

Ông Tâm vỗ tay khoái chí la lớn, bà Cốm cũng thấy buồn cười ông chồng mình. Thôi, đây không có mấy người, mặc tình cho ông làm trời làm đất gì thì làm. Ông Cốm hứng chí tiếp:

- Không những thế, vợ tôi cũng hơn tuổi vợ chả!

Nghe thế, bà Cốm bắt đầu cau mày, bà nói:

- Thôi ông ơi, giới thiệu nhanh lên, ca sĩ đang chờ mà ông cứ nói gì vớ vẩn thế!

- Bà đừng có xía vô, bà dám lên đây làm MC không mà nói, để cho tôi làm việc! Còn nữa, tụi tôi có hai đứa con, còn ông kia chỉ có một đứa, vậy là thua ba thứ rồi!
- Tiếp nữa.

- Thưa quý vị, quá tam ba bận! Thua ba thứ thì còn gì để nói... tiếp theo đây, tôi xin giới thiệu ca sĩ... ca sĩ gì tôi quên m. nó tên rồi, nhưng bà ca sĩ này có làn âm thanh cực kỳ bí hiểm! À, chưa được, tôi còn quên giới thiệu tên MC nghiệp dư của tôi, xin quý vị một tràng pháo tay cho MC Cóm Làng Vòng.

Mọi người vỗ tay, bà ca sĩ đứng phía sau chọt móng tay nhọn vào lưng ông MC một cái rõ đau làm ông giật nảy mình, nóng nảy:

- Xong rồi, giới thiệu tui tiếp đi, chờ lâu quá!

- Ui da, từ từ... tiếp theo đây, ca sĩ Mộng Hài Hùng... ủa quên, Mộng gì bà? Tên gì khó nhớ thấy m.! Mới đi hát bày đặt lấy tên khó ai mà nhớ, lại còn móng tay nhọn hoắt y như cái dùi! Thôi bà muốn hát bài gì thì hát, tôi xong rồi, chào.

Ông vắt micro xiêu vẹo đi xuống, ngồi vào một chỗ trống, nhắm mắt im ro. Bà Cóm lại gần ông, thấy ông đã ngủ thật rồi, lại còn ngáy nhẹ!

- Ông uống hơi nhiều.

Bà tính đưa ông về, nhưng phải té nhị ngồi tiếp tục để nghe cho xong, lần này

bà ca sĩ giới thiệu bài thơ của ông chồng thi sĩ, và bà cất giọng ngâm... lúc này bà Cóm mới thấy ông chồng mình có sự phê bình chính xác: giọng ca của bà ca sĩ nghe “rõ ràng” thiệt!

Lúc màn ngâm thơ chấm dứt, bà Cóm thở phào ra nhẹ nhõm, vỗ tay thật lớn vì bà đã phải chịu trận nghe tới hai bài, bà sung sướng như vừa được giải thoát, rồi đứng dậy xin phép ra về. Ông Cóm thì lè nhè khi bị đánh thức, mắt nhắm mắt mở theo vợ ra cửa. Chắc ông cũng không biết ai đưa đi đâu. Đến cửa, bà còn nghe mọi người chào:

- Thôi, bye bye ông bà MC Cóm Làng Vòng, hẹn gặp lần sau.

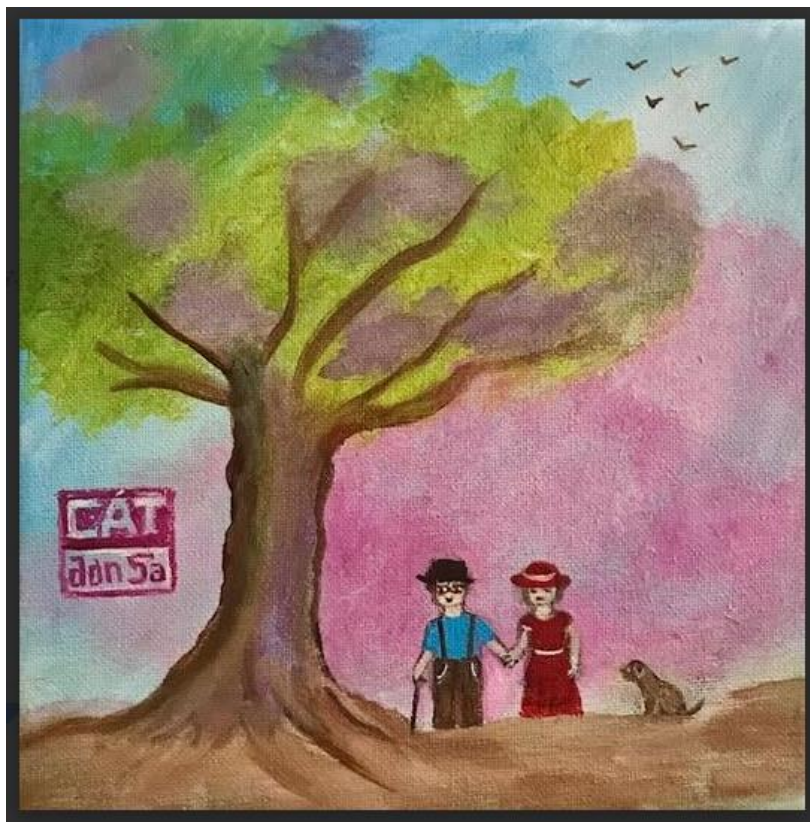
Cột dây an toàn cho ông xong, bà Cóm lái xe ra freeway. Nhìn ông gục đầu ngủ say sưa, bà nghĩ ông vậy mà sướng. Uống say là ngủ, khỏi mất công thấy thiên hạ đang bày nhiều trò để tự phong, thật là mệt cho lỗ nhĩ mọi người. Chuyện “tương lai” bà muốn nói khi gặp ông bà Tâm cũng tan như mây khói. Thiên hạ mỗi người mỗi ý, trong lúc người ta đang sống hối hả để lẩn át tuổi già, thì bà lại lo cho chuyện “xa vời” ngay trước mắt đó!

Nghĩ vậy, buồn một chút nhưng bà Cóm vốn là người dễ quên, chuyện khó làm thì sẽ nghĩ cách khác, cùng lắm là kiếm nhà dưỡng lão nào có nhiều Việt Nam mà ở! Còn nếu bị bệnh nặng, liệt giường, mất ý thức thì có đi đâu cũng vậy thôi, đi... phiêu diêu miền cực lạc có lẽ còn sướng hơn!

Từ đó, trong cộng đồng Việt bỗng dựng
đôi lần có nghe nhắc nhở đến MC Cóm
Làng Vòng duyên dáng, hơn MC nổi
tiếng Nguyễn Ngọc Ngạn đến ba thứ...
nhưng người ta chẳng bao giờ thấy được
dung nhan tài danh bất cần đời đó xuất
hiện trên một sân khấu nào!



Diễm Châu (Cát Đơn Sa)



VĂN HOÀI BÊN NHAU – Tranh: CÁT ĐƠN SA

XUÂN VỀ, NHỚ QUÊ HƯƠNG

Nổi trôi theo mệnh nước nổi trôi,
Xuân nay đã mấy chục xuân rồi.
Đêm xuống chập chờn cơn huyễn mộng,
Ngày qua nhưng nhớ chén ly bôi.
Quê xưa xa thẳm, muôn trùng sóng,
Đất mới cách ngăn, vạn núi đồi.
Ai đó nơi đâu còn xao xuyến?
Nghĩ chuyện tương phùng, bỗng lệ rơi.

Đầu đông, 2024 - Richmond, Virginia

Tuệ Trung



LỜI RU CỦA MÙA XUÂN

Mùa xuân chợt vươn vai,
ru em giấc ngủ dài,
chải nhanh vùng tóc rối
tô son má hồng phai,
hé môi chào cảnh lộc,
nhẹ bước vào vườn mai.

Xuân hát bài ca dao,
âm vang tiếng đàn bầu,
rộn ràng cùng trời đất,
nhã nhạc quyện lao xao.
Em như chim ca múa,
xiêm y và sắc màu.

Xuân tấu khúc nghe thường,
Áo lụa ráng chiều buông,
Gió vờn bay dải yếm,
Hài nhiều mềm hơi sương.
Em đưa tay vẫy gọi
yêu thương ơi, yêu thương.

Xuân đã đến quanh em,
cùng những giọt mưa mềm,
ngập ngừng rơi trên gối
dịu dàng tan trong đêm,
Em môi hôn nồng ấm,
thẹn thùng giấc ngủ quên.

Xuân cười, đẹp lắm lời,
Lênh đênh giữa đất trời
thời gian qua thẳm lặng,
nắng nhạt, mây chậm trôi
thốt nhiên mai nở rộ,
Xuân mãi đây chẳng vơi.



Tuệ Trung

XUÂN VẪN THA HƯƠNG

NHẠC : VÔ TÁ HÂN

THƠ : MINH ĐỨC HOÀI TRINH

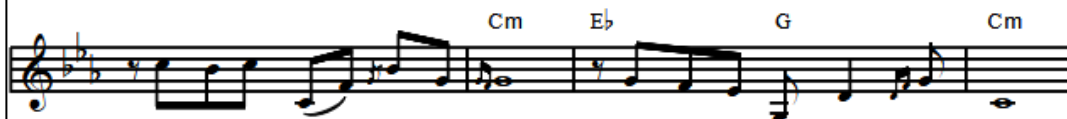
Chậm vừa. Tha thiết



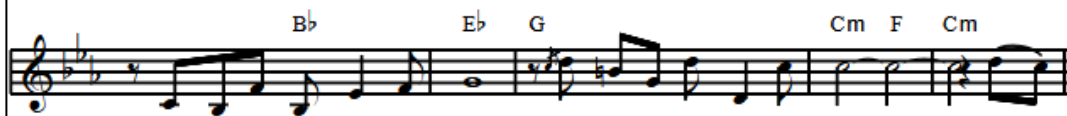
Thế mà con mẹ vẫn tha hương Xa nhà, xa mẹ xa mền thương



Trừ tịch đêm nao hồng tiếng pháo Nơi này chỉ thấy tuyết hòa sương



Đêm nay mơ tưởng đến đêm xưa Ngát ngày đầu mùi hương thoảng đưa



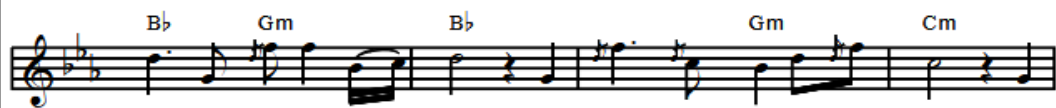
Bóng mẹ cúi bầy hương cốm cúng Khăn ông bà đến để say sưa Me



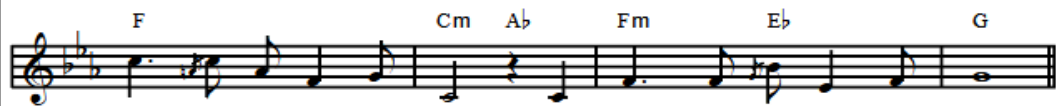
báo ông bà vẫn hỏi con Ràng sao con vẫn vắng nhà luôn Mẹ



có nhớ thưa con cố học Bao giờ thi đỗ mới hồi hương Bánh



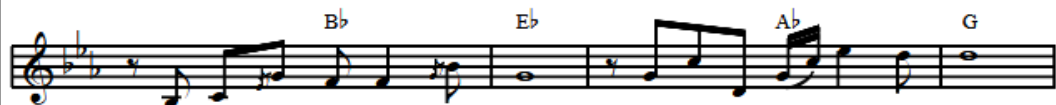
chung mẹ nấu có nhiều không Nồi bánh nậm này ai thức trông? Mẹ



có gói thêm đòn bánh nhỏ Để cho con út mẹ vùi công



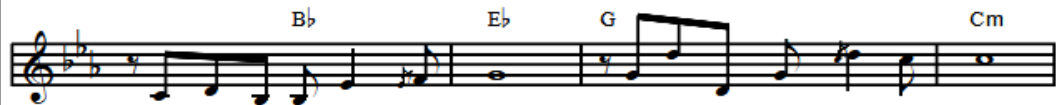
Nhớ xưa mẹ nhi lúc còn thơ Cuộc sống xây bằng mơ với mơ



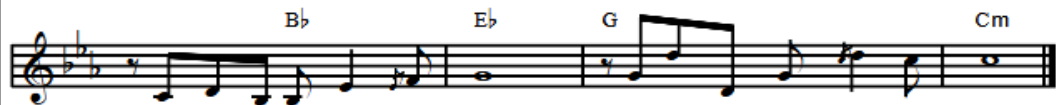
Mẹ chỉ biết con, con biết mẹ Mà nay đàn lỗi mấy cung tơ



Xuân này con mẹ vẫn tha hương Con ở phương này, mẹ phương nào



Tóc trắng mẹ già thêm chút nữa Lệ con nhòa nhạt chốn tha hương



Tóc trắng mẹ già thêm chút nữa Lệ con nhòa nhạt chốn tha hương

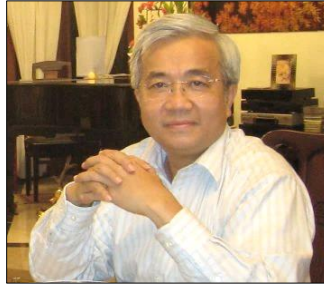
Xuân Vãn Tha Hương

thơ: Minh Đức Hoài Trinh; nhạc: Võ Tá Hân - tiếng hát Thanh Long

<https://www.youtube.com/watch?v=LiPN2yviEd8>



Minh Đức Hoài Trinh



Võ Tá Hân



QUÊ NHÀ

*Trở về thành phố của màu râu tuổi nhỏ
vẫn còn nghe trong gió
bầy chim sè trên nóc chuông nhà thờ
gọi tên rất khê
hoài trinh
kỷ niệm xưa thức dậy dưới bàn chân
khiến em như trượt ngã
tình thơ dại ùa vào trong mắt
buồn tênh
tình thơ dại diu em bay lên
vòm khuya trăng non tháng sáu
tình thơ dại chập chờn như cơn bão
đường phố thênh thang bởi thiếu một môi cười
tuổi mười bảy mắt biếc chưa nguôi
vẫn ngày mưa tháng nắng
vẫn lối đi quen hò hẹn dẫn nhau về
từng có lúc mười ngón tay lạnh cóng
hoa cúc vàng ve vuốt những cơn mê
ngày tháng đi qua
từng ngày khôn lớn
vẫn một màu râu trên mái ngói chưa nhòa
một mình em đi, một mình em gọi
một người đã xa...*

Minh Đức Hoài Trinh

NHỮNG TẾT THA HƯƠNG

**** Linh Bảo ****

Tết năm nào tôi cũng nghĩ đây là một tết tha hương cuối cùng và tự an ủi: “Thôi, chịu khó năm nay, sang năm về nhà ăn Tết. Tết ở quê hương có Thủy Tiên, hoa Đào, hoa Mai và nhất là có mẹ già..”

Nhưng hết năm này đến năm khác, mấy chục năm qua, không những vẫn Tết tha hương mà lại còn biến thành tết lưu vong, và mẹ thì cố nhiên là không còn nữa!

Năm nào cũng như năm nào, Tết ở đâu cũng cô đơn, dù tôi có xê dịch hay ở yên một chỗ, ăn Tết ở nhà mình, ở nhà người, một mình, hai mình, nơi đông đảo hay vắng vẻ. Và lắm khi càng đông người càng cảm thấy cô đơn hơn.

TẾT HONGKONG - 1946

Cuộc chiến đã bắn tất cả thanh niên nam nữ ra ngoài ngưỡng cửa gia đình, bắn tung ra cả đến ngoài biên giới, xô dồn tất cả lứa tuổi từ 16 trở lên vào con đường tranh đấu. Bằng cách này hay cách khác, sớm hay muộn, ai cũng khăn gói lên đường.

Sau khi thoát khỏi nanh vuốt và những vụ bắt bớ của phe này, phe khác, tôi kinh sợ cái hăng say khát máu của các cấp chỉ huy. Cuộc sống bấp bênh đến mức độ có thể, sau một giấc ngủ vô tư, sáng dậy, người ta bỗng trở thành lãnh tụ, chỉ huy, hay là bị cùm xích cả chân tay. Không

muốn lãng phí cái chết của mình, một sớm tinh sương, tôi phiêu phiêu đổ bộ đất Hong Kong với một bộ quần áo Tàu mong manh. Cái công ty Tàu tổ chức đám nạn dân đổ bộ, chờ đến sau khi “các chú”, “các thím” qua thoát lưới Hải Quan Anh là họ trút gánh nặng, quay tàu ra khơi để còn đi làm chuyến khác.

Trời Hong Kong mùa Tết gió rét như cắt, nhất là ở những con đường ngay cạnh bãi biển. Hai bên đường phố, các hàng bán hoa quả và hàng Tết bày lan tràn ra đến lề đường, như giục già người ta sắm Tết, nhắc nhớ Tết đây rồi, làm tôi thấy nhớ nhà, nhớ mẹ lạ lùng.

Tôi được giới thiệu vào ở trọ trong một gia đình Tàu. Nhà không rộng, nên họ dọn cho tôi một cái giường vải trong một góc phòng, giăng một tấm màn ngang qua giường, và trong chóp mắt, góc phòng bé nhỏ biến thành cái thế giới riêng biệt của tôi.

Bên kia tấm màn biên giới là giường của hai thằng bé độ sáu bảy tuổi, con nuôi của bà chủ nhà. Hai thằng béo ù thực khỏe mạnh và khá khinh, nhưng bị mù. Chúng nó sinh ra toàn vẹn cho đến khi quân Nhật đánh chiếm Hương Cảng. Không biết lửa đạn vung vãi thế nào mà chúng biến thành ra mò côi và tàn tật.

Trong nhà còn đôi ba cặp nữa, mỗi đôi ở một căn phòng nhỏ, ngăn lại bằng ván ép. Biên giới là tấm ván mỏng, không

ngăn được tiếng nói thì ào ào yếm lúc đêm khuya, và cũng không ngăn được giọng cãi vã, dù người ta có xuống giọng thấp đến mấy đi nữa. Nhưng nhờ có cái biên giới tượng trưng nên ai cũng thấy yên tâm như được che chở, và khi bóng tối bao trùm thì bên kia biên giới là hư vô...

Thì ra biên giới thật co dãn. Biên giới có thể là Vạn Lý Trường Thành, là biệt thự này cách biệt thự kia hàng trăm thước, là cái hàng rào thưa, mảnh ván ép, và cũng có thể chỉ là một tấm màn mỏng manh.

Sau biên giới vải, tôi nằm im lìm vờ ngủ, lắng nghe những sóng động ưu tư trong lòng, và đồng thời cũng lắng nghe cái Tết đang lan tràn.

Người ta có cả tháng để chuẩn bị, thế mà cho đến phút cuối cùng vẫn còn có kẻ mua bán rối rít. Người nào cũng lo áo quần mới cho gia đình, quà bánh cho khách đến chúc Tết, phong bao cho trẻ con. Đồ ăn thì cố nhiên là phải đặc biệt, những món ăn riêng cho ngày Tết. Đêm đã khuya mà ngoài đường vẫn còn cả một rừng người tấp nập đi mua sắm hay đi nhìn thiên hạ mua sắm! Họ đi vào ánh đèn ngũ sắc như trăm nghìn con thiêu thân, vì chính họ cũng là một loại thiêu thân.

Giờ này ở quê hương, gia đình của tôi đang ở lao tù nào? Các bạn của tôi, chắc hẳn từng đoàn, từng nhóm, đang “xếp bút nghiên”..., đang “một ra đi là không trở về..” Còn tôi mơ màng nghĩ đến ngày mai vào Quảng Châu để gặp các anh em sinh viên cách mệnh đang học ở đây. Mấy hôm trước, anh Hùng sau khi đọc bản tự

thuật “Hoa Sen trên biển” của tôi, đã bảo anh Vĩ, người liên lạc: “Anh đưa cô ấy đi Quảng Châu ngay. Càng sớm càng tốt. Đừng để mất!” Anh Vĩ tin là thế nào tôi cũng sẽ được ở lại học với các anh ấy.

TẾT NAM KINH

Căn nhà chúng tôi thuê được ở ngoại ô Nam Kinh nhỏ bằng một cái phòng. Và thực sự nó cũng chỉ có thế. Nó vốn vốn là một cái phòng vuông vắn, một cửa ra vào và một cửa sổ. Không có gì nữa, ngoài mấy cái giường vải, ngày xếp lại, tối mới giở ra. Nhà không có lò sưởi, đã thế, vách ván lại hở, cửa gài thô sơ, gió lọt vào lạnh thấu xương.

Bên cạnh nhà là hồ Huyền Vũ, cái tên thực đẹp. Người Tàu có tài đặt tên đẹp cho tất cả những gì cần đến tên. Hồ này là để cho tất cả xóm giải quyết vấn đề nước non. Họ dùng nước hồ để nấu nước, giặt quần áo, rửa rau, vo gạo, ban ngày cho tất cả mọi người, và thêm tắm ban đêm cho chúng tôi.

Những nhà Tàu, nếu không phải là thứ tối tân thì không bao giờ có phòng tắm. Nhưng họ có cách tắm ngay trong phòng ngủ, nếu cần. Mỗi gia đình đều có một cái thùng gỗ. Họ ngồi trong thùng, pha một chậu nước ấm để bên cạnh, rồi từ từ dội từng gáo nước lên người. Tôi học được cách tắm này trong thời kỳ ở trọ với gia đình Tàu.

Bọn chúng tôi, cũng như tất cả các anh em đã nhất quyết “ra đi không vương thê nhi..” chẳng nhẽ lại đi vương cái thùng tắm kê kê bên hông, thành ra khi muốn tắm,

phải cẩn răng chạy ra hồ, tắm xong, cẩn răng chạy một mạch về nhà. Hàng xóm trông thấy phục lăn, cứ tưởng bọn này võ nghệ siêu quần, nội công thần sầu qui khóc, chả biết rét là gì.

Mỗi ngày, ăn điểm tâm xong, chúng tôi cuốc bộ ra thư viện học, anh Hùng thì chầu chực ở Bộ Giáo Dục về việc giấy tờ cho chúng tôi chính thức vào Đại Học.

Hồi ở nhà, tôi chỉ biết ăn mà không biết nấu, tiêu thụ mà lại! Bây giờ là người nữ độc nhất và đầu tiên của cả bọn, nên phải học nấu cơm với các anh. Đồ ăn thì thực giản dị. Ai cũng học thuộc lòng câu thánh kinh: "Muốn cao lương mỹ vị thì về nhà mà ăn", nên không ai chê tôi nấu ngon nấu dở bao giờ cả. Vì tiền Tàu thật giá theo với tình hình quân sự, nên khi có tiền, chúng tôi phải tích trữ rau ăn. Chả có rau gì để dành được lâu bằng hành, nên trong bữa cơm bao giờ cũng có hành. Tôi cũng gắng tập đổi món: hành xào, hành luộc, hành nấu canh, nấu xúp, dưa hành...

Được phép nghỉ học một buổi, chúng tôi ăn Tết bằng cách đi xem thiên hạ sắm sửa. Chúng tôi cũng hòa mình vào với các làn sóng người đang đi mua bán như điên, để hưởng thụ cái cảm giác say sưa của Tết. Xem thiên hạ tiêu tiền xong, chúng tôi về nhà ăn Tết với nhau. Bữa cơm Tết có thêm một món mới hành trộn dầu dấm.

Chiều đến, ông Lũ, một giáo sư đại học, bạn của anh Hùng và cũng là một Mạnh Thường Quân của anh em sinh viên cách mệnh, đến thăm. Ông bà ở thực xa nhưng cũng chịu khó đi xe ba bánh đến,

tặng cho chúng tôi một bao gạo và một số lương khô. Chúng tôi nhất định làm cơm tết ông bà. Các anh chịu khó tĩa rau muống ngâm nước cho nó cuộn cong, trông thực đẹp, để trộn dầu dấm làm món xà lách. Chỉ tiếc, ông bà cũng như tất cả những người Tàu cẩn thận khác, không dám ăn rau sống. Với người Tàu, rau gì cũng có một tính chất: hàn, nhiệt, độc, lành v.v.. Rau sống thuộc hàn, lạnh, rau muống cũng thuộc hàn, đã hai lần hàn, lại ăn vào mùa đông thì eo ôi, hậu quả không biết thế nào mà lường được!

Sau này tôi mới biết là đàn bà Tàu phần nhiều rất thạo tính chất của các món ăn hàn nhiệt, để chỉ huy sự "hàn, nhiệt" của các đáng trọng phụ. Khi nào thấy các ông "hàn" với mình quá, các bà chẳng cần phải điểm phần tô son gì cả, chỉ cần nấu mấy món "nhiệt" là các ông thay đổi thái độ ngay. Và trái lại, nếu các ông "nhiệt" quá, thì trong bữa cơm lại thấy có những món canh, món hầm đặc biệt. Trên nguyên tắc thì các ông vẫn là chủ động, nhưng chính các bà là người chỉ huy, giật ây lúc nào thì các ông được phép "chủ động" lúc ấy. Thực là tế nhị và hòa bình biết bao! Nếu nghiên cứu kỹ lại thì chắc Hồ Ly Tinh ngày xưa trong truyện Liêu Trai, có lẽ cũng chỉ là những cô nương biết xử dụng các món ăn hàn nhiệt.

Cơm xong, anh Thành, một sĩ quan Việt Nam trong quân đội Trung Hoa mang đến cho chúng tôi một gói mút gừng, mút sen, trà Tàu, hạt dưa. Chúng tôi vớt vát lại, mời khách tráng miệng mút gừng, món nhiệt để cứu vãn cái hàn của bữa cơm rau đạm bạc. Anh Thành bảo chúng tôi liệu cuốn gói ngay đi. Chánh phủ cụ

Tường sắp rời Nam Kinh đến nơi. Anh được lệnh chỉ huy một đoàn xe về Nam, sáng mai sẽ lên đường. Anh cho chúng tôi tháp tùng miễn phí.

Khỏi cần bàn cãi gì cả, chúng tôi sửa soạn xếp hành lý ngay. Cả bọn đã chuẩn bị bán đồ đạc từ lâu, nên khi quyết định đi là có thể đi liền. Tiền bán bớt hành lý đủ cho các anh, người thì đi xe lửa suốt, trực tiếp về Quảng Châu, người thì nghỉ xa xôi hơn, chạy thẳng qua Đài Loan trước khi chính phủ chạy, như thế, chạy một mạch, đỡ vất vả tốn kém đến hai lần. Đây là anh Toàn, người giàu nhất, có bà con tiếp tế từ Pháp sang đều đều.

Tôi và anh Hùng nhẹ túi nhất, nên theo anh Thành leo lên chiếc xe nhà binh. Ngoài tài xế, chỉ vợ con họ là được ngồi trong xe, còn tất cả những kẻ tháp tùng đều phải ngồi trên đồng thùng xăng, phụ tùng để sau xe không mui, tha hồ mà làm quen với nắng mưa sương tuyết trên con đường Nam tiến – nói cho đúng hơn, là Nam lùi.

TẾT THƯỢNG HẢI

Đoàn xe lên đường lúc còn sớm tinh mơ. Đã là nhà binh, lại chạy loạn, nên hình như ai cũng vui lòng tập hợp đúng giờ, không hề nghe một lời phàn nàn, thở than. Trong không khí hốt hoảng vội vàng, các bà vợ tháp tùng theo xe chồng vẫn ăn diện như Tết. Điểm đặc biệt, là tay bà nào cũng ôm kè kè một cái bọc mà họ gọi là “xám pao” (bọc quần áo). Cái bọc này, tôi chắc là dù có chết đến nơi họ cũng không thả ra.

Có tin Cộng-quân đã lần quét đầu đây, nên dân chúng mạnh ai nấy chạy. Họ ôm quần áo, heo gà, gồng con gánh cái, chạy ngược chạy xuôi. Họ nội chạy sang họ ngoại, họ nhà trai chạy sang họ nhà gái, nhưng chạy đi đâu cũng thấy có người chạy ngược lại về phía mình vừa mới bỏ đi, gây thành cái hiện tượng kiến trong miệng chén, và cái chén đang ở trên một lò lửa đỏ hồng.

Đoàn xe vượt qua Tô Châu nhanh như chớp. Không ai nghĩ đến hoài tiếc, không thể đi chậm lại để thưởng thức một danh thắng, mà chỉ nghĩ đến vùng an toàn trước mặt.

Hùng và tôi ngồi trên đồng thùng xăng cao ngất ngưỡng lộ thiên, nên phải lấy chăn khoác thêm lên người để chống lại khí lạnh của sương mù. Nếu là thời bình, có thì giờ đi ngao du sơn thủy, thì thú vị biết bao.

Trước khi anh Thành đến “bốc” chúng tôi đi, cả bọn đã biết là sẽ phải về Nam, anh Hùng đã phác họa chương trình đi bộ nếu cần. Chúng tôi đã sửa soạn hành lý chỉ vừa đủ trong ba lô, các vật dụng khác, chỉ giữ lại cái gì sức mình có thể mang nổi trên lưng. Anh đã chuẩn bị tinh thần cho tôi khá đầy đủ về cái chương trình “Nam lùi” bằng chân, để tôi đỡ kinh sợ và chán ngán.

Anh tưởng tượng ra nhiều cảnh lý thú mà chúng tôi sẽ gặp. Ví dụ như một cái quán trọ bên đường trong lúc chúng tôi đã gần kiệt sức... những cây cam dại trong rừng...

Tuy không có nệm êm, có cửa kính đóng lại âm áp, mà phải ngồi trên mui xe phơi nắng gió, nhưng khỏi mang xách, khỏi phải lết chân lên đèo, lê ba lô xuống đèo, tôi vẫn cho là một sự may mắn tuyệt trần.

Suốt quãng đường dài, tôi tưởng như mình đang đi vào một bức tranh vẽ. Những bức tranh thủy mặc thần kỳ với những núi non trùng trùng điệp điệp. Mây trắng như tơ bao quanh chân núi, hoa vàng nở đầy trong rùng... Tôi nghĩ đến những truyện kiếm hiệp, tả cảnh “tâm sư học đạo”. Nếu người đồ đệ chí thành phải leo lên những ngọn núi ấy để tâm sư, thì... eo ơi! Sư có tâm tôi thì tâm, chứ bố bảo tôi cũng không có sức mà tâm sư.

Cảnh thực đẹp, mà tôi không có lòng nào để thưởng thức khi thấy đám quân nhân xô gạt những bàn tay gầy guộc của dân chúng chạy theo hai bên bờ xe, kêu khóc, năn nỉ, níu kéo, xin lên xe quá giang một đoạn đường, nếu họ không lòi ra một đồng bạc trắng.

Đến Thượng Hải, anh Thành được lệnh đóng trong một tòa nhà lầu vĩ đại đang xây cất dở dang. Chủ nhà chắc biết thân biết phận nên đã bỏ chạy, lánh nạn đi đâu không biết. Mỗi đám vài ba người, chiếm một căn phòng nhỏ vôi gạch ngổn ngang, ở tạm. Đoàn xe tất cả 70 chiếc, phải sửa chữa, lính đồ phụ tùng, xăng nhớt, nhận huấn lệnh v.v.. nên chắc còn phải chờ nhiều ngày mới xong, chúng tôi bắt đầu học vài câu tiếng Thượng Hải thông dụng để mua bán, hỏi đường nhờ bị lạc.

Không khí Tết ở Thượng Hải như có chất diên. Mọi người cuồng say vì Tết lẫn với

loạn. Cái không khí loạn cũng như cái Tết bao trùm khắp nơi, không phải chỉ trước mặt hay sau lưng, không còn biết chạy đi đâu để mà tránh nó. Tết qua rồi, mà ai cũng còn háng say ăn Tết, vì họ ăn Tết với cái ý niệm có thể là ngày mai ăn Tết với ông bà Tổ Tiên.

Chúng tôi góp tiền ăn với quân đội, nên đến bữa chỉ đi lính, khỏi phải tự nấu. Cơm Tết có thêm một miếng thịt mỡ, ngoài món rau xào cổ hủu. Tôi nhường cho anh Hùng vì tôi không thích ăn thịt mỡ.

Từ lúc bắt đầu cuộc “ Nam lùn”, tôi ngạc nhiên thấy Hùng không buồn rầu thất vọng, trái lại, hình như anh vui vẻ khác thường, săn sóc tôi một cách rất chu đáo.

Suốt một năm trời nhìn anh đóng vai thầy, vai anh, vai cha, giờ đây anh mới để lộ con người tình cảm. Cái tình cảm anh cố vùng vẫy chống cự, che giấu. Lúc nào cũng làm cái mặt ta đây đảng trường nghiêm nghị, cứng rắn, không bỏ qua một cơ hội nào là không huấn luyện đàn em, nhất là tôi, anh còn bắt khoan bắt nhật, thử thách nhiều hơn tất cả các anh em khác.

Tối đến, anh trèo lên nóc nhà, lấy dây câu điện ở cột đèn, ngoài đường vào phòng. Thế là trong khi cả tòa nhà thấp đèn dầu leo lét, chúng tôi có đèn điện, lại có cả cái lò điện nhỏ dùng để sưởi và nấu nước trà nóng, còn phong lưu hơn tất cả các bạn đồng hành.

Trong ánh sáng, lò sưởi ấm, cạnh chén trà nóng, anh tạm gác bỏ vai trò đảng

trường, hiền hòa ngồi chép cho tôi bài thơ Trường Hận Ca của Bạch Cư Dị:
*Hán Hoàng trọng sắc tư khuynh quốc
Ngự tự đa niên cầu bất đắc...*

trong khi chờ đợi đoàn xe tiếp tục lên đường, chúng tôi ngày ngày đi xem phố và các Tô giới. Người trong thành phố đông như kiến, thực đúng như kiến, không ngoa tí nào. Tôi có cảm tưởng nếu có ai ngã xuống đất, thì chỉ trong chớp mắt sẽ bị dẫm nát ngay, mà không ai biết là mình đã dẫm lên cái gì. Họ đi ngược đi xuôi, mua đồ, ngắm phố, ăn cắp vặt, móc túi, giật ví... đủ các mục đích.

Chỉ lơ đãng một tí là có thể bị cái làn sóng người ấy đánh giạt đi mất tấm mắt tích trong chớp mắt. Hùng sợ tôi bị lạc, nắm chặt tay tôi để kéo đi cùng một hướng. Và bắt đầu từ đây cho đến khi về đến nhà, suốt cuộc nhàn du, đi bộ cả một ngày trời, anh không hề thả tay tôi ra nữa.

Tối hôm ấy, Hùng bảo tôi:

- Em có biết là em sẽ phải hy sinh rất lớn không? Người cách mạng không bao giờ lập gia đình. Gánh nặng vợ con làm hại sự nghiệp. Anh đã nói nhiều lần cho em biết là hại như thế nào, hại về gì. Anh không cần nhắc lại nữa, vì em nghe đã chán tai, đã thuộc nằm lòng rồi. Anh muốn em tự quyết định lấy: em có chấp nhận hay không. Em sẽ đi bên cạnh anh suốt đời, tranh đấu bên anh mãi mãi, mà em sẽ không bao giờ mang tên anh, và tay em cũng sẽ không bao giờ đeo nhẫn cưới...

Trong trí tôi rửa thắm:

- Tiên sư thằng cha nào nhồi sọ, đầu độc thanh niên Việt Nam với cái bài hát “Ra đi không vương thê nhi...”

Nhưng mà thôi, đắn đo, chi li làm gì! Đòi anh, đòi em, biết có ngày mai không...

Thế là Tết Thượng Hải, dù chúng tôi đã mua rượu Cao Lương hâm nóng và làm một bữa tiệc đặc biệt nhất trong đời mình, nhưng một bữa tiệc như thế, trong một Tết phiêu lưu loạn ly như thế, thực không phải là một điểm ưu cho cuộc đời. Và giá có gởi thiệp mời ông Tư bà Nguyệt, chắc họ cũng không đến dự, vì lễ quá đậm bạc.

TẾT QUẢNG CHÂU

Quảng Châu thất thủ.

Tất cả đám sinh viên ngoại quốc được hứa học bổng của chính phủ Quốc Gia đều rời trường để đi tìm đất lành: Đài Loan, Anh, Pháp, Nhật... Họ là những người được chánh phủ của họ chính thức gửi đến, nên có tiền đi nơi khác. Còn sinh viên Việt Nam, đang lúc loạn lạc, không có chính phủ, tất cả đều đến lẻ loi, tự túc, nên chỉ có một số chạy được. Còn sót lại tôi và anh Minh.

Nữ sinh túc xá đêm 30 Tết vắng lặng lạ lùng. Phần đông sinh viên đều về nhà ăn Tết, chỉ còn những kẻ ở lại vì không biết về đâu. May mà tôi còn có được một việc làm ở trường để sống cầm hơi, chứ không thì cũng đến phải tình nguyện vào đội “lạc hương công tác” (về nhà quê làm việc). Việc làm này là một đặc ân cho những sinh viên nào cần nhất. Điều kiện

được chọn trong số hàng trăm sinh viên xin việc, là phải tứ cố vô thân, không có một bà con họ hàng nào cả trong khắp nước Tàu. Số tiền nhận được hàng tháng đủ trả tiền cơm và tiền túc xá, vào quãng 25 đồng Hương cảng, độ 5 Mỹ kim.

Mỗi sáng tôi dậy từ 5 giờ, đi bộ 25 phút đến nhà bếp để trông nom các “đồng chí bếp” xay đậu nành, lọc rồi đun sôi thành sữa đậu nành cho sinh viên điểm tâm trước khi vào lớp. Sáu giờ sáng, sinh viên lục tục đến bếp, đưa thẻ ra, tôi gạch một nét, đánh dấu để ghi sinh viên ấy đã lãnh phần mình rồi.

Bên ngoài trời sáng mờ mờ, sương mù dày đặc, nhưng tôi đứng trong bếp, không lạnh lắm. Không khí không có vẻ gì là Tết. Dân chúng đã kiệt lực vì các cuộc lạc quyền gần như hàng tuần của chính phủ mới, của đảng, của hội, của đoàn.... Sinh viên cũng kiệt lực, xác xơ vì cũng các cuộc lạc quyền ấy. Họ quyền đến cả áo quần và đồ đạc, bất cứ cái gì còn có thể dùng được. Sinh viên mở một phòng bán đồ cũ. Sinh viên cho, sinh viên bán, sinh viên mua. Đảng, Đoàn và Chính Phủ nhận. Sinh viên nào thi đua cho nhiều nhất sẽ được đề cao, tuyên dương cho những người khác bắt chước. Nếu sinh viên nghèo, không có gì để cho, thì có thể “cho chịu”, nghĩa là cứ hứa trước rồi tìm cách nộp sau!

Xa xa, pháo nổ lẻ loi. Còn ai có tiền đâu mà mua pháo. Với lại, để lộ ra mình có tiền, thì đó là cách chết nhanh nhất. Sáng mừng một Tết, tôi đang điểm tâm cốc sữa đậu nành phần của tôi thì anh Minh tìm đến bảo nhỏ:

- Có lẽ chị cũng nên đi thôi. Công tác chúng ta được làm này là của tổ chức sinh viên đạo Cơ Đốc. Nhóm này thuộc thành phần tôn giáo, bị coi là phản động nên đã bị giải tán rồi. Họ đã được lệnh ngưng tất cả các hoạt động cứu tế xã hội. Tháng sau, sẽ không còn sữa đậu nành. Và hai lát thịt lợn mỗi tuần để tăng gia doanh dưỡng cũng sẽ không còn nữa. Việc làm của chị, của tôi, cũng như của 38 sinh viên khác sẽ mất. Tôi tin là tôi, nếu cần, cũng còn làm được cái việc ăn no vác nặng, nhưng chị thì đừng nên đợi nước đến chân mới nhảy.

Tôi ngần ngại:

- Đi đâu bây giờ? Làm sao mà đi?

- Tôi bán cây guitare rồi. Đủ tiền chị đi tàu thủy đến Macao. Rồi từ đấy, tùy cơ ứng biến. Nếu cần thì đi Hương Cảng. Tìm cách liên lạc với Hùng ở Thái Lan.

- Sao không đi thẳng Hương Cảng, có phải đỡ tốn hơn không?

- Đường Hương Cảng bây giờ kiểm soát chặt hơn nhiều. Cứ đi Macao. “Cùng tắc biển, biến tắc thông” mà, còn nhớ không?

Đó là câu nói của Hùng, anh nhắc đi nhắc lại mãi câu nói ấy, mỗi khi chúng tôi gặp sự khó khăn. Hùng lại còn hay nhắc đến ví dụ “con tàu chạt” nữa. Anh bảo:

- Bất cứ tàu chạt đến đâu, cứ gắng leo lên. Đặt được một chân rồi sẽ đặt được cả hai chân, tàu lắc lư một lúc, là ta sẽ có chỗ ngồi, có khi cả chỗ nằm nữa.

Hùng cho là muốn đến một nơi nào, miễn là hãy đặt được chân đến, rồi đâu sẽ có đó, thế nào cũng có cách sống và phát triển công việc. Đúng hay sai, tôi không biết, nhưng những chỉ dạy của Hùng đã làm cho chúng tôi thành gan lì, không hề biết sợ nguy hiểm trước mặt. Cái kiểu “điếc không sợ súng”, đôi khi cũng được việc, vì không có cách gì khác hơn.

Tôi vẫn còn ngần ngại:

- Thế còn anh? Tôi chạy, để anh ở lại ăn độn một mình à?

- Đừng lo! Tôi sẽ có cách. Tụi sinh viên trong lớp tôi là lớp Ngữ Ngôn Hệ, chúng nó không có tinh thần sát phạt đấu tranh như lớp Chính Trị Hệ của chị.

- Nhưng anh bán mất cây đàn. Sao anh nỡ...

Anh Minh cười ngạo nghễ:

- Ôi chào, khi nào có tiền, tậu cây khác. Rồi mai đây, khối thằng chết đói đến nơi, chúng nó sẽ bán đồ bán tháo, thiếu gì!

Tôi tiếc cây Hạ Uy Cầm mà anh rất yêu quý, với cây đàn ấy, tôi đã có công dạy anh hai bài đầu tiên. Mỗi bài, anh tặng cho tôi một thang thuốc suyền, cái thuốc mà anh còn được gia đình ở Hà Nội thỉnh thoảng nhờ “các chú” chuyển sang Hong Kong hộ một ít tiền.

Thực ra, chúng tôi cũng nhận thấy là mỗi tuần Ban Công An đều bắt chúng tôi khai đi khai lại các giấy tờ nhiều hơn trước. Tôi lại cũng được tin là chúng tôi sắp “được” đem ra cho các bạn đồng học “mổ xẻ xây dựng”. Đi là vừa.

Nếu đi thì nên đi ngay. Đợi vài hôm nữa, ba con đồng chí chẳng tinh ở cùng phòng trở về, chúng nó kiểm soát tôi ngày đêm thì khó thoát.

Ngay hôm mừng một Tết, tôi ra bến tàu đi Macao. Đi với muôn nghìn bấp bênh trước mặt, nhưng cũng không bằng những nguy hiểm tôi để lại sau lưng cho anh Minh gánh lấy một mình. Anh sẽ phải giải thích sự mất tích của tôi với các đồng chí cán bộ Công An.

TẾT BA LÊ

Đây là một trong những cái Tết dễ thương. Ba chị em ở ba phòng liền nhau trên gác sáu của khu phố 14. Thằng em trai sắp ra trường thuốc nên được nhiều cô bạn chiều thương, được nhiều bà mẹ cõm gà cá gỏi đãi đằng. Lắm khi, các bà chị của nó cũng được tháp tùng những bữa tiệc làm quen.

Thằng em vốn nhất gan. Mỗi lần muốn chạy một đám nào, thì nó làm bộ còn sống trong gia đình phong kiến, sợ chị nó một phép, đổ tội cho chị nó, nói là “chị không cho”, “chị không bằng lòng”, “chị bảo đừng gặp”. Tôi không ngờ mình có oai quyền đến thế. Một mình gánh hết tất cả mọi lỗi của thằng em, để bị các cô chửi toại bời, có nhiều cô, tôi thực chưa từng trông thấy mặt ngang mũi dọc bao giờ cả.

Cô em gái nghệ sĩ cũng khá nổi tiếng, không giàu nhưng muốn gì cũng có thể có được, cũng đủ tiền mua được một số gạo củi để cách đêm. Cái câu “gạo củi cách đêm” này, tôi học được trong một bài thơ. Thi sĩ tự xưng mình sang trọng

hơn Đế Vương, không thềm dùng đồ ăn hay cái gì cách đêm, kể cả gạo củi.

Dạo ấy, tôi viết “Lá Thư Ba Lê” cho tạp chí “Tân Phong”, thỉnh thoảng cũng nhận được một số tiền nho nhỏ. Mỗi tối, tôi lại đi làm cái việc “Phong Vương Gia Miện” cho một hiệu ăn Việt Nam sang trọng, nên ngoài gạo củi, còn có thể mua nhiều thứ khác để cách đêm.

Cái trò Phong Vương, chỉ hiệu này có. Mỗi tối, sau khi cơm no rượu say rồi, thực khách ngồi xem biểu diễn các màn giải trí, nghe đàn hát. Đúng 12 giờ, tôi đem ra một đĩa bài tứ sắc lật sấp. Đến mỗi bàn, tôi mời khách lấy một con bài. Trước đó, ông chủ đã định sẵn đại nhân vật nào sẽ được “phong vương”, và tôi đã nấp sau màn nhìn thực kỹ, chỉ sợ ông ấy đổi chỗ ngồi, hay ai ngồi nhầm chỗ của ông ấy thì nguy to. “Đại nhân vật” này có thể là một người nổi tiếng, người giàu sang, hay là người ăn nhiều tiền nhất tối hôm ấy. Phát bài xong, ông chủ giả vờ đi xem bài từng bàn, đến bàn đã định sẵn, ông hô hoán lên, làm như thật. Ông bà “đại nhân vật” được mời lên khán đài, tôi làm lễ “Gia Miện”, đội mão Vua và Hoàng Hậu và tặng một cặp khuy áo sơ mi cho Hoàng Đế. Thợ nhiếp ảnh chụp hình, đàn sáo nhã nhạc. Vua và Hoàng Hậu, dù nóng gần chín người, cũng cố giữ bộ áo Long Phụng cho đến khi mãn tiệc. Hôm sau, họ nhận được ảnh “Gia Miện”, họ sẽ đem khoe với tất cả các bạn bè, và như thế là đã quảng cáo không công cho hiệu ăn.

Làm được ít lâu, tôi thật quá mệt não với cái trò làm thế nào cho người được chỉ định phải bốc nhằm ông Tướng Vàng. Có

nhều người ngây thơ, tưởng là cái trò may rủi thực, cứ từ chối con bài thiếu điều tôi đã dúi vào tay, làm tôi lo cuống lên. Tôi đề nghị với ông chủ là khi xét đến bài của “đại nhân vật” ấy, thì cứ hô lên là xong, bất cứ trước đó ông ấy bắt con bài gì cũng được. Ông chủ bằng lòng vì thấy tôi thực thiếu não. Từ đấy, ông thủ sẵn con Tướng Vàng trong tay, may mà ông cũng có tài làm trò quỷ thuật, nên tráo bài chưa bao giờ bị lộ tẩy. Công việc thành dễ dàng hơn, thần kinh khỏi bị căng thẳng lúc bốc thăm, tôi cũng không còn cho là một cực hình nữa.

Đêm 30, sau khi “phong vương” xong, về đến nhà thì đã gần 3 giờ sáng. Trước khi leo lên 6 tầng lầu, tôi nhặt một vài thùng hoa quả bằng gỗ của các cửa hiệu vứt đầy hai bên đường, đem lên nhà. Những thùng gỗ này, tháo ra làm củi đốt lò sưởi rất tốt. Phải là người đã từng sống cuộc đời sinh viên bên Tàu mới biết quý từng mảnh gỗ vụn.

Ba chị em ngồi bên cạnh lò sưởi, tháo thùng gỗ ra đốt, nhìn lửa reo vui, nói chuyện mãi đến sáng. Tết này có bánh chưng, mút gừng, mút sen, có quà từ nhà gửi sang, lại có cả một vài lá thư chúc Tết của các bạn, làm cho tôi cảm thấy mỗi tình quê hương thật là huyền diệu. Và mỗi tình ấy, càng xa cách chỉ càng tăng thêm thương nhớ.

Tính lại số đời, sau ngày từ giã Việt Nam lần đầu tiên, đã mười mấy cái Tết. Mười mấy năm, bao nhiêu là nước chảy dưới cầu. Cuộc cờ đời, xóa đi đánh lại mấy lần, cho đến bây giờ vẫn còn một bao hành lý trên vai “khăn gói gió đưa”...

Tôi gặp lại một trong những người bạn cũ từng đi bên cạnh Hùng ngày xưa. Bây giờ người bạn ấy là một nhân viên cao cấp của Sứ Quán Việt Nam. Anh cũng tay bông tay mang như ai và hình như muốn tránh tôi, có lẽ để khỏi nhớ tới cái thuờ hạt muối cắn làm năm làm bảy trong những ngày loạn lạc bấp bênh ở Quảng Châu.

Tết Ba Lê, các nhóm Tả, Hữu, Tiền, Hậu, nhóm nào cũng tổ chức hát hò, nhảy nhót ăn Tết. Ai có sức thì cứ đi ăn Tết với hết nhóm này đến nhóm khác. Tiệc xanh cũng thấy những nhân vật ấy, tiệc đỏ lại cũng những nhân vật ấy. Kết luận là cần gì xanh đỏ. Có Tết thì cứ đi. Đi cho vui, đi cho biết.

TẾT LUÂN ĐÔN

Chỉ sống trong những nước Á Đông mới thấy nhiều màu sắc Tết. Ở các nước Âu Châu, nhất là những nơi người Á còn thừa thớt và sống rải rác, người ta phải tự nhắc nhở để nhớ ngày Tết, vì mừng một Tết ai cũng phải đi làm. Nhưng dù có quên Tết, dù có ăn Tết không long trọng, ai cũng cố làm một cái gì khác thường, và nếu không làm được cái gì cụ thể thì cái buồn vương vẫn nhớ nhưng nó làm cho thành khác thường.

Đêm giao thừa cũng như những đêm khác. Khi không sống chung với những người quê hương, thấy mình lạc lõng, bơ vơ kinh khủng. Tôi thêm thường được nói chuyện với một tri kỷ quê hương để chia sẻ cái cảm giác Tết quê người. Những tri

kỷ ngoại quốc, chỉ “tri kỷ” đến một cái mức độ phổ thông tầm thường nào đấy thôi. Khi tiếng ngân của cây đàn tâm hồn lên cao đến tuyệt đỉnh thì thấy các ông bạn tri kỷ ngoại quốc chơi với ở đằng xa tít mù thâm.

Tôi nhớ đến chuyện ông bạn lão tiền bối cách mạng kể lại hồi ở Hương Cảng: “Mình cao hứng, rung đùi ngâm mấy câu Kiều, tự cho là hay vô cùng, thì bà vợ Thượng Hải rít lên: Ông rên rĩ gì thế? Ôm đấy à? Thế là cụt cả hứng!”.

Bên cạnh người bạn đường đã “đồng sàng dị mộng” từ lâu, cuộc sống là một chuỗi ngày dài như bị hình phạt. Cái hình phạt ấy để trừng trị những kẻ coi rẻ cuộc đời, coi rẻ mình. Những kẻ lập gia đình trong cơn khủng hoảng tinh thần, trong khi cơn cô đơn tủi thân lên đến cực độ, trong khi muốn trả thù ai không biết, muốn tự hủy mình để làm đau lòng người khác, trong khi không đủ khả năng phán đoán sáng suốt. Những người coi lập gia đình như một canh bạc, cứ đánh bừa, không cần dùng đến trí thông minh, mà chỉ chờ may rủi, duyên Trời đưa đẩy...

Tết này, dù có hai mình, mà tôi cũng vẫn ngồi nhìn lò sưởi có một mình. Trong trí tôi phác họa một viễn ảnh khác. Mai đây, lại khăn gói lên đường, lại ra đi với một tương lai mù mịt. Lần này, tôi phải nghiêng rằng, cắn môi, cố thu lấy hết tất cả can đảm để đi đến cái tương lai mù mịt ấy, vì

không phải tôi chỉ đi có một mình mà còn đèo thêm hai đứa con thơ.

TẾT MỸ

Tôi ăn Tết đầu tiên ở Mỹ với “bà cô các cháu”. Bà chị sang Mỹ từ lâu. Chồng chết, bà sống một mình trong tòa nhà hai tầng. Tầng trên đẹp đẽ sang trọng, tầng dưới - hay đúng hơn là nhà hầm - có một phòng tắm, chỗ để máy giặt máy sấy, một cái tủ lạnh thứ hai để đồ ăn tích trữ và một cái giường cũ.

Tôi phải tha hai con đến nhà bà trong bước đầu tiên để chờ thẻ di trú, và cũng để cho phải phép. Mình đến cũng chả ai hoan nghênh, nhưng nếu không đến trước thì sẽ bị giận suốt đời.

Sau bữa cơm Tết đúng nghi thức, bà lừa ba mẹ con xuống phòng dưới ngủ. Phòng sát mặt đất, sàn xi măng, lại không có sưởi, nên lạnh buốt. Tôi không ngủ được, lên cầu thang định tìm nước nóng uống thì cửa cầu thang đã khóa trái lại bên trên. Định mở tủ lạnh xem có gì uống được không, thì vừa nhìn đến, tôi bỗng ngẩn người ra. Cái tủ lạnh, lúc chiều hai con bé tò mò mở ra xem, tôi nhìn thoáng thấy bên trong đầy một tủ đào. Có lẽ bà chị mua sỉ nguyên cả thùng nên để dưới này cho khỏi chật tủ trên. Bây giờ, tôi thấy một sợi giây xích to bằng ngón chân cái buộc quanh, có khóa xích lại ở cửa tủ cẩn thận. Tôi không thể nhìn được cuội, nghĩ thầm đến cuốn sách tên là “Một Nghìn Lẻ Một Cách Làm Nhục Kẻ Khác”. Nếu sách này tái bản, tôi xin ghi thêm cái mục xích khóa tủ lạnh khi có bà con đến thăm và ở lại.

Hai con bé ôm nhau nằm co quắp ngủ say. Tôi không biết làm gì cho bớt lạnh, dậy sắp hành lý để ngày mai tha con về miền Cali, ngày mai, tôi sẽ từ giã bà chị cô đơn, từ giã mưa rét Seattle, từ giã cái tủ lạnh có sợi xích sắt to tởm. Tôi tự dặn mình sẽ tìm nơi có nắng ấm, ít nhất là dù có đói cũng không đến nỗi rét.

LẠI TẾT MỸ

17 cái Tết ở đất Mỹ, 17 năm làm thân con kiến để có kết quả ngày nay: tám ngàn phiếu dưỡng lão. Cái phần thưởng suốt mấy chục năm làm ngày làm đêm, lao tâm khổ lực để sửa soạn cho tuổi già.

Người con gái bướng bỉnh, gan lì bặt mạng đi theo cách mệnh ngày xưa, bây giờ ngồi chờ lãnh lương hưu! Tôi chỉ thành công ở một điểm: không phải là một gánh nặng cho gia đình hay xã hội.

Những “đồng chí” ngày xưa “ra đi không vương thê nhi...” còn ai? Hùng đã quá sớm được các bạn té bài “Chiêu Hồn Tử Sĩ” do chính mình đặt ra trong một chiến khu ở miền Nam Việt Nam. Một số bạn khác biệt tích. Còn lại một số sống sót và đã gặp lại được thì người nào cũng ẻ lưng ra gánh đầy mấy gánh thê nhi...

Tôi không làm được gì hết, nhưng có ai làm được gì không? Có ai viết được trang lịch sử hào hùng nào cho đất nước không?

Tôi đã lặn vào canh bạc đời một thân một mình, giờ đây, canh bạc gần tàn, bước ra, cũng một thân một mình, với nhiều vết thương thẳm chí mạng và không ít

bế bàng. Bây giờ có ai hỏi tôi, nếu còn cơ hội làm lại cuộc đời, tôi sẽ thay đổi như thế nào, tôi đã có sẵn câu trả lời:

- Nếu được làm lại thuở còn cha mẹ, tôi sẽ không làm cho người đau lòng như tôi đã làm.

- Nếu được làm lại thời xuân còn xanh thì tôi sẽ liều hơn, sẽ sống cho trái tim nhiều hơn một chút, không để cho phần lý trí quá mạnh xía vào làm hỏng cả việc lớn.

- Nếu được làm lại khi con còn thơ bé, tôi sẽ làm việc ít hơn, để có nhiều thì giờ chia sẻ với con lúc chúng nó cần tôi nhất. Tôi sẽ không từ chối đánh cò, bát phở với chúng nó, vì chỉ một thời gian rất ngắn, những đứa bé ấy sẽ lớn lên với vết hận được cha mẹ ấp yêu chưa đủ.

Chỉ có một điểm, giá được sống lại thời gian ấy, thì tôi cũng sẽ làm lại y như thế chứ không thay đổi gì cả, đó là quãng đời cách mệnh phiêu lưu, chạy vắt giò lên cổ, bữa đói bữa no mà thực có ý nghĩa và thú vị vô cùng. Và hơn nữa, cả đến bây giờ, nếu Hùng còn sống, thì tôi cũng sẵn sàng vứt bỏ hết theo anh tranh đấu, dù ở chân trời góc biển nào...

Tết San Diego năm nay lại chỉ là một Tết tha hương cô đơn như tất cả những Tết tha hương cô đơn khác. Cô đơn một mình và càng cô đơn hơn trong những lúc ở chỗ đông người.

Có khác chăng, là tôi không cần phải có, dù chỉ tấm màn mỏng để làm biên giới. Tôi chỉ ngược mắt nhìn ra xa, trong một thoáng giây, là tôi có thể lẫn vào vùng ảo ảnh tâm linh khác, cách biệt hẳn với tất

cả mọi người, hồn tôi đã tách riêng ra ở bên kia thế giới vô hình.

Có khác chăng, là cái Tết tha hương đã thành ra cái Tết lưu vong.

Có khác chăng, là cái hẹn ngày về, cái hy vọng hồi hương, không phải chỉ cần một tấm vé máy bay hay con dấu chiếu khán xuất nhập cảnh là đủ. Rất có thể là phải có cả một sự hy sinh hàng vạn “vạn cốt khô” để cho những đứa con lang thang được trở về ăn Tết ở đất mẹ.

Buồn ơi là buồn!



Linh Bảo

1979

Trích trong tuyển tập truyện Mây Tần

<http://vietnamthuquan.eu/truyen/tacpham.aspx?tacgiaid=327>



Đông Xuân
Ất Tỵ pháo hoa
Cỏ thơm thêm sắc lại cơn bội hường

Phan Trinh

CHÚC XUÂN NĂM MỚI ẤT TỴ 2025

Thoáng chúc tuổi đời vượt tám mươi
Bên thêm Năm Mới mỉm môi cười
Sum vầy dòng tộc vui gia đạo
Đoàn tụ cháu con hưởng lộc trời
Đón Tết nhấp vài chung rượu nhẹ
Mừng Xuân sắm mấy chậu hoa tươi
Nghinh tân Ất Tỵ xin cầu chúc
Hạnh phúc, an khang đến mọi người.

Phan Trinh





Tranh: **Vũ Quốc**

SEN HỒNG NỞ HOA

Đi qua chưa hết cầu bông

Mùi hương êm dịu sen hồng nở hoa...

Vừa nghe hai tiếng Hằng Nga

Giai nhân tuyệt thế đúng là khuôn trăng !

Phan Khâm

Tản Mạn

CÂU CHUYỆN VỀ TUỔI TÝ

**** Ý Nguyễn ****

Trong số 12 con giáp: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tỵ là con giáp thứ sáu, là con rắn mà theo truyền thuyết thì rắn là một loại bò sát, rất tinh nhanh, len lỏi khắp mọi nơi, nhưng rất nguy hiểm, người ta có thể bị chết vì nọc độc của nó. Có nhiều loại rắn như, rắn Hồ Mang, rắn Hồ Lửa, rắn Ráo, rắn Lục, rắn lớn gọi là con trăn hay Mãng Xà. Người sinh vào năm rắn (Tỵ) tính tình nhanh nhẩu, tháo vát, sáng suốt, thông minh, kỹ lưỡng...

Người Việt Nam mình có thể đã bị ảnh hưởng sâu xa vào văn hóa Trung Hoa xưa kia nên rất tin vào tướng số, năm tuổi, năm xung tháng hạn, v.v...cho nên mới có những câu ví như “Người ta tuổi Ngọ (ngựa) tuổi Mùi (dê), tôi nay lận đận một đời tuổi Thân (khỉ). Hoặc là “Dần Thân Tỵ Hợi” tứ hành xung. Bốn tuổi này khắc nhau, không hợp nhau. Trong gia đình tôi có đủ 4 tuổi này: anh trai tuổi Dần, cậu út tuổi Thân, Bố mẹ tôi và cô em kế tôi tuổi Tỵ, và bà chị gái tuổi Hợi. Khi ông anh trai trưởng tôi cưới vợ, chị dâu tôi cũng sinh vào năm Tỵ vậy là nhà tôi có cả thấy 4 con rắn.

Theo suy diễn của nhiều người, tuổi Ngọ cũng vất vả lắm chứ vì cả ngày phải làm việc, kéo xe quần quật – làm như

trâu như ngựa. Người sinh vào năm Ngọ rất hoạt bát, không thích ngồi một chỗ, thích bay nhảy. Trời sinh ra con dê là để người ta chăm lo cho ăn uống thỏa thuê rồi làm thịt hoặc vắt sữa. Nên tuổi dê cũng là tuổi sung sướng. Người tuổi dê tính tình hiền hòa, dễ mến. Và con khỉ thì nhí nhách tối ngày có khi nào ngồi yên một chỗ đâu. Cho nên người sinh vào năm Thân cả đời lận đận vì phải toan tính đủ điều cho nên vất vả là vậy. Con heo/lợn là biểu tượng cho sự thành thoi, thông dong tự tại, nhàn nhã. Nếu ai được sinh vào năm Hợi thì cuộc sống sau này sẽ được thoải mái, sung sướng không phải vất vả kéo cày khó nhọc như con trâu, con ngựa mà lại còn được người chủ chăm chút cho ăn uống no nê. Tuy nhiên, người sinh vào năm Sửu (trâu) mà sinh vào ban đêm thì lại rất phè phỡn. Nói chung cứ sinh vào ban đêm thì sinh năm nào cũng Ok trừ là năm Mẹo (mèo) vì mèo thì có bao giờ ngủ ngon giấc, lúc nào cũng cảnh giác rình rập con mồi.

Tôi có ba người con, cô con gái cả sinh năm Thìn (rồng) vất vả về đường tình duyên, cậu con trai sinh năm Ngọ rất linh hoạt và nhanh nhẩu, thành đạt và cô gái út sinh năm Hợi thì cứ phè

cánh nhận, rất ư là vô tư, mặc cho cuộc sống bon chen kèn cựa ở chung quanh ra sao. Suy ra rất đúng với tuổi của mỗi người. Nói đến tuổi Dần hầu như ai cũng ngại cho rằng người sinh vào năm này sẽ cao số khó kiếm được chồng được vợ, cho nên các cụ nhà ta ngày xưa kén dâu chắc chắn sẽ không chọn con dâu sinh năm Dần (sát phu), cũng như thế đàn ông sinh vào năm này cũng sát vợ vậy (sát thê). Ông xã tôi sinh năm Dần nên hỏi hỏi cưới tôi, bố mẹ tôi đã lưỡng lự. Sau đó đi xem tướng ông thầy nói hai tuổi Dần Mão hợp nhau vì mèo và cọp cùng một loại thể như nhau nên chúng tôi còn sống hạnh phúc bên nhau cho đến bây giờ đã tròn trề bước vào tuổi U-90. Nhưng có một điều chắc chắn là những ai sinh vào năm dần tính tình nóng nảy không những là đàn ông mà ngay đàn bà cũng thế. Mang danh là ông cọp nghe có vẻ dữ dằn nhưng thực ra lại rất hiền và rất nhất.

Nói về Rắn, một trong 12 con giáp luân chuyển trong 12 năm, chắc chắn những bài sưu tầm và những sự kiện xảy ra vào những năm Tỵ phải chiếm hết ít nhất là 10 trang giấy mới nói hết được. Trong phạm vi bài viết này, người viết không muốn đề cập nhiều về con giáp thứ 6 này mà chỉ vì năm nay, năm Tỵ đã có những điểm trùng hợp nên muốn kể lại một câu chuyện có thực đã xảy ra cho người anh thân thương của tác giả trong một cuộc giao chiến khốc liệt giữa Tiểu

Đoàn 7 Nhảy Dù của QLVNCH với quân đội chính quy của CS Bắc Việt tại Quận Đồng Xoài vào năm Ất Tỵ (1965).

Vào năm 1966, ông anh cả của tôi lúc này khoảng 28 tuổi. Anh sinh năm Dần (Hổ). Anh lấy vợ được 3, 4 năm nhưng chưa có con. Anh vừa đi tu nghiệp tại Mỹ Quốc về. Anh tôi lúc đó là Trung Úy Nhảy Dù thuộc tiểu đoàn 7 Nhảy Dù. Chị dâu tôi rất lo lắng cho anh sau những lần hành quân gian nan nguy hiểm nên chị đề nghị anh nên nhờ một người có thể lược lúc bấy giờ để xin chuyển về làm việc tại Tổng Tham Mưu để không phải đi ra trận mạc. Anh đã khước từ lời đề nghị này. Anh tôi lúc nào cũng khí khái và tin rằng anh cầm tinh con HỔ (tuổi Dần) nên chắc chắn sẽ thoát khỏi được đường tên mũi đạn. Anh nói, con người ta sống chết đều có số, và anh tin số anh còn sống lâu lắm.

Như định mệnh đã an bài...

Anh tôi, sau bao lần trực diện với quân thù trên bốn vùng chiến thuật, được gửi đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ và khi trở về được vinh thăng cấp bậc Trung Úy. Chị dâu tôi lúc nào cũng lo lắng cho anh. Ba tháng anh đi tu nghiệp là ba tháng chị mừng trong lòng. Nay anh đã về và chỉ vài ngày nữa đây, anh phải trình diện ở tiểu đoàn và chắc chắn là sẽ phải đi hành quân. Những ngày tháng này là giai đoạn bốn vùng chiến thuật

đang sôi động, vậy nên sự lo lắng của chị lại tăng lên gấp bội. Chị dâu tôi đề nghị nhờ anh Nguyễn Khắc B, con trai cậu Sáu, giúp anh biệt phái về Tổng Tham Mưu làm việc tại văn phòng, dưới quyền Tướng D.Q.Đ. Lúc này Tướng Đ. là Tư Lệnh Sư Đoàn Dù. Nếu anh tôi không muốn làm việc tại văn phòng thì anh có thể làm tùy viên cận vệ cho mấy ông tướng. Hoặc xin được biệt phái về làm huấn luyện viên tại quân trường nào đó. Chung quy là khỏi phải đi chiến đấu ngoài trận mạc.

Trường hợp của anh tôi, thâm niên quân vụ chưa nhiều lại không bị thương tích gì nên chắc chắn khó mà được biệt phái, nhưng anh B rất thân cận với tướng D.Q.Đ thì việc xin chuyển chuyên chắc cũng dễ dàng thôi. Anh B rất thương mến anh tôi như một người em trai trong gia đình mặc dù anh tôi chỉ là em rể, nên muốn nâng đỡ anh tôi trước khi anh ta đi tu nghiệp ở Đức quốc. Vấn đề cái phong cách khí khái và tin tưởng vào định mệnh của mình, nên anh tôi không chịu nhận sự giúp đỡ của anh B, để rồi không tránh khỏi những điều đáng tiếc xảy đến. Anh tôi thường nói với vợ, "Làm việc ở văn phòng hoặc về Tổng Tham Mưu bó chân buộc cẳng, chán lắm. Mất tự do là chắc. Còn ở sư đoàn, lâu lâu mới phải đi hành quân lẻ tẻ ăn nhằm gì, rồi sau đó về nhà xả láng, tha hồ gần gũi vợ con, có phải là thích thú hơn không?"

Thế rồi việc gì phải đến cũng đã đến... Vào một sớm mai, khi mặt trời vừa ló qua hàng cây đầu ngõ, một quân nhân trong binh phục Nhảy dù, trang nghiêm đến gõ cửa nhà bố mẹ tôi. Bố sững sờ. Mẹ sợ sệt. Một phong thư? Bố trợn trừng mắt khi người lính vừa đưa một hung tin ngắn gọn: "Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù rất đau đớn báo tin cùng Ông Bà là Trung Úy Nguyễn Trọng K. đã hy sinh tại mặt trận Đồng Xoài và thi thể sẽ được đưa về Saigon trong nay mai". Bố ngã quỵ ngay xuống sàn gạch gàn như ngất xỉu. Mẹ nói không thành tiếng. Ôi! còn cái đau đớn nào hơn cái đau đớn này? Có phải đây là sự thực hay người lính nào đó đã đưa thư làm nhà? Bố phều phào đọc hung tin một lần nữa. Tên tuổi người con trai trưởng của bố còn rành rành in trên trang giấy - Trung Úy Nguyễn-Trọng-K, tiểu đoàn 7 Nhảy Dù. Làm gì có tới hai người trùng tên, trùng họ cùng trong một tiểu đoàn? Bố khóc. Tôi thấy rõ ràng bố tôi quặn quại, lịm khóc não ruột. Mẹ co rúm người, hỏn hển lê lại gần bên bố, nghẹn ngào nức nở. Tội nghiệp anh tôi! Ớn nghĩa sinh thành hai vai còn mang nặng. Nợ núi sông đã phải đền bồi. Hỡi ơi! người chị dâu non trẻ của tôi bỗng dưng trở thành góa bụa. Người vợ mà anh tôi thương yêu vô vàn chưa kịp tâm sự cùng chồng về đưa con trai đầu lòng mà hai người mong đợi. Chiếc bào thai mà chị đang cưu mang vừa tròn 3 tháng. Rồi đây đưa

trẻ thơ sẽ chẳng bao giờ thấy được mặt cha.

Anh chị tôi thường ao ước sanh một đứa con trai kháu khỉnh và đồng ý đặt tên cho nó là Nguyễn Trọng K-H. Từ hồi lấy nhau, lúc nào chị cũng muốn mọi người gọi chị là K Hồng, tên của chị và tên anh tôi luôn luôn sát cạnh bên nhau, cho nên khi đặt tên cho đứa con trai đầu lòng sau này là ý chị muốn giữ lại một hình ảnh đời đời của anh tôi. Tôi biết chị H yêu anh tôi từ những ngày còn đi học và mối tình này như còn kéo dài mãi mãi... cho dù cuộc đời dâu bể vẫn nghiệt ngã cuốn theo...

Ngày tháng qua mau, cháu K-H bây giờ đã trưởng thành, có gia đình êm ấm, hạnh phúc. Con cái học hành thành đạt. Cháu sinh vào năm Ty - 1965. Khi anh tôi tử trận mọi người mới phát hiện ra một điều kỳ lạ. Anh tôi sinh vào năm Dần, theo tử vi thì anh cao số nhưng chung quanh anh đã có bốn người thân, sinh vào năm Ty... Bố mẹ tôi, vợ anh, cô T, và cuối cùng là thằng cháu K-H cũng sinh vào năm Ty nên dù cảm tình con cọt, hung dữ, cố vùng vẫy thế nào anh cũng không thoát khỏi 5 con rắn đã quấn chặt lấy anh. Và anh tôi bị tử trận cũng đúng vào năm Ty. Câu chuyện về tuổi tác xung khắc của gia đình tôi nghe ra

có vẻ khó tin, nhưng đó lại là sự thật 100%.

Đã hơn 60 năm qua đi, nhưng mỗi lần đến năm Ty là tôi lại bồi hồi nhớ về câu chuyện của ông anh mà những xót xa trong lòng. Hôm nay, ngày đầu của năm Ất Ty (2025), đứng trước bàn thờ gia tiên khói trầm nghi ngút, tự nhiên hình ảnh những người anh thân yêu của tôi lại hiện về trong tiềm thức; gọi lại trong tôi một kỷ niệm buồn, rất buồn như quý độc giả đã nghe tác giả chia sẻ ở trên qua trích đoạn từ tác phẩm “Anh Tôi – Người anh hùng mũ đỏ” đã được đăng trong tam cá nguyệt san Cỏ Thơm số #57.



Ỗ Nguyễn

Maryland – Xuân Ất Ty 2025



GỜI HỒN THEO SÁCH



Huyền thoại Rồng Tiên – tranh: Thanh Trí

**Gởi hồn theo sách về Non Nước
nước mấy ngàn năm mấy gấm hoa
nước thơm trang sử thơm tình đất
nước vẫn ngàn năm nước Việt ta**

**Nước có tích xưa một trăm trứng
cha là rồng mẹ vốn là tiên
mẹ đi lên núi cha về biển
con đã trăm con rẽ trăm miền**

**Nước có con thuyền trôi ngược sóng
có người tuốt kiếm dưới trăng ca
câu thơ hào khí thơ hùng tráng
"thế sự du du nại lão hà" ***

**Nước có non cao chín ngọn Hồng
sông Hương núi Ngự mây hưng vong
phù sa bãi lượn Đồng Nai rợp
bóng rặng dừa xanh ngắt Cửu Long**

**Nước có Vua Bà xưa cưới voi
có cô công chúa lấy dân chài
có Văn chương mở ngàn pho sách
có Bạch Đằng giang khiếp vía ai**

**Nước xưa có Trạng ngồi ghi chép
sấm truyền nghiêm trọng xuống lòng dân
một đời gói chiếc hai dòng lệ
thù ghét can qua, giận lũ cuồng**

**Nước có sao đông có sao tây
nước có kỳ hoa dị thảo đầy
nhưng nước ngàn năm còn nước khổ
lịch sử cuồng trong trận gió quay**

**Gởi hồn theo sách về Non Nước
cát bụi thân mình lại xót xa
ôi! hồn thiêng sông núi hỏi
ngày nao ta trở lại quê nhà?**



Vi Khuê 1982

* Thơ Đặng Dung

ĐÀ LẠT VÀ MÙA XUÂN

**** Đại Bàng (TRẦN ĐẠI BÀN) ****

Tôi sinh ra và lớn lên tại Huế. Năm 1958, tôi đang học lớp Đệ Tam tại trường Quốc Học. Hết niên khóa, tôi theo gia đình vào sinh sống tại Đà Nẵng, học lớp Đệ Nhị trường Phan Chu Trinh và thi đậu Tú Tài I. Vì Đà Nẵng lúc đó chưa có lớp Đệ Nhất nên năm sau tôi lại lên Đà Lạt học Đệ Nhất trường Trần Hưng Đạo.

Sau khi đậu bằng Tú Tài II, tôi đứng tên làm Hiệu Trưởng trường Trung Học Tư Thục Đức Trọng, cách thành phố Đà Lạt 32 km.

Hai năm sau, tôi trở lại Đà Lạt và tiếp tục dạy học tại trường Trung Học Thăng Long và Văn Học.

Mặc dầu đã sinh sống qua 3 thành phố khác nhau, nhưng Đà Lạt là nơi có nhiều kỷ niệm nhất vì tôi đã sinh sống và lập nghiệp ở đây khá lâu (29 năm). Ngày đầu tiên bước chân đến Đà Lạt tôi đã cảm thấy yêu thích thành phố này vì cảnh đẹp thiên nhiên và khí hậu mát mẻ. Hình ảnh đập vào mắt tôi trước tiên là hồ Xuân Hương, khu Hòa Bình và Chợ Mới Đà Lạt (do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ vẽ kiểu).

Thành phố Đà Lạt cũng là nơi hội tụ những cảnh quan thiên nhiên rất ngoạn mục như hồ Xuân Hương, Đồi Cù, thác Cam Ly, hồ Tuyền Lâm, thác Prenn, thác Datanla. Ngoài ra còn nhiều địa điểm nổi tiếng khác nữa.

Hồ Xuân Hương: Hồ Xuân Hương nằm ở trung tâm thành phố Đà Lạt. một trong những biểu tượng của thành phố ngàn

hoa. Hồ có diện tích khá rộng, hình cong cong tùy theo thế đất, được bao quanh bởi những hàng thông xanh mát. Vào buổi sáng, khi mặt trời vừa ló dạng, ánh nắng vàng ban mai phản chiếu qua những đám mây trắng lững lờ trôi trên bầu trời xanh, những đám sương mù bay tỏa trên mặt hồ trông rất huyền ảo.



Đồi Cù bên kia với Đồi Cù, nhà hàng Thủy Tạ được thiết kế rất thẩm mỹ, một phần xây trên mặt hồ. Toàn Thủy Tạ bên ngoài đều sơn một màu trắng, nổi bật giữa bầu trời bao la, xa trông như một tiên cảnh trên trần thế.

Đồi Cù:



Đồi Cù là một địa danh nổi tiếng tại thành phố Đà Lạt bên cạnh hồ Xuân Hương. Nơi đây có những thảm cỏ xanh

mướt trải dài mênh mông. Những hàng thông thẳng tắp theo lối đi, tạo nên vẻ đẹp đặc biệt của Đồi Cù. Không những du khách mà người dân sống trong thành phố, nhất là tuổi trẻ hầu như ai cũng có những kỷ niệm trên Đồi Cù. Những cặp tình nhân cũng thường đến đây để hẹn hò và tâm sự.

Ngồi trên Đồi Cù có thể thấy bao quát cả mặt hồ và những cảnh đồi núi, nhà cửa, cảnh trí chung quanh. Vào buổi sáng, sương mù che phủ trắng cả ngọn đồi, tỏa sáng, lung linh như những vì sao khi mặt trời vừa lên. Nhạc Sĩ Lê Uyên Phương cũng đã có nhiều kỷ niệm vui buồn của tuổi trẻ nơi đây qua ca khúc mà anh sáng tác “Còn Nắng Trên Đồi”, chính là ca khúc anh nói về Đồi Cù. Điều này cũng dễ hiểu, vì nhà anh ở rất gần Đồi Cù, số 22 đường Võ Tánh Đà Lạt. Tôi cũng thường đến nhà anh để ca hát trên gác xép, nhìn ra phía sau là thấy Đồi Cù. Nếu đi bộ từ nhà anh đến Đồi Cù chỉ mất 5 đến 7 phút thôi.

Thác Cam Ly:



Tôi ở đường Hoàng Diệu, một con đường khá ngắn, từ nhà tôi đến thác Cam Ly chỉ khoảng 1 km. Du khách có thể đến thác theo đường Huyện Trần Công Chúa, dọc theo trường Couvent des oiseaux, đi về hướng lăng Nguyễn

Hữu Hào sẽ nhìn thấy thác Cam Ly bên phải.

Ngày xưa dòng nước suối Cam Ly rất trong xanh vì dân số ít, chưa ô nhiễm môi trường. Đây là nơi rất đẹp và thuận lợi cho du khách đến thăm viếng Đà Lạt vì rất gần trung tâm thành phố.

Sau 1975, thác Cam Ly do nhà nước CS quản lý, thành được xây chung quanh thác, ai muốn vào thăm phải mua vé.

Hơn nữa, bây giờ dân số Đà Lạt ngày càng đông, hai bên và gần suối, nhà cửa được xây cất khá nhiều.

Một số người dân không ý thức, vứt rác bừa bãi xuống suối, gây ô nhiễm, mang theo dòng nước có mùi hôi chấy về thác, vì vậy ngày nay rất ít du khách ghé thăm thác Cam Ly như trước 1975.

Hồ Tuyền Lâm:



Hồ Tuyền Lâm cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 7 đến 10 km. Đường đi được bao quanh bởi những đồi thông thoai thoải rất đẹp, có thể đi bằng xe gắn máy hay taxi. Nơi đây, cảnh trí rất thơ mộng.

Mặt hồ trong xanh màu ngọc bích, hòa với rừng thông bạt ngàn. Mặt nước phẳng lặng như gương, phản chiếu màu xanh của rừng thông và bầu trời xanh lơ, mang lại cảm giác êm đềm, bình yên

cho mọi người. Quanh hồ cũng trồng thêm nhiều cây hoa Anh Đào, mùa Xuân hoa nở rộ, tạo nên bức tranh đẹp tuyệt vời. Nhiều du khách thích đến nơi đây tìm sự thư giãn và chụp hình lưu niệm.

Thác Prenn và thác Datanla:

Đây là hai thác ở gần nhau trên đèo Prenn, cách xa thành phố Đà Lạt khoảng 10 km. Hầu hết những du khách đến thăm Đà Lạt đều ghé thăm 2 thác này.



Thác Prenn, với dòng nước chảy khá mạnh, cuộn cuộn qua những tảng đá lớn, tạo nên cảnh hùng vĩ. Bên cạnh thác có lồng nuôi thú như khỉ, cọp, chim công, trĩ để thu hút du khách đến xem và chụp hình.



Thác Datanla cũng ở gần thác Prenn, nằm dưới vực sâu, có vẻ đẹp hoang sơ với những cây cổ thụ bao quanh. Không khí ở đây rất tươi mát vào mùa Xuân. Chung quanh nhiều bông hoa nở rộ, nhiều sắc màu, tạo nên vẻ đẹp thiên nhiên tuyệt vời.

Đà Lạt còn nhiều địa danh khác như đập Đa Thiện, Suối Vàng, Thung Lũng Tình Yêu, Đồi Thông Hai Mộ, Dinh Bảo Đại, các quân trường như Trường Võ Bị Quốc Gia, Chiến Tranh Chính Trị, Trương Chí Huy Tham Mưu vv...

Đây là bài thơ tôi làm trước khi viết về một số các thắng cảnh nổi tiếng tại thành phố Đà Lạt. Để bổ túc cho nhau, tôi cũng lấy cùng đề tài cho cả hai.

ĐÀ LẠT VÀ MÙA XUÂN

*Xuân về Đà Lạt rực ngàn hoa
Én liệng đôi thông nắng chan hòa
Xuân Hương sương tỏa lung linh khói
Đồi Cù thấp thoáng bóng người qua.
Đào hoa nở rộ khoe sắc thắm
Liễu rủ Bích Câu đẹp tuyệt vời
Cẩm Tú, Oải Hương mùi thơm ngát*

*Hồng hoa óng ánh hạt sương mai.
Chợ hoa nhộn nhịp người qua lại
Hoa Huệ, hoa Lan, hoa Cúc vàng
Pensee, Vạn Thọ, Hồng nhung đỏ
Vội vã người mua kéo chợ tan.*

Đại Bàng (TRẦN ĐẠI BÀN)

Xuân 2025

NỤ HOA VÀNG MÙA XUÂN

**** Cao My Nhân ****



Thế là mùa Xuân lại đến, dấu cho người có đi biên biệt, hay có thể trời mưa, thì Hoa vẫn nở.

*Anh cho em mùa Xuân
Nụ hoa vàng mới nở*
(Kim Tuấn)

Nhưng, người Anh trong thơ đó đã đi vào cát bụi, rất nhẹ nhàng từ sau đêm trăng tròn tháng tám ở quê hương, vừa qua (10-9-2013).

Khi lời hát "Anh Cho Em Mùa Xuân" đầu tiên tôi nghe được, từ giọng ca cô ca sĩ Tâm Đan, mà người ta biết đến nhiều hơn tài nghệ của cô, là vì cô có một dung nhan rất tươi sáng, đẹp vui như mùa Xuân, vào thời điểm cuối thập niên 50.

Rồi bài thơ "Nụ Hoa Mùa Xuân" của Kim Tuấn đã được nhạc sĩ Nguyễn Hiền phổ nhạc, để quên bằng tên của người làm thơ, lẫn người viết nhạc, mà chỉ còn nhớ rất thân quen "cụm từ".

*Anh cho em mùa Xuân
Nụ hoa vàng mới nở*

Chỉ cần hai câu ấy, cả nhân gian đã thấy Xuân về.

Có gì trong những tiếng Anh Cho Em Mùa Xuân, có phải nghe ra được sự ấm áp, yêu thương, hạnh phúc. Và, Nụ Hoa Vàng Mới Nở? Tại sao Nụ Hoa Không Đỏ, Hồng, Trắng, Tím?

Bởi vì Hoa Đỏ thì nồng nàn quá, Hoa Hồng như tinh nghịch, hồn nhiên, Hoa Trắng kiêu sa, thanh sạch, còn Hoa Tím lại trầm lặng, buồn thương.

Nên, chỉ có Hoa Vàng, là nói lên trọn vẹn cái Mùa Xuân, vẫn trang nghiêm mà đậm ấm, vẫn yêu đương mà cẩn trọng. Nụ Hoa Vàng Mới Nở, một câu nói rất bình thường, rất dễ dàng, mà sao "tình tứ xuân thì" đến thế!

Khi đọc dòng chữ: **Tháng 9 buồn ở Sài Gòn: Vĩnh biệt nhà thơ Kim Tuấn**, do nhà văn Văn Quang viết tại Sài Gòn, đăng tải trên tờ Việt Báo ở Orange County, California thì lòng tôi quả tình chùng xuống một lúc, băng khuâng chi lạ.

Những năm đầu thập niên 50, bấy giờ tôi đang vào Trung Học Đệ I Cấp ở Sài Gòn, bạn bè thuở hoa niên làm thơ đông lắm, những tên tuổi học sinh sáng giá như Hoài Nam (Sau đổi là Trần Dạ Từ), Viên Linh, v.v..., thì Kim Tuấn đang học, hình như Sư Phạm ở Qui Nhơn, tên thơ... khép nép, rất riêng biệt, khó trộn lẫn cùng các tên thơ khác, với dòng thơ đa phần là ngũ ngôn (5 chữ đầy), thành thơ Kim Tuấn dễ đi vào dòng nhạc.

Thời hoa niên đó, những người làm thơ trẻ, thường không có ý dòm ngó thơ nhau, và lại rất phấn khởi trước "sự nghiệp thơ riêng tư" của mỗi người.

Mặc dầu lớp cao niên hơn, như quý "thi hào, thi bá, thuở phôi thai" là những vị khai sáng và cũng kết thúc luôn các dòng thơ bí hiểm, khó hiểu nơi vĩ mô thơ bạt ngàn, thì giới làm thơ bình thường, tâm tư thoải mái, cũng phát triển menh mông, vô tận khả năng, tài năng không kém, lại còn có vẻ phổ biến trong nhân gian hơn, tiêu biểu như thơ Kim Tuấn, bằng chứng là mỗi năm Tết đến, Xuân về, bà con, cô bác lại hoan ca:

Anh cho em mùa Xuân

Nụ hoa vàng mới nở

Cho tới bây giờ, ngay tại quê hương Việt Nam xa xôi, nghèo khổ, bài hát được các nhà dân Sài Gòn ưa chuộng nhất mấy ngày Xuân, trong không khí Tết Nguyên Đán vui vẻ, vẫn là:

Con biết bây giờ mẹ chờ mong con

Khi thấy mai đào nở vàng trên sân

(Xuân Này Con Không Về)

và:

Anh cho em mùa Xuân

Nụ hoa vàng mới nở

mới rõ ra rằng điều gì hay, sẽ thuộc về đại chúng.

Người làm văn học, nghệ thuật chân chính chắc cũng mong tác phẩm của mình đi vào lòng quần chúng, để sống mãi ngàn năm. Cụ Nguyễn Du với tuyệt tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh mà người dân Việt Nam cứ hiểu tất là Kim, Vân, Kiều, hay một chữ Kiều thôi, là bằng chứng đại chúng nhất.

Thế nên, nghệ thuật vị nghệ thuật, hay nghệ thuật vị nhân sinh vẫn còn trên đường nghiên cứu và thảo luận, tất nhiên quý vị đại diện cho hai dòng trên: nghệ thuật, nhân sinh chỉ hòa đồng với nhau trên danh nghĩa tác phẩm đã nổi tiếng.

Anh cho em mùa xuân

Nụ hoa vàng mới nở

đã nổi tiếng từ lâu, rất lâu rồi.

Song, có lẽ chúng ta chưa hề thấy nhà thơ Kim Tuấn kêu kỳ bao giờ, mặc dầu ông lại con dòng, cháu giống của một vương phủ thi hào Miền Thẩm Tùng Thiện Vương triều Nguyễn, nhị vị vương tôn công tử Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương đi đôi với nhau trên văn đàn, mà vua Tự Đức đã hãnh diện qua câu đồn đại:

Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán

Thơ đáo Tùng, Tuy chấp thịnh Đường

Văn phú thuở đó ai bằng hai ông Siêu, Quát, (Nguyễn Siêu, Cao Bá Quát), chữ nghĩa đã tưởng như thời tiền Hán phải...vô tự, còn thơ thì Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương có thể sánh vai với thi ca cực thịnh của nhà Đường.

Thật ra chỉ muốn nói là bốn vị trên, văn thơ hay quá đấy thôi.

Trở lại thi sĩ Kim Tuấn thế kỷ 20 của chúng ta (vì ông nổi tiếng vào hậu bán thế kỷ vừa qua), với phương danh Nguyễn Phước Vĩnh Khuê, hậu duệ Vương ông Tùng Thiện Vương, mà chả bao giờ bạn bè nghe ông đề cập tới "danh gia vọng tộc" của mình, lại rất khiêm tốn như những lời thơ thật hòa bình của ông.

Thi sĩ Kim Tuấn đi về cõi vĩnh hằng trong một tích tắc bất ngờ, theo bản tin của nhà văn Văn Quang, Kim Tuấn bị một cơn nhồi máu cơ tim, đúng là mới đó người thơ đã bước vào thiên cổ.

Trần ai chớp mắt, trăm năm mộng
(Giản Chi)

Nhưng chúng ta vẫn còn sẽ hát:

Anh cho em mùa Xuân

Nụ hoa vàng mới nở...

Khi mỗi mùa Xuân trở lại với mọi người.

Nụ hoa vàng tinh khiết nở lúc Tết đến, Xuân về, là nụ mai, nụ cúc, nụ hồng vàng, nụ glaiuol vàng, nụ sen vàng, cẩm chướng, thược dược, vàng đều có cả, và nếu phân tích từng gam màu, hay từng ý nghĩa nụ hoa vàng kia, thì lại phải một bài tràng giang đại hải nữa.

Song tôi xin thưa rằng, tất cả những màu vàng của Hoa tôi vừa kể trên, thường không xê xích nhau về đậm, lợt,

chỉ có hoa hoàng liên kiêu loa kèn là nơi rực rỡ hơn.

Thậm chí mùa Xuân ở những vùng đất còn hoang hóa, đầy sỏi đá hay gò mồi cao như mô ụ, vẫn có những nụ hoa vàng xòe cánh nở chào đón bình minh, đó là hoa cỏ bồ công anh, hoa cúc dại mang sắc hoàng kim, bé nhỏ nhưng lại bền bỉ với thời gian vô cùng.

Thành màu vàng của Nụ Hoa Mùa Xuân trong thơ Kim Tuấn sẽ vĩnh viễn kết liền với dòng thơ của ông. Dưới bầu trời xanh biếc, bao la mùa Xuân, ở bất cứ nơi đâu, chúng ta hãy chúc nhau qua những lời thơ thanh bình, yên tịnh, để thi sĩ cảm thấy: ít nhất đã tạ đời được phần nào tâm ý.

Hawthorne, 28-12-2013

Cao My Nhân

<http://saigontimesusa.com/bai/vanchuongchonbuihong/1385.shtml>



Tâm Hào hát “Anh cho em mùa Xuân” – lời: thơ **Kim Tuấn**; nhạc: **Nguyễn Hiền**

<https://www.youtube.com/watch?v=ckgctUt8iK0>

SÀI GÒN ĐÊM BA MƯƠI TẾT

** Hoàng Hải Thủy **

"Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục!..."

Đó là một câu tôi nhớ trong số những câu tôi nhớ của tiểu thuyết Đờ Long Ý Thiên Kiếm của Kim Dung, tác phẩm tiểu thuyết tôi đọc ở Sài Gòn những năm 1960, thời gian tôi ba mươi tuổi. Đó là câu Dư Liên Châu nói với Trương Thúy Sơn trên chiếc thuyền lênh đênh giữa biển khi hai anh em đồng môn gặp lại nhau sau mười năm xa cách, khi Trương Thúy Sơn đưa vợ con: Hân Tố Tố và Vô Kỵ, từ Băng Hỏa Đảo trở về trung thổ, Thúy Sơn sợ Trương Tam Phong, sư phụ của chàng, không cho chàng kết hôn với con gái của Giáo Chủ Bạch Mi Giáo. Chàng được Dư Liên Châu trấn tĩnh.

"Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục...!"

Một câu nói rất thường trong một truyện kiếm hiệp - truyện kiếm hiệp hay nhất trong đời tôi - làm cho tôi xúc động mãi. Khi ngồi trong Nhà Hàng Pagode đêm cuối năm, quanh chúng tôi chỉ còn những chiếc ghế da nâu không người ngồi và nhà hàng sắp đóng cửa - lúc ấy là mười một giờ đêm 28 Tết, còn hai đêm nữa là đêm Giao Thừa - người ta, những người Sài Gòn đi chơi đêm, giờ này đến các tiệm nhậu, tôi và Quang còn ngồi buồn ở đây.

Nhìn nét mặt đăm chiêu và những nếp nhăn hằn trên trán Quang, tôi chợt nhớ đến lời Dư Liên Châu nói với Trương

Thúy Sơn - "Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục" và tôi xúc động. Tôi muốn nói một lời để an ủi Quang, nhưng tôi im lặng, vì tôi nghĩ trong lúc này, và trong nhiều trường hợp, yên lặng là tiếng nói của Trái Tim.

Tôi tuổi Dậu, Quang cũng tuổi Dậu, nhưng anh sinh trước tôi mười hai năm, tức là một giáp. Như vậy là tôi "ẩn tuổi" Quang; theo kinh nghiệm, các cụ ngày xưa cho rằng những người ẩn tuổi nhau thường hợp nhau, thương mến nhau. Các cụ nói đúng trong trường hợp "ẩn tuổi nhau" của Quang và tôi. Chúng tôi thân mến nhau, thông cảm nhau. Tôi thường đoán trước, biết trước được những điều Quang sắp nói, những việc Quang sắp làm. Ngược lại, Quang cũng biết trước về tôi như tôi biết về anh.

Quang là luật sư. Năm 1950, tôi từ Hà Nội vào Sài Gòn, tôi đi làm phóng viên nhà báo và tới ngụ tại nhà anh trong một thời gian. Ngày ấy, anh đang kiếm ra tiền. Gia đình anh sống trong một vi-la đường Mayer. Tôi sống nhờ trong nhà anh, với gia đình. Vợ chồng anh coi tôi như người trong gia đình. Anh đưa tôi đi ăn chơi, anh là người mở đầu cuộc sống "trăng hoa" của tôi tại Sài Gòn. Vợ anh là gái Hà Nội, hiền, khá đẹp nhưng không có gì xuất sắc. Chị là người không gây thiện cảm mà cũng không gây ác cảm. Năm đó Ngọc lên năm tuổi. Cô bé xinh xắn, nước da hơi nâu, mạnh khỏe, thông minh, có đôi mắt tròn, đen láy,

năm ấy cô bắt đầu cấp sách đi học Mẫu giáo. Trường gần nhà, đi bộ qua một con phố. Có những buổi chiều tôi đến trường đón Ngọc về. Thanh niên chưa có vợ, chưa có con thường thích trẻ con và muốn gần bọn trẻ con kháu khỉnh, xinh xắn, sạch sẽ và thông minh. Ngọc là một đứa bé có đủ nét ấy.

Rồi thời gian qua, Quang thành công với nhiều "áp phe" lớn. Địa vị của anh ngày một vững, tên tuổi anh nổi sáng. Rồi chiến tranh Đông Dương kết thúc. Năm 1954, đất nước chia đôi, Quang trở thành một nhân vật lý tài quan trọng, cỡ quốc tế. Đó là những năm tôi sống trong quân ngũ. Xa Sài Gòn, tôi xa gia đình Quang, cho tới ngày tôi được tin anh gặp tai họa. Những nhân vật của chế độ mới - tức chính quyền Ngô Đình Diệm - những người cộng tác mật thiết với ông Diệm, ông Nhu, đã giương một cái bẫy để hại Quang và hất anh ra khỏi cái địa vị chuyên gia kinh tế tài chính quốc gia mà anh đang giữ.

Quang bị tù hai năm. Ở tù ra, anh trắng tay. Những người hại anh đã cũng cố được một địa vị và thế lực quá vững. Họ tiếp tục làm hại anh bằng cách ngăn cản không cho anh ra mặt làm bất cứ công việc gì. Họ phá không cho anh hành nghề luật sư. Các công ty ngoại quốc không dám mượn anh. Anh phải kiếm sống bằng cách nhận làm riêng cho vài ông luật sư bạn. Những ông này giúp anh bằng cách giao việc cho anh đem về nhà làm.

Và những tai họa theo nhau đến với Quang. Vợ anh bỏ đi - người vợ hiền thực của anh - bỏ chồng con, bỏ nhà đi chung sống với một người đàn ông khác. Hai đứa con được để lại cho

Quang nuôi. Quang sống những ngày dài buồn nản trong thất vọng và túng thiếu. Người hào phóng tự tin ở tài năng của mình và thành công ngay từ ngày bước vào đời như Quang, nổi thất vọng và buồn nản càng nặng nề khi anh đã ngoài bốn mươi tuổi, số tuổi mà những người đàn ông có tài bắt buộc phải có địa vị. Không được phép xuất ngoại, Quang đi lên ra ngoại quốc mấy lần, nhưng không thoát. Bọn mật vụ theo dõi anh, ngăn cản không cho anh đi. Có lần anh đã trốn được xuống một chiếc tàu buôn của Pháp, khi tàu sắp rời bến Sài Gòn, bọn mật vụ mới biết tin và ập xuống tàu lùng xét. Chúng không tìm ra chỗ nấp của anh, nhưng sau đó, ông Thuyền Trường đích thân gặp anh, xin anh trở lên bờ để tránh cho tàu của ông gặp khó khăn trong những chuyến sau tàu ghé bến Sài Gòn.

Đó là những tin, những chuyện về Quang và gia đình của anh tôi được biết trong những năm tôi sống trong quân ngũ. Rồi một người đàn bà khác xuất hiện trong đời Quang. Người đàn bà này đẹp - rất đẹp, nổi tiếng hoa khôi tại Sài Gòn - Nàng thuộc loại "chơi bời quý phái" và nàng có một tài sản đủ cho nàng sống phong lưu suốt đời.

Người đàn bà ấy yêu Quang, nàng chấm dứt cuộc sống cũ để chung sống với Quang, để làm vợ Quang. Họ yêu nhau, họ sống đầy đủ về vật chất nhưng không được hạnh phúc lắm về tinh thần, cả hai người cùng yêu nồng nàn và cùng ghen tuông dữ dội. Quang bị cuộc sống cũ của vợ ám ảnh. Vợ Quang biết nỗi ám ảnh ấy của Quang, nàng sợ một ngày nào đó Quang sẽ khinh nàng, sẽ chán nàng, sẽ yêu một người đàn bà

khác trẻ, đẹp, có dĩ vãng trong sạch hơn nàng. Nhưng cả hai người cùng cần có nhau để sống. Theo tôi, Quang là người cần vợ hơn và yếu thế hơn vợ. Người vợ thứ hai của anh - đẹp, sang, được đàn ông say mê, giàu tiền - là một bằng chứng thành công của anh. Ít nhất anh cũng còn thành công với đàn bà. Người vợ trước để lại cho Quang hai đứa con. Một gái, một trai. Thằng bé hãy còn nhỏ được anh gửi bà Nội nó nuôi. Ngọc, đứa con gái lớn được anh gửi vào một trường Nữ Học.

- Tôi đang bối rối không biết phải làm sao thì cậu đến. Có cậu thay tôi lo cho nó mấy ngày Tết này tôi yên tâm. Chắc nó cũng buồn, cũng giận tôi, nhưng nhẹ thôi. Cậu cố giúp tôi. Nói cho nó hiểu. Tôi biết. Cậu từ xa về đây cần phải du hí mấy ngày Tết. Bị vướng bận vì một con bé chắc cậu bực mình lắm.

Người cha khổ sở vì không thể đón được đứa con gái yêu từ nhà nội trú của trường ra ăn Tết với mình nhờ tôi lo cho con anh trong mấy ngày Tết. Anh lên Đà Lạt ăn Tết với vợ. Vợ anh muốn thế, anh không đi không được. Nhưng nếu sáng mai anh đi, chiều mai, không có ai đến trường đón Ngọc, con gái anh, ra trường. Mẹ đi lấy chồng khác, bố có vợ, bố ăn Tết với bà vợ, người thiếu nữ ấy bị bỏ rơi trong ba ngày Tết. Tôi là người thay mặt bố nó để làm cho nó bớt cô đơn, đỡ tủi thân trong mấy ngày đầu năm.

Trước nét mặt khổ não của Quang tôi phải quay mặt đi. Quan chúng tôi, nhà hàng vắng tanh chỉ còn một cặp Tây Đầm già đang ngồi như chờ đợi ai ở góc phòng. Tôi cảm thấy thương Quang và lại nhớ đến câu nói của Dư Liên Châu!

"Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục..." Tôi hiểu nỗi khổ tâm của Quang. Anh thương con anh nhưng cùng một lúc, anh cũng yêu vợ. Ngọc là con riêng của anh. Anh không thể "bỏ vợ, hy sinh vợ" trong mấy ngày Tết để gần, để sống với đứa con riêng của anh. Tôi nhận lời giúp anh.

Tôi đã được nghe nói về những nữ sinh của trường nữ trung học này, những chuyện được xếp vào loại "ly kỳ".

Những chuyện đồn đại, không có bằng chứng. Đại khái cuộc sống của nhiều nữ sinh trong Internal trường này rất loạn, nhiều nàng chơi trò đồng tính ân ái, nhiều nàng đêm đêm vẫn trốn ra đi chơi, đi nhẩy đêm, bọn vương tôn công tử Sài Gòn đêm đến đậu xe trong một con đường ngách bên trường, đợi các nàng ra, rước đi chơi.. v.v.. Tôi nghe qua những chuyện ấy rồi bỏ ra ngoài tai.

Chiều Ba Mươi Tết, tiếng xe ô tô ngoài đường làm ồn cả phòng đợi. Vào những ngày lễ hội, ngày nghỉ, thủ đô Sài Gòn đông xe hơn ngày thường, đông nhất là buổi chiều gần tối. Ở đây, phụ huynh tập nập đến đón con ra trường. Nữ sinh người Pháp không còn là bao nhiêu. Nhìn quanh tôi chỉ thấy toàn người Việt Nam.

Tôi trình Thẻ Phụ Huynh, giấy phép được nhân lãnh học sinh. Một bà đầm trung niên - có vẻ là giám thị - ghi mấy dòng chữ vào quyển sổ, rồi nhắc điện thoại gọi vào trong. Bà nói tiếng Pháp.

Tôi ra hiên nhà, đứng hút thuốc lá.

- Chú...!

Tôi quay lại. Năm năm đã qua:

"Chú gặp cháu lần cuối năm 1964. Bố cháu bị bắt... chú đang ở lính. Chắc chú đâu có nhớ cháu, gặp nhau ngoài đường chắc chú không nhận ra cháu, phải không chú?"

Trong phòng lạnh của Restaurant Choeng Nam, trên bát "consommé chaud", Ngọc mở rộng đôi mắt đen và trong, nói với tôi câu nói gọi lại kỷ niệm. Nàng hỏi:

"Chú có thấy cháu thay đổi nhiều không? Cháu chóng lớn quá, phải không chú...?"

Nàng giơ tay khoát nhẹ nửa vòng trong không khí, điệu bộ nhí nhảnh như cô đào điện ảnh Sandra Dee trong vai thiếu nữ dậy thì, con nhà giàu, ngây thơ, gọi tình. nàng nhắc lại:

"Chú gặp cháu ngoài đường chắc chú không nhận ra cháu. Nếu có ngờ ngờ chắc chú không dám hỏi. Phải không chú? Nhưng cháu nhận ra chú ngay!"

Nàng nheo mắt nhìn tôi đăm đăm như cô giáo nhìn anh học trò quấy phá

"Cháu nhận ra chú ngay! Chú có già đi chút chút, nhưng khuôn mặt, nét mặt vẫn không khác".

Ánh mắt nàng long lanh, vành môi nàng cười mỉm.

"Tóc chú bạc nhiều rồi." Tôi nói.

Trong năm năm, Ngọc thay đổi nhiều. Lần tôi đến nhà Ngọc lần cuối, Quang đang nằm trong khám Chí Hòa. Hôm ấy tôi chỉ thấy loáng thoáng bóng hai chị em Ngọc rồi tôi đi ngay, cho tới nay cô cháu ngồi trước mặt tôi giờ đây là một thiếu

nữ mười sáu, mười bảy tuổi, tóc để theo kiểu tóc Jacqueline Kennedy, mặt trái soan, mắt to và sáng, môi hồng mỏng và hai bên mép sa xuống. Đôi khi, tôi thoáng thấy Ngọc có vẻ chán đời, ngạo đời - vì đôi môi sa xuống hai bên mép. Những người phụ nữ có đôi môi hai bên mép sếch lên, cũng như đuôi mắt sếch lên, thường có vẻ tươi vui - Ngọc bận đầm, đúng thời trang, không hoa hòe, hoa sói mà đẹp, trang trọng và gọn. Áo sơ mi trắng dài tay, váy Tergal xám, có hai dây vắt qua vai, ngực áo thêu hai chữ HN: Hồng Ngọc, bằng chỉ xanh. Một thiếu nữ đang đứng trên ngưỡng cửa cuộc đời. Đời nàng xấu hay đẹp, mai sau nàng khổ sở hay sung sướng - suốt những năm còn lại, đó mới là cuộc đời, ba mươi năm, bốn mươi năm nữa - tùy thuộc vào vài năm sống sắp tới của nàng. Tôi thấy tôi lo sợ một cách chánh đáng: ai sẽ dẫn dắt cô gái này đi trong mấy năm trời quyết định ấy? Mẹ nàng đi lấy chồng khác, cha nàng có vợ và con riêng, cuộc đời nàng có biết bao nhiêu là cạm bẫy.

Nàng ngược lên, nét buồn vừa qua biến mất:

"Tại tóc chú bạc sớm chớ có phải tại nhiều tuổi đâu? Phải không chú? "

Hàm răng trắng của nàng lộ ra dưới vành môi mỏng.

"Chú kém ba cháu những mười hai tuổi. Năm nay, chú mới ba mươi ba tuổi. Ba cháu bốn mươi nhăm rồi. Tóc ba cháu đã bạc đâu. Có bạc, nhưng không nhiều bằng tóc chú. Hồi này, không hiểu ba cháu có nhuộm tóc không? Sao chú không nhuộm tóc, chú?"

"Chú không thích nhuộm. Chú thích tóc trắng?"

"Sao thế?"

Tôi nhún vai:

"Tại chú thích."

Nàng cười thành tiếng:

"Tóc bạc như Jeff Chandler...! Cháu biết tại sao chú lại thích rồi!"

"Tại sao?"

"Chú muốn cho các cô phải để ý đến chú vì mái tóc của chú chứ gì? Chú khôn lắm. Cô nào thấy chú hãy còn trẻ măng mà tóc đã bạc trắng thì cũng phải để ý! Chú thấy không... Đến cháu quen với chú là thế mà vẫn còn phải hỏi nữa là."

Tôi làm bộ ngỡ ngàng vì bị nói trúng tim đen, nàng cười sung sướng.

"Đã có cô nào nói với chú là... yêu chú vì mái tóc của chú chưa!"

Tôi cau mày:

"Đừng hỏi bậy!"

"Cháu có hỏi gì quá lố đâu?"

Mặt nàng cũng nghiêm lại.

"Chú vẫn... cho là cháu còn con nít? Chú là văn sĩ mà chú chẳng biết tâm lý chút nào! Cháu không dám nói là cháu đã yêu nhưng... cháu có đủ tư cách để nói chuyện về Tình Yêu với chú, với bất cứ ai...!"

Tôi muốn khuyên nàng vài câu. Tôi biết những điều mà nàng biết về tình yêu đó chỉ là những điều nàng đọc được trong tiểu thuyết, nàng nhìn thấy trên màn bạc xi-nê và nàng nghe vài cô bạn thuật lại. Tôi muốn nói cho nàng biết nàng chưa

đủ tư cách để nói về bất cứ một chuyện gì, nhất là về Tình Yêu. Nhưng tôi chưa kịp mở miệng. Nàng đã tiếp:

"Cháu học hết năm nay thôi. Sang năm, chú sẽ không còn gặp cháu ở Sài Gòn nữa đâu."

"Ngọc đi đâu?"

"Cháu đi xa."

"Xa là tận đâu?"

"Bên kia biển."

Đôi mắt nàng mơ màng. Tôi thấy sợ - tôi biết là nàng nói thật - tôi hỏi:

"Ba cháu có biết chuyện cháu sắp đi xa không?"

Nàng lắc đầu:

"Ba cháu chưa biết. Nhưng có biết, chắc ba cháu cũng không ngăn cản cháu được, cháu hy vọng ba cháu sẽ không ngăn. Và cháu tin rằng ba cháu sẽ không ngăn cháu đâu.."

Giọng nàng chột đời khác, rất già dặn, đứng đắn:

"Đến đúng lúc, cháu sẽ cho ba cháu biết chuyện."

"Ngọc đừng có dại!"

"Không đâu, chú ơi. Chú sẽ thấy là cháu rất khôn. Cháu sẽ có tiền gửi về cho ba cháu, em cháu và cả mẹ cháu nữa. Ở đời này, tiền trên hết chú ạ! Tiền là tất cả. Chú viết truyện ca ngợi tình yêu, nhưng nếu nhà báo không trả tiền chú, chú ngưng viết ngay. Chẳng tình yêu thì đừng. Chú có thể viết truyện ca ngợi tình yêu rất hay, rất... ra rít, với điều kiện là truyện đó chú phải bán được ra tiền..."

Tôi trừng mắt:

"Đừng nói làm nhảm. Tôi không muốn nghe Ngọc nói nhảm. Ngọc chưa đến tuổi nói đến tiền, đến tình yêu."

Nàng xịu mặt và có vẻ sợ:

"Cháu xin lỗi chú."

Bữa ăn trôi qua trong tẻ nhạt. Chúng tôi trao đổi với nhau những câu hỏi đáp thông thường. Tôi suy nghĩ về những câu Ngọc vừa nói và thấy nàng có lý. Tôi thắc mắc muốn biết rõ về chuyện sắp đi xa của nàng. Nàng sẽ đi đâu? Đi với ai? Nói thật hay quan trọng hóa một sự việc chưa có gì là quan trọng cả?

Nàng buồn và ủ dột một cách lạ thường. Ăn xong, tôi cảm thấy hối hận nên vui vẻ:

"Chú thay mặt ba cháu cho cháu đi chơi đêm Giao Thừa. Cháu muốn đi đâu, chú đưa đi."

"Cháu muốn chú cho cháu đi coi xi-nê, rồi cho vào Dancing nghe nhạc...!"

"Cũng được. Nhưng đi Dancing thì khuya quá. Sau đó, cháu về trên bà nội có tiện không?"

"Được chú. Nếu không đi quá nửa đêm sao gọi là đi chơi đêm Giao Thừa được! Với lại... cháu thỉnh thoảng vẫn về bà nội cháu khuya quá nửa đêm, không sao đâu. Nhất là có chú đưa về, "suya" quá rồi!"

Nàng tươi lên khi tôi nhận lời. Ngồi trong rạp xi-nê, nàng chăm chú theo dõi những hình ảnh trên màn bạc, thỉnh thoảng mới thốt ra một câu phê bình truyện phim và lối đóng của các diễn viên, nàng phê bình rất sành, rất đúng.

Vào Dancing, nàng đòi uống Champagne. Đêm Tất Niên, Grand Monde chật người, hết bàn, không khí thật vui. Tiếng nhạc và người nhảy thật hào hứng. Nhìn quanh thấy những bộ mặt thỏa mãn ẩn hiện trong bóng tối lơ mờ, tôi chợt nghĩ lắm cảm rằng trong số những người ở đây, chắc không có một ai nhớ rằng đất nước này đang có chiến tranh, đang bị tấn công ngày đêm, giờ này, đang có những đồng bào của họ đổ máu và chết.

Tôi gọi Champagne. Chị Cai Gà thấy tôi vào, nhân lúc bồi đến mời uống, chị ghé đến bàn chúng tôi. Chị tùm tùm cười, ra cái điều thông cảm và ngậm nói với tôi: "Đêm nay ông anh đưa trẻ đi ăn, đi chơi", chị kín đáo hỏi nhỏ tôi:

"Anh có cần em nào ngồi bàn, để gọi?"

Tôi lắc đầu:

"Đêm nay tôi đi với cô cháu, chỉ đến nghe nhạc thôi, cảm ơn chị."

Chị ta nhắc lại:

"Dạ... anh đi mí cô cháu...!"

Không nhìn theo, chị Cai Gà, Ngọc hỏi tôi:

"Bà nào đấy chú? Có phải bà "Chef-Taxi-girl" không chú?"

Tôi gật đầu.

"Bà ấy có vẻ... bỏ với chú lắm? Chắc là chú đi nhảy nhiều nên bà ấy biết chú chứ gì?"

Thời gian càng trôi qua, đêm cuối cùng của năm nay càng gần giờ Giao Thừa, tôi càng thấy khó khăn trong việc trò chuyện với Ngọc. Nàng không còn trẻ con, nhưng cũng chưa hẳn là người lớn

Nàng không thuộc loại Nymphet, nữ nhân vật Lolita của Vladimi Nabokov. Tiểu thuyết Lolita của Vladimir Nabokov được người đọc khắp thế giới nhắc đến và đọc từ năm ngoái, năm kia nhưng qua đến giữa năm nay, một vài cuốn tiểu thuyết này mới lọt vào Việt Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm giữa thời cực thịnh, kiểm soát và cấm đoán gắt gao các loại sách báo và phim ảnh ngoại quốc bị mang tiếng là khiêu dâm. Ngọc không giống Lolita vì thân thể nàng nầy nở, tròn và đầy hơn là Lolita thon và dài.

Khi nhận lời đến trường đón Ngọc cho đến lúc gặp Ngọc trong trường, tôi vẫn nghĩ rằng Ngọc hãy còn nhỏ, hãy còn là một đứa con gái sợ sệt mà tôi có thể đưa đi ăn kem, đi mua sách vở, mua quà con búp bê. Tôi nghĩ việc tôi đưa cô cháu ấy đi chơi sẽ không gây ra một sự hiểu lầm nào, kể cả những tên bạn lưu manh nhất của tôi cũng không có lý do để nghĩ bậy khi thấy tôi đi với cô cháu. Nhưng trong bữa ăn ở Choeng-Nam tôi thấy tôi nghĩ lầm. Nhìn tôi với Ngọc, chắc không ai cho rằng nàng là cháu tôi.

Và giờ đây, trong vầng ánh sáng mờ mờ của Dancing, rượu Champagne làm đôi mắt Ngọc sáng long lanh, tôi thấy nàng hoàn toàn khác hẳn với cái hình ảnh cháu Ngọc mà tôi vẫn có. Nhìn nàng, tôi hiểu tại sao cõi đời này có những người con gái thích lấy chồng già và chỉ có thể lấy - hoặc chung sống - được với những người đàn ông gấp đôi - hoặc gần gấp đôi tuổi các nàng - như người thiếu nữ mười sáu, mười bảy tuổi đang ngồi trước mặt tôi đây chẳng hạn. Bọn con trai mười sáu, mười bảy, kể cả hai mươi tuổi, ngọc ngách như gà tồ, chưa biết tí gì về đời, chưa biết suy nghĩ - như tôi

năm tôi mười bảy tuổi chẳng hạn. Nếu đem xếp Ngọc đứng gần một anh hai mươi tuổi, nàng sẽ phải khóc thét lên vì bực mình.

Thấy tôi không trả lời câu nàng hỏi về chị Cai Gà, nàng mỉm cười.

"Chú có muốn gọi Cave thì cứ gọi, chú nhá - Nhưng nếu chú gọi thì chú gọi cô nào trông "élégante" một chút, nghe chú. Và chú phải nhẩy với cô ấy. Chia ra, với cháu một bản, với người ta một bản..

Tiếng trống vang rền, đèn điện mờ dần rồi tắt. Giờ Giao Thừa. Năm mới đã đến. Trong bóng tối người ta ôm nhau, hôn nhau, chúc tụng nhau năm mới. Tiếng cười, tiếng í e xen tiếng trống rền. Sau một phút như vậy, đèn sáng trở lại; Ngọc lấy được một trái bong bóng màu xanh. Nàng buộc dây bóng vào thành ghế rồi vỗ nhẹ hai bàn tay vào nhau:

"Vui quá. Năm nay, cháu sẽ được sống những ngày thật đẹp và có nhiều thay đổi."

Tôi đứng dậy đưa nàng ra "pít".

"Cháu chúc chú năm nay viết được truyện hay, kiếm được nhiều tiền và... chú gặp một người đàn bà yêu chú đủ để chú yêu lại và lấy làm vợ."

Ban nhạc trình tấu bốn bản liền. Tango rồi Rumba rồi Mambo và Cha Cha Cha. Nhiều cặp phải bỏ cuộc đi vào lúc tiếng nhạc chưa ngừng. Ngọc nhẩy giỏi và đẹp như một vũ nữ nhà nghề. Nàng học nhẩy từ bao giờ? Nàng học nhẩy ở đâu? Với ai? Những câu hỏi ấy chỉ thoáng đến với tôi rồi biến đi ngay. Tôi không còn ngạc nhiên nữa. Tôi biết Ngọc còn dành cho tôi nhiều ngạc nhiên khác nếu tôi

muốn tìm ngọc nhiên và việc tập nhảy đầm không phải là một việc làm lén lút của nàng. Có lẽ trong cái trường Nữ Học nổi tiếng ấy, chỉ có Di Phước và những nữ sinh thọt chân mới không biết nhảy đầm. Hai nữa, chất rượu đã bắt đầu ngấm trong cơ thể tôi. Tôi chưa say, nhưng tôi đã nhìn đời bằng một đôi mắt khác.

" Chú với cháu đẹp đôi nhất Dancing đêm nay. "

Nàng nói bằng một giọng nghiêm trang, đôi mắt nàng nhìn vào mắt tôi. Nếu lúc đó, tôi mỉm cười và gật đầu đồng ý cũng chẳng sao nhưng vì một mặc cảm, tôi nhú mày:

" Đừng nói bậy! "

Nàng dẫu môi :

" Nếu không biết rõ chú, cháu đã cho chú là đạo đức giả và... giả dối nữa là khác! "

Như người đàn bà trưởng thành nói chuyện với tất cả sự bình tĩnh, nàng tiếp:

" Nếu chú với cháu đẹp đôi, và biết là chúng ta đẹp đôi, có gì là xấu?... Chúng ta kiêu hãnh vì chúng ta hơn người . Nếu chú lờ khờ, nhà quê, cháu không được hãnh diện vì chú. Cũng như nếu cháu luộm thuộm bê bối, chú cũng không hãnh hái lắm khi phải đưa cháu đến những nơi đông người. "

Nàng nói tiếp:

" Cháu không thích những người con trai ngang tuổi cháu hoặc hơn cháu chút ít, cả tụi bạn của cháu cũng vậy. Cháu chỉ có thể yêu được những người đàn ông nhiều tuổi hơn cháu. "

Tôi hỏi:

" Cháu đã yêu bao giờ chưa? "

Nàng cười, đôi mắt sáng lộ rõ vẻ tinh nghịch, hàm răng trắng lấp lánh. Trong bóng tối tôi chỉ trông thấy rõ đôi mắt và hàm răng của nàng:

" Nếu chú thấy cháu có thể nói chuyện với chú về Tình Yêu, cháu sẽ kể chú nghe truyền tình của cháu, người sắp mang cháu đi... đi xa, là một người bằng tuổi chú... "

Tôi nhớ lời nàng nói với tôi khi chúng tôi ăn ở Nhà Hàng Choeng Nam - "Cháu chỉ học hết năm nay thôi. Sang năm cháu sẽ đi xa..." Bây giờ nàng không nói hết lời tôi cũng biết người đàn ông bằng tuổi tôi mà nàng nói là người sẽ mang nàng đi đó là một người Hoa Kỳ.

Chúng tôi trở lại bàn, Ngọc nâng ly chạm ly tôi:

" Năm mới, chúc chú vạn sự như ý, chúc chú gặp người yêu chú đủ để chú cưới về làm vợ. "

Tôi đáp:

" Năm mới, chúc Ngọc vui vẻ, học giỏi và không làm điều gì để những người thương yêu Ngọc phải buồn. "

Nàng uống hết ly rượu:

" Cháu chỉ có ba và em cháu. Má cháu đã đi lấy chồng. Nếu thương cháu, bà đã chẳng bỏ đi như thế, nhất là bỏ đi trong lúc ba cháu gặp tai họa. Ba cháu đã làm lại cuộc đời. Em cháu còn nhỏ chưa biết gì, cháu ra đi nhẹ nhàng. Chú yên trí đi, cuộc đời của cháu - ít nhất trong năm nay - đã được sắp đặt sẵn rồi, chú khỏi phải chúc . "

Tôi gọi chuyện:

" Chú đoán người đàn ông bằng tuổi chú Ngọc nói đó là một người Mỹ? "

Nàng gật đầu:

" Chú nói đúng. "

" Cháu yêu người đó? "

" Cháu chưa biết, phải mười năm nữa cháu mới trả lời được chú câu ấy. Nghĩa là phải mười năm nữa cháu mới biết chắc là cháu có yêu anh ấy hay không. Tình yêu phải được thời gian thử thách. "

" Tên hắn là gì? "

" Sang đến Mỹ, cháu sẽ cho chú sẽ biết tên chồng cháu. Cháu không sợ chú phá cháu đâu, nhưng chú cũng chẳng nên biết sớm. "

Tôi cười:

" Ngọc quên là Ngọc mới mười bảy tuổi, người Mỹ trọng pháp luật... "

" Chú muốn nói cháu hãy còn là gái vị thành niên và có yêu cháu đến điên cuồng người ta cũng không dám mang cháu đi chứ gì? "

Nàng ngắt lời tôi :

" Chú chưa biết cháu đi sang Mỹ học và cháu có học bổng, hai chánh phủ Mỹ-Việt bằng lòng cho cháu sang bên đó du học, cháu đi do chánh phủ và nhân dân Mỹ quốc đài thọ!

Tôi nhìn nàng và tôi nhớ tới lời nói của một anh bạn. Anh bạn tôi bốn mươi nhăm tuổi, được sĩ, có tiền, vẫn còn độc thân mặc dầu đã nhiều lần yêu. Mới đây anh nói với tôi :

" Toa phải viết về tình trạng: những cô gái Việt thích lấy chồng Mỹ. Những cuộc nhân duyên ấy không thể bền đẹp. Hiện giờ có quá nhiều gái Việt Nam con nhà tử tế, lấy Mỹ và đi theo chồng sang Hoa Kỳ. Toa nên nhớ trước kia thời Pháp... đa số mẹ Tây đều là bọn gái hạ cấp. Nhưng bây giờ khác, bây giờ có cả con gái nhà tử tế, có thể nói là thượng lưu... cũng ham lấy chồng Mỹ."

Anh bạn tôi cho rằng người Mỹ gần gái Việt là chỉ để chơi, để giải sầu. Nhưng tôi thấy đa số người Mỹ đến đây khi giao thiệp với gái bản xứ đều yêu và cố kết. Họ kết hôn cả với những cô gái điếm hạ cấp nhất. Tôi thấy tận mắt nhiều em điếm một trăm, sáu chục, hành nghề ở An Nhơn, Gò Vấp trở thành những cô vợ Mỹ rồi thành công dân Hoa Kỳ. Những cuộc hôn nhân ấy có bền và có hạnh phúc hay không ? Đó là một chuyện khác. Những chuyện đã xảy ra ở Đại Hàn, ở Nhật Bản, giờ đây không có gì lạ đang xảy ra ở Việt Nam.

Bỗng dưng tôi thấy buồn. Buồn và nản một cách lạ thường. Tôi nghĩ đến Quang. Anh sẽ nghĩ sao, sẽ nói gì khi con gái anh báo tin nó lấy chồng Mỹ và nó sang ở luôn bên Mỹ. Tôi sẽ không biết nói sao nếu con gái tôi nói với tôi như vậy.

" Nhảy với cháu nữa đi chú. Sao chú buồn thế? Cháu đã đi mất ngay đâu. Cháu còn ở đây những gần mười hai tháng nữa kia mà! "

Hai giờ sáng, chúng tôi ra khỏi Grand Monde. Nàng say và yêu cầu tôi lái xe đưa nàng ra Cấp. Tôi không thể đưa nàng về nhà bà nội nàng trong lúc nàng say rượu.

Đêm trên xa lộ, trời tối om. Đêm Ba Mươi Tết. Nhiều chiếc xe, cũng như xe chúng tôi, vun vút chạy xa Sài Gòn. Trên xe nào cũng có một cặp nhân tình.

Gần hết xa lộ, tôi dừng xe gần một vườn cao su. Tôi xuống xe theo nàng, sương đêm xuống lạnh hai vai áo. Nàng đi vài bước trên con đường vắng, rộng thênh thang, rồi nàng giơ tay thả trái bong bóng bay lên trời. Nàng đứng nghiêng nghiêng, trong chiếc áo lạnh màu trắng sữa, ngửa mặt nhìn theo trái bong bóng bay lên trời cao.



Hoàng Hải Thủy

Viết cuối năm 1969 ở Sài Gòn.



Xuân về nhớ Mẹ

*Mỗi năm hoa Mai nở
Lại nhớ về quê nhà
Có mẹ già trông ngóng
Đưa con ở phương xa*

*Năm mươi năm qua rồi
Mẹ, con vẫn mù khơi
Mỗi người một phương trời
Buồn này làm sao nguôi*

*Bên kia bờ Đại Dương
Mẹ từng đợi từng chờ
Đã mời mơn canh cánh
Thời khắc qua lại qua...*

*Mẹ ngày một héo hon
Mắt lồm lợm lom khom
Bước đi, chân lão đảo
Gậy trúc lê lối mòn*

*Một lần về thăm mẹ
Lệ tròn lăn gò má*

*Mẹ khóc vì mừng vui...
Hay khóc vì hờn tủi...?*

*Rời cảnh hướng chia ly
Kẻ ở tiền người đi
Lòng già như đứt đoạn
Mẹ ơi! sầu dâng mi*

*Trùng khơi xa thăm thẳm
Mẹ thao thức đợi mong
Từng ngày theo từng tháng
Con, mẹ vẫn xa xăm*

*Mai vàng nay lại trở
Bóng dáng mẹ mờ xa
Niết Bàn miền Tịnh Độ...
Buông bỏ cõi ta bà*

*Nhớ mẹ Xuân năm cũ
Lòng quặn chiu xót xa
Hiếu từ chưa đền đáp
Mắt lệ ướt chan hòa*

Ỗ Nguyễn - Xuân Ất Ty 2025

XUÂN VỀ ĐẤT KHÁCH

Xuân về đất khách chơi vui
Lạnh theo về với cuộc đời gian truân
Muốn ngơ chẳng đón chào xuân
Lại e tóc cũng phai cùng thời gian
Gió từ hàng xóm bay sang
Tạt vào cửa sổ, lạnh tràn chân mi
Bạt ngàn mỗi cánh thiên di
Kiếp thân lãng tử còn gì nữa không?
Bốn mùa là bốn mùa đông
Lạnh ngoài lạnh cả bên trong cuộc đời
Bao giờ nổi nhớ chưa vui
Là bao nhiêu lệ thấm rơi đáy lòng
Quê người xuân đến hay không
Chẳng ai mong đợi, ai trông làm gì
Tết về hoa có tươi chi
Cỏ cây run giữa trời mây xám buồn
Làm gì có ngọn gió xuân
Tìm đâu ra sợi nắng hồng má em
Hai đầu nổi nhớ tăng thêm

Đón xuân là ghép sầu lên tuổi đời
Từ khi thuyền dạt ra khơi
Là mùa xuân cũng xa vời dấu chân
Nhớ từ chấu cúc trong sân
Nhớ cây tùng nhỏ hình lân uốn mình
Nhớ giàn hoa lý xinh xinh
Có đôi bướm trắng vẽ hình trái tim
Nhớ quê đêm ngủ không yên
Nhớ người lòng cứ trăm miền ngẩn ngơ
Ngày đi đã hẹn đừng chờ
Sợ em lỡ một đường tơ tội tình
Nhưng giờ em mãi trung trinh
Cài then, khép kín chuyện tình bấy lâu.



Thủy Lâm Synh

Bảo Yến hát “**NHỮNG MÙA XUÂN THA HƯƠNG**” – Sáng tác: **Thủy Lâm Synh**

<https://www.youtube.com/watch?v=JoP8hCtxe6I>



NGÀY TẾT NHỚ ANH

**** Hồng Thủy ****

Cứ mỗi lần sắp TẾT tôi lại nhớ đến ông anh tôi, Nguyễn Đức Vinh. Anh có tài viết câu đối bằng tiếng Việt, nhưng sắp xếp chữ thế nào mà trông cứ tưởng câu đối viết bằng chữ Hán. Phải chăm chú nhìn kỹ mới biết anh viết tiếng Việt "**Tài tăng tăng thọ lộc. Phúc đủ đủ khang ninh**". Mỗi năm gần Tết là anh viết mấy cặp câu đối tặng cho tôi và mấy người thân. Anh mất đã hơn 10 năm mà cặp câu đối cuối cùng anh viết cho tôi vẫn còn đậm nét và khá đẹp trông gần như mới vì anh bọc 1 lớp plastic mỏng thật khéo bên ngoài.



Nhìn cặp câu đối tôi như thấy lại hình ảnh anh ở cái TẾT cuối cùng khi anh về thăm mẹ tôi. Lúc đó anh không được khỏe, người anh gầy yếu, nhưng giọng nói vẫn mạnh và âm thanh vẫn reo vui. Anh hay nhắc những kỷ niệm của hai anh em thời thơ ấu rồi anh hứng chí hát vài câu và ngừng lại hỏi tôi: - Thủy có nhớ bài hát này không?

Dĩ nhiên là tôi nhớ. Để trả lời anh, tôi khe khẽ hát tiếp theo. Hai anh em cùng hát, và sau đó hay nói về những kỷ niệm xưa. Kỷ niệm mà chúng tôi không bao giờ quên được là những ngày thần tiên ở làng Sơn Lương, xã Đông Phú, Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Làng Sơn Lương là một làng nhỏ thật thơ mộng, có những đồi hoa sim tím, có những dãy núi xanh lam. Ông bà ngoại tôi có một trang trại nhỏ ở đó, nơi anh em tôi đã trải qua thời thơ ấu. Kỷ niệm mà khi nhắc lại chúng tôi cười vang là buổi trưa nào chúng tôi cũng bị bắt ngủ trưa và đó là điều chúng tôi ghét nhất. Do đó hai anh em thường vờ nằm ngủ cho đến khi mẹ tôi không để ý, hai anh em lén ra sau vườn, trèo lên cây táo, cây ổi hái ăn no nê. Có lần ăn nhiều ổi ối quá, hai anh em cùng bị táo bón, khóc um xùm.

Một hôm, mẹ tôi khám phá ra chúng tôi trốn ngủ trưa. Mẹ bắt cả hai anh em nằm xuống để đánh đòn, trong lúc mẹ đi tìm roi, hai anh em tôi bàn nhau, mỗi đứa lấy một quyển vở lót vào mông để trong quần, độn cho mẹ đánh đỡ đau. Đầu óc

ngây thơ, chúng tôi đâu biết, chỉ nhìn thoáng là mẹ đã thấy 2 quyển vở lót trong quần của chúng tôi rồi. Chúng tôi bị đánh một trận nên thân vì hai tội: tội trốn ngủ trưa và tội lót vở trong quần để lừa mẹ.

Bố mẹ tôi lấy nhau được 4 năm thì bố tôi chết. Mẹ tôi còn rất trẻ, mới 26 tuổi, nhưng mẹ không lấy chồng nữa. Do đó chúng tôi chỉ có hai anh em, chúng tôi rất gần gũi và quấn quít nhau. Ngoài giờ học, hai anh em tha thẩn chơi trong vườn. Ban ngày đuổi bướm trong những luống hoa cải vàng tươi, hoặc chơi nhảy lò cò dưới bóng mát của cây hoa soan màu tím thật lớn ở vườn trước. Chơi chán chúng tôi lại ra vườn sau hái trái cây ăn. Mùa nào thức nấy, các cây ăn trái đầy quả nặng trĩu cành. Những hình ảnh ấy là nguồn cảm hứng tạo nên bài thơ đầu tiên của anh làm năm 12 tuổi, có những câu thật dễ thương:

*Nhà bà tôi có rất nhiều cây
Ôi, na, mít, mận, chuối, xoan tây
Có cả vườn rau xanh bát ngát
Hoa cải vàng tươi bướm lượn bay " ..*



Anh tôi, có một cuộc sống rất khác thường. Chẳng bao giờ lo tới chuyện tiền bạc và cũng chẳng cần nghĩ đến tương lai. Một người bạn thân của anh, Cố dược sĩ Vũ Văn Tùng, chủ nhiệm báo Y Tế ở Cali, cùng

học ở Dược Khoa và cùng làm Tờ báo "Đất Sống" với anh, trong một bài viết về anh, dược sĩ Tùng đã ví anh như một quả bóng lơ lửng trên bầu trời rộng bao

la, chẳng màng gì đến những vương bận của thế gian. Khi có tiền anh rất rộng rãi, hào phóng với bạn bè. Khi anh hết tiền, đau ốm bệnh hoạn, chỉ còn một số ít bạn bè còn nhớ đến anh. Anh sống rất cô đơn. Anh không lập gia đình, cũng không có một người bạn gái nào lâu dài chính thức. Đàn bà với anh chỉ là những hình bóng thoáng qua, nhưng cũng đủ lưu luyến cho anh cảm hứng sáng tác những bài thơ tình thật hay:

*"Phơi phới giữa chiều đông xám buốt
Tuyết rơi mà ta ngỡ hoa hồng
Chỉ tại hôn nàng khi già biệt
Môi nàng pha tuyết giữa chiều đông.."*
(Chia tay mùa đông)

*Đông có lạnh hãy vào đây sưởi ấm
Thân áo ta còn trống một ngăn này
Bên phía trái, nơi chiều mưa thuở trước
Ta ủ người yêu, hương tóc còn đây*
(Nhấn mùa đông)

*Trăm niềm vui của nhân gian
Vạn niềm vui chôn huy hoàng mai sau
Chắc đâu bằng phút nhìn nhau
Chiều mưa ghé nón, bên cầu đón xe*
(Ngoái trông)

*Nếu anh chưa ghé môi trên tóc
Trên tấm thân hồng muốt búp sen
Thì xin hôn vết chân trên cát
Hôn những con đường thoáng bóng em*
(Hương sao)

*Thu đã qua, kỷ niệm thật ngắn ngủi
Nhưng tình yêu không phụ thuộc thời gian
Em bên anh cả khi em vắng mặt
Hôn anh, hơi em thổi vẫn nồng thơm*
(Thu đã qua)

*Như mơ em đến bất ngờ
Không gian chợt ấm, tình thơ lại về
(Nguồn)*

*Bài thơ dài nhất đời ta
Chỉ gồm một chữ đó là chữ yêu
(Bài thơ dài nhất)*

Chữ yêu này không chỉ đơn thuần là tình yêu trai gái. Anh tôi có một tình yêu lớn nhất trong đời. Yêu quê hương Việt Nam. Anh đã nói với tôi, anh là người Việt Nam, anh không bao giờ từ bỏ quốc tịch Việt Nam. Anh nhất định không chịu vào quốc tịch Mỹ, dù anh biết, anh sẽ mất rất nhiều quyền lợi. Tôi yêu nhất 4 câu thơ của anh trong bài "Người yêu tôi tên là Việt Nam"

*... Người yêu tôi tên là Việt Nam
Tên quá quen nghe vẫn bàng hoàng...*

*Ngàn cung điệu thu vào hai tiếng gọi
Tôi gọi thầm em yêu dấu: Việt Nam*

Sống ở trên đất Mỹ mà hồn anh vẫn đầy hình ảnh Việt Nam:

*Nhớ chợt về trong trưa nắng hanh
Chân đi, hồn trải lúa đồng xanh
Lắng câu hò cũ lưng bờ trúc
Lòng chẳng cần mơ, mộng cũng thành.
(Nắng)*

*Có rong chơi khắp địa cầu
Cũng không người được sắc màu cố hương
Hàng me xanh đứng bên đường
Lá me xinh có còn vương tóc dài?
(Hương xuân sớm)*

Anh rất tự kiêu với lòng yêu nước và anh luôn tâm niệm với lòng phải sống như một đại trượng phu:

*Hãy giữ lòng ta một cõi riêng
Thanh cao thuần túy vị thiêng liêng
Quốc gia còn vẫn chờ mi đó
Để mộng ngày mai khỏi hão huyền
Cho nếu lòng anh hùng bỗng quị
Nằm riêng mình trang sử bên trời
Thì gương để lại là sao sáng
Cho lớp người sau kiêu hãnh soi
(Đại Trượng Phu Ca)*

Anh yêu người và muốn xoa dịu cả vết thương của nhân loại.

*Cao cả, thiêng liêng và thủy chung
Tình ta, nguồn nghị lực vô cùng
Mở ra cho khắp hồn nhân loại
Tan hết sầu kim cổ chập chùng
(Đại Trượng Phu Ca)*

Ý tưởng mạnh mẽ như vậy, nhưng sức khỏe quá yếu vì anh không chịu ăn ngủ đều đặn. Anh say mê đọc sách và viết. Mỗi đêm anh chỉ ngủ chừng 2, 3 tiếng đồng hồ. Anh đau yếu mà cố giấu tôi vì anh rất sợ phải vô nhà thương. Tôi luôn cần nhắc anh vì anh không chịu ăn ngủ đàng hoàng, và sống rất bừa bộn, bê bối. Ngày nào tôi cũng mang thức ăn đến cho anh và dọn dẹp phòng anh. Mấy ngày cuối, lần nào đến, tôi cũng thấy anh nằm trên giường. Hỏi thăm thì anh nói là ngồi viết quá lâu nên mệt, vừa nằm nghỉ. Cho đến khi tôi biết anh nói dối, anh nằm liệt giường vì yếu quá, tôi vội gọi 911 đưa anh vào nhà thương. Anh phản đối không chịu đi đến nỗi họ phải gọi cảnh sát mới đưa được anh vào phòng cấp cứu. Vào nhà thương, họ khám phá ra anh bị sưng phổi và sưng

tuyệt vọng. Vì chúng suy tuyệt vọng nên bao tử anh bị ép lại, do đó anh không muốn ăn. Vậy mà tôi cứ cần nhằn anh vì tội không chịu ăn, tôi có biết đâu tuyệt vọng của anh bị sưng nên ép vào bao tử, làm bao tử anh thu nhỏ lại và anh không ăn được nhiều. Tôi rất hối hận, anh bị tôi la oan mà không hề cãi. Những ngày ở nhà thương, anh buồn bã vô cùng, anh cứ đòi về nhà hoài, lúc nào anh cũng nhìn tôi như oán trách tôi đã đưa anh vào nhà thương, để anh bị đau đớn. Cho tới giờ phút này, tôi vẫn không biết tôi làm đúng hay sai. Đẳng nào anh cũng ra đi. Để anh ở nhà, anh ra đi có lẽ nhẹ nhàng hơn và kéo dài thêm được một thời gian nữa chăng?

Đưa anh vào nhà thương, họ tận tâm cứu chữa, nhưng sự cứu chữa đó làm thân xác anh đau đớn. Mặt mũi anh, người anh, đầy những dây nhợ chẳng chịt. Họ chuyên thức ăn bằng cách cho ống vào mũi. Họ giúp anh thở bằng một cái ống to tương để vào miệng. Anh không nói được, chỉ trả lời tôi bằng cách viết ra giấy. Anh viết cũng rất khó khăn, bàn tay anh bị sưng lên vì tiếp nước biển.

Viết những dòng chữ này mà nước mắt tôi cứ trào ra. Tôi thương anh tôi và tôi

hối hận vô cùng. Tôi làm anh phải chịu đau đớn trước khi anh từ biệt cõi trần. Bây giờ chắc hồn anh đang phiêu du ở Việt Nam như những dòng thơ anh đã sáng tác:

*Mai ta thành nước biển khơi
Vẫn còn phân chiếu bầu trời quê hương
Mai ta thành gió mơn phượng
Vẫn thơm mùi cỏ, mùi rơm ruộng đồng*
(Trượng Phu Hành)

Anh yêu quê hương, anh yêu làng Sơn Lương của chúng tôi và những kỷ niệm đẹp của hai anh em thời thơ ấu. Tôi nghĩ thế nào anh cũng về thăm lại Sơn Lương để rong chơi trên ngọn đồi đầy hoa sim tím và có thể anh đang mỉm cười, thương hại cho cô em gái, chẳng biết bao giờ mới được thanh thản trở về thăm lại chốn cũ làng xưa.



Hồng Thủy



ĐI TÌM HƠI ẤM ĐỒNG HƯƠNG

** Trâm Cà Mau **

Con sông Illinois bốc khói mịt mù như có đám cháy lớn trong mấy ngày liên tiếp, rồi đá cục nổi lều bều, lổn nhổn trông rất hỗn độn. Sau đó thì mặt sông băng thành đá cứng phẳng lì, yên lặng, và phủ đầy tuyết màu trắng.

Mùa đông năm 1981 đó, sở khí tượng tiểu bang Illinois ghi nhận mức độ lạnh kỷ lục trong vòng năm mươi năm. Hạn thử biểu tụt xuống đến trừ tám mươi độ F khi có tác dụng của gió. Tuyết bay mịt mù trời đất. Tuyết được dồn thành những đống cao ngút bên hai lề đường. Sở Công Chánh của thành phố vất vả đêm ngày, gọi xe cào tuyết xúc dọn những con đường chính của thành phố, để xe cộ có thể lưu thông. Những con đường phụ, thì tuyết ngập cao, không biết đâu là lòng đường, lề đường, bằng phẳng như một góc của thảo nguyên miền địa cực.

Thờ ra khói mịt mù như đang thổi khói thuốc lá, tôi thử khạc một bãi nước bọt, nhổ lên tường nhà xem có tạo thành tiếng kêu “cong” như người ta thường nói dóc hay không. Ông bạn tôi nói, lạnh như thế này, thì có lẽ khi tiểu tiện ngoài trời, nước đóng thành một cái cây đá cong cứng, nổi từ dưới đất lên bụng. Tôi nói đùa:

–“Thôi thôi, áo quần bảy tám lớp, làm sao mà tiểu tiện ngoài trời được. Có kéo ra được, thì e gió lạnh thổi, nó đóng thành băng và gãy mất thôi”.

Tay tôi, mang vớ len dày, bên ngoài trùm thêm vớ da. Thế mà hai bàn tay cũng tê

buốt, mấy ngón tay cóng lại, khó cử động. Chân tôi mang hai lớp vớ bông, đi giày tuyết, thế mà cũng nhứt nhối cả bàn chân khi đi ra đường. Bên trong nhà, hơi thở ẩm làm tuyết đóng dày, trắng xóa, làm thành cái vờ to bao quanh thành thành cửa sổ. Chúng tôi tưởng cái lạnh này là bình thường ở các xứ tuyết, nên khi nghe các ông bà Mỹ than lạnh quá, thì tôi cũng ngạc nhiên.

Vợ tôi nói, còn một tuần nữa là Tết Nguyên Đán. Tôi không trả lời nhưng trong lòng cũng thấy xao xuyến. Chỉ có trơ trọi hai gia đình Việt Nam trong cái thành phố Morris nhỏ bé với dân số bảy ngàn người này. Thành phố nằm về phía Tây Nam của thành phố Chicago, khoảng cách gần hai giờ lái xe. Chỉ hai gia đình thôi, thì ăn Tết với ai đây. Vui gì mà Tết nhất. Tôi nói với vợ:

–“Hay là em thử kêu điện thoại cho anh chị Hy xem, họ có tính chuyện Tết nhất gì không. Họp nhau lại ăn Tết cho đỡ buồn”.

Vợ tôi kêu điện thoại, bên kia giây, chị Hy nói:

–“Sắp Tết rồi mà chúng tôi đâu có biết, nếu anh chị không nhắc, thì có lẽ nó qua đi lúc nào chẳng hay. Tết rồi sao? Đây là cái Tết đầu tiên của tôi trên đất Mỹ. Anh chị có tính gì không, cho chúng tôi theo với”.

Với chúng tôi, thì tuy không là Tết đầu tiên, nhưng trong lòng cũng không yên, nghe đâu đó có chút gì xôn xao, chờ đợi. Mấy cái Tết đầu, khi chúng tôi còn ở

miền Tây nước Mỹ, vợ tôi chờ cho đến giao thừa, bốc điện thoại kêu chúc mừng năm mới bà con, bạn bè. Kêu điện thoại đường dài. Đánh thức bà con bạn bè dậy lúc nửa đêm. Nhiều người đang ngái ngủ, bực mình, nói chuyện lạt lẽo qua loa rồi gác máy. Cái hờn hờ của vợ chồng tôi bị cụt hứng nhiều lần. Ông anh vợ tôi, đi du học và ở lại Mỹ làm việc đã nhiều năm, ở tận miền đông, cách chúng tôi ba múi giờ, ông hỏi rằng:

–“Có việc gì khẩn cấp không? Sao mà dựng cổ anh dậy lúc ba giờ sáng để chúc Tết. Có khùng chưa? Sao không đợi đến sáng mai rồi kêu?”.

Vợ tôi ngần ngừ đáp:

–“Bây giờ là giao thừa!”.

–“Giao thừa. Hừ, giao thừa. Ở Mỹ cũng có giao thừa sao? Thôi, cô đừng kêu điện thoại cho ai khác nữa mà làm phiền họ”.

Nhờ anh, mà vợ chồng tôi dè dặt hơn, và sau này biết mình làm cái việc chúc mừng năm mới hơi lố.

Thế nhưng trong lòng chúng tôi chưa nguội lạnh được với cái tục lệ Tết đã ăn sâu vào trong tiềm thức từ thuở nào. Chúng tôi nhất định năm nay phải ăn Tết cùng gia đình anh Hy. Tôi nói:

–“Tết mà không có bánh chưng, mứt, hạt dưa thì chẳng có mùi vị Tết. Có khác chi họp mặt ăn bình thường. Nhưng thôi, có họp nhau ăn Tết, còn hơn là quanh năm không có ngày nào Tết cả. Mình không có đạo, nên ngày Chúa giáng sinh cũng không đèn đóm, không cây thông, không bánh trái. Giáng sinh Mỹ thì nhà nhà đóng cửa, như lén lút ăn với nhau, không cho thiên hạ biết. Đường xá vắng

hoe, không rần rần đi dạo phố nữa khuya quanh nhà thờ như bên nhà. Không mời bạn bè tiệc tùng đông đảo lúc nửa đêm. Mình không là Mỹ, thì Tết Tây cũng lạt phèo, không có chi vui, vợ chồng nằm nhà xem truyền hình”.

Chúng tôi bàn chuyện Tết với gia đình anh Hy. Vợ chồng anh mừng lắm, và hẹn sẽ cúng ông bà theo lối tập thể. Bày bàn thờ cúng chung. Anh Hy sẽ xin nghỉ việc một ngày, đưa chị Hy và vợ tôi về Chicago, xuống phố Tàu, mua nếp, hạt dưa và các thứ cần thiết để mừng xuân.

Sau khi đi Chicago về, anh Hy rồi rít báo cho tôi biết là có gặp anh Sáu Nạc, anh này đang ở trong một tu viện tại thành phố La Salle, cách thành phố tôi chừng bốn mươi lăm phút lái xe. Sáu Nạc đề nghị tổ chức ăn Tết chung cho dân Việt Nam tị nạn trong vùng. Anh sẽ mượn hội trường của tu viện để tổ chức Tết. Anh liên lạc với những gia đình Việt Nam tị nạn rải rác trong các thành phố hẻo lánh của tiểu bang. Kêu điện thoại cho họ, và hẹn ngày giờ tụ họp làm một cái Tết nhớ quê hương. Qua niên giám điện thoại, anh đã liên lạc được mười mấy gia đình trong tám thành phố khác nhau. Chưa quen biết nhau, nhưng thấy có cái tên Việt Nam là kêu liền, và khi liên lạc được, họ rồi rít đón mừng, cảm động. Anh bảo những người này tìm kiếm thêm đồng hương, và nhắn nhau về La Salle ăn Tết. Có gia đình ở dưới miền nam, tận tỉnh xa cũng hẹn về họp mặt.

Tôi nhớ rõ, nhờ cuốn niên giám điện thoại mà quen biết anh chị Hy. Khi công ty chuyển tôi từ California lên đây để gia nhập đoàn chuyên viên đang lo xây cất một nhà máy năng lượng hạt nhân trong vùng. Loại nhà máy này thường xây tại

các nơi dân cư thưa thớt, để tránh sự chống đối của các nhóm bảo vệ môi sinh, và nếu lỡ có tai nạn, thì cũng bớt ảnh hưởng đến đông đảo dân chúng. Nằm trong khách sạn Holiday Inn., tôi dở cuốn điện thoại, tra tìm từ họ Nguyễn, họ Trần, họ Lê, họ Phan và qua các họ lớn khác, không thấy một ai tên Việt Nam. Lật lui lật tới mãi nhiều lần, tôi tìm được cái tên Dong Hy. Tôi thầm nghĩ, không chừng ông này người Tàu, là hậu duệ của ông Đổng Trác. Thử gọi điện thoại xem sao, nếu không phải Việt Nam thì xin lỗi, có mất gì đâu.

Qua phút đầu tiên bỡ ngỡ, khi anh Hy biết tôi đang ở trong thành phố này, anh vui mừng rối rít, dù là đã chín giờ đêm, anh đòi đến khách sạn gặp tôi ngay. Anh đem cả bà mẹ già, vợ và hai con còn ẵm trên tay đến thăm xã giao. Hai vợ chồng cười vui rối rít, mừng như anh em trong nhà lâu ngày mới gặp lại nhau. Bà mẹ anh nắm tay vợ tôi mà nước mắt rưng rưng vì mừng. Chị Hy cho biết, trong thành phố này chỉ có gia đình anh chị là người Việt Nam. Thèm gặp đồng hương. Mỗi khi đi Chicago qua phố Tàu, thấy những cái đầu đen, thì lòng chột ảm lại và nghe hân hoan. Gia đình anh chị Hy được nhà thờ bảo lãnh đến đây. Nhà thờ rất tử tế. Buổi đầu họ cung cấp nhà ở, trả luôn tiền điện nước. Mỗi tuần đưa đi chợ hai lần, và trả luôn tiền chợ. Sau mấy tuần, họ kiếm việc cho anh Hy làm trong một cơ xưởng tu bổ tàu thuyền. Phần việc của anh là cạo sét vỏ tàu. Treo mình tòn ten bên ngoài thành tàu mà gõ sét. Mùa hạ thì nắng nóng đốt cháy da thịt, khát nước liên tục, mùa đông thì gió tuyết quật, rét cắt da, gió hú ào ào. Nhưng anh Hy rất sung sướng và

thỏa mãn với công việc đang làm. Lương đủ nuôi vợ, hai con nhỏ và một bà mẹ già. Chị Hy thì thỉnh thoảng đi lau chùi nhà cửa cho các ông bà già trong thành phố kiếm thêm tiền. Bà mẹ anh Hy là người Tàu chính gốc. Bà lưu lạc đến Việt Nam lúc mới mười lăm tuổi, và xem Việt Nam như quê hương. Mỗi lần nói chuyện, bà thường nói “bên mình” để chỉ cái quê hương Việt Nam của bà. Anh chị Hy khẩn khoản yêu cầu chúng tôi ở lại thành phố này, dù cái nhà máy chúng tôi đang xây nằm bên thành phố La Salle.

Chúng tôi cũng mừng vì có đồng hương, chị Hy cùng vợ tôi chạy quanh tìm nhà thuê mà không có, phải nhờ bà bảo trợ hỏi giúp. Bà vào nhà thờ, rao báo lên. Cuối cùng tìm được cho chúng tôi thuê nhà ông John. Ông ở tầng dưới, và tầng trên có cầu thang riêng, đầy đủ bếp núc, phòng khách, phòng ngủ, phòng tắm để cho thuê. Mỗi chủ nhật, chúng tôi ra nhà anh Hy chơi, có khi cùng ăn cháo trắng buổi sáng với cà na. Bà cụ thường lên rưng rưng nước mắt với vợ tôi, bảo là chị Hy không tốt, vì có lúc chị đánh thẳng cháu nội của bà, và chị biết bà đau nhức xương cốt mà bắt ăn cà na, nhức xương thêm. Vợ tôi làm cho bà một hộp thịt chà bông lớn. Bà cảm động lắm. Thấy bà cô đơn, chúng tôi thường chở bà đi chơi, đưa bà vào quán Mỹ, mời bà ăn vài món lạ, cho bà uống sữa quậy nước dâu. Bà vui mừng và nói líu lo như đứa bé. Vợ chồng tôi cũng vui lây.

Anh Sáu Nạc dặn mỗi người đem một món đến ăn Tết. Tôi lãnh phần nấu bánh chưng theo lối cấp tốc. Cứ nấu riêng nhân đậu, thịt heo, và ba nồi xôi lớn có trộn phẩm ăn màu xanh lá chuối. Xôi phải nấu thật khô. Tôi dùng cái hộp sắt

hình vuông làm khuôn. Cắt đáy hộp, lát giấy nhôm, bỏ xôi vào chùng nửa hộp, sau đó đổ nhân đậu xanh và thịt heo vào, phủ thêm một lớp xôi nữa. Gói lại, dùng tấm gỗ mà nén thật chặt. Dùng cái búa nện cho chắc hơn. Vợ tôi bảo đừng nện chặt quá, cơm nếp nát ra thành bánh dầy, khi mở ra thấy kỳ lắm. Cột thêm giấy bên ngoài. Tôi đặt tên là “bánh chưng mạo hóa”. Trong một buổi tối, tôi làm được tám cái bánh chưng lớn. Vợ tôi lo ngại sẽ không tiêu thụ hết mấy cái bánh chưng này, rồi đem bỏ đi thì tội của trời. Những năm này, chúng tôi không bao giờ dám phí phạm thức ăn. Vì chúng tôi đã từng đói ăn trong thời đất nước đang tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi đã gần chết đói khi thuyền chết máy trôi dạt trên biển khơi. Mấy cái bánh chưng tôi làm vuông vắn, cứng và đẹp hơn cả bánh chưng thật. Đồ giả thường đẹp hơn đồ thật. Vợ chồng anh Hy xuýt xoa khen mấy cái bánh chưng của chúng tôi. Tôi giấu không cho họ biết cách nấu bánh chưng giả này.

Ngày họp mặt ăn Tết được chọn vào thứ bảy, vì Chủ nhật nhà thờ làm lễ. Tuyết bay ngập trời, đan dày kín, thu ngắn tầm nhìn trước mặt. Quạt nước quay liên tục gạt tuyết. Tôi lái xe chạy trước, xe anh Hy bám theo sau. Phải chạy cách nhau một quãng dài, để kịp thắng khi cần. Gió hú ào ào như ma quỷ kêu gào dọa dẫm. Hai bên đường tuyết đóng thành những cánh đồng trắng xóa ngút ngàn. Có khi tuyết ngưng rơi, nhìn xuống cuối chân trời, trước mặt và hai bên, không thấy bóng cây, không bóng nhà cửa, không bóng nông trại. Tuyết mênh mông, trời đất trắng mênh mông, không có đường

chân trời, hai chiếc xe làm lủi đi tìm hơi ấm đồng hương, chờ những con người còn nặng lòng thương nhớ nước non. Con đường liên tỉnh, mỗi chiều có một dòng xe, vắng hoe, như một con rạch chạy dài uốn khúc, hai bên tuyết đóng ụ cao. Những bầy chim nhỏ, đói khát, màu đen, đậu trên mặt đường tìm chút hơi ấm của khói xe còn vương đọng lại, chúng bay vù lên khi tránh xe đi qua, rồi đáp xuống lại trên đường. Anh Hy hỏi không biết tuyết mênh mông trời đất như thế, thì lũ chim này ăn cái gì mà có thể sống qua suốt mấy tháng mùa đông. Trời lạnh cần nhiệt lượng, bụng mau đói, mà chỉ có tuyết trắng bao phủ dày đặc, đâu có ăn tuyết mà sống được. Từ tỉnh lộ, chúng tôi bắt qua xa lộ, xe cộ đông đảo hơn. Hai ven đường, năm bảy chiếc xe vận tải hàng, lớn như những căn nhà, bị trượt bánh, lật nằm ngã nghiêng. Những ông tài xế đường dài kia, chạy xe bất kể ngày đêm, đi băng qua lục địa Mỹ, đi từ bờ Thái Bình Dương qua đến bờ Đại Tây Dương và ngược lại. Chuyên chở hàng hóa, thực phẩm, và phải giao hàng đúng hạn kỳ vì sợ bị hư thối, hoặc chậm trễ công việc thương mại. Các ông sống với sương gió nắng mưa dọc theo xa lộ nhiều hơn sống trong nhà, họ thiếu ngủ thường trực. Xe thì lớn cồng kềnh, dài lòng thòng, chỉ cần một sơ suất nhỏ là gây tai nạn dính chùm. Tôi nhìn những chiếc xe ngổn ngang chổng gọng nằm giữa tuyết ở hai ven đường mà cảm thương cho người, và sung sướng cho mình, không phải cực nhọc vất vả như cuộc đời của những người tài xế kia.

Đi qua khỏi cánh đồng tuyết mênh mông, thì thấy cái tháp chuông nhà thờ nhọn, nhú lên lơ lơ ở chân trời. Cứ

nhắm hướng đó mà đi tới. Tuyết lại đổ mịt mù, che mắt không gian trước mặt. Từng vờ tuyết lớn úp chụp vào kiếng xe. Con đường trơn trượt, tôi chạy chậm lại chờ xe anh Hy. Thấy xe anh Hy dừng lại, tôi lái xe thụt lùi lại hỏi. Anh Hy quay kiếng xuống nói vọng qua:

-"Tuyết đổ dày quá, không thấy đường mà lái. Dừng lại chờ cho bớt cơn bão tuyết rồi đi"

Tôi nói lớn trong gió gào:

-"Không được đâu. Dừng lại thì tuyết nó phủ dày, ngập bánh xe, không lái ra khỏi ụ tuyết đâu. Vả lại, dừng xe mà nổ máy, khói xe độc lắm, có thể chết người"

Chúng tôi chạy xe thật chậm, cẩn thận trên con đường vắng hoe. Cuối cùng, cũng đến nơi. Tu viện lớn như tòa lâu đài cổ, nhiều căn nhà ngang dọc. Sân tu viện trắng xóa mênh mông. Trong bãi đậu xe đã có gần chục chiếc, đa số là xe cũ, kèn càng, móp méo. Đúng là xe của những người tị nạn, thừa hưởng được từ lòng nhân ái của các hội nhà thờ đem tặng. Tôi và anh Hy xúc nách dùi bà cụ của anh, đi qua cái sân đầy tuyết. Bà cụ không đi, mà xìa chân ra trượt trên tuyết và cười hăng hắc vui vẻ.

Trong hội trường đã xôn xao tiếng người. Đa số đến trước giờ hẹn. Họ nôn nao quá, phải đi cho sớm để gặp đồng hương. Hai dãy bàn dài có trải khăn trắng, đã bày sẵn nhiều loại thức ăn khác nhau. Phía cuối tường có kê một cái bàn, làm bàn thờ tổ quốc, bên sau treo lá cờ lớn. Anh Sáu Nạc chạy lui chạy tới, tíu tít bận bịu. Mọi người đều góp tay vào việc sửa soạn. Không có ai là chủ, ai là khách.

Thế mà có gần đủ các món Tết của Việt Nam. Hạt dưa, mứt, dưa món, củ kiệu, bánh dày, bánh chưng, bánh da lợn, bánh đúc, bánh bò, thịt kho nước dừa, có cả một nồi bún bò, và một thùng phở. Mọi người hớn hờ vui cười nói chuyện hàn huyên. Tất cả có mười lăm gia đình được bốn mươi sáu người. Gia đình anh Hy là đông nhất, có bà cụ, hai vợ chồng và hai đứa con nhỏ. Có nhiều gia đình chỉ có độc nhất một người như anh Sáu Nạc, Chị Nha, bà Trang, ông Phú và mấy người thanh niên khác nữa. Họ đến từ nhiều thành phố khác nhau trong các vùng phụ cận: Rochelle, Morris, Peru, Kewanee, Streator, Chillicothe, Pontiac, Peoria. Mười lăm gia đình ở chín thành phố khác nhau. Tất cả đều dọn áo quần năm bảy lớp, làm cho thân thể sưng phồng lên tròn vo, trong lúc mặt mày còn xương xẩu, gầy còm, khắc khổ. Chứng tích của những ngày thiếu thốn trong trại tị nạn và đậm nét hơn của những năm hòa bình, bữa khoai sắn, bữa bo bo, bữa cháo, bữa cơm.

Họ cười cười, nói nói hân hoan, nhưng trong ánh mắt họ chan chứa sâu thẳm nỗi buồn, không ai giấu được ai. Một anh lớn tuổi nhận xét:

-"Trong một đám đông người Á Châu, thì người ta có thể nhận ra ai là người Việt Nam ngay, vì trên mặt họ không che giấu được nỗi buồn sâu kín"

Có người hỏi lại:

-"Tại sao mà buồn? Đã tìm được tự do, đã sống trên miền đất mơ ước còn buồn cái gì?"

-"Anh nói lạ chưa. Nước mắt, nhà tan, gia đình li tán khắp năm châu, kẻ tội tù, người bị đày đọa. BẠN BÈ, anh em, kẻ

chết chìm đáy biển, người chết khô trên rừng, và người ở lại thì không thấy bóng tương lai. Họ là sắt đá mới không biết buồn. Ngay cả những nụ cười khi lòng họ hân hoan, cũng có cái buồn phảng phất đâu đó trên môi, trong ánh mắt”

Tôi nhìn sâu vào ánh mắt từng người đồng hương và thở dài. Có lẽ cũng phải mười năm, mười lăm năm nữa, may ra họ mới quên lãng và hết buồn. Gặp gỡ, họ xoắn lẩy nhau chuyện trò, như những người bạn thân thiết lâu ngày. Đủ thứ chuyện trời đất mưa nắng. Nhưng nhắc nhở nhiều nhất là chuyện quê nhà ngày xưa, những êm đềm hạnh phúc trong quá khứ, rồi những gian nan cơ cực đã qua trong xã hội mới, những hiểm nguy khi đi tìm tự do.

Sáu Nạc nói với tôi rằng quê anh ở Rạch Giá. Trước năm 1975, anh mơ ước hòa bình bằng mọi giá. Quốc gia hay Cộng sản anh không cần, chỉ cần được sống yên bình, không còn chiến tranh, chết chóc. Anh đã né tránh tham gia vào cuộc tương tàn bằng cách trốn đi lính. Trốn chui nhủi như một con thú. Khi nào cũng sợ bị bắt. Hòa bình đến, mừng như cất được gánh nặng ngàn cân. Nhưng nổi vui mừng tắt ngay và nhận ra, thà có chiến tranh mãi mãi, để còn chút không khí tự do, còn hơn là thứ hòa bình khủng khiếp lạ kỳ này. Anh vượt biển với hai đứa em, một trai một gái. Hai đứa đã bỏ mạng trên biển, chỉ còn mình anh đến được bến bờ tự do. Anh được tu viện bảo trợ đến đây. Cho một căn phòng để ở, cơm nước có các Bà Chị nữ tu nấu nướng cho toàn viện. Áo quần cũng được các chị giặt giúp.

Công việc hàng ngày của anh là ngồi trên xe cút cò, cút từ đầu này đến đầu

kia khu vườn tu viện rộng mênh mông này. Khi cút đến cuối vườn, thì đầu kia cút cũng đã mọc vừa cao, quay trở lại cút nữa. Cứ thế mà ngồi trên xe suốt cả mùa xuân mùa hạ. Đến mùa thu thì vừa cút cút vừa thổi và hốt lá vàng, liên tục từ sáng cho đến chiều. Mùa tuyết đổ, thì suốt ngày ngồi trên xe xúc tuyết, ủi sạch tuyết cho xe lưu thông trong khuôn viên tu viện. Trong tu viện, ai cũng làm việc, không việc này thì việc kia, chẳng ai ngồi không. Nhà thờ rất công bằng và tử tế, trả lương cho anh theo số giờ làm việc. Bởi vậy nên anh háng hái hơn và thấy vui hơn trong khi làm việc. Ở đây rất tự do, muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm, không ai bó buộc. Miễn sao công việc hoàn tất thì thôi. Mỗi thứ bảy, chủ nhật anh chạy xe về Chicago chơi, thăm viếng bạn bè, vào khu phố Tàu ăn uống, mua các thức cần dùng, rồi lang thang trong các phố Tàu để có cảm giác như gần gũi với quê nhà hơn. Anh thấy được yên ổn sống trong tu viện này là quá hạnh phúc, quá sung sướng.

Anh nghĩ rằng, ngày xưa, ông Ngô Đình Diệm khi qua Mỹ lánh nạn, sách viết rằng, ông cũng được sống trong một tu viện, có lẽ cái tu viện đó tương tự như tu viện này. Và có lẽ, ông cũng được nhà thờ cho công việc làm để có chút tiền tiêu và quên ngày tháng buồn bã nơi đất khách quê người. Trong thành phố La Salle này, chỉ có anh Sáu Nạc là người Việt Nam thôi. Gia đình Việt Nam ở gần anh nhất, là anh chị Trương, ở một thành phố phía Bắc, cách nhau chừng bốn mươi dặm. Anh Trương trước là quan tòa, ngồi xử án thiên hạ. Sau năm 1975 thì đi tù. Nhờ có thân nhân làm lớn trong ngành công an, móc nối được chỉ

huy trường trại cải tạo, đút lót tiền bạc, được về sớm hơn bạn bè. Anh đóng tiền đi vượt biên bán chính thức theo người Tàu. Anh Trương trắng trẻo như một thư sinh. Anh cho biết đang làm nghề hái nấm cho một nông trại trong tỉnh. Nấm trồng trong nhà lồng lớn, có giàn kệ cao, nhiều lớp chồng lên nhau. Suốt ngày anh đứng chằng hằng, đạp chân lên hai cái giàn kế cận, lùa tay vào bên trong nhặt nấm. Theo anh, thì công việc cũng nhẹ nhàng. Ai chăm thì có thể làm một ngày mười hai tiếng, và nếu muốn, thì làm luôn cả thứ bảy, chủ nhật. Vợ chồng anh đều làm cho nông trại trồng nấm này. Đưa con thì có xe trường đưa rước tận nhà mỗi ngày. Anh cho rằng, đây là thiên đường tìm thấy, không cần đi tìm đâu xa xôi. Tiền lương tiêu không hết, đời sống an bình hạnh phúc. Căn nhà ba phòng, có vườn rộng mông, thuê rất rẻ. Chị Trương thả gà, trồng hoa, trồng rau ráng trong mùa nắng ấm. Mùa đông thì họ rút vào phòng, đốt lò sưởi, xem truyền hình, nghe nhạc. Mỗi tháng, họ lái xe về Chicago một lần mua các thức ăn khô Á Đông. Tôi gợi ý cho anh Trương tìm cách ghi danh vào các đại học, kiếm một nghề chuyên môn, để đời sống khá hơn. Anh Trương cười và nói với giọng vui vẻ:

–“Mình đi tìm tự do. Có được tự do là quý rồi. Lại được thêm ấm no hạnh phúc nữa. Đòi hỏi thêm làm gì. Tôi đang có sự an bình, thanh thản, sung sướng. Bỏ cái đang có, đi tìm cái chưa có, e rằng thêm khổ thân mà thôi. Trong trại nấm này, tôi thấy công việc dễ dàng, tốt đẹp, thế mà rất nhiều người đến đây, làm vài tuần, vài tháng, rồi bỏ đi, uổng quá. Họ không thấy được cái hạnh phúc của đời sống

an bình, thì đi đâu họ cũng không tìm được cả”.

Tôi ngần ngại nói thêm:

–“Ở đây cô quạnh. Anh chị không thấy buồn? Vả lại, anh chị lại có trình độ sẵn, đi học cũng mau”.

Anh Trương cười ha hả:

–“Học! Chính vì cái học mà bị đi tù ba năm. Khi tôi đi tù, thì bố tôi thường than rằng, nếu tôi chịu ở nhà làm ruộng như mấy ông anh, đừng đi học, thì đâu đến nỗi tù tội cho khổ cái thân. Còn cô quạnh, thì cũng có chút chút. Nhưng tôi nhớ khi còn ở trong nước, tôi và bạn bè thường mơ ước được ra sống ngoài hoang đảo, để khỏi bị phiền nhiễu, lo âu trong chế độ mới. Bây giờ, ở đây, một xứ văn minh, có thành phố, có con người, thì cái cô quạnh này có đáng gì”.

Nói xong, anh Trương quay qua hỏi một ông đứng bên cạnh:

–“Tôi nghĩ như thế có đúng không anh Dương?”.

–“Đúng hoàn toàn. Ở đâu tìm được an bình hạnh phúc, thì nơi đó là thiên đàng hạ giới”.

Anh Dương trả lời, y hệt giọng điệu anh Trương. Anh Dương chừng trên dưới bốn mươi tuổi. Khi ở Việt Nam, anh hành nghề bác sĩ, vợ anh là dược sĩ. Hai vợ chồng hiện nay đang làm công nhân cho một chợ tạp hóa Mỹ. Ngày ngày sắp xếp rau cải, trái cây lên quầy, phun tưới nước, dọn dẹp bên trong, bên ngoài. Anh chị có hai đứa con đang học trung học. Nhiều bạn bè rủ anh chị về California để học thi, trở lại nghề cũ, nhưng anh cảm thấy tạm bằng lòng với

đời sống hiện tại và tìm được an bình trong đời sống đơn giản nơi đây, không muốn đi đâu cả. Vã lại, anh chị không muốn làm xáo trộn việc học hành của con cái. Anh cũng từng đi tù. Cũng từng trở lại nghề cũ, nhưng chán ngấy với những gò bó, ép buộc. Anh đã bỏ nghề, theo vợ chạy ngược xuôi chợ trời buôn bán thuốc tây, áo quần cũ, đồng hồ, máy móc. Vất vả lén lút chạy quanh chợ trời, mà anh thấy vui và thoải mái hơn là đến nhà thương nghe chỉ thị, học tập, đường lối, chính sách. Anh đi vượt biển không tốn tiền, vì được mời làm bác sĩ cho chuyến tàu hơn hai trăm người, trên tàu có những gia đình giàu có, họ cần bác sĩ để phòng khi bất trắc. Nhưng ra biển, anh say sóng nằm dài. Cả thuyền cũng không ai chăm sóc được ai. Gia đình anh được một họ đạo bảo trợ về thành phố nhỏ hui quanh này. Anh có ý định, viết một tập hồi ký, gọi là lịch sử dân gian. Anh sẽ không viết về những trận đánh, những hiệp ước, những chính quyền. Mà chỉ viết lại trung thực về đời sống trong dân gian của một giai đoạn khổ đau trong lịch sử. Viết với sự bình tĩnh, khách quan, không để tình cảm thương ghét, căm giận xem vào sự kiện. Anh sợ người đời sau quên, con cháu quên, rồi lại dẫm lên vết xe đổ cũ. Anh sợ những bóp méo lịch sử làm sai lệch sự thực, đời sau không ai còn biết đến những điều kỳ lạ đã xảy ra trong xã hội của thời đại qua. Và nếu không ai viết, thì đời sau làm sao còn có những tài liệu để truy tìm sự thực.

Trong đám đồng hương, người rầu rĩ ít nói nhất là ông Nguyễn. Vợ và bảy đứa con nhỏ của ông đã chết trên biển. Ông cười mà cái miệng méo xệch như đang

khóc và tiếng cười nghẹn trong cổ họng càng giống tiếng khóc hơn. Ông may mắn sống trong thành phố có đến ba gia đình Việt Nam. Thịnh thoảng họ ghé thăm nhau cũng đỡ buồn. Có người nói, ông đang dự tính dời nhà về vùng Hoa Thịnh Đốn, nhưng nghe nói mãi mà chưa thấy ông ra đi. Thịnh thoảng, ông được chị Hòa cho mượn mấy tờ báo Việt Nam đọc, ông quý và trân trọng giữ gìn cẩn thận. Chị Hòa tốt nghiệp kỹ sư hóa học, qua Mỹ từ hồi 1975, được hãng Du Pont thuê, và đang làm việc cho một nhà máy biến chế hóa học trong vùng. Chị là một trong ba gia đình Việt Nam của thành phố mà ông Dương đang ở. Bố mẹ chị thịnh thoảng gửi sách báo Việt nam cho chị đọc, như một món ăn tinh thần. Chị thường than, là nếu làm việc mãi nơi đây, thì làm sao mà có chồng được. Tuổi tác chị cũng đã trên dưới ba mươi rồi.

Đúng mười một giờ, cụ Trần, người lớn tuổi và chững chạc nhất, dâng hương lên bàn thờ tổ quốc. Cụ thấp hương và vái ba lạy về hương Tây Nam, nơi mà cụ nghĩ là quê hương Việt Nam nằm về phía đó. Anh Sáu Nạc, bắt nhịp, cùng tất cả đồng hương hát quốc ca Việt Nam. Lần đầu tiên nghe lại bản quốc ca sau nhiều năm dài, trái tim tôi nhói lại, lòng xúc cảm dạt dào. Nhiều người không cầm được lòng, để nước mắt chảy xuống hai dòng tràn trề trên má. Nhiều bà thút thít khóc, vừa khóc vừa hát. Khi hát xong, bà cụ anh Hy hỏi nhỏ:

–“Sao không ca cải lương cho vui, mà ca cái bài gì lạ hoắc, làm nhiều người buồn khóc?”

–“Đây là bài quốc ca”, vợ anh Hy nói nhỏ.

Bà cụ nói lại với giọng miền Nam run run:

–“Uất ca! Uất chết được đi chớ. Đang sống yên lành, họ từ ngoài Bắc vô, cấm đủ điều, cấm buôn bán, cấm làm ăn, ngăn sông cấm chợ, xô người ta ra biển, bỏ cả mồ mà cha ông mà chạy. Phải rồi, hát 'uất ca' là đúng”

Sau bản quốc ca, là một phút mặc niệm cho những đồng bào đã bỏ mình trên biển khơi khi đi tìm tự do. Vừa nghe xong, thì ông thì ông Nguyễn, người có vợ con chết biển, úp hai tay vào mặt và chạy mau ra khỏi hội trường. Anh Sáu Nặng vội vã đuổi theo ông Nguyễn.

Sau nghi thức, mọi người nhập tiệc. Tôi hơi ngượng khi nghe có bà nào đó nói:

–“Bánh chưng ngon tuyệt. Ai nấu bánh chưng đây? Ngồi canh lửa nấu bánh ngày tết thật là vui. Ở đây mình mất cái thú đó rồi”

–“Bánh này hơi cứng. Hay là vì trời lạnh làm bánh khô, ăn như ăn cơm nếp”

Vợ tôi nói:

–“Bánh này do ông xã em nấu đó. Ông nấu một...”

Tôi vội vã đá vào chân vợ tôi dưới gầm bàn, và nói mau, nhỏ nhỏ:

–“Thôi, em đừng nói thật làm bà con mất vui. Cứ để họ thưởng thức cái hương vị bánh chưng của họ trong quá khứ. Bật mí ra làm chi”

Mấy người mang tô nhựa đến nồi phở đứng chờ thành hàng dài. Chị chủ nhân nồi phở hớn hờ trưng lại bánh phở, múc nước lèo, gấp thịt thái sẵn, bỏ hành ngò,

mùi phở thơm tho bốc lên trong cái hội trường đóng kín.

–“Ngon không thua gì phở Pasteur. Cho em thêm cái hành trần đi. Trời lạnh, ăn phở nóng là lên thấu thiên đàng”

Mấy người khác, đưa tô cho chị người Huế múc bún bò. Trên mặt nồi bún bò, nước ớt màu đỏ lờm đọng váng. Một anh nói:

–“ Bún bò có cả giò heo nữa, thiệt là đúng điệu. Chị cho thật nhiều nước cay vào. Không cay, thì bún bò mất đi một phần ngon. Bún bò mà không cay, thì cũng như đàn bà con gái không trang điểm nhan sắc. Vừa ăn vừa khóc cũng không sao”

Dù cho bánh phở và bún được biến chế từ các loại mì dẹp và mì sợi của Ý, thứ mà người Mỹ gọi là pasta và spaghetti, nhưng mọi người đều tận tình thưởng thức, hết lời khen các chị nấu ngon, có tài xoay xở trong hoàn cảnh khó khăn.

Lúc quá trưa, thì có hai xe của các gia đình Mỹ bảo trợ đến chung vui. Trời bão tuyết, mà họ cũng lặn lội đến ủng hộ tinh thần, mới thấy tấm lòng tử tế của họ. Hai ông bà Mỹ già trên dưới sáu mươi, và hai vợ chồng trẻ khác.

Tôi hỏi chị Hoa:

–“Bà bảo trợ của chị phải không? Thật là quý hóa. Bà tên gì để tôi ra chào?”

Chị Hoa đỏ mặt nói lí nhí:

–“Tên kỳ lắm, khó nghe, nói ra mắc cỡ cái miệng. Bà A-Địch đó (Adith). Lần đầu tiên nghe tên bà, em cười đến đau cả ruột”

Tôi cười và nhớ đến câu “Ăn thích dịch, ngựa địch, dịch thơm mùi mít” (Ăn thịt vịt, ngựa đít, địt thơm mùi mít) của mấy ông bạn ngày xưa hay trêu ghẹo nhau.

Hai cặp vợ chồng người Mỹ bảo trợ, được bà con tiếp đãi ân cần. Họ là đại diện cho những ân nhân, cho nhà thờ, đã mở rộng vòng tay nhân ái, vòng tay tình thương, tiếp đón những con người trôi sông lạc chợ, gạt nước mắt lia bỏ quê hương ra đi đến phương trời vô định, tương lai vô định. Các ông bà bảo trợ ăn thử từng món, món nào cũng khen ngon, cũng hít hà rồi rít. Không biết họ có khen thiệt tình, hay chỉ khen vì tội nghiệp cho cái đám người tị nạn nhếch nhác lồi thối ngơ ngác đó. Khi ăn một miếng bánh da lợn, bà Mỹ già hỏi:

–“Bánh gì đây?”

Vì vốn liếng Anh ngữ còn loạng quạng, một anh trả lời bằng cách dịch từng chữ của bánh da lợn ra tiếng Anh:

–“Pig skin cake” (Bánh da heo)

Bà Mỹ già quát lên:

–“Cái gì? Da heo?”

–“Đúng”

Bà Mỹ già như nghẹn trong họng với miếng bánh đang ăn. Bà ngậm miệng lại, vờ vẻ mặt bối rối, như muốn nhổ ra, mà vì lịch sự không dám nhổ ngay. Bà Mỹ trẻ thì rùn hai vai lại, há miệng thè lưỡi ra sợ hãi. Hai ông chồng thì cười hóm hỉnh. Sau đó mấy ông bà Mỹ được mời ăn món phở, mỗi người một tô nhỏ. Các ông bà khen ngon, và hỏi cách nấu phở ra làm sao. Tội nghiệp chị Hương, mệт phờ, đở mỏ hôi hột, dùng tay chân, và cái vốn Anh ngữ đơn sơ của chị để

dạy mấy bà Mỹ nấu phở. Có lẽ hai bà Mỹ cũng không hiểu chị muốn nói gì, nhưng cũng gật đầu vui vẻ như sẽ nấu được phở ngay. Chị người Huế ngồi bên nồi bún bò thấy phở được khen rồi rít, chị kêu tôi mời mấy ông bà Mỹ ăn bún bò. Tôi chào và kéo mấy ông bà qua nồi bún bò, nói:

–“Món này cũng ngon đặc biệt, phát xuất từ cố đô Huế của chúng tôi, nơi vua chúa ngự trị mấy trăm năm”.

Chị nấu bún bò vui cười, sung sướng, tôi dặn chị cho ít ít nước cay mà thôi. Chị nói rằng, trời lạnh mà ăn bún bò giò heo này, thì phải nhớ một đời. Chị lựa mấy cái giò heo vừa dài, vừa lớn bỏ vào từng tô. Tôi đưa ra mời, mấy ông bà Mỹ vui cười, mỗi người cầm một tô. Chưa ăn thì bà Mỹ trẻ chỉ vào cái chân giò, có lông lún phún hỏi:

–“Cái gì đây?”

Tôi chưa kịp đáp, thì anh Sáu Nạc đã nói lớn, dịch chữ móng giò heo ra là “nail leg pig”. Hai bà Mỹ tròn mắt cùng thét lên:

–“Móng chân heo?”

–“Vâng, ngon lắm, ăn đi!”

–“Không không, chúng tôi no lắm rồi, không ăn thêm được đâu”

Ông Mỹ già lịch sự nói. Cả bốn người đều đặt những tô bún bò xuống bàn. Mặt mày họ lộ vẻ khiếp đảm. Sau đó, họ không dám ăn thêm một món nào nữa. Chị nấu bún bò người Huế ngơ ngác mở to mắt hỏi tôi. Tôi giải thích cho chị rằng, có lẽ họ chưa quen ăn móng giò heo nên sợ. Chị chép miệng, tiếc mấy người

khách kia chưa kịp ném thử bún bò mà đã từ chối không ăn.

Mấy chị tụ họp kể chuyện xưa bên nhà, những kỷ niệm vui, những ngày Tết, những loại cây trái, bánh mứt. Rồi kể đến một thời khó khăn trong xã hội mới, những cơ cực phải chịu, những gian nan khi liêu thân ra biển. Một chị rưng rưng nước mắt khóc, nói rằng không biết giờ này cha mẹ bên Việt Nam đang làm gì. Nước mắt của chị như làm mờ cho những chị khác. Một chị cũng méo miệng khóc thút thít, rồi khóc to thành tiếng, nhiều chị khác không cầm được lòng, khóc theo. Tiếng khóc vang như có đám ma. Một người đàn ông cũng đỏ hoe con mắt. Anh Sáu Nạc run run nói: -“Lạ chưa? Việc chi mà khóc! Có tự do, có cơm áo hạnh phúc rồi, sao còn khóc?”

Nói mạnh mẽ, nhưng tròng mắt anh cũng nhạt nhòa ướt. Anh lấy khăn giấy lau mắt, và cắn môi lại cho khỏi khóc thành tiếng.

Mấy ông bà Mỹ bảo trợ, ngạc nhiên bắn khoăn hỏi tôi có chuyện gì xảy ra? Tôi đáp gọn:

-“Họ khóc vì thương nhớ quê hương”

Bà A-Địch nói nhỏ:

-“Hình như các người trăm cay ngàn đắng mới trốn thoát ra khỏi quê hương. Sao còn thương nhớ mà khóc lóc đến thế?”.

Tôi muốn trả lời với bà rằng, bà không là người mất quê hương, làm sao hiểu được tấm lòng chúng tôi, nhưng tôi sợ mắt lòng không dám nói ra.



TRÀM CÀ MAU

(Trích từ tập truyện “RONG CHƠI NGÀY THÁNG” của Tràm Cà Mau)

Ngày Xuân Hoa Lá

(Ngũ độ thanh, thủ nhất tự)

Tết lại về bên những cỏ cây
Trong nhà rục rờ Cúc vàng lay
Trâm Hương gỗ đỏ cảnh chưa rụng
Thạch Thảo hoa mềm cánh đã bay
Trộm nhớ Anh Đào sao tỏ rõ
Thầm thương Cẩm Chương ngại phôi bày
Tình sâu nghĩa nặng luôn bền bỉ
Thắt chặt nhau vào mãi chẳng thay.

Y Thi Võ Phú



MAI, TUYẾT VÀ MÙA XUÂN

lạnh lùng tét giữa trời tây
ai đem bông tuyết rắc đầy lối xuân
chẳng mai vàng nở trước sân
người đi hái lộc ngại ngần cành trơ

lò hương khói tỏa vật vờ
dấu xưa giờ đã cách xa vạn trùng
quê người xuân giữa ngày đông
ai thêm son phấn cho lòng quạnh hiu

ừ thì xuân cũng dập diu
còn mai đậm tuyết trắng
chiều vắng vương
tuyết đây ngập trắng nẻo đường
mai vàng xưa, nỗi nhớ rưng mắt người

cánh chim khăn giọng cuối trời
ý xuân dường cũng rã rời tái tê.



Nguyễn Vô Cùng (1954-2021)

LỤC BÁT NGÀY XUÂN

Ngày Xuân bên áo lụa hồng
Em về chợt nhớ hừng đông hoa quỳ
Chiều tàn nhẹ gót chân đi
Sạch mùi cay đắng,
nghe thì thầm hương.

Mai vàng rực rỡ đơm hoa
Nụ cười bát nhã đang là búp sen
Trăng nghiêng trải bóng bên rèm
Chữ tâm, chữ nhẫn từ phen luân hồi.

Ai người đã dệt vần thơ
Gió Xuân vừa mới tới bờ nguyệt minh
Chân chồn, dừng bước đặng trình
Tiếng chuông chùa gọi,
tự mình thiện tâm

Giọt sương lấp lánh tơ trời
Xuân đi còn lại nửa đời u minh
Muôn trùng là cõi tâm kinh
Hư không rồi cũng như hình bóng trôi

Đêm Xuân ủ mộng quỳnh hương
Có còn hay mất diệu thường xót xa
Nàng Xuân phơi phới ngọc ngà
Đời người một thoáng... rồi ra bụi trần.



Bùi Thanh Tiên (1943-2020)

CẢNH THIỆP ĐẦU XUÂN

** Võ Hồng **

Buổi sáng hôm nay tôi đến trường với một niềm vui lớn. Những cơn mưa dai dẳng mùa Đông đã nhường chỗ cho ánh sáng rực rỡ màu vàng. Bầu trời như được rửa sạch và không khí như cũng nhẹ hơn, trong trẻo hơn.

Tôi bước vào lớp. Nhiều bạn châu đầu vào nhau nói chuyện thì thầm và chuyền tay cho nhau xem những tấm thiệp chúc Tết. Ở lúc này ở nhà đưa tay xé lịch, tôi đã băng khuâng khi chợt thấy rằng hôm nay đã mười hai tháng Chạp rồi. Tháng Chạp là mùa của thiệp chúc Tết, của những "Cung chúc Tân Xuân", của những "Bonne Année"... "Happy New Year".

Thầy Duật dạy Sử Địa bước vào lớp. Thầy đứng dừng lại bàn đầu, cầm lên một tấm thiệp có in một bó hoa hồng đỏ. Tuyệt liến thoáng liền:

- Thiệp chúc Tết đó Thầy. Thầy thấy có đẹp không?

Thầy gật đầu.

- Thiệp nội hóa đó. Thầy coi cái này mới ác hơn.

Vừa nói, Quỳnh Nga vừa nhanh tay nhón cầm một tấm giơ lên tận mắt thầy.

- Cái thiệp chúc Tết này của Mỹ đó.

- In tận bên Mỹ thì cố nhiên là phải ác, phải đẹp hơn bên mình. - Thầy nói.

Rồi hỏi:

- Bao nhiêu một tấm vậy?

- Dạ tám mươi đồng

Thầy cầm lên một tấm thiệp vẽ hình một thiếu nữ Việt Nam mặc áo dài. Nét vẽ đơn sơ và màu sắc tươi mát. Một tấm thiệp khác vẽ một cành hoa lan, lá lan kéo dài ra, vươn lên cao, chao qua chao lại.

Những năm gần đây tôi biết rằng có một số nam sinh đệ Nhị, đệ Nhất, đến gần ngày Nô-en và ngày Tết, chịu khó mua giấy bìa cứng về pha màu ngồi vẽ những cánh hoa nhiều màu như vậy rồi đem đếm xỉ nơi các tiệm sách. Họ dùng bàn tay, đôi mắt và khối óc để giành lại quyền lợi, - một chút nào thôi, - bấy lâu nay vẫn nằm trọn trong vòng thao túng của các nhà in Chợ Lớn.

Thầy lại hỏi:

- Một tấm thiệp vẽ như thế này giá bao nhiêu?

- Dạ bốn chục.

Cuộc nói chuyện ngắn ngủi vừa tạm đủ để đợi những học sinh đi trễ. Khi các chỗ trống đã có người ngồi lấp đủ, thầy bắt đầu bài học.

Vào giờ ra chơi, thầy cho các học sinh xếp vở sách lại nhưng mời họ ngồi lại trong lớp thay vì để họ tản mát ra sân trường. Thầy nói:

- Trao tặng thiệp chúc Tết chúc Xuân là một phương tiện tỏ cảm tình với bạn bè, với người quen, một phương thức tốt của một xã hội văn minh. Thế nhưng tôi biết rằng trong số các chị em ngồi trước

mặt tôi đây chỉ có một số ít mua thiệp và
gởi thiệp.

Thầy dừng lại một chút.

- Những người đó đều có nhiều tiền, do
đó họ có nhiều bạn. Những người nghèo
hơn thường cô đơn giữa bạn bè và mỗi
lần thấy bạn họ tíu tít giữa những tấm
thiệp tấm hình, dán tem lên phong bì,
viết địa chỉ lên phong bì... thì họ càng
cảm thấy lẻ loi cô đơn hơn. Luôn luôn có
một hố chia rẽ vô hình giữa những
người may mắn và những người kém
may mắn. Cái hố đó càng ngày càng
được xã hội khơi rộng ra và học đường
cũng vô tình tích cực góp phần đào xới.

Thầy tăng háng rồi nói tiếp:

- Năm nay tôi muốn tắt cả các chị em ai
cũng gởi thiệp và nhận thiệp.

Có tiếng nói vút lên từ mấy bàn chót:

- Đắt lắm, thầy. Bọn em không có tiền.

Nhiều tiếng xì xào. Thầy lắc đầu:

- Tôi không bắt mọi người phải mua một
tấm thiệp thật đắt.

- Rẻ nhất cũng phải hai mươi đồng. - Có
tiếng nói.

- Cả ngay mười đồng cũng khỏi phải
mua, - Thầy ngắt lời.

- Chúng ta dùng một phương thức khác.
Trước khi trình bày; tôi xin hỏi: "Chị em
có học luật thơ không?"

- Luật thơ là gì, thưa thầy? - Thanh hỏi.

- Luật thơ Lục bát.

Bích trả lời liền:

- Dạ thuộc.

- Còn Thất ngôn bát cú Đường luật?

Minh Nguyệt:

- Năm đệ Ngũ có học qua nhưng con
quên. Năm đệ Ngũ cũng có học luật
Song thất lục bát nữa.

Nguyễn thị Tiến, Mơ, Ánh, Huyền cùng
ồ lên một lượt:

- Quên hết trời rồi thầy.

Thầy vẫy tay bảo im.

- Rồi tôi sẽ giảng lại cho các chị em áp
dụng. Cứ yên tâm.

Thầy lại bẻng đen giảng sơ qua về thanh
bằng, thanh trắc rồi thầy đọc một lô tên
học sinh để họ phân biệt xem tên nào
thuộc thanh bằng, tên nào thuộc thanh
trắc. Tiếp theo, thầy tập cho họ hiệp vần.
Công việc này dễ dàng vì ai cũng có kinh
nghiệm khi học cổ văn. Cuối cùng thầy
vừa ghi vừa giảng luật thơ Lục bát thất
ngôn bát cú đường luật, rồi bắt họ chép
vào vở.

- Hãy tạm dùng hai luật thơ đó. Người
nào thành thạo thì cứ tự tiện làm thơ
mới, song thất lục bát hay tự do, tùy ý.

Bạch Vân:

- Còn đầu đề bài thơ?

- Cũng lại tùy ý. Muốn làm đề gì cũng
được. Có thể là tả cảnh, là vịnh sử, là
trào phúng, là chúc Tết, là tự trào. Ừ, tại
sao không làm như ông Nguyễn
Khuyến? Các chị em có thể làm thơ tự
vịnh, tự trào, vẽ lại khuôn mặt và cá tính
của mình để cười chơi. Chẳng hạn:

Thân tôi vừa béo lại vừa lùn

Da mặt đen sì, tóc lại... lại... lại...

Lý giờ một ngón tay vừa đứng dậy, hấp tấp nói ngay như sợ bị ai cướp mất:

-... *tóc lại cột dây thun.*

Cả lớp cười rộ lên, cười ngặt nghẽo và tôi cũng không thể nín cười được. Lê, Trần thị Phái, Hiếu, An thì thích quá, ôm chầm lấy nhau.

- Không được... Không được, - Thầy nói:
- Câu thất ngôn gì lại dài đến tám chữ?

Khải ngồi ở đầu cạnh bàn tôi, lộ vẻ sốt ruột, hỏi:

- Mỗi người làm mấy câu thơ như vậy, thầy?

- Cũng lại tùy. Nhưng ít nhất cũng phải bốn câu, nếu mà làm bốn câu thì gọi là Tứ tuyệt. Thơ Lục bát thì dài bao nhiêu cũng được nhưng tôi khuyên đừng làm dài quá, tốn công chép, phí thì giờ mà ý tứ cũng loãng đi.

- Làm xong bài thơ rồi đem nộp thầy chấm hả? - lời của Thu Hương.

- Nộp cho tôi kiểm duyệt lại, sửa chữa đôi chỗ quá vụng chớ không chấm. Tôi sẽ trả lại cho mỗi người và mỗi người sẽ chép làm bốn mươi bản.

Tiếng xì xỏ vang lên khắp lớp đồng loạt; nhao nhao, không còn phân biệt được là của ai. Thầy vẫn bình tĩnh như đã đoán trước phản ứng nên không lúng túng, không ngạc nhiên mà chỉ đợi cho cơn ào ạt qua đi. Loan cố nói to lên, át giọng ồn ào:

- Thầy bắt chép nhiều quá vậy thì chép sao cho nổi?

- Ngó vậy chớ không nhiều đâu. Nếu em làm bài Tứ tuyệt mà chép bốn mươi bản thì tổng cộng có 160 câu mà thôi. Ở bên

lớp đệ Tứ Ba tôi thấy thầy Trạch vẫn bắt phạt học sinh chép 200 lần câu "Tôi không lén nhảy qua cửa sổ và không lén giấu khăn lau bảng nữa". Chép 200 câu như vậy thì cũng bằng chép tới 400 câu Lục bát.

- Dạ phải... dạ phải... - Ngọc Mai, Vinh, Thanh Thủy cùng nói.

- Mỗi bài như vậy, chép lên trên nửa tờ sơ-luya. Nên mua giấy màu cho đẹp. Để chép bốn mươi bài thì chỉ cần hai mươi tờ, giá dưới mười đồng. Nhà em nào có máy đánh chữ thì cứ đánh máy. Các em lấy bút chì màu vẽ vờ tô điểm cho trang thơ của mình thêm đẹp. Cuối bài thơ nhớ đề tên mình và địa chỉ của mình để sau này lớn lên bạn mình có thể tìm đến thăm. Có thể đề thêm biệt hiệu, bút hiệu.

Soa cười:

- Em lấy biệt hiệu là Hồng Thụy.

- Còn em là Thân Thương, - Trúc chồm tới hét.

Thầy gật đầu:

- Điều đó không thiệt hại cho ai hết. Cứ tha hồ chọn.

Đoan Hạnh hỏi:

- Nhưng chép ra chi đến những bốn mươi bản vậy thầy?

- Tôi sắp giải thích. Chừng khoảng hai mươi tháng Chạp, mọi người đi học mang theo những bài thơ của mình, tới lớp sẽ trao đổi cho nhau. Chẳng hạn Thu Hà sẽ trao bài thơ của mình cho Ngọc. Ngọc nhận và trao lại một bản của Ngọc cho Thu Hà. Tiếp theo, Thu Hà lại trao một bản cho Cường và Cường cũng lại vừa nhận một bản của bạn vừa mới trao,

một bản của mình. Cứ như vậy cho đến hết lớp. Mỗi người mang đi bốn mươi bản và cuối cùng sẽ nhận lại đúng bốn mươi bản, mang đủ bút tích, tên họ, địa chỉ và tâm tình của bạn mình. Sau đó mỗi người sẽ tự đóng lại, dán một cái bìa thật dày vào rồi tùy ý đặt một cái tên cho tập thơ lưu niệm đó.

Trần Thị Minh:

- Em sẽ đặt tên là "Lưu bút ngày xanh".

Thương xì lên một tiếng:

- "Lưu bút ngày xanh"!, quê một cục. Lúc nào cũng "Ngày xanh" với "Mầm non"! Em đặt tên là "Những dòng lưu niệm".

Tuyết Hồng ngồi ở ghế gần cửa sổ gào to:

- Đặt tên "Khuôn mặt Tứ Mộ" đi thầy.

Thầy lại gật đầu:

- Ai muốn đặt tên gì thì cứ tùy tiện. Quê một cục cũng được, quê hai cục cũng không sao...

Hạnh lên tiếng thúc dục:

- Vậy làm đi thầy. Làm mau đi thầy.

Nhiều tiếng cùng la lên một lượt:

- Không ai phản đối đâu thầy. Làm vậy hay đó thầy.

Mọi người chấp nhận sáng kiến của thầy và ai cũng tỏ ra háng hái bắt tay vào việc. Thầy giao hẹn một tuần, mỗi người nạp bài thơ của mình cho thầy duyệt lại. Thầy sẽ đọc một loạt, sửa chữa chút ít rồi phát trả lại để họ kẹp "lên khuôn".

Ngày Hăm Ba tháng Chạp không khí Tết nhất đã có vẻ tưng bừng bởi cái lệ Ông Táo châu Trời. Chẳng còn mấy nhà nhớ

mua áo mua hia giày bằng giấy để cúng đưa ông Táo, chẳng còn ai mua cá chép để làm phương tiện giao thông cho ông Táo cỡi về châu Trời, nhưng câu "Hăm Ba ông Táo châu Trời" thì dường như không ai là không nhớ, không ai là không nói lên, ít nhất là một lần. Và rõ ràng ngày Hăm Ba tháng Chạp tôi cảm thấy như bước chân đầu tiên của mùa Xuân đang lững thững đi đến. Ngày đó học sinh mang thơ của mình đến lớp để trao đổi. Tôi cảm động khi thấy bàn tay nào cũng nâng niu những xấp giấy ơ-luya nhiều màu. Thầy sắp đặt cho cuộc trao đổi được diễn ra có trật tự bằng cách gọi tên từng bản. Thầy bắt một học sinh đi kèm theo "cô dâu" và thầy giải thích:

- Người đi kèm theo đóng vai phù dâu. Hễ "cô dâu" trao quà cho "chú rể" thì chú rể phải trao quà lại. Cô phù dâu nhận giùm quà đó. Nếu để một mình cô dâu vừa trao vừa nhận thì một lát cô sẽ sắp lộn tứ tung hết, và những tờ giấy nhăn nheo gãy nếp hết.

Công việc trao đổi được tiến hành trong sự tươi vui háo hức. Sau mười phút thì xong. Người nào cũng vội vàng mê mải đọc những trang thơ nhiều màu thuộc quyền sở hữu của mình. Nụ cười nở trên mọi làn môi và ánh mắt rục rờ. Nhiều người đọc nhỏ không chịu được phải ngậm oang oang lên. Và phải kéo người bạn ngồi cạnh bắt nhìn sang, bắt đồng ý với mình.

Thầy cũng có được một tập thơ như vậy vì thầy đã dặn trước mỗi người nhớ biên thêm một tờ dành cho phần thầy. Thầy cũng vui gần như họ. Nội dung các bài thơ thì thầy đã đọc qua rồi nên thầy có vẻ lưu ý đến những nét vẽ, đến màu sắc.

Tôi xúc động nâng niu tập thơ phần tôi.
Tôi nhẹ lật từng tờ. Thật là đủ kiểu, từ
nét vẽ chân phương hai con chim đậu
kề nhau đến cành hoa mai, đến những
hình lập thể kỳ dị.

Ngồi ở bàn thứ hai, Hoàng Anh đọc
chậm rãi từng tiếng, lọt vào tai tôi:

*Để kỷ niệm, tôi viết dòng lưu bút
Tặng bạn hiền nhân dịp đón Xuân sang*

Khác với những lời mơn trong "Cung
Chúc..." Đây: những câu Đệ Tứ Một
ngang tàng:

*Ngày Mừng Một, tao chúc mày dzui dzẻ
Qua mừng Hai thì mạnh căng, gãy tay
...*

Hoàng Anh không đọc hết bài đã cười rũ
ra như có ai cù vào nách.

Tôi quay lại hỏi:

- Thơ của ai vậy?

- Của Lê Thị Hồng.

Vừa sắp quay về, Huệ đã chìa cho tôi
xem một bài thơ chép trên pơ-luya vàng
vừa nói:

- Bài thơ này nghe được chớ mày?

Tôi nhìn xuống tên: Trương Kiều Nhựt
Đầu đề: Biển vắng.

*Nghiêng nghiêng bãi cát hai hàng
Vi vu dương liễu, ngút ngàn dừa xanh
Đã tràng nhìn biển vắng tanh
Sóng tung cao chỉ vỗ quanh mép bờ.*

Tiện tay tôi lật một trang khác viết trên
một giấy hồng. Tác giả than thở vì mình
làm thơ không được mà bị thầy bắt làm
thơ nên có câu:

*Trời! Trời! Thơ khó làm sao!
Đặt đi, sửa lại, câu nào cũng què
Bạn ơi xin bạn đừng chê
Vi tôi tự thuở mô tê đã xoàng.*

Tuy nhiên, sau một chữ ký bay bướm,
để giới thiệu địa chỉ của mình, tác giả lại
chơi sang làm luôn hai câu lục bát:

*Bao giờ bạn muốn tìm tôi
Xin theo địa chỉ dưới thời gặp ngay*

Mai Ngọc Lang

17 Huỳnh Thúc Kháng Nha Trang.

Ngọc Anh kéo tay tôi lại:

- Bài thơ này của Tịnh Thủy. Không có
đề.

- Tay ấy viết gì trong đó?

- Đây:

*Thương con sông nhỏ xuôi nguồn
Độc hành suốt kiếp, nẻo buồn về đây
Mang thân lũ thứ lưu đày
Lang thang cô độc ăn mày tình thương*

Tôi chưa kịp có ý kiến thì Cẩm Lệ chìa
cho tôi một bài thơ của Man Tân Tân:

*Này ông Công Chánh, hời ông ơi!
Đường sá dơ ghê, dơ gớm thối.
Nặng: bụi. Mưa: bùn. Gà lót ổ!
Tiếng than vang tận đến ông Trời.*

Thật rõ là bốn mươi con người có bốn
mười tâm trạng. Người thì "Ngày Xuân
nhớ mẹ", người thì "Viếng Tháp Bà",
người tả "Hoàng hôn", người thương
"Hoa rụng", người than thở "Chiến
tranh"...

*Rừng già bao phủ màu xanh
Tương lai huyền ảo. Hiện sinh mơ màng*

Đinh thị Phương thì thao thức vì nỗi nước:

*Từ ngày đất nước vạn binh đao
Giác ngủ ngày xưa tìm thấy đâu?
Tiếng súng hàng đêm vang vọng lại
Giật mình tỉnh giấc, ngỡ chiêm bao.*

Nhưng dễ thương nhất là những bài thơ ngắn mô tả những sinh hoạt ở lớp. Nó cho tôi yên tâm rằng những dòng chữ đó bảo đảm là của người ký tên ở dưới bài. Chẳng hạn bài của Nguyệt Thu thì không thể nói là "chịu ảnh hưởng" của một bài thơ nào của ai hết:

*Chiều nay bát phở thấy thầy tôi
Nhớ đến bài thơ... chết bố rồi!
Biết viết gì đây, mai để nộp
Đành ngồi hí hoáy mấy vần thôi*

Hoặc là giọng cao bồi của Minh Hoàng:
*Thương bạn thì tao rất thương
Nhưng bài xướng họa, tao như rồng tụi bay.*

*Lưu bút thì tao nhận ngay
Còn thơ lục bát, tụi mày làm luôn.*

Bài thơ dài nhất của Lê Thị Tâm, tới 18 câu, tả "Nắng hạ". Đã vậy mà còn ngựa tay thêm bốn câu đề tặng thầy:

*Chân thành con kính tặng thầy
Để làm kỷ niệm sau này nhớ con
Hai mươi năm nữa vẫn còn
Thầy ngồi đọc lại, cười ngon một tràng*

Tôi không thể đọc hết mọi bài thơ vào giờ này. Tôi phải đợi một dịp khác thông thả và tôi biết là khi đọc lại, đọc kỹ, tôi sẽ gặp những ý ngộ nghĩnh, những ý thâm thúy bất ngờ bên cạnh những câu còn vụng về, những chữ hiệp vần sai. Nhưng có hề chi Không ai bắt buộc cái đẹp phải toàn bích và đây là một bó hoa

có cả lá cả nụ. Hơn nữa, đây là một khu vườn có cây ra hoa, có cây toàn lá, có cả những tảng đá, những lối cỏ, những đường mòn.

Tôi nhìn quanh một lượt những bạn của tôi, có người ăn mặc xoàng xĩnh, ngày thường vốn cô độc, ít nói ít cười, luôn luôn mang cái mặc cảm thua sút, thua sút về nhan sắc, về tiền bạc, về gia thế. Họ khép nép e sợ mỗi lần thầy kêu lên bạn bè. Từ nhỏ đến lớn chắc chưa hề nhận được một cái thiệp chúc Tết của bạn và cũng chưa bao giờ gởi một cái thiệp chúc Tết cho ai. Những cái ốc đảo hoang vu đó chắc không thể ngờ rằng hôm nay chính tay mình nhận được từ bốn mươi bàn tay bằng hữu những trang thơ vẽ vời xinh đẹp và bằng hữu cũng lại trân trọng nhận từ tay mình những lời thơ vụng về non nớt của chính mình.

Những cảm tình gói ghém trong thơ được trao nhận đồng thời không phân biệt người giàu kẻ nghèo, người đẹp kẻ thô vụng, những trang thơ đó sẽ được chúng tôi trân trọng giữ mãi cho đến năm năm, mười năm, hai mươi năm sau.



Võ Hồng

ANH VỀ ĐÂY

Anh đã về
Sau hơn ba mươi năm xa quê
Mẹ vắng bóng, con đường xưa mắt hút
Cô bé xóm Kên
Mắt mờ tóc bạc
Chuyện chúng mình
Nhớ nhớ quên quên

Anh đã về
Con đường cũ thay tên
Cầm tay em
Như ngày xưa hò hẹn
Bàn tay run
Thuở ấy vì tình bây giờ vì lạnh
Nắng hoàng hôn
không ấm nổi sương chiều

Quê hương mình
Mẹ và em
Đều thay đổi quá nhiều
Duy chỉ có
Chiếc loa đầu đường
Thì vẫn thế
Sau gần bốn mươi năm
Loa loa loa; mồm loa mép dải
Vẫn phát hoài
Tiếng nói Việt Nam
Dân chủ, Tự do
Chỉ nói không làm

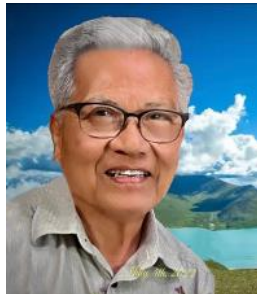
Anh đã về
Như cây gỗ gió xoang trầm
Chút võ vẽ những mảnh trời khai phóng

Em nghe anh...
Mỉm cười trông ngóng:
Làm được gì

ngoài bán mộng tay không
Dân chủ - Tự do
Đả đảo hoan hô
Hàng quốc cấm
Chỉ được nhìn ngắm
Không được sờ, không được đụng
Giờ nón chào ca tụng băng quơ
Muốn độc lập
Phải có tự do
Muốn tự do
Phải có dân chủ
Muốn dân chủ
Phải hóa sinh thân xác cũ
Chờ bao năm
Xác ướp có linh hồn

Anh về đây em
Đường tự tình quê hương yêu dấu
Chí lớn mang về chẳng từ Mỹ từ Âu
Trong tim em
Khát vọng dấy từ lâu
Như giông bão
Đang nằm sâu trong đất

Chờ đợi bao năm nên em cúi mặt
Ngước lên nhìn!
Triệu ánh mắt:
Tìm nhau
Đừng đợi mãi bên cầu



TRẦN KIÊM ĐOÀN

HERE I HAVE COME BACK

Back here I have come
After over thirty years home away from.
Mom absent, the old way lost in the whirl.
The once Ken Hamlet girl
With dim eyes and grey hair,
About her personal affair
Remembered and forgot in confusion.

Back here I have come. No illusion.
The former street has changed its name.
I held your hands all the same
Like I did those days we were on a date;
Your hands shook blate
In the past by love but now by cold, true,
The setting sun couldn't warm the dusk
dew.

Our fatherland land:
Have had too many changes to stand
Mother and sister.
Except that the blister
The street corner's loud speaker
Is the same as always a squeaker.
After nearly forty years
Garrulous, loquacious, verbose to all ears,
Still broadcast forever, never calm,
The Voice of Vietnam.
Democracy, Liberty: none!
Only said never done.

I have come back to make good.
As an old tree catching wind of agarwood
Dabbling a little in bits of liberated life
You listened to me while evil is rife
Smiled, looking forward with a gleam...
Empty-handed to act: to sell one's dream!

Democracy! Liberty! (blah)
Down with! Long live! Hurrah!
Forbidden merchandise
Only to look, contemplate, for one's eyes
Not allowed to touch let alone to hold.
Hats off for a salutation vague and cold.
Independent to be
You must be free.
To be free (not hypocrisy)
There must be democracy.
To be democrat
You must renovate the old life flat.
How many years to expect in whole
For a mummified body to have a soul?

Back here I have come
With deep feelings for our country glum.
Just cause is not from US or Europe
smart,
But it does exist in your very heart.
Aspiration so far arisen urging to perform
Like a storm
Has been lying in the earth profound.

So long in wait to stoop you were bound.
Now, raise your head, look up to see
Millions of eyes in glee
Are seeking one another in a world wider:
Start off! No longer remain an outsider!

Translation by **THANH-THANH**

NGÔN NGỮ THƠ LÀ CÁI QUÁI GÌ VẬY?

**** LÊ HỮU ****

(Ghi chép sau buổi chuyện trò về thơ cùng bạn hữu)

“Thơ là sự bay bổng của ngôn ngữ. Ngôn ngữ nào bay lên được thì gọi là thơ.”

Tôi nhớ đã buột miệng thốt ra câu ấy trong buổi trà đàm về thơ, khi một người đề nghị mỗi người lần lượt trả lời ngắn gọn câu hỏi cũng ngắn gọn, “Thơ là gì?”

“Bay đi đâu?” người nào đó hỏi.

“Muốn bay đi đâu thì bay,” tôi nói, “bay ra ngoài thế giới ngôn ngữ của đời thường.”

Thơ bay bổng làm con người cũng muốn bay bổng theo. Đọc được câu thơ hay, bắt được một ý thơ hay thật là sáng khoái và có cảm giác bênh bồng tựa hồ... bay là là mặt đất. Chỉ bay là là thôi, chỉ đủ để cảm thấy lâng lâng. Cái cách tạo cho người ta cảm giác ấy, là thơ, là nghệ thuật của thơ. Và người làm thơ phô diễn cái nghệ thuật ấy bằng “ngôn ngữ thơ”.

Những bài thơ thất bại là những bài thơ không cho được cái cảm giác ấy, là những bài thơ nằm bất động trên trang giấy. Người đọc dừng dừng, liếc mắt qua rồi đi thẳng, không buồn ghé lại. Những bài thơ hay không nằm im một chỗ, chúng được người hái như hái những bông hoa nở ven đường. Chúng bay ra khỏi trang thơ, đậu vào trái tim người, ở lại với người. Chúng đến được

với người, tương tác, giao cảm với người thông qua ngôn ngữ thơ.

“Thơ là gì?”, câu hỏi ấy không mới. Đã từng có cả trăm cả ngàn câu trả lời giống và không giống nhau, và người ta vẫn tiếp tục tìm kiếm những câu trả lời khác. Do không đạt được thỏa thuận chung về câu trả lời chính xác nhất, cuộc trà đàm xoay qua câu hỏi khác, “Thi sĩ là ai?”, khi mà mẫu thi sĩ “là ru với gió, mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây” không còn hợp thời trang nữa.

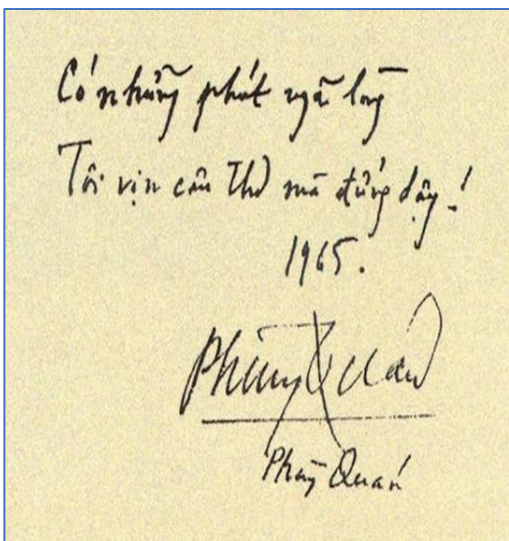
“Theo chỗ tôi nhận xét,” tôi nói, “qua những người làm thơ quen biết. Thi sĩ là người được ông trời phú cho cái giác quan đặc biệt mà người khác không có. Giác quan ấy giúp nhà thơ bắt được một ý thơ vụt bay qua và ghi xuống bằng ngôn ngữ thơ. Không có giác quan ấy thì chịu, không làm thơ được cho dù có đánh vật với chữ nghĩa hay làm thơ... tự do.”

“Thơ là thơ, ngôn ngữ thơ là... cái quái gì vậy?” Anh bạn ngồi cạnh tỏ vẻ sốt ruột, quay sang tôi hỏi, chắc vì thấy tôi cứ thơ thần đi ra đi vào.

Thực tình, ngôn ngữ thơ cũng chẳng là cái quái gì, lắm khi chỉ là nói cho ra vẻ, như là “nói đến thơ là phải nói đến ngôn ngữ thơ”, hoặc ngôn ngữ thơ của thi sĩ này thi sĩ nọ. Có người còn chịu khó viết đến cả cuốn sách chỉ để nói về dạng ngôn ngữ này. Thử tìm cách nào đó

minh họa cho cái “từ” hay “cụm từ” (chữ trong nước) nghe riết quen tai này.

“Thế này nhé,” tôi nói, “giả dụ ông hỏi thăm sức khỏe người bạn mình, và anh ta chép miệng trả lời rằng ‘Đạo này bết bát quá, cả ngày chỉ ngồi một chỗ, lâu lâu cứ phải vịn câu thơ mà đứng dậy’, chắc hẳn ông sẽ nghĩ người bạn này... có vấn đề.”



Cái “vấn đề”, nếu có, chỉ là anh chàng mượn ý câu thơ của Phùng Quán, *Có những phút ngã lòng, / tôi vịn câu thơ mà đứng dậy!*

Anh ta nói bằng ngôn ngữ thơ của Phùng Quán, anh ta mang ngôn ngữ thơ vào trong sinh hoạt đời thường, khiến người nghe không hiểu chi cả, tưởng mình nghe nhầm.

Câu thơ không phải là cây gậy hay chiếc nạng để chống hay vịn vào được. Hoặc, đọc câu thơ,

*Những chiếc giở xe chở đầy hoa phượng
Em chở mùa hè của tôi đi đâu?* ⁽¹⁾

chẳng ai lấy làm thắc mắc làm sao mà chiếc giở xe be bé ấy lại “chở” được cả một mùa hè. Thế nhưng, giả dụ anh chàng nào đó bỗng lớn tiếng với cô nữ sinh, “Này này, em chở mùa hè của tôi đi đâu đấy?” hẳn cô nữ sinh sẽ ngỡ ngàng, chả hiểu anh chàng này nói cái gì.

Hoặc, nghe câu hát,
*Người phu quét lá bên đường
Quét cả nắng vàng, quét cả mùa thu* ⁽²⁾

cũng chẳng ai lấy làm thắc mắc “quét thế nào được”. Thế nhưng, giả dụ hỏi một người đang cầm chổi lúi húi trước sân nhà “Chị quét cái gì đấy?” và nhận được câu trả lời “Ồ tôi quét nắng vàng đấy mà, quét cả mùa thu luôn”, chắc người hỏi phải trợn tròn mắt, há hốc mồm.

Những “vịn câu thơ” hay “chở mùa hè” hay “quét mùa thu” là những dạng ngôn ngữ thơ. Những chữ nghĩa và cách nói lạ lẫm ấy chỉ nghe, chỉ thấy ở trong thơ, có điều, khi đọc hay nghe, ta cảm thấy như là có thực, có ý nghĩa và chấp nhận được; hơn thế nữa, lại còn rung cảm vì thứ ngôn ngữ ấy. Bất kỳ cách diễn đạt nào trong văn vần, văn xuôi hoặc thể loại văn chương nào làm cho người ta đọc ra thơ, nghe ra thơ, hiểu ra thơ muốn “nói” điều gì, đều là ngôn ngữ thơ cả.

“Hoặc thế này nhé,” tôi nói thêm. “Thử so sánh câu hát xẩm,
*Hỡi cô hàng nước kia ơi,
dừng chân đứng lại cho tôi nhủ cùng*

và câu ca dao (hay câu thơ của Bàng Bá Lân),
*Hỡi cô tát nước bên đàng,
sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?*

có thể chỉ ra được dễ dàng ngôn ngữ thơ nằm ở đâu, trong câu lục bát nào.”

Câu thơ hay thường có ý tứ mới, lạ, diễn đạt bằng chữ nghĩa mới, lạ, đôi lúc gây những bất ngờ thú vị. Ngôn ngữ thơ có thể là chữ nghĩa, như những câu thơ trên, hoặc là ý tưởng, là hình ảnh hay âm điệu.

Ý tưởng chẳng hạn, thử đọc câu thơ quen thuộc của Lưu Trọng Lư trong bài “Đôi mắt”.

*Mắt em là một dòng sông
Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em*

Chỉ có thi sĩ mới giỏi “hư cấu” đến vậy. Sau này, ta còn gặp ít câu lục bát như,
*Câu thơ đậu trong điệu hò
Hồn tôi đậu giữa lòng đèn trắng soi* (3)

Hoặc,
*Biệt ly dù ở ga nào
Cho tôi ngồi một toa tàu lãng quên* (4)

Hoặc, câu thơ này,
*Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu* (5)

Ngoài đời thường, chẳng thấy ai nói năng kiểu ấy cả. Nhiều lắm người ta chỉ nói “nghe lòng hoang vắng”, “nghe hồn mênh mang”... Những câu chữ, những kiểu vẽ vời, ví von không có trong đời thực, nhưng lại gieo vào lòng người những cảm xúc rất thơ.

Hình ảnh chẳng hạn, có khá nhiều, như câu thơ quen thuộc của Nguyễn Sa trong “Tám phố Saigon”.

*Guốc cao gót nhỏ, mây vào gót
Áo lụa trắng mềm bay xuống thơ*

Thường thì không ai tả vạt áo dài thướt tha như thế cả. Không có dải trắng thu, dải mây vương nào quện tà áo bông bành như thế cả. Hình ảnh được nhà thơ vẽ ra, tô đậm chất thơ và đọng lại về lâu về dài trong tâm tưởng người yêu thơ.



Ngô đồng, Huế - Ảnh: VGP/Lê Hoàng

Âm điệu chẳng hạn, như câu thơ quen thuộc của Bích Khê trong “Tỳ bà”.

*Ô hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! vàng rơi: thu mênh mộng*

Nghe câu thơ, nghe thấy ngay cái âm điệu của mùa thu. Thử đọc khẽ hay đọc thầm trong đầu câu thơ toàn vãn “bằng” ấy, nghe “tiếng thu” vọng về. Nhiều người có thể không biết cây ngô đồng ra

sao, thậm chí thay “cây ngô đồng” bằng tên cây lá nào khác cũng thanh “bằng”, vẫn “nghe” ra được cái buồn buồn man mác, vời vời của mùa thu.

Âm điệu trong ngôn ngữ thơ có thể là ngữ điệu, vần điệu hay nhịp điệu. Khi nói trong thơ có nhạc hay câu thơ có nhạc tính chính là từ những âm điệu này.

Câu thơ hay như bông hoa lạ và đẹp. Bất được câu thơ hay như bắt gặp một vẻ đẹp làm xao xuyến. Thường thì người ta ít khi nhớ được toàn bài thơ nào, hầu hết chỉ nhớ một vài câu hay hay. Như thế cũng đủ để yêu một bài thơ.

Ngôn ngữ thơ tạo bản sắc riêng cho thi sĩ, cũng tựa mỗi ca sĩ có giọng hát riêng; hoặc hơn thế nữa, tạo được một “trường phái thơ”. Ta vẫn nghe những “ngôn ngữ thơ của Bùi Giáng”, “của Phạm Thiên Thư”, “của Tô Thùy Yên”..., là cách nói định hình một giọng thơ riêng, khó mà bắt chước được. Có bắt chước, có giả giọng, cũng dễ nhận ra ngay.

Giả dụ tôi viết xuống câu thơ này,
tôi viết tên tôi cho đỡ buồn
lê văn hữu

không ít người sẽ chỉ ra ngay đây là thơ nhái, là ăn theo ý thơ của một thi sĩ quen tên.

tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyên⁽⁶⁾

Ngôn ngữ trong thơ cần sáng tạo hơn là vay mượn, rập khuôn người đi trước. Có mới mà không hay hoặc có hay mà không mới đều kém sức hấp dẫn.

“Đi tìm cái mới là một hành trình, đặc biệt là đi tìm cái mới trong ngôn ngữ.” Ocean Vương, nhà thơ Mỹ gốc Việt, bày tỏ quan niệm sáng tác. “Mỗi áng thơ là DNA của một con người, không ai giống ai. Thơ văn, là dấu vân tay của cuộc hành trình làm người.”

Thường, nói đến ngôn ngữ người ta dễ nghĩ đến tiếng nói và chữ viết. Tuy thế vẫn có những dạng ngôn ngữ biểu cảm khác, như ngôn ngữ cơ thể, là cử chỉ điệu bộ, là ánh mắt giọng cười, hoặc như tiếng thông reo vi vu, tiếng suối chảy róc rách, tiếng sóng vỗ rì rào... Chúng không phải “ngôn”, cũng chẳng phải “ngữ”, vậy mà trông thấy, nghe thấy chúng, ta như hiểu được chúng “nói” gì.

Ngôn ngữ thơ cũng không khác bao nhiêu, cũng không chỉ có ở trong thơ. Ta thường nghe những câu như “Cảnh sông nước này trông thơ mộng quá!” hoặc “Tên quán cà-phê này nghe thi vị quá!” hoặc “Tấm ảnh thật nên thơ” hoặc “Bức tranh nhiều chất thơ”. Nhiều bức họa là những “bức tranh thơ”, đẹp tựa bài thơ. Những nét chấm phá nào làm cho bức tranh ấy có “nhiều chất thơ” cũng được kể là dạng ngôn ngữ thơ. “Gọi thế nào cho đúng?” sẽ không ít người phân vân, “ngôn ngữ thơ hay ngôn ngữ tranh?”

Ngôn ngữ thơ không chỉ có vậy, nhiều người còn thấy dạng ngôn ngữ này đi xa hơn nữa. “Ngôn ngữ thơ là gì?”, cũng tựa như “thơ là gì?”, mỗi người hiểu một cách, hiểu cách nào cũng gọi là hiểu.

Bài này cũng không đi xa hơn, chỉ đủ cho một buổi mạn đàm bỏ túi; và hơn thế

nữa, đủ cho ông bạn tôi “nhất trí” với tôi rằng ngôn ngữ thơ chẳng là cái quái gì cả và cũng chẳng có gì là ghê gớm.

“Thôi được rồi,” sau cùng anh ta nói. “Từ nay tôi sẽ đọc thơ cách khác, xem thử có bắt được ngôn ngữ thơ nào trong một bài thơ.”

Tôi chắc người làm thơ nào cũng mong thơ mình được đọc theo cách ấy.

“Đọc thơ cách khác”, tôi cũng từng làm như vậy. Có những bài thơ hay tôi từng đọc đi, đọc lại. Mỗi lần đọc một cách khác, lại thấy hay một cách khác. Những bài thơ không bao giờ cũ.



Lê Hữu

- (1) “Chút tình đầu”, Đỗ Trung Quân
- (2) “Góp lá mùa xuân”, Trịnh Công Sơn
- (3) “Trong khi chờ thanh xuân”, Phan Ni Tấn
- (4) “Hôm nay”, Nguyễn Tất Nhiên
- (5) “Ngồi lại bên cầu”, Hoài Khanh
- (6) “Phục sinh”, Thanh Tâm Tuyền



TẾT LY HƯƠNG

Đêm mơ nghe tiếng pháo
Tuồng đón xuân quê nhà
Chợ Bến Thành đông đảo
Phố Nguyễn Huệ đầy hoa
Đêm giao thừa rộn rã
Đi hái lộc đầu năm
Kê đến chùa lạy Phật
Người vào Lăng* xin xăm
Mai vàng tươi hương sắc
Chào mùa Xuân thiêng liêng
Người người vui mở hội
Cùng đón xuân mọi miền

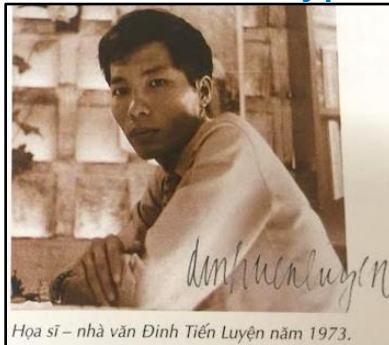
Trên bàn thờ ngày Tết
Đủ bánh, mứt, rượu, trà
Thịt kho tàu dưa giá
Hoa trái cúng ông bà
Chợt giật mình tình mộng
Giữa đêm trường quạnh hiu
Tết về trên Bắc Mỹ
Trời lạnh giá tịch liêu!

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

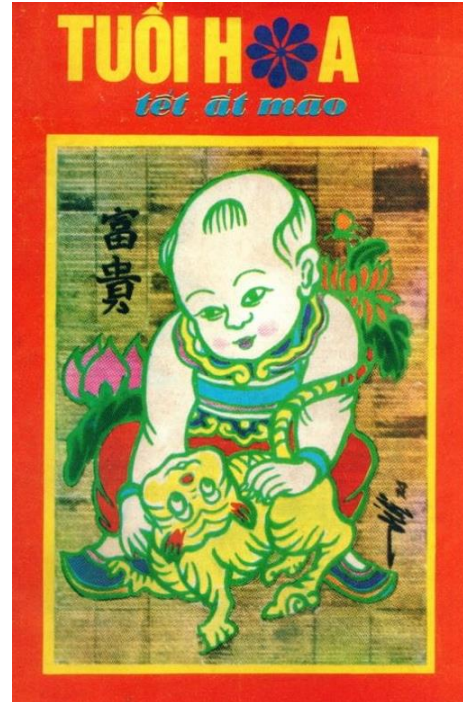
(*) Lăng Ông Bà Chiểu.



Tạp chí Tuổi Ngọc số 157 phát hành 5 tháng 4, 1975
Bìa do **Đình Tiến Luyện** vẽ



<https://drive.google.com/file/d/0B0Sx9wTNXWqicDlocGZtQTVsX2M/view?resourcekey=0-520HchOblrqDSlcGuOwXaQ>



Bìa do ViVi Võ Hùng Kiệt vẽ



* Tạp chí Thiếu Nhi - Xuân Ất Mão, số 134-135, phát hành 26 tháng 1, 1975
<https://drive.google.com/file/d/0B-PLkJ2jO9eYT2dObVctOEJmQ1U/view?resourcekey=0-lqNN3n6waxRgzTEt-qJSAw>

* Tạp chí Tuổi Hoa – Tết Ất Mão, số 231, phát hành 25 tháng 1, 1975
<https://drive.google.com/file/d/1CdH9USm5-BJ0bbQqC9e0rXAIh5Stqjib/view>

Thơ Tuệ Nga



Em Việt Nam

*Hồn em trong nguyệt bạch
Lòng em ngát hương trời
Lời em lời ưu ái
Tình mơ như huyền thoại*

*Em mở sử Lạc Hồng
Trang sử vàng đậm nét
Giọng lịch sử hào hùng...*

*Ngọn nến hồng tươi, thấp sáng chữ Non Sông
Lòng em hồng tươi, rộng muôn triệu cánh hồng
Bình minh dậy trong mắt em trong
Em là khóa mở cửa vườn Nhân Ái
Em cho tôi niềm tin yêu mãi mãi
Mở trang đời tôi chỉ thấy Trung Hoa
Em tươi thế hệ hôm nay em đẹp trong Hùng sử Ca*

*Em mang chi quạt cường Dân Tộc
Giữa mê cuồng bão lũ...*

*Em dòng máu kiên hùng bất khuất của:
Quang Trung, Nguyễn, Lê, Trần...
Em là pha lê trong ngàn
Mắt tươi dòng sông mẹ
Ôi! Người em tuổi trẻ
Hành diện em Việt Nam.*

TUỔI HOA TẾT ẤT MÃO 27

NGƯỜI ƯƠM MÀM XUÂN

** Phương Hoa **

Ngày Chúa Nhật tuần lễ cuối năm Âm Lịch. Tôi thức dậy sớm nhưng lười biếng nằm nướng thật lâu mới rời giường. Ra đến phòng khách, tôi mỉm cười hài lòng nhìn cách trang trí đậm hương Xuân mà tôi cất công may mò suốt cả ngày hôm qua sau khi đi chợ về.

Trên khám thờ Phật, nải chuối sứ trái mập mập chín vàng rực cùng một quả bưởi còn nguyên cuống với lá xanh. Dưới khám là ghế thờ ông bà. Bên trái trên chiếc đĩa bàn to chất đầy những loại trái cây may mắn cho ngày Tết. Mấy trái sung (fig) chín màu huyết dụ chen chúc điểm xuyết làm nổi bật màu sắc của dưa, đu, xoài, còn thêm trái thơm “dư” chính giữa. Bên phải là một chậu cúc vàng, xung quanh gốc có những phong bì đồ nhỏ xíu treo tòng teng chờ lì xì cho mấy đứa cháu nội. Một cỗ bánh đậu xanh gói giấy bóng kiếng đủ màu tôi tự làm, gắn bằng những que tăm theo hình ngọn tháp, đứng chễm chệ chính giữa ghế thờ trông rất oai nghi. Trên cái lư hương bằng sứ cắm một cây nhang trầm thật cao to bằng ngón tay, khoan tròn nhiều vòng xoắn ốc.

Mùi Tết đã ngan ngát, rộn ràng quanh đây, dù còn đến những mấy ngày nữa. Ông xã tôi nói, nhà chỉ có hai vợ chồng Tết đầu có ai đến mà làm chi nhiều việc cho cực nhọc. Dù vậy, tôi vẫn chuẩn bị kỹ càng, vì mẹ tôi lúc còn sinh tiền luôn lo chu đáo cho dịp Tết. Và lại tôi cũng thấy lòng vui và ấm áp khi nhìn không

khí Tết Việt Nam chính trong ngôi nhà của mình. Chợt nhớ là vẫn còn thiếu món hoa đào, tôi ra ăn vội mấy miếng bánh đậu xanh nhà tôi cúng tiễn đưa ông Táo về Trời hồi tối, châm bình trà nóng uống một ly, rồi bỏ cái kéo cắt cây vào túi nilon chuẩn bị đi xin hoa.

Nhìn khay bánh đậu xanh tự mình đóng bằng những chiếc khuôn có hoa văn bông sen gửi mua từ Việt Nam rất đẹp, tôi lấy mấy cái bỏ vào bì ziplock đem cho bà Mỹ nhà có hoa đào để “khoe” tài nghệ và khoe về Tết Việt Nam. Khi còn ở quê hương, năm nào Tết đến trong nhà tôi cũng đều có hoa mai. Mẹ tôi thường nói Tết nhà không có mai coi như... chưa tới Tết. Ra hải ngoại, những năm đầu còn lạ lẫm không tìm được hoa mai tôi đi chợ Việt mua cúc đại đóa vàng và bông vạn thọ về chưng.

Thành phố tôi ở phong cảnh rất đẹp, nhiều cây xanh, vì nhờ có cái hồ nước thiên nhiên quanh năm khí hậu mát mẻ. Đó cũng là lý do chúng tôi chọn mua căn nhà nho nhỏ này, cho tiện việc đi bộ thư giãn mỗi chiều sau khi đi làm về mệt mỏi. Có lần vào dịp gần Tết Âm Lịch tôi đi bộ lạc vô một con hẻm, đã gặp cụm đào hồng thắm nở hoa sum suê. Tôi mừng húm, vì nghe nhiều người nói hoa đào là loài hoa “Thần tài”, là “Tinh hoa trong Ngũ hành”, và theo các nhà phong thủy nó là biểu tượng cho sự đổi mới và phát triển, hướng tới tương lai. Nhớ lại lời một người bạn tôi kể, bà thầy bói ở Sacramento nói “Ngày Tết chưng hoa

đào sự may mắn sẽ đến ào ào, hoa mai không sao sánh kịp.” Tôi liền ghé vào gõ cửa hỏi bà chủ nhà xin cắt vài cành về chưng Tết Việt Nam và bà vui vẻ cho ngay không một chút gì miễn cưỡng.

May mắn cho tôi, thành phố này hầu hết là Mỹ không có nhiều người Á Châu, và nhà bà Mỹ lại nằm trong một ngõ cụt ít ai biết đến, nên khóm đào này mới còn nguyên vẹn không bị ai xin. Từ đó năm nào tôi cũng đến, cứ như là chúng để dành cho tôi vậy.

Đây là năm thứ ba, tôi đến gõ cửa xin hoa và đưa gói bánh in cho bà chủ. Bà Mỹ cảm ơn lia lịa rồi đem đi cắt. Tôi chào bà và rút cái kéo ra bước qua phía bên hông nhà nơi có cụm hoa đào. Tôi nhìn qua bỗng thấy tay chân như rụng rời. Khóm hoa đào trước mắt lúc này cành lá thì tả tơi, các nhánh hoa cụt lủn xù xì vì bị cắt ngang một cách tàn nhẫn. Lác đác chỉ còn sót lại vài bông đào hồng thắm lẫn lộn trong gốc hoa. Dưới đất, vương vãi đầy những chiếc lá xanh và cánh hoa rơi rải rác cả trên lối đi, như thể nơi đây vừa trải qua một cơn bão lớn. Còn nhớ mới hồi đầu tháng tôi có ghé lại thăm chừng, cụm hoa đào vẫn xanh tươi đang bắt đầu nhú những nụ non hồng mơn mớn. Không lẽ bà chủ nhà đã cắt bỏ hết. Mỗi năm tôi đến bà đều vui vẻ cho, và tôi cũng chỉ chọn cắt mấy cành đẹp nhất, dày nụ nhất, còn chừa lại cho đẹp nhà bà chứ đâu dám cắt hết thế này. Nhưng nếu bà chủ đã cắt bỏ thì tại sao lúc này bà không nói gì với tôi.

– Oh My God! Trời đất ơi! Hoa của tôi đâu hết rồi? Tiếng bà Mỹ kêu lên sau lưng. Quay lại tôi thấy bà đứng tròn mắt

nhìn khóm hoa rồi nhìn tôi: – Khi nãy, một bà già người Á Châu đến xin hoa, tôi nói bà cắt một ít còn chừa lại cho chị. Bà ấy đã gật đầu nói “Yeah, Yeah” lia lịa, đầu ngờ bà ta lại cắt sạch hết thế này. Thật là xin lỗi! Bà nhìn tôi áy náy: – Sao chị đến trễ thế?

– Dạ vì tôi bận chút chuyện ở nhà. Tôi trả lời bà mà trong lòng thấy tiếc vô cùng. Bà già Á Châu nào mà “lụi” quá, cắt một lần hết sạch sành sanh cả khóm hoa của người ta. Vậy là Tết năm nay nhà tôi không có hoa đào. Vì lịch sự tôi cũng chẳng dám phàn nàn một câu. Người ta xin cũng như mình xin, ai kêu đến muộn thì ráng mà chịu. Tôi nói không sao và từ giã, hẹn với bà chủ nhà năm sau sẽ đến sớm hơn.

Tuy là nói vậy, nhưng trên đường về tôi cứ nghĩ đến chuyện không có hoa đào ngày Tết mà lòng buồn thiu. Đang đi, tôi bỗng giật mình khi nhìn qua bên kia đường. Bên cạnh cây cột điện có một chiếc xe đẩy, loại xếp lại mở ra dùng đi chợ mua đồ. Trên xe dựng đầy nhóc những cành đào nụ vừa chớm, hai bên xe đẩy treo tòng teng hai túi nilon lớn đựng đầy lon bia bẹp dúm. Cả một xe hoa đào còn tươi rói, chắc chắn là mới vừa cắt ở nhà bà Mỹ đó chứ chẳng đâu xa. Tôi nghĩ thầm.

Không nhìn thấy chủ nhân của chiếc xe, tôi băng qua đường lại gần xem thử. Quả đúng là số hoa này mới vừa được cắt, chất kín cái lồng vải lưới vuông vức của chiếc xe. Nhiều ơi là nhiều, hèn chi cả bụi hoa không còn sót lấy một cành. Một chiếc nón lá cột dây quai màu đà cũ kỹ nằm bên cạnh chiếc xe đẩy. Xe dựng

hoa bỏ ở đây nhưng chủ nhân sao không thấy.

Có tiếng sột soạt gàn đậy. Tôi nhìn quanh quất hồi lâu và bắt gặp đôi chân khăng khiu trong hai ống quần màu cháo lòng, mang đôi giày thể thao mòn gàn hết đế, thò ra từ cái thùng rác lớn nằm nghiêng trước cửa ngôi nhà bên cạnh. Chắc hẳn đây là kẻ đã “vặt sạch” hoa anh đào của tôi rồi. Nhưng tôi lại cảm thấy tội nghiệp cho cái người đang chúi đầu trong thùng rác đó. Có lẽ rác còn ít với không tới, nên người ta phải chui vào tận bên trong mà bới móc. Tôi bước qua một bên chờ đợi, để xem mặt cái người đã cất hết hoa của tôi, cùng với sự tò mò vì một người đi lượm rác nhem nhuốc thế này mà cũng biết yêu hoa đào đến nỗi tần luôn cả cụm hay sao.

Sau khi liệng ra ngoài mấy chiếc lon rỗng thì đôi chân ấy thụt lùi ra. Đó là một bà cụ già người Việt ốm nhỏ lưng còng. Bà lồm cồm đứng dậy rồi ráng sức chống hông xô ngược cái thùng rác cho nó đứng lên trở lại. Người bà quá thấp nên loay hoay một hồi vẫn chưa làm được. Tôi vội chạy lại phụ giúp một tay. Bà nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên và nói cảm ơn.

Tôi nhìn lại bà cụ và bỗng thấy lòng xúc động vô cùng. Mái tóc cắt ngắn bạc trắng phau phau, đôi mắt ti hí vì nhiều lớp da dư phủ xuống gàn như mở lên không nổi, mặt mũi bà đầy những nếp nhăn lằn ngang lằn dọc. Bà trông già khom, dễ chừng cũng đã trên chín mươi tuổi. Cái lưng còng làm cho người bà gập lại giống chiếc lưỡi liềm. Nhưng trông thần thái của bà còn rất là minh mẫn. Một nỗi cảm thương lẫn xót xa

chợt trào dâng trong tôi. Con cháu bà đầu mà lại để mẹ già vất vả như thế. Tuổi này ở Mỹ là tuổi hưởng phước vì đã có tiền trợ cấp chính phủ, mà bà lão này còn phải đi lượm lon kiếm tiền sao.

– Bà cụ ơi! Tôi hỏi. – Cụ đã lớn tuổi rồi, sao còn đi lượm lon làm chi cho khổ vậy?

Bà cụ nghiêng đầu, ngoẹo cổ một chút để nhìn thẳng vào tôi. Bà nhovn nụ cười móm mém trông dễ thương giống ngoại tôi ngày xưa chi lạ. Đôi môi bà lặn vào trong, khoe cặp lợi màu hồng láng bóng chẳng còn chiếc răng nào.

– Già rồi không có chuyện gì làm, nên đi bộ để vận động cơ cơ! Cả ngày con cháu đi làm hết ở trong nhà mãi chán lảm! Giọng nói bà rộn ràng cho thấy tràn đầy năng lượng. – Cho nên tôi vừa đi bộ vừa lượm lon, bán để dành tiền có chi dụng. Nói xong bà cười tít mắt, có thể thấy niềm hạnh phúc tỏa ngời ngời trên mặt bà.

– Trời ơi! Bà chịu khó quá. Tôi nói, chỉ vào chiếc xe đựng hoa đào: – Bà cho cháu hỏi, có phải bà mới cất số hoa đào này từ cái nhà màu trắng của bà Mỹ ở đường hẻm bên kia không? Tại sao bà lại cần nhiều hoa đến như vậy? Mỗi năm tới Tết cháu đều xin hoa đào chỗ này, nhưng lúc nãy đến thì hoa đã bị cất hết rồi.

– Tội nghiệp chưa! Bà lão nói, lại cười hà hà khoe cả lợi. – Tôi đâu có biết. Đây là lần đầu tôi đi bộ vào xóm đó và thấy có hoa nở nên gõ cửa ra dẫu hỏi xin hoa. Bà Mỹ nói cái gì tôi không hiểu, chỉ thấy

bã gặt đầu và phẩy tay về phía bụi hoa như ra dấu muốn cắt bao nhiêu thì cắt. Cho nên tôi mừng quá lấy cái dao gĩa cán tôi luôn mang theo khi đi đường ra chặt hết.

Nói xong bà cúi xuống lượm những thứ vừa moi trong thùng rác ra, dùng chân đạp bẹp dí mấy chiếc lon bia và chai nhựa rỗng, rồi hốt đem nhét vào cái túi treo bên xe. Bà làm việc rất nhanh nhẹn, mạnh mẽ, và thành thạo. Làm xong bà nhẹ nhàng chọn từ trong xe đẩy rút ra mấy cành đào thật đẹp, thật đều bông, đưa cho tôi: – Cô cầm lấy đem về mà chưng Tết, đừng ngại. Cửa chùa mà! Cô cần thì có thể lấy thêm vài cành nữa, không sao đâu.

Tôi rất cảm động, nhưng vừa nói lời cảm ơn xong thì bà đã lẹ làng đẩy chiếc xe bước đi thoăn thoắt. Dáng bà trông lùn chùn, cái nón trên đầu như chụp lên tay nắm chiếc xe. Nếu đi ngược chiều người ta sẽ nghĩ chiếc xe này tự động chạy chứ không có ai đẩy. Về nhà tôi kể lại cho ông xã nghe, ông ấy xuýt xoa, “Bên này người già được chính phủ nuôi sao bà ấy lại khổ thế tội nghiệp quá.” Mấy đứa con tôi thì nghĩ, chắc tại bà già ở một mình không con cháu nên chẳng ai giúp đỡ phải tự đi kiếm sống.

Buổi chiều tôi lái xe đi chợ Tàu Việt trên Downtown ở thành phố gần bên mua rau củ về làm dưa món. Đạp xe xong tôi đẩy chiếc “shopping cart” vào chợ thì vừa lúc thấy bà cụ lưng còng, người chặt hoa đào lúc ban trưa, loắt thoắt bước thật nhanh ra cửa. Tôi còn phân vân chưa biết có phải đó là bà hay không, thì loáng một cái bà đã biến đi

đâu mất. Khi bước lại phía hàng hoa, tôi mới khẳng định người đó chính là bà cụ. Trong cái thùng đất lớn sát cửa ra vào chất đầy một khóm hoa đào, chính là mớ hoa bà cụ cắt ở nhà bà Mỹ. Để chắc ăn, khi trả tiền tôi hỏi cô thu ngân quen thì được cô xác nhận bà cụ còng lưng mới vừa đem đến bán cho chợ mớ hoa đào đó. Thì ra bà cụ xin hoa đem bán. Hèn chi bà đã cắt sạch sành sanh chẳng chừa lại nhánh nào.

Sau lần đó, thỉnh thoảng tôi gặp bà cụ đi lượm lon trong thành phố. Trên chiếc xe đẩy của bà cũng như hai cái bao nylon hai bên luôn luôn đầy ắp lon nhôm và chai lọ. Ngoài việc lượm lon, lâu lâu vào ngày thứ Sáu đi chợ trời Downtown tôi còn thấy bà trải tấm nylon nhỏ ngồi trên hè phố, trước mặt các cửa hiệu để không phải trả tiền thuê, bán những loại rau trái lặt vặt. Lúc thì mớ rau muống, khi dăm bó rau lang, vài trái bí đỏ, hoặc khổ qua, ớt chín. Nói chung là có thứ gì bà đem bán thứ ấy. Thấy bà cụ ráng gom từng cắc từng đồng, tôi tội nghiệp nên thường ghé lại mua giùm bà vài món.

Mùa Thu vài năm sau đó, gia đình tôi có chị Mẫn người bà con bên quê, du lịch qua Mỹ thăm con gái du học ghé nhà ở chơi một tuần. Tới thứ Sáu có phiên chợ trời trên phố Tàu, tôi rủ chị đi cùng cho biết cảnh chợ trời Mỹ. Đi ngang hiệu thuốc Bắc phía đối diện khu chợ trời, chị Mẫn trầm trồ liền miệng, sao mà giống bên mình quá, khi chị thấy trên hè phố nhiều người Việt lẫn người Tàu trải những tấm nhựa nho nhỏ ngồi bán các thứ rau trái họ hái từ vườn nhà, rau, khế, nhãn, thanh long...

Mua xong vài bó rau muống, tôi chợt thấy một ông đang cầm lên tay ngắm nghĩa cây hoa đào nho nhỏ, được ươm trong cái túi nilon cũ kỹ với mớ đất đen thùi lù. Nhưng cành đào nhìn rất tươi tắn, mạnh khỏe, và nhiều chồi lá xanh um. Cây đào nhỏ nhưng nhánh nhóc hài hòa quá, có lẽ sẽ ra hoa đẹp đúng vào dịp Tết. Nghĩ đến việc tự trồng một chậu hoa đào để hàng năm khỏi mất công đi xin bà Mỹ, tôi thầm mong ông khách đó đừng mua tôi sẽ tới lấy ngay. Không ngờ khi bà bán nói, “Ba chục đồng”, ông ta móc ví trả tiền chẳng kỳ kèo gì cả, và xách cây đào đi một mạch.

Tôi bước lại gần mới thấy người bán cây hoa đó là bà cụ lưng còng. Mặt bà có vẻ vui vì đã bán xong cây hoa cuối cùng và bắt đầu sắp xếp lại những bó rau để bán tiếp. Tôi nói:

– Chào cụ, bà vừa bán cây hoa hoa đào nhỏ đó hả? Cháu định lại mua đấy chứ. Nhưng ông kia mua rồi, uống ghê!

– Là cô đấy à! Bà cười vui khi nhận ra tôi. – Nếu cô muốn mua, thứ Sáu tuần sau ra đây, tôi sẽ lựa để dành cho cô một cây thật tốt. Nhà còn nhiều lắm!

– Vậy tốt quá! Bà nhớ để dành cho cháu một cây nha. Tuần sau cháu sẽ đến lấy.

Tôi cảm ơn bà, vừa dợm bước đi bỗng thấy chị Mẫn đứng nhìn bà cụ chăm chú. Tôi nắm tay kéo chị thì chị bỗng kêu lên, giọng sôi nổi:

– Trời đất ơi! Bác Bốn Tè người làng mình đây mà!

Tôi giật mình: – Ai là bác Bốn Tè vậy? Chị có nhầm không?

– Đúng rồi! Chị càng nói to hơn: – Đúng là bác Bốn Tè rồi! Mắt liếc nhìn bà cụ, chị nói nhỏ với tôi: – Bà là mẹ của Tám Tè em ông Bảy Đái ở Xóm kiệt gần bờ sông làng mình hồi xưa đó. Ông chồng bà ngày trước có cái chòi bán thịt chó bên bờ sông, em còn nhớ không?

Trời đất! Tôi kêu thầm. Làm sao mà tôi quên được ông hàng chó làng tôi. Ngày xưa tôi từng ghét cay ghét đắng ông ta, tới giờ vẫn vậy dù ông không còn nữa. Phải nói là tôi có mối thù “bất cọng đái thiên” với ông từ hồi còn nhỏ. Tên ông là Hú, nhưng hình như không ai còn nhớ tên ông sau khi ông mở quán thịt chó, họ chỉ gọi ông là “Bốn hàng chó”. Ông ta người gốc tận đâu ngoài Bắc, Quảng Bình, nói tiếng rất khó nghe, mới đầu gặp không ai hiểu ông nói gì hết. Được cái ông cao lớn, đẹp trai, nên sau năm 54 đất nước chia hai ông chạy vô Nam đến làng tôi lập nghiệp, ông cưới bà Bốn và ở rể luôn.

Trước khi có mặt ông Hú, người làng tôi chưa từng biết ăn thịt chó là gì. Người ta cho rằng chó là con vật rất có nghĩa, có tính người, nếu ai ăn thịt chó, món ăn đầy âm chất ấy thì sau khi chết sẽ không được đi đầu thai. Nhưng rồi ông rể “xứ ngoài” của làng đã dạy cho mấy tay bợm nhậu địa phương biết đến cái món “Thác xuống âm phủ hiếm có mà ăn” này.

Nhiều người không thích ông ta, nên họ chỉ kêu là “Bốn hàng chó” và chết tên luôn. Ông ấy đã giết con Vàng yêu quý của tôi làm thịt bán. Cả đời tôi không bao

giờ quên được tiếng con Vàng rống lên oảng oảng thảm thiết, khi ông ta dùng chiếc búa bừa củi táng như điên vào đầu nó. Đến bây giờ, ngồi viết những dòng này tôi lại rơi nước mắt, nhớ như in hình ảnh con Vàng tội nghiệp của tôi nằm lăn quay, giãy đành đạch, mồm nó nôn ra những phân là phân. Sau khi con Vàng chết hẳn, ông ta đốt lửa thui cháy hết lông của nó rồi vác đi. Tôi ngồi núp trong bụi chuối nhà ngoại, chứng kiến từ đầu đến cuối cái cảnh tàn nhẫn ấy và chỉ biết khóc nức nở. Lòng oán hận vô cùng, tôi rất muốn trả thù ông ta. Nhưng đứa bé mới tám tuổi đầu thì làm gì được.

Sau khi thịt con Vàng đã vào bụng đám bọm nhậu, tôi khóc hết mấy ngày nữa và phát bệnh nằm liệt giường. Hết nhắm mắt lại là tôi thấy cái cảnh con Vàng bị đánh vào đầu. Mỗi nhát búa của ông ta táng vào con Vàng là cái đầu của tôi rung lên đau đớn như chính tôi bị đánh. Nó là con chó yêu quý của tôi. Tôi đã dạy con Vàng làm rất nhiều việc, đuổi gà, đóng cửa, lượm lon...

Ba mắt sớm, tôi là con gái độc nhất của mẹ nên tôi thường chơi với đám con trai mấy bà dì ông cậu. Mỗi khi tôi chơi đánh trống với tụi nó thì con Vàng chạy theo nhảy tưng tưng sủa lên ầm ỹ để cổ võ. Đi thả diều tôi cũng dắt nó theo. Bảy giờ tôi chỉ có một mình, còn nỗi đau nào lớn hơn cho một đứa bé cô độc. Mẹ tôi hoảng sợ khi thấy tôi bệnh nên theo năn nỉ và an ủi tôi cả ngày lẫn đêm. Mẹ nói lỗi cũng tại bởi con Vàng, nếu nó không dờ chứng cắn người thì ông tôi đâu có cho nó cho chồng bà Bốn. Không có ai bệnh vực con Vàng cả. Không ai cần biết đến nguyên do tại sao nó cắn người.

Bởi vì nó là chó nên nó đâu biết cãi. Là chó nó chỉ biết trung thành với chủ, bảo vệ những gì thuộc về chủ nó. Vàng đã tấn công dữ dội thằng bé gần nhà, dù thằng này cũng quen với nó, vì đám lầy con điều của tôi ra chơi khi không có tôi ở đó. Do vậy ông tôi cho rằng Vàng đã bị mắc bệnh dại vì nó cắn cả người quen. Nhưng tôi chỉ ghét ông hàng chó chứ không ghét bà Bốn, vì ai cũng nói bà hiền lành, nhiều lần bà cản ông giết chó mà không được. Người làng tôi quá hiền lành nên dù rất ghét ông họ cũng không dám tẩu chay...

Tôi chợt giật mình nghe tiếng bà cụ:

– Đứa nào đây vậy bay? Bà nghe chị Mẫn kêu đích danh thì “lắm chằm” đứng lên, vói nắm lấy tay chị, nheo nheo mắt dòm rồi nói. - Để già xem thử coi, bay con cái nhà ai mà biết già vậy hè.

– Dạ con là Mẫn, con ông Thừa xóm trên đó bác Bốn. Con biết bác vì năm nào đến Tết bác cũng về quê tặng quà cho người làng mình mà. Không ngờ lại gặp bác ở đây, vui quá!

Bà Bốn Tè và chị Mẫn nói chuyện ríu rít. Rồi bà lấy điện thoại trong túi ra, bảo tôi kiểm giùm số phone của con gái bà và ghi lại rồi về nhà gọi cho cô ấy chỉ đường để tôi đưa chị Mẫn qua nhà bà chơi. Chúng tôi từ già bà rồi đi qua phía chợ trời. Chị Mẫn tiếp tục kể những câu chuyện “ly kỳ” về bà Bốn Tè trong lúc chúng tôi mua đồ. Chị nhớ lại khi bà Bốn có bầu út Tè thì ông Hú phát bệnh dại, lên cơn điên sùi bọt mép và sủa gâu gâu y như chó dại rồi chết. Người làng cho rằng ông đã bị “sinh nghề tử nghiệp”, bị quả báo để trả nợ cho việc giết chó của

ông. Cái mà người ta ghê tởm ông nhất là việc giết chó quá tàn nhẫn. Lúc nào ông cũng dùng chiếc búa bừa củi tán vào đầu con vật đáng thương cho đến chết mới thôi.

Dù khi ấy còn nhỏ, tôi vẫn nghe người ta xầm xì mỗi lần thấy ai đó ghé vào quán thịt chó của ông Hú. Có kẻ đại miệng còn rửa ông ác đức, giết hại súc vật nuôi giúp giữ nhà, con cháu sẽ lãnh hậu quả. Rồi người ta đồn, ông cũng đã trả giá lúc còn sống. Vợ ông, bà Bốn sinh con rất nhiều lần nhưng nuôi không được. Bà sợ lắm, mãi khuyên ông bỏ cái nghề bán thịt chó, mà ông đâu có chịu nghe vì rượu và thịt chó đã ngấm vào máu huyết xương tủy ông rồi. Ông mở quán chính là để hưởng thụ. Bà Bốn tận tụy đi chùa cầu phước, có dịp bà cũng bố thí cho người nghèo. Khi bà có bầu người con thứ bảy, ông thầy bói mù cho bà lá bùa và dặn bà lần này sinh con phải đặt tên là “Đái”, vì “Ma quỷ rất kỵ nước đái, sẽ không theo hại con bà”, lời ông thầy. Bà làm theo và đã nuôi được “Đái” người con trai thứ bảy. Bà Bốn rất mừng, đi lễ chùa tạ ơn. Sau bà có bầu thêm đứa thứ tám, cũng là lúc ông Hú phát bệnh dại và chết trước khi đứa con gái chào đời. Đứa này bà cũng nghe thầy bói, đặt tên là “Tè”. Người làng thường gọi bà là “Mẹ con Tè”, hay “Bà Bốn Tè” từ đó. Thiên hạ cũng đồn rằng, nhờ đức bà vợ hiền lành tu tâm làm phước, ông Hú đã trả xong cái nợ giết chó và ra đi, nên vợ ông mới giữ lại được hai đứa con nối dõi.

Nghe chị Mẫn nhắc những chuyện hồi xưa, tôi cũng nhớ lại được nhiều điều. Mỗi lần theo máy ông cậu qua sông vào đầm nhà hái sen, tôi phải đi ngang qua

cái quán thịt chó mà tôi thù ghét nhất. Ông Hú đã trồng thật nhiều lá mơ sau lưng quán, dây mơ bò bao phủ đến tận mái tranh. Thực ra, kêu là quán chứ quán thịt chó của ông Hú chẳng phải là cái quán cho ra hồn gì. Đó chỉ là một căn chòi tranh ông cất cạnh bờ sông, gần chỗ bến nước cạn nơi người ta lội qua bên kia sông để làm ruộng, chặn bò, vào rừng chặt củi. Quán ông chủ yếu bán cho những người đi núi đi làm đồng về. Tôi còn nhớ như in, quán trông hoác bốn bề lộng gió, chính giữa là chiếc chõng tre mong manh, mỗi khi có người ngồi lên thì nó lắt lư, đong đưa kêu kèn kẹt như sắp sụm xuống. Một cái bàn gỗ chân cao nhem nhuốc kê sát vách, bên trên có chai rượu đế và mấy chiếc ly nhỏ úp thẳng xuống cái mặt bàn loang lổ những dấu vết tròn tròn của miệng ly. Mấy người lớn nói món thịt chó của ông khi có khi không, chỉ khi nào có ai kêu cho ông con chó già, chó nghi bị bệnh dại, thì ông vác búa tới “nhận hàng”, hoặc khi mấy tay bợm nhậu vớ được con chó vô chủ nào đó rồi mang tới cho ông để đổi lít rượu kèm theo khúc dồi, thì ông Hú mới có hàng để bán. Ngoài những lúc ấy ra, ai ghé quán cũng chỉ có mấy trái khế và vài ly rượu đế mà thôi.

Sau khi “Ông hàng chó” chết một thời gian thì ngôi làng bị “người trên núi” xuống chiếm đóng. Ba mẹ con bà Bốn cùng mọi người bỏ làng chạy giặc, vào xóm biển Mỹ Ca làm ăn. Con trai bà, anh Đái, khi đó tuổi thiếu niên đi bạn theo tàu đánh cá nên sau này mất miền Nam anh đã có dịp vượt biên qua Mỹ rồi bảo lãnh bà Bốn và út Tè.

– Có lẽ nhờ bà Bốn ăn ở hiền lành, tu nhân tích đức nên mẹ con bà đã gặp may em à. Chị Mẫn nói tiếp. – Người làng mình bây giờ ai cũng yêu quý và nể nang bà Bốn Tè hết. Có người nói chắc bà vẫn ám ảnh chuyện giết chó dã man của ông chồng ngày xưa và ông bị dân làng ghét, nên bây giờ qua Mỹ có cuộc sống sung sướng bà trở về giúp đỡ bà con, cũng là để chuộc cái tội ngày trước dùm ông. Có điều, người ta tưởng bên này bà giàu có lắm, ai ngờ bây giờ tận mắt thấy bà khổ quá, ngồi vỉa hè bán từng bó rau thế này. Chị chấm dứt bằng tiếng thở dài.

Dù đang bận lựa mua đậu phụng tươi về luộc, tôi vẫn chú ý nghe kỹ những lời kể đều đều của chị Mẫn. Nhiều năm rồi, mỗi năm bà Bốn về làng một lần vào dịp Tết. Trước khi về, bà nhờ con cháu trong gia đình lên danh sách những người già, bệnh, đói khổ, neo đơn trong làng gửi cho bà. Về đến nơi, bà thuê một chiếc xe van kèm luôn tài xế, mua chất đầy mì tôm, gạo, quần áo, dầu nóng, sữa đặc, và rất nhiều thịt hộp “SPAM”. Xe chở về đậu ngay Xóm Kiệt bờ sông, chỗ quán thịt chó của ông chồng bà ngày trước, chẳng biết có phải ý bà muốn người làng thứ tội cho ông không. Bà cho gọi những người có tên trong danh sách tới sắp hàng rồi cùng mấy đứa cháu phân phát quà Tết. Bà rất công bằng, không thiên vị ai, dù bà con hay người dưng vẫn cho đều nhau. Đặc biệt, bà nhớ mặt rất tài tình, ai lãnh rồi gian lận muốn xin lần nữa bị bà đuổi cho chạy không kịp.

Chúng tôi mua xong ra về thì thấy bà Bốn cũng đã bán hết rau đang dọn dẹp.

Bà nói phải đợi xe buýt về nhà, vì con gái bà đi làm đến một giờ mới về đón được. Tôi nói sẽ chờ dùm bà về vì bà ở cùng chung thành phố. Bà tỏ vẻ mừng:

– Tốt quá! Vậy cháu chờ dùm bác luôn để ghé nhà chơi cho biết, có cháu Mẫn đây nữa.

Bà Bốn xếp chiếc xe đẩy lại đem bỏ sau cốp xe tôi, rồi gọi cho con gái biết chừng, và kêu cô chỉ đường tôi đến nhà bà. Thì ra bà Bốn ở không xa chỗ tôi là mấy, nhà trong khu mới xây chừng khoảng chục năm trước. Ở được khu này thì nhà bà đâu có nghèo, vậy sao bà phải đi lượm lon bòn mót từng đồng như thế nhỉ. Một trời thắc mắc hiện ra trong tôi. Trên xe, bà Bốn cho biết đã qua Mỹ cũng được gần ba chục năm. “Tè” con gái bà giờ có tên Mỹ là Tina, tốt nghiệp dược sĩ làm việc cho hiệu thuốc Walgreen thành phố gần bên, người con rể làm quản lý cho một công ty tài chính gì đó bà không nhớ tên, xa tận bên Denver, lâu lâu mới về một lần. Con trai bà, “Đái”, nay là David kỹ sư ngành điện làm ở Texas, vừa mới về hưu.

Ngôi nhà bà Bốn ở có hai tầng, cất theo kiểu mới, tường rào bằng gạch hoa có lỗ trống bao quanh. Ngôi nhà đồ sộ và đẹp mắt với nhiều cửa sổ và cửa kính, những tháp nhọn lồi ra kết nối xung quanh và mái ngói đỏ khiến ngôi nhà toát ra một vẻ huyền bí, như lâu đài trong chuyện cổ tích. Bà cụ thấy chúng tôi đứng ngắm và trầm trồ khen ngợi ngôi nhà đẹp thì giục:

– Vô trong đi các cháu! Vô trong nhà uống nước. Đi hồi sáng đến giờ chắc mệt lắm rồi.

Chúng tôi theo bà bước vô khỏi cổng thì tôi bỗng đứng khựng lại. Ngôi nhà bên ngoài nhìn rất đẹp, nhưng bên trong cánh cổng là một cảnh tượng không thể ngờ tới. Bên hông trái ngôi nhà cạnh hàng rào là một đồng hồ ồn độn các loại lon bia, lon nước ngọt đã bẹp dúm cùng với mớ bao bì. Phía trái, nằm ngổn ngang không biết cơ man nào chai lọ thủy tinh và chai nhựa, cùng những túi nilon đã dùng rồi, cộng thêm nhiều bao lớn đựng gạo, các túi xách đi chợ cũ mèm. Thật đáng ngạc nhiên, bên cạnh ngôi nhà đẹp tuyệt này lại là một bãi rác không hơn không kém.

– Trời đất ơi! Tôi kêu lên, không tin vào mắt mình. – Chính một mình bác đã lượm hết cả mấy cái đồng bự lon nhôm và chai lọ này hay sao?

– Thì phải rồi! Chứ ai vào đây? Rồi bà cười to: – Bác đã tốn mấy tháng trời đi lượm, từ hồi hè đến giờ mới được nhiều đây. Con Tè nó cứ cảm ràm, bác làm cho nhà nó giống bãi rác. Mà nó lại bận quá chưa chớ dùm bác đi bán cho hãng được. Mấy đứa cháu thì đi học xa hết rồi.

Tôi bật cười. Con gái bà đã là một dược sĩ với tên Mỹ là Tina đang hoàng, mà bà vẫn âu yếm gọi con bằng cái tên "cúng cơm" nghe buồn cười ngày trước. Thế mới biết, tốt hay xấu, ghét hay thương là do chính con người, chứ tên xấu tên đẹp thì đâu ảnh hưởng gì!

Tôi thầm nghĩ không hiểu tại sao con gái bà lại chỉ cảm ràm mà vẫn để yên cho mẹ bày rác rưởi lung tung trước nhà như vậy. Nếu là tôi, chắc tôi nhăn nhó mẹ nhiều hơn nữa, cho đến khi nào bà chịu

đem chúng bỏ ra vườn sau mới thôi. Thắc mắc của tôi được giải đáp ngay tức thì, vì cô "Tè" Tina cũng vừa bước vô, cô về sớm vì nghe khách đến. Có vẻ cô cũng ngại ngùng về mấy "đồng rác" trước cửa, nên cô tự động giải thích:

– Mẹ em ngang lắm! Bà "chiếm dụng" cả khu vườn nhà em để làm việc nghĩa các chị ơi, từ vườn trước ra đến cả vườn sau luôn. Sau nhà cũng đâu còn chỗ mà dời mấy đồng lon chai ra đó.

Tina cho biết, mới đầu thấy bà Bốn làm vậy ông chồng cô cũng có cảm ràm. Nhưng rồi thấy sức khỏe mẹ cô ngày càng khá hơn trước, bà vui và rất khỏe khi đi lượm lon, làm vườn, trồng trọt, đem bán lấy tiền để giúp người, thì ông không nói nữa. Ông còn dặn cô hãy để mẹ tự do làm theo ý bà. Người già hoạt động nhiều tốt cho sức khỏe hơn là chỉ ngồi một chỗ.

– Cho nên, em để yên cho mẹ muốn làm gì thì làm từ đó. Tina nói xong cúi xuống ôm chầm lấy mẹ, giọng rất ngọt ngào:

– Đúng hôn mẹ? Cô đưa tay vệt mấy sợi tóc lòa xòa trên trán của bà Bốn, rồi ngược lên cười vui vẻ với chúng tôi:

– Mẹ em coi vậy nhưng khỏe lắm, đã sắp chín lăm tuổi rồi mà đi bộ giỏi kinh hồn luôn, cỡ như em và mấy chị đi hồng lại mẹ đâu à nha!

Tôi thật sự xúc động trước hình ảnh đẹp của mẹ con họ. Cô dược sĩ nhỏ tuổi hơn tôi, chắc đâu cũng khoảng chừng năm mươi mấy, má phấn môi hồng, nhìn đẹp và rất thanh lịch, ôm lấy bà mẹ già nhăn nheo ăn mặc xuề xòa, nếu không nói là có hơi... bần, bằng một vẻ âu yếm tràn đầy yêu thương. Không biết trên trái đất này có được bao người biểu hiện tình thương với mẹ bằng cái cách như cô Tè

đây nhỉ. Tôi chợt thấy thật buồn, học được bài học này thì mẹ đã không còn nữa.

Tina nói xong đi mở cửa sau và rủ chúng tôi ra vườn “coi hàng của mẹ” cô nói. Tôi và chị Mẫn lại tròn mắt lên nhìn. Nguyên cả cái vườn sau của ngôi nhà, ngoài mấy đám rau lang, rau muống, và cây ăn trái ra, còn lại là nhiều dây dài những cái túi nilon cũ kỹ trong chứa đất đen, cột túm gốc những cành đào ươm đang đâm chồi nảy lộc xanh rợp một màu. Thì ra bà Bốn đã tận dụng một số cành đào cắt từ nhà bà Mỹ Tết năm đó, cắt ra từng khúc ngắn và đem ươm trồng, rồi từ đó nhân lên thành một vườn ươm thủ công, bây giờ là lúc bà thu hoạch.

– Bác Bốn ơi! Sao bác không dưỡng cho số hoa đào này lớn thêm lên, đến Tết ra hoa mới bán thì giá sẽ cao hơn bây giờ gấp bội đó. Tôi hỏi.

– Đúng là như vậy. Nhưng mỗi buổi chợ bác chỉ bán “lậu” chút đỉnh năm ba cây trên hè phố kèm với ít rau trái, chứ đâu có ghi danh trả tiền gian hàng trong chợ Trời đâu mà bán được nhiều. Mỗi tuần chợ họp chỉ có ngày thứ Sáu, nếu chờ đến chừng đó mới đem bán sẽ không kịp đâu. Bà cười rồi tiếp: – Bán bớt một số, chỉ chừa lại cỡ chục cây chờ Tết ra hoa thì đem bán giá cao hơn.

– Cảm phục bác quá, bác thật tuyệt vời! Tôi nói. – Bác già rồi mà còn biết cách kiếm tiền đem về quê giúp đỡ bà con, như vậy đâu có ai sánh bằng.

– Thật ra thì số tiền bác kiếm không nhiều lắm đâu cháu ơi! Mấy đứa con bác

để yên cho bác làm vì muốn bác vui, hoạt động để quên tuổi già, quên bệnh hoạn. Chứ lần nào bác đi Việt Nam tụi nó cũng phải mua vé máy bay, rồi còn cho tiền thêm nữa. Lần đầu bác về, thấy bên đó khổ quá nên về lại bên này mới nghĩ cách giúp. Nhưng nếu tụi con bác vì sĩ diện mà ngăn cản thì bác cũng đâu có làm được chuyện gì. Bà con mình còn nhiều người đáng thương lắm các cháu.

– Tấm lòng của bác và các anh chị thật đáng quý! Tôi nói mà lòng khâm phục vô cùng. Tôi phục bà Bốn và cũng phục Tina, một người con hiếu thảo. Cô không phiền hà người mẹ già làm cho ngôi nhà đẹp của cô lộn xộn, bày biện đồ phé thải lung tung, và trồng trọt đủ loại rau cỏ trong vườn để bán, chẳng những làm tốn nước tốn điện, mà còn trông chường mắt, mắt đi về thẩm mỹ của ngôi nhà. Nhờ con gái và chàng rể để bà tự do thoải mái, nên sức khỏe bà rất tốt. Cứ cái đà bà được tự do yêu người yêu đời như thế, bà sẽ sống trên trăm tuổi cũng không chừng.

Tina đưa chúng tôi vô nhà và đem trái cây nước ngọt ra mời. Bây giờ tôi mới quan sát kỹ, bên trong ngôi nhà bốn phòng ngủ rộng thênh thang, sàn nhà và bàn ghế đều bằng gỗ hương bóng loáng. Bà Bốn đem ra khoe với chúng tôi album hình ảnh tốt nghiệp High School của hai đứa cháu ngoại một trai một gái con của Tina, hiện giờ đang học đại học. Tina chỉ ngồi mỉm cười nhìn mẹ huyền thuyên. Bà trông thật hạnh phúc vì gặp người cùng làng. Nói chuyện một lúc thì chúng tôi từ giã, chào mẹ con bà Bốn rồi ra xe.

Tôi hạ kính xuống vẫy tay từ biệt khi thấy hai người ra cửa tiễn chúng tôi. Dáng bà Bốn khòm khòm cao chỉ tới thắt lưng con gái. Nhưng bàn tay bà vẫy lại chúng tôi trông mạnh mẽ, dứt khoát, không có một chút gì về yếu ớt của bà lão đã chín mươi lăm. Bất giác tôi tưởng tượng ra trước mắt hình ảnh bà cụ Việt Kiều còng lưng đang đứng cùng người tài xế chiếc xe van ở chỗ Xóm kiết bờ sông làng cũ, trao từng gói quà cho những người già, người nghèo khổ, neo đơn. Tôi bỗng thấy lòng rưng rưng...

Một cụ già trong tuổi hưởng nhàn sống ở cái đất nước vàng son nhất thế giới, vậy mà ngày ngày vẫn chịu khổ chặm chút lượm lon và uơm những mầm Xuân trên đất khách, chờ Tết đến thì đem bán. Rồi cặm cùi trở về ban phát Mùa Xuân cho bà con nghèo đói ở quê nhà. Có lẽ chị Mẫn nói đúng. Bà Bốn ăn

ở nhân hậu thế đó nên con cái bà nhờ hưởng phước của mẹ mà nên người nơi hải ngoại. Tôi còn nghĩ, nhờ vào đạo đức của bà, việc làm của ông Hú ngày xưa cũng đã được người làng tha thứ, quên đi. Và trong mấy chục năm qua, đây là lần đầu tiên tôi nghĩ đến “Ông hàng chó” người giết con Vàng mà trong lòng không còn chút oán giận gì.



Phượng Hoa



CHỢ TẾT ĐÀU LÀNG: Tranh của Họa Sĩ **Thanh Trí**



CALI MÙA XUÂN HOA ĐÀO NỞ

Sáng tác: **Trần Chí Phúc**

https://tranchiphuc.com/images/file/tZcoNDo_1AqEAJgd/cali-mua-xuan-hoa-dao-no-09-1-.mp3

*Hôm nay đào nở rồi em. Hoa xinh rực rỡ ngàn nơi.
Xứ người mùa Xuân đã tới. Cali nắng tươi nắng tươi.
Bâng khuâng nhìn cánh đào khoe. Em ơi màu thắm nhớ nhung.
Năm nào mùa Xuân hai đũa. Bên nhau cùng ngắm hoa đào.*

*Cali mùa Xuân hoa đào nở rộ.
Bồi hồi quê cũ có em mỗi mong người đi xa nước.
Hương lòng mùa Xuân trong tóc em bay, bè một cảnh đào tình yêu chín mướt.
Áo em mùa xưa hồng tươi sắc mới, giờ cũng phôi phai cuốn theo dòng đời.*

*Gió đông lạnh buốt còn đây. Mơn man từng cánh hoa lay.
Một lần bên nhau anh nói, hoa tươi kém thua môi em.
Bên nay anh nhớ bên kia. Cali xa quá Việt Nam.
Hẹn mùa yên vui đất nước. Anh ca bài hát hoa đào.*

Đón mừng Xuân tươi



Xuân đi Xuân đến bao lần?
Mỗi Xuân thêm tuổi đời dần ngắn đi!
Tuổi vàng chẳng mộng ước chi
An vui khỏe mạnh mỗi khi Xuân về.

Em xưa áo trắng tóc thề,
Xuân nay tóc bạc nhớ về cố hương
Năm mươi năm lẻ tha phương
Tạm xa quê Mẹ xuất dương học hành.

Đến nay chí toại công thành
Việt Nam tổ quốc sao đành bỏ rơi?
Đại dương xa cách biển khơi
Mùa Xuân đoàn kết chơi vui mong chờ.

Xuân Quê Hương chẳng phai mờ
Đón Xuân năm mới đợi chờ nửa đêm
Gia thừa đốt pháo sao quên?
Người Việt đi Lẽ như nôm trước Đền.

Xuân nơi quê Mới êm đềm?
Không gian tuyết trắng
đầy thềm quanh ta
Mừng Xuân Ất Ty hoan ca
Đón mừng Xuân mới chúng ta an bình!

Thái Hưng/PGH

Mùa Xuân Hải đảo

Bằng khuâng nhìn nắng chiều rơi
Bầy chim sả cánh về nơi giang đầu
Xuân sang hoa lá khoe màu
Tháng năm như nước qua cầu trôi mau

Sóng xô bờ cát trắng phau
Du Xuân
lữ khách bên nhau chật đường
Xa xa núi biếc mù sương
Hoàng hôn vàng thắm
như đương tối dần

Xuân tươi thắm đến bao lần?
Mặc cho hoàn cảnh xoay vần ra sao
Ba năm “Đại dịch” lao đao
Chia ly dịch bệnh mong sao sớm tàn

Trở lại cuộc sống thanh nhàn
Trời Xuân
mây “trắng” trăng “vàng” thiên thu
Nhớ thời kháng Pháp chiến khu
Trăng mờ bên suối vi vu sáo diều.

Các cô Sơn nữ mỹ miều
Tung tăng múa hát từ chiều tới đêm
Xuân Hồng Ất Ty ấm êm
Cuộc sống Hải đảo
như trên Thiên Đường.

Thái Hưng/PGH



TUYẾT ĐẦU MÙA GỢI NHỚ

**** Ngọc Hạnh ****

Sau Giáng Sinh, thời tiết vùng Hoa Thịnh Đốn càng thêm giá buốt, lạnh lẽo. Ban đêm tuần lễ thứ nhất của tháng Giêng, có khi hàn thử biểu cho biết ngoài trời còn chỉ 26 độ F. Mức lạnh kinh hồn, có thể đoán biết ngay là trời đang chuẩn bị... nả tuyết để thết đãi nhân gian, hay có thể nói là tặng thưởng cho loài người món quà đẹp trắng phau phau, trong vắt, món quà mà người ta vừa thích thú ngắm nhìn khi ở trong nhà, lại vừa... run, khi ra đường lộ.



Buổi sáng tuần lễ đầu tháng Giêng hôm ấy, thức dậy nhìn qua cửa kính, Vân thấy tuyết trắng đầy sân, lớp trên cành cây, lớp trên nóc nhà, trông rất đẹp và diễm lệ vô cùng. Dù tuyết rơi mang theo giá rét, nhưng đến mùa đông Vân vẫn mê tuyết khôn cùng.

Hôm qua Vân thức đến 11 giờ đêm, chờ ngắm những bông tuyết đầu mùa, mà chẳng thấy tuyết rơi, dù đài khí tượng

cho biết hôm nay sẽ có tuyết. Tin khí tượng khi đúng khi sai, nhưng phần lớn là đúng, nên Vân nghĩ không sớm thì muộn, bông tuyết cũng sẽ phát phơ, la đà trong gió.

Năm vừa qua vùng Hoa Thịnh Đốn có tuyết đôi lần nhưng không nhiều lắm, chưa đủ kín ngọn cỏ trước sân, và chúng tan mất trong vài tiếng đồng hồ sau đó. Tuy nhiên cũng có năm tuyết cao đến 3 tấc, trắng xóa một màu, ngàn ngọn khắp sân nhà. Cào tuyết lỏi đi

trong sân đủ cho xe ra vào rất cực và nhìn giống như xe đi giữa đường hầm băng tuyết. Lý do là lúc cào tuyết để cho xe ra đường lớn, các cháu trong gia đình đã đổ tuyết ra hai bên lối đi cao nghệu.

Người đang cào tuyết thờ ra khói, khói đông thành tuyết bám trên mũi, trên môi, trên mắt, trắng mốc cả mặt mày, lạnh ơ là lạnh! Tuy nhiên trong gia đình Vân khi ấy mọi người còn tuổi trẻ, nên vui thú nhiều hơn, và không ngại tuyết nhiều hay ít. Nhưng dù sao so với bà con nhà Vân ở Canada thì chẳng thấm vào đâu. Người bà con ở Canada cho biết có khi tuyết đóng lấp kín cả trước cửa nhà.

Nhiều đến nỗi người ta phải mất nhiều giờ xúc tuyết cho trống chỗ mới mở cửa nhà, hay cửa xe được.

Họ kể rằng, tội nhất là những người đi làm ca đêm, xe phải đậu nơi bãi đậu lộ thiên. Tan ca lúc 11 giờ đêm, có khi gặp lúc tuyết đang... chào người, dù đang rơi hay đã ngừng rơi, nhưng tuyết đóng cứng trên xe, nhất là trên mui xe, dày cả tấc. Người ta phải còng lưng cào tuyết trên mui, trên kiếng, và khi ấy cửa xe mới có thể mở được và lái về nhà. Đường xá thì vắng tanh, cả một trời tuyết và tuyết trắng xóa mịt mù. Nghe kể mà Vân cảm thấy thương cho họ.

Tuy nhiên, dù xứ tuyết lạnh lùng, nhưng may là người Canada có bánh xe loại đặc biệt "trị tuyết" dùng cho mùa Đông nên lái xe rất an toàn. Dân Canada lại rất thích mùa Đông vì họ có thể chơi các môn thể thao nơi xứ lạnh, như trượt tuyết, và các trò chơi trên tuyết... Trẻ con mặc áo thật ấm, thật dày, rồi ra sân chơi đùa ríu rít với nhau, đắp tuyết thành người tuyết (snow man), cho khăn quàng đỏ quấn quanh cổ ông Già Tuyết, đội nón nhọn cho, trông đẹp, và bảnh bao...

Mới chiều hôm qua vợ chồng con gái Vân đi chợ mua thức ăn. Cháu về cho biết bãi đậu xe đầy kín, phải đi lòng vòng mấy lượt chờ xe khách ra về mới có chỗ chui vào. Trong siêu thị các quầy bán trứng, thịt nguội, sữa, cá, rau, cây..., bánh mì hầu như trống trơn hay chỉ còn

một ít. Quầy trả tiền người ta sắp hàng cái đuôi dài ngoằng. May mà Vân không đi, vì nghĩ nhà hãy còn thức ăn, và đi chợ trong khi đài khí tượng báo tin sắp có tuyết là tự tìm sự bực mình vì sẽ chờ đợi lâu, mất thì giờ. Lúc nào chợ cũng đông khi trời sắp có tuyết theo kinh nghiệm người sống lâu năm xứ Cờ Hoa, cho nên ăn ít lại, bớt hưởng thụ, thì sẽ giảm đi sự cực nhọc lán chen, mà còn dư thì giờ để chuẩn các thứ "nghênh đón" tuyết.

Các con cháu ở xa thấy tin tức cho biết vùng Hoa Thịnh Đốn sắp có tuyết thì gọi điện về nhắc nhở Vân không nên mở cửa hay ra khỏi nhà. Ngoài đường tuy có xe ủi tuyết, nhưng đường vẫn trơn trượt vì đông đá. Ngoài ra, người cao niên dễ bị cảm lạnh vào mùa Đông dù có mặc đồ ấm và mang khăn quàng cổ dày. Đặc biệt, những ngày có tuyết, các siêu thị thường đông khách, nhưng các nhà hàng ăn uống thường thì vắng. Vân thấy rất tội nghiệp cho các tiệm ăn nhỏ vắng khách khi trời tuyết. Con gái Vân bảo "Mẹ khéo lo bò trắng răng", vì những ngày tháng khác họ đã ... hốt tiền rồi, vắng khách mấy hôm thì nhằm nhò gì chứ! Các chủ nhà hàng cũng biết trước thời tiết xấu nhờ tin tức khí tượng nên họ sẽ đóng cửa những hôm có tuyết, hoặc làm thức ăn ít hơn ngày thường thì cũng sẽ không bị lỗ.

Hoa Kỳ là vậy. Nhớ lần Vân đi du lịch Thụy Sĩ vào mùa Đông. Tuyết trắng xóa

khắp nơi: sân cỏ, cành cây, đường phố... nóc nhà, tuyết dày cả tấc. Hướng dẫn viên cho biết tuyết ở lại mái nhà cả tháng hay hết mùa Đông mới tan. Chao ơi, du khách Mỹ nghe mà... giật cả mình. Khi ấy mới cảm thấy lâu nay mình “ở trong nước mà không biết mát” vì mùa tuyết đến các tiểu bang lạnh cũng nhiều người thiên hạ... sợ tuyết nên đi “lánh nạn” ở các tiểu bang nắng ấm, như California.

Lần đó, trong chương trình chuyến đi ấy có mục đưa du khách lên núi xem trượt tuyết. Xe dừng ở chân núi nơi có siêu thị, nhà hàng ăn uống, nơi bán quà lưu niệm... Ai xem hay đi trượt tuyết thì theo hướng dẫn viên đi xe cáp (cable car) lên núi. Ai không muốn xem ở lại chân núi đi loanh quanh xem cảnh vật chung quanh, vào các nơi bán quà lưu niệm hay vào tiệm dùng nước giải khát và chờ đến giờ ra điểm hẹn để cùng nhau lên xe về khách sạn.

Tuy nhiều người đi coi trượt tuyết trong chuyến đi đó, nhưng cũng còn một số người ở lại chân núi đi vòng vòng mua và xem hàng hóa. Hôm ấy có gió to, xe cáp phải chờ cho bớt gió mới trở về chân núi. Tuy muộn, nhưng cả nhóm sau cùng đã yên tâm vì trưởng đoàn có liên lạc với chị em trong nhóm cho biết tình hình. Giờ ngồi nghĩ lại Vân còn thấy giật mình. Đường đi từ khách sạn đến chân núi là sự mạo hiểm và Vân phục tài người tài xế vô cùng. Không phải 1 chiếc

mà nhiều xe trên đường lên núi. Một bên đường đi là vách núi cao, một bên là vực thẳm. Ai ngồi trong xe gần cửa sổ sẽ thấy ngọn cây bên dưới thung lũng. Không có hàng rào hay lưới che chi hết để bảo vệ an toàn như ở Mỹ. Thật là "đùa với tử thần" nhưng nhìn các du khách không thấy ai tỏ vẻ sợ hãi hay lo lắng chi cả.

Vân nhớ lại cách đây hơn 40 năm, gia đình Vân cũng đến Hoa Kỳ vào mùa Đông. Phi trường còn những ụ tuyết cao nghệu chưa tan do mấy trận tuyết cách đó vài ngày. Công nhân cào tuyết gom thành đống để lấy đường cho xe chạy. Đường phố vắng vẻ buồn hiu, nhưng đẹp như là... cõi Tiên vì trắng toát khắp nơi.

Dù hôm ấy không có tuyết rơi nhưng tháng 12 trời khá lạnh. Người bảo trợ là bà con biết những người tị nạn xứ nhiệt đới mới đến xứ lạnh, nên đã chuẩn bị sẵn áo ấm, giày, vớ mùa Đông. Nhớ lại mà cảm động, thương cho tình họ hàng. Thời gian ấy họ cũng chật vật, tài chánh chưa rộng rãi nhưng cũng chia sẻ cho bà con mới đến xứ Cờ Hoa. Ngoài ra, người bảo trợ còn giúp đưa gia đình Vân đi khám sức khỏe, xin cho trẻ con đến trường, lo mọi thủ tục giấy tờ cần thiết cho người mới định cư. Nhiều người Việt đến trước tuy không bà con với gia đình Vân nhưng các vị ấy cũng thường thăm hỏi, mang biếu trái cây hay thức ăn và sẵn sàng đưa đi khám bác sĩ, làm

giấy tờ nếu cần. Ông bà hàng xóm người bảo trợ là người Mỹ cũng vui vẻ, sẵn lòng giúp đỡ. Ôn này gia đình Vân nhớ mãi không quên.

Hàng năm vào mùa Đông nhìn tuyết rơi hay nhìn cành lá trơ trụi, tuyết phủ trắng khắp nơi, Vân nhớ quê hương và những người thân, bà con bạn hữu, kẻ còn người mất, nhớ người hàng xóm tốt bụng thuở xưa, không biết giờ này họ ra sao, ai còn ai mất.

Ngồi nhìn lại, những em bé trong gia đình lúc Vân mới đến Hoa Kỳ nay đã trưởng thành, có gia đình riêng, học hành thành đạt, có nghề nghiệp ổn định. Các cựu học sinh nam nữ của Vân ngày xưa, nay định cư Hoa Kỳ dù tóc đã điểm sương hay bạc phơ, thành ông bà, có cháu nội ngoại, nhưng vẫn giữ nề nếp ngày trước, quý mến thầy cô giáo cũ, và thường tổ chức gặp gỡ cùng nhau nhắc chuyện xưa. Các em thân thiện với các cựu học sinh chung mái trường dù tuổi tác, trình độ khác nhau, thường tổ chức các buổi họp mặt, thăm viếng các thầy cô.

Còn hiện tại bên quê nhà, Vân "hết hồn" và quá đau lòng, khi một lần thấy trên mạng lưới internet đăng tin có nữ học sinh ở Việt Nam bị các bạn đánh hội đồng, xé rách quần áo... Còn có học sinh chận đánh thầy cô giáo! Chỉ biết cầu mong rằng tin ấy không có thật.

Năm Mới Ất Ty sắp đến, Vân cầu mong đồng bào trong nước và hải ngoại, trẻ như già, sống bình an, khỏe mạnh trong tình yêu thương, tương trợ lẫn nhau. Cầu mong hết chiến tranh, hết dịch cúm. Trẻ em đi học, người lớn đi làm, mọi người đều vui tươi, hạnh phúc.

Xin có mấy câu thơ mọn tặng quý độc giả:

TUYẾT ĐẦU MÙA

*Trận tuyết đầu mùa lạnh buốt da
Tuyết ngời trắng xóa đẹp như hoa
Ngoài đường vắng vẻ người qua lại
Góc phố co ro kẻ thiếu nhà.
Đêm đến băng khuâng ngồi nhớ bạn
Chiều tà xao xuyến nghĩ thương ta
Đông hương gặp gỡ miền quê lạ
Xứ lạnh tình nồng, vui hát ca.*

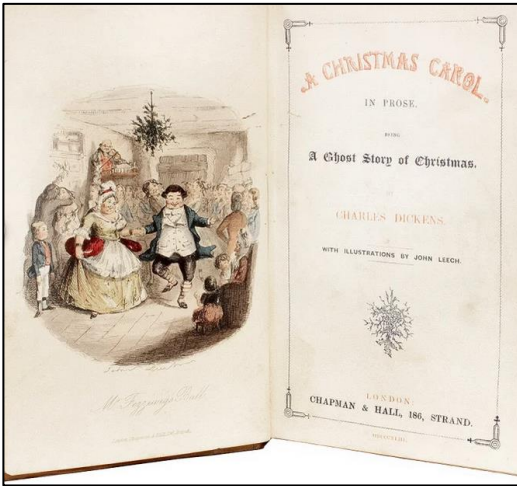


Ngọc Hạnh

CHÀNG KEO KIỆT VỚI LỄ GIÁNG SINH

Truyện của Charles Dickens

**** Phạm Văn Tuấn ****



chúc mừng ông chú một mùa Giáng Sinh vui vẻ. Scrooge đã cười mỉa mai, bởi vì ông ta không ưa tình cảm và tư tưởng, mà chỉ ham thích một thứ, đó là tiền. Đối với Scrooge, Mùa Giáng Sinh là lúc mọi người tiêu nhiều tiền hơn lúc thường, cảm thấy không giàu có hơn mà chỉ già hơn một tuổi.

Vào dịp lễ trọng đại này, Scrooge miễn cưỡng phải cho viên thư ký Cratchit nghỉ một ngày, đây là một nhân nhượng duy nhất nhưng ông chủ này vẫn cảnh cáo anh Cratchit phải tới sở làm sớm vào ngày sau Lễ Giáng Sinh.

I/ Câu chuyện Giáng Sinh.

Ebenezer Scrooge là chủ nhân của một văn phòng đầy hồ sơ, đây là một cơ sở thương mại phát đạt nhưng ông chủ lại là một người rất keo kiệt. Vào ngày mùa đông lạnh lẽo nhất, ông ta chỉ đốt trong văn phòng bằng giá một ngọn lửa sưởi rất nhỏ, còn dành cho viên thư ký Bob Cratchit một đóm lửa nhỏ hơn nữa. Scrooge chẳng hề quan tâm tới thời tiết, bởi vì ông ta luôn luôn gặp lạnh, lạnh giá từ bên trong lòng và không bao giờ ấm áp cả dù cho vào ban đêm Giáng Sinh.

Khi gần tới giờ đóng cửa vào một đêm gần Lễ Giáng Sinh, người cháu của Scrooge ghé lại văn phòng để

Scrooge rời văn phòng, đi về nhà trong một tòa nhà lớn, ông ta ở đây một mình. Ông ta có Jacob Marley là người ở chung nhưng anh này đã qua đời bảy năm về trước. Khi về tới cửa, Scrooge đã nhìn thấy bộ mặt của Marley tại nơi miếng gỗ cửa. Cảnh tượng thật là ghê sợ. Marley đã nhìn Scrooge chùng chùng với cặp kính ma quái, cái trán ma quái. Tới khi Scrooge nhìn kỹ lại, miếng gỗ cửa trở về như trước.

Cảnh tượng vừa qua đã làm cho Scrooge xao động, ông ta vào phòng, châm lửa vào ngọn nến, coi lại cẩn thận xem con ma Marley có

còn xuất hiện đó đây không. Rồi để chắc chắn, Scrooge khóa hai lần cửa. Ông ta dọn giường, lên nằm chờ cho ngọn lửa sưởi tắt dần.

Nhưng bỗng nhiên, một cái chuông không dùng tới trong căn phòng bắt đầu rung lên, rồi mọi cái chuông trong căn nhà cũng rung theo. Sau đó từ bên dưới vang lên tiếng xiềng xích nặng nề. Cửa hầm bị mở tung và ai đó đang đi lên cầu thang. Con ma Marley đang bước qua cửa nhà của Scrooge. Marley vẫn ăn mặc như trước nhưng trên người đeo đủ thứ như các chìa khóa, ổ khóa, sổ ghi, túi nặng...

Con ma Marley ngồi xuống để nói chuyện với Scrooge lúc này vừa lo sợ, vừa kinh ngạc. Nó bắt Scrooge công nhận rằng những gì trông thấy là sự thực. Marley cắt nghĩa rằng trong cuộc đời của nó, nó chẳng làm gì tốt lành cho người khác, vì vậy khi chết đi, nó bị kết tội phải đi lang thang mà không được an nghỉ, không được thanh thoi khỏi sự dằn vặt vì hối hận. Con ma nói rằng Scrooge còn có cơ hội không gặp phải số phận của nó và ba con ma khác sẽ tới thăm Scrooge để chỉ dẫn cách thay đổi. Con ma thứ nhất sẽ xuất hiện vào đêm đó lúc đồng hồ điểm một tiếng. Con ma kế sẽ tới vào đêm thứ hai và con ma cuối cùng vào đêm thứ ba. Kéo lê theo xiềng xích, con ma Marley biến mất.

Sau khi bóng ma Marley biến đi rồi, Scrooge vào giường nằm và mặc dù thần kinh bị xáo trộn, ông ta ngủ ngay nhưng khi tỉnh giấc, trời còn tối và đồng hồ gõ 12 tiếng, Scrooge đã chờ đợi tới 1 giờ sáng. Khi tiếng chuông 1 giờ tắt dần thì tấm màn che giường ngủ của Scrooge bị kéo sang một bên rồi đứng bên giường là một hình người với bộ mặt còn trẻ con, nhưng với tóc dài trắng và thân hình vạm vỡ. Con ma này tự giới thiệu là con ma của Mùa Giáng Sinh đã qua, tượng trưng cho quá khứ của Scrooge. Khi bị con ma này mời ra đi cùng với nó, Scrooge không thể từ chối được.

Hai người cùng đi như làn gió thoảng, đầu tiên ngừng lại nơi sinh trường của Scrooge. Tại nơi này, Scrooge đã nhìn thấy chính mình khi còn là một đứa trẻ bị bạn bè xa lánh và cô đơn tìm đọc các quyển sách. Rồi sau đó Scrooge nhận ra mình ở trường học, là nơi người chị đi đón về nhà vào ngày lễ Giáng Sinh. Scrooge nhớ lại chị của mình là người đã bị chết trẻ. Con ma nhắc lại cho Scrooge nhớ rằng người chị có một đứa con trai mà Scrooge đã không chăm sóc.

Trạm ngừng kế tiếp là cảnh Scrooge học nghề, tại nơi này mọi người đều vui vẻ vào đêm Giáng Sinh. Tiếp tục đi, hai người đã gặp một thiếu nữ trẻ đang khóc, cô ta bảo chàng Scrooge trẻ rằng cô nhận thấy chàng yêu tiền bạc hơn yêu cô. Con

ma đã cho Scrooge nhìn thấy cảnh sống của cô gái này lúc về già nhưng được hạnh phúc với chồng và các con. Rồi con ma Marley dẫn Scrooge trở về phòng, tại nơi này ông ta ngủ say trở lại.

Con ma thứ hai là của Mùa Giáng Sinh hiện tại. Nó dẫn Scrooge qua các con đường trong thành phố vào buổi sáng ngày Lễ Giáng Sinh. Trạm dừng chân đầu tiên là căn nhà của Cratchit, tại nơi này anh Cratchit xuất hiện với đứa cháu Tiny Tim tàn tật và gầy yếu. Trong nhà của Cratchit, một bữa ăn thanh đạm được coi là một bữa tiệc. Sau bữa ăn, Bob Cratchit đề nghị chúc tụng ông Scrooge dù cho cách đối xử này làm cho Scrooge mất vui đôi phần. Rồi con ma và Scrooge đi qua thành phố là nơi mọi người đều chúc nhau một Mùa Giáng Sinh vui vẻ. Khi nhìn vào căn nhà của người cháu, cả hai thấy cảnh vui nhộn khiến cho Scrooge cũng muốn tham gia. Cũng tại nơi này, mọi người nâng ly, chúc sức khỏe cho Scrooge. Sau đó con ma của hiện tại biến đi.

Vào đêm thứ ba, Scrooge đã nhìn thấy một con ma choàng áo đen tiến lại gần mình, đây là con ma của Mùa Giáng Sinh sắp tới. Con ma này giang hai tay ra và bắt Scrooge đi theo cho tới khi cả hai gặp một nhóm phu quét đường đang bán các món đồ của người chết. Một người đàn bà vào phòng của người chết, lấy đi các màn che giường ngủ, các khăn trải

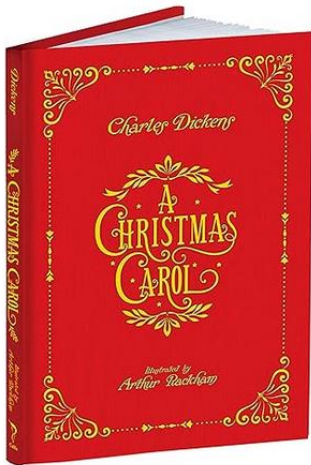
giường và ngay cả chiếc áo sơ mi mà đáng lẽ phải chôn theo người chết. Scrooge nhìn thấy một tử thi có bộ mặt che phủ, nhưng tử chối không lấy miếng che mặt ra. Khi lại thăm gia đình Cratchit, Scrooge mới biết cháu bé Tiny Tim đã qua đời.

Sau khi coi lại căn nhà làm nơi văn phòng của mình và nhìn lại nắm mồ của chính mình không được người nào chăm sóc, Scrooge nhận ra rằng mình đang nằm trong căn phòng lạnh giá, giường ngủ bị lật trơ trụi và không có ai than khóc. Scrooge đã van xin con ma đừng để cảnh hãi hùng này xảy ra, nguyện hứa sẽ thay đổi và sẽ mãi mãi trong tâm hồn tôn trọng Lễ Giáng Sinh. Scrooge cố gắng nắm lấy tay con ma và nhận thấy rằng nó thu nhỏ lại và đang đu đưa dưới chân giường. Scrooge nhẩy ra khỏi giường và cảm ơn con ma Marley đã giúp cho cơ hội được ăn năn hối lỗi.

Khi đi ra ngoài phố, Scrooge nhận ra rằng hôm nay là Ngày Lễ Giáng Sinh. Hành động đầu tiên của Scrooge là đặt mua một con gà quay lớn và gửi nặc danh tới tặng gia đình Cratchit. Vào ngày hôm trước, Scrooge đã nhờ người tìm các chỗ quỳn tặng thì hôm nay, ông ta đã tặng cho các người nghèo một số tiền lớn. Rồi ông ta còn làm cho người cháu kính ngạc do tới thăm nhà anh này, dự bữa ăn Giáng Sinh và giúp cho bữa tiệc sống động.

Scrooge không hề trở lại cách đối xử cũ. Ông ta tăng lương cho Bob Cratchit, cải tiến các tiện nghi làm việc trong văn phòng, đóng góp rộng rãi vào mọi cơ quan từ thiện và là người cha đỡ đầu cho cháu Tiny Tim. Mọi người tin rằng Ebenezer Scrooge là người hiểu rõ Mùa Lễ Giáng Sinh.

II/ Vài nhận xét về tác phẩm



"Chàng Keo Kiệt với Lễ Giáng Sinh" (A Christmas Carol) là một trong các tác phẩm danh tiếng của Charles Dickens. Đây là câu chuyện thường được kể lại trong gia đình cho các em nhỏ, với luân lý rất đơn giản, liên quan tới ý nghĩa của dịp Lễ Giáng Sinh, tới cách đối xử với những người chung quanh.

Qua cuốn truyện, tác giả Charles Dickens đã nói về cảnh nghèo khó, về tình trạng đáng thương hại của

gia đình Cratchit, về đứa bé bị tàn tật Tiny Tim trong một xã hội không giúp đỡ những người bị thiệt thòi. Nhân vật chính trong truyện là Ebenezer Scrooge, là một con người bị ám ảnh bởi đồng tiền, không có lòng trắc ẩn đối với người khác và không quan tâm tới cộng đồng, xã hội.

Scrooge thiếu lòng tin tôn giáo nên không ưa thích mùa Lễ Giáng Sinh, ngoài ra dịp lễ này còn làm gián đoạn công việc kinh doanh của ông ta và tác giả đã dùng cơ hội này để mô tả thái độ của Scrooge đối với mọi người, biết đâu rằng Lễ Giáng Sinh cũng là thời gian để bày tỏ tấm lòng từ thiện và tình yêu thương lan tỏa sang những người láng giềng.

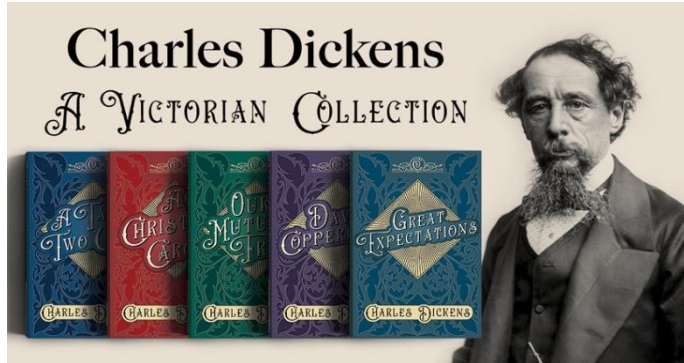
Qua câu chuyện, Charles Dickens đã dùng tới hình ảnh của bốn con ma để biểu tượng về siêu nhiên, tôn giáo và tình cảm. Con ma Marley thứ nhất tượng trưng cho một con người và Scrooge đã đối phó với con ma này một cách dễ dàng. Con ma Giáng Sinh quá khứ dẫn Scrooge về với tuổi trẻ của chính mình, với cảnh một đứa bé sống qua Mùa Giáng Sinh trong nỗi cô đơn và hoàn cảnh này đã khiến cho Scrooge xa cách các người đồng loại. Ký ức đã bị quên lãng, nay được nhắc nhở.

Con ma của mùa Giáng Sinh hiện tại tượng trưng cho thế giới bên ngoài, đầy niềm vui và tình thương mà Scrooge đã chối bỏ. Vào dịp Lễ Giáng Sinh, nhiều người dù bị nghèo

khó, chẳng hạn như gia đình Cratchit, như Bob đi làm mướn như thể một nhân viên không có nhân tính, vẫn còn nuôi dưỡng hy vọng và niềm vui tươi.

Vào thời gian của con ma Mùa Giáng Sinh sắp tới, Scrooge được giới thiệu cảnh chết chóc hãi hùng, đây là ý nghĩa sau cùng của một cuộc sống keo kiệt, người chết chẳng mang theo được gì! Khi tỉnh giấc, Scrooge đã nhận ra rằng chính mình có thể làm thay đổi tương lai, làm tăng thêm hạnh phúc cho mình và cho các người khác. Scrooge đã tặng con gà quay cho gia đình Cratchit, tham gia Lễ Giáng Sinh với gia đình của người cháu, giúp đỡ cháu bé tàn tật Tiny Tim, chia sẻ tài sản với các người nghèo và như vậy đã chuộc tội cho thời niên thiếu, đã thay đổi cách sống.

Truyện "Chàng Keo Kiệt với Lễ Giáng Sinh" của Charles Dickens đã mô tả các tâm tư sâu kín của một con người không hạnh phúc, đã nhìn lại chính mình qua một loạt hình ảnh siêu nhiên. Đã có nhiều truyện ma được các tác giả viết ra, nhưng trong câu chuyện tâm lý kể trên, Charles Dickens đã nhắc nhở những người keo kiệt hãy thức tỉnh và làm các công việc từ thiện, cứu giúp mọi kẻ nghèo hèn.



III/ Tác giả Charles Dickens

Charles Dickens là tiểu thuyết gia của nước Anh có các tác phẩm bán chạy nhất trong thế kỷ 19. Vào thời kỳ đó, đã không có các giải trí phổ thông như chiếu bóng, truyền thanh và truyền hình, đọc tiểu thuyết là hình thức giải trí chính và các tiểu thuyết không mang tính "văn học" nhiều như được đánh giá theo tiêu chuẩn hiện nay.

Các tác phẩm của Charles Dickens được nhiều giới độc giả tìm đọc. Giới trí thức ưa thích các bình luận châm biếm vừa mang tính chính trị, vừa có tính xã hội. Giới trung lưu thấy các tiểu thuyết của Charles Dickens chứa đựng nhiều hoàn cảnh tình cảm và các lời nhắn nhủ về đạo đức, còn giới nghèo khó cười lớn vì các phần khôi hài trong chuyện và họ theo dõi những lúc hấp dẫn.

Charles Dickens đã nổi được các nhíp cầu thông cảm tới mọi giai tầng của xã hội bằng các cốt chuyện lạ

lùng, các nhân vật đa dạng và tới cuối đợt bài viết đăng trên các báo, là các cao điểm hồi hộp, gây ra nhiều thắc mắc, khiến cho độc giả phải tìm hiểu ở phần kế tiếp.

Charles Dickens đã dùng các tiểu thuyết của mình để xem xét các vấn đề xã hội. Trong cuốn truyện "Oliver Twist", ông đã trình bày các điều kiện sống nghèo khó của những khu nhà ổ chuột. Ông chỉ trích các trường học tàn nhẫn, thiếu trách nhiệm của miền Yorkshire trong tác phẩm "Nicholas Nickleby", cũng như chê bai Tòa Án Chancery trong cuốn "Bleak House" (Căn nhà lạnh lẽo). Charles Dickens còn phơi bày nỗi thống khổ của các trẻ em phải lao động quá sớm và chế nhạo các cải tiến nhà tù. Ông hướng về lòng từ thiện Thiên Chúa giáo và các lý tưởng theo sự công bằng.

Các chỉ trích mang tính xã hội trong các tiểu thuyết đã làm cho danh tiếng của Charles Dickens được phổ biến, đã khiến cho giới trung lưu của thời đại Victoria tự coi rằng họ là các công dân phải quan tâm tới những vấn đề được nêu ra. Các tác phẩm của Charles Dickens mang nhiều yếu tố bi hài, bí ẩn, chỉ trích các thói xấu xã hội và mang cả đặc tính giải trí. Qua tác phẩm "David Copperfield", tác giả viết về cuộc đời

của chính mình và khám phá bản chất của các cá nhân con người hơn là bản chất xã hội, còn phạm vi tâm lý được ông đào sâu qua các cuốn tiểu thuyết viết về sau, chẳng hạn như "Little Dorrit", "Great Expectations" (Các Mong Đợi lớn lao) và "Our Mutual Friend" (Bạn Tương Giao).

Charles Dickens là nhà văn quan sát rất nhạy cảm, ông đã kích nhiều loại bạo hành và lạm dụng của xã hội, ông mô tả trẻ em thiếu tình thương của cha mẹ, không được xã hội bảo vệ, ông trình bày hình ảnh của các trường học ghê tởm, nhiều loại hình luật tàn nhẫn với cách nhốt tù vì nợ nần, các khu nhà ổ chuột mất vệ sinh và từ nơi đây đã đẻ ra các kẻ phạm tội. Ông cũng nói tới cách đối xử tàn nhẫn với trẻ em và việc khai thác sức lao động của thiếu niên, sự thiếu an toàn trong nhà máy. Như vậy phải có nhiều sai trái trong trật tự xã hội và cần phải cải tổ các kẻ xấu cũng như các định chế xấu. Những chỉ trích này, theo George Orwell, không có tính chính trị hay kinh tế mà mang tính đạo đức và tác giả Dickens đã không đề nghị gì về hệ thống xã hội mới hay các định chế mới.

Thế giới của các tiểu thuyết do Charles Dickens sáng tác là một thế giới hư cấu, giống như chuyện thần tiên nhưng lại chứa đựng các cơn ác mộng. Đây là thế giới nhìn qua đôi mắt của một đứa bé, nó đã thấy sương mù dày đặc hơn, bóng tối đen sẫm hơn, các căn nhà cao lớn hơn, khu phố trống trải hơn và mang tính đe dọa. Charles Dickens cũng mô tả cách du lịch của thời đại với xe ngựa, xe lửa, quán trọ cùng các sinh hoạt của thời kỳ Cách Mạng Kỹ Nghệ với hình ảnh của kỹ nghệ gia sẽ là chủ nhân của tương lai.

Các tác phẩm của Charles Dickens hàm chứa tính triết lý về các cách tranh đấu của con người trong các định chế xã hội và về phương diện này, ông đáng được xếp hàng cùng với các nhà văn lớn như Herman Melville, Fyodor Dostoevsky và Franz Kafka. Các nhân vật trong các tiểu thuyết của Charles Dickens mang nhiều phong thái về màu sắc, năng lực, đời sống và biến hóa, thể hiện đầy đủ tính bi hài của đời người và độc giả đã tìm thấy các nhân vật đặc sắc tương tự trong các tác phẩm của Đại Văn Hào William Shakespeare.

Theo ý kiến của nhiều nhà phê bình văn học, Charles Dickens là nhà văn sáng tạo lớn lao nhất của nước Anh với tên và bản chất của các nhân vật trong tác phẩm không thể quên được trong lòng độc giả. Tính hài hước trong các tác phẩm của ông thật là độc đáo, bởi vì ở sâu phía dưới còn thể hiện lòng nhân từ, biết thương xót kẻ khác.

Hiện nay, các tác phẩm của Đại Văn Hào Charles Dickens vẫn được độc giả khắp nơi tìm đọc và vào tháng 12 mỗi năm, cuốn truyện "Chàng Keo Kiệt với Lễ Giáng Sinh" (A Christmas Carol, 1843) thường là một món quà đặc sắc của Mùa Lễ Giáng Sinh./.



Phạm Văn Tuấn



MƯỜI NĂM TRỞ VỀ

Mười năm anh trở về
đâu còn ngôi trường cũ
cây phượng già Lê Lợi
chiều lộng gió sông Hàn
Thanh Bình đêm trăng tỏ
còn đâu ngôi nhà em
bên vườn ương Thạch Giám
Còn đâu buổi tan trường
Hai ta cùng sánh bước
trên vỉa hè Trưng Vương
lá me bay như bướm
Vương vãi mái tóc em
đôi chim nào đang hót
xao động mấy khóm hòe
ráng chiều run run khẽ
gió thì thầm bên tai
còn đâu xóm Tân Lập
bờ tre xanh biếc ngõ
nước trong suốt Bàu Sen
hai ta ngồi trên bờ
cùng ngắm áng mây trôi
mà lòng anh man mác
mà em lòng bỏ ngỡ
mai sau chuyện chúng mình
còn được yêu nhau mãi?



Mười năm anh trở về
quê nhà vắng bóng em
hỏi ai, ai chẳng biết
em lưu lạc chốn nào
một mình anh đơn lẻ
thầm khóc mối tình sâu

Mười năm anh trở về
quê nhà vắng bóng em
hỏi ai, ai chẳng biết
em đâu, em đâu rồi?
một mình anh đơn lẻ
thực hư lạc lối về

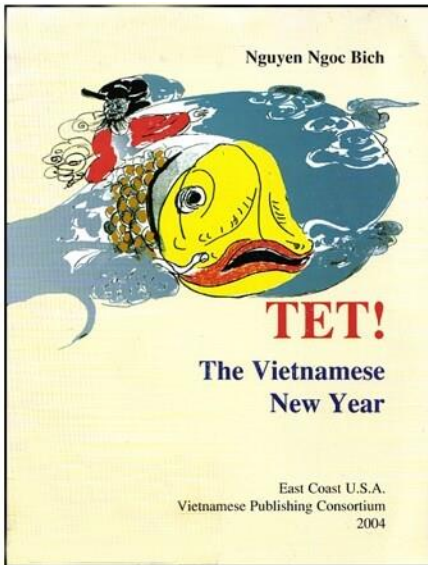
Người tôi yêu năm cũ
bây giờ biết ở đâu?
Thương xót mối tình sâu.

Nguyễn Đình Từ Lam

PHÒNG VẤN Ô. NGUYỄN NGỌC BÍCH VỀ CUỐN “TẾT!”

(Báo Đại Chúng số 134 - ngày 15 tháng 1 năm 2004)

L.T.S.- Được biết G.S. Nguyễn Ngọc Bích vừa hoàn tất cuốn “Tet! The Vietnamese New Year” trong tiếng Anh với ý định tung ra vào dịp Tết Giáp Thân tới đây, bỗng báo xin có mấy lời phỏng vấn chớp nhoáng để chia xê với bạn đọc về cuốn sách đặc sắc này.



Đại Chúng (ĐC): Xin Giáo sư cho biết động cơ nào đã đưa G.S. đi đến chỗ viết cuốn “Tet! The Vietnamese New Year”?

Nguyễn Ngọc Bích (NNB): Như Ông biết đó, tôi cũng như nhà tôi đã nhiều năm ở trong ngành giáo dục. Tôi đã từng dạy từ tiểu học lên đến đại học ở Mỹ nên mỗi năm cứ đến mùa này thì các em Việt Nam hay hỏi về Tết, các chi tiết linh tinh như “Ông Táo là gì? Tại sao lại có Ông Táo? Sớ Táo Quân ra làm sao? Sao chuyện Ông Táo lại có tới hai ông một bà?” v.v. Riết hồi thì cái mình không biết cũng phải tìm cho ra để còn có câu trả lời cho các em.

ĐC: Thế các em không hỏi bố mẹ sao?

NNB: Có chứ, chắc chắn là có nhưng có thể câu trả lời không thỏa mãn các em. Có nghĩa là các bậc phụ huynh, bố mẹ nhiều khi chỉ trả lời cho xong chuyện; đôi khi, nhất là các anh chị em trẻ mới có con được ít năm, không biết đủ để trả lời rành rẽ. Đó là chưa kể vấn đề ngôn ngữ.

ĐC: Thế là thế nào?

NNB: Tôi định nói là nếu các em còn nhỏ chưa rành tiếng Việt mà nếu ông bà, cha mẹ lại dùng nhiều chữ lạ tai chưa quen thuộc đối với các em thì các em sẽ dễ chán nản vì không hiểu gì hết. Còn nếu nói bằng tiếng Anh với các em thì gặp nhiều chữ như “bánh chưng, cá kho, cây nêu, khai bút” cha mẹ hay bậc phụ huynh lại lúng túng tìm chữ không ra. Đó là chưa kể vào lớp, nhất là ở tiểu học,

các em đôi khi được cho bài làm là kể về một nét sinh hoạt văn hóa của gia đình mình, sẽ có không ít em chọn Tết. Rồi các cô thầy ở trong trường Mỹ nữa, tới mùa này họ cũng tò mò muốn biết Tết Việt Nam là ra sao? Nó giống hay khác Tết của người Trung Hoa như thế nào?

ĐC: Do vậy mà có cuốn sách? Nhưng G.S. nhắm viết cho ai, người lớn hay trẻ con?

NNB: Đúng thế! Đó là lý do tại sao tôi lại chọn viết bằng tiếng Anh, vừa cho các em, vừa cho bậc phụ huynh vừa cho các cô thầy của các em trong trường nữa! Về ngôn ngữ, tôi chọn một ngôn ngữ giản dị, đủ để cho các em lớp 5 lớp 6 hiểu được nhưng không phải vì thế mà tôi đơn giản hóa vấn đề. Tóm lại, các em lớn hơn như ở lớp 7 lớp 8 vẫn có thể đọc một cách thích thú còn người lớn, như các cô thầy, thì tìm được ra rất nhiều chi tiết mà nếu không có cuốn sách của tôi sẽ phải mất công cả năm chưa chắc đã tìm được ra câu giải đáp.

ĐC: Giáo sư nói thế là thế nào?

NNB: Tôi chỉ xin đơn cử một hai thí dụ. Tại sao Tết Việt Nam lại phải có hoa? Ảnh hưởng này từ đâu tới? Nếu chuyện Ông Táo là có tới một bà hai ông thì khi lên Thiên Đình ai là người được chọn đi lên trên đó làm lập-bô, đọc “Sớ Táo Quân”? Chính vì câu chuyện này không rõ nên khi còn ở Đài Á Châu Tự Do, mỗi năm làm kịch Táo Quân tôi lại cho là có hai ông Táo (Táo Anh, Táo Em) đi từ

Việt Nam nhưng hải ngoại thì lại cử cô Táo lên Thiên Đình, làm náo loạn cả trên đó. Thành thử cũng vui!

ĐC:Ồ hay nhỉ! G.S. có thể tóm gọn một vài đặc điểm của cuốn sách G.S. vừa hoàn tất không?

NNB: Vâng, trước nhất nó là khoảng 150 trang khổ lớn nhưng vì là viết cho các em nên tôi cố gắng viết giản dị, ngắn gọn, dễ hiểu. Đặc biệt là trang nào tôi cũng có tranh hay hình vẽ kèm theo để cho các em dễ mường tượng, nhìn ngay ra chuyện đang nói là hình thù nó ra sao, có thấy ở nhà mình không v.v.? Do đó nên sách có hơn 100 tranh hình minh họa mà tất cả là thuần túy của Việt Nam, tôi tránh tối đa chuyện đi mượn tranh của người ta, như của Tàu chẳng hạn. Tàu với ta là chắc chắn có nhiều điểm tương đồng nhưng không phải hết cả. Do đó nên chỗ nào khác, chỗ nào giống tôi cũng nêu ra để làm tỏ bật cái tính cách Việt Nam của Tết Việt Nam.

ĐC: Một cuốn sách như vậy đã có trong tiếng Việt chưa, thưa Giáo sư?

NNB: Điều làm tôi ngạc nhiên nhất khi bắt tay vào việc viết cuốn này, xem ra không đâu có một cuốn chuyên dành về Tết-trong tiếng Việt cũng như trong tiếng Anh hay tiếng Pháp! Thế mới lạ! Tôi cứ tưởng một cuốn sách như vậy phải là một trong những ý nghĩ đầu tiên xảy ra cho một người viết sách về phong tục Việt Nam. Ấy vậy mà không. Nói về Tết thì ta có thể có dăm trang đây, dăm trang

đó trong các sách như Việt Nam Phong tục của Phan Kế Bính hay Đất Lề Quê Thói của Nhất Thanh hoặc Nếp Cũ của Toan Ánh, chứ tuyệt nhiên không có một cuốn sách nguyên dành cho đề tài thật hấp dẫn này. Lại có những sách chuyên khảo về một hai khía cạnh của Tết như hai tập sách dày Bút khảo về Xuân của B.S. Lê Văn Lân in ra cách đây ít năm nhưng sách này lại không có tham vọng nói hết về Tết. Rồi năm ngoái năm kia, ở trong nước ông Hữu Ngọc có cộng tác với bà Barbara Cohen ra một cuốn sách mỏng về Tết viết trong tiếng Anh và in hình màu mè đủ cả nhưng ở trong đó không thiếu những thông tin sai lệch, không chính xác, đó là chưa kể có nhiều chuyện lẫn vào trong đó như một phần dành cho Tết của các dân tộc có mặt ở Việt Nam, làm cho người đọc rất khó nắm bắt những ý chính của cuốn sách.

Có nghĩa là họ chưa kịp hiểu về Tết của người Kinh thì đã bị lẫn vào chuyện các hội Xuân hay Tết của các dân tộc khác. Rồi nhiều điều chính các tác giả cũng không phân biệt được cái gì của người Trung Quốc và cái gì của người Việt. Do đó nên tôi mong cuốn sách của tôi sẽ đem lại nhiều điều lý thú cho người đọc Việt Nam, để hiểu rõ về mình hơn.

ĐC: Tóm lại, “everything you ever want to know about Tet”?

NNB: Vâng, đúng thế! Tôi dám tự hào đây là cuốn sách đẹp nhất về Tết mà chúng ta có từ trước tới giờ! Thêm vào đó, cuốn sách có câu trả lời cho tất cả những câu hỏi mà người Việt cũng như người ngoại quốc có thể muốn hỏi về cái Tết rất đặc sắc của chúng ta.



MỜI XEM ĐÀI PBS NÓI CHUYỆN VỚI GS NGUYỄN NGỌC BÍCH VỀ TẾT VIỆT NAM:

BOB ABERNETHY, anchor: Last Sunday (January 29), Vietnamese people all over the world celebrated Tet - the first day of their new year. The week-long holiday is a time for prayer and family reunions, and it usually combines bits of Buddhism, ancestor worship, and Daoism, the Chinese system for harmonizing with nature and observing life's passages. Nguyen Ngoc Bich follows his family traditions in Springfield, Virginia.

<https://www.pbs.org/wnet/religionandethics/2006/02/03/february-3-2006-vietnamese-new-year/12831/>

NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

**** Trần Quốc Dũng ****

Hôm nay, nhân dịp đọc tiểu sử của Cố Tổng Thống Jimmy Carter, được biết Ông đã ra lệnh cho Hạm đội Hoa Kỳ cứu vớt thuyền nhân Việt Nam, tăng số người tị nạn vào Mỹ, xây nhà tình thương ở Mỹ và nhiều nơi trên thế giới, được giải Nobel Hòa bình năm 2002... Thật là một vĩ nhân hiếm có! Như vậy Tổng Thống Carter là một trong những ân nhân của thuyền nhân (boat people) Việt Nam, một trong những đề tài mà tôi lưu tâm từ lâu.

Mặc dù tôi không chính thức là boat people, nhưng cũng có những sự trùng hợp của câu chuyện hy hữu và kinh nghiệm bản thân mà tôi muốn chia sẻ với quý vị sau đây. Cảm ơn sự khuyến khích của các bạn đã biết một phần câu chuyện, và cũng may là trí nhớ của tôi cũng còn khá tốt để ghi lại.

Tôi ra trường Y khoa, Đại học Sài Gòn cuối năm 1973. Đầu năm 1974 thì được trưng tập, chỉ định vào Lực Lượng Tuần Thám (LLTT) Hải Quân Việt Nam, căn cứ ở Mỹ Tho, nhận nhiệm sở tháng 8 năm 1974, làm Trưởng phòng Quân Y. Lần đầu tiên trong đời trong quân ngũ, tôi được đối diện trực tiếp với chiến tranh tàn khốc, tương tàn, trong những lần đi thăm các đơn vị trực thuộc tại các tỉnh miền Tây và đi nhận xác các chiến binh. Tôi cũng xin tình nguyện làm việc tại Bệnh

viện 3 Dã Chiến tại Mỹ Tho, phụ nhóm bác sĩ giải phẫu vì tôi được học ngành giải phẫu trong 2 năm cuối.

Đầu tháng 3, 1975, tình hình chiến tranh leo thang, LLTT được chỉ định lên tỉnh Long An hỗ trợ. Hàng ngày tỉnh bị pháo kích, nhất là buổi tối, người bị thương vô số kể. Khi được biết các bác sĩ của Bệnh viện Tiểu khu đã bỏ đi hết, trừ Y sĩ trưởng, tôi xin phép Đại tá Dõng, Tư lệnh phó, cho tôi hàng ngày sang bệnh viện chăm sóc các người bị thương cùng với anh y tá Thông.

Ngày 29 tháng 4, khi tới phòng cấp cứu thấy một người bị rất khó thở, biết là anh bị trúng đạn lồng ngực (vết thương làm không khí vào mà không ra được, làm ép phổi và tim, nếu không được đặt ống ngực (chest tube), sẽ chết sớm. Tôi và anh Thông đẩy người bệnh vào phòng mổ và thực hiện được cuộc giải phẫu dã chiến.

Sáng ngày 30 tháng 4, toàn đơn vị di tản bằng đường sông, ra gần cửa biển thì gặp chiến hạm chót rời bến Bạch Đằng do Trung úy Hùng lái. Khi biết trong nhóm di tản có Đại tá Dõng, người có kinh nghiệm đi biển, chiến hạm dừng lại cho nhóm chúng tôi lên. Trên đường tới Côn Sơn, một sản phụ lâm bồn, tôi được gọi để giúp sanh em bé. Nhờ kinh nghiệm khi thực tập và

làm nội trú tại bệnh viện Từ Dũ, tôi may mắn giúp được mẹ tròn con vuông. Trong tháng giêng 1992 tôi cũng lại có dịp đỡ đẻ cho cô cháu chuyền bụng ngay tại nhà.

Sau này khi qua Mỹ, có phu nhân của một Sĩ quan Hải quân muốn viết về quân sử HQ VNCH, Đại tá Dũng biết chuyện nên giới thiệu để bà phỏng vấn tôi và anh bạn Nguyễn Việt Kim (Anh Kim đã email cho tôi bài phỏng vấn “Theo Dòng Thời Gian” - đính kèm 1).

Trong những năm đầu thập niên 1980, số người vượt biển gia tăng trong đó có các anh em tôi, tôi mới để ý tới tình trạng boat people, cùng với các bạn sinh viên trong vùng thành lập Ủy ban cứu trợ đồng bào tị nạn Đông Nam Á. Sau khi học xong chuyên môn năm 1982, tôi bắt đầu làm việc tại nhà thương của Đại học Georgetown trong thủ đô Washington.

Khoảng tháng 8, 2012, tôi có dịp chăm sóc anh Jamison, một người bệnh cần mổ lại đầu gối (anh bị một tai nạn xe, hư đầu gối, đã mổ nhưng vết thương nhiễm trùng, phải mổ lại nhiều lần). May thay, ngày hôm đó tôi có dịp nói chuyện với anh Jamison khá lâu, mà tôi viết trong thư tháng 8, 2012 (đính kèm 2). Anh từng làm việc trên tàu LNG Capricorn, cứu vớt rất nhiều thuyền nhân. Khi thăm nhà anh Jamison, anh đưa cho tôi một số hình chụp chung với các thuyền nhân. Tôi scan lại các hình, gửi cho tất cả các bạn quen biết và nhờ chuyển tiếp.

Không ngờ, thư và hình qua tới Canada đúng nhà 1 em bé được sanh trên tàu Capricorn (đính kèm 3) và một gia đình bên Úc nhận ra được trong hình có gia đình mình, họ có gọi cho tôi biết.

Tôi học được qua anh Jamison:

1- Khi bị tai nạn xe cộ, nhất là khi mình là người bị nạn, không nên nhận giàn xếp của công ty bảo hiểm sớm khi vết thương còn đang cần chữa trị. Anh Jamison được công ty bảo hiểm trả \$100,000 với điều kiện không đòi hỏi gì về sau. Không ngờ anh bị mổ nhiều lần, không đi làm được, tiền bồi thường đã hết cạn.

2- Tin ở sự nhiệm màu thiêng liêng: nếu mình làm hết sức thì thế nào cũng có quý nhân phù trợ.



Cảm ơn quý vị đã cho phép tôi chia sẻ những kinh nghiệm hy hữu này. Kính chúc quý vị một năm mới 2025 an vui thịnh vượng.

Trần Quốc Dũng

Đính kèm:

- 1- Theo giòng thời gian.
- 2- Thư gửi tháng 8, 2012
- 3- Thư của cháu Đoàn Capricorn Nguyễn và giấy khai sinh

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

ĐÍNH KÈM # 1:

From: Kim Nguyen-Viet

To:

Sent: Friday, April 26, 2019, 07:19:50 PM EDT

Subject: theo dòng thời gian: bác sĩ Trần Quốc Dũng

bác sĩ Trần Quốc Dũng học y khoa 1966-1973, sau khi tốt nghiệp ông trung tập vào quân y hải quân. Hiện ông là bác sĩ giáo sư Y Khoa tại Georgetown University Medical Center tại Washington DC.

Kim

Tháp tùng Bộ-Tham-Mưu Lực-Lượng Tuàn-Thám là bác sĩ Trần Quốc Dũng, vị y-sĩ được tất cả đơn vị Hải-Quân cũng như đồng bào và quân bạn tại bệnh viện Long-An mến phục. Từ giữa tháng 4, hầu như tất cả bác sĩ trong tỉnh Long-An đều di tản. Mỗi ngày số thương vong do đại bác của địch và thương binh từ các mặt trận đưa về nườm nượp, nhưng khó tìm ra được một y-sĩ!

Ngoài những lúc hành quân với Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 99 để săn sóc thương binh tại mặt trận, vị y-sĩ tốt nghiệp khóa 16 Trưng Tập-Trần Quốc Dũng-cùng với trung sĩ y-tá tên Thông, chưa kịp cất áo giáp, nón sắt, đã vội vàng đến ngay bệnh viện Long-An để cấp cứu nạn nhân chiến tranh.

Lúc này xác thường dân chết vì hỏa tiễn của Việt-Cộng nằm rải rác ven đường. Vô số người bị thương được đưa đến bệnh viện Long-An. Tại phòng nhận bệnh, nạn nhân chiến tranh nằm la liệt mà chỉ có hai y-tá phụ trách! Trong số những nạn nhân, một người bị mảnh pháo kích ghim nơi ngực, thở không được.

Biết rằng nạn nhân này cần phải được giải phẫu cấp kỳ, bác sĩ Dũng và y-tá Thông đẩy ngay người này vào phòng mổ. Dụng cụ giải phẫu và thuốc men đều bị khóa kín trong tủ. Trong khi bác sĩ Dũng và y-tá Thông đập bể tủ, thực hiện cuộc "giải phẫu dã chiến" cứu sống nạn nhân thì Việt-Cộng pháo nặng hơn. Kho dầu và kho đạn Long-An trúng đại pháo. Và, ít nhất, có hai hỏa tiễn rơi ngay bệnh viện, gây thêm rất nhiều tử vong!

Nghe bệnh viện trúng đạn pháo kích, thân nhân dùng đủ mọi phương tiện để di chuyển người thân của họ ra khỏi bệnh viện. Bác sĩ Dũng và y-tá Thông vẫn tiếp tục băng bó, săn sóc, cấp cứu nạn nhân trong những tiếng nổ rền trời của từng đợt hỏa tiễn do Việt-Cộng nã vào thành phố Long-An.

Cũng thời điểm này, Đại-Úy Trưởng Phòng An-Ninh Lực-Lượng Tuàn-Thám – theo lệnh của Phó-Đề-Đốc Nghiêm Văn Phú - vào bệnh viện đưa bác sĩ Dũng di tản. Bác sĩ Dũng bảo: *"Đại-Úy thưa với Tư-Lệnh, nếu Tư-Lệnh muốn chạy thì cứ chạy đi. Tôi ở lại với anh em."*

Khi nghe lệnh đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh, Đại-Tá Dũng cho một chiếc Jeep đi tìm bác sĩ Dũng. *(Đại-Tá Dũng là vị sĩ quan đầu tiên của khóa 8 Hải-Quân Nha-Trang được thăng Đại-Tá. Ngay khi mặt trận Long-An vừa bùng nổ, Lực-Lượng 99 – dưới sự chỉ huy của Hải-Quân Đại-Tá Lê Hữu Dũng – được đưa vào chiến trận.)*

ĐÍNH KÈM # 2:

Ân nhân của thuyền nhân Việt Nam

Thưa bà con cô bác:

Hôm nay tôi có một người bệnh nhân, biết tôi là người gốc Việt Nam, đã kể cho tôi chuyện hơn 30 năm trước đây.

Anh Jamison, nay 55 tuổi, từng là thủy thủ của tàu LNG Capricorn, chuyên chở khí lỏng tới các nước vùng Đông Nam Á. Ngoài LNG Capricorn, còn có LNG Taurus, Leo ... Thay vì đi lộ trình thường, các thuyền trưởng LNG đã cố ý đi qua ngã mà các boat people hay đi để cứu thuyền nhân, dù rằng lối này mất hơn 2 ngày.

Không tháng 4-5, 1981, LNG Capricorn đã gặp một thuyền hơn 100 người, gần chìm. Thuyền trưởng cho hạ cầu thang để các thuyền nhân đi lên. Vì anh Jamison trẻ lại khỏe nhất trên tàu, nên được cử xuống thuyền để đỡ các em bé lên, có lúc sóng lớn, tàu phải thòng võng xuống cho các em bé. Anh Jamison ráng ôm một bà mẹ có bầu lên nhưng không được, nên cũng phải đỡ bà lên võng. Tối hôm đó có 1 sản phụ sinh con - vì trên tàu Mỹ nên đương nhiên là công dân Mỹ! Sau khi tàu cập bến, gia đình em bé này đã được chở đi ngay. Các thuyền còn đi được thì LNG cho dầu và lương thực để tiếp tục đi.

Anh Jamison ước lượng các LNG đã vớt khoảng **500** thuyền nhân. Anh hỏi là không biết các thuyền nhân này bây giờ ra sao. Tôi hứa với anh là tôi sẽ gửi thư đi khắp nơi, để nếu ai đã được các tàu LNG vớt, thì sẽ cho anh biết.

Anh Jamison nói là có nhiều hình ảnh chụp từ trên tàu LNG. Khi nào anh bình phục, tôi sẽ tới nhà anh, xin mượn hình, scan lại, để bà con coi. Anh còn vẽ hình tàu LNG, và tôi Google tìm ra hình và vài tin liên quan.

Tôi gửi thư này đi, để chúng ta cùng cảm ơn hãng tàu LNG, thuyền trưởng và nhân viên trên tàu đã cứu vớt các đồng bào vượt biển tìm tự do. May rằng thư sẽ đến một số người đã được các tàu LNG cứu, viết thư cảm ơn. Em bé sanh trên tàu bây giờ cũng 31 tuổi rồi! Chắc anh Jamison sẽ vui lắm khi nhận được thư.

Kính,**TQ Dũng**

Kính xin bà con chuyển giùm thư này tới các bạn quen biết.

Ngày 24 tháng 8, 2012

Kính thưa bà con cô bác,

Lúc tôi đang viết thư này thì anh Jamison còn đang nằm ở phòng hồi sức, tình trạng rất tốt. Tôi đã tìm hiểu thêm về công ty có các tàu LNG, vì cũng thắc mắc là tại sao các tàu này đã làm những chuyện nhân đạo như vậy, dù biết rằng thuyền nhân Việt Nam đi tìm tự do đã được rất nhiều vị cứu tinh khác. Tôi xin gửi tài liệu đính kèm, rất cảm động.

Tôi xin trích một đoạn:

The Energy Transportation Corporation, which operated a line of 8 LNG ships under the American flag, was founded by a Chinese-American named C.Y. Chen. Chen himself had fled his native country in the 1940's. The company did not forbid its captains to stop for refugees. In a January 1987 newsletter, the Energy Transportation Corporation reported that the U.N. High Commissioner for Refugees in Japan had recently commemorated the company for rescuing 1,481 Indochinese refugees from 1979 to 1986."

Xin tóm tắt là "Công ty Energy Transportation Corporation, có 8 tàu LNG, mang cờ Hoa Kỳ, được thành lập bởi một người Mỹ gốc Hoa, tên là C.Y. Chen. Chính Ông Chen đã trốn thoát

Trung Hoa từ năm 1940. Công ty không cấm các thuyền trưởng dừng lại để cứu vớt thuyền nhân ..." Vậy thì các người Việt tị nạn chúng ta biết thêm tên một ân nhân nữa: Ông **C.Y. Chen** (Ông C Y Chen đã qua đời năm 1994. Công ty EGT đang được điều hành bởi con trai của Ông, tên là Ông Kimball C Chen)

Kính, **TQ Dũng**

TB: Tôi hy vọng sẽ tìm được ít nhất một thuyền nhân được các tàu LNG của Ông C Y Chen cứu vớt

DÍNH KÈM # 3:

LNG CAPRICORN
ENERGY TRANSPORTATION CORPORATION

10 APRIL 1984

CERTIFICATE OF BIRTH

PLACE OF BIRTH: ON BOARD S.S. LNG CAPRICORN
OF UNITED STATES OF AMERICA REGISTRY, HOME PORT PHILADELPHIA

HAILING PORT: WILMINGTON, DELAWARE, OFFICIAL NUMBER 588006

IN LATITUDE 14° 55' NORTH LONGITUDE 114° 57' EAST
SOUTH CHINA SEA AT 0055 GMT, 0855 LOCAL (ZD-8) 10 APRIL 1984

CHILD'S NAME: CAPRICORN NGUYEN DOAN

DESCRIPTION: WEIGHT 2.5 KILOGRAMS, HEIGHT 43.2 CENTIMETERS, BLACK HAIR - FEMALE

PARENTS: MOTHER: DOAN THI DIEM, AGE 25, VIETNAMESE CITIZEN
FATHER: NGUYEN VAN HA TIEM, AGE 42, VIETNAMESE CITIZEN

I HEREBY CERTIFY THAT THE ABOVE NAMED CHILD WAS BORN ALIVE AND IN GOOD HEALTH.

JOHN J. DONAHUE, MASTER
LICENSE NUMBER 540224
STATE OF NEW YORK NOTARY PUBLIC
NO. 41-4623469
COMMISSION EXPIRES MARCH 1985
FOR OWNERS: WILMINGTON TRUST COMPANY
FOR CHARTERERS: BURMAH GAS TRANSPORT
FOR OPERATORS: ENERGY TRANSPORTATION CORP.
540 MADISON AVE., N.Y., N.Y. 100

WITNESS: **LAWRENCE PASTASINI**
CHIEF OFFICER
LICENSE NUMBER 556975

COPY

(Note: Copy of birth announcement telex attached)
NR CA-0563/84

OSAKA OFFICE - 1002 P.O. BOX 24, NAKANOSHIMA CENTER BUILDING, 2-27, 6-CHOME, NAKANOSHIMA, KITAKU, OSAKA 530, JAPAN

Ngày 25 tháng 9 năm 2012

Kính chào chú Quốc Dũng,

Con xin tự giới thiệu con tên là Đoàn Capricorn Nguyễn. Con sinh ngày 10 tháng 4 năm 1984 tại trên tàu LNG Capricorn vì ba má con đã đi vượt biên và đã may mắn được cứu giúp.

Vì vậy nên ba má con đã đặt tên con là Capricorn. Con sinh ra trên chiếc tàu và đã ở Nhật 5 năm. Sau đó con được bảo lãnh qua Canada và ở Montreal tại Province Quebec. Con xin kèm theo giấy khai sinh của con và một bài báo tiếng Nhật đã đăng lúc con mới tới Nhật. Lúc đó thuyền trưởng của chiếc tàu LNG Capricorn là ông Lawrence Pastasini. Con gởi cho

chú vì con xin được liên lạc với các ân nhân đã cứu gia đình con và tất cả những người thuyền nhân. Nếu không có họ thì con đã bị chết trong bụng má con trên chiếc ghe nhỏ mà ba má con lên để vượt biển rồi.

Xin cảm ơn chú!

Nay kính,

Đoàn Capricorn Nguyễn

Tiếng Việt tại Hải Ngoại sau 50 năm và Hội Giáo Dục Trẻ Em Vùng Hoa Thịnh Đốn (VYEA)

** phannũlan **

Suy từ câu nói bất hủ của học giả Phạm Quỳnh "Truyện Kiều còn thì nước còn", thì có lẽ tiếng Việt còn thì nước Việt còn. Mà theo nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, "Sống trên đời sống cần có một tấm lòng", mình có được tấm lòng thì ý nghĩa cuộc đời mình không lẽ để gió cuốn hết đi.

Từ bài hát vỡ lòng "tôi yêu tiếng nước tôi", vào đời mà biết đọc biết viết cũng nhờ các cô các thầy của những ngày đầu tiên ấy.

Nay ở những phương trời luân lạc xa quê hương, người Việt nhìn ra thế giới mà tự hào là mình vẫn còn gìn giữ tiếng mẹ đẻ và những phong thái Việt, tục lệ Nam. Cha mẹ khổ công dạy dỗ con cái ráng tập tiếng Việt và đừng quên công cha nghĩa mẹ.

Ở cái xã hội đa nhiều hợp chủng, nổi lo mất tiếng mẹ càng canh cánh bên lòng. Thế nên từ ngày một, trên khắp cộng đồng người Việt hải ngoại đã mọc lên những trường tiếng Việt trong những Little Saigon, bên cạnh các chợ Việt Nam, các quán Phở, mà ngay cả ở những ngoại ô thưa người cũng có các lớp cho các trẻ học mấy chữ ê a.

Càng hội nhập lâu năm, việc gìn giữ tiếng Việt càng trở nên khó khăn hơn. Ngược lại với kỹ thuật dạy ngôn ngữ ngày càng giúp việc dạy dễ dàng, khuyến khích được người mình nói tiếng Việt càng ngày càng khó, người lớn cũng vậy, huống gì các trẻ em.

Việc truyền bá duy trì tiếng Việt và văn hóa Việt từ lâu vẫn là "ăn cơm nhà vác ngà voi", các thầy cô đều tình nguyện cung cấp hàng chục năm trời cho nghĩa vụ này.

Một thí dụ là gia đình thầy Chữ Bá Anh và nữ sĩ Vi Khuê, xưa hai người từng là Hiệu trưởng trường trung học Văn Học & Văn Khoa, Đà Lạt trước 1975. Họ tiêu biểu cho lớp tiền phong trong công việc gìn giữ nguồn Việt, qua các hoạt động với Hội Giáo Dục Trẻ Em Vùng Hoa Thịnh Đốn (VYEA). Hội hoạt động liên tục từ 1977 cho đến khi thầy CBA qua đời năm 1996 và rồi tiếp tục với các cộng sự viên và các con cái của ông bà, cho đến năm 2023 thì ngừng hẳn.

Mỗi năm trong suốt 46 năm ấy, "lớp Hè Tiếng Việt" của VYEA với sự đóng góp của hàng trăm cha mẹ, hơn 50 thầy cô, đã dạy tiếng Việt chữ Việt cho khoảng 400 học sinh tuổi từ 6 đến 18 tuổi. Ngoài việc dạy chữ, các thầy cô bỏ rất nhiều công tạo các sinh hoạt cho các trẻ em trong không khí đùm bọc của một nhà Việt Nam.

Vùng thủ đô Hoa Kỳ có khoảng dưới một trăm ngàn người Việt gốc Mỹ, một con số khá lớn nhưng không bằng các vùng Orange County hay San Jose ở California, hoặc ở Houston Texas, chưa kể ở Âu Châu như Ba Lê, Luân Đôn, vv. Theo Thanh Trúc, RFA (2015): *Nói gót tiên phong từ Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn, nhiều trường Việt ngữ vùng Virginia và phụ cận lân*

lượt thành hình. Bà Lê Tổng Mộng Hoa, trước là giáo viên, từng dạy tiếng Việt nhiều năm trong Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn: “Ngoài trường Việt ngữ của Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam, gọi tắt là VYEA, còn có **trường Việt ngữ Thăng Long, trường Việt ngữ nhà thờ St. Michael, trường Việt ngữ Nhà Thờ Các Thánh Tử Đạo, Lớp Việt ngữ chùa Hoa Nghiêm**, và Nhà Việt Nam sau này cũng có mở Lớp Việt ngữ. Trong các hoạt động của Hướng Đạo thì các huynh trưởng cũng có dạy Việt ngữ cho các em.

Bang Maryland có **lớp dạy tiếng Việt của Giáo Xứ Mẹ Việt Nam và trường Việt ngữ Hoà Hương**. Maryland, tuy ít mà cũng được khoảng 100 em theo học.”

Rời miền Đông Bắc Hoa Kỳ với dân số Mỹ gốc Việt đông hàng thứ ba nước Mỹ, Texas là tiểu bang có số người Việt đông hàng thứ hai. Năm 1986, tại thành phố Houston, Texas, ba nữ sinh viên Vân Anh, Nguyệt và Huyền, đứng ra thành lập **trường Việt ngữ Hùng Vương**. Hiện tại trường Việt ngữ Hùng Vương đã yên vị trong Đại Học Cộng Đồng Houston với số học sinh thay đổi từ 400 đến 450. Không chỉ trường Việt ngữ Hùng Vương với bề dày sinh hoạt gần ba thập niên, nhiều lớp Việt ngữ khác trong thành phố Houston cũng góp mặt đều đặn hàng tuần. Theo ký giả Dương Phục, Giám đốc đài Saigon Houston:

“Các cơ sở tôn giáo, các chùa các nhà thờ đều có lớp Việt ngữ. Những lớp Việt ngữ này bền bỉ vì có số học sinh đều đặn. Hiện giờ có một số những người trẻ hoặc là giáo chức cũng mở những trung

tâm dạy Việt ngữ không những cho trẻ em mà cả cho lớp lớn tuổi nữa. Bây giờ giới trẻ dù đi vào đại học rồi mà vẫn muốn thông thạo Việt ngữ hơn mặc dù đã sử dụng Việt ngữ cũng tầm tạt trong sinh hoạt gia đình. Cho nên có những lớp Việt ngữ dạy cho lớp 12 trở lên hay cả những sinh viên đại học. Đây là điều cho thấy giới trẻ bây giờ không phải đi học vì bố mẹ bắt ép đi học mà họ tình nguyện đi học.

Dallas hay Austin cũng là những thành phố có đông người Mỹ trong tiểu bang Texas, mỗi nơi đều có từ ba đến bốn trường dạy tiếng Việt lớn nhỏ. Tại Dallas, **trường Văn Lang** được coi là một trung tâm Việt ngữ lớn và đông học sinh trong thành phố.

Từ Texas ngược lên California với cộng đồng cư dân Việt đông hàng đầu nước Mỹ, chủ tịch Ban Đại Diện Các **Trung Tâm Việt Ngữ Nam California** là cô Nguyễn Khoa Diệu Quyên, giáo viên Toán và năm nay thêm môn Việt ngữ tại trung học Pacifica, học khu Garden Grove: Ban Đại Diện Các Trung Tâm Việt Ngữ giới thiệu bộ sách giáo khoa từ lớp Mẫu Giáo cho tới Lớp Năm, đã được ấn hành cũng như đã được quý thầy cô tại các Trung Tâm Việt ngữ sử dụng để dạy tiếng Việt cho các em mỗi cuối tuần. Ngoài ra còn có bộ sách lịch sử bằng tranh, có hai phần tiếng Việt và tiếng Anh, để dạy cho các em lịch sử bằng những hình ảnh dễ nhớ và có thể học hỏi nhanh hơn.

Các cơ sở tôn giáo, các chùa các nhà thờ đều có lớp Việt ngữ. Những lớp Việt ngữ này bền bỉ vì có số học sinh đều đặn. Hiện giờ có một số những người trẻ hoặc là giáo chức cũng mở những trung

tâm dạy Việt ngữ không những cho trẻ em mà cả cho lớp lớn tuổi nữa”.

Theo bà Huỳnh Thị Ngọc, một trong những người sáng lập **Trung Tâm Văn Hóa Hồng Bàng** ở Nam Cali: “*Trung Tâm Văn Hóa Hồng Bàng chính thức thành lập năm 1993, niên khóa 93-94, trên 20 năm rồi. Đầu tiên hết chỉ có 60 em học sinh thôi, thầy cô giáo thì trên dưới 10 người. Qua chặng đường dài hai mươi mấy năm thì số học sinh bây giờ xấp xỉ trên dưới 800 em. Tất cả thành viên của Hồng Bàng khoảng 80 người, giáo viên đứng lớp là 72 người. Tất cả chúng tôi đều là những thành viên thiện nguyện. Chúng tôi sinh hoạt tự túc, sách cũng tự túc in ra”.*

Trong lúc Bắc California, thành phố San Jose, không thua với những trường Việt ngữ tầm cỡ như **Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang**, thì quá trình thành lập trường tiếng Việt ở Sacramento, thủ phủ bang California, cũng phát xuất từ nỗi lo con trẻ Việt quên tiếng Việt.

Ở Australia có **Vietnamese Cultural Schools Association, Liên trường Văn Hóa Việt Nam**, là hệ thống 6 trường Việt ngữ với tổng cộng trên hai nghìn học sinh thuộc sáu quận hạt của thành phố Sydney, tiểu bang New South Wales. Nhiều em học dưới tiểu học xong lên đây học 4 năm, nhìn chung tôi thấy các em học được, không có kiểu học lấy lệ do cha mẹ bắt ép đâu.

Về những trường Việt ngữ lâu năm ở Canada thì không thể không nhắc đến **trường Văn Hóa Việt Nam** thuộc

Trung Tâm Văn Hóa Giáo Dục Hồng Đức ở thành phố Montreal.

Trở về với thầy cô Chử Bá Anh / Vi Khuê và các hoạt động của họ tại thủ đô Hoa Kỳ, tôi thu thập được một số tài liệu thú vị, xin trích lại dưới đây.

Năm 2006, cô Phương Anh, phóng viên đài RFA có nhận định như sau:

Đối với đại đa số những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, thì một trong những vấn đề ưu tư nhất là làm sao để con cháu có thể nói, đọc và viết tiếng Việt, mặc dù chúng sinh trưởng tại nước ngoài hay rời quê hương từ khi còn quá nhỏ. Nỗi ưu tư này rất lớn vì trẻ học hành, sinh hoạt với các bạn đồng trang lứa trong khung cảnh văn hóa và ngôn ngữ nước sở tại mỗi ngày hàng chục giờ. Cho dù ở nhà có nói tiếng Việt, thì nhiều khi các em cũng không tha thiết vì lẽ những chuyện mà ông bà nói thì ngày càng xa lạ với những gì các em thật sự quan tâm.

Điều may mắn cho cộng đồng là luôn luôn có những người nhìn thấy vấn đề và sẵn sàng bỏ thì giờ tiền bạc cùng công sức vào việc vun bồi văn hóa Việt Nam cho giới trẻ. Cố gắng ấy đã có từ những ngày đầu cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại được thành lập, và trong hơn 30 năm qua, chưa bao giờ dừng lại.

Điều làm cho những ai quan tâm đến vấn đề xúc động và lạc quan, là cố gắng ấy ngày càng được nhận biết, được hoan nghênh và được tham gia tích cực. Một hình ảnh điển hình của tiến trình vừa mô tả là hoạt động của Hội Giáo Dục Trẻ Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn mà Phương Anh trình bày cùng quý thính giả trong khuôn khổ Câu chuyện

hàng tuần kỳ này, nhân dịp Hội vừa tổ chức lễ bế mạc khóa hè Việt Ngữ 2006 hôm đầu tháng tám.

Được biết, trong suốt 30 năm qua, lớp Hè tiếng Việt VYEA được tổ chức vào mùa hè và hoàn toàn miễn phí. Các học sinh chỉ phải đóng một số tiền lệ phí tượng trưng, giúp cho nhà trường trong việc mượn trường ốc và in bài vở cho các em. Các thầy cô giáo đều là những tình nguyện viên đến lớp sau mỗi ngày làm việc. Buổi tối là giờ sum họp của gia đình, giờ nghỉ ngơi, nhưng họ đã hy sinh thời gian quý báu đó để giúp cho các em. Cô Lê Tổng Mộng Hoa, trong Ban chấp hành của Hội cho biết thêm: “Trong mùa hè, các em được nghỉ nên đi học tiếng Việt khoẻ hơn. Lớp học tiếng Việt với tinh thần vừa học vừa chơi...không khí trong lớp rất vui, các em tới trường lại được gặp các em khác để nói tiếng Việt. Điều quan trọng nhất là ban ngày các em không phải đi học, nên buổi tối các em đến trường tràn đầy nghị lực. Do đó, tuy chỉ học 6 tuần, nhưng sau 6 tuần thì thấy cô cũng như phụ huynh thấy các em tiến bộ rõ rệt.”

Được biết, tuy gọi là khoá Hè, nhưng để chuẩn bị cho phần giảng dạy, Hội đã thành lập ban tu thư, để chuyên lo phần giáo trình cho các thầy cô và học sinh. Các giáo trình được soạn thảo rất kỹ lưỡng và in ấn rất chu đáo. Thi sĩ Vi Khuê, một người trong ban tu thư phát biểu: “Ngày xưa thì làm đơn giản, nhưng càng ngày thì càng tiến lên hơn, đã trải qua nhiều giai đoạn. Mấy năm sau này, chúng tôi soạn bộ sách hướng dẫn từ cấp 1 đến cấp 7. Chúng tôi soạn những tập sách về căn bản tập nói và tập viết tiếng Việt, theo tinh thần của quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư, quyển sách

xưa nhưng được coi là gương mẫu cho trẻ em.

Chương trình được soạn bằng ca dao, tục ngữ. Nhưng muốn cho hợp thời thì tôi đã viết bằng thơ, ca dao, hợp với thời đại mới. Gần đây, chương trình phải làm sao cho phù hợp với trẻ em ở Hoa Kỳ. Ngoài việc trau dồi ngữ vựng, các em còn được đọc những truyện ngắn và truyện tranh, những bộ hình để dạy bằng video, projector...

Các em học hát, học hát rất quan trọng, vì khi học hát các em được học mặt chữ, dễ nhớ được lâu dài hơn. Đó là đối với các em nhỏ. Còn các em lớn thì chúng tôi soạn bài bằng Anh ngữ, nhưng khi các em trả lời thì bằng tiếng Việt, như thế các em hiểu tiếng Anh và trả lời tiếng Việt, chứ không dạy tiếng Việt hoàn toàn.”

Theo lời của tiến sĩ Chử Nhị Anh, tuy đã có những giáo trình thật kỹ lưỡng, soạn thảo rất công phu, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, ông nói: “Khó khăn thứ nhất là làm thế nào để dạy cho các em ngữ vựng, một số văn phạm, và đọc được một số bài văn. Do đó, cách đây vài năm, chúng tôi thay đổi, thay vì nhồi nhét vào mùa hè thì chia thành 6 năm. Tức là nếu các em muốn học hết thì các em phải trở lại vài năm. Khó khăn khác là các em có thể đánh vần được ngay, nhưng chẳng hiểu gì cả. Các em rất nhanh, đánh vần rất mau, nhưng phải làm sao cho các em hiểu được và thích nói tiếng Việt, thì chúng tôi vẫn chưa làm được một cách thật hiệu quả vì dấu sao các em cũng sinh ra ở Mỹ. một vài cha mẹ có kể chuyện là các em về Việt Nam một vài tuần thì tự nhiên các em nói ra những cái các em học được từ lớp hè. Chúng tôi cũng hy vọng là khi nào các

em có dịp đi chơi đâu đó hay lớn lên thì vốn tiếng Việt của các em sẽ tự động có.”

Về phần cô giáo Hoàng Lan Hương, đã tham gia tình nguyện dạy cho lớp hè Việt Ngữ này được 18 năm, thì cho rằng: “Tôi thấy được tầm quan trọng của việc gìn giữ tiếng Việt nên tôi đã tình nguyện giúp. Phần lớn các em sinh ở Mỹ, gia đình, bố mẹ nói tiếng Việt với các em, các em hiểu được nhưng phần đọc và viết thì không được dạy ở nhà vì phần lớn bố mẹ bận rộn, lại không có chương trình rõ ràng chỉ bảo cho các em. Thành ra, tôi nhận thấy chương trình này rất tốt, buổi đầu tiên chưa biết đọc, biết viết, nhưng chỉ sau 6 tuần mùa hè là các em bắt đầu đọc được những câu thường như “ba đi làm”, những em ở lớp cao hơn thì có thể làm văn.”

Để duy trì và nuôi dưỡng tiếng Việt, khoá Hè Việt Ngữ của Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn còn mở thêm lớp 7, cho những em đã tốt nghiệp. Thầy giáo Hoàng Việt Dũng cho biết: “Sau khi học xong lớp 6 thì các em ra trường, nên chúng tôi muốn giữ các em lại nên mới lập ra lớp phụ giáo. Tức là các em học xong lớp 6 thì có thể vào lớp này. Nói là phụ giáo nhưng thực ra chỉ giúp cho các cô sửa bài, chấm bài, nếu cần làm gì trong lớp thì các cô giáo mượn làm.”

Ông Phạm Đăng Lương, có con 13 tuổi và đã theo học tại đây 5 năm qua, cho biết lý do tại sao cứ mỗi mùa hè đến, ông lại cố gắng mỗi tối chở con đến lớp. Ông nói: “Để cho nó nói được và nói được tiếng Việt, ở nhà thì làm luận văn thêm... nó cũng quên chút chút, nhưng ở nhà vẫn nói tiếng Việt với cháu thành thử nó vẫn giữ được tiếng Việt.”

Bà Nguyễn Thị Lý, mẹ của em Huỳnh Trung Đà Giang, cô nữ sinh đã đoạt giải nhất trong kỳ thi viết văn về người Mỹ gốc Á châu do Đài truyền hình NBC tổ chức, thì kể lại việc em đã học tiếng Việt nơi đây như thế nào: “Nó học lớp hè ban đầu nó không hề biết viết văn cho thành câu. Đến khi hết lớp, thì nó có thể viết những bài luận. Tôi phải công nhận rằng họ dạy rất tiến bộ.”

Một phụ huynh khác, anh Nguyễn Minh Dũng, có hai con đang theo học lớp 7 phát biểu: “Mình là người Việt Nam, muốn cho con mình có thể nói, đọc và viết tiếng Việt như mình thì đó là lý do chính mà tôi đã đưa hai cháu đi học. Tôi thấy chương trình này rất hiệu quả vì con tôi năm đầu tiên đi học về có thể đọc và viết được, nói chuyện rành rọt hơn. Ban ngày thì phải làm bài ở nhà, phải tập viết, làm luận, nói chuyện với nhau. Tôi thấy kết quả rõ ràng lắm.”

Nhân đây, Phương Anh cũng liên lạc với em Nguyễn Minh Duy, 14 tuổi, hiện là phụ tá cho cô giáo lớp hai ở khoá Hè, em nói: “Con học 3 năm và phụ giúp 3 năm. Ở nhà mẹ con đã dạy con chút ít rồi, nhưng khi con học con thích nhất là học về lịch sử Việt Nam, vì lần nào cũng có cái mới, học hoài không hết, rồi gặp bạn bè... Trong lớp, con phụ cô giáo ôn bài lại, chấm bài cho cô, phụ học sinh.” Còn em Nguyễn Thùy Vi, 16 tuổi, thì nói: “Con học 4 năm và phụ hai năm. Con học được ngữ vựng và đọc truyện như truyện “Chiếc bó đuốt”. Con thích tới đó vì được gặp bạn bè ở lớp hè.”

Tôi có đưa con, cũng học đến lớp 7 ở trường này, khi nó về Việt Nam, nó nói là nó người Việt Nam, vì nói được tiếng Việt, nó cảm thấy đó là nước của nó. Điểm chính là mọi người yêu tiếng Việt

Nam và muốn duy trì tiếng mẹ cho thế hệ mai sau.

Với cuộc sống nơi xứ người đầy bận rộn, thời giờ thật quý hiếm, thế nhưng, vì lòng nhiệt huyết muốn duy trì ngôn ngữ mẹ đẻ cho thế hệ mai sau, nên đầu cho vất vả đến đâu chẳng nữa, các thầy cô vẫn hy sinh đến lớp đều đặn trong suốt 6 tuần lễ. Phụ huynh Nguyễn Minh Dũng nói: “Họ cực hơn cha mẹ nữa, vì họ đi làm xong phải đến thẳng chỗ làm, đến khuya mới về, trong lúc đó thì con cái chúng tôi đã ăn uống đầy đủ rồi mới tới trường. Chúng tôi luôn nhớ đến các thầy cô, nhờ sự hy sinh tận tụy của các thầy cô hướng dẫn nên con cái chúng tôi mới nói được tiếng Việt.

Được biết, ngoài việc dạy tiếng Việt, để hướng dẫn thêm cho các em về văn hoá Việt, trong hai năm vừa qua, trường còn tổ chức ban nhạc hoà tấu Phượng Hoàng dưới sự hướng dẫn của nhạc trưởng Phạm Dương Hãn và cô Hoàng Kim Chi, quy tụ các em từ 16, 17 tuổi trở xuống, với các nhạc cụ dương cầm, vĩ cầm, sáo, cello, trống để trình diễn những bài nhạc dân ca Việt Nam.

Đến đây, mời quý vị nghe một đoạn trong bài Hòn Vọng Phu do các em trình tấu: (Xin theo dõi trong phần âm thanh bên trên) Vì sao mà suốt 30 năm qua, khoá Hè tiếng Việt của Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn lại được duy trì lâu bền như thế, cô hiệu trưởng Nguyễn Phan Trinh tâm sự: “Tôi có đứa con, cũng học đến lớp 7 ở trường này, khi nó về Việt Nam, nó nói là nó người Việt Nam, vì nó nói được tiếng Việt, nó cảm thấy đó là nước của nó. Điểm chính là mọi người yêu tiếng Việt Nam và muốn duy trì tiếng mẹ cho thế hệ mai

sau. Phụ huynh cũng như thầy cô giáo ai cũng có đời sống rất bận rộn nhưng đến mùa hè lại đến với nhau. Cái sức mạnh để cho mọi người đến với nhau, đó là ai cũng có một tấm lòng nhiệt tình.”

Phụ huynh Nguyễn Hoàng Quý, vốn từng dạy học tại quê nhà, cho cảm nghĩ: Ở một số tiểu bang ở Mỹ, tôi được biết có nhiều nhà thờ, nhiều chùa tổ chức lớp dạy tiếng Việt cho trẻ em người Việt. Đây là việc làm rất đáng hoan nghênh. Nghĩ, giá mà nhà nước Việt Nam chú ý đến mảng này, nghị quyết 36 về người Việt Nam ở nước ngoài chú ý đặt nặng vấn đề này (***) thì tương lai tiếng Việt sẽ không bị mai một qua thời gian. Nhưng đó chỉ là ý nghĩ vì ngay ở trong nước, vẫn có nhiều chủ trương phá hoại tiếng Việt mà Bùi Hiền là một điển hình, sách giáo khoa tiếng Việt sai be bét mà chính phủ không lên tiếng thì hy vọng, chỉ là hảo huyền!.

Một cộng tác viên kỳ cựu của thầy cô CBA/VK là cô Lê Tống Mộng Hoa, tiếp nối thầy dẫn dắt hội Giáo Dục trong năm đầu sau buổi giao thời năm 1997, đã viết về công trình giáo dục này, nhân dịp chào mừng năm thứ 40 hoạt động, như sau:

“Lễ Mãn Khóa Lớp Hè Tiếng Việt Năm Thứ 40 của hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn (Vietnamese Youth Education Association of Washington D.C.- VYEA) đã hoàn tất thành công mỹ mãn tại trường Trung Học Robert E. Lee 6540 Franconia Road, Springfield, Virginia với hơn 600 người tham dự”.

Theo lời cô Chủ Nhất Anh: “ Ngày hôm nay, VYEA là một trong những hội đoàn

lâu đời nhất của Cộng Đồng Người Việt tại hải ngoại. Cùng chung một tiếng nói, một mục đích và với sự cố gắng không ngừng nghỉ, có lẽ trong trái tim chúng ta ít nhiều cũng rộn rã một niềm vui vì đã và đang cùng nhau góp một bàn tay xây dựng một môi trường tốt đẹp với Lớp Học Tiếng Việt, các lớp học đặc biệt cũng như những sinh hoạt lành mạnh cho con em chúng ta vào mỗi mùa hè.”

Sau đó cô đã dâng lời cảm tạ đến người cha khả kính, tài ba, rộng lượng, sáng lập viên của trường Việt Ngữ Hoa Thịnh Đốn- VYEA; cố giáo sư Chữ Bá Anh và thân mẫu, nữ sĩ Vi Khuê, trưởng ban Thư của trường VYEA cùng tất cả các Cộng Tác Viên thiện nguyện khác.

Cô giáo Lê Tổng Mộng Hoa, người cao niên duy nhất còn sót lại trong nhóm nhỏ các Thầy Cô dạy lớp tiếng Việt thuở ban đầu chập chững ấy, đã chia sẻ tâm tình bằng giọng nói run run đầy xúc cảm, cô nói:

“... Lễ mãn khóa năm nay đánh dấu một quá trình hoạt động bền lâu và tích cực của hội GDTEVN-HTD- VYEA, một chặng đường dài với nhiều đổi thay, mát mát cũng như thành tựu lớn lao; sinh nhật thứ 40 của trường VIỆT NGỮ HOA THỊNH ĐỐN-VYEA.

Vì dấu ấn đặc biệt và quan trọng này nên tôi, với tư cách là cựu Hiệu Trưởng của Trường VYEA những năm về trước mạo muội đặt tên cho ngày Mãn Khóa năm nay là: “Ngày Nhớ Ôn Người” và gởi “Đôi Lời Tâm Tình” như là một “Nén Tâm Hương” thành kính dâng lên hương linh các thầy cô đã tận tình, tận lực đóng góp công sức cho VYEA mà nay đã cất cánh “cao chạy xa bay” về vùng trời miền viễn một cách đột ngột, bất ngờ khiến cho

chúng ta, những người còn lại khó nguôi ngoi niềm thương tiếc, lòng cảm phục!

Năm 2016 này cũng đánh dấu 40 năm tròn mà cố G.S. Chữ Bá Anh - người sáng lập ra VYEA - và đã dốc lòng vun xới, tưới tắm, chăm sóc. “khu vườn Giáo dục Văn hóa” này đã đột ngột lìa trần, bỏ lại khu vườn VYEA hoa tàn, cỏ úa, phải đóng cửa trường, không thể dạy vào năm ấy 1996!

Ngoài thầy Chữ Bá Anh còn có các thầy cô khác cũng đã ra đi vĩnh viễn, mà nay qua 40 năm, trí nhớ của tôi đã lộn xộn, chỉ còn nhớ được tên vài người như: Cụ Phạm Ngọc Hương, cụ Nguyễn Hữu Phú, ông Nguyễn Văn Sâm, Thầy Chữ Tam Anh, cô Nguyễn Minh Ngọc... và hương linh quý vị phụ huynh học sinh của trường mà tôi không nhớ tên... Quý vị này tuy không còn hiện diện trong các sinh hoạt của Lớp Học Tiếng Việt nữa nhưng hương linh họ luôn theo dõi, độ trì cho chúng ta – các thầy cô giáo của VYEA- được chân cứng đá mềm, tiếp tục công tác hữu ích, lành mạnh dạy Tiếng Mẹ cho các trẻ em người Mỹ gốc Việt- thế hệ thứ 3, thứ 4, thông minh, sáng trí, học mau, hiểu rộng.

Nhân đây cô Mộng Hoa cũng xin gởi đến tất cả các Thầy cô giáo cùng quý vị phụ huynh học sinh trường VYEA LỜI CẢM ƠN SÂU XA về sự hy sinh cao quý, thì giờ, công sức, nhân lực, tài lực để cho hoạt động của hội GDTEVN được phát triển bề ngang lẫn bề dọc , lớn mạnh sau 40 năm.

Các cựu học sinh của trường VYEA ngày nay đã trở nên các chuyên gia tài giỏi: bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, tiến sĩ kinh tế, luật sư, kỹ sư, dịch thuật gia biết nhiều ngoại ngữ khác nhau và giữ những chức vụ trọng yếu trong xã hội

hiện tại ở nhiều quốc gia trên thế giới như Pháp, Anh, Úc, Mỹ, Canada ...nhưng các em này vẫn nhớ và nói được tiếng Việt rõ ràng, thông thạo, thật đáng mừng!

“Quả ngọt” này sở dĩ có được là nhờ “Nhân lành” do công lao và Tình Thương vị tha của các Thầy cô giáo cùng các bậc phụ huynh đã cho ra không ngừng nghỉ để hỗ trợ, khuyến khích việc học tiếng Việt của các em. Xin CẢM TẠ quý Thầy Cô giáo và phụ huynh trường VYEA! Xin gởi tặng quý Thầy cô và quý phụ huynh VYEA 4 câu thơ ca ngợi Tình Thương của Tôn Nữ Hỷ Khương:

Còn gặp nhau thì hãy cứ thương
Tình người muôn thuở vẫn còn vương,
Chắt chiu một chút Tình Thương ấy
Gởi đến muôn phương, vạn nẻo đường”

Xin mời xem một số tài liệu đăng tải trên trang nhà của hội vyea.com
Đặc biệt là cuốn Kỷ Yếu kỷ niệm 40 năm hoạt động của hội, có thể xem trực tiếp tại đây:

<https://indd.adobe.com/view/4e529768-df6d-46a2-8ef3-cddbe8fa90fb> .

Một lần nữa, dầu đã muộn màng, xin cảm tạ thầy Chủ Bá Anh, cô Vi Khuê và gia đình VYEA. Bài viết thô thiển này là một nén nhang để tưởng nhớ người xưa. Cũng xin cảm ơn các thầy cô, các thiện nguyện viên, các trường Việt ngữ, các phóng viên của đài Radio Free Asia. Cho dù VYEA đã ngưng hoạt động, nhưng âm hưởng của Hội vẫn còn vang mãi trong lòng các phụ huynh học sinh với niềm tiếc nuối. Những công trình giáo dục tiếng Việt của Hội không bao giờ mất đi, mà vẫn tồn tại trong trí óc các em, và sẽ được tiếp tục truyền đi theo cả chiều rộng không gian lẫn chiều sâu thời gian trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại của thế hệ mai sau.

Xin Vinh Danh Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn VYEA đã đi tiên phong trong việc giữ gìn tiếng Việt qua bao khó khăn và hy sinh của những ngày đầu.

Phannŭlan - Dallas, Texas



Các học sinh trong buổi lễ bế mạc cuối khóa



Các thầy cô giáo VYEA sửa soạn đồng ca bản Tình Ca của NS Phạm Duy - Lễ mãn khóa 2016



**Các thầy cô thuộc giai đoạn thứ nhất (1976-1996)
của Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn:**

Thầy Chử Bá Anh, Chử Tam Anh, Chử Tứ Anh, cô Vân Anh, Chử Nhất Anh, Ngô Vương Toại, cô Vi, B. NVT, Dương Đức Trường, Cao Chánh Cương, cô Quỳnh Giao, cô Nghiêm Lan, cô Ngọc Trâm, cô Phan Quân Ngọc, cô Thủy, cô Mộng Hoa, Lê Khắc Huyền, Đinh Hùng Cường, Dương Ngọc Hoán, Nguyễn Văn Toàn, Phạm Đỗ Chí



Hình các thầy cô (1976-1996)



Thầy cô và ACE thiện nguyện viên, thế hệ thứ hai và vài vị thuộc thế hệ thứ nhất, của Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam Vùng HTĐ (VYEA)

ĐỂ ĐÁNH DẤU 50 NĂM XA QUÊ HƯƠNG THỬ NHÌN LẠI VIỆT KIỀU TẠI HOA KỲ TRƯỚC 75 VÀ NHỮNG NGÀY THÁNG ĐẦU TỊ NẠN

**** Trương Anh Thụy ****

LTS: Được biết bài dưới đây viết từ giữa năm 2011 và 2012, do sự yêu cầu của một Nhóm Chủ Trương trong Cộng đồng hải ngoại nhằm thực hiện một cuốn sách để “ghi nhớ những sinh hoạt của Việt Kiều trước 1975 và những ngày tháng đầu đồng bào tị nạn tới Hoa Kỳ”, nhưng cho tới ngày hôm nay cuốn sách ấy vẫn chưa bao giờ được phát hành! Phần lớn bài viết này đã được đăng ở tạp chí Cỏ Thơm số 53 và 54. Nhân năm nay, để đánh dấu 50 năm xa Quê Hương, chúng tôi được sự đồng ý của tác giả cho đăng lại bài này. Vì tính cách lịch sử của một thời kỳ đất nước lâm nguy, tác giả cố gắng ghi lại càng nhiều càng tốt các dữ kiện xảy ra theo trí nhớ của mình với nhiều hình ảnh đi kèm, nhưng trong phạm vi số đặc san này, chúng tôi không thể đăng nguyên bài, mà phải cắt bỏ một số đoạn, nhưng không thay đổi một chi tiết nào trong nội dung, với sự đồng ý của tác giả.

I . CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM Ở MỸ TRƯỚC 75

Trước năm 1975 của thế kỷ XX, không có bao nhiêu người Việt ở trên đất Mỹ. Có lẽ không hơn 10-15 nghìn người trên khắp nước Mỹ rộng lớn bao la này. Trong số này có khoảng 10 nghìn người là vợ, con của những người Mỹ sang chiến đấu hay phục vụ tại Việt Nam, những thành phần mà tiếng Mỹ gọi là “war brides” với con riêng của họ hay/và con lai với chồng Mỹ. Khoảng 2 nghìn người là sinh viên Việt Nam theo học trong các trường đại học Hoa Kỳ hay sĩ quan tu nghiệp, Có chừng 2 nghìn người nữa là nhân viên của một số cơ quan, như sẽ được phân tích dưới đây. Số người sau này tăng giảm, một số không ở đây cố định, họ ở một thời gian rồi trở về nước, một số khác được gửi sang thay thế...

Các thành phần kiều bào trước 75 tại Mỹ có thể được phân loại chi tiết như sau:

Sứ quán, Tổng lãnh sự, văn phòng Quan sát viên Liên Hiệp Quốc (LHQ)

Giới này khá đông đảo. Các nhân viên Việt Nam này không những gồm những người được tuyển từ Việt Nam mà còn có người được tuyển tại chỗ. Giới này, nếu đi từ Việt Nam thường mang theo cả gia đình, có khi mang cả người làm. Tuy nhân viên thực thụ thường không quá 40-50 người, nhưng trong thực tế khi cộng cả vợ con và những người đi theo cũng vẫn có thể lên tới vài trăm. Họ thường sống tại các thành phố lớn, gần nơi các văn phòng họ làm việc. Đó là trường hợp Sứ quán

VNCH tại Washington DC, Văn phòng Quan sát viên ở LHQ ở Nữu Ước và Tòa Tổng Lãnh Sự Việt Nam ở San Francisco.

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA – Voice of America)

Nhân viên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ trung bình có độ 15 người, cộng thêm gia đình họ chắc cũng phải lên tới cả trăm người. Đa số các nhân viên này sau một thời gian đã trở thành dân Mỹ. Họ sống qui tụ trong vùng Hoa Thịnh Đốn.

Sinh viên

Các sinh viên sang Mỹ du học tại nhiều trường và được cấp nhiều loại học bổng, điển hình nhất là:

1/ Học bổng của IIE (International Institute of Education), gồm các học bổng lẻ tẻ của các đại học, trao qua IIE ở New York. Các sứ quán Mỹ ở Việt Nam, thường giao cho phòng thông tin Mỹ USIS (U.S. Information Service) chọn người để cấp học bổng qua các kỳ thi.

2/ Học bổng của USAID (U.S. Agency for International Development, Cơ quan Viện trợ Quốc tế của Hoa Kỳ). Phần lớn các sinh viên đi học lấy bằng hay các công chức Việt Nam đi tu nghiệp (1-2 năm) đều qua con đường này.

3/ Học bổng từ các đại học do phía Công Giáo tổ chức. Linh mục Jacques, người Bỉ, nói tiếng Việt rất thông thạo, là người phối hợp chương trình này trong rất nhiều năm. Ông là ân nhân của nhiều sinh viên Việt Nam, bất kể là người Công Giáo hay ngoại đạo.

4/ Các học bổng cá nhân do những liên hệ riêng với các trường công, tư, hoặc các trường Công Giáo.

5/ Một số nhỏ hơn nhiều và học bổng ít tiền hơn nhiều do chương trình của Bộ Giáo Dục Việt Nam. Có khi chỉ là một tấm vé máy bay.

Một số sinh viên được đưa vào học ở các trường nổi tiếng của Mỹ như các trường Ivy League ở miền Đông Bắc như Harvard, Yale, Princeton, Columbia, Cornell, Dartmouth... Một số khác không theo học ở các trường loại đó nhưng cũng được học ở các trường nổi tiếng không kém như MIT, Stanford, Caltec, Berkeley...vv... Và cũng còn có một số không nhỏ được theo học tại các trường tư ở những chốn xa xôi.

Xin lưu ý: Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, các sinh viên du học hay đi tu nghiệp dưới bất cứ chương trình nào, sau khi học xong, chính phủ bắt phải trở về phục vụ đất nước, ít nhất trong một thời gian. Tuy nhiên cũng có một số nhỏ tìm cách ở lại, lập gia đình với người bản xứ, hay người mang quốc tịch của nước sở tại. Có người

xin được những việc làm tại các cơ quan mà chủ nhân, người đứng đầu chịu đứng ra can thiệp với chính phủ VN.

Trong những ngày lễ các sinh viên xa nhà thường cảm thấy rất cô đơn, nhớ nhà, nhớ nước. Có được những bữa cơm với những món ăn Việt Nam tại các gia đình ở Mỹ lâu năm, họ cảm thấy ấm lòng.



Hình chụp các sinh viên VN du học ăn Tết ở Ann Arbor, Michigan, khoảng năm 1972. GS Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh **NXV** (người ngồi dầy bên trái, mặc áo trắng cổ cao, với bé gái, con ông trên lòng. Bên trái ông là sinh viên Phan Anh Dũng **PAD**, hiện sống với vợ là Tâm Hào và hai con ở Richmond, Virginia. (*Ghi chú mới của tác giả: Hiện nay họ đã dọn về ở Maryland, miền Đông Hoa Kỳ.*) Các sinh viên trong hình: Lãm, Thương, Công, Linh, Lễ, Định, Lợi, Hùng, Đẹt ...

Trong số các người được gọi là “du học”, phải kể có cả các công chức, quân nhân, giáo sĩ, ma-sơ sang tu nghiệp. Cũng lại có một số các linh mục, ma sơ được các Hộ Đạo bảo trợ cho ở lại tu học vô hạn định. Các vị này ở Mỹ từ lâu năm, vì thế giới sinh viên du học đều biết đến và thân cận. Các cha tuyên úy của Hội Sinh viên Công giáo Việt Nam tại Mỹ như các Linh-mục Chu Công (về sau Cha đi theo ngành Trappist, tức ngành Khổ hạnh phải tịnh khẩu suốt ngày), Cha Joseph Đức Minh (có một hồi lâu ở Mineola, New York, và bây giờ ở Camarillo, CA), Cha Thanh Hùng (lúc làm tuyên úy) ở Chicago...vv...



Hình tại Đại Hội SVCGVNTM năm 74 tại Worcester, Massachusetts
với các linh mục Tự, linh mục Trọng, sơ Huê, sơ Lạng, và các sinh viên: Phan Anh Dũng, Nguyễn Trọng Nghĩa, Vũ Duy Kết, Nguyễn Như Mỹ, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phạm Tiên Hưng, Nguyễn Xuân Hùng...



Hình chụp ở Buffalo, New York. Đứng giữa là Linh mục Mai Thanh Lương (MTL), chụp chung với một số sinh viên (Kế, Yên, Hưng, Tuyết, Xuân Hà) vừa dân sự vừa quân sự. Người đứng sau linh mục bên trái là Nguyễn Ngọc Yên (NNY) nay ở gần Los Angeles, bên phải là Phạm Tiên Hưng (PTH), đã từng làm chủ tịch Hội SVCGVNTM, nay ở Houston, TX. Linh mục Mai Thanh Lương sau 75 về Louisiana và hiện làm Giám mục tại địa phận Orange County. *(Ghi chú mới của tác giả: GM Mai Thanh Lương đã qua đời tháng 12, năm 2017)*

Các Trường Việt Ngữ Quân Đội

Chiến tranh Việt Nam kéo dài nhiều năm, chính phủ Hoa Kỳ gửi nhiều quân đội sang tham chiến tại miền Nam. Nhu cầu quân nhân Mỹ học tiếng Việt trở nên cấp thiết. Các trường sinh ngữ quân đội được dựng lên ở nhiều tiểu bang. Các trung tâm dạy tiếng Việt do chính phủ lập nên, điển hình nhất là các trường DLI (Defense Language Institute) ở Washington D.C., trường DLI ở Monterey, California, trường NSA (National Security Agency) ở Fort Mead, Maryland, để huấn luyện người theo dõi “signint” (“signal intelligence,” các trao đổi bắt được bằng radio, điện thoại, ...vv...), trường sinh ngữ của Bộ Ngoại Giao FSI (Foreign Service Institute) ở Arlington, Virginia...

Trường DLI-West ở Monterey có lẽ là trường sinh ngữ lâu đời nhất của quân đội (đã giải tán khoảng vài năm sau khi chiến tranh VN chấm dứt) lúc nào cũng trên dưới 15-20 giáo sư Việt Nam, cộng thêm gia đình họ thì có lẽ lên đến cả trăm người. Ông trưởng ban (chairman) Việt Ngữ đầu tiên của trường DLI, Monterey là ông Nguyễn Đức Thụ.



Một số nữ giáo sư trường DLI ở Monterey California.

Hình chụp trước cửa lớp học khoảng cuối thập niên 60. Từ trái qua phải:

Hàng trước: Tuyết, Trương Anh Thụy, Tuấn Jenson. Hàng sau: Mme Lam Sơn, nhà văn Linh Bảo, Cẩm Thành.

Trường DLI tọa lạc trên đồi Presidio of Monterey thuộc nhà nước điều hành có số giáo sư chọn lọc, có trình độ. Trong khi đó còn có một trường nữa cho tư nhân thâu ở ngay dưới chân đồi. Có lúc học sinh đông quá, mỗi trường phải tuyển đến vài chục giảng viên, cộng với gia đình của họ tạo nên một khu tập trung người Việt khá đông. Trường do tư nhân thâu mượn người gấp gáp, xô bồ... từ ở khắp nơi: Việt Nam, Pháp, Ý, Thụy Sĩ... và ở Mỹ là một số các bà vợ của các chàng GI ("G.I. Joe," một thuật ngữ chỉ binh lính Mỹ) không cả rành đọc hay viết tiếng Việt, nói gì đến tiếng Anh! Còn nói thì không chắc đã lên đến lớp nhất bậc tiểu học ở Việt Nam! Có người còn nói ngọng bằng giọng Bắc nhà quê, "l" thành "n" và ngược lại... gây ra những chuyện dở khóc, dở cười... Ngành dạy tiếng Việt ở Mỹ vì thế có lúc bị coi thường, ngộ nhận, vợ đũa cả nắm, cho là thứ nghề mà... ai làm cũng được. Đôi khi còn bị tai tiếng nữa.

Các trường sinh ngữ chính phủ khác mở những lớp dạy tiếng Việt trong các căn cứ quân sự như ở El Paso (Texas) hay Fort Bragg (North Carolina). Các giáo sư dạy trong các trường này thường là những người Việt kỳ cựu ở Mỹ. Họ là công dân Mỹ, hay ít nhất có thẻ xanh (thẻ thường trú). Họ được tuyển như là nhân viên chính phủ. Trong những năm cuối của thập niên 60, quân đội Mỹ sang tham chiến tại Việt Nam ồ ạt, nhu cầu huấn luyện tiếng Việt cho quân đội càng lớn, chính phủ không đảm trách hết được phải cho các tư nhân đấu thầu làm công việc này. Một số các trường được thầu nổi tiếng lúc bấy giờ là Lacaze, WIT, Sanz, Crowell-Collier hay WIT (World Instruction and Translation)... Các trường loại này tuyển một số giáo sư đồng đảo. Có trường được mở lớp dạy ngay trong trại lính Fort Bragg (North Carolina), El Paso (Texas).

Các Gia đình chồng Mỹ Vợ Việt Nam hay ngược lại

Số người này khá đông. Họ phần lớn là vợ các cố vấn Mỹ hay lính Mỹ trở về từ Việt Nam. Họ ở tập trung ở những nơi có các căn cứ quân sự, hay các thành phố có các trụ sở ngoại giao, nơi các ông chồng làm việc. Thêm một số các ông, các cô Việt Nam sang du học, lấy vợ/ chồng Mỹ hay người Việt sẵn có quốc tịch Mỹ, rồi được ở lại thành dân Mỹ.

Các sinh hoạt của những kiều bào trước 75 tại Mỹ:

a) Hội Sinh Viên Công Giáo:

Hội đó chỉ có một hội toàn quốc hoạt động đều đặn và bền bỉ, đó là Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam Tại Mỹ, trụ sở ở trên đường Blackstone Avenue, Chicago. Nếu nhóm sinh viên Việt Nam đầu tiên sang Mỹ du học tập trung ở miền Đông, nhất là vùng Đông Bắc (có thể tạm gọi được là "hành lang Boston-New York"), thì chỉ ít năm sau, sang đến thập niên 50 là Hội SVCG đã quy tụ được một số anh chị em ở vùng Trung-Tây (Midwest), đặc biệt là vùng Chicago và phụ

cận. Tiếng là Hội Sinh Viên Công Giáo nhưng người không công giáo chiếm đa số. Có lẽ cũng để thu hút những người loại sau này, nên Hội có một nội quy rất rộng rãi: chỉ cần anh Chủ tịch Hội là người Công giáo còn từ phó Chủ tịch trở xuống là có thể là người thuộc bất cứ tôn giáo nào. Hội có một cha tuyên úy lúc nào cũng làm việc bên cạnh Hội. Vả lại, mang danh nghĩa linh mục, các cha cũng dễ đi tìm sự yểm trợ từ các cơ quan công quyền hay giáo quyền của phía Mỹ, tỷ như mượn chỗ họp mặt Giáng Sinh hay họp trại hè, chẳng hạn. Các cha rất thân thiết với các anh chị em trong Hội, mà nhiều cha như cha Đức Minh rất cởi mở và vui tính... Hội có ra một tờ báo phát hành không định kỳ, lấy tên là *Chuông Việt*. Lúc có người chịu tình nguyện làm thì ra hàng tháng nhưng phần lớn chỉ ra được 3-4 số một năm. Tuy báo có hình thức tiểu công nghệ (quay roneo) nhưng vì cả nước chỉ có một tờ báo nên rất được trông chờ, ít nhất cũng về phần tin tức: ông đi qua bà đi lại (từ Việt Nam hay từ các tiểu bang khác) thường được nhắc tới...



Bìa tờ báo Chuông Việt số 173-174, năm 72-73

Rồi cũng tùy người chủ bút, tờ báo có thể ngã về nghiên cứu nhiều hơn hay sáng tác (văn, thơ, tiểu luận...) nhiều hơn. Do vậy mà những cây bút chủ lực thì ngoài mấy anh chị trong ban biên tập, những người có máu văn nghệ có mặt ở Mỹ lúc bấy giờ cũng có chỗ đề gửi các bài thơ, các truyện ngắn, tùy bút, bình luận..., nhờ vậy mà các sinh viên và kiều bào cũng có chỗ trao đổi tin tức và dần trải tâm tình... Bên cạnh đó, hàng năm Hội tổ chức hai lần họp mặt dưới hình thức trại Hè và Họp Mặt Giáng Sinh. Họp mặt Giáng Sinh thường được tổ chức tại Barat College ở Chicago, còn trại hè thì tổ chức mỗi năm ở một tiểu bang khác. Mỗi kỳ trại hè có lẽ cũng đến cả mấy trăm sinh viên về tham dự. Họ ăn uống, ca hát, đóng kịch, hội thảo (có năm cũng sôi nổi lắm, nhất là trong mấy năm phong trào phản chiến lên cao độ...) Hội đó người Việt ở đây rất hiếm quý, các tài năng lại còn hiếm quý hơn cho nên hễ ai có tài gì là dễ dàng nổi tiếng. Không ít cặp trở nên vợ chồng, sau các buổi trại này. Hội cũng có những hoạt động xã hội như cứu lụt ở quê nhà, hay gây quỹ yểm trợ Đại Học Huế sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân của CS Bắc Việt chẳng hạn.



Một màn văn nghệ có tính cách dân tộc tại đại hội SVCGVNTM ở Worcester, Mass. 1974

b) Ngoài Hội SVCG Việt Nam tại Mỹ là một hội hoạt động có tính cách toàn quốc, tại các địa phương thịnh vượng cũng có Hội Việt Kiều, Hội Sinh viên Việt Nam (nhất là ở trong các đại học tỉnh lẻ), hay các Hội Việt Nam tìm cách “đem chuông đi đấm

xứ người,” giới thiệu văn hóa, lịch sử, văn thơ nhạc Việt Nam cho người Mỹ. Cũng còn có những nhóm nhỏ tìm cách làm công tác xã hội như nhóm sinh viên đại học Buffalo, NY, đã từng đi bán thiệp Tết gây quỹ cho Hội “Aid to the Children of Vietnam”...vv..... Nhưng có lẽ trường kỳ hơn cả là một nhóm kiều bào sống ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Nhóm này (lúc đó chưa có nhu cầu lập thành Hội, tạm gọi là “Nhóm Làm Việc Thiện HTĐ”) gần như không bỏ qua một dịp cứu trợ nào khi có lũ lụt ở miền Trung hay những thiên tai khác ở quê nhà. Thường chúng tôi tổ chức Hội Chợ trong khuôn viên tòa Đại Sứ Việt Nam, quyên góp từ các kiều bào trong vùng các món đồ tiểu công nghệ VN như đồ gốm, đồ đồng, khăn bàn, áo thêu, nón, gấu... Các bà nội trợ thì đóng góp các món ăn truyền thống như chả giò, thịt nướng... Người từ các Đại Sứ Quán của các quốc gia khác chung quanh đây đến hưởng ứng đông đảo.

Vào năm 73 bắt đầu có phong trào “sinh viên và Việt kiều về thăm nhà” do Bộ Dân Vận khuyến khích và hỗ trợ, với mục đích để sinh viên có cơ hội nhìn lại quê hương, trong hoàn cảnh phát triển cũng như chiến tranh tàn phá... hầu mong họ trở về đem tài năng, sở học... tiếp tay sinh viên quốc nội, xây dựng đất nước. Bộ đã dành mọi dễ dãi để các sinh viên, dù là trước kia đã ở lại Mỹ một cách bất hợp pháp, cũng được về mà không bị lỗi thời giấy tờ, hay bị giữ ở lại. Chuyến đầu tiên do Hội Sinh Viên Công Giáo tổ chức vào năm 1973. Một năm sau, người viết bài này cùng với các bạn Trần Văn Dương ở Chicago, Đỗ Hùng, Chủ Ngọc Hoàng Anh, và Lê Trâm vùng Hoa Thịnh Đốn thành lập Vietnam Travel Fund, với sự hỗ trợ của Hội Sinh Viên Việt Kiều Quốc Gia tại Bắc Mỹ, tổ chức hai chuyến bay, một từ Washington DC, một từ Los Angeles về thăm nhà. Cùng hè năm đó Hội Việt Kiều Montréal cũng tổ chức một chuyến bay của sinh viên và Việt Kiều, đi từ Gia Nã Đại về Việt Nam trong cùng mục đích kể trên.



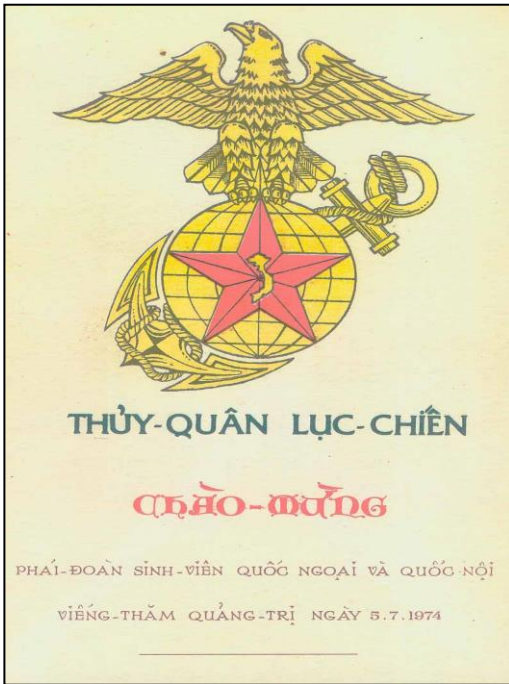
Phái đoàn “Sinh Viên về Thăm Nhà Hè 74.” Chuyến bay từ HTĐ.



Trương Anh Thụy cùng Phái Đoàn “Sinh Viên Về Thăm Nhà Hè 74.”

Chuyến bay từ Los Angeles, được Sinh Viên Quốc Nội đón tiếp tại sân bay Tân Sơn Nhất. Phái đoàn đã được chính quyền đón tiếp long trọng và bố trí cho đi thăm cố đô Huế, Nha Trang, Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị, bờ sông Bến Hải... Có điều đáng ghi nhớ là phái đoàn đã thăm được các quân trường, trong đó có Lữ Đoàn III Nhảy Dù, Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến.





Phái đoàn đã tặng một món tiền để góp phần xây cất lại trường tiểu học Quảng Trị đã bị cộng sản phá sập trong cuộc tổng tấn công năm 1972, tặng Học bổng cho học sinh Quốc Gia Nghĩa Tử, đồng thời nhờ Báo Chính Luận trao tặng 20 học bổng cho học sinh nghèo xuất sắc. Cô Nhi Viện Quách Thị Trang được tặng một số dụng cụ, máy móc huấn nghệ cho các em cô nhi. Ngoài ra, Bệnh Viện Nhi Đồng cũng được Nhóm HTĐ tặng một món tiền.

c) Một đặc điểm của cộng đồng Việt Nam trước năm 1975 là chúng tôi rất hãnh diện về quê hương đất nước, về văn hóa mình. Chúng tôi làm những bữa cơm gia đình và thết đãi bạn bè ngoại quốc bằng các món Việt. Thời đó ở Hoa Thịnh Đốn không có các cửa tiệm bán thực phẩm Việt Nam, tiệm ăn VN cũng rất hiếm, thường người ta chỉ mở ở các thành

phố lớn, vì thế các bà nội trợ thường trao đổi cho nhau cách làm các món mà họ sáng chế được, thí dụ lấy cải "broccoli" thay thế cho cải làn, lấy cá hộp "anchovy" thay thế cho mắm nêm, lấy thịt "ham hun khói" (smoke ham) đem ngâm dấm, tỏi làm nem chua...vv... ăn cũng thấy đỡ thèm! Sự yêu thương quê hương này còn thấy trong những nỗ lực của một số người tìm cách phổ biến văn hóa Việt Nam qua viết lách. Các vị như các GS. Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Ngọc Linh, Phùng Thị Cam, Phạm Thị Thu ra được một tờ báo tiếng Anh mỏng nhưng rất chuyên nghiệp ngay từ những năm đầu thập niên 50, mang tên *Vietnam Bulletin*, giới thiệu nhiều khía cạnh của văn hóa Việt Nam, mà Thư viện Công cộng New York (NY Public Library) đã cất giữ một cách rất trân trọng. Về mặt văn học, anh Nguyễn Ngọc Bích đã dịch *Chinh Phụ Ngâm* (in trong *Texas Quarterly*), *Văn tế Thập loại Chúng sinh* (in trong *Antioch Review*), thơ cận hiện đại Việt Nam (in trong *Hudson Review*)...vv... về sau được gom lại trong cuốn "Một nghìn năm Thi ca Việt Nam" (*A Thousand Years of Vietnamese Poetry* do nhà Alfred Knopf in ra ở New York năm 1975). G.S. Huỳnh Sanh Thông dịch *Truyện Kiều* (*The Tale of Kieu* do nhà Random House in ra năm 1973).

Về mặt hội họa, chúng ta có thể thấy tranh Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Jacqueline Hà Văn Vượng được bày bán đây đó, nhất là dưới dạng "print". Một số họa sĩ cũng có những cuộc triển lãm tranh gốc tại các phòng tranh nổi tiếng ở Nữ Ớc như họa sĩ Võ Đình:



Triển lãm tranh Võ Đình ở Nữu Ước năm 1967

Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa cũng đã từng bảo trợ các cuộc triển lãm của một số họa sĩ. Cuối năm 1968, một phòng tranh trình bày 62 họa phẩm của các họa sĩ nổi tiếng như Ngy Cao Uyên, Tú Uyên, Thái Tuấn, Lâm Triết, Nguyễn Khai, Đình Cường.



An
Exhibition of
Vietnamese
Paintings

Có một cuộc triển lãm ở một quy mô vĩ đại, tôi không còn nhớ năm nào, gồm toàn những họa sĩ tên tuổi lớn của Việt Nam như Trịnh Cung, Đinh Cường, Văn Đen, Hồ Thành Đức, Tú Duyên, Nguyễn Khai, Nguyễn Tuấn Khanh, Nguyễn Lâm, Châu Văn Lang, Cù Nguyễn, Nguyễn Cao Nguyên, Huỳnh Văn Phụng, Nguyễn Phước, Nguyễn Văn Rô, Nguyễn Siên, Nguyễn Duy Thanh, Phạm Thông, Nguyễn Trung, Lâm Triết, Thái Tuấn... đã gây tiếng vang không nhỏ trong giới thường lãm thủ đô Hoa Kỳ, trong đó, khách ngoại quốc tham dự đông đảo.

"Brochure" in tên tuổi và tranh của các họa sĩ tham dự cuộc triển lãm trên.

Bức tranh ngoài bìa là "LONELINESS" của Phạm Thông -Sơn dầu-39 x 29



CHRISTMAS II 22x30

TRUONG CAM KHAI
EXHIBIT

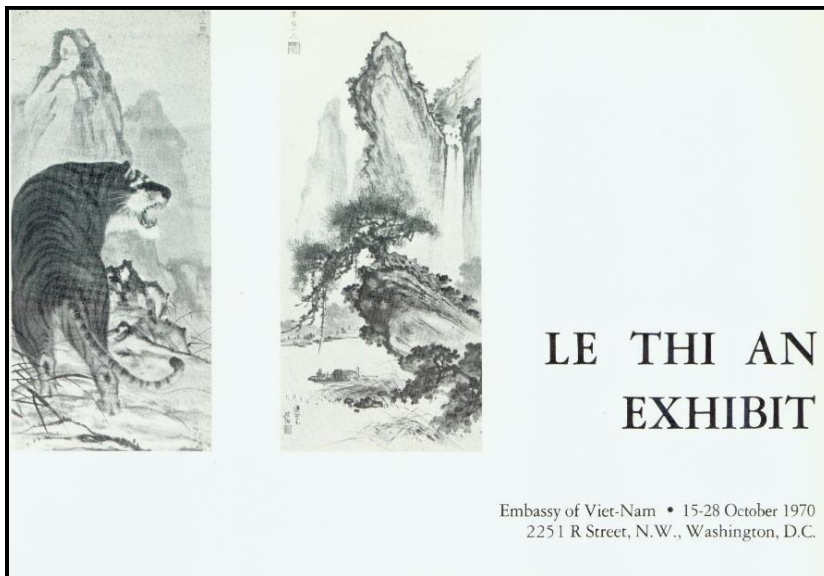
Embassy of Viet-Nam • 4-16 September 1970
2251 R Street, N.W., Washington, D.C.

Đặc biệt tháng 9 năm 1970 có một cuộc triển lãm hiếm có về tranh thủy mặc của họa sư Tá Chi Trương Cam Khai đã được nhiều nhân viên sứ quán Đài Loan ở Hoa Thịnh Đốn tới thường lãm và khen ngợi. Về sau Cụ thâu nạp được một họa sĩ làm đệ tử người Đài Loan, hỏi đó ông đã là họa sĩ thành danh ở xứ ông. Bà Đại sứ Bùi Diễm và phu nhân của ông Nguyễn Hoàn, Sứ thần tại Tòa Đại Sứ cũng tới nhà riêng học vẽ với Cụ trong nhiều năm.



Đông đảo người bản xứ đến thưởng lãm cuộc triển lãm tranh thủy mặc của họa gia Tá Chi Trương Cam Khai tại tòa Đại Sứ VNCH-Hoa Thịnh Đốn-1970

Cũng trong nỗ lực không ngừng phổ biến văn hóa Việt Nam với nước ngoài, chỉ một tháng sau đó, tháng 9 năm 1970, lại có cuộc triển lãm tranh của nữ họa sĩ Lê Thị Ân từ Việt Nam qua.



II. THÁNG TƯ 75

Hãy hình dung những ngày cận kề 30 tháng Tư, năm 1975, khối kiều bào ít ỏi sống ở hải ngoại đã làm gì khi họ ngồi ở xa nửa vòng trái đất hướng về quê hương trong cơn nguy biến?

Hồi đó tuy phần đất miền Nam là đất tự do nhưng nền thông tin của Việt Nam vẫn còn chưa tới tận tâm. Các phương tiện truyền thông như Internet, Email, Cell phone, Fax... chưa có. Chưa kể mọi sự xảy ra quá mau chóng khiến người trong nước, mặc dù được đọc báo, coi TV, nghe radio... vẫn không thấy được toàn diện bộ mặt chiến trường miền Nam. Trong khi đó ở hải ngoại, người Việt được thấy rất rõ từng khu vực quân đội VNCH đang triệt thoái từ Cao Nguyên, Kontum, Pleiku, rồi Nha Trang, Huế... Thấy rất rõ cảnh người dân trốn chạy kinh hoàng trên sân bay Đà Nẵng: người đeo lưng lủng lẳng trên bánh xe khiến máy bay không thể kéo bánh xe lên, người bị cán chết trên phi đạo... Thấy cảnh cộng sản pháo kích tới tấp vào phi trường Tân Sơn Nhất, cảnh chiếc máy bay chở các con lai bốc cháy trên trời, cảnh chen chúc, leo hàng rào để vào tòa Đại Sứ Mỹ, cảnh trực thăng chở nặng quá, rớt ở ngoài khơi... vv và vv...

Các kiều bào khắp nơi trên thế giới gọi tòa Đại Sứ Việt Nam tại nước họ cư ngụ, đòi cập nhật tình hình... Riêng tại Tòa Đại Sứ ở Hoa Thịnh Đốn, ông Đại sứ Nguyễn Tường Phượng đã mời kiều bào đến giải thích đôi ba lần, nhưng những tin tức ông cho, không giúp bà con vùng HTĐ hiểu gì hơn là những gì họ thấy trên màn ảnh TV. Suốt ngày gia đình nào cũng xúm nhau trước TV như bị thôi miên... đờ đẫn, không còn muốn làm ăn gì!

Gần như gia đình nào, cá nhân nào ở hải ngoại cũng nhận được những bức thư tuyệt vọng từ gia đình, họ hàng, bạn bè... Dưới đây là trích đoạn bức thư của một gia đình từ Việt Nam gửi cho người con trai đang du học bên Mỹ đầu tháng 4, 1975. (“Người con trai” của gia đình này, không ai xa lạ, đó chính là anh Phan Anh Dũng, hiện là Chủ nhiệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm)

Sáng nay được thả con, cách đây 1 tuần, bà
có vết cho con rồi, này mở chỉ nhân với con
mở da, chuẩn bị chút chút rồi. Con cũng quá
lo lắng cho gia đình. Ở bên này cũng khá
biết làm sao hơn là cái mong trở phát
pho hồ cho mình đất con lại này được
yên ổn. Con tưởng chuẩn bị ra đi để đang
làm sao? Các tòa đại hi như Úc, Mỹ, Guatemala
họ cũng lập danh sách nhân viên của họ và
cha mẹ và con nhập cư đó đến sang. Con đâu
chúng thì tạm phần nhỏ. Hôm qua ông nghe
nơi tòa đại hi Guatemala phát đơn, ông ra xem.
Tình hình thì gặp cả Ông Phùng nữa, có cả
trạm ng. chỉ có vài ng. hỏi là được nhân
đơn; phải có sổ thông hành và được cấp
chiếu khán rồi họ mới nhân đơn. Ông P.
có pelle port cũ 5, 7 năm về trước cũng
vô giá trị. Khi Ban methuit mất ng. đơn
nuôi xuất ngoại phải có 8 T. 1 ng.:

...

cũng ở gặp đầu, khi hiện sống chết! Khi hiện
ở bên các cơ tở thấy đ. m. g. ch. nghe
bà con kể lại thì cuộc chạy nạn này qua
thì tham gặp hàng nghìn dân M. l. và
đ. l. K. h. chết chưa thân thấp gi.
thiên ha chết đ. đ. chết đ. chết chết
g. đ. chết v. bị cướp hiếp, chết vì
chết ng. trên tàu đ. g. như đi
t. bị sống nên họ đ. g. đ. g. đ. g.

Ngày 16-4 bỗng bà con Hoa Thịnh Đốn hết sức ngạc nhiên thấy anh Nguyễn Ngọc Bích, Cục trưởng Cục Thông Tin Quốc Ngoại xuất hiện! Người thì đồn Nguyễn Ngọc Bích đã nhanh chân chạy sang được đến đây, người thì đoán anh là sứ giả của ông Thiệu mang sang một tin mừng gì để trấn an kiều bào... Các người bạn của anh thì biết ngay là anh, với bản tính lạc quan cố hữu, lại đang làm một chuyện kỳ quái gì đây, chứ chắc chắn không đời nào anh lại “chuồn” sớm một cách vô trách nhiệm như thế! Ngay ngày hôm sau Trung Tâm Thông Tin Quốc Ngoại ở Hoa Thịnh Đốn, trực thuộc Cục Thông Tin Quốc Ngoại bên nhà, cho mời các sinh viên và kiều bào tới dự một buổi họp khẩn cấp để nghe anh Bích cập nhật tình hình đất nước. Tin của anh mang sang hiển nhiên đã quá lạc hậu so với những biến chuyển nhanh như chớp ở bên nhà. Nhờ anh Bích nói, chúng tôi được biết cùng đi với anh có cả ông Tổng trưởng kế hoạch Nguyễn Tiến Hưng, và cùng thời kỳ này, một phái đoàn khác gồm có ông Tổng trưởng ngoại giao Vương Văn Bắc đi với ông Lương Nhị Kỳ sang Saudi Arabia, và phái đoàn ông Hoàng Đức Nhã sang Singapore cầu viện.

Ngày 23 tháng Tư, ông Thiệu từ chức. Ngày 26 tháng Tư anh Bích lấy máy bay trở về Việt Nam. Bạn bè cho là anh điên, ông Thiệu xuống rồi thì anh về làm việc với ai? Anh trả lời: “Có đi thì phải có về. Tôi làm việc cho đất nước Việt Nam chứ đâu có làm việc cho một người.” Rút cuộc chỉ có một anh Bích trở về! Chị Nghiêm Thị Lan, vợ của nhà báo Ngô Vương Toại kể rằng: “Anh Bích về đến nhà chạy ngay vào văn phòng Dân Vận, ký giấy cho phép tất cả nhân viên được bỏ nhiệm sở.”

Để trở lại việc ông Thiệu từ chức. Đang trong hoàn cảnh hỗn loạn đến cùng cực, người trong nước, người ngoài nước đang vô cùng tuyệt vọng, không còn biết bầu víu vào đâu, thì... người ta chứng kiến vị nguyên thủ quốc gia Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố: *“Mất một Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu, quân đội có Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, đồng bào có một chiến sĩ Nguyễn Văn Thiệu. Tôi nguyện sẽ chiến đấu kề bên anh em chiến sĩ.”* Không lâu sau lại được nghe vị phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố: *“Những kẻ bỏ nước đi, đàn bà thì làm đĩ, đàn ông thì làm bồi...!”*

Thương quá tuổi trẻ Việt Nam ơi! Đến bao giờ các em mới có thể tin được vào những gì người lớn nói mà không cần phải đợi nhìn xem cái gì người lớn làm?!

Mọi kiều bào hải ngoại đều như điên cuồng! Họ làm tất cả những gì mà “nghe đồn” có thể làm để cứu gia đình. Ở Hoa Thịnh Đốn, ngày nào chúng tôi cũng kéo nhau lên Quốc Hội vận động! Mỗi ngày mục tiêu vận động một khác, vì cả Bộ Ngoại Giao lẫn Quốc Hội cùng đều chưa có thể đưa ra được một chính sách di tản cụ thể nào để đón tiếp người tị nạn Việt Nam! Những kiều bào có quốc tịch Mỹ thì kéo nhau đến Sở Di Trú (Immigration), sắp hàng dài cả mấy góc phố để xin đánh giầy thép (miễn phí) về Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn, với cái danh sách dài lê thê, kê tên những người thân muốn được người Mỹ bốc đi. Người ta làm đủ mọi cách như một cái

máy, mặc dù chẳng biết sẽ có kết quả gì hay không. Có người nhiều tiền, làm cả những việc liều lĩnh như nhờ mấy bạn phi công Mỹ, với dự định thuê hẳn cả chiếc máy bay để bay về Việt Nam cứu người nhà. Nhưng việc mất miền Nam nhanh quá, chiếc máy bay đó chả bao giờ có dịp cất cánh!

Khi đã có mấy trại được dựng lên để đón người tị nạn như các trại Guam, Pendleton, Indiantown Gap, Fort Chaffee, Eglin Air Force Base... thì nhiều kiều bào đã tình nguyện ra các trại tị nạn, vừa để giúp một tay với các Hội Từ Thiện, vừa để tìm kiếm người nhà. Các loạt điện thoại, giấy thép, thư từ... lại được tới tập gửi tới các trại. Các giấy bảo trợ để người nhà được nhập cư vào cùng thành phố mình ở lại được gửi đi nườm nượp. Các Hội từ thiện, các nhà thờ, các tư nhân Mỹ rộng tay đón nhận các gia đình đến định cư tại các vùng họ ở, kể cả ở các nơi hẻo lánh. Trong các gia đình kiều bào thì gần như nhà nào cũng có người nhà đến ở, phần lớn là ông bà, cha mẹ, anh chị em, chú, bác, cô, dì, anh, chị em họ... Nhiều người bảo trợ cả đến bạn bè và gia đình đồng đức của bạn... Đáng ghi nhận nhất là các chàng rể Mỹ và các chàng rể ở khắp năm Châu, đã tận tình, sốt sắng cưu mang đại gia đình nhà vợ.

Vào thời điểm đó, Quỹ "Vietnam Refugee Fund, Inc." (Quỹ Trợ Giúp Người Tị Nạn HTĐ) ra đời. Quỹ này gốc gác chính là "Nhóm Làm Việc Thiện - Hoa Thịnh Đốn" như đã nói đến ở trên, tới ngày đó mới được hợp thức hóa và làm việc có tổ chức ở một quy mô lớn. Quỹ đăng báo kêu gọi trên Washington Post, quỳn tiền từ các vị hảo tâm Việt cũng như Mỹ. Tiền đăng một quảng cáo nhỏ cỡ ½ tờ giấy viết thư tốn 2500 MK. do Tòa Đại Sứ VN cho chúng tôi trước khi giao lại cho chính phủ Mỹ. Quảng cáo này có tác dụng mạnh khiến chúng tôi nhận được khá nhiều yểm trợ từ cả những vùng xa xôi trên nước Mỹ. Cảm động nhất là khi nhận được những tấm ngân phiếu khiêm tốn \$5, \$10, có khi chỉ \$1 của những quân nhân Mỹ tham chiến ở Việt Nam trở về, với vài dòng chia buồn. Có người còn ghi: "Đây là tấm check cuối cùng của tôi!" Tuy nhiên, đời không bao giờ chỉ có một màu hồng! Bên cạnh đó chúng tôi cũng bị vài người người Mỹ gọi đến tận nhà (vì không có văn phòng, địa chỉ Quỹ là nhà tôi!) gây chuyện với giọng điệu phỉ báng, xua đuổi... Họ đều được chúng tôi nhẹ nhàng nhắc nhở: "Xin đừng quên rằng ông bà tổ tiên của quý vị cũng từng là những người di cư đến ở vùng đất hứa này..." Công bằng mà nói, số người này rất ít.

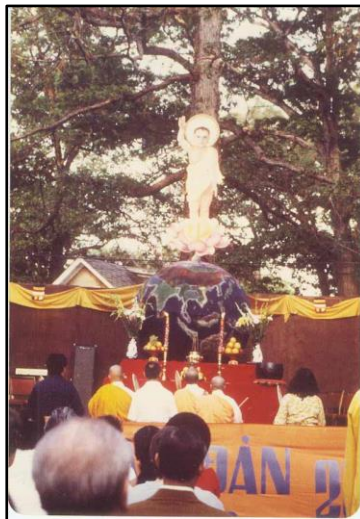
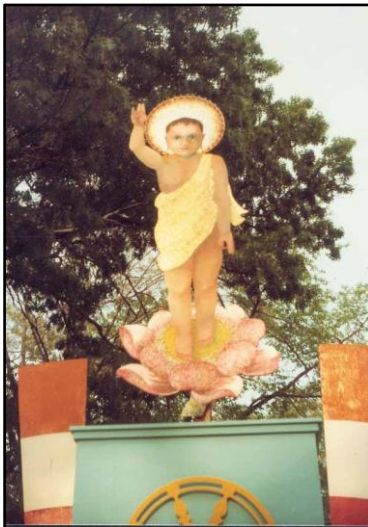
Tiền quỳn được chúng tôi mua hàng ngàn tấm chăn mền, chén đĩa, dĩa... vv... Song song với việc này Hội thu góp được rất nhiều quần áo, đồ dùng trong nhà... từ các nhà hảo tâm Mỹ, các kiều bào trong vùng để phân phát cho những người tị nạn đến định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Chỉ sau ba tháng đầu hoạt động cật lực, Vietnam Refugee Fund đã tặng quà cho hơn 5800 người. Trong công tác đi quỳn góp quần áo cũ, phải kể đến công lao của chị Túy Cầm Bullington và một bà bạn Mỹ của chị đã hoạt động rất tích cực. Họ cũng mượn được địa điểm trong

tặng hầm nhà thờ Westover Baptist Church ở đường Washington Blvd, Arlington, Virginia, làm Trung Tâm phân phát các tặng phẩm này. Thiết tưởng cũng nên nhắc đến thành phần sáng lập Quỹ VRF, Inc.: hai cụ Hoàng Văn Chí, cụ Trương Cam Khải, chị Nguyễn Anh Tuấn, chị Nguyễn T. Phương Dung, anh Nguyễn Ngọc Bích, chị Nguyễn T. Ngân, chị Hoàng Quỳnh Hoa, chị Dương Nguyệt Điện và Trương Anh Thụy. (Ghi chú mới [2025] của tác giả: Trong 10 người này, có 7 vị đã ra đi vĩnh viễn!)

Những ngày kế tiếp

Công việc làm của những kiều bào hải ngoại trước 75 nói chung, từ đó không bao giờ ngừng nghỉ. Bất cứ ở nước nào có người tị nạn đến định cư thì Việt kiều ở đó cũng làm công việc dẫn dắt họ (không nhất thiết chỉ là người nhà mình), đi xin trợ cấp, đi khám sức khỏe, tìm nhà, đưa người lớn đi tìm việc hay học nghề, đưa trẻ con đi xin học, can thiệp với cảnh sát những trường hợp bị hiểu lầm! Có trường hợp một người cha dùng mấy cái miệng lọ nhỏ “giác” ở lưng cho đứa con bị cảm, ông bị cảnh sát bắt để điều tra, vì hàng xóm báo với cảnh sát là ông bạo hành con ông... vv và vv...

Lễ Phật Đản đầu tiên của người Việt tị nạn tại khuôn viên Chùa Giác Hoàng, ngôi chùa đầu tiên của người tị nạn tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Hình Phật sơ sinh cao 8 feet vẽ trên gỗ do Phật tử Trương Anh Thụy khiêm họa để cúng dường Tam Bảo. Để tiếp tục công việc cứu trợ, bà con Việt kiều vùng HTĐ thường xuyên tổ chức những bữa cơm gây quỹ, tiếp tay bà con tị nạn dựng chùa, cất nhà thờ, lập Trung Tâm Cộng Đồng, lập Hội, ra báo...



Riêng về việc “**ra báo**”, tôi xin mạn phép nói rộng ra một chút để ghi nhận một khía cạnh đặc thù của văn hóa mình. Không biết từ đâu và từ bao giờ ta có câu “Mỗi người Việt Nam là một thi sĩ”, câu này quả không ngoa! Nhân cuộc di tản này Việt Nam có hàng chục ngàn nhà báo, nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ... ra đời, cộng thêm hàng trăm vị đã nổi danh từ ở Việt Nam. Họ dù cho có ở hoàn cảnh khác nhau, nhưng cùng mang một nỗi niềm chung là sự chấn thương hằn sâu trong tâm hồn, cần phải được gào lên, trải ra... thành câu thơ, câu hát, con chữ... trên mặt giấy. Nhu cầu có tờ báo ở các nơi có đông người Việt đến định cư do đó không thể thiếu.

Xuất hiện đầu tiên ở Hoa Thịnh Đốn là tờ Lửa Việt do anh Nguyễn Ngọc Bích chủ trương, ra tháng 12 năm 75. Sau đó, cũng rất sớm nữa, khoảng những năm trước 1980, nhiều tờ báo khác ra đời, rất tiếc tôi không còn nhớ thứ tự thời gian nhưng cũng cứ xin kê ra đây làm bằng chứng: Đất Mới (Seattle), Hồn Việt (Cali), Đời (Cali), Người Việt (Cali), Ngày Nay (TX), Tin Việt, Đồng Nai, Hoa Thịnh Đốn Việt Báo và Xác Định (Virginia), Thăng Mõ, Tiếng Mẹ, Độc Lập, Việt Nam Tự Do, Chân Như, Làng Văn (Canada), Việt Khmer (TX), Việt Nam Ngày Nay, Sóng, Tay Phải... vv... Đồng hành với các tờ báo nêu trên, “Bản Tin CBA” tại Hoa Thịnh Đốn do nhà giáo, nhà báo Chữ Bá Anh sáng lập và điều hành, tặng không những bản tin giá trị và nóng hổi cho đồng nghiệp cho đến ngày ông trút hơi thở cuối cùng, ngày 12 tháng 3 năm 1996!

Những gì tôi kể trên đây chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Sau này có ai biết thêm xin bổ túc dùm. Xin đa tạ!

Khi phong trào thuyền nhân ồ ạt tới các trại Hồng Kông và Đông Nam Á, gây chấn động thế giới thì ở khắp các nước tự do, nơi có thuyền nhân đến định cư đều có phong trào lập hội cứuu thuyền nhân. Kiêu bào hải ngoại lại sát cánh với người tị nạn đi vận động, biểu tình, viết kiến nghị... đòi quyền lợi cho thuyền nhân còn ở trong các trại để họ được thanh lọc công bằng, được thêm “quota” vào định cư tại các nước tự do... Ở Mỹ, phong trào này hoạt động mạnh hơn cả.

Năm 1980 tại San Diego, California, nhà văn Phan Lạc Tiếp, một trong những người tị nạn may mắn được đặt chân lên đất Mỹ sớm nữa. Là sĩ quan Hải quân, ông am hiểu sự kinh hoàng của biển cả, đồng thời nghe được tiếng kêu cứu thống thiết của nhà văn Nhật Tiến và cặp nhà báo Dương Phục-Vũ Thanh Thủy về thảm nạn xảy ra cho đồng bào ở đảo Kra, Thái Lan...vv... ông không thể sống yên mà chỉ lo cho gia đình mình an cư lạc nghiệp, ông nhanh chóng quy tụ một số bạn bè cùng chung lý tưởng, thành lập Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển (UBBNGNVB). Chủ tịch UB là giáo sư Nguyễn Hữu Xương, Tiến sĩ khoa học gia của University of California, San Diego (UCSD), một Việt kiều xa quê hương từ rất trẻ. Nhờ uy tín và sự quen biết những nơi có quyền lực quốc tế, GS. Xương đã liên lạc được với một

số các nguyên thủ quốc gia để kết hợp được với những tổ chức nhân đạo quốc tế như Hội Y Sĩ Thế Giới của Pháp (Medecins du Monde) với con tàu Jean Charcot ra Biển Đông cứu vớt thuyền nhân. Tàu Cap Anamur của Đức (1986), tàu Rose Schiaffino (1987), tàu Mary Kingstown của nhà tỷ phú Andrés Gille của xứ Monaco (1988) ...

Đến năm 1989 vấn đề tị nạn lâm vào bế tắc! Lương tâm nhân loại cũng trở nên mệt mỏi! Việc vớt người trên biển không còn thực hiện được nữa, việc vận động Quốc Hội và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ trở thành con đường duy nhất, UBBNGNVB quyết định thành lập một chi nhánh tại vùng Hoa Thịnh Đốn để đáp ứng nhu cầu này.

Được người bạn cố tri là nhà văn Nhật Tiến móc nối, và cùng với lòng trắc ẩn, tôi không thể thoái thác mà phải nhận lãnh trách nhiệm, mặc dù biết công việc sẽ vô cùng gian nan. Một nhóm Việt Kiều chúng tôi cùng với đồng bào và sinh viên tị nạn lại có dịp sát cánh nhau tìm đường cứu những đồng bào còn kẹt lại trong các trại. Chi nhánh được nhanh chóng thành lập lấy tên là "UB Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển-HTĐ" (Boat People S.O.S. Committee of Washington D.C.) Từ đó các cuộc vận động và biểu tình được diễn ra thường xuyên tại Hoa Thịnh Đốn.



Cộng đồng VN ở HTĐ hợp với UBBNGVB-HTĐ biểu tình ở Lafayette Square, trước Tòa Bạch Ốc. Hàng đầu (đứng giữa), bà Trương Anh Thụy. Ngồi bên trái, cụ bà Kim Y Phạm Lê Oanh, bên phải, cụ bà Đức Thụy.



Những nét mặt ưu tư trong ngày biểu tình đấu tranh cho đồng bào tị nạn tại các trại. Từ trái qua phải: Bà Trương Anh Thụy (UB BNGNVB-HTĐ), BS Trần Quốc Dũng, GS Đặng Đình Khiết, GS Nguyễn Ngọc Bích, ĐS Bùi Diễm, GS Nguyễn Tự Cường.

Lời kết

Nhìn cộng đồng Việt Nam lớn mạnh tại hải ngoại hiện nay, chúng ta hãy hình dung cộng đồng này 50 năm trước. Từ những bước đi mò mẫm với hai bàn tay trắng, với nỗi đau mắt mọt mờ nặng trong tim... đã được đa số kiều bào trước 75, tuy ít ỏi, nhưng đầy lòng thương yêu người ruột thịt, đồng bào, đã sẵn sàng mở rộng vòng tay đón nhận gia đình, họ hàng, bạn bè... Nhiều người đã ra đi vĩnh viễn! Những người còn lại nay đã già, yếu... nhưng đã có lúc hồi tưởng về một quá khứ, không

lấy gì làm xa xôi lắm, họ có lý do để mỉm cười hãnh diện nhìn thấy sự lớn mạnh của cộng đồng tị nạn Việt Nam trên trường quốc tế -- trong đó có sự đóng góp phần lớn của những em bé, hồi đó còn được ẵm ngửa, hay học mẫu giáo, tiểu học, trung học... nay đã thành tài về đủ mọi ngành nghề thuộc dân sự, quân sự... có người nổi tiếng khắp nước Mỹ, trên thế giới, có người có cơ nghiệp hàng trăm triệu, hàng tỷ... -- mà trước đây đã có lần họ mở lòng chia sẻ từ mỗi thương đau, đến miếng cơm, manh áo, mái nhà... đến niềm tin rằng sẽ có ngày những người được họ cứu mang đó có một tương lai sán lạn như ngày hôm nay.

(Với cập nhật của tác giả tháng 12 năm 2024)

Đang duyệt lại bài này thì được tin cựu tổng thống Mỹ Jimmy Carter qua đời. Ông hưởng thọ tròn 100 tuổi. Truyền thông Việt Nam trong cộng đồng hải ngoại có hàng loạt bài tri ân ông như một vị cứu tinh, vị ân nhân vĩ đại của thuyền nhân Việt Nam vào thời điểm cao trào thuyền nhân lên cao nhất, và cũng bi thương nhất: Chính TT Carter là người ký ban hành Đạo Luật Tị Nạn 1980 (Refugee Act of 1980).

<https://archivesfoundation.org/documents/refugee-act-1980/>

Đạo luật này không những cho thuyền nhân VN mà cho cả hàng triệu người tị nạn xuất xứ từ các quốc gia khác được đến định cư tại Hoa Kỳ. Ông mất đi nhưng đã để lại cho Hoa Kỳ một di sản vĩ đại mà đã được áp dụng suốt 45 năm qua. Chính ông đã đánh dấu một điểm son cho nước Mỹ về mặt nhân đạo!

Trước khi ký Đạo Luật Tị Nạn đó, TT Carter đã thuyết phục người dân Mỹ:
"Hãy để tôi nhắc cho các bạn biết rằng Hoa Kỳ là đất nước của những người nhập cư. Đất nước chúng ta là đất nước của những người tị nạn. Những người tị nạn hiện đang rời Đông Nam Á đã từng là đồng minh của chúng ta trong cuộc chiến tranh Việt Nam vừa qua. Họ đang rời khỏi một đất nước đã lấy đi các quyền căn bản của họ. Họ tin vào giá trị cá nhân, sáng kiến cá nhân, và tự do cá nhân. Họ hòa hợp với triết lý của chúng ta hơn là với cộng sản đã nắm quyền."

Nguồn: Washington Post, "President Makes Appeal for Asian Boat People."

Aug. 22. 1979

"Let me remind you that the United States is a country of immigrants. We are a country of refugees. The refugees who are now leaving Southeast Asia were our allies in the recent Vietnam war. They are leaving a country that had taken away their basic rights. They believe in individual worth, individual initiative and personal freedom. They're more philosophically attuned to us than the communist regime that has taken over."

Ngày thứ Năm mùng 9 tháng 1, 2025 vừa qua, tôi ngồi trước TV chăm chú theo dõi đám tang của cố Tổng Thống Jimmy Carter.

<https://www.youtube.com/watch?v=BWrOCFbBW3E>

Tôi nghe con trai Phó TT Walter Mondale (mất năm 2021), ông Ted Mondale, thay mặt thân phụ đọc bài diếu văn do Phó TT viết trước khi qua đời để lại trong di chúc. Đại ý ông ca ngợi TT Carter về sự lãnh đạo sáng suốt của ông và mối quan hệ đối tác thực sự giữa Tổng thống và Phó Tổng thống. Mô hình làm việc với Phó Tổng thống đã giúp các chính quyền sau này của cả hai đảng tiếp nối bằng cách này hay cách khác... <https://www.youtube.com/watch?v=Rq4ITSzuUPg>

Tôi giật mình khi nghe đến đoạn: “... Ông ấy đã cho phép tôi đảm nhiệm vai trò lãnh đạo về những vấn đề mà trước đây không bao giờ được phép. Tôi đã đóng vai trò trung tâm trong việc cố gắng mang lại sự tử tế cho những người Việt Nam và thuyền nhân Đông Nam Á đang chạy trốn khỏi đất nước của họ. Với lệnh của Tổng thống Carter, những người thuyền nhân đã được Hải quân vĩ đại của chúng tôi cứu khỏi những chiếc thuyền mong manh đang bị lật úp và đưa họ đến nơi an toàn. Hầu hết đã trở thành công dân Mỹ tốt, làm việc vì một quốc gia khỏe mạnh và thịnh vượng.” (Nhấn mạnh của tác giả)



Jimmy Carter & Walter Mondale

“.... He allowed me to take a leadership role on issues that never would have been allowed before. I worked in a central role in trying to bring decency to the Vietnamese and Southeast Asian boat people who were fleeing their countries. With President Carter's orders, the boat people were picked up by our great Navy from their flimsy boats which were capsizing and took them to safety. Most became good American citizens working for a healthy and prosperous nation...”

Xem đến đây, tôi nhắm mắt lại... suy nghĩ và cảm ơn lời khẳng định trên của Phó TT Mondale: Công bằng và nhân đạo biết chừng nào!



Trương Anh Thụy

Tháng
Xuân
Ất Tỵ

BAN ĐIỀU HÀNH CƠ SỞ VĂN HỌC
CỔ THOM

Kính Chúc

Quý Độc giả, Tác giả & Thân hữu
cùng Gia quyến một năm mới 2025

Ất Tỵ
đôi dào sức khỏe, bình an,
hạnh phúc

Phan Anh Dũng
Phan Khâm
Đỗ Tràng Mỹ Hạnh
Nguyễn Thị Ngọc Dung





Tranh: Vi Vi Võ Hùng Kiệt

